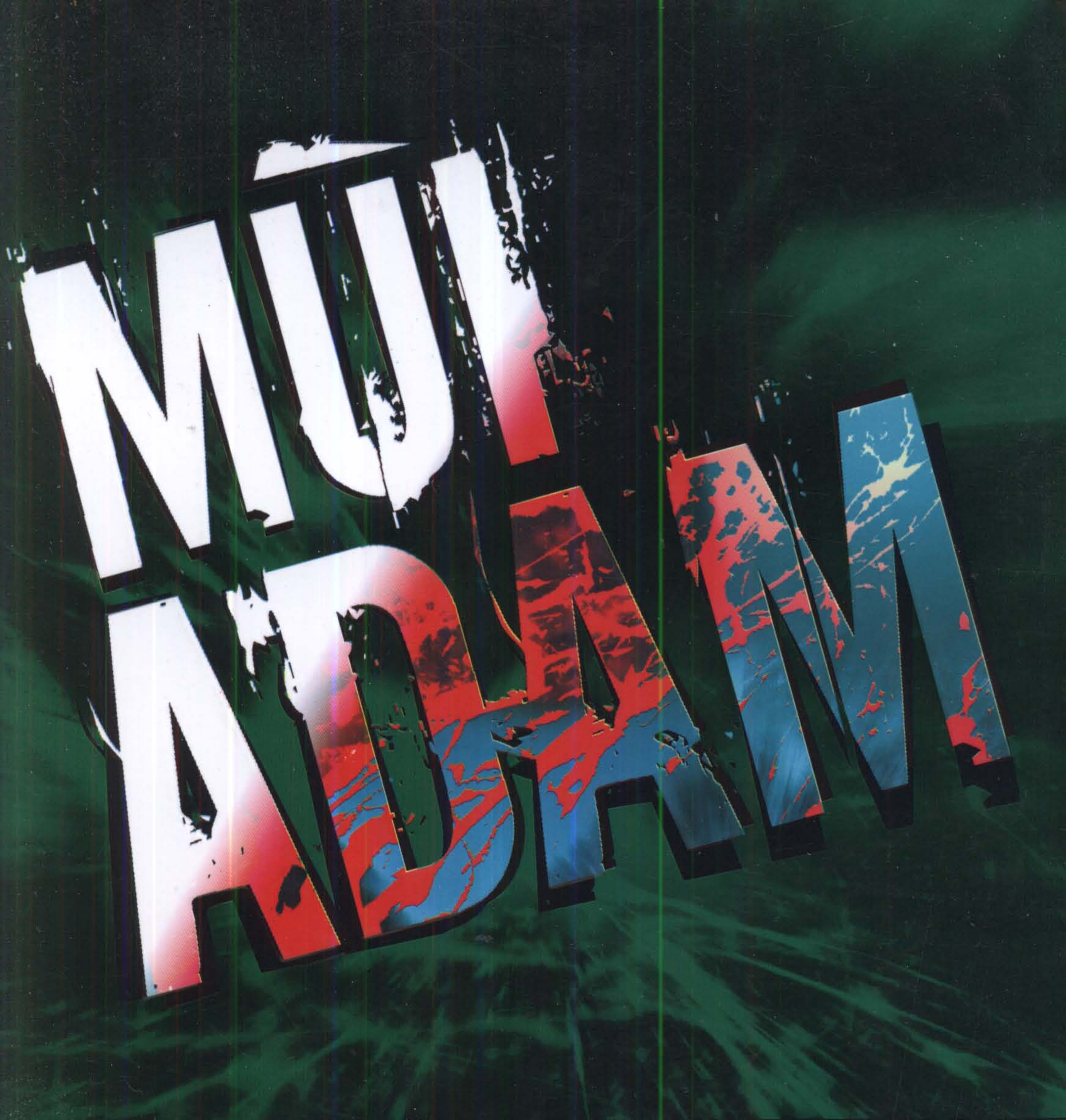




JEAN-CHRISTOPHE RUFIN



Nhà xuất bản Phụ nữ

MÙI ADAM



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

MUL ADAM

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TIỂU THUYẾT

Người dịch: HOÀNG ANH

JEAN-CHRISTOPHE RUFIN

Nhà xuất bản Phụ nữ

Download Ebook Tại: <https://downloadsachmienphi.com>

*Cuốn sách được hỗ trợ bởi Chương trình hợp tác xuất bản
của Trung tâm văn hóa Pháp*



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

*Cuốn sách được dịch và xuất bản theo hợp đồng chuyển nhượng bản
quyền giữa Flammarion SA và Nhà xuất bản Phụ nữ.*

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: LE PARFUM D'ADAM của Jean - Christophe Rufin

© Flammarion, 2007

© Bản quyền tiếng Việt, Nhà xuất bản Phụ nữ, 2011.



Người khiêm nhường tiến về phía bên ác thú.
Ngay khi nhìn thấy người, sự hung hãn của
thú bỗng dịu lại.

Vì thú nghĩ thấy ở người thứ mùi mà Adam
từng có trước khi sa ngã, khi thú đến bên Adam
và được Adam đặt cho những cái tên ở trên
Thiên đường.

ISAAC NGƯỜI SYRIA
- Luận về khổ hạnh -



I

Wroclaw, Ba Lan.

Tận cho đến khi thả mấy con khi, Juliette vẫn chưa cảm thấy gì. Hoặc gần như thế.

Phải nói rằng mọi việc đã khởi đầu khá suôn sẻ. Phòng thí nghiệm nằm ở đúng địa chỉ mà Jonathan đã cung cấp. Sau khi vòng qua phía bên trái của tòa nhà, Juliette ngay lập tức phát hiện ra cái cửa thoát hiểm mà chẳng cần đến ánh sáng. Ổ khóa không hề kháng cự lại cây nạy đinh. Trong bóng tối, cô đã lần ra được bảng điện và bật công tắc, ánh đèn huỳnh quang trắng lập tức tràn ngập khu nuôi thú.

Bất ngờ duy nhất là mùi. Juliette đã lường trước mọi điều ngoại trừ cái thứ mùi hỗn hợp kinh tởm từ lông thú bắn, chất thải và trái cây thối này. May mắn là ngay sau khi ánh sáng xuất hiện thì mùi xú uế có đỡ đi một chút, như thể nó đã cùng với bóng tối lẫn xuống bên dưới những cái chuồng kê sát mặt đất. Juliette chỉ nhún vai. Mặc dù vậy, cô cũng đã mất một vài giây để thở được bình thường và kiểm tra xem gang tay có rách không.

Sau đó, cô tiến lại chỗ mấy cái chuồng.

Jonathan đã chẳng hề nói gì với cô về cách bố trí của các chuồng nuôi thú. Những con thú thường xuyên bị đổi chỗ tùy theo nhu cầu thí nghiệm. Số lượng của chúng cũng thay đổi. Một vài con đã hy sinh thân xác cho khoa học sẽ được thay thế bởi những con khác. Người ta chia chúng thành nhiều nhóm, tùy theo những thử nghiệm

MÙI ADAM

mà chúng phải chịu. Gầm cửa thoát hiểm lúc này vẫn đang mở toang trong đêm tối, có hai cái chuông nhót mèo chồng lên nhau. Có vẻ bọn mèo vẫn ở trong tình trạng sức khỏe tốt. Ngay khi Juliette mở cửa chuông, chúng rầy rắt phát ra ngoài rồi biến khỏi căn phòng.

Juliette chẳng có thời gian để vui mừng cho những chú mèo. Một tiếng động trầm đục vang lên từ những đường ống bọc thạch cao trên trần nhà. Cô đứng bất động, nghe ngóng một lúc. Mọi thứ đã yên ắng trở lại. “*Chẳng có ma nào ở lại trong phòng thí nghiệm giữa đêm hôm khuya khoắt đâu*”. Lời nói của Jonathan vẫn còn văng vẳng trong đầu Juliette. Nhưng để cho mình hoàn toàn yên tâm, cô gắng hồi tưởng lại giọng điệu của Jonathan, cố cảm nhận hơi thở của anh ta phả vào tai mình. Dần dà sự tự tin đã quay trở lại, lấn át những tiếng động lạ kỳ kia.

Tiếp đến, Juliette bắt tay vào xử lý lũ gặm nhấm. Cô đã tưởng mình chỉ phải lo liệu cho mấy con chuột bạch, thứ làm cô ít kinh tởm hơn là lũ chuột cống xám. Nhưng cái giống ôn dịch lúc nhúc trong mấy cái lồng kim loại rõ dài kia chẳng ra trắng cũng chẳng ra xám. Đơn giản chúng là những con quái vật. Vài con trụi sạch lông, lớp da ứng lên từng mảng màu hồng gớm ghiếc. Những con khác thì bị nhuộm màu xanh, cam hay tím. Nhiều con chuột có cái nhìn vô hồn như thể đôi mắt to cò cò của chúng đã bị tẩy màu và quét lên một lớp sơn đục đục. Trong một thoáng Juliette tự hỏi mình liệu chỗ dành cho những sinh vật đó có phải là ở ngoài thiên nhiên hay không. Cô hình dung ra cảnh các bé gái mở tủ và chạm trán những sinh vật kinh dị này. Nói thật lòng, cô cũng không bắt ngờ trước sự điên đảo của mình. Trong quá trình chuẩn bị hành sự, nhiều lần cô đã nêu thắc mắc đó với Jonathan. Cô biết việc bảo vệ động vật hoàn toàn chẳng có liên quan gì đến tính hữu dụng của chúng đối với con người. “Mọi sinh vật sống đều có quyền lợi, cho dù chúng xinh xẻo hay xấu xí, đã thuần hóa hay còn hoang dã, ăn được hay là không”. Bài giảng đã được cô khắc cốt ghi tâm. Nuốt sự kinh tởm vào trong, Juliette thả cho lũ chuột mù chạy ra khỏi phòng, nới gót theo bầy

mèo. Thậm chí cô còn cố gắng để cảm thấy hài lòng như khi thả lũ mèo.

Nhưng giờ lại đến lượt mấy con khi. Chúng đẩy những cảm xúc của Juliette vào một thử thách thật sự. Có cả thầy năm con khi nhỏ, giống với con người một cách kỳ lạ ở những điều bộ bất chước và ở đôi mắt. Chúng bị nhốt theo cặp và quấn chặt lấy nhau như những đôi tình nhân, chẳng buồn chui ra khi được cô trao trả tự do. Juliette đã toan thò tay vào sâu trong lồng để lôi chúng ra nhưng rồi tự kìm mình lại. Nếu bọn khi cắn hoặc cào cào, chúng có thể làm cô bị rách găng tay và chảy máu, trong khi không được phép để lại bất kỳ dấu vết ADN nào. Juliette để mặc cho lũ khi tự quyết định và tiến đến chỗ con vật cuối cùng.

Đó là một con khi sóc gầy nhom có đôi tay dài xếp lại trước bụng. Thân mình nó trông có vẻ vẫn còn lạnh lặn, nhưng trên đầu nó cắm cả một lô các điện cực, nom tựa như vành lông chim mà các thủ lĩnh da đỏ vẫn đội. Ngay khi cửa chuồng được mở, con khi liền nhảy ra ngoài, rơi thịch xuống sàn gạch trắng. Nó bất động một lúc, mắt nhìn chăm chăm cánh cửa mở ra bên ngoài. Một làn gió nhẹ thổi sát mặt đất làm mớ điện cực rung rinh. Trước giờ Juliette vẫn chế ngự được nỗi ghê sợ các động vật gớm ghiếc, nhưng trước tình cảnh thâm hiểm của một sinh vật quá quen thuộc với mình như thế này thì cô cảm thấy không chắc mình sẽ vượt qua được. Cơn rung mình làm tứ chi của con vật động đậy. Những cái chớp mắt chậm chạp che đi từng hồi ánh nhìn chất chứa đầy sợ hãi và đau đớn. Không gì có thể ngăn được Juliette, những nguy cơ, các trở ngại, kể cả những tiếng động, nhưng giờ thì cô đứng sững, trơ mắt nhìn đoạn đường cuối cùng của tên tù binh bất lực vì những thiết bị tra tấn trên cơ thể kia. Cô biết đó là một sự động lòng ngổ ngán, và trên hết là một sự thương hại với chính bản thân cô. Nhưng cô chẳng thể làm gì được: con khi nhỏ bé kia đã trưng ra tất cả nỗi cô đơn và đau khổ mà cô đã từng chịu đựng trong suốt những năm qua, cũng giống như nó vậy. Chính sự khổ sở đó đã dẫn Juliette đến đây, trong bộ đồ nguy

MÙI ADAM

trang kín mít đến mất cá chân, cái mũ trùm đầu màu đen bí bách và đôi giày thể thao quá khổ này. Juliette không biết bao nhiêu giây phút đã trôi qua. Vậy mà thời gian lại chính là điểm mấu chốt cho sự thành công của chiến dịch.

Bỗng con khi nhỏ thu hết sức lực đứng dậy trên hai chân sau. Nó tiến hai bước về phía cửa rồi ngã lăn đùng ra như một món đồ chơi bị lật nhào. Hai đợt co giật làm cơ thể nó rúm rỏ. May mắn là nó nhắm mắt lại. Juliette cảm thấy như mình được giải thoát khỏi cái nhìn trách móc câm lặng của con khi. Cô lắc đầu, ý thức được về thời gian và mức độ cấp bách của tình hình. Cô đã đứng trơ ra bao lâu rồi? Bây giờ là ba giờ mười phút. Mặc dù đã xử lý xong đám sinh vật thí nghiệm, cô vẫn còn nhiều việc phải làm. “Phần hai của chiến dịch cũng quan trọng không kém phần đầu. Em hãy nhớ điều đó”. Và tất cả phải được hoàn thành trước bốn giờ.

Juliette hạ ba lô trên lưng xuống, lấy ra hai bình sơn xịt. Trên bức tường lớn, giữa hai cụm chuồng thú chính, ở khoảng cách một thước rưỡi so với mặt đất, cô bắt đầu viết những chữ cái ngay ngắn màu đen: “Hãy tôn trọng quyền lợi của động vật”.

Cô quay lại chỗ ba lô để đổi các bình sơn. Lần này, với màu sơn đỏ và nét chữ thường, Juliette với tay viết lên tường ở vị trí cao hơn hàng chữ vừa rồi: “Mặt trận giải phóng động vật”. Cô viết những chữ đó trên cả bốn bức tường với những câu khẩu hiệu khác, cố tình viết sai chính tả trong những hàng chữ trên cao nhất để đánh lạc hướng điều tra. “Nếu cần phải khiến cho người ta tin rằng chúng ta có hai người, thì sao anh không tham gia cùng với em?”. Juliette lập tức cảm thấy hối hận khi đặt câu hỏi đó với Jonathan. Đó là thắc mắc duy nhất của Juliette khi được nghe các chỉ dẫn. Anh ta chỉ đáp gọn lỏn rằng theo mệnh lệnh cần phải hạn chế số người tham dự tối đa. Càng tốt! Nếu anh ta có mặt ở đây lúc này thì Juliette chỉ thêm khó chịu. Đây là nhiệm vụ của *riêng cô*. Và cô muốn hoàn thành nó một mình.

Juliette cất mấy cái bình sơn vào trong ba lô. Mọi việc diễn ra cực kỳ nhanh chóng. Tính từ lúc bắt đầu đột nhập mới chỉ có đúng mười

ba phút trôi qua. Nhưng do quá căng thẳng và nguy hiểm, cô có cảm giác thời gian kéo dài như vô tận và trở nên nặng nề biết bao. Từ hồi còn bé, Juliette đã quen cảm nhận những năm tháng dài tẻ ngắt trôi qua trong chớp mắt. Cô cũng biết ở vài thời điểm nhất định trong đời mình thì điều ngược lại có thể xảy ra: có những giây phút dài bằng hàng mấy năm trời. Juliette yêu thích cái cảm giác được sống trọn vẹn, những khoảnh khắc được hoạt động hết tốc lực, mặc dù cũng đã biết cần phải dè chừng chúng. Cô có cảm nhận rằng, cảm giác đó đang chiếm lĩnh cô vào lúc này.

Đã đến lúc thực hiện giai đoạn cuối. Juliette rút một cặp kính nhựa trong to sụ ra đeo, giống như loại kính mà mấy tay thợ mộc vẫn mang để bảo vệ mắt khỏi những mảnh dăm bào. Tay phải cô siết chặt lấy cán chiếc búa vuông vừa rút ra từ trong túi, thích thú với sức nặng của món đồ bằng thép. Từ lúc này, tất cả phải được diễn ra trong vòng ba phút.

Ở cuối khu nuôi thú có một cánh cửa kính dẫn sang căn buồng tối om bên cạnh. Đó chính là phòng thí nghiệm. Những chỉ dẫn của Jonathan đã tỏ ra chính xác. "Lúc này em sẽ không có thời gian để suy tính. Cứ đập rồi chạy thôi". Trước tiên là cánh cửa. Juliette quai một nhát búa vào lớp kính mờ. Nó tan tành ngay lập tức, những mảnh thủy tinh rơi xuống sàn như mưa. Juliette kiểm tra lại độ lạnh lặn của đôi găng tay. Cô thận trọng bước qua chỗ kính vụn rồi bật điện. Những dây đèn tuýp dài lần lượt bật sáng với một loạt âm thanh nghe như tiếng "phụt" của dây cung. Giống như trong mọi phòng thí nghiệm, cách bài trí ở đây là sự pha trộn giữa những trang thiết bị phức tạp và các món đồ cá nhân: những bức ảnh chụp bọn trẻ con dán lên tường, các chồng hồ sơ, mấy bức tranh biếm họa ghim trên các bàn thí nghiệm. Một bộ cột sắc ký¹ sắp hàng như đàn ống nằm bên cạnh cửa. "Bắt đầu từ bên phải và đi một vòng". Juliette vung búa đập vào mớ cột sắc ký. Những mảnh thủy tinh nhỏ

¹ Các cột thủy tinh hình trụ, là dụng cụ dùng để tổng hợp các phản ứng hóa học.

MÙI ADAM

và những giọt trắng trắng giống như thạch văng đầy lên kính và mũ trùm đầu của cô. Găng tay của Juliette dính đầy thứ chất lỏng nhớt nháp. Cô không bị vấy bẩn nhờ được bảo vệ bởi trang phục trên người. Nhưng trên hết, Juliette cảm thấy một sự phấn khích vẫn hay đi kèm với mạo hiểm, khiến cho đôi tai cô bớt nhạy cảm hơn với tiếng ồn: tiếng thủy tinh vỡ, tiếng cộc kim loại đập xuống sàn loảng xoảng. Cái tủ hút vỡ toang trên mặt bàn thí nghiệm lát gạch sành. Juliette làm việc rất khoa học, cô đập vỡ mọi thứ rất thuần thục và dứt khoát. “Đừng có bỏ sót cái máy phân tích gen. Trông nó chẳng ra gì, chỉ như một cái cân vớ vẩn, nhưng lại là món đắt nhất đây”. Juliette giáng một búa xuống bề mặt bóng loáng của cái máy. Trong những động tác của cô không hề có chút rò rỉ hay hung hãn nào. Chúng gần như là một sự phá hủy quen tay. Đáng ngạc nhiên nhất là sự giải khuây mà hành vi bạo lực lạnh lùng đó mang lại. Juliette cảm thấy vừa thanh thản lại vừa kích động. Những ý nghĩ và ký ức cứ nhào trộn trong đầu cô. Cô thấy mình như đang cố giữ thăng bằng trên một mòm đá nằm giữa hai miệng vực hun hút, cô không biết mình sẽ rơi xuống bên nào. Lần cuối cùng Juliette lâm vào trạng thái tương tự là trong một cuộc biểu tình dẫn đến bạo động năm năm về trước. Lúc đó cô đã ngã và bị người ta giẫm đạp lên. Bên tai cô vang những tiếng thét, mình mẩy đầy những cú đập. Thế nhưng cô chỉ rũ ra cười trong lúc nước mắt vòng quanh.

♦ ♦ ♦

Xung quanh Juliette là những tàn tích của phòng thí nghiệm. Mặt đất vương vãi mảnh thủy tinh và kim loại, ngập ngụa trong những thứ chất lỏng đủ màu sắc. Sự im lặng đầy đe dọa đã biến mất, nhường chỗ cho bản hòa âm vui tai của những tiếng đổ vỡ. Juliette thấy vui sướng tột cùng khi được in dấu ấn của mình lên mọi thứ. Cô gái mà người ta coi thường vì tính dịu dàng, khiêm nhường và rụt rè bỗng dưng thấy mặt khuất của mình lộ ra trong vầng hào

quang phù du của sự lột xác, giống như khi con nhộng bắt chọt mọc ra đôi cánh mềm mại.

Đồng hồ đếm ngược đã được bật. Mặc dù phòng thí nghiệm nằm ở vị trí biệt lập nhưng tiếng ồn ào chẳng mấy chốc sẽ đánh thức những ngôi nhà gần đây. Juliette phải tự kìm mình để không tăng tốc. Cô tiếp tục hành động theo kế hoạch. Jonathan đã yêu cầu cô làm như thế. Nhưng trên hết, Juliette không muốn rũ bỏ khoái cảm của mình.

Cuối cùng, sau khi đi tròn một vòng quanh gian phòng, vừa đi vừa đập phá mọi thứ, Juliette quay lại cái cửa mà cô đã bước vào. Thứ duy nhất còn nguyên vẹn là một cái tủ lạnh lớn. Hai bóng đèn điốt nhấp nháy ở góc trên bên phải của mặt cửa trắng men. Bên trong tủ, những cái bình hình nón nằm ngay hàng thẳng lối được dán nhãn xanh hoặc vàng. Chỉ có duy nhất một cái lọ nhỏ được mang màu đỏ. Juliette cầm lấy nó rồi nhét vào trong chiếc túi đựng điện thoại dày cộp. "Đập hết những cái còn lại". Cô vung búa lần cuối, thật mạnh và chính xác, vào những ngăn tủ lạnh bằng kính. Chai lọ vỡ tan tành, làm đổ tung tóe những thứ chứa bên trong ra đất.

Đến đây thì Juliette hiểu rằng nhiệm vụ đã hoàn tất. Cô chiêm ngưỡng thành quả đập phá của mình khắp một lượt. Sự ớn lạnh bên trong cơ thể chọt làm cô rùng mình, bất giác cô đưa tay lên bẻ cổ áo. Mong muốn bỏ chạy khó cưỡng nổi dâng lên trong lòng Juliette. Nhưng vẫn còn một việc phải thực hiện. Cô nhớ tới chiếc giày và rút nó ra khỏi ba lô. Đó là một chiếc giày đàn ông cỡ lớn, có những hoa văn ngoằn ngoèo ở dưới đế. Juliette chọn một cái vệt màu hồng hồng ở trên sàn và in dấu giày lên bề mặt nhộp nháp đã gần khô đó. Rồi cô nhét chiếc giày trở lại ba lô và đeo lên vai. Lúc này một sự im lặng rùng rợn đang đè nặng lên gian phòng tan hoang. Juliette rời khỏi phòng thí nghiệm, băng qua khu nuôi thú, và thót tim. Con khi con lúc này đang mở mắt trừng trừng. Juliette bước qua nó mà không nhìn lại. Sau lũ chuột bạch, mèo, đến lượt Juliette bước ra màn đêm mát lạnh, thanh thoi như chưa từng được sung sướng suốt một thời gian dài. Và cô cười vang.

MÙI ADAM

II

Atlanta, Georgia.

Người bệnh ngồi chúi người về phía trước. Đôi bàn tay đi găng vỏ nhẹ phần lưng dưới, lần tìm một khe lõm giữa hai chỗ nhô ra của cột sống. Chiếc kim mảnh dài khoảng mười xentimét chậm chậm đâm vào đó. Không hề có tiếng kêu thét hay cú oằn người. Chất dịch tủy sống trong vắt như nước nguồn bắt đầu nhỏ từng giọt vào cái ống nghiệm mà người y tá đang gơ ra hứng. Sau khi quá trình lấy mẫu được hoàn tất, bác sĩ Paul Matisse từ từ rút mũi kim ra, bỏ vào một cái khay giấy hình hạt đậu rồi đứng dậy.

Anh cời găng tay làm nó kêu lạch phạch và thả nốt chúng vào khay giấy. Đặt một bàn tay lên vai bệnh nhân, Paul thân thiện ấn lên những khối cơ của anh ta. Trong lúc khám, anh cẩn thận bao nhiêu thì bây giờ anh lại tỏ ra lạnh lợi và bố bả bấy nhiêu.

- Coi nào Nat, mọi chuyện sẽ đâu lại vào đấy thôi. Giữ tư thế nằm sấp và nghỉ ngơi cả ngày nhé. Nhất là phải uống nhiều nước.

Bệnh nhân là một anh chàng người Puerto Rico, khoảng hai mươi tuổi với làn da nâu và mái tóc đen bù xù. Anh ta cười, nhưng khi cúi người trên đôi chân trơ ì thì đôi mắt anh bỗng tối sầm lại. Cái viễn cảnh liệt chân suốt cuộc đời lại đè nặng anh ta. Một lát nữa, người ta sẽ đưa anh về lại phòng bệnh, và anh sẽ không thể trốn tránh được sự thật đó nữa. Ba người bạn cùng phòng cũng ở cùng hoàn cảnh như anh: nạn nhân của các vụ tai nạn xe hơi hoặc xe mô tô, của những cú ngã khi đang chơi thể thao, của những chấn thương đủ kiểu.

Paul Matisse nhìn đồng hồ: mười một giờ mười lăm. Thời gian

đang hồi thức. Anh lật nhanh qua sổ hẹn bệnh nhân: còn phải khám cho hai người nữa.

- Chị vui lòng bảo ai đó lên đây, - Paul nói với y tá, - Tôi cần phải đi ngay bây giờ. Gọi Milton hoặc là Elmer ấy. Tôi chắc hôm nay họ có đến.

Họ gồm có năm người ở phòng khám này. Năm bác sĩ cộng tác với nhau sau khi ra trường để cùng dẫn thân vào một thử thách điên rồ: xây dựng một trung tâm cực kỳ hiện đại chuyên các bệnh về thần kinh và chữa chạy miễn phí cho những thanh niên "tàn đời", không có bảo hiểm xã hội và rỗng túi. Chỉ chưa đầy ba năm, họ đã nhanh chóng gặt hái thành công. Các bệnh nhân kéo đến từ khắp nước Mỹ. Thế là họ buộc phải liên tục xoay sở tìm nguồn tài chính để duy trì hoạt động của trung tâm này. Về mặt y học thì công việc tỏ ra rất khắt khá, nhưng xét trên phương diện tài chính thì cực kỳ gian nan. Tháng nào họ cũng mấp mé ngưỡng khai báo phá sản. Nhờ những kiến thức được học trước đó, Paul nhận lãnh chiếc ghế giám đốc. Anh phải chạy chọt giấy tờ, xoa dịu các chủ nợ và lấy lòng những vị mạnh thường quân, những việc làm anh chẳng mấy hài lòng. Càng ngày anh càng có ít thời gian dành cho y học.

Anh mở cửa phòng thư ký, khuôn mặt lộ rõ vẻ khó chịu.

- Cuộc hẹn ở cái chỗ quái quỷ nào thế? - Anh hỏi Laura, cô thư ký riêng trong lúc cời áo blouse.

- Quầy rượu, khách sạn Madison.

Paul nhún vai, cài cúc chiếc áo gió.

- Cái tay ấy chẳng thể vác xác đến đây được sao? - Anh càu nhàu trong lúc buộc dây đôi giày chuyên dụng cho loại xe đạp có bàn đạp tự động gài chân.

- Cổ mà sẵn đón lão ấy nhé. Có vẻ lão là một tay *kéch sù*.

- Là lão ấy tỏ ra thế thôi. Nhưng vì lão chẳng chịu tiết lộ danh tính...

Paul đứng thẳng dậy, nhìn chằm chằm vào góc phòng làm việc. Anh biết quá rõ cái ổ nhựa màu đỏ kia: đó là nơi mà Laura gửi gắm

MÙI ADAM

các hóa đơn và nỗi lòng của cô. Nó đang đầy đến tận miệng. Không thể chối cãi sự thật ấy.

- Hai giờ tôi sẽ quay về, nếu mọi chuyện ổn thỏa. - Paul quăng lại một câu rồi rời căn phòng làm việc bé tẹo.

Phòng khám chiếm trọn tầng bốn của một tòa nhà cũ kỹ xây bằng gạch. Tầng dưới là tòa soạn của một tờ rao vặt miễn phí ngấp nghé bờ vực phá sản. Khoảng hai tuần lễ nữa, có khả năng mặt bằng sẽ được giải phóng. Một cơ hội ngàn vàng để mở rộng phòng mạch. Nhưng tiếc rằng khả năng tài chính không cho phép họ hy vọng biến kế hoạch thành hiện thực. Cứ mỗi lần nghĩ đến là Paul lại nẫu ruột. Trong nhà để xe, anh tức tối cưỡi lên chiếc xe đạp địa hình của mình.

Paul biết rõ những nguy cơ của việc chạy xe đạp trong một thành phố như Atlanta. Nhưng chớ mong rằng anh sẽ từ bỏ ham muốn này. Nguồn thể lực sung mãn của Paul nhất định phải tìm một cách để thoát ra. Trong lúc khám bệnh, sự điềm tĩnh của anh làm cho các bệnh nhân yên tâm, nhưng ở bên ngoài chắc họ sẽ bật ngửa khi trông thấy anh gò người trên ghi đông và nhấn bàn đạp như một thằng điên, lưng áo đầm mồ hôi. Paul có thể tiếp cận bất kỳ tình huống nào với một thái độ không đổi, nhưng chỉ sau khi đã thả sức vận động hai giờ mỗi ngày.

Thật ra thì cơ thể anh cũng chẳng có gì khác người. Đôi vai của anh không quá rộng, vóc người cỡ trung bình. Nếu không để ý thì anh dễ có khuynh hướng lên cân. Khi quan sát kỹ, gương mặt của Paul sẽ làm người ta chú ý vì sự tương phản kỳ lạ giữa những đường nét châu Âu và chút ảnh hưởng châu Phi kín đáo. Anh có một làn da rám nắng, mái tóc đen hơi xoăn cắt ngắn vẽ thành hai cái hõm ở hai bên trán. Mặc dù đã cổ cạo thật sát, bộ râu quai nón vẫn xanh rì, mọc chồm ra gần giữa má. Nó làm cho anh trông nhang nhác như tài tử Jean Paul Belmondo trong phim *Nàng tiên cá Mississippi*. Anh cũng có cái mũi gầy giống như ông và gương mặt chưa rủ bỏ hoàn toàn nét trẻ con, mặc dù không hẳn đẹp nhưng vẫn

toát lên sức mạnh và sự quyền rũ đáng nể. Anh biết cách nép mình, thậm chí biến mình thành vô hình trong mắt người khác. Nếu mà họ chú ý tới anh thì chắc chắn là bởi anh đã sử dụng tới vũ khí lợi hại của mình.

Paul đội mũ bảo hiểm, gò lưng trên chiếc xe đạp địa hình, len lỏi giữa dòng xe hơi đông đúc, thỉnh thoảng lại lao lên vỉa hè hoặc chạy ngược chiều. Anh rất thích các đô thị của nước Mỹ mà anh đã từng ở. Paul luôn luôn cảm thấy như chúng là một khu rừng người, yêu thích tính chất địa lý phức tạp của chúng, những rừng nhà cửa san sát, các bình nguyên quảng trường, những thung lũng do dòng thác xe cộ xoi vào giữa hai bờ cao ốc. Cùng với chiếc xe đạp của mình, Paul vạch các lối mòn bí mật của riêng anh trên những tráng rừng ấy.

Madison là một tòa nhà cũ kỹ đã từng là một khách sạn hạng sang, một sông bạc rồi một chung cư bất hợp pháp. Nó đang trong quá trình cải tạo dài hơi để trở lại làm khách sạn. Paul hiếm khi vào khu vực này ở trung tâm thành phố. Đây là một địa điểm gặp gỡ hơi bị lạ lùng đối với một nhà hảo tâm giàu có. Ở những khu đô thị hiện đại, sự sang trọng đích thực thường nằm ở ngoài phạm vi nội thành. Dừng lại trước cửa khách sạn, Paul nhận thấy quanh đây chẳng có cái gì để có thể xích xe đạp vào. Anh xuống xe và giao nó cho một anh bảo vệ khách sạn đang đi tới đi lui trên vỉa hè.

- Anh nhận cả cái này chứ? - Paul hỏi anh ta.

Anh chàng có vẻ bức bối vì phải khoác lên người bộ đồng phục màu xám và một cái mũ tròn tức cười trên có in chữ *Madison*. Anh ta khinh khỉnh đưa mắt nhìn Paul đầy nghi ngờ, đánh giá chiếc áo gió xanh màu vỏ táo phối với màu be hơi lấm bùn cùng với đôi giày thể thao mua trong đợt đại hạ giá mùa đông ba năm về trước. Paul nở nụ cười tỏ ý cho anh ta hiểu rằng mình không phải là một tay đua quền, mà có một cuộc hẹn trong khách sạn hân hoan. Cuối cùng anh chàng nhượng bộ và nhả mặt đỡ lấy chiếc xe đạp để cất nó vào một nơi an toàn.

Hành lang khách sạn được trải một lớp thảm dày còn mới, nhưng

MÙI ADAM

những họa tiết trang trí trên đó đã lỗi mốt. Paul tự hỏi làm thế nào để có thể nhận ra ông khách của mình. May mắn thay, vào giờ này thì quầy rượu chẳng có ai ngoại trừ một vị khách ngồi tít phía cuối phòng, quay lưng lại. Chỉ có thể thấy ông ta bị hói.

Paul tiến lại gần, đi vòng ra trước mặt ông ta. Khi anh nhận ra con người đó là ai thì đã quá trễ. Anh hơi lùi lại, đánh mắt về phía cửa. Nhưng người đàn ông đã đứng dậy, chìa tay ra.

- Anh chàng Paul quý hóa của tôi... Xin lỗi, đáng lẽ tôi phải nói là bác sĩ Paul quý hóa, vì bây giờ thì...

Khuôn mặt đột ngột đanh lại, Paul không bắt lấy bàn tay đang chìa ra. Anh đứng yên, mắt không rời ông ta.

- Là ông. - Paul nắm bắt.

- Đúng rồi, là tôi chứ ai!



Ông ta nghiêng đầu, bắt chước điệu bộ cúi chào kiểu xưa.

- Archibald, - Ông mỉm cười nói tiếp, - Lão già Archie, bằng xương bằng thịt. Chỉ có già đi mười tuổi. Đã mười năm rồi, nhỉ?

- Ông muốn gì ở tôi? - Paul hỏi.

Vẻ ngạc nhiên trong giọng điệu của ông ta làm anh phát cáu.

- Thì gặp cậu, có thể thôi, anh bạn của tôi ạ.

Cho đến thời điểm ấy Paul vẫn còn có cơ hội rút lui. Nhưng giờ thì người phục vụ đã lặng lẽ xuất hiện, chặn mất đường thoát thân của anh. Paul ngạc nhiên thấy mình ngồi xuống dù không muốn.

- Cậu dùng gì?

- Một Coca nhẹ.

- Co-ca-dành-cho-người-ăn-kiêng! - Ông khách lặp lại, hài hước nhả từng chữ, - Luôn luôn ăn uống điều độ, theo như tôi thấy! Cậu vẫn giữ được các cơ bắp săn chắc, thật đáng ngưỡng mộ... Rõ ràng cậu không phải mẫu người sẵn sàng tăng mười lăm cân khi chạm ngưỡng bốn mươi tuổi. Mà năm sau là cậu đã thôi *bấm* rồi còn gì, hay là tôi nhầm?

- Ông muốn gì? - Paul lặp lại.

Sự tức giận của anh vẫn không hề suy chuyển, nhưng nó dần nhường chỗ cho cảm giác sốt ruột muốn kết thúc chuyện này cho nhanh. Ông khách đưa tay vuốt tóc, bàn tay xương xương, lấp lánh chiếc nhẫn mặt đá mà người ta có thể nhìn thấy lờ mờ trên đó một biểu tượng nào đấy. Ông ta mặc một bộ vét đen kẻ sọc bằng chất liệu dạ mỏng, cắt theo kiểu ăng-lê xịn. Chiếc cà vạt màu sắc lòe loẹt mà người ta tưởng được lựa chọn ngẫu nhiên, nhưng Paul biết chúng được thiết kế dành cho *dân có đẳng cấp*, chính xác đến từng màu một. Archie luôn khoe vẻ ta đây toàn chơi với những người cùng đẳng cấp.

- Trước hết, tôi rất vui được gặp cậu, Paul ạ. Tiếp đến, vì tôi thừa biết cậu không có nhiều thời gian để tiếp chuyện tôi...

- Đúng vậy.

- Nên thế này nhé, tôi cố tình muốn gặp cậu là để đề nghị một chuyện.

- Chuyện tài trợ cho bệnh viện tư của chúng tôi, - Paul thẳng thừng cắt ngang, - Xin nói trước là tôi không có ý định nói chuyện khác đâu nhé.

- Đúng là tài trợ, thật mà. - Archie tán đồng trong lúc người phục vụ đặt món đồ uống của Paul xuống bàn.

- Ông nói đi. Tôi nghe đây.

- Trước hết xin cho tôi bày tỏ lòng ngưỡng mộ trước việc làm của cậu, Paul ạ. Thật tình mà nói, khi cậu bỏ chúng tôi đi, tôi không nghĩ cậu có thể theo đuổi việc học hành căng thẳng đó tới cùng. Bắt đầu học y khoa vào năm ba mươi tuổi...

Paul nghi ngại chờ đợi phần tiếp theo của cuộc trò chuyện. Dùng hai ngón tay, anh khều lát chanh trôi lập lờ trong cốc Coca và cho vào miệng nhai ngon lành trước khi uống.

- Vẫn cái thói ấy. - Archie cười khẩy.

Nhìn thấy Paul nhướng mày, ông nói thêm:

- Với miếng chanh ấy mà.

MÙI ADAM

Paul không thể kìm được nụ cười. Như anh đã lo sợ, anh đang dần dần bị kéo vào cái trò của ông già này. Chỉ vài phút trước, anh còn có ý định bỏ đi, thế mà bây giờ cuộc nói chuyện của hai người vẫn cứ tiếp diễn.

- Thêm vào đó, lựa chọn chữa chạy cho các ca bệnh ngặt nghèo, cũng lại là ý của cậu. Đám thanh niên thí mạng vào chiếc mô tô. Tội nghiệp tội nhỏ! Sợ thật ấy chứ!

- Nghe này, Archie. Tôi tin là mình đã nghe đủ về quan điểm nhân đạo của ông. Bây giờ thì nói phất ra cho rồi. Ông muốn gì ở tôi?

- Cậu nói rất có lý. Ta thành thật với nhau nhé. Quả tình, tôi rất xúc động khi biết được việc cậu đang làm. Và tất nhiên là tôi lập tức tự nhủ mình cần phải làm gì đó để giúp cậu.

- Tất nhiên.

- Có lẽ cậu cũng biết là tôi giữ ghế cổ vấn trong... xem nào, cũng khoảng nửa tá hội đồng quản trị. Vì thế tôi hoàn toàn có thể rót dòng vốn đang chảy vào những việc khác sang chỗ cậu. Chắc chắn cậu sẽ không dùng tiền sai mục đích. Cậu thấy thế nào?

- Ví dụ?

- Ờ thì, xem nào, Holson và Ridge.

- Nhà sản xuất khung dầm thép hả?

- Chính xác. Họ có một quỹ hỗ trợ đặc biệt dành cho các tai nạn lao động. Có nhiều công nhân bị tai nạn nghề nghiệp ở chỗ họ, cậu cũng hiểu rồi đấy.

Archie làm ra vẻ thương xót khi nói về sự bất hạnh của những người xa lạ. Nhưng, cũng như tất cả những tay đại gia máu mặt luôn chăm chăm bòn rút đến đồng xu cuối cùng từ cuộc đời, ông ta chỉ dành cho những kẻ thất bại một sự khinh bỉ mà thôi. Và Paul thừa biết điều đó.

- Cái công ty ấy phát ghê lắm. Cùng với nhu cầu về thép của Trung Quốc, lợi nhuận năm nay của bọn họ lớn khủng khiếp. Chỉ tính riêng quý vừa rồi, họ đã dự định dành một triệu đô cho từ

thiện. Sẽ giải ngân vào cuối tháng này, sau khi đã kết toán. Cho đến thời điểm hiện tại, họ vẫn đang tài trợ cho một phòng nghiên cứu về thần kinh ở New Hampshire. Có cái gì đó mách bảo tôi rằng với cậu thì đồng tiền của họ sẽ được sử dụng có hiệu quả hơn. Tôi nói thế có sai không nhỉ?

Paul thoáng nghĩ đến tầng nhà mà bọn anh đang thêm nhỏ dãi để mở rộng phòng khám. Trong chớp mắt anh hình dung ra những cơ hội sẽ đến cùng với nó. Số giường bệnh tăng thêm, những phòng vật lý trị liệu, một phòng dành cho người nhà bệnh nhân ngủ lại. Rồi anh định thần, giận dữ nhìn Archie. Anh thấy căm ghét chính bản thân mình vì đã để cho ông ta dắt mũi dễ dàng như thế.

- Tất nhiên, đó chỉ là sự khởi đầu. Tôi đang nói với cậu về một sự hợp tác mà chúng ta có thể nhanh chóng đạt được. Tôi còn nhiều ý tưởng cho phần tiếp theo lắm kia.

- Để đổi lấy cái gì, hả Archie? Sao không nói ra luôn cho rồi.

Mặc dù là khách sạn bốn sao, nhưng máy lạnh ở quầy rượu có vẻ không được tốt lắm. Archibald rút ra chiếc khăn tay trắng có thêu những chữ cái đầu của tên mình và chấm lên trán. Chắc chắn ông ta phải nhìn thấy một mối lời lớn từ cuộc gặp này nên mới thân chinh đến tận Georgia. Archibald vẫn coi các bang miền Nam như những vùng quê hẻo lánh.

- Cậu không thấy nhớ nghề à? - Ông hỏi dò. - Ý tôi là, cái nghề đầu tiên của cậu ấy.

Paul cứng người lại.

- Tôi đã rửa tay gác kiếm được mười năm rồi, Archie à.

- Liệu có ai phui tay được sạch trơn? Những gì ta đã làm hai mươi năm sau vẫn không thể quên được, đúng không nào? Hơn nữa, hình như ở phòng khám người ta vẫn gọi cậu là bác sĩ gián điệp...

Archie giơ tay lên, không để cho Paul có cơ hội phản bác.

- Tôi biết, tôi biết, cậu là bác sĩ và cậu không muốn quan tâm đến những chuyện khác. Chính sự thế giới làm cậu ghê tởm. Cậu không

MÙI ADAM

bao giờ đọc báo. Cậu buộc mình phải quên những người bạn cũ. (Tuy nhiên, không phải tất cả, bằng chứng là lúc này đây). Tôi tôn trọng sự lựa chọn của cậu. Thế nhưng, người ta không thể ngăn tôi nghĩ rằng nghề gián điệp đã là một giai đoạn quan trọng trong cuộc đời của cậu. Tôi thậm chí còn tin chắc rằng đó chính là một sự chuẩn bị tuyệt vời cho công việc mà cậu đang làm bây giờ. Nghe nhé, tái dựng nên một vấn đề hóc búa từ các manh mối, rồi sau đó hành động: chẳng phải chính đó là điều mà người ta trông đợi ở các bác sĩ hay sao?

Đáng lẽ Paul nên đứng dậy bỏ đi. Hãy còn kịp. Nhưng anh cảm thấy mình không thể làm thế. Archie đã lại chế ngự được anh bằng một thứ quyền uy kỳ lạ, trộn lẫn sự thiện cảm và khích bác, sự chia sẻ óc hài hước và máu thích hành động mà trong nhiều năm trời đã san bằng tất cả những hố sâu ngăn cách giữa hai người.

- Ông thừa biết là tôi không có ý định quay lại nhiệm sở.

- Yên tâm đi, tôi cũng đâu có muốn quay lại đó. Nhiệm vụ đặc biệt của đất nước hết làm tôi hứng thú rồi. Bây giờ ở đó cũng quan liêu lắm. Còn nhớ CIA thời hoàng kim, thời mà chúng ta đã biết... Không, cậu cũng thấy rồi đấy, bây giờ tôi chỉ làm vì mình thôi. Cũng giống như cậu, ở một khía cạnh nào đó.

Paul không thêm chấp sự so sánh đó.

- Cậu có thể hoàn toàn yên tâm, - Archie nói tiếp. - Tôi đến đây không phải để đề nghị với cậu một phi vụ, mà là một sự giúp đỡ.

- Giúp đỡ ai?

- Tôi.

Archie luôn biết cách làm ra vẻ thành khẩn. Cùng với tuổi tác, điệu bộ khiêm nhường và yếu ớt của ông ta càng tỏ ra thuyết phục.

- Tôi giúp ông một tay, nhưng tôi lại được Holson và Ridge trả tiền, - Paul cười khẩy. - Ông trùm nó vừa vừa thôi.

Ông già nhăn mũi và chỉnh lại cà vạt.

- Cho tôi xin đi, Paul ạ. Tôi sợ những từ ngữ đao to búa lớn ấy lắm. Tất cả các bên đều có lợi trong cái phi vụ mà tôi đang đề nghị với cậu đây.

- Nó là gì vậy?

Archie thu người lại trên băng ghế và đưa mắt nhìn xung quanh. Vẫn chẳng có ai, ngoại trừ người phục vụ đang lau cốc chén trong quầy. Mặc dù cố che đậy một cách vụng về, nhưng rõ ràng là anh ta vẫn đang dòng tai lên nghe trộm cuộc trò chuyện của hai người. Archie ném cho anh ta một cái nhìn độc ác.

- Ở một nơi như thế này, tôi không muốn nói quá nhiều. Tôi cần một người như cậu, Paul ạ. Ngắn gọn là thế. Nhưng, người như cậu thế gian hiếm lắm. Chỉ có cậu mà thôi. Tôi không biết người nào đã tiến xa đến thế trong cái nghề mà cậu đã bỏ, tức là trong cái nghề của chúng ta ấy, và rồi sau đó lại trở thành một bác sĩ. Lúc này, tôi cần cả hai, cậu hiểu chứ? Trong văn phòng tôi có đủ mọi loại người, nhưng không có người như cậu, mà tôi lại đang cần người như thế.

Paul nhắm mắt lại. Về lý thuyết mà nói, đề nghị này chính là điều mà anh đã lo ngại. Từ mười năm nay anh vẫn luôn canh cánh lo sợ sẽ bị quá khứ tóm gáy. Bây giờ thì mối lo ngại đó đã thành sự thật. Vậy mà anh lại chẳng cảm thấy gì. Trong thâm tâm, anh vẫn chờ đợi chuyện đó. Đúng lúc này, hình ảnh của Kerry lại bất chợt hiện lên trong ký ức anh. Cô đứng đối diện với bia tập bắn, mỉm cười với anh trong lúc nạp đạn khẩu Glock.

- Cậu vẫn nghe tôi nói chứ? - Archie lặp lại, chồm người trên chiếc bàn.

- Tất nhiên. - Paul đáp ứng.

- Tôi nhắc lại với cậu, phi vụ này chỉ kéo dài độ một tháng không hơn. Tôi biết cậu còn có bốn người cộng tác nữa. Cậu hoàn toàn có thể tìm được người thay mình trong một tháng, đúng không nào?

Phía sau cái cung cách ứng xử có văn hóa và giọng điệu bông lơn, Archie thật đang thò cái đuôi chuột ra. Có lẽ ông ta đã điều tra và lường trước mọi chuyện, nắm rõ tình hình của phòng khám, các khả năng của Paul. Và ham muốn sâu kín của anh.

- Ông đã nắm rõ hết mọi điều rồi, phải không Archie? Tôi đồ rằng ông còn thuộc nằm lòng tài khoản thu chi của bệnh viện và thậm chí cả màu của bộ đồ lót mà tôi đang mặc.

MÙI ADAM

- Tôi biết những gì có lợi cho mình. Ngoài ra, những gì có liên quan tới cậu. Thật lòng mà nói, tôi đã biết từ mười năm nay. Tôi chưa bao giờ rời mắt khỏi cậu, cậu bé ạ. Nhưng cậu cũng phải thừa nhận là tôi chưa bao giờ quấy rầy cậu cả.

Lập luận của ông ta tỏ ra rất đích đáng. Mặc cho mọi chuyện có như thế nào, Paul vẫn lấy làm cảm kích trước cách hành xử tế nhị đó của ông già.

- Tôi trông cậy cả vào cậu, - Archie thốt lên, đưa tay nắm lấy cánh tay của Paul, như thể muốn chụp lấy ý muốn của anh. - Tôi sẽ nói thêm khi chúng ta gặp nhau ở văn phòng.

Trên chiếc bàn làm bằng rễ cây thạch thảo giả, Archie xì ra tấm danh thiếp, điệu nghệ như một tay chơi bài. Paul nhìn tấm card một lúc mà không chạm vào nó. Cuối cùng, anh nhét nó vào túi. Lí nhí chào Archie, anh đứng dậy và sải bước ra khỏi quầy rượu.

- Hẹn sớm gặp lại. - Archie nói bằng một giọng nhỏ nhẹ đến mức chẳng ai nghe thấy.
Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Đoạn, ông già lôi tờ *Thời báo London* mà ông đặt trên băng ghế bên cạnh mình, và bắt đầu đọc, miệng mỉm cười.

III

Providence, Rhode Island.

Chiếc máy bay lượn một vòng thấp trên các vách đá dựng đứng dọc bờ biển. Paul tự hỏi liệu mình có phải là nạn nhân của một trò đùa ác ý hay không. Dưới ánh bình minh, các ngôi biệt thự rực lên một màu trắng nom như những con xúc xắc bằng ngà nằm rải rác trên thảm thảm xanh non của các bãi cỏ và sân gôn. Đây là hình ảnh

của một khu biệt thự nghỉ dưỡng, hoặc cùng lắm là nơi nghỉ dưỡng của những nhân vật cấp cao. Dù thế nào thì nó cũng không phải là địa điểm mà người ta đến để tìm một trụ sở do thám tư nhân.

Sau khi đáp xuống sân bay Westerly, Paul thấy yên tâm hơn một chút: xe taxi đưa anh vào trong một cánh rừng âm u men theo bờ nước, nó phù hợp hơn với luồng tượng của mọi người về cái ngành này. Sau một khúc quanh trên con đường tĩnh lẻ, họ băng qua một chốt gác rất hiện đại. Đi tiếp khoảng nửa dặm, họ đến trước một cánh cổng trượt được canh gác bởi hai người bảo vệ có bộ đàm. Xe taxi không được phép qua cổng. Paul buộc phải đi bộ theo lối mòn khoảng một trăm mét để đến tòa nhà chính. Mặt tiền ốp kính suốt bốn tầng lầu phản chiếu hình ảnh của những cây sồi và cây dương mọc trong khuôn viên. Một mái hiên bằng bê tông đúc liền nhô ra che chắn cho cửa vào.

Archie đang đợi Paul ở sảnh. Ông vồn vã đến chào anh.

- Tôi rất mừng vì cậu đã đến! Ông thốt lên, không hề dè sẻn tình cảm chút nào. - Hôm nay cậu đến thật đúng lúc. Tôi đang họp với vài nhân viên. Tôi sẽ giới thiệu cậu với họ.

Ông dẫn Paul vào thang máy. Lên đến tầng trên cùng, họ bước ra một hành lang không có cửa sổ rồi vào trong một phòng họp dài, bao quanh là sân thượng. Tiếng trò chuyện im bật khi hai người xuất hiện. Archie về chỗ của mình và mời vị khách quý ngồi ngay bên tay phải.

- Các bạn thân mến, đây là Paul Matisse. Bằng xương bằng thịt và độc nhất vô nhị, người mà tôi vẫn thường kể với các bạn. Tôi phải rút ngắn cuộc họp của chúng ta để làm việc với cậu ấy. Trước khi kết thúc tôi muốn mọi người giới thiệu nhanh về bản thân, đủ để lấp ghép được khuôn mặt vào bí danh của từng người. Có thể cậu ấy sẽ sớm cần đến các bạn.

Từng người quanh bàn lần lượt giới thiệu công việc, chức vụ của mình và những nét chính về nghề nghiệp từng làm trước đây. Số lượng nam giới nhiều hơn phụ nữ một chút. Đa số họ còn khá trẻ. Hầu như tất cả đều đã từng được đào tạo trong những cơ quan mật

MÙI ADAM

vụ liên bang, cơ quan điều tra của cảnh sát hoặc của hải quan. Năng lực của họ đáp ứng đầy đủ các nhiệm vụ mà một cơ sở tình báo cần có.

Tất cả tự giới thiệu một cách thẳng thắn và ngắn gọn, đối lập hẳn với cung cách phong lưu và khiêm tốn vờ vịt của Archie. Paul rất lấy làm ấn tượng.

- Tôi thấy các bạn đã giới thiệu về mình khá đầy đủ, - Archie chốt lại, đặt hai bàn tay lên lớp kính của chiếc bàn họp. - Nếu anh bạn Matisse đây cần những thông tin khác, anh ấy sẽ đến gặp trực tiếp các bạn.

Tiếng kéo ghế vang lên trong lúc mọi người lục tục đứng dậy và ra khỏi phòng.

- Cậu thấy chưa? - Archie vừa nói vừa kéo thẳng cái áo gilet và vuốt lại chiếc cà vạt. - Đây chính là Cục tình báo thu nhỏ nhưng hiệu quả hơn nhiều. Không có những kẻ thừa thãi và hồ sơ chất đống trong tủ.

Ông vợ lấy chiếc gậy chống, đứng ở cạnh ghế và nhanh nhẹn đứng dậy.

- Khi cần đến họ, cậu sẽ thấy: tất cả bọn họ đều rất có năng lực và rất nhiệt tình với công việc. Này nhé, lấy trường hợp của Martha, cô bé ngồi ở kia, cạnh cửa sổ, chẳng hạn. Martha phụ trách việc theo dõi đối tượng. Chẳng giống chút nào với các bố CIA nhà mình, những kẻ không biết đổi hướng và để lộ mình chỉ sau mười lăm phút lảng vảng trên đường. Những kiểu cải trang trước đây hay những trò nghiệp dư cũ rích giờ xưa rồi. Martha là một thế hệ mới. Ở bất cứ nơi nào cậu muốn, cô ấy sẽ thu xếp cho cậu nhận diện và theo dõi đối tượng chính xác từng mét một nhờ hệ thống định vị toàn cầu, các vệ tinh do thám và các món đồ chơi tối tân khác. Còn Kevin, cậu ngồi ở cuối bàn, chính là một thiên tài tin học. Chắc hẳn cậu cũng đã để ý Clint. Với chiếc áo cao bồi và đôi bốt của mình, tưởng như cậu ta vừa bước ra từ bộ phim *Bảy tay súng oai hùng*. Nhưng với các chiêu nghe lén đối phương thì cậu ấy mới đích thị là anh tài.

Phòng họp không còn ai. Archie vừa nói vừa chỉ từng cái ghế, không theo thứ tự nào, ánh mắt lộ rõ vẻ tin cậy.

- Chúng ta đi ăn trưa thôi. Quán ăn cũng khá xa nên chúng ta sẽ có thời gian nói chuyện trên đường.

Một chiếc Jaguar dài màu xanh lá cây đợi họ dưới mái hiên. Hai người trèo vào hàng ghế bọc da màu kem phía sau. Tài xế đóng cửa xe bên phía Archie. Khi Paul đưa tay kéo cánh cửa phía bên mình, anh nhận ra trở lực nặng đặc trưng của những chiếc xe bọc thép. Êm như ru, chiếc xe men theo lối đi ra đến cánh cổng sắt. Sau đó xe chạy vào những con đường nhỏ len lỏi trong rừng.

- Tại sao ông lại quyết định đóng đô ở Rhode Island?

- Biết ngay mà, - Archie nói, vẻ tự đắc. - Ai cũng tưởng chốn này chỉ là khu nghỉ mát của bọn quý tộc. Rhode Island là một trong những tiểu bang đất đỏ nhất nước Mỹ. Nếu dừng chân ở một nơi khi ho cò gáy như Arizona, chúng tôi đã có thể mua được một khu vực rộng gấp bốn lần thế này, với cùng một số tiền. Nhưng ở đây, cậu thấy không, chúng ta chỉ cách New York và Boston có một tầm ném đá. Để đến các cuộc hẹn ở Washington hoặc Langley, tôi dùng trực thăng và chỉ tốn chưa đầy một giờ đồng hồ.

Archie len lén đưa mắt nhìn Paul. Trông thấy anh mỉm cười, ông lắc đầu.

- Thôi, sao chúng ta không thành thật với nhau nhỉ? Cậu đã biết một thực tế là tôi không thể nào sống sót ở bên ngoài New England rồi mà. Đơn giản là thế.

Những người đã lăn lộn nhiều năm trong nghề tình báo rất cuộc sớm hay muộn cũng sẽ tự nhìn ra chân tướng của mình, hay đúng hơn là chọn lấy một chân tướng cho mình. Đối với Archie, đó là Anh quốc. Một nước Anh huyền thoại mà từ lâu ông đã mơ ước được gắn bó, đến mức thật sự tin tưởng rằng gốc gác của mình là ở đó. Tuy thế, ông vẫn là người Mỹ và không thể quên đi điều này. Ông tự an ủi mình bằng cách nhích lại càng gần với cổ quốc càng tốt,

MÙI ADAM

hay nói đúng hơn là dọn đến ở tại vùng duyên hải phía Đông này, nơi mà cung cách Ăng lê gần như là thuần chất.

- Thêm vào đó, - Ông nhẹ nhàng nói tiếp, - khu đất mà chúng tôi chọn để xây cất trụ sở nằm trong phạm vi hạt Providence. Tôi cảm thấy khá thoải mái khi biết được rằng khu vực này ngày xưa đã được tạo dựng nên bởi một người tự do. Ông ta đã nêu tấm gương về lòng khoan dung tôn giáo ở vào thời kỳ mà nước Mỹ là con mồi của những phong trào cuồng tín.

Henry Williams, người sáng lập nên Providence, trước hết là một kẻ lưu vong. Mặc dù không thừa nhận, nhưng Archie cảm thấy gần gũi với ông ấy chính là vì lẽ đó. Bởi trước khi nhận mình là người Anh, anh chàng Archibald trẻ tuổi đã vào đời với tư cách là một thanh niên Ý sinh ra tại Argentina trong một gia đình gốc Do thái và di cư sang Mỹ cùng với cha mẹ lúc mới có năm tuổi.

- Vậy, - Archie vừa nói vừa ngồi sâu trên ghế, - cậu thấy Providence thế nào, trụ sở mới của chúng ta ấy? Có vừa lòng cậu không?

Paul biết Archie đủ rõ để không bị sập bẫy bằng những lời đường mật của ông ta. Khoản này thì Archie vô địch thiên hạ.

- Thắc mắc lớn nhất của tôi là làm thế nào ông có thể duy trì hoạt động của nó? Các ông là một chi nhánh tư nhân hóa của CIA à?

- Không hề! - Archie phản bác. - Đồng ý rằng họ là khách hàng lớn nhất của chúng tôi, nhưng tôi xin nói ngay đó chỉ do ngẫu nhiên mà ra. Lúc đầu, tôi gây dựng văn phòng Providence hoàn toàn chỉ vì muốn tách ra khỏi Cục.

Vào thời điểm mà Paul rời CIA, Archie đã là nhân vật số ba ở đây. Ông gia nhập Cục tình báo từ thuở ban đầu và hình như nằm trong thành phần cơ động của Cục.

- Ông học hặc với ai à?

- Đúng rồi, tôi quên mất. Cậu đã không theo dõi những chuyện xảy ra sau đó. Cậu hoàn toàn cắt đứt với mọi người và tự nguyện chìm xuống đáy.

Paul nhún vai.

- Nói vắn tắt là như thế này. Tôi rời CIA sau cậu hai năm. Tính đến nay là được tám năm rồi. Tôi chẳng có vấn đề với ai cả. Tôi hoàn toàn có thể yên ổn với chức vụ của mình đến lúc nghỉ hưu, thậm chí còn có thể kéo thêm vài năm trên chiếc ghế cổ vắn đặc biệt cho giám đốc mới. Nhưng tôi không muốn. Chúng ta đã trải qua một thời gian cực kỳ khó khăn khi đó. Chẳng ai có thể tiên liệu được ngành tình báo sẽ đi về đâu sau khi chủ nghĩa cộng sản biến mất, và không có lý do gì để mà lạc quan cả... Chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất, xung đột tại Bosnia, Somali, cả mớ bòng bong ấy. Chúng ta hài lòng với việc làm cho người khác khiếp sợ để chứng tỏ mình còn quan trọng. Nhưng chẳng có cuộc khủng hoảng nào trong số đó thực sự là mối đe dọa đối với nước Mỹ. Chúng ta tuyệt vọng đi tìm một kẻ thù.

Paul lắc đầu. Anh hồi tưởng lại nỗi buồn của những năm tháng ấy. Rời trường đào tạo với một khí thế hào hứng, anh những tưởng sẽ được chiến đấu một cách chính đáng, như hồi còn chiến tranh lạnh. Nhưng thay vào đó, anh chỉ thấy toàn những sỉ nhục, thất bại, cùng với cảm giác bị cuốn vào những hành động vô nghĩa lý và bẩn thỉu.

- Cậu ra đi rất đúng lúc, - Archie nói tiếp. - Cậu đã thoát khỏi những màn thanh toán lẫn nhau. Những kẻ không ưa ta, vốn đầy rẫy, lợi dụng cơ hội đó để cắt bớt vây cánh của ta: cắt giảm ngân sách, các ban thanh tra, những scandal vạch áo cho người xem lưng. Ở trong Cục, mọi người bắt đầu giơ "ô" ra che: không còn điều tra thông tin bằng con người vì sợ dính líu vào bọn tội phạm. Không hành động, ý tôi là can thiệp bằng vũ lực ấy. Ưu tiên được dành cho công nghệ! Những ai có chút lương tâm nghề nghiệp tự nhủ đã đến lúc phải ra đi. Để vớt vát lại những gì còn cứu chữa được, họ buộc lòng phải chuyển sang lĩnh vực tư nhân.

- Và vì ông là người có thâm niên nhất trong đội ngũ lãnh đạo, nên ông được giao phụ trách việc điều chuyển nhân lực, đúng không?

- Phụ trách gì đâu. Chúng tôi ra đi trong êm thấm, hờn ai nấy giữ.

MÙI ADAM

Và chúng tôi tự xoay sở trong lĩnh vực chuyên môn của mình. Cậu còn nhớ Ronald Lee không?

- Sếp sòng lực lượng đặc biệt ấy à?

- Ủ. Cùng với những người trong lực lượng của mình và một vài người nữa, đặc biệt là những người Nam Phi, ông ta đã thành lập một công ty an ninh tư nhân. Bảo vệ, kiểm soát các nguy cơ, can thiệp vào những vụ bất cóc con tin, loại trừ các mối đe dọa đối với giới chủ đầu tư Mỹ ở nước ngoài, những công việc kiểu như thế. Tôi kể chuyện này với cậu vì công ty của ông ta được mọi người nhắc tới khá nhiều trong thời gian gần đây. Họ đã ngu dại tới mức tổ chức một cuộc đảo chính ở São Tomé. Chắc là cậu đã nghe nói đến rồi. Nhưng còn nhiều ví dụ khác nữa.

Chiếc xe đi vào vùng đồi càng lúc càng cao. Chẳng bao lâu sau, nó đã đến một triền đá dốc đứng nhìn ra biển. Phía bên dưới, người ta có thể nhìn thấy bãi đá màu đen bị vây quanh bởi những vòng bọt trắng xóa. Họ đi xuống tận mép nước rồi dừng xe cạnh một ngọn hải đăng xây bằng đá hoa cương với hai màu trắng đỏ xen kẽ.

Đã từ lâu Paul không rời Atlanta với bầu khí quyển khói bụi của nó. Anh hít căng buồng phổi thứ không khí tươi mát nồng hơi biển và mùi tảo. Đám mòng biển kêu chí chóc xung quanh ngọn hải đăng. Archie dẫn Paul tới một căn nhà gạch dài với những ô cửa sổ cánh sập màu trắng. Trên tấm bảng hiệu có vẽ khuôn mặt của một tay thủy thủ và một chiếc thuyền đánh cá voi. Nếu căn cứ theo con số ghi bên trên, thì căn nhà được dùng làm quán trọ này đã gần ba thế kỷ.

Bên trong quán được chia thành những gian phòng có trần thấp, với những thanh dầm ám đầy bồ hóng. Không đợi được chỉ chỗ, Archie băng qua tầng trệt, rồi đường hoàng đi vào một căn phòng nhỏ đã sửa soạn sẵn bàn ăn cho hai người. Qua hai cánh cửa sổ lắp kính, họ chỉ nhìn thấy trời và nước. Thỉnh thoảng, một con sóng lại làm bọt bắn lên tận cửa.

- Chúng ta có thể nói chuyện ở đây à? - Paul dò hỏi trong lúc

thận trọng đưa mắt dò xét bốn bức tường trang trí chén bát bằng sứ men lam.

- Không có gì phải lo. Chúng tôi biết chỗ này rất rõ, - Archie nói trong lúc mở chiếc khăn ăn đã được hồ cứng. - Nói thật nhé, chỗ này là của bọn tôi.

Ông chọn món cùng với Paul và theo gợi ý của chủ quán.

- Mang cho chúng tôi rượu vang Bordeaux! Loại nào ngon vào... Château Beychevelle chẳng hạn. Tốt nhất là năm 95 ấy.

Khi người phục vụ rời phòng, Archie vừa cười vừa nói thêm:

- Cái năm mà cậu đã bỏ chúng tôi ra đi...

Hai người khoan thai dùng bữa. Archie rất tế nhị khi không đề cập đến công việc ngay lập tức. Ông hỏi han Paul về công việc hàng ngày và các kế hoạch của anh, rồi ngừng lời để ném thử rượu vang. Hành động đó của ông không theo lối của người Pháp, với một nụ cười mỉm và vẻ mặt hài lòng, mà theo cung cách nghiêm trang và đầy tự trọng của dân Anh-lê, những kẻ có thể đưa chuyện thương bìa ném rượu ra tranh tụng trước tòa. Có vẻ như ông đã sẵn sàng tuyên trắng án hoặc tử hình.

Cuối cùng, Archie tuyên bố miễn tố.

- Uống được. - Ông nói.

Sau đó, ông buồn bã nhắc tới vợ mình. Paul chưa bao giờ gặp bà. Bà đã mất cách đây hai năm. Sự ra đi của bà dường như đã truy tặng cho bà tất cả lòng ngưỡng mộ của ông. Thế nhưng, lúc bà còn sống, Archie chưa bao giờ thôi phàn nàn về vợ mình. Bây giờ thì bốn đứa con gái nhận lấy vị trí của mẹ chúng. Ông than rằng bọn chúng đang làm hỏng cuộc đời của ông và dường như chúng chỉ cốt lấy chồng sao cho nhanh nhanh chóng chóng. Toàn là hạng vô công rồi việc, tệ nhất là chẳng có thằng rể nào là người Anh cả. Archie vốn rất hay tự trào, nhưng với chuyện này thì ông không hề đùa cợt chút nào.

Chủ quán mời họ dùng món tráng miệng nhưng hai người từ chối. Archie trịnh trọng gọi rượu Armagnac cùng với cà phê. Ông

MÙI ADAM

làm đủ trò với chiếc ly bầu, làm ấm nó trong lòng bàn tay, xoay xoay, ngửi ngửi trước khi uống một hơi hết sạch rồi khà một tiếng.

- Chuyện lúc đầu chúng ta đã nói đến đâu rồi nhỉ? Phải rồi, tôi đã kể với cậu về các công ty do thám tư nhân mới.

- Gọi là mới, nếu ta thích thế. Tôi cứ tưởng chúng tồn tại từ lâu rồi kia.

- Vừa đúng vừa sai. Tất nhiên cũng có vài cái lay lắt tồn tại từ lâu. Nhìn chung chúng được thành lập bởi các cựu nhân viên của Cục và chẳng làm nên trò trống gì. Họ ký được đôi ba hợp đồng nhỏ với những công ty tư nhân bị mê hoặc bởi cái mẽ cựu điệp viên. Tiếp theo, nếu khá thì họ cũng sống được qua ngày, còn nếu tệ thì về vườn viết hồi ký vậy.

Sau khi nghỉ việc, Paul cũng đã vài lần nhận được lời đề nghị hợp tác kiểu này, nhưng anh đều lịch sự từ chối.

- Thú thật với cậu là khi mới bắt đầu, - Archie nói, - tôi đã nghĩ là mình cũng sẽ chịu chung số kiếp như thế. Nhưng hóa ra là ngược lại. Chúng tôi đã tham gia vào cuộc cải tổ toàn diện ngành tình báo tư nhân, một cơ hội lịch sử, một thời điểm ngàn vàng. Sự thoái nát của CIA đã khai thông cho chúng tôi cả một đại lộ thênh thang.

- Cục vẫn tệ hại như trước hay sao? Tôi cứ ngỡ là sau sự kiện 11 tháng Chín thì mọi chuyện đã được vào khuôn phép chứ.

Paul không dám thú thực là ngay ngày hôm sau xảy ra vụ khủng bố ở New York, suýt nữa anh đã tung hê tất cả để quay lại với ngành tình báo. Thậm chí anh đã tiếp xúc với hai đồng nghiệp cũ để thăm dò khả năng đó. Nhưng cứ mỗi lần bàn đến vấn đề lương lậu và thâm niên là câu chuyện lại đi chệch hướng, nên anh quyết định thôi.

- Tưởng cậu không đọc báo chứ nhỉ, - Archie mỉa mai. - Nhưng chắc hẳn cậu cũng đã nghe kể về vụ 11 tháng Chín?

- Trong phòng khám của tôi có hai nạn nhân trẻ tuổi của vụ sập tháp, cả hai đều bị liệt tứ chi.

- Tôi xin lỗi. Không phải lúc nào những câu pha trò của tôi cũng khiến người ta cười được. Dù sao thì, cậu nói có lý. Sau thảm họa của Trung tâm thương mại Thế giới, chính phủ đã tự chấn chỉnh lại và CIA đã khá khảm hơn. Đến mức nó có thể tiếp tục hoạt động với một bộ máy quan liêu và những lễ thói xấu. Nhưng chính sự cải thiện ấy lại làm cho chúng tôi trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Archie thích nhất là được nhâm nhi một chút rượu mạnh cùng với những câu chữ thích đáng. Lim dim mắt, ông thả ra những chữ cuối cùng trộn lẫn trong một ngụm rượu Armagnac.

- Chúng tôi trở nên cần thiết vì bây giờ họ cần đến kết quả.

Sau khi ngừng một chút, ông nói thêm:

- Làm sao thu được kết quả khi mà những xiềng xích được thiết lập từ thời chiến tranh lạnh không được gỡ bỏ? Đơn giản thôi. Cục buộc phải giữ chiêu bán thầu thứ cấp trong mọi việc. Cùng với sự kiểm soát của lương viện, các điều luật, những tay đấu tranh bảo vệ quyền tự do cá nhân... làm sao có thể tổng giám một kẻ nào đó đủ lâu để hạ gục hắn và moi được chút thông tin? Cần phải đưa sang một quốc gia có ít sự bó buộc hơn. Ai cũng biết là hiện tại Cục sở hữu một lô các nhà tù bí mật trên khắp thế giới, công có, tư có. Và tất nhiên là cần phải có các công ty tư nhân để lo liệu những vụ chuyển giao, các hợp đồng, những mối quan hệ với quốc gia sở tại. Việc hỏi cung cũng vậy. Ngày nay, chúng ta không thể tiến hành hỏi cung một nghi phạm tại Mỹ. Ý tôi là, tra hỏi thật sự ấy, cậu hiểu không? Thế là ngay cả chuyện đó cũng cần phải được thực hiện bởi một nhà thầu phụ.

Paul bắt đầu cảm thấy ngột ngạt, chỉ muốn duỗi chân duỗi tay. Anh tiếc rẻ nhìn những cánh bướm no gió đang đua nhau ngoài vịnh.

- Ông không phiền nếu tôi mở cửa sổ chứ?

- Không hề. Dùng cà phê xong, chúng ta thậm chí có thể đi dạo một vòng bên ngoài.

Paul mở cửa sổ, ngồi lên bậu cửa và tiếp tục cuộc nói chuyện.

MÙI ADAM

- Ông đang kể cho tôi nghe về những hoạt động mới của mình đây à? Bất người vô cơ, tra tấn và cả đảo chính nữa, có phải thế không?

- Cậu đúng thật là không thể cưỡng nổi. - Archie đáp, môi trên nhếch lên.

Ông thềm thường nhìn chút rượu còn sót lại trên thành ly.

- Không, cậu biết đấy, công việc của chúng tôi vẫn đi theo cung cách truyền thống. Văn phòng Providence là một cấu trúc đa năng kiểu cũ. Mọi những thông tin có giá trị, một chút vũ lực nếu cần thiết, nhưng bằng những biện pháp hiện đại và những con người tinh nhuệ. Xét cho cùng, tôi vẫn tiếp tục làm ở bên ngoài những điều mà cả đời tôi đã làm khi ở trong cục. Và quá khứ đã không buông tha tôi.

"Lại thế nữa", Paul nghĩ bụng.

- Cần phải hiểu rằng, - Archie chồm người tới trước và hạ thấp giọng nói như thể chuẩn bị tiết lộ một bí mật, - CIA không thể đứng vững khi dồn toàn tâm toàn sức vào một đối tượng duy nhất: Hồi giáo. Để vận hành một cỗ máy quan liêu khổng lồ như thế, chỉ cần một câu thần chú đơn giản. Trước kia là cuộc đối đầu với bọn đỏ, còn bây giờ là chiến tranh chống lại lũ râu xồm. Các nhân viên Cục đã phải cố gắng vượt bậc để đáp ứng được yêu cầu của những vụ này. Họ buộc phải học những ngôn ngữ mới, thay đổi hồ sơ và nhận dạng, tiêu hóa một câu chuyện khác hẳn. Họ đang dần đạt được điều đó. Và vì kẻ thù mới có hệ thống chân rết ở khắp mọi nơi, nên người ta có cảm tưởng rằng họ theo dõi cả thế giới. Trên thực tế, điều đó không đúng.

Chất cồn bắt đầu làm miệng Archie mất cảm giác. Ông uống một hơi hết chỗ cà phê nóng rẫy mà người phục vụ vừa mới rót.

- Trong cái thế giới này, - ông nói tiếp, nhả mặt cay đắng, - có những mối đe dọa khác ngoài tội xồm. CIA không thể để mắt tới toàn bộ những cái đó được. Nhưng họ cũng không thể lơ chúng đi. Ta không thể biết được ngày mai cái gì sẽ trở nên quan trọng. Lúc đầu người ta cũng chỉ coi Bin Laden như một thằng hề đầy thôi. Ta

không thể bỏ qua bất cứ điều gì có vẻ kỳ quặc, hơi khác biệt và có phần nguy hiểm, dù nó không được ưu tiên. Vậy nên, thay vì xếp xó một vụ việc dở dẩn hoặc đổ tiền vào một chuyện không đâu, họ nhờ đến chúng tôi.

- Các ông hoạt động như thế nào? Tự chọn mục tiêu hay là chạy đuổi theo lũ thỏ một khi được người ta bật đèn xanh?

- Chúng tôi có một bộ phận địa - chính trị cùng với các chuyên viên phân tích. Tất nhiên chúng tôi không thể nào cạnh tranh được với Cục trong lĩnh vực này. Đa phần chúng tôi làm y như cậu nói, là bắt thỏ. Họ cho chúng tôi một manh mối, một chi tiết kỳ lạ, điểm khởi đầu của một con đường có vẻ không hề nghiêm trọng mà họ không muốn bỏ qua. Thế là chúng tôi dò dẫm. Đôi khi sự việc đưa chúng tôi đi rất xa, nhưng cũng có lúc nó xong ngay lập tức.

- Và chừng ấy là đủ để nuôi sống cả bộ sậu của ông sao?

- Các hợp đồng tương đối hào phóng, cậu cũng biết đấy. Và chúng tôi giành được rất nhiều.

Paul mỉm cười. Trong lời tâm sự của Archie, anh nhận ra nét trẻ con kỳ lạ đã luôn tác động lên anh mạnh hơn cả những ngôn từ đao to búa lớn và bạo lực. Trong thế giới ngầm của tình báo, tất cả mọi người đều cố gắng tạo cho mình một bề ngoài để dọa dẫm hoặc nghiêm trọng. Nhưng trên thực tế, điều quan trọng nhất vẫn là niềm sung sướng trẻ con khi được bày trò chơi. Archie không còn làm cho chính phủ nữa, điều đó khiến ông không còn phải bận lòng tìm những lý lẽ đạo đức để biện minh cho hoạt động của mình. Ông chẳng cần được người ta xem như một người hùng bảo vệ cho thế giới tự do. Động cơ của ông rõ ràng là tiền. Điều giản dị ấy giúp ông gỡ bỏ lớp áo đạo đức giả vẫn phủ lên những màu sắc thật, sống sượng nhưng đa dạng, của nghề điệp báo.

Ngay khi Paul uống xong tách cà phê, Archie đứng dậy và kéo anh ra ngoài. Họ đi qua một cánh cửa nhỏ hướng ra biển. Nước biển chưa hoàn toàn chạm được đến tận ngôi nhà. Hai người quay về bên ngọn hải đăng, nơi bắt đầu của một doi đất dài.

MÙI ADAM

- Trước hết, ở đằng kia có một cái lầu nhỏ - Archie vừa nói vừa chỉ về phía doi đất - Chúng ta đi lại đó để duỗi chân duỗi cẳng một chút. Sau đó, tôi có một điều cần thú nhận với cậu.

- Ông có một chú thỏ dành cho tôi.

- Chúa ơi! - Archie thốt lên, gõ đầu bịt sắt của cây gậy chống xuống đất. - Cậu thông minh thật đấy!

IV



Providence, Rhode Island.

downloadsachmienphi.com

- Năm ngoái, chúng tôi đã mở một văn phòng nhỏ ở London, - Archie nói. - Không phải để hoạt động ở Anh, dĩ nhiên là thế. Tình báo Anh rất giỏi, họ đâu cần chúng tôi. Thêm vào đó, họ rất dị ứng với việc bán thầu phụ. Văn phòng tại Anh của chúng tôi chỉ là một đầu cầu để chúng tôi khai thác thị trường mới tại cựu lục địa.

Càng đi xa thì doi đất càng thu nhỏ lại. Nó chỉ còn là một dải xi măng hẹp vắt trên những tảng đá. Mọi thứ dần trở nên rõ ràng. Mặt biển phía tây nhuộm màu xin xin của đồ thiếc đã cũ.

- Thời nay rất nguy hiểm nếu như ta chỉ dựa vào một khách hàng duy nhất. Văn phòng Providence buộc phải liên tục tìm nguồn cung cấp tài chính của mình. Cũng tựa tựa như phòng khám của cậu thôi...

Paul quay sang nhìn xem Archie có đang đùa cợt hay không, nhưng ông có vẻ hoàn toàn nghiêm túc và thành thật.

- Về lâu về dài, dĩ nhiên là tôi cũng nhòm ngó thị trường Viễn Đông, - Archie nói tiếp. - Tôi sắp sửa đi một chuyến tới đó. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng tôi đến chỗ dễ nhất, tức là châu Âu. Không chỉ riêng Tây Âu, Hà Lan và Bỉ là một mảnh đất màu mỡ cho CIA,

nước Ý cũng vậy. Nếu biết nghĩ thì người Pháp cũng có thể nhờ đến dịch vụ của chúng tôi. Nhưng đó là một dân tộc kỳ quặc. Họ không suy nghĩ giống như phần còn lại của nhân loại. Hy vọng là nhận xét đó không làm tổn thương sự nhạy cảm của cậu..

Paul không phản ứng lại lời ám chỉ của Archie. Đó là một trò đùa xưa cũ của hai người. Archie không bỏ qua bất cứ cơ hội chọc ngoáy người Pháp nào vì Paul sinh ra ở New Orleans.

- Không, thị trường mới nổi thật ra phải là Đông Âu cũ. Ở đó có khoảng hai chục quốc gia vừa thoát ra khỏi nửa thế kỷ của chế độ độc tài. Các cơ quan mật vụ của họ không phải kém. Những kẻ đòi ly khai đã được biết mùi rồi đấy thôi. Nhưng họ vẫn tiếp tục hành sự theo lối lạnh lùng tàn nhẫn truyền thống, vốn đã quá lạc hậu. Họ không thật sự thức thời. Ngay khi vụ việc trở nên tế nhị một chút là họ bối rối ngay.

Paul và Archie đi đến cầu tàu ở tận cùng doi đất. Đó là một mớ ván gỗ ghép vào nhau nhô ra biển. Hai người tựa khuỷu tay lên hàng lan can. Ở đây, người ta có cảm giác như đang ở giữa biển. Những chiếc thuyền buồm lớn đang đi vòng qua mấy cái phao tiêu phía trước họ, gần đến nỗi có thể nghe thấy tiếng vải buồm và thùng chảo kêu lạt phật trong gió. Archie dựng đứng cổ áo khoác, một cử chỉ mà Paul bắt gặp đánh giá là rất "chiến tranh lạnh". Ông chế nhạo người Ba Lan vì những gì họ thừa hưởng từ thời cộng sản, nhưng ông cũng được đào tạo trong những trường lớp kinh điển như thế đấy thôi. Một cái cầu tàu hoang vắng, hai người đi dạo khả nghi chống tay lên lan can cạnh nhau, mắt nhìn chân trời, cảnh tượng này đúng là một sự tôn vinh lớn lao nhà văn John Le Carré, tàn dư khá bi hài của một thế giới đã mất. Mối mập máy, Archie bắt đầu tiết lộ điều đã khiến ông phải rào trước đón sau suốt từ đầu.

- Chính quyền Ba Lan vừa mới liên hệ với bên Anh để xin ý kiến. Ông bạn cũ Brentham của tôi vẫn luôn là một người có tiếng nói trong những vấn đề an ninh tại Whitehall. Vì không thể trực tiếp làm việc với chúng tôi, ông ấy đã hứa sẽ san sẻ cho chúng tôi một

MÙI ADAM

vài yêu cầu hỗ trợ mà thỉnh thoảng họ vẫn nhận được từ nước ngoài. Brentham đã chuyển cho tôi vụ Ba Lan này.

Cơn gió từ đất liền chợt giật mạnh làm sóng biển sừng sộ tung bọt trắng xóa. Những chiếc thuyền buồm đi ngược gió bỗng chao nghiêng.

- Tôi tóm tắt sự việc cho cậu nhé. Tuần trước, ở Wrocław, phía tây Ba Lan, một phòng thí nghiệm sinh học đã bị phá hoại, có lẽ là bởi một phong trào sinh thái cực đoan, chính xác hơn là do những kẻ bảo vệ động vật gây ra. Những kẻ đột nhập đã mở toang các lồng nhốt thú thử nghiệm. Cái này là nói riêng giữa cậu và tôi nhé, chúng ta phải thừa nhận họ không hoàn toàn sai. Thử tưởng tượng người ta làm những gì trên mấy con vật vô tội kia...

Archie không để mất thời gian cho cái trò mèo khóc chuột này. Rõ ràng là ông ta chẳng hề động lòng. Hơn nữa, Paul chưa bao giờ thấy Archie bộc lộ một chút thương cảm nào cho động vật.

- Cảnh sát Ba Lan đã tiến hành cuộc điều tra, có vẻ cũng khá nghiêm túc. Họ đi đến kết luận rằng đây là một nhóm gồm ít nhất hai tên, rất có khả năng đến từ nước ngoài. Wrocław ở sát biên giới với Đức và Cộng hòa Séc. Những kẻ cực đoan ở Ba Lan bị theo dõi rất sát sao, và theo báo cáo chính thức của cảnh sát thì không có nhóm nào ở nước họ có thể thực hiện một phi vụ như vậy. Trên phương diện pháp lý thì vụ việc đã được xếp lại. Nhưng để cẩn thận, do khả năng có sự dính líu của quốc tế, phía cảnh sát đã chuyển hồ sơ sang bên mật vụ. Chính bên mật vụ đã cảm thấy lo ngại, vì họ biết rằng ở nhiều nước Tây Âu và Bắc Mỹ các nhóm môi trường cực đoan là một mối đe dọa cực kỳ đáng lưu ý. Những hoạt động của họ không dừng lại ở mức độ phá hoại, mà đôi khi còn đi đến chỗ giết người. Cậu có biết không?

- Sơ sơ.

- Nói tóm lại, người Ba Lan bắt đầu tìm hiểu. Họ biết được nước Anh là quê hương của những kẻ đấu tranh quyết liệt vì quyền lợi của động vật. Thế là họ đã có ý nhờ bên Anh đánh giá tình hình ở Ba Lan, để tìm hiểu vì sao mà bọn kia lại nhằm vào họ, và liệu có còn

những mục tiêu khác hay không. Tóm lại, họ tìm cách xem xét nguy cơ lan rộng của vụ việc. Ngài Brentham đã giữ đúng lời hứa và đưa chúng tôi vào cuộc. Mật vụ Anh đã chuyển lại hồ sơ cho chúng tôi. Họ đã khẳng định với phía Ba Lan rằng nước Mỹ ít ra cũng ngang bằng với họ về các thiệt hại do loại khủng bố này gây nên, một điều rất chính xác. Và rằng tại trụ sở Providence có những chuyên gia giỏi nhất trong lĩnh vực đó.

- Một điều hoàn toàn không chính xác?

- Chứ còn gì nữa. Chúng tôi chưa bao giờ gặp những vụ như thế này.

Paul từ Atlanta đến và chỉ mặc chiếc áo khoác mỏng manh, anh bắt đầu cảm thấy lạnh.

- Chúng ta có thể quay lại được không? - Paul đề nghị.

Archie quay bước, không nói gì, hoàn toàn bị hút vào câu chuyện của mình.

- Thế là chúng tôi đã nhận được một hợp đồng tư vấn cho Ba Lan. Xét về phương diện tài chính thì cũng chẳng đáng là bao. Nhưng, nếu làm tốt vụ này, đây sẽ là bước đệm mở ra những cơ hội hợp tác thường xuyên. Và như vậy chúng tôi sẽ gia nhập thị trường tình báo châu Âu. Chắc cậu đã bắt đầu hiểu vì sao tôi phải nhờ đến cậu.

- Tôi chẳng biết gì về thú vật đâu, - Paul nhếch mép cười. - Các ông phải tìm một bác sĩ thú y mới đúng.

Archie hơi ngả người ra sau, đưa tay lên vuốt mớ tóc bị gió làm rối tung.

- Suy nghĩ một chút đi, Paul. - Ông rít qua kẽ răng, không buồn mỉm cười đáp lại. - Cậu có thể rất có giá trị đối với chúng tôi đây.

Người tài xế đã đánh xe đến gần doi đất. Chiếc Jaguar đang mở toang hai cánh cửa như hai cánh bướm, chờ đợi họ. Tưởng như nó là một chiếc thuyền dài neo đậu vào cầu tàu phía trong đất liền. Archie đi vòng qua bên kia chiếc xe. Paul vào ngồi cạnh ông trong sự âm áp của chiếc xe hộp. Ông già hà hơi vào hai bàn tay để sưởi ấm chúng.

MÙI ADAM

- Trước tiên, - ông nói tiếp, - cậu phải biết là nhân viên thực địa giỏi rất hiếm. Ở Providence, tôi có thể dễ dàng tìm ra các chuyên viên xử lý thông tin hoặc kỹ thuật viên. Nhưng điệp viên tác chiến lại là chuyện khác. Chúng tôi rất thiếu những người như thế.

- Ông tìm kỹ hơn đi. Đâu phải chỉ có mình tôi.

- Chưa hết. Vụ này cần một người đa năng. Anh ta cần phải hoạt động trong môi trường nghiên cứu y khoa, nắm được các thuật ngữ chuyên ngành và những điểm quan trọng. Anh ta phải tìm hiểu tại hiện trường để xem cái phòng thí nghiệm nổi tiếng kia tròn méo thế nào. Dĩ nhiên, mật vụ Ba Lan đã biết về cuộc điều tra của chúng ta, nhưng cảnh sát của họ thì không. Ở đó, họ khá là e dè với những việc có liên quan tới thể diện quốc gia. Điệp viên của chúng tôi do vậy sẽ phải đóng vai bác sĩ. Phải một ông đồctờ thật đến thì chẳng tốt hơn là đóng giả hay sao? Tiếp đến, nếu như phát hiện được hướng điều tra, anh ta sẽ phải dò theo dấu vết của nhóm người chỉ đạo vụ này. Anh ta phải tiếp cận chúng, tìm hiểu về ý định của chúng. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm của những nhóm người kiểu này, anh ta phải hoạt động độc lập vì lý do an toàn, và có thể tự phát triển dưới vỏ bọc của mình. Đây là một nhiệm vụ rất toàn diện. Anh bạn Paul yêu quý của tôi ạ, cậu chính là viên ngọc quý, là người có tất cả những phẩm chất nói trên.

- Những gì mà ông vừa mô tả ít ra cũng tương đương với một năm làm việc. Bây giờ tôi đã có công việc khác. Tôi không bỏ ngang nó được.

- Cậu nhìn chi cho xa xôi, - Archie vừa lắc đầu vừa nói. - Đâu có cần phải làm mọi việc thay cho mật vụ Ba Lan. Chúng ta không còn ở Cục nữa. Chúng ta làm công chuyện của mình. Chúng ta cung cấp một dịch vụ với mức chi phí và hiệu quả tốt nhất. Chỉ cần nắm đầy đủ thông tin để thảo ra một báo cáo chi tiết vấn đề rồi gửi nó đến những cơ quan liên quan của chính phủ. Cậu hiểu ý tôi không?

Chiếc xe đã trở lại con đường xuyên rừng. Dự đoán được lộ trình, Archie vịn vẹo người để cời áo khoác.

- Cứ tin tôi đi. Cậu chỉ cần mất tối đa một tháng để làm sáng tỏ vụ này. Tôi lấy tư cách cá nhân ra mà đảm bảo như thế. Quá hạn ba mươi ngày, cậu cứ nghỉ thoải mái. Cậu còn muốn gì nữa? Thậm chí cậu sẽ chẳng cần nhiều thời gian đến thế đâu. Theo tôi, vụ này cực kỳ đơn giản.

- Vậy nếu nó không đơn giản?

- Nghe này Paul, cậu luôn là một cậu bé cả lo. Điều đó làm cho cậu tiến bộ, nhưng cũng chính vì thế mà cậu cần những người bạn biết nghe như tôi đây.

Với những gì đã trải qua, ông ta còn dám nhận mình là người biết nghe cơ đấy! Paul nhìn Archie ngạc nhiên đến độ cả hai cùng phì cười.

- Nào, chúng ta hãy kéo sợi dây này ra thôi, - Archie kết luận. - Ta sẽ biết ngay nó dẫn tới cái gì.

downloaadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Atlanta, Georgia.

Thang máy tòa nhà là loại chở hàng có trang bị cửa kéo. Paul đẩy mạnh nó sang một bên. Ban đêm, anh hoàn toàn cô độc trong tòa nhà này. Anh có toàn quyền bày tỏ sự bức tức của mình. Archie đã dùng xe riêng đưa anh đến phi trường JFK, nhưng sau khi đáp chuyến bay cuối cùng và bắt taxi, anh về đến nhà lúc hai giờ sáng.

Paul để cửa ra vào tự đóng lại sau lưng. Không cần bật đèn, anh gieo mình xuống chiếc ghế bành bọc da cũ kỹ. Vách tường kính rộng sáu mét và cao đến tận trần lấp lánh ánh sáng của đô thị. Trời vẫn còn ẩm. Những ô kính trên cùng vẫn đang mở, để lọt vào nhà âm thanh ồn ào của một đô thị lớn, tiếng xe cộ đình tai trong sự yên tĩnh của đêm vắng. Từ đằng xa loáng thoáng vọng lại tiếng còi xe cứu thương.

Chỉ mới đi chưa được hai mươi tư tiếng mà anh đã cảm thấy xa lạ trong chính ngôi nhà của mình. Sự kích động rỗng tuếch và

MÙI ADAM

không thể cưỡng lại của nghề điệp viên, mà Archie là biểu tượng sống, đã xâm chiếm con người anh. Anh cảm thấy căm ghét chính bản thân mình.

Gian xương cũ được cải tạo làm nhà ở của anh là một không gian không có phòng ngăn cách, bị gián đoạn bởi một cái gác lửng. Một chiếc tủ lạnh to tướng có cửa kính trong suốt được đặt ở chính giữa tầng dưới. Anh lôi ra một lon Coca. Vẫn không bật đèn, anh đi vòng quanh không gian thân thuộc của mình. Chiếc bàn bóng bàn, những bao cát đấm bốc, những thùng sách, hai cái ti vi chồng lên nhau mà anh luôn xem cùng một lúc. Và, trong một góc, để che đi khu vệ sinh không được tách biệt khỏi không gian của căn phòng là một chiếc đàn dương cầm mà anh chẳng bao giờ đụng tới, ngoại trừ trong tám ngày trước khi đi Portland thăm mẹ. Bà đã bắt anh học đàn từ năm bốn tuổi. Anh chưa bao giờ dám thú nhận rằng anh đã bỏ rơi thứ nhạc cụ mà bà đã dành cả đời để chơi.

Paul luôn tự hỏi liệu có phải cái chết của cha anh đã đưa anh nhập ngũ hay không. Nguyên nhân sâu xa cũng có thể là vì anh muốn trốn chạy khỏi những giờ học piano... Anh căm ghét âm nhạc trong suốt một quãng thời gian dài. May mắn thay, Paul đã khám phá ra cây kèn trumpet và mọi chuyện lại thay đổi.

Anh băng qua phòng, cầm lấy chiếc kèn dựng trên bậu cửa sổ. Đó quả là một thứ hấp lực không thể cưỡng lại được: anh mỉm cười ngay khi chạm vào rí, lướt tay trên các phím bấm, rồi thổi vào đầu kèn một cách máy móc. Sau đó anh đưa kèn lên miệng, thổi một giai điệu lên cao càng lúc càng to. Anh dồn toàn bộ hơi sức của mình vào nốt cuối cùng. Chắc là ở tận đầu bên kia của công viên đối diện, người ta cũng có thể nghe thấy. Anh đã chọn nơi này chính là vì điều đó. Anh thấy kệ sự tiện nghi. Chỉ cần được thoải mái chơi kèn vào bất cứ giờ nào, ngày cũng như đêm, là ổn rồi.

Anh thổi vài nốt cao. Ngay sau đó, anh chơi một bản hùng ca mà anh rất thích, một bản nhạc xưa về New Orleans thời những năm hai mươi. Anh chơi khoảng nửa tiếng đồng hồ rồi ngừng lại, trán lấm

tắm mồ hôi, môi rất bóng, những giọt nước mắt hạnh phúc long lanh trong đôi mắt. Bây giờ, anh đã cảm thấy đủ can đảm để bật điện. Những ngọn đèn trần vụt sáng, hai chiếc ti vi và một chiếc đài cùng bật một lượt. Cả đồng áo quần thể thao, giày, tất chiếc còn chiếc mất, các bộ phận của chiếc xe đạp bị tháo tung để bữa bọn khắp phòng.

Paul bật máy trả lời tự động rồi cởi quần áo để đi tắm. Có khoảng ba mươi tin nhắn. Anh không bao giờ cho ai số di động của mình. Những ai muốn liên lạc với anh thì chỉ có cách gọi tới nhà. Hai ông bạn rủ anh cùng chạy bộ. Một cặp vợ chồng người bạn mời anh đến dự sinh nhật. Một cộng sự ở phòng khám lo lắng về ngân sách cho năm tới (đó là trước chuyến thăm của Archie). Marjorie nhớ anh. Người quản lý ngân hàng lưu ý anh về một khoản vay nợ. Claudia nhớ anh. Bốn người đồng nghiệp thông báo mở tiệc mừng một người lên chức giáo sư. Michelle nhớ anh...

Quần chiếc khăn tắm ngang hông, anh tắt máy trả lời tự động.

Một điều tưởng như đã lãng quên từ thời còn làm điệp viên giờ đây quay trở lại với anh: một sự tẩy uế, một sự đánh gi, giống như việc đi tắm. Sự khẩn cấp và bí mật hoạt động như một tác nhân tẩy trùng. Tất cả những gì không quan trọng nhanh chóng biến mất, ngay khi tâm trí hướng tới chỗ hành động. Những mối quan hệ bạn bè quay trở về chỗ của chúng, một cách tương đối. May mắn là cả những phiền phức cũng thế. Còn về phần Marjorie, Claudia, Michelle, các cô đã nhanh chóng biến đi như những hành khách bị rơi ra khỏi boong tàu giữa biển khơi. Kinh nghiệm đó vừa đáng sợ lại vừa khó khăn. Nó đồng thời là thử thách của sự tự do và sự trống rỗng.

Anh ngồi thẳng người trên ghế. Lớp kính đen lúc này phản chiếu rõ rệt nội thất của căn hộ và bóng dáng của anh. Ký ức về những nhiệm vụ đã qua hiện về trong tâm trí Paul: Mogadishu, Bosnia, những ngọn núi Chechnya. Bỗng dưng anh nghĩ tới điệp vụ sắp tới. Khi mừng tượng ra cảnh lũ chuột bạch chui ra khỏi lồng nhờ những kẻ loạn óc, anh bỗng cười phá lên.

MÙI ADAM

Paul cầm lon nước ngọt lên tu một hơi, tự hỏi mình có còn muốn đi ngủ hay không. Nói thật ra, anh cảm thấy mình đang trôi dạt vào một trạng thái lơ mơ thay thế cho giấc ngủ.

Anh chịu không thể hiểu được điều gì làm anh băn khoăn. Anh không muốn trả lời bất cứ lời nhắn nào. Thế nhưng, anh phải làm một việc. Suy nghĩ đang từ từ tuột đi trong đầu anh. Paul với tay cầm lấy cuốn sổ nằm lẫn lóc dưới đất. Paul lật giở các trang giấy và tìm ra được số điện thoại. Cô đã bảo anh đây là số văn phòng của cô. Cô làm việc ở nhà. Trong một thoáng anh tự hỏi liệu tiếng chuông điện thoại có đủ to để có thể nghe thấy từ bất cứ chỗ nào trong căn hộ hay không. Nhưng trong khi còn đang nghĩ thì tay anh đã bấm số. Anh hồi hộp chờ tín hiệu đổ chuông. Sau hai hồi chuông, tiếng máy trả lời tự động vang lên ở đầu dây bên kia. Anh nhận ngay ra giọng nói của cô.

- Chào em, Kerry, - Paul nói, hơi húng hắng để lấy giọng cứng cỏi hơn. - Ừ, cũng đã bảy năm rồi, anh biết thế. Cuộc đời trôi nhanh thật. Anh hy vọng bọn trẻ ổn cả, và Rob cũng thế.

Paul ngừng một lúc. Rồi cuộc anh hoàn toàn có thể chấm dứt cuộc gọi tại đó. Anh đứng lên tắt điện. Khi ngồi xuống trở lại, bóng tối làm anh bình tĩnh hơn. Thay vì nói chuyện với khoảng không trống trải, anh nhìn vào một đốm sáng nhỏ ở phía xa, xuyên qua lớp kính. Tất nhiên lúc này Kerry đang ở Manhattan chứ không phải ở Atlanta. Đó không phải là ánh đèn nhà cô, nhưng điều đó chẳng có gì quan trọng. Ít ra thì anh cũng đang hướng tới một ai đó.

- Ngày mai anh sẽ sang châu Âu công tác. Anh muốn báo tin cho em biết. Ờ thì, anh có hơi ngượng quen đường cũ một chút. Kỳ cục thật, nhất là sau tất cả những gì đã kể với em.

Anh lại ngừng một lúc, uống một ngụm Coca.

- Anh không thể nói nhiều hơn qua điện thoại. Nhưng có thể là... các điều kiện đã được hội đủ rồi. Nhưng anh cũng không hoàn toàn chắc chắn về điều đó.

Paul đã mất quá nhiều hơi sức khi thổi kèn. Giọng anh trở nên khàn đặc.

- Nếu được như thế, thì anh sẽ rất vui... Nhưng tất nhiên là chỉ khi nào em có thể thôi.

"Mình nói chuyện cứ như thằng hâm ấy, đột nhiên anh nghĩ. Ủy mị quá đi mất".

- Thôi, anh sẽ gọi lại cho em sau khi đã biết được nhiều hơn. Nếu em muốn gặp anh, thì gọi cho anh theo số điện thoại...

Paul đọc từng con số rồi im lặng. Anh cố tìm một điều gì đó đỡ ngu ngốc hơn để nói. Và lẽ dĩ nhiên là không tìm ra. Đột nhiên, máy trả lời tự động kêu bíp một tiếng rồi ngắt cuộc điện đàm. Trong một thoáng anh tự hỏi liệu có phải Kerry đã nghe thấy anh nói mà không buồn nhắc ông nghe lên và quyết định chấm dứt cuộc gọi. Không phải, chính sự yên lặng quá lâu đã làm cho đường dây tự ngắt.

Anh đứng dậy, đến bên giường, nhặt cái lon rơi dưới đất lên rồi nằm xuống. Anh thấy mệt mỏi vô cùng.

"Lũ chuột bạch...". Anh nghĩ.

Rồi anh so vai và ngủ thiếp đi.

V

Chaulmes, Pháp.

Thị trấn Chaulmes nằm ẩn mình trong vùng núi Jura. Thế nhưng thành phố Montbéliard đã tóm chặt lấy nó, bóp nghẹt nó và lôi nó ra khỏi sự đơn độc cổ hữu. Nằm dưới một thung lũng lạnh lẽo, bản thân ngôi làng là một nhúm các trang trại rộng lớn bao quanh là tường đá, được trở những cánh cổng tròn đủ cao để cho những chiếc xe chở cỏ khô có thể chui qua. Trong khi vội vàng nhích sát lại gần nhau cho khỏi rét, những công trình xây dựng kia chỉ kịp chứa chỗ

MÙI-ADAM

cho một cái nhà nguyên nhỏ tí và một tòa thị chính vuông vắn xinh xinh nằm đối diện với đài tưởng niệm các chiến sĩ hy sinh trong Thế chiến thứ nhất. Chung quanh đó, cho đến tận những sườn núi dốc đứng, chỉ có một chót gác đơn sơ bằng gỗ màu đen.

Khung cảnh hoang vắng và cô độc ở phía thung lũng trải rộng ra, đáng lẽ phải đến hút tầm mắt bỗng bị chặn lại bởi vành đai công nghiệp của thành phố. Từ trên bậc thềm của tòa thị chính, người ta đã có thể nhận ra khối nhà vuông đầu tiên màu xám và xung quanh nó là cả một mạng lưới các cột tháp, dây điện và cấu trúc kim loại của một cái kho.

Nằm ở khoảng giữa đoạn đường từ thị trấn đến khu ngoại ô thành phố, trên một sườn dốc thoải đã bị chặt sạch cây cối để dẫn nước suối, mọc lên một căn nhà kỳ lạ. Nó không thuộc về bất cứ bên nào của hai khu vực mà nó đóng vai trò là mốc giới tuyến. Người ta không thể đoán được ai là tác giả của công trình: Một nông dân giàu có muốn bước ra khỏi thửa đất của mình hay một tay trưởng giả muốn xích lại gần với thiên nhiên. Nằm trên đỉnh dốc, căn nhà được tô điểm bằng các nẹp và cột gỗ trang trí khá giống với kiểu nhà ở Deauville. Kỳ lạ là nó gần như không hướng ra thung lũng trong khi hai ô cửa lớn mở ra ban công lại quay mặt về phía vách đá màu đen nhờ nhờ, chắn mất tầm nhìn ở khoảng cách vài mét.

Khi Juliette đến ngôi nhà này, đó chính là điểm khiến cô hài lòng. Ở một vị trí xa thị trấn và thành phố hết mức có thể, dần dần xoay lưng lại và nhúng mũi vào đất đá ẩm ướt, công trình này hoàn toàn thích hợp với cô. Juliette lưu lạc đến cái chốn quê mùa thảm hại này chỉ vì một quyết định hành chính: Trường trung học Montbéliard là nhiệm sở đầu tiên của cô sau khi rời trường đại học. Cô đến vùng cao nguyên Jura trong tâm trạng rầu rĩ quen thuộc. Chốn lưu đày bắt buộc này càng làm tình hình thêm tồi tệ. Ngôi nhà ở Chaulmes rất tương hợp với sự ứ đọng của cô.

Cô đã hỏi thuê tầng trệt của ngôi nhà. Tòa thị chính đã giới thiệu cô với chủ nhân của nó, đó là hai chị em ruột đã đứng tuổi. Họ sống

trong một nông trại ở gần đó và đang tuyệt vọng vì không có ai muốn tiếp quản ngôi nhà thảm hại bị nguyên rửa như lời đồn đại. Họ chấp nhận ngay lời đề nghị của Juliette và cho cô thuê tất tạt mười hai phòng chỉ với cái giá mà cô đưa ra cho hai buồng. Ở vùng này, không gian rộng rãi chẳng phải là thứ quý báu gì. Juliette nhận ra mùa đông đã tới. Cái lạnh len lỏi vào khắp mọi nơi, phủ một lớp băng mỏng lên mặt trong của cửa sổ. Cô trốn trong sảnh của ngôi nhà vì ở đó không có cái cửa sổ nào hết. Ở giữa sảnh là một bếp lò kiểu Godin hình trụ mà cô hay ngồi chứa bài ở bên cạnh. Căn phòng nhỏ kế bên, không quá ẩm ướt, được cô sử dụng làm phòng ngủ. Phần còn lại của ngôi nhà, cô để mặc cho những con ma cư ngụ. Juliette mãi rồi cũng quen với những tiếng sập cửa, những bước chân trên gác mái, và thậm chí còn lấy làm vui thích khi luồng tượng ra cuộc đời bí ẩn xưa kia của những bóng ma mà cô đang bầu bạn.

Nhưng tất cả những điều đó, sự buồn tẻ, cái giá lạnh, những hồn ma, đã thuộc về quá khứ. Kể từ một tuần nay, mùa xuân đã quay trở lại cùng với mặt trời và sự ấm áp, đủ để cô có thể mở toang tất cả cửa nẻo trong các căn phòng. Từ một tuần nay, khu rừng đầy chim chóc và lũ sóc. Bầy nai hay tiến lại gần ngôi nhà lúc trời sẩm tối và Juliette thường cười phá lên như điên khi cổ chạm vào chúng mà không được. Nhưng nhất là, một tuần trước đây cô đã thực hiện một chuyện để đời ở Wroclaw.

Lúc tiến lại chỗ chiếc xe hơi của mình trong màn đêm lạnh lẽo ở Ba Lan, cô ngỡ rằng sự phấn khích của mình chỉ là tạm thời. Nhưng nó rất bền, và thậm chí còn ngày một tăng thêm. Một cảm giác sáng khoái đã xâm chiếm lấy Juliette khi cô đập vỡ kính cửa tử. Cảm giác ấy vẫn còn đang ngập tràn trong cô, xua đi mọi lo buồn. Juliette thấy mình no nê như một cánh buồm căng gió, cứ thế tiến lên phía trước dù chưa biết sẽ về đâu. Cô có cảm giác mình thật mỏng manh, yếu đuối, có thể suy sụp bất cứ lúc nào, nhưng nỗi lo sợ ấy không hề làm giảm bớt sự hưng phấn trong cô, trái lại còn làm nó tăng lên bội phần. Từ lúc quay về, chưa có ngày nào cô ngủ quá hai tiếng. Cô

MÙI ADAM

cũng không đi làm, chỉ dành thời gian để đi đi lại lại trong nhà, cần mẫn mở từng khung cửa bị độ ẩm làm cho nở ra, tỉ mỉ sắp xếp lại những chồng sách đã dính bết vào nhau vì nấm mốc. Juliette ngẫu nhiên lật giở chúng, nhặt nhanh một đôi câu chữ, chấp nối nó với những câu khác hiện về trong trí nhớ. Cô hết cười rồi lại khóc với cùng một niềm hạnh phúc. Những ý tưởng chồng chéo trong đầu cô. Có khi Juliette làm hai việc cùng lúc và chẳng hoàn thành được cái nào cả.

Trên gác mái, Juliette tìm thấy một cái rương chất đầy quần áo cũ của phụ nữ. Cô dành ra cả một buổi chiều để dỡ đồng quần áo ra, ướm thử chúng lên người trước một tấm gương cũ kỹ. Nó được đặt trên sàn, hơi nghiêng vào tường nên khi soi gương, cô nom có vẻ cao hơn so với cái chiều cao một thước sáu lăm của mình. Cô đã thử làm đủ kiểu với mái tóc: Búi tóc, tết bím, cột đuôi ngựa, rẽ ngôi, để tóc mái... Thường thì Juliette rất ghét soi gương, nhưng lần này dường như cô đã phát hiện ra một người lạ mặt trong đó.

Nhưng đằng sau sự kích động và phù phiếm kia là một quá trình sâu sắc, bền bỉ, biến đổi con người cô thành chín chắn hơn. Cho đến khi sự cô độc của Juliette bị phá vỡ bởi tiếng ồn của một chiếc mô tô leo ngược con dốc lên đến nhà cô, sau đó bảy ngày, thì Juliette cảm thấy mình đã sẵn sàng.

Chiếc xe dừng lại bên cạnh bậc thềm. Qua cửa sổ, Juliette trông thấy Jonathan đang tháo găng và mũ bảo hiểm. Cô để anh ta tự vào nhà và tìm đến chỗ cô. Anh ta biết đường rồi mà. Mặc dù đã chuẩn bị tinh thần trước chuyến viếng thăm này, Juliette vẫn cảm thấy cơ thể mình đang run rẩy: luôn luôn phải trấn an nó, kiểm soát sự sợ hãi tỏa ra từ nó. Cô cảm thấy lạnh toát người, lòng bàn tay xâm xấp mồ hôi. Cô biết mọi chuyện sẽ ổn ngay khi tinh thần của mình chiếm lại ưu thế so với thể xác. Cơ thể cô yếu đuối nhưng nó biết nghe lời. Đến một mức độ căng thẳng và liều lĩnh nhất định, nó thậm chí còn trở thành một cỗ máy hoàn hảo, mềm dẻo và dễ sai khiến. Ở Wrocław cô đã nhận thấy điều đó.

Juliette cố gắng bước xuống cầu thang một cách bình tĩnh. Đúng vào lúc cô đặt chân xuống sàn gạch gốm thì Jonathan hiện ra trên ngưỡng cửa bếp.

- Chào em! - Anh ta vừa cười vừa nói.

Jonathan đi theo Juliette sang căn phòng mà cô dùng làm phòng khách, căn phòng trông ra vách đá ẩm ướt. Anh ta vút mũ bảo hiểm xuống một chiếc ghế bành phủ vải trắng như những món đồ khác trong phòng. Mái tóc của Jonathan vẫn còn nằm ẹp xuống da đầu. Anh chàng cởi áo khoác da và tháo bỏ chiếc khăn kiểu Palestine.

Những con ma vẫn ám lấy nhà Juliette, hàng đêm thường có khuôn mặt này: Chiếc cằm rộng thường trực một lớp râu quai nón màu vàng ngả sang hung, đôi mắt với hai mí sụp tạo cho cái nhìn vẻ chán chường, gây bối rối, gần như thôi miên người ta, chiếc mũi gồ lên ở đúng chỗ tiếp xúc giữa lớp sụn và xương sống mũi, giống như sườn của một con thú quá gầy. Tổng hòa của tất cả những cái đó chính là Jonathan. Nhưng, cũng như những con ma, anh ta đề kháng yếu với ánh sáng ban ngày, và đặc biệt là trước sự sáng suốt mới mẻ của Juliette. Cô thấy Jonathan có nét của một gã công tử bột mà sự sung túc không che giấu hết được tính yếu đuối.

- Anh đã mang đến thứ cần thiết để ăn mừng cho thành công của em. - Anh ta tuyên bố, nháy mắt với cô một cái.

Jonathan đặt túi lên một chồng sách và lôi ra hai chai Corona nhỏ, bên trong có những lát chanh lơ lửng. Rút con dao xếp trong túi ra, anh ta mở nắp rồi đưa một chai cho Juliette.

- Chúc mừng em, - Anh ta vừa nói vừa giơ chai bia lên. - Mừng em đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Jonathan nốc một ngụm bia lớn rồi nhe răng vì đắng.

- Anh đã đọc báo chí Ba Lan trên mạng. Mặc dù chẳng hiểu cái quái gì, nhưng cũng có thể thấy bọn chúng đã cắn câu. Vụ này đã được giật những tit thật kêu: Thả tự do cho động vật, phòng thí nghiệm bị phá hoại, vân vân. Tất nhiên là không phải trang nhất,

MÙI ADAM

nhưng chúng cũng được ưu ái dành cho những vị trí tốt. Cùng với mấy tấm ảnh chụp những con khỉ trong lồng mà bọn họ chẳng biết moi ở đâu ra.

Juliette ngồi lên bậu cửa sổ. Jonathan lại gần cô, nhưng khi thấy cô không chừa chỗ cho mình, anh ta lùi lại, tựa người vào một cái bàn bằng gỗ gụ.

- Những thông tin của anh không tồi, đúng không? - Anh ta nói. - Anh đã "hậu cần" mọi thứ rất kỹ mà.

Như mọi khi, Jonathan bắt đầu tự nói về mình. Mặc dù đã dự trù trước sự thăm hỏi này, nhưng Juliette vẫn cảm thấy bối rối vì phải quay trở lại thực tế quá đột ngột. Trong đầu cô, câu nói của Jonathan làm nảy nòi ra những ý nghĩ rất kỳ quặc. Từ "hậu cần" khiến cô liên tưởng đến nỗi canh hằm, lan man sang khu vườn và những bụi hồng mà cô định trồng, từ hoa hồng cô lại nghĩ tới nước hoa. Juliette phải tự kìm mình để không phóng sang nhà tắm rảy nước hoa Chanel số 19 lên người. Cô nhận ra sự lạc điệu của những suy nghĩ đó và ở yên tại chỗ, cổ họng thắt lại, không biết phải nói gì. May mắn thay, Jonathan có đủ sức nói cho cả hai người, bằng chất giọng ề ề của mình. Anh ta bắt đầu ca tụng tính chuyên nghiệp của phi vụ, tự tán dương bản thân mình vì những chọn lựa đúng đắn: Việc sử dụng xe hơi, việc Juliette hành động một mình, việc căn ke giờ giấc...

- Em biết đấy, - anh ta nói sau một chút im lặng suy nghĩ, - anh cũng rất muốn đi cùng em.

Jonathan đang cúi người về phía trước. Ngữ điệu mềm mòng cùng chất giọng mũi làm cô rung mình. Cô có cảm tưởng anh ta muốn chạm vào tay mình. Bất giác cô cứng người lại và dịch ra xa đủ để cho động tác của Jonathan rơi vào khoảng không.

Jonathan hơi nhếch mép cười, như một người đàn ông đang chán đời mà chẳng gì có thể ảnh hưởng đến tình cảm của anh ta được.

- Dù gì thì, chắc em phải sướng lắm nhì. Kể anh nghe đi. Khi thả mấy con thú đó em cảm thấy thế nào?

Anh ta chẳng hề chân thành chút nào. Cô biết chắc như vậy. Khi cô còn nấu mình trong cái kén tự bảo vệ, anh ta đã có thể lừa được cô. Nhưng giờ thì không được nữa rồi. Cô nhìn thấy điều đó rõ ràng như dưới ánh mặt trời mùa đông, khi mà bầu không khí lạnh giá làm cho mọi thứ trở nên rõ mồn một đến nhức cả mắt.

- Mọi chuyện đã diễn ra rất nhanh chóng. - Cô nói, không nhận ra giọng của chính mình vì nó quá nhanh và quá to. - Em chẳng có thì giờ để mà nhận ra nữa. Anh muốn ăn gì không?

Thật chẳng đâu vào đâu. Cô biết thế, nên quyết định ngừng lời. Để không cảm thấy mình bị mắc kẹt trong khung cửa sổ, đột nhiên cô nhảy xuống đất. Jonathan bật ngả người ra sau, mặt thoáng lộ vẻ ngạc nhiên và e ngại.

"Hèn thật", cô nghĩ bụng.

Vài tia sáng len lỏi chiếu xuyên qua những cây thông. Cánh rừng bình thường đen thui bây giờ khoác lên mình lớp áo màu caramel và hạt dẻ ngọt ngào.

- Ừ, - Jonathan tỏ ra đồng tình trong lúc nhìn chỗ bia của mình, - anh hiểu cảm giác của em.

Trong một thoáng, Juliette tự hỏi liệu mình có bị sự cảm dỗ đẩy đến chỗ thú nhận với anh ta niềm lạc thú của những cú vung búa, sự quay lại đầy bất ngờ và bền vững của trạng thái phủ phê, đủ đầy, giống như hồi họ mới biết nhau, lúc mà cô bị đuổi ra khỏi phong trào. Cô cực kỳ muốn diễn tả cảm xúc đó, sự biến đổi đó. Anh ta là người duy nhất mà cô có thể chia sẻ. Nhưng cùng lúc ấy, trong khi cô nhìn Jonathan từ đằng sau, trông cái thân người hơi cúi về phía trước và mái tóc đã bắt đầu thưa trên đỉnh đầu dù chỉ mới ngoài ba mươi tuổi, cô tự nhủ lúc này anh ta là người cuối cùng mà cô muốn tâm sự.

- Anh hiểu mà, - Jonathan nói.

"Phải đấy, cô nghĩ thầm, anh hiểu... y như mọi lần". Ham muốn thổ lộ đã qua đi, kéo theo những rắc rối khác. Cô thanh thản đón đợi những gì sắp xảy ra. Jonathan quay lại, mắt trừng trừng nhìn cô, lo ngại.

MÙI ADAM

- Bộ áo liền quần đen thì sao?
- Em đã đốt nó rồi.
- Cùng với mặt nạ và những đôi ủng chứ?
- Vâng.
- Khi đốt, em có tìm đến mảnh đất trống sau biên giới không?
- Chẳng chút khó khăn gì.

Cô thích cái trò truy vấn này. Nếu có một thứ mà cô cảm thấy mình đã quen, thì đó là việc quy phục trò chơi quyền lực. Cả quãng đời thơ ấu cô toàn hiền ngoan phục tùng. Trong cái nhà kính của sự nhần nhục, không gì quen thuộc với cô hơn là việc để cho một loài cây đại nây nở, đâm hoa và kết trái, loài cây ước mơ.

- Đêm thứ hai em đã ngủ ở đâu?
- Trong khách sạn ven đường, gần Leipzig.
- Trả bằng tiền mặt chứ?
- Vâng.
- Còn ở biên giới?
- Không gặp vấn đề gì. Máy tay cảnh sát còn hơi tán tỉnh em nữa kia.
- Không đến mức độ nhớ ra em chứ?
- Bọn họ say khướt ấy mà.

- Khi em trả xe, người bán có thắc mắc về đoạn đường em đã đi không? Hai ngàn cây số trong ba ngày, tức là mỗi ngày chạy khoảng sáu trăm cây. Anh ta chẳng hỏi han gì em à?

- Không. Anh ta chẳng cần biết. Đó là một tay sinh viên người Thổ làm thêm buổi tối để kiếm ít tiền.

Jonathan còn đặt thêm vài câu hỏi thông thường nữa, trước khi mỉm cười, ngả người ra sau.

- Tuyệt vời! - Anh ta kết luận. - Một sự thành công tuyệt đối.

Jonathan đặt chai bia xuống bàn rồi nhìn đồng hồ đeo tay.

- Anh phải đi ra Chipie đây. Hôm nay anh mở màn.

Jonathan làm việc trong một hộp đêm ở Lyon, khu phố Saint

Paul. Anh ta tự giới thiệu mình như một tay chơi ghi ta, nhưng trên thực tế, người chủ bắt anh ta làm gần như mọi việc. Trong phần lớn thời gian của buổi tối, Jonathan phục vụ đồ uống.

Juliette chờ đợi phần tiếp theo. Việc cô không nhúc nhích gây trở ngại cho sự rút lui của Jonathan. Anh ta có vẻ không tự nhiên khi giả vờ dối ý.

- Có một vấn đề, - Jonathan nói.

"Phải rồi, cô nghĩ thầm, *rốt cuộc* chúng ta hãy vào thẳng vấn đề thôi".

- Đừng quên đưa anh cái lọ đồ nhé.

Khi thấy cô vẫn không có phản ứng gì, anh ta đỏ mặt:

- Em đã lấy được nó, đúng không?

- Đúng, em đã lấy nó.

Juliette chỉ muốn hét thật to, cười vang và nhảy nhót như điên dại. Nhưng cô vẫn ngồi yên trên ghế, đưa tay rút một bàn chân lên để kê hông. Cô nắm lấy nó như người ta xích chân một con ngựa để không phải thấy cảnh tượng tinh thần và thể xác của mình lỏng lẻo chạy trốn. "Nói đi, đến lúc rồi".

- Em đã suy nghĩ kỹ rồi, Jonathan ạ.

Anh ta làm rơi chìa khóa xe. Cô chờ đợi trong lúc Jonathan nhặt chúng lên. Không nên đánh sau lưng người ta.

- Em quyết theo vụ này. - Cô nói.

Jonathan sững người. Nụ cười trên môi tắt lịm và ánh mắt lạnh lùng, Jonathan đang dùng hết sức để trấn áp cô.

"Buồn cười thật, cô nghĩ bụng, đầu óc hoàn toàn sáng suốt như thể cô là một con mòng biển đang quan sát sự việc từ trên cao. Anh ta cố làm mình sợ, nhưng mình chẳng thấy sợ chút nào".

Khi hai người còn là sinh viên, Jonathan đã ảnh hưởng tới cô, nhưng cô có bao giờ xem chuyện đó là nghiêm trọng không? Cô nhận ra là không. Họ đã từng cặp kè với nhau. Ở trong chăn mới biết chăn có rận. Trong con người Jonathan có những điểm yếu mà cô không hề quên.

MÙI ADAM

- Juliette, đưa anh cái lọ đó đi. Em không biết trong đó có gì đâu. Mà dù sao thì em cũng chẳng biết dùng nó vào việc gì.

- Anh phải giao nó cho ai đó hả?

- Điều này không liên can gì đến em. Đây là chuyện của anh.

- Hãy để em đi làm thay cho anh.

- Đi đâu? - Jonathan nhún vai nói. - Em điên rồi!

Anh ta gồng người lên, rõ là tự kiểm chế. Jonathan tóm lấy một cái ghế và ngồi xuống trước mặt Juliette. Thậm chí anh ta còn cố mỉm cười.

- Juliette này, những gì cần phải làm, em đã thực hiện rất tốt. Cấp trên của anh sẽ rất hài lòng. Chắc hẳn họ sẽ giao cho em một việc khác, bởi vì em rất muốn làm đến cùng. Nhưng vụ này rất quan trọng. Vai trò của em trong vụ này đã chấm dứt. Vai trò của anh cũng sẽ kết thúc khi anh chuyển giao cái lọ.

"Cấp trên của anh". Ôi! Jonathan tội nghiệp! Tự nhiên Juliette thấy thương hại anh ta. Cái giọng điệu mềm yếu khi anh ta nói ra chữ ấy... Ngay cả khi làm một việc phạm pháp, anh ta cũng thấy cần phải tôn trọng một luật lệ đã có sẵn, một thứ tôn ti trật tự. Anh ta phá luật, nhưng một khi đã vượt qua giới hạn, anh ta ngừng lại ngay tắp lự, không bao giờ dám đi xa hơn. Còn cô thì có.

- Em luôn luôn theo đến cùng việc mình làm.

- Đến cùng! Nhưng đến *đâu*? Em còn chẳng biết nó là cái gì nữa. Ngoài ra, anh cũng không biết, và chúng ta không cần biết làm gì. Chúng ta là những người trung gian, những người chỉ đầu đánh đậy, em hiểu chứ?

Đôi mắt đen của Juliette chiếu tướng Jonathan, bác bỏ mọi lời nói của anh ta.

- Anh thích xoay xở thế nào với "những người hậu thuẫn" của anh thì tùy, - Juliette bình thản kết luận, một sự thanh thản khiến chính cô cũng phải ngạc nhiên. - Hãy bảo họ là đã có một sự nổi loạn. Chính *em* sẽ đem cái lọ tới. Em muốn gặp mặt họ.

- Em nên biết điều, - Jonathan đổi giọng, lúc này đã thành thật hơn. - Tất cả chuyện này sẽ đưa em đi xa và đi lâu đấy. Em liệu có bỏ việc, bỏ nhà cửa, bỏ cuộc sống của em được không?

- Em đã xin nghỉ dạy năm học tới. Hợp đồng thuê căn nhà này sẽ đáo hạn vào tháng sáu. Và trường học tuần sau sẽ đóng cửa nghỉ lễ Phục sinh.

Lúc này Jonathan mới vỡ lẽ rằng cô đã chuẩn bị mọi thứ từ lâu rồi. Hơn hết, anh ta nhận ra cô tự do, không có gia đình, không có gì ràng buộc. Những gì đối với Jonathan là lợi thế vào thời điểm anh ta giao nhiệm vụ này cho Juliette hóa ra lại chính là mối nguy. Cuộc sống đã che chắn cho cô gái này khỏi sự đau đớn và tất cả những nỗi sợ hãi, có lẽ chỉ trừ nỗi sợ chính bản thân mình. Cô đứng là không thể kiểm soát được. Thật tình là anh đã không hiểu rõ cô.

- Em có ý định này từ bao giờ thế? - Jonathan hỏi.

- Từ khi anh bảo em đi đến đó. Ngay lập tức em đã hiểu rằng vụ mấy con khi và chuột kia chỉ là màn mở đầu. Có cái gì đó đang chuẩn bị diễn ra. Một điều quan trọng.

Đáng lẽ anh nên dè chừng cô. Vẻ dù dờ, nhút nhát và ủ dột của cô đã đánh lừa người khác rất khéo. Cô có thể dễ dàng làm cho người ta tưởng rằng mình chấp nhận để cho bị dấn mũi. Nhưng cuối cùng chính người cầm dây lại là cô.

Trong một thoáng, Jonathan đã định giờ vũ lực ra. Đánh cô ư? Người ta chỉ đánh những gì mình sợ. Tất nhiên là anh ta sẽ cảm thấy thỏa mãn. Nhưng kết quả thì sao? Anh nhìn cô gái đang thu mình trên chiếc ghế với cái dáng vẻ mỏng manh nhưng không thể phá hủy. Không nghi ngờ gì nữa, đây là cô gái đã băng qua một bể sâu thăm bơ vơ, nhưng giờ đây trong mắt cô đang ánh lên cái tia nhìn giễu cợt ấy. Dường như bên trong cô đang sôi sùng sục. Lâu lâu cô lại bật cười vô cớ. Không thể nhận ra cô lúc này. Hay đúng hơn là Jonathan chỉ biết một cô Juliette hồi xưa, thời mà họ mới làm quen với nhau. Và đã chẳng đi đến đâu.

Jonathan đứng dậy, cầm lấy mũ bảo hiểm.

MÙI ADAM

- Em không thay đổi ý định chứ?

Câu hỏi thật ngớ ngẩn, nhưng cô đã dọn sẵn một lối thoát đường hoàng. Cô ban cho anh ta một tiếng “không” rất tử tế.

Bằng một động tác dứt khoát, Jonathan mặc áo khoác và băng qua căn phòng. Rồi, với một nụ cười gượng, anh ta tuyên bố:

- Tất cả những chuyện này cũng đã được tính đến rồi, tin anh đi. Tình huống này đã được dự đoán từ trước. Các phương án đối phó đã có sẵn, em sẽ sớm biết ngay thôi.

Nhưng lời quả quyết về khả năng nhìn xa trông rộng của các “cấp trên” nổi tiếng kia, thật ra dùng để trấn an bản thân anh là chính.

Jonathan giơ hai ngón tay lên phác một cử chỉ từ biệt rồi rời khỏi căn phòng bằng những bước chân loạng choạng.

Juliette đợi cho đến khi chiếc mô tô đã đi xa rồi mới đóng cửa sổ lại. Cô sắp sửa có một đêm yên tĩnh, thoáng đãng, không trăng và cũng chẳng có ma.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VI

Wroclaw, Ba Lan.

Wroclaw là một thị trấn nằm sai chỗ: cứ mỗi lần chiến tranh là nó lại bị tàn phá. Cuộc chiến gần nhất suýt chút nữa đã gạch tên nó trên bản đồ. Ngoài ra, người ta không rõ Liên Xô còn làm chuyện gì tệ hơn được nữa. San bằng nó đi hay là tái thiết nó. Ngoại trừ một vài chỗ ở trung tâm thành phố được dựng lại theo phong cách trung cổ, ngày nay Wroclaw là một con quái vật bằng bê tông. Những dãy nhà nằm xếp hàng, tuyền một màu xám ngoét, chỉ được điểm tô chút màu sắc của những tấm áp phích quảng cáo.

Đây không phải là nơi lý tưởng để đi nghỉ. Thế nhưng trong lúc thả bộ trên những đại lộ dài, dọc ngang các chuyến xe điện lắc lư, Paul lại cảm thấy như đang đi du lịch. Các cộng sự của anh đã dễ dàng chấp nhận thay chỗ anh trong một tháng và anh quyết tâm kết thúc chuyện đó sớm hơn. Chủ yếu là Archie cần phải giữ lời. Tin nhắn từ ban quản trị của Hobson và Ridge đã đến chỉ một ngày sau khi anh từ Rhode Island trở về, chính thức dành một khoản tài trợ lớn cho phòng khám năm nay.

Ngay buổi tối cùng ngày, Paul đã đáp máy bay sang Warsaw rồi bay tiếp một chặng nội địa. Anh đã lấy lại nhịp độ nhanh gọn của trường phái tình báo Mỹ. Tình báo Anh thì rõ ràng là thâm hiểm hơn, gián điệp Nga trí trá hơn trong khi mật vụ Đức lại cứng nhắc hơn. Nhưng không ai đuổi kịp được người Mỹ về độ hiệu quả trong công tác hậu cần và tính nhanh gọn trong việc thực thi nhiệm vụ. Và may mắn là truyền thống này được truyền sang lĩnh vực tình báo.

Đồng hồ chỉ năm giờ kém mười khi xe taxi thả anh xuống trước phòng thí nghiệm. Cuộc hẹn đã được thu xếp trực tiếp từ Mỹ. "Cậu hãy nhập cuộc bằng cách đi thăm thú một vòng nơi đó, - Archie đã nói như thế. Cậu có thể đọc hồ sơ của cảnh sát trên máy bay. Không cần phải tiến hành điều tra lại đâu. Chỉ cần hít ngửi một chút không khí hiện trường".

- Vậy thì, ta hít cái nào, - Paul tự nhủ trong lúc đưa mắt nhìn tòa nhà.

Tòa nhà của phòng thí nghiệm trông còn thô thảm hơn nhiều so với những chỗ khác. Sắt thép hoen gỉ còn sót lại từ một chiếc cầu thang lộ thiên hoặc một cái ban công chưa hoàn tất lòi ra trên mặt tiền xám xịt gỗ ghè của ngôi nhà. Các ô cửa sổ chỉ là những ô vuông không có gờ trang trí cũng chẳng có bậc cửa, bị che một phần bởi lớp màng sáo gỗ xộc xệch.

Bao quanh tòa nhà là một khu vườn, hay đúng hơn là một bãi hoang âm đạm tuyền một thứ đất bùn màu xám xám, loe ngoe vài đám cỏ mọc, được dùng làm nơi đậu xe. Bề mặt của nó bị rạch nát bởi những vết bánh xe chằng chịt. Vì vẫn còn sớm so với giờ hẹn,

MÙI ADAM

nên Paul quyết định xem xét một chút chỗ này. Anh dễ dàng nhận ra lối thoát hiểm đã được mô tả trong báo cáo của cảnh sát, đường đột nhập của những kẻ phá hoại. Đó là lối duy nhất của tầng trệt mở ra phía sau.

Paul để ý thấy từ chỗ này, mặt ngoài của các tòa nhà bên cạnh hoặc hoàn toàn bị che khuất, hoặc được dùng làm những nhà xưởng mà chắc chắn là không có người ở vào ban đêm. Cũng chính vì thế nên chả ai nhìn thấy gì.

Anh quay trở lại lối vào chính và đẩy cửa. Thời tiết mùa xuân cũng dễ chịu, nhưng rõ ràng do thói quan liêu nên hệ thống sưởi trung tâm vẫn còn chạy. Không khí ẩm và khô sục lên, khá là khó chịu. Mùi thảm lót sàn và cả phê nguội hoa quện với thứ mùi khó ngửi của các hóa chất. Sảnh trước không có ai. Các bức tường bị bao phủ bởi những tấm áp phích viết bằng tiếng Ba Lan và tiếng Anh, thông báo về các kỳ tuyển sinh hoặc các hội thảo khoa học. Một tấm biển kèm theo hình mũi tên dường như chỉ dẫn tới phòng thư ký. Nó dẫn đến một căn phòng cửa mở. Paul rút rè bước vào sau khi giả vờ đưa tay gõ cửa. Văn phòng cũng không có người, chỉ được canh chừng bởi một tấm hình của Jean Paul đệ Nhị treo trên tường. Đức giáo hoàng trong bộ lễ phục đỏ mím cười bí hiểm như mọi khi.

Một cánh cửa khác dẫn sang căn phòng bên cạnh. Paul nghe thấy bên đó có tiếng sột soạt. Không bao lâu sau, một bóng người xuất hiện trên khung cửa.

- Hình như tôi nghe thấy... Anh là?

- Paul Bainville.

Đây là lần đầu tiên Paul sử dụng tên giả, được chọn với âm hưởng Pháp để dễ bề dựng nên một câu chuyện.

- Rất mừng gặp anh, anh Bainville. Tôi là giáo sư Rogulski. Chúng ta đã hẹn nhau...

- Lúc năm giờ, nếu tôi không nhầm.

Paul đi theo ông giáo sư sang căn phòng bên cạnh. Họ ngồi xuống hai bên của chiếc bàn làm việc ngắn ngang tài liệu.

Ông giáo sư rõ ràng đã ngoài sáu mươi, nhưng vẫn giữ cách ăn mặc từ thời sinh viên: quần nhung nổi gân, áo sơ mi kẻ sọc thời những năm sáu mươi đã sờn nơi cổ tay, giày hướng đạo sinh có đế dày. Chiếc áo blouse được ông khoác khá cẩu thả, một bên cổ bị lật vào trong. Ông có sắc diện nhợt nhạt và làn da trong suốt của một người ở trong nhà quá lâu. Mái tóc muối tiêu đã thưa vẫn còn giữ được sự dợn sóng mà chắc hẳn ông đã chải thành nếp từ thời trai trẻ. Thời còn học y khoa, Paul đã từng tiếp xúc với vài ông thầy kiểu này. Họ là những người hoàn toàn bị hút vào trong một thực tế khác, gồm toàn là vi khuẩn, các phân tử hoặc những tế bào, và trưng ra trước mắt người đời một bề ngoài bàng quan với những đường nét bất biến cùng các màu sắc lợt lạt, trông như được gắn cái nhãn mác “Đóng cửa trùng tu”.

Điểm đặc biệt của Rogulski nằm ở đôi mắt nhỏ rất linh hoạt và rất đen, được phóng to bởi cặp kính lão thanh mảnh. Chúng cứ liên tục đảo về mọi hướng.

- Hôm nay là thứ sáu, không có thư ký cũng chẳng có nhân viên.
- Ông thờ dài nói. - Tôi có thể giúp gì được anh, thưa anh Bainville?

Giọng điệu của ông không hẳn lịch sự, mà đúng hơn là một điệp khúc ca thán tất yếu về sự thiếu thốn phương tiện và tình cảnh khốn khó của công cuộc nghiên cứu, những lời phàn nàn vốn gắn liền với các trường đại học trên toàn thế giới.

Paul đưa mắt nhìn căn phòng. Tình trạng xập xệ của tòa nhà khiến người ta không tưởng tượng nổi nó lại được trang bị các máy móc hiện đại đến thế. Chiếc máy vi tính của Rogulski là một mẫu cực kỳ tân tiến mà Paul chỉ dám mơ ước cho phòng khám của mình.

Anh rút từ trong ví ra tấm danh thiếp và đưa cho ông giáo sư.

- A, anh đến từ Atlanta! Chắc là từ chỗ Trung tâm phải không?

Rogulski nói một thứ tiếng Anh rất tuyệt hảo, theo chuẩn Anh quốc, với giọng slavơ nặng.

- Đúng là tổ chức mà tôi làm việc trực thuộc Trung tâm kiểm soát dịch bệnh, nhưng chúng tôi hoạt động độc lập.

MÙI-ADAM

- “Ủy ban an toàn các đơn vị nghiên cứu”. Tôi không biết cái này. Nó mới được thành lập à?

- Ủy ban đã tồn tại được ba năm. - Paul quả quyết nói.

Ở giai đoạn mới tiếp xúc này, anh không được để lộ bất cứ sự ngập ngừng nào. Ông giáo sư ngồi nhìn tấm danh thiếp một lúc. Ông lật nó lại, đưa lên gần mắt, và thậm chí giơ ra dưới ánh đèn, làm như muốn tìm một hoa văn in chìm vậy.

Paul không lường trước sự hoài nghi này. Việc hoạt động dưới vỏ bọc thực ra không phải để đánh lừa ông giáo sư, mà chỉ để tránh không cho cảnh sát biết.

Sự thận trọng của giáo sư Rogulski là một bất ngờ, cũng có thể là một manh mối, nhưng dù sao thì ngay lúc này, nó là một mối đe dọa. Hồi còn làm việc ở Cục tình báo, Paul biết việc chuẩn bị lớp vỏ bọc của họ được thực hiện rất tuyệt vời. Còn với Providence, anh vẫn hơi nghi ngờ một chút. Về lý thuyết thì nếu ông giáo sư nhắc điện thoại gọi tới số máy ghi trên tấm danh thiếp, ông sẽ gặp một tổng đài viên tại Rhode Island và có thể làm ông yên tâm. Chỉ mong sao mọi thứ vận hành trơn tru.

Paul tham gia vụ này với một sự uể oải và tự tin thái quá do những lời tăng bốc của Archie. Sự nghi ngờ của ông giáo sư đã làm anh bưng tỉnh. Lập tức anh được nhúng trở lại vào cái thế giới nặng trĩu các bí mật và dối trá, tiềm tàng nhiều trở ngại và nguy hiểm.

Cuối cùng, giáo sư Rogulski đặt tấm danh thiếp xuống.

- Anh không phiền nếu tôi hút thuốc chứ? - Ông hỏi.

Trước khi Paul kịp tỏ ý chấp thuận thì ông đã rút ra một chiếc bật lửa hiệu Zippo và châm một điếu thuốc lá không có đầu lọc.

Một người Mỹ chưa cảm thấy hoàn toàn ở nước ngoài chừng nào mà anh ta chưa bị một ai đó phả đám khói thuốc dày đặc vào mặt trong một căn phòng kín. Đối với Paul, đây gần như là điểm bắt đầu của cuộc hành trình.

- Anh là nhà sinh vật học à? - Rogulski hỏi.

- Tôi là bác sĩ, nhưng đã được đào tạo về sinh học.

Rất tình cờ là trên chuyến bay xuyên qua Đại Tây Dương, Paul đã ôn lại các bài học về bệnh truyền nhiễm và vi sinh. Anh đã không nghĩ là giáo sư Rogulski có thể hỏi han kiến thức của mình, thế nhưng ngay lúc này thì khả năng đó dường như lớn hơn anh tưởng. Im lặng kéo dài.

- Anh đến để nói chuyện về vụ tấn công mà chúng tôi là nạn nhân à?

- Đúng là thế. - Paul xác nhận.

- Tôi đã trả lời cảnh sát điều tra rồi.

- Dĩ nhiên, nhưng công việc của chúng tôi lại chẳng có liên quan gì với cảnh sát cả. Chúng tôi thực hiện những cuộc điều tra thường quy, - Paul nhấn mạnh vào chữ *thường quy*, - ở tất cả những trung tâm nghiên cứu nào bị đột nhập như thế này. Chúng tôi chỉ quan tâm đến các nguy cơ về mặt sinh học chứ không tìm cách săn đuổi những kẻ phạm tội.

- Tôi hiểu rồi. Chính xác thì anh muốn biết gì?

- Có lẽ ta nên bắt đầu bằng việc quan sát nơi này, để tôi có thể hình dung được những gì đã xảy ra chẳng?

- Mời đi theo tôi.

Ông giáo sư đứng dậy và cùng Paul đi vào trong hành lang.

- Vụ đột nhập xảy ra vào ban đêm đúng không ạ?

- Vào lúc ba giờ sáng.

- Phòng thí nghiệm không được canh gác sao?

- Có các đợt đi tuần, nhưng chỉ ở bên ngoài tòa nhà thôi, vì không có đủ nguồn lực, đương nhiên là thế. Thêm vào đó, để tiết kiệm, chúng tôi chia sẻ một hợp đồng an ninh với ngân hàng ở đầu đường. Các tay vệ sĩ sẽ đi tới đi lui giữa hai tòa nhà. Như thế chi phí sẽ rẻ hơn.

- Họ chẳng nhận thấy gì sao?

- Từ ba giờ cho đến bốn giờ sáng, họ không bao giờ đi tuần cả. Đó là lúc đổi phiên gác.

MÙI ADAM

- Liệu ông có nghĩ ra được kẻ nào có thể tiết lộ thông tin này cho bọn đột nhập không? Mấy tháng vừa rồi ông không sa thải nhân viên nào chứ?

Rogulski dừng bước, quay lại nhìn Paul chằm chằm.

- Không. - Cuối cùng ông nói.

Paul tự nhủ mình cần phải tự giới hạn trong vai trò của một nhà điều tra khoa học. Bất cứ câu hỏi nào mang tính chất hình sự quá cao sẽ có khả năng làm dấy lên sự nghi ngờ.

Hai người tiếp tục đi đến cuối hành lang. Sau khi qua một lần cửa khóa, họ đi vào một căn phòng trống. Bốn bức tường vừa mới được sơn lại màu trắng.

- Đây chính là nơi bọn chúng đã đập phá. Trong này có các trang thiết bị trị giá hai triệu đô la đây.

- Ông có danh sách không? Tôi phải đính kèm nó vào bản báo cáo.

- Có đây, danh sách của hãng bảo hiểm. Tôi sẽ đưa cho anh một bản sao lúc chúng ta quay trở lại văn phòng.

- Đây là căn phòng duy nhất bị phá hoại à?

- Đúng vậy.

- Theo ông, tại sao nó lại được chọn? Ông nghiên cứu gì ở đây?

- Chúng đã đột nhập vào đây vì phòng này được thông với khu nuôi thú. Chỉ cần phá cánh cửa kính là xong. Để sang những phòng khác, cần phải tấn công những cánh cửa dày mà chúng tôi vẫn khóa bằng chìa hàng đêm.

- Vì lý do gì?

- Vì sợ bị ăn trộm các thiết bị tin học. Vào cuối giờ chiều ở đây thường không có nhiều người. Để tránh bị những kẻ lạ mặt lên vào đi lung tung khắp nơi, chúng tôi đã buộc mọi người phải đóng cửa phòng thí nghiệm hoặc văn phòng làm việc của mình khi ra về.

Trong khi nói chuyện, hai người băng qua căn phòng, đến trước cánh cửa kính đã được sửa lại. Rogulski mở cửa và đưa Paul sang khu nuôi thú.

Căn phòng không cửa sổ này được chiếu sáng bằng đèn huỳnh quang. Các chuồng nhốt thú đều trống rỗng. Trên bức tường chưa được sơn lại, vẫn còn có thể đọc những câu khẩu hiệu đòi tự do cho động vật. Trong lúc nhìn gian phòng trống trải này, bỗng dưng Paul có cảm giác trông thấy kẻ đột nhập vào đây, giữa đêm hôm khuya khoắt, là một phụ nữ mặc đồ đen. Anh không thể nói được lý do tại sao lại hình dung ra chính xác một phụ nữ như thế. Nhưng từ khi bắt tay làm vụ việc này, điều đó giống như là một dự cảm chắc đã được áp đặt lên anh, đi ngược lại mọi suy luận logic.

- Chúng tôi chờ cho đến khi cửa ngoài được gia cố lại rồi mới đưa lữ thú vào nuôi. - Giáo sư Rogulski giải thích bằng một giọng rầu rĩ.

Paul đọc những hàng chữ viết trên tường. Như đã được đề cập trong báo cáo, quả là có hai kiểu chữ viết, một bên trên, một bên dưới, một viết hoa, một viết thường.

- Chúng được viết bằng tiếng Anh. - Paul nhận xét.

- Đúng vậy, nhưng có vẻ như điều đó chẳng chứng tỏ được gì. Ở khắp châu Âu này, chỗ nào chả có những phong trào đấu tranh sử dụng các câu khẩu hiệu tiếng Anh, như những kẻ chống toàn cầu hóa chẳng hạn. Ngoài ra, hồi tôi còn trẻ, thời chiến tranh Việt Nam, ở đây người ta toàn hô "US go home!".

Paul nhìn ông giáo sư. Anh khó mà tưởng tượng nổi cảnh ông ta vừa đi tuần hành vừa la ó phản đối đế quốc Mỹ. Nhưng nói cho cùng, tại một đất nước cộng sản như Ba Lan, người ta đâu thể làm khác được?

- Mấy con thú thế nào rồi?

- Chúng tôi đã mất ba ngày để giải quyết các rắc rối. Chuột nhất chạy khắp nơi trong khu vực. Người ta phải đánh bả chúng. Lũ chuột cống đã gây náo loạn đáng kể khi tạm trú trong một hiệu bánh. Còn bọn khỉ thì không đi đâu xa. Thậm chí có một con nằm chết ngay tại đây, chưa kịp bước ra khỏi cửa. Rốt cuộc, chỉ có bảy mèo là mất tích.

Đột nhiên Paul tỏ ra rất quan tâm. Anh rút từ trong túi ra một cuốn sổ và hí hoáy ghi chép.

MÙI ADAM

- Vậy là đã có một số động vật không được tìm thấy. Lúc này chúng vẫn đang dạo chơi ngoài thiên nhiên à?

- Phải, hai con mèo. - Rogulski nhún vai nói.

- Xin lỗi, thưa giáo sư, nhưng ở đây chúng ta có một vấn đề khiến Ủy ban của chúng tôi rất quan ngại. Để thoát ra ngoài thiên nhiên các sản phẩm hoặc sinh vật dùng cho nghiên cứu là một sự việc có thể dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng. Trong trường hợp này, có thể những con thú không gây ra mối nguy hại đáng kể nào, nhưng để biết được điều đó, ông cần phải nói rõ về các nghiên cứu của ông và những thí nghiệm mà ông đã tiến hành trên động vật.

Điều bộ của Rogulski cho thấy rằng tất cả sự cẩn trọng này thật nực cười. Nhưng cũng có thể trong phần lớn đời mình ông ta đã quá quen với việc tuân theo những mệnh lệnh phi lý. Chính vì thế giọng điệu bề trên của Paul đã thuyết phục ông không tranh cãi nữa. Chi tiết nhỏ này ít ra cũng đáng: dường như nó đã xóa nốt những mối nghi ngờ cuối cùng của ông giáo sư về danh tính của Paul. Mấy cái Ủy ban kiểm soát này nọ hóa ra lại rất được việc...

- Cụ thể thì anh cần biết gì? - Ông giáo sư hỏi, có vẻ đã xuôi xuôi.

- Các ông triển khai chương trình nghiên cứu gì ở đây, và liệu phòng thí nghiệm này có ẩn chứa các mối nguy hiểm hay không?

Rogulski đưa tay vỗ túi áo và tỏ ra bức dọc khi nhận ra mình không mang theo thuốc lá.

- Chúng ta trở về phòng làm việc của tôi đi, - ông nói. - Như vậy nói chuyện sẽ dễ dàng hơn.

Ngay khi về đến nơi, ông giáo sư lục lọi trong các ngăn kéo, lôi ra một miếng xì gà rồi vội vàng châm lửa.

Paul ngồi gác chéo chân, sổ tay kê lên đầu gối, sẵn sàng ghi chép.

- Đúng như tên gọi, - Rogulski bắt đầu nói, - phòng thí nghiệm của tôi được dành cho các nghiên cứu về di truyền học phân tử, hay là sinh hóa các bộ gen, nếu như anh thích gọi thế. Đừng có nhìn vào

tòa nhà này mà đánh giá nhé: chúng tôi đang đi đầu trong những gì mà người ta thực hiện được trên thế giới đây.

Rogulski chỉ các tấm khung treo trên tường.

- Đây, anh có thể nhìn thấy vài ví dụ về các giải thưởng và bằng khen mà chúng tôi đã nhận được. Nếu như anh quan tâm, tôi sẽ cung cấp cho anh bản sao những bài báo của chúng tôi đăng trên tờ *Nature* hoặc *Lancet*.

Chẳng hiểu vì được trở về với sở trường của mình, hay vì đã chắc chắn về danh tính của vị khách, đôi mắt giáo sư Rogulski đã nhìn tập trung hơn và ít dò xét hơn, trong khi miệng ông mỉm cười.

- Tôi sẽ rất sung sướng nếu được đọc chúng, - Paul nói. - Trong khi chờ đợi, ông có thể tóm tắt ngắn gọn cho tôi về hướng nghiên cứu chính của ông...

- Chủ đề nghiên cứu chung của chúng tôi là sự ổn định về mặt di truyền, - giáo sư Rogulski cắt ngang, tay vung vẩy điều thuốc. - Chúng tôi tìm hiểu xem tại sao một vài sinh vật sống lại có thể kháng cự lại những sự thay đổi và vì sao vài loài khác lại thường xuyên chịu các đột biến trong vật chất di truyền của chúng. Đó là một chủ đề có tính chất căn bản. Nó là nền tảng của rất nhiều các vấn đề y khoa: sự xuất hiện của các tế bào ung thư, sự đề kháng của vi khuẩn đối với kháng sinh, sự thay đổi đích nhắm của các loại virus.

- Các ông làm việc trên vật thể sống nào?

- Chúng tôi không làm việc với các virus. Cần phải có các thiết bị đặc biệt để chống lây nhiễm, vân vân và vân vân.

Paul vờ như thờ phào nhẹ nhõm và hí hoáy ghi chép.

- Các nghiên cứu của chúng tôi sử dụng hai dạng mẫu vật chính: một là những tế bào có thể sinh sản nhanh chóng như những tế bào gốc tạo máu của tủy xương. Chúng tôi lấy chúng từ nhiều loài khác nhau như mèo, chuột nhắt, chuột cống, khỉ.

- Như vậy các động vật đã đào thoát được dùng như nguồn cung

MÙI ADAM

cấp tế bào. Chúng không mang bất cứ mầm bệnh nào. Chúng cũng không chịu những biến đổi về gen di truyền chứ?

- Không. Bởi thế nên tôi mới bảo các anh chớ có lo lắng quá.
- Vậy còn mẫu nghiên cứu thứ hai mà ông đã nhắc tới, nó là gì vậy?
- Vi khuẩn.
- Loại nào?

- Chúng tôi vốn rất cổ hủ, nên chọn làm việc với trực khuẩn coli muôn thuở thôi. Chúng tôi cũng đã bắt đầu nghiên cứu trên phẩy khuẩn tả.

Paul ngẩng phắt đầu lên.

- Ông làm việc trên bệnh tả sao?

- Chắc anh cũng biết phẩy khuẩn tả là một loài vi khuẩn cực kỳ ổn định. Đã có những dịch bệnh khổng lồ bùng phát và chúng sản sinh với một cấp số chóng mặt, thế nhưng, kể từ thời Trung cổ, chúng gần như chẳng thay đổi gì cả. Chính sự ổn định này làm chúng tôi lưu tâm.

- Ông có làm thí nghiệm với các vi khuẩn gây bệnh khác hay không?

- Có chứ, chúng tôi có tụ cầu vàng, vì khuynh hướng đột biến nhanh chóng của chúng. Một vài chủng trực khuẩn lỵ... nhưng không phải loại độc tính cao đâu, tin tôi đi.

- Tả, tụ cầu, lỵ, - Paul vừa nói vừa ghi, - ông thấy như thế là chưa đủ nguy hiểm à? Cho qua. Rốt cuộc thế đã hết chưa? Ông có chắc chắn không?

- Về các vi khuẩn có khả năng gây bệnh thì có.

- Ông đã báo cáo với cảnh sát về chuyện này chưa?

- Họ chẳng hỏi tôi tí gì về chuyện này.

- Các chủng phẩy khuẩn tả mà ông sử dụng có xuất xứ từ đâu?

- Rất đơn giản, từ bệnh viện Krakow. Thỉnh thoảng họ vẫn gặp các ca bệnh tả ở những người nhập cư, và theo yêu cầu của tôi, họ sẽ gửi cho tôi một mẫu.

- Những mẫu đó ông cất giữ ở đâu?

- Tôi từng cất chúng trong tủ lạnh cùng với nhiều thứ khác.

Paul chờ đợi, bút lăm lăm trong tay. Giáo sư Rogulski vẫn rất bình thản, mắt nhìn một chỗ khi ông nói tiếp:

- Đó là một trong những thiết bị đã bị phá hoại.

Paul ngẩng đầu lên khỏi quyển sổ tay và nhìn ông giáo sư bằng ánh mắt cực kỳ nghiêm trọng.

- Ông muốn nói rằng những chủng vi khuẩn gây bệnh đó đã ở trong căn phòng mà chúng ta vừa mới tham quan à?

- Đáng tiếc là như vậy.

- Trong một cái tủ đơn giản.

- Phải, trong một cái tủ lạnh. Chỉ cần bọn chúng phang cho một cú là nó tan tành ngay. Chúng tôi đã thấy một đồng thạch nát bầy và kính vụn ở dưới chân tủ.

- Những tên phá hoại đã đập lên chúng sao?

- Chắc chắn rồi.

- Vậy, có thể chúng đã đưa những vi khuẩn đó ra bên ngoài, thậm chí tự lây cho bản thân à?

Rogulski, kể từ một vài phút gần đây, đã lấy lại vẻ nghi ngại. Đôi mắt của ông ta bắt đầu đảo lia lịa. Đường như ông ta suy nghĩ rất lung trong khi Paul tiếp tục xoáy vào những hậu quả nghiêm trọng của vụ phá hoại chiếc tủ chứa vi khuẩn. Cuối cùng, ông giáo sư đứng dậy, quay lưng về phía Paul, mắt nhìn ra cửa sổ, tay chấp sau lưng.

- Anh đã nghiên cứu môn sinh học nào thế?

- Hóa thần kinh.

- Ra vậy.

Rogulski quay người lại. Nét mặt ông đã hoàn toàn thay đổi, tất cả vết tích của sự tươi cười hoặc nhã nhặn đã bay biến đi đâu mất. Đôi mắt của ông tưởng như sắp bay ra khỏi tròng.

- Không thể vì thế mà anh không biết được rằng trực khuẩn lỵ và tụ cầu hiện diện ở khắp nơi trong tự nhiên. Hàng ngày chúng ta vẫn đạp lên chúng mà không biết đấy thôi.

MÙI ADAM

Đã quá muộn để Paul hiểu rằng anh đã dẫn bước vào một lãnh địa mà anh không nắm rõ.

- Còn về bệnh tả, đồng nghiệp của tôi ạ, đó là một con quái vật mà người ta có thể thanh toán được chỉ bằng cách rửa tay. Các sinh viên năm thứ nhất của tôi còn biết rằng người ta bị lây bệnh từ chất thải của những người mang bệnh *còn sống* chứ không phải từ vài con vi trùng trong ống nghiệm. Ở bất cứ phòng thí nghiệm nào trên trái đất này, người ta đều cất phẩy khuẩn trong những cái tủ thông thường.

Giáo sư chờ một vài giây trong khi vẫn chiếu lên người khách của mình một cái nhìn nghi ngờ sắc lạnh. Rồi ông đưa mắt nhìn lên chiếc đồng hồ bằng đồng treo trên cửa, nhưng mảy nói:

- Đã bảy giờ rồi cơ đấy! Xin lỗi anh nhưng tôi có hẹn trong thành phố. Nếu anh cần tài liệu gì khác, thư ký của tôi rất sẵn lòng gửi chúng cho anh. Để tôi tiễn anh ra cửa.

Một khi đã ra ngoài đường, Paul phải đi bộ cả cây số mới định thần lại được. Anh tức tối vì đã chuẩn bị quá kém cho chuyến đi này. Anh đã đến đây, thừa mứa tự tin trong khi thiếu nghiên cứu đầy đủ vụ việc. Anh đã vịn vào những gì còn nhớ được từ thời đi học, nhưng chúng đã quá mờ nhạt rồi, và dù sao thì anh cũng chưa bao giờ quan tâm nhiều tới lĩnh vực bệnh truyền nhiễm.

Sau khi đã vượt qua được sự tự ái, Paul bắt đầu suy nghĩ về tình hình. Đúng là một cuộc viếng thăm rất kỳ lạ. Một mặt, tất cả dường như chỉ gói gọn trong một cuộc tấn công của những kẻ bảo vệ động vật. Dĩ nhiên cũng cần phải xác minh lại vụ phẩy khuẩn tả, nhưng Rogulski có vẻ rất tự tin và Paul thấy ông ta có lý. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, có cái gì đó rất kỳ cục ở đây. Ông giáo sư chẳng mảy may lo lắng về những điều mà anh có thể phát hiện ra, mà ngược lại, rõ ràng là ông ta chỉ bận tâm đến việc tìm ra danh tính thực sự của anh thôi. Vậy ông ta sợ bị ai đến thăm đây?

Trong khách sạn, Paul gọi cho Providence. Anh được biết ngay sau khi anh ra về, Rogulski đã gọi tới số điện thoại in trên danh thiếp

của anh. Họ đã trả lời ông ta một cách thỏa đáng, nhưng nếu thật sự quyết tâm thì Rogulski sẽ không ngừng lại ở đó. Chỉ cần tiếp tục điều tra ở Trung tâm kiểm soát dịch bệnh là ông ta sẽ phát giác ra ngay cái gọi là “Ủy ban an toàn các đơn vị nghiên cứu” không hề tồn tại. Rất phiền toái nếu như gặp phải rắc rối với cảnh sát Ba Lan khi mà họ chắc chắn sẽ được ông ta cảnh báo. Paul quyết định nên thận trọng rút ngắn chuyến đi của mình. “Sau Ba Lan, cậu cần phải đến gặp những người bạn Anh của chúng tôi, - Archie đã nói với Paul trước khi anh đi. Ý kiến của họ sẽ rất hữu ích cho chúng ta đấy”. Paul lập tức xác nhận lại việc đặt chỗ cho mình trên chuyến bay ngày hôm sau từ Warsaw đi London.



downloadsachmienphi.com

VII

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

London, Anh quốc.

Mike Bell là một gã khổng lồ cao gần hai mét, người gốc Ghana nhưng sinh ra ở Leeds. Với làn da đen thui và là một cựu vô địch môn bóng rổ, anh khó bề che giấu khổ người vận động viên của mình bên trong bộ vét bằng vải tuyết. Là phái viên của Providence tại London, anh ra sân bay Heathrow đón Paul. Trên tấm giấy nhỏ anh chàng giơ trước ngực chỉ ghi vón vẹn một từ “Matisse”. Paul ra hiệu. Mike Bell vồn vã chào anh, rồi giành cho mình cái quyền xách hành lý và ôm khư khư nó bằng hai tay ở trước bụng, như thể sắp sửa làm một cú úp rổ vậy.

- Tôi sẽ dẫn anh về nhà. - Bell nháy mắt nói.

“Nhà” mà Bell nhắc tới là một căn hộ nhỏ mà công ty sở hữu tại Kensington. Được trang bị hệ thống bảo vệ và gây nhiễu, nó có thể được dùng làm một phòng họp an toàn. Nhưng trên hết, nó cho

MÙI ADAM

phép các nhân viên trên đường công tác tìm được một nơi ở tiện nghi, bí mật vào bất cứ lúc nào, có thể lưu trú mà không để lại vết tích gì.

- Ở Warsaw mọi chuyện ổn thỏa cả chứ?

- Ở Wroclaw. Phải, mọi chuyện đã diễn ra tốt đẹp.

Paul chui vào trong chiếc xe Ford nhỏ màu xanh và nhìn anh chàng to xác mềm mại thu người ngồi trước vô lăng.

- Bao giờ chúng ta phải đi gặp họ? - Paul hỏi.

- Chuyện không đơn giản đâu nhé. Archie đã phải gọi điện cho ngài Brentham nhiều lần. Lần nào lần nấy đều như nhau: cánh chính trị giao kèo với nhau, sau đó thì mật vụ câu giờ. Họ không thích phơi bày các đặc tình của mình ra quá mức. Ngay cả khi chúng ta thuộc cùng một phe thì đối với họ, chúng ta vẫn là những người lạ. Họ không muốn phá hỏng một vỏ bọc chỉ để làm anh hài lòng.

- Chẳng cần thiết phải đưa tôi đi gặp một nhân viên đặc tình đâu.

- Anh cũng biết đấy, với đầu óc cuồng loạn của bọn bảo vệ động vật, thì không chỉ có các nhân viên nằm vùng bị đe dọa. Ngay cả những tay công chức dám đút ngăn kéo các yêu sách của chúng cũng rất có khả năng bị đập trên đường về nhà buổi tối đấy.

- Vậy rốt cuộc chuyện này được dàn xếp như thế nào?

- Họ đã giải quyết rất đường hoàng, nếu ta có thể nói như vậy. Người mà anh sắp gặp đang chống lại FLA¹ ở mức độ cao nhất. Nhìn bề ngoài thì có vẻ như họ muốn giúp chúng ta, nhưng trên thực tế, họ chọn ông ta chỉ vì ông ta đã bị lộ. Anh sẽ tự hiểu điều tôi muốn nói.

Mike Bell khẽ cười bí hiểm và liếc nhìn Paul.

- Chúng tôi đã thu xếp cuộc gặp vào cuối buổi chiều ngày hôm nay. Tôi sẽ đến đón anh. Dẫu vậy, anh cứ chuẩn bị tinh thần là vụ này không ngon ăn đâu nhé.

¹ FLA (Front de libération animale): Mặt trận giải phóng động vật.

Nơi Paul ở là một căn phòng đơn có trần thấp, nằm trên đầu một cầu thang dốc đứng hướng ra đường. Một lối thoát thứ hai dẫn vào một loạt các sân trong mà nhờ đó người ta có thể đi ra công viên Holland và các đại lộ lớn chạy về phía tây thành phố London. Căn phòng được sơn màu trắng, tấm thảm trải sàn dệt bằng sợi cây thừa tạo ra một chút tiện nghi tạm tạm. Ngoài chiếc giường thấp to kềnh cang và một cái bàn đầu giường, trong phòng có tất cả những đồ đạc mà người Anh cho là thiết yếu, tức là chả có gì ngoài một cái ấm đun nước và trà.

Paul ngồi xuống đất và đọc mail. Phòng khám vẫn hoạt động tốt. Không có tin nhắn nào của Kerry. Để tự trấn an, anh nhủ thầm có lẽ máy trả lời tự động đã bị ngắt trong lúc anh đọc số điện thoại... Rồi anh bắt đầu nghĩ về nhiệm vụ của mình. Cuộc trao đổi với giáo sư Rogulski đã làm anh phần khích. Đã không nhận lời thì thôi, chứ hể làm thì phải làm cho ra tấm ra món. Anh bắt đầu nhận ra trong vụ này có những khoảng tối mà Archie chưa nghĩ tới, hoặc là chưa thổ lộ.

Các nhân viên của Providence đã đính kèm qua email cho Paul một tệp hồ sơ lớn. Paul phân loại các bài báo và bắt đầu đọc. Nhưng sự yên tĩnh của căn phòng và mùi giờ chênh lệch khiến anh mệt mỏi và ngủ thiếp đi.

Mike Bell đến lúc năm giờ. Anh chàng đã thay bộ đồ vét bằng chiếc quần jean thùng thình cặp trẻ xuống tận nửa móng, đôi giày Nike to sụ và chiếc áo ba lỗ đỏ rực khoe hai cánh tay vạm vỡ đen thui.

- Người Anh đã bảo đảm an toàn cho cuộc gặp gỡ - Mike nói. - Ông ta được bảo vệ còn cẩn mật hơn cả nữ hoàng Anh ấy chứ, rồi anh sẽ thấy. Còn tôi, tôi sẽ lui lại phía sau để chắc chắn rằng anh không bị theo đuôi lúc đi cũng như lúc về.

Thấy Paul nhìn bộ đồ lạ mắt của mình, Mike nói thêm:

- Kể ra nếu tôi ăn vận như một nhân viên ngân hàng, lập tức mọi người sẽ quay ra nhìn. Cái trang kiêu này sẽ không làm ai chú ý tới tôi cả.

Anh ta cho Paul vài chỉ dẫn về đường đi nước bước. Hai người

MÙI ADAM

chỉnh đồng hồ cho khớp nhau, rồi đi ra cách nhau ba phút. Paul đi bộ băng qua công viên Hyde cho đến tận bùng binh Marble Arch. Ở đó, anh sẽ liều mạng băng qua phía bên kia đường. Lúc nào Paul cũng cảm thấy như chưa tỉnh ngủ và choáng váng giữa rừng xe cộ lưu thông theo bên trái đường, cùng với những chỉ dẫn giao thông vẽ trên mặt đất: Nhìn sang phải! Chú ý! Nguy hiểm! Đường một chiều!... Giống như nhiều người Mỹ gốc, Paul dễ dàng cảm thấy thân quen như ở nhà khi đến Ý hay Hy Lạp, bất chấp những khác biệt. Còn ở xứ Anh quốc này, mặc dù ngôn ngữ giống nhau có thể phình phờ người ta thật, nhưng Paul vẫn cảm thấy cả một trời cách biệt.

Quận Mayfair khá yên tĩnh với những con đường nhỏ hẹp, thêm vào đó, trạm thu phí ngăn cản hầu hết các bác tài muốn đánh xe qua đây. Đó là nơi mà bọn trẻ, người nghèo, người nhập cư và nói chung là các cư dân đã bị đẩy đi nơi khác. Không có nguy cơ đụng phải những người mà bạn không muốn gặp. Người ta tự tin là mình còn sống chỉ bởi vì khu vực này đã chết. Paul lần theo những dãy nhà xây bằng gạch. Những cánh cửa nhiều màu sắc đầy vẻ hào nhoáng, và trên những tấm biển bằng đồng ghi tên của các văn phòng kiến trúc hiện đại hoặc những công ty quảng cáo tiếng tăm. Anh rẽ phải hai lần đúng như lời dẫn của Mike và ra đến quảng trường Berkeley. Hàng cây tiêu huyền trên quảng trường nhỏ đang đâm chồi, dưới gốc là những khóm thủy tiên vươn lên từ đám cỏ thưa. Paul để ý thấy một chiếc xe tải nhỏ màu trắng đậu ở góc phố đang được mở tung cửa. Chắc chắn là mấy tay mật thám Anh đang giấu mình ở bên trong. Anh liếc nhìn người lái xe đang làm bộ xía răng trong lúc nghe đài. Cái bộ dạng nghịch ngợm đó sẵn sàng làm nổ tung tất cả. Anh vờ như không nhận thấy gì hết và tiếp tục bước đến nhà số 12 như đã định.

Đó là một tòa nhà hiện đại, thô kệch mọc lên giữa những ngôi nhà nhỏ hoa hòe kiểu Victoria. Trong tiền sảnh, một cô nhân viên nép mình sau quầy lễ tân bằng cẩm thạch tựa như một tay súng nằm phục kích sau những bao cát.

- Lầu năm, - cô ta nói trước cả khi Paul kịp mở miệng. - Cửa số 22.

Anh không gặp ai trong thang máy. Ngay khi đến trước cánh cửa số 22, nó lập tức mở ra và hai bàn tay lôi anh vào bên trong. Mike đã dẫn trước nên Paul không phản ứng lại. Người đàn ông đã lôi anh vào được vũ trang bằng một khẩu 9 ly, chìa thẳng vào anh. Bàn tay còn lại của anh ta lục soát Paul từ trên xuống dưới. Sau đó, không nói không rằng, anh ta đẩy Paul sang căn phòng kế bên, ở đó ba nhân viên mặc thường phục ấn anh ngồi xuống ghế.

Máy điện đàm mà một người đeo ở thắt lưng bắt đầu kêu khọt khẹt. Anh ta đưa nó lên tai. Mọi người nghiêm lại. Paul đứng dậy. Cuối cùng, cánh cửa đối diện với căn phòng mà Paul vừa từ đó sang bật mở. Anh được đưa vào một phòng làm việc nhìn ra quảng trường qua cửa sổ rộng lắp kính. Một người đàn ông đang ngồi trên chiếc ghế giả da màu đen ra hiệu cho anh đến trước mặt ông ta. Ngay khi Paul quen mắt với ánh sáng chói trong phòng, anh dợm bước lui lại.

Người đàn ông đang đối diện với anh mặc bộ vét bằng dạ xanh, thắt cà vạt lụa màu đỏ và vàng bên ngoài chiếc áo chên, chân mang đôi giày đánh xi kỷ lưỡng. Nhưng những gì thò ra khỏi bộ trang phục kia mới thật là khó nhìn. Đó là một người đàn ông tầm sáu mươi tuổi, nhỏ thó, quắt queo, mà lúc trước hẳn người ta phải nói rằng ông ta chẳng có dấu hiệu gì đặc biệt. Nhưng tiếc thay, giờ thì điều đó không còn đúng nữa. Toàn bộ phần bên phải của khuôn mặt ông ta đã bị biến dạng khủng khiếp, chẳng chít các vết sẹo và da ghép. Màu sắc ứng đỏ của chúng khiến người ta nghĩ rằng tai nạn chỉ vừa mới xảy ra cách đây nhiều nhất là hai đến ba năm. Làn da mang những dấu ấn của một vụ bỏng sâu đã lành nhưng nhứt các mô sợi và thô thịt. Bộ tóc giả thô cứng phủ ra ngoài nơi một vành tai từng tồn tại. Con mắt phải, tròn và long lanh, mang vẻ cứng đờ của một con mắt giả. Người đàn ông còn lại mỗi bàn tay trái. Ống tay áo bên phải trống rỗng. Cánh tay của ông ta đã bị cụt ở phía dưới khuỷu một chút.

MÙI ADAM

- Thiếu tá Cawthorne, - Người đàn ông đột ngột tuyên bố. - Tôi có thể giúp anh được gì?

Thật khó mà diễn giải các biểu hiện trên khuôn mặt biến dạng kia, nhưng căn cứ theo giọng nói thì ông ta đang rất bức tức.

- Xin cảm ơn ông đã có nhã ý tiếp tôi. - Paul mở lời.

- Người ta đã ra lệnh cho tôi, - Cawthorne cắt ngang, tỏ rõ sự không hài lòng với cuộc gặp gỡ này. - Chúng ta đâu thể từ chối ngài Brentham, đúng không?

Paul húng hắng ho để lấy lại bình tĩnh.

- Thật ra thì, tôi đang thực thi nhiệm vụ cho một trụ sở...

- Chúng tôi biết cả rồi. Tôi không có nhiều thời gian, thưa bác sĩ Matisse. Phiền anh đi thẳng vào vấn đề và hỏi tôi những gì cần hỏi.

Paul tóm tắt lại vụ việc ở Ba Lan. Bằng một cử chỉ sốt ruột, viên thiếu tá khiến anh nói vắn tắt hơn.

- London là trung tâm quan sát tốt nhất đối với những phong trào bảo vệ động vật thô bạo. - Paul kết luận. - Chúng tôi thiết nghĩ ông có thể cho chúng tôi vài đầu mối trong vụ này.

- Những đầu mối nào?

- Chẳng hạn như, liệu đây có phải là một nhóm tương đồng với Mặt trận giải phóng động vật ở nước Anh hay không?

Thiếu tá Cawthorne ngồi thẳng người lại, nhấn nhó phần còn lạnh lặn trên khuôn mặt. Điều đó chỉ càng làm tăng thêm sự bất động đáng sợ của nửa mặt bên kia. Ông ngừng một lúc trước khi trả lời.

- FLA, - cuối cùng ông nói, - hay cái gọi là Mặt trận giải phóng động vật, không hề tồn tại. Đó chỉ là một mớ bòng bong nhiều nhóm người và kể cả các cá nhân chẳng có mối liên hệ nào với nhau, nếu không, họ đã cùng đưa ra một lý tưởng đấu tranh. Đây, anh có thể trả lời cấp trên như vậy. Nói được thế là người ta đã thấy những gì anh làm được là đáng đồng tiền bát gạo lắm rồi. Chẳng ai cấm anh tìm đọc thêm chút tài liệu để tô vẽ cho bản báo cáo của mình. Anh có thể tìm thấy tất cả những gì anh cần ở trên mạng.

Câu trả lời cụt lùn trong này cho thấy nổi bực dọc của một điệp viên vì sức ép chính trị mà phải lộ mặt. Nhưng đó cũng là sự ganh ghét của một công chức bình thường với đồng lương còm cõi trước một nhân viên tư vấn tư nhân, thường là bất tài nhưng lại được trả hậu hĩ.

Paul cúi đầu nhận đòn. Sự lạc quan của Archie đối với việc đặt chi nhánh trụ sở tại cựu lục địa rõ ràng là hơi vội vã. Chỉ sau có hai buổi làm việc, với giáo sư Rogulski và bây giờ là viên thiếu tá, Paul đã phải ăn hai quả đắng liền...

Thế nhưng, lần này anh không muốn buông xuôi dễ dàng đến thế. Thây kệ trụ sở và mặc kệ Archie. Anh không thể chấp nhận được sự khinh miệt của mấy tay châu Âu này. Nó giống như là một sự sỉ nhục đối với cá nhân anh, mà anh thì không thể nhịn được chuyện đó. Hồi còn bé khi chơi bóng đá với bố, anh đã chịu nhiều cơn lôi đình kiểu như thế. Anh đã thu mình lại như một con chó bun-đốc và tiếp tục dần tới. Về sau, lúc lên trung học và vào quân ngũ, anh nổi tiếng với những ngón đòn ác liệt. Ngay cả những đứa bạn học vào loại to con nhất cũng phải sợ anh. Khi Paul rút đầu vào vai và lấy đà lao tới thì chúng không có cách nào chống cự lại anh được.

Paul vươn người tới trước, tì khuỷu tay lên hai đầu gối và vươn cổ ra để Cawthorne có thể nghe thấy mà anh không cần phải lớn tiếng.

- Ông nghe cho rõ này, thiếu tá, - anh nói bằng giọng miền Nam đã tập bất chúc hồi đi thăm ông bà ở Louisiana, - Tôi chỉ là một người lính, thế thôi. Không gì hơn. Cũng như ông vậy. Tôi không biết ngài Brentham, cũng chẳng biết ai ở cấp lãnh đạo cả. Vậy ông bảo tôi phải nói cái gì bây giờ? Đây đâu phải chuyện của tôi. Tôi chỉ làm theo chỉ đạo từ trên ban xuống thôi. Có thể người nào đó rút tia được kha khá từ vụ này, nhưng tôi thì chẳng kiếm chác được gì sất.

Viên thiếu tá hơi xuống nước, rõ ràng là đã nhận thấy sự thay đổi trong giọng điệu và sự đe dọa ngấm ngấm trong thái độ mới mẻ của anh chàng đối diện. Paul đã phá vỡ rào cản thành công. Để chui vào trong, giờ anh cần phải khai thác vốn liếng cảm thông mà một

MÙI ADAM

người lính Anh tiền bối luôn dành sẵn cho một cậu lính Mỹ mới toẻ người non dạ. Paul làm cho mắt mình long lanh lên, giải phóng tất cả sức lôi cuốn mà anh có và phát huy hình tượng một chàng trai tử tế miền Nam, kết tinh của hàng nghìn hàng vạn thanh niên quả cảm đã nằm xuống lòng đất Normandie vì sự nghiệp giải phóng châu Âu khỏi ách phát xít.

- Những gì tôi bận tâm, thiếu tá ạ, là nhiệm vụ được giao. Điều quan trọng đối với một người lính là xác định được kẻ thù. Tôi thấy có vẻ như chúng ta có những kẻ thù chung, phải không nào? Nếu những thằng khốn nạn đã hủy hoại khuôn mặt ông đang thâm nhập vào các quốc gia mới, nếu chúng đang âm mưu những trò bẩn thỉu khiến nhiều người vô tội phải mất mạng thì tôi thiết tưởng chúng ta đều mong muốn chặn chúng lại, đúng không ạ? Đứng trước việc đó, những thứ khác không còn đáng kể nữa, theo tôi là như vậy.

Thiếu tá “hừm” một tiếng, hừng hực hơi, rồi đứng phắt dậy bằng sự linh hoạt đáng ngạc nhiên, nếu căn cứ theo những thương tích trên cơ thể của ông. Ông bắt đầu đi qua đi lại trong căn phòng, đưa mắt nhìn cửa sổ, rồi nhìn Paul, cân nhắc một lúc.

- Thôi được, cậu Matisse này, - ông nói bằng giọng cương nghị của một người lính khi muốn che giấu cảm xúc và sự trù mến của mình dành cho thuộc cấp, - chúng ta hãy quên tất cả đi, và bàn bạc thẳng thắn về vụ việc của cậu.

Paul ngồi thẳng người lại, mỉm cười. Đó là tất cả những gì mà anh chờ đợi từ thiếu tá Cawthorne. Ông cứ việc tiếp tục cư xử với anh như người bề trên, miễn là cuộc trò chuyện được cởi mở hơn.

- Cậu phải biết điều này, - viên thiếu tá nói, vẫn không ngồi xuống mà tiếp tục đi đi lại lại, mắt nhìn xa xăm. - FLA là một trong những mối đe dọa khủng bố hàng đầu tại Anh ngày nay. Tất nhiên là bọn Hồi giáo cũng rất nguy hiểm, nhưng chúng đánh vào những mục tiêu không chọn lọc, quy mô lớn và tương đối hiếm. Còn Đội quân giải phóng động vật, tức là nhánh “chiến đấu” của FLA, thì nhằm vào những đối tượng rất đặc thù, như các ngành công nghiệp,

các nhà chính trị, những người có tiếng nói, một cách có chọn lựa, và không ngừng nghỉ. Gần như chẳng có tuần nào trôi qua mà chúng không gây ra một hành động thù nghịch. Đánh nhau với bọn khủng bố đòi hỏi chúng ta phải liều mạng hết cỡ. Đó là lý do tại sao chúng tôi không thích bị người ta phơi bày ra một cách vô ích.

Paul sợ rằng viên thiếu tá sẽ lại quay sang chỉ trích ngài Brentham và sự vô trách nhiệm của các cấp lãnh đạo. Nhưng ông chỉ tiếp tục nói:

- Chúng tôi lấy làm vui mừng vì những quốc gia mới như Ba Lan bắt đầu ý thức được sự nguy hiểm của các phong trào này. Tuy nhiên, không hiểu là do xui xẻo, hay may mắn, mà vụ việc cậu trình bày với tôi tỏ ra không liên quan trực tiếp với hoạt động của FLA mà chúng tôi đang đối phó ở đây.

Như vậy thiếu tá Cawthorne đã ngầm công nhận FLA không chỉ đơn thuần là một đám ô hợp tự phát, mà là một phong trào có tổ chức.

- Ông có thể cho tôi biết thêm một chút về cấu trúc của phong trào này được không?

Thiếu tá đứng thẳng người, mắt nhìn Paul một cách căm phẫn. Rõ ràng nói thẳng vào vấn đề là điều tốt nhất. Đứng trước sự đơn giản cứng nhắc của lối suy nghĩ theo trường phái Mỹ, Cawthorne cảm thấy bị tước vũ khí. Ông ta đành bỏ qua một bên các lý lẽ sắc sảo để nói ra vài kết luận thật dễ hiểu, cho cái kẻ cộc lốc đang ngồi trước mặt mình.

- Mặt trận giải phóng động vật được thành lập ở đây, tại nước Anh, vào năm 1979. Thoạt đầu, động cơ đấu tranh của chúng là lệnh cấm săn đuổi thú. Người ta cứ tưởng đó lại là một phong trào bảo vệ động vật kiểu như SPA¹, hoặc những cái khác, với những người khá dễ chịu và hoàn toàn không nguy hiểm. Nhưng trên thực tế, điều đó sai hoàn toàn. Sự xuất hiện của FLA báo hiệu một sự thay đổi tư tưởng triệt để. Cậu có đọc tác phẩm cơ bản của bọn chúng chưa, cuốn *Sự giải phóng động vật* của Peter Singer ấy?

¹ SPA (Society for the Protection of Animals): Hiệp hội bảo vệ động vật.

MÙI ADAM

- Chưa ạ.

Đó là một trong những tài liệu chọn lọc mà Providence đã cung cấp nhưng Paul ngủ mất trước khi đọc đến... May mắn thay, trong mối quan hệ vừa được thiết lập với thiếu tá Cawthorne, điều Paul không biết ấy hóa ra lại tốt: nó rất phù hợp với hình ảnh mà ông ta gán cho cái kẻ vô học nhưng thành thật đang ngồi trước mặt mình.

- Đọc nó đi. Anh sẽ biết ngay. Giải phóng động vật, đối với Singer, không phải là một hành động nhân đạo. Không dính dáng gì đến việc phải yêu thương những con thú, hay là tạo cho chúng một giá trị sử dụng. Giải phóng động vật, đó là một cuộc chiến chính trị và tư tưởng đã đi vào lịch sử. Chế độ nô lệ đã bị bãi bỏ, tự do tôn giáo ra mặt, bình đẳng chủng tộc được thừa nhận, nữ quyền được quy định trong luật. Giờ đây, đã đến thời điểm của tinh tinh, chó và cá nữa.

Paul mỉm cười, nhưng viên thiếu tá đáp lại bằng một cái nhìn cực kỳ buồn bã. Rõ ràng là điều này đã từ lâu không còn là thứ đáng để cười đối với ông.

- Theo khái niệm của những lý thuyết gia này, con người, anh thấy đấy, chỉ là một giống loài như bao loài vật khác. Con người chả có giá trị gì hơn những loài khác, và cũng không được có nhiều quyền hơn.

- Con người không có giá trị cao hơn một con chó à?

- Không hơn. Nhưng cũng không kém, nhớ nhé.

- May nhỉ!

- Tôi biết điều đó làm anh bị sốc. Cũng chính cuốn sách đó đã gây ra rất nhiều rầy rà cho Singer. Ông ta thậm chí đã phải sống lưu vong vì nó. Trong tác phẩm của mình, ông khẳng định rằng, về căn bản, một đứa bé bị thiếu năng trí tuệ không xứng đáng được bảo vệ hơn một con tinh tinh thông minh. Anh đã nắm được tinh thần chưa?

Cawthorne nói ra điều đó bằng một giọng bình thản. Đó chính là một điểm đặc trưng của lối suy nghĩ Anh: sự tôn trọng các ý kiến,

cho dù kỳ quặc nhất, nhân danh tự do ngôn luận. Dù là trong cùng lúc đó họ phải đấu tranh không khoan nhượng với chúng.

- Đặt một chủng tộc lên cao hơn những chủng tộc khác, - ông nói tiếp, - là tội phân biệt chủng tộc. Cũng như thế, đối với các chiến sĩ của FLA, việc dành cho giống người một địa vị cao hơn các giống loài khác là tội phân biệt giống loài. Ngày qua ngày, loài người gây ra cho muôn thú những tội ác mà nếu áp dụng vào con người sẽ được gọi là sát nhân, tra tấn, lạm dụng. Người ta giết các con vật để ăn, hy sinh những con thú thí nghiệm để nghiên cứu, nhốt những con khỉ trong chuồng đến mãn kiếp để cho con nít xem. Đó là những tội ác phân biệt giống loài đáng ghê tởm. Do đó việc trừng trị những kẻ gây ra các tội ác đó không phải là một tội ác: đó là một hành vi thích đáng.

- Có bao nhiêu người đã vượt qua giới hạn trong số những kẻ bảo vệ động vật?

- Ít lắm. Chúng tôi đều đồng ý như thế. Phần lớn trong số họ là những người đấu tranh theo lối cũ. Họ tranh đấu một cách ôn hòa để cải thiện số phận của các con thú. Nhưng anh cũng như tôi đều hiểu rằng khủng bố không cần có số đông. Mức độ bạo lực thường tỉ lệ nghịch với tính chất đại diện của nó. Hạt nhân tích cực của FLA vốn rất nhỏ gọn nhưng lại cực kỳ nguy hiểm.

Cawthorne vừa mới thừa nhận sự tồn tại của một hạt nhân có cấu trúc mà lúc đầu ông ta đã phủ định. Paul cho rằng không cần phải lưu ý viên thiếu tá về điều này.

- Người của FLA không hề có chút lòng trắc ẩn nào đối với nhân loại, và điều này trước hết dẫn chúng tới việc tự hy sinh thân mình. Trong cuộc chiến Kosovo, chẳng hạn, anh có nhớ gần một triệu người đã phải đi tỵ nạn ở Albania để tránh các cuộc không kích của NATO không? Những thành viên của FLA đã lén lút thâm nhập các vùng đất bỏ hoang để chăm sóc cho đám gia súc bị bỏ rơi trong nông trại.

- Dưới những trận mưa bom?

MÙI ADAM

- Đúng thế. Chúng chẳng hề ngần ngại hy sinh thân mình để cứu mạng sống của mấy con bò...

Khuôn mặt thiếu tá Cawthorne rúm ró cả lại. Đó là những gì còn sót lại của một nụ cười.

- Đã không biết coi trọng sinh mạng của bản thân, thì chúng cũng đâu có tôn trọng mạng sống của người khác. Khi bọn chúng cài bom chiếc xe của tôi, chúng chẳng động lòng chút nào đâu...

- Ông đã tiếp xúc với bọn chúng à?

- Chúng ta không cần nói thêm ở đây. Đào đâu ra ba mươi sáu chức đối phó với các nhóm khủng bố. Chỉ quan sát chúng bằng những tấm ảnh chụp từ vệ tinh thì chẳng biết được cái quái gì đâu.

Cú ném đá vào cái ao Mỹ chẳng làm Paul nao núng, bởi vì anh cũng không tin tưởng mấy vào công nghệ.

- Những người khác vẫn tiếp tục công việc của ông chứ?

Paul lại thật vụng về khi đặt một câu hỏi như thế và anh đã nhận ra điều đó. Anh cảm thấy như mình đang cưỡng bức một bà hầu tước già. Thiếu tá Cawthorne, sau khi đã vượt qua sự phẫn nộ ban đầu, ngồi xuống trở lại và nói bằng một giọng vô cảm:

- Phải tiếp tục thôi.

- Hạt nhân bí mật của phong trào có ảnh hưởng như thế nào đến những chiến dịch đã được phát động? Có phải nó đứng đằng sau và định hướng cho những chiến dịch đó không?

- Những cái chính thôi, những cái gây được tiếng vang vì nhằm vào những mục tiêu lớn, ví dụ như chiến dịch quấy rối Rexho, công ty mỹ phẩm quốc tế, đã được họ sắp đặt.

Một cận vệ thò đầu vào qua cánh cửa mà chắc là Cawthorne đã từ đó bước vào, và không nghi ngờ gì nữa, nó là một lối thoát khác, dẫn ra một con phố khác. Anh ta chỉ tay vào chiếc đồng hồ cá nhân. Cawthorne gật đầu, cho thấy mình vẫn đang để ý đến thời gian.

- Nhưng sự đặc biệt của FLA, - ông tiếp tục nói, lần này với tốc độ nhanh hơn, như thể muốn kể hết cho Paul trước khi rút lui, - đó

là phương thức lan truyền thông tin của chúng. Để chỉ đạo các chiến dịch hành động, nhóm trung tâm phát tán các chỉ dẫn của chúng qua Internet. Làm thế nào để phá khóa, ngắt thiết bị báo động, đột nhập vào bên trong khu công nghiệp? Làm sao để cắt đuôi? Nên đánh vào những mục tiêu nào? Gần như ở khắp mọi nơi, những kẻ vô danh bắt lấy những thông tin đó và chuyển sang hành động mà không thông báo cho ai hết cả. Đôi khi đó là những nhóm nhỏ, cũng có lúc chỉ là một cá nhân đơn độc. Sau đó FLA trung tâm chỉ việc thu thập các thông tin về tất cả những hoạt động tự phát này, đưa lên trang mạng của mình, rồi đặt dưới lá cờ hiệu của FLA.

- Ông không nghĩ rằng vụ việc ở Ba Lan đã được điều khiển từ xa hay sao? Theo ông, nó không phù hợp với tham vọng bành trướng của phong trào về phía các quốc gia mới nổi ở Đông Âu à?

- Tôi nghi ngờ điều đó. Đó là một hành động theo cung cách rất cổ điển với tầm ảnh hưởng nhỏ. Nếu như FLA muốn tạo ra một điều gì đó ở Ba Lan, thì bọn chúng phải chọn một chiến dịch có quy mô lớn hơn và bài bản hơn.

- Chẳng hạn?

- Chúng đã có thể nhằm vào một hoạt động công nghiệp. Nhưng trên hết, chúng phải gắn vụ việc với các thông cáo, những lời biện hộ và kêu gọi những hành động khác. Trong trường hợp của anh, tôi đã kiểm tra rồi, những việc làm trên không hề được tiến hành.

- Vậy ông rút ra kết luận như thế nào?

- Theo tôi, đây chỉ là một sự manh mún tự phát, một nhóm nhỏ ở địa phương đã tham khảo chút ít trên các trang mạng của FLA...

- Phía Ba Lan dứt khoát cho rằng vụ này không xuất phát từ nước họ.

- Anh tin rằng họ điều tra tốt lắm à?

- Họ vốn thừa hưởng một sự thành thạo nhất định trong việc cai quản dân chúng mà.

- Cũng có lý.

MÙI ADAM

- Họ nghĩ rằng vụ phá hoại đã được phát động từ nước ngoài. Wrocław là một thành phố nhỏ gần biên giới. Có lẽ đó không phải là một sự tình cờ.

- Các đồn biên phòng không chặn được ai à?

- Không, cả về phía Đức lẫn phía Cộng hòa Séc. Không ai có những dấu hiệu nhận dạng của lính biệt kích. Điều này khiến ta phải nghĩ rằng việc tẩu thoát đã được chuẩn bị rất kỹ lưỡng, cũng giống như toàn bộ vụ đột nhập.

- Mật vụ Đức có cho biết gì không? Họ vốn rất am tường trong lĩnh vực này.

- Ba Lan đã hỏi phía Cơ quan tình báo Liên bang Đức, không có một chiến dịch nào tương tự như thể trong các nhóm bảo vệ môi trường Đức. Chính vì thế mà cuối cùng phía Ba Lan đã nghĩ tới FLA.

- Thật tình, điều này theo tôi là rất ít có khả năng.

- Nhưng vụ việc đã được ký tên đầy thôi... Ông nghĩ thế nào về những dòng chữ trên tường?

- Tôi không biết, có thể là... một sự đánh lạc hướng.

- Ý ông là sao?

- Tôi sẽ nói cho anh nghe một ý tưởng vừa thoáng qua trong đầu. Tất cả mọi điều đều có thể trong những phi vụ kiểu này. Vụ phá hoại có thể mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Nó có thể chỉ là một bước nhỏ trong một kế hoạch khác, lớn hơn. Để không làm lộ ra những diễn biến tiếp theo, người ta đã ngụy trang nó dưới dạng một chiến dịch giải phóng động vật...

Paul gật gù, không thể giấu được sự ngạc nhiên của mình. Thiếu tá Cawthorne rõ ràng là rất sung sướng khi cuối cùng đã giúp lối tư duy phức tạp ghi điểm trước cách nghĩ giản đơn ngu ngốc kiểu Mỹ.

- Đây là một ý kiến rất đáng chú ý, - Paul nói, - Làm thế nào xác minh được nó đây?

- Trong những cuộc điều tra dạng này, anh biết thừa là chúng ta

không thể dựa vào sự ngẫu nhiên. Để tìm được sự thật giữa một rừng thông tin thu thập được, ta phải có một manh mối, dù là rất nhỏ.

- Một manh mối đến từ đâu?

- Tôi không biết: nghe trộm điện thoại, đối chiếu với một vụ việc tương tự hoặc một điểm đặc biệt của mục tiêu.

Im lặng kéo dài. Đến lượt mình, Cawthorne công khai nhìn đồng hồ. Vì những lý do an toàn, cuộc nói chuyện phải chấm dứt. Ông đứng dậy. "Một điểm đặc biệt của nhân vật". Paul giơ tay ra và đặt lên cánh tay cụt của viên thiếu tá để giữ ông một lát.

- Trong lĩnh vực này, liệu ông có bao giờ nghe nói tới... bệnh tả chưa?

Trông thiếu tá Cawthorne cứ như vừa từ trên trời rơi xuống.

- Bệnh tả?

- Đúng vậy. Tôi không biết nữa. Trong sách báo, các kế hoạch, những lời biện hộ của các nhóm cực đoan, bệnh tả có bao giờ đóng một vai trò nào đó, hay đơn thuần là đã được đề cập tới hay không?

- Tôi không thấy có gì cả?

Một sự im lặng kéo dài. Paul có lẽ đã tỏ ra bối rối đến mức thiếu tá Cawthorne phải động lòng và trấn an anh bằng một giọng nhẹ nhàng:

- Đừng có lao tâm khổ tứ quá vì vụ này, cậu bé của tôi ạ. Nếu như chủ đề này làm anh hứng thú, anh sẽ có những dịp khác để truy lùng dấu vết thủ phạm. Nhưng cần phải nhìn vào bằng chứng: cho dù đám cảnh sát Ba Lan có nói thế nào, đây chắc chắn là một trò quấy rối cục bộ. Hai ba thằng điên nào đấy tự dựng lên cơn thôi mà. Sự mở cửa của các nước Đông Âu đã khiến cho những tư tưởng ngông cuồng của chúng ta thâm nhập sang đó. Bảo vệ động vật và những cái tương tự. Điều đó không đáng ngạc nhiên và cũng không quá trầm trọng. Để khuếch trương một chiến dịch như thế này, nó cần phải nhận được sự hậu thuẫn lớn từ nước ngoài, đó đang là thứ thiếu vắng trong trường hợp này, mặc dù Ba Lan vốn nhận được nhiều tài trợ quốc tế. Tôi không nghĩ rằng người Ba Lan đặc biệt dễ tiếp thu các vấn đề về động vật. Tôi có nhầm không nhỉ?

MÙI ADAM

Paul nhún vai.

- Dù sao đi nữa, anh đã biết đủ nhiều để viết báo cáo, không phải thế sao?

Họ chia tay nhau sau những lời nói khá thân tình đó. Khi ra đến ngoài đường, Paul đi lại con đường mình đã đi. Tại cổng vào công viên Hyde, Mike Bell nhập bọn với anh, và hai người cùng trở về Kensington.

- Ông ấy có nói chuyện với anh không?

- Có.

- Chúc mừng nhé. Ông ta nổi tiếng khó tính, anh biết đấy. Tôi không muốn làm anh lo trước... Nhưng tôi đã không nghĩ là anh có thể cầm cự được quá ba phút.

Và, vừa lắc lư trên đôi giày thể thao màu hồng, anh ta vừa bật ra một tiếng cười mà Paul không thể không cười theo.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Archie không muốn bỏ lỡ dù vì bất cứ lý do nào bài tường thuật cuộc tiếp xúc với mật vụ Anh. Ông gọi đến căn hộ an toàn vào lúc một giờ sáng, và Paul đã tóm tắt lại cuộc gặp của anh với thiếu tá Cawthorne.

- Hừm, - Archie kết luận, - chẳng có gì nhiều nhận nhĩ.

- Tôi cũng nghĩ thế. Nhưng ông ta khá chân thành. Không còn nghi ngờ gì nữa, vụ việc xảy ra ở Ba Lan, theo lời thiếu tá, là một sự cố đơn lẻ và hoàn toàn tầm thường.

Archie im lặng một lúc lâu. Paul hình dung ra cảnh ông già đang lơ đãng mân mê cái lỗ khuyết nơi ông kẹp các huân chương của mình, tại những đất nước mà chúng có ý nghĩa. Ở Mỹ, ông không đeo chúng.

- Chúng ta không nên ảo tưởng quá nhiều, - Archie nói. - Ngài Brentham bán thầu cho chúng ta như thể là đã tử tế lắm rồi. Chớ có hy vọng rằng đó sẽ là một hồ sơ thuộc hàng tối quan trọng. Nhưng

không sao. Chúng ta sẽ cung cấp cho phía Ba Lan những gì mà nước Anh đáng lẽ đã trả lời nếu như họ tự điều tra. Cậu hãy chuẩn bị một bản báo cáo vắn tắt dựa trên những gì mà viên thiếu tá trung thực người Anh kia đã nói. Ta sẽ thêm vào vài phụ lục khoa học mà bọn họ chẳng thể hiểu được. Cậu hãy dùng những tấm bằng đại học của mình để bôi trơn mọi thứ. Tất nhiên là dùng tên giả nhé. Và tôi sẽ đích thân đi Warsaw để nộp bản báo cáo cho bộ trưởng bộ nội vụ của họ.

Paul tự trách mình vì đã nhận vụ này. Nhưng, bây giờ, sau khi đã nhập cuộc, anh thấy khó mà chấp nhận kết thúc chóng vánh như thế này.

- Tôi còn vài điều cần phải xác minh, từ lời kể của giáo sư Rogulski, trưởng phòng thí nghiệm.

- Cái tay ấy, cậu thấy thế nào?

- Hơi kỳ quặc.

- Một nhà bác học điên rồ ấy mà, Archie bình phẩm.

Paul có thể thấy Archie nhún vai. Trong số tất cả những thành phần xã hội mà ông khinh miệt, các thiên tài khoa học và những người cùng khổ là những mục tiêu ưa thích của ông.

- Ông ta không điên đâu. Ông ta sợ. Và tôi không rõ là sợ cái gì.

- Nhưng cậu có tìm thấy điều gì bất thường hay đáng ngờ theo quan điểm khoa học không?

- Tôi không chắc lắm. Tất cả những gì tôi có thể nói với ông là tôi đã hơi vụng về và ông ta có hơi nghi ngờ. Tôi thực sự nghĩ rằng ông ta không giấu tôi điều gì quan trọng cả. Nhưng vì tôi không phải là một chuyên gia trong lĩnh vực của ông ta, tức là vi sinh ấy, nên tôi muốn ghé qua Paris để xác minh một số điều mà ông ta đã nói.

- Đi Paris! Anh không thể về Mỹ mà tìm hiểu được à?

- Ở Mỹ, nếu đột nhiên tôi quan tâm tới những chủ đề như thế thì sẽ gây nhiều chú ý. Hơn nữa ở Paris có một trong những nhà nghiên cứu nổi tiếng nhất thế giới trong lĩnh vực này.

MÙI ADAM

Archie luôn coi nước Pháp là nơi giải trí và xứ sở của phù phiếm. Ông chấp thuận cái ý định ghé qua Paris của Paul nhưng chỉ coi đó là một chút thư giãn.

- Nếu không tìm thấy gì, cậu quay về ngay nhé. - Ông chốt lại.

VIII

Geneva, Thụy Sĩ.

Mùa xuân, Thérèse không thích leo dốc. Lúc ấy thời tiết thỉnh thoảng lại đột ngột trở lạnh. Tiết trời có thể trở lạnh và gió mang theo mưa sẽ làm cho những con phố trở nên trơn trượt. Tuy vậy, cứ đều đặn mỗi ngày, dù có thể nào đi nữa, bà vẫn leo ngược con dốc đến tận Bourg de Four, quảng trường khúc khuỷu bao quanh khu phố cổ. Dù đã bảy mươi lăm tuổi, có cho vàng bà vẫn không muốn đi nơi khác. Bà đi ngang qua trước đài phun nước tròn, đồn cảnh sát và các quán cà phê ngoài trời. Rồi sau đó bà dừng cảm tận công cái cầu thang bằng đá lộng gió dẫn lên căn hộ của mình.

Từ tám ngày nay, bà cảm thấy lòng bất an. Bà biết đích xác chuyện gì sắp xảy ra. Nhưng việc không biết thời gian và địa điểm nó xảy ra khiến bà căng thẳng. Vì thế, sáng hôm đó, ngay khi nhìn thấy thằng bé ngồi trên bao lơn tầng một, bà cảm thấy lo sợ nhiều hơn là nhẹ nhõm. Nhưng ít ra thì sự chờ đợi cũng đã kết thúc.

Tại sao bà lại hình dung ra đó là một anh chàng tóc nâu, vạm vỡ, dung mạo đáng ngờ nhỉ? Cái cậu thanh niên đang ôm chiếc mũ bảo hiểm trên đầu gối kia thì ngược lại, khá mảnh dẻ, tóc vàng, và phải thừa nhận là cậu ta có một gương mặt ưa nhìn. Cậu lễ phép nói với bà:

- Di Thérèse có phải không ạ? Cháu chào dì ạ. Dạ, cháu đến là vì cháu gái của dì.

Bà Thérèse đã thề sẽ đóng kịch thật khéo. Bà cố gắng tỏ ra bất ngờ.

- Cháu của dì hả? Ờ, cháu muốn nói là Juliette chứ gì?

Nếu được tự quyết định, bà sẽ đón tiếp thằng bé thật ân cần. Bà sẽ dẫn nó lên nhà chơi và mời nó uống nước cam. Nhưng Juliette đã yêu cầu bà không được cho anh chàng vào nhà dù với bất kỳ lý do nào. Thérèse thấy tiếc vì phải phá vỡ mọi phép lịch sự và tiếp tục cuộc nói chuyện trên chiếu nghỉ ở cầu thang lộng gió.

- Cậu muốn gì ở cháu tôi?

- Có vẻ như cô ấy đã rời Chaulmes tuần trước và máy trả lời tự động của cô ấy cho cháu địa chỉ của dì. Xin dì cho cháu biết làm thế nào cháu có thể nói chuyện trực tiếp với cô ấy được ạ?

- Con bé không có ở đây. Nhưng con bé gọi điện cho dì hàng ngày. Lúc này nó không ra ngoài nhiều và cũng không muốn tiếp ai cả. Nó có vẻ hơi đau khổ, dì nghĩ thế. Nếu cháu muốn để lại một lời nhắn thì dì sẽ chuyển cho, không sót một chữ đâu.

Thằng bé hơi khép mí mắt trong lúc nói. Nó có vẻ chán chường, vừa mệt mỏi lại vừa tự tin. Điều này làm cho nó có sức quyến rũ đến lạ.

- Lời nhắn cũng đơn giản thôi ạ. Dì cứ bảo cô ấy là có Jonathan muốn gặp. Dì có muốn cháu ghi ra giấy không ạ? Jo-na-than. Và dì vui lòng nói thêm với cô ấy là các điều kiện của cô ấy đã được chấp thuận.

Thérèse làm ra vẻ đã nghe. Hạnh phúc thật, bà thầm nghĩ, cái tuổi mà người ta có thể ra điều kiện cho tình yêu, chỉ để sung sướng phục tùng nó.

- Trong trường hợp đó, - bà nói, mừng rỡ vì được tiết lộ là mình biết nhiều hơn người ta tưởng, - Juliette sẽ rất vui lòng gặp cháu lúc năm giờ chiều nay. Cháu đến được chứ?

- Năm giờ. Cháu nhớ rồi ạ. Thế ở đâu hả dì?

- Con bé đề nghị đến quán cà phê Grütli, gần nhà hát. Cháu rành Geneva chứ?

MÙI ADAM

- Dạ, có ạ, cháu biết chỗ đó rồi, - Jonathan nhanh nhẩu nói. - Cháu sẽ đến đúng chỗ.

Anh chàng ra về ngay sau đó, phong cách rất nhã nhặn, theo như cảm nhận của bà Thérèse.

Bà leo nốt các bậc thang còn lại, mở cửa, đặt các gói đồ xuống, rồi ngồi lại ở phòng ngoài, mỉm cười tư lự.

Cô cháu gái của bà luôn khiến bà cảm thấy vừa yêu vừa sợ. Từ hồi còn bé, bà đã xem đứa con gái của người chị cùng cha khác mẹ với mình như con đẻ, đến mức bà đã quyết định ở giá và không sinh con. Bà đã khổ sở rất nhiều khi phải chứng kiến con bé chịu sự giáo dục như thế. Bố nó đã gần sáu mươi tuổi khi nó chào đời. Là một doanh nhân, ông thừa hưởng một sản nghiệp nhỏ trong ngành vận tải biển và đã làm cho nó sinh lợi. Giàu có nhưng sống ích kỷ, ông ta không chấp nhận bất kỳ tiếng ồn nào ở trong nhà, cấm con gái không được rủ bạn đến chơi, lúc nào cũng đe nẹt con bé. Bà mẹ của Juliette thì ngay từ đầu đã không có đủ sức lực để chống đối chuyện đó. Bà đã quá sợ việc trở thành một cô gái già... Bà vẫn chưa hết mừng vì trong cái sự muộn chông lại vợ được chỗ ngon lành đến thế. Đến khi cuộc hôn nhân đó xuống dốc dần, bà đã trút mọi nỗi cay đắng lên đứa con và vào hùa với chồng hành hạ con bé. Hai người chẳng có điểm chung nào khác ngoài sự căm ghét dành cho Juliette và những gì mà con bé đại diện: tuổi trẻ, sự năng động, cuộc sống. Con bé đã phản ứng bằng cách thu mình lại. Nó chịu đựng tất cả với một sự thụ động khủng khiếp. Nó luôn im lìm, không nói không rằng, đến mức độ người ta cứ tưởng nó bị thiếu năng trí tuệ. Chỉ có Thérèse là cảm thấy cơn bão ẩn bên trong cái vẻ ngoài bình thản thường trực ấy. Kỳ nghỉ nào, ba mẹ Juliette cũng gửi nó đến nhà dì như là một cách để tổng khứ nó đi và bằng sự kiên nhẫn của mình, bà đã moi được một vài bí mật của Juliette. Hai hay ba lần trong độ tuổi thiếu niên của con bé, bà đã đón nhận nó trong những hoàn cảnh rất nguy khốn.

Vì thế Thérèse đã không lấy làm ngạc nhiên khi nhận được một

cuộc gọi khẩn cấp của cô cháu mình một tuần trước đó. Bà biết con bé chẳng còn ai trên đời này để mà bầu vịu vào khi cuộc sống của nó gặp vấn đề. Juliette đã hỏi xin bà cho ở tạm trong một căn hộ nhỏ đang để không mà bà sở hữu ở Carouge. Như thường lệ, bà chấp thuận mà không đặt bất kỳ câu hỏi nào.

Thérèse lại càng thêm vui vì đã được gặp Jonathan. Bây giờ bà đã cảm thấy được nguyên nhân thực sự của chút sóng gió kia. Tất cả rồi sẽ đâu vào đấy thôi. Bà hy vọng rằng Juliette sẽ đủ tỉnh táo để giải quyết vấn đề. Hơn nữa, bà sẽ khuyên nhủ nó, lặp lại với nó rằng cuộc sống này ngắn ngủi lắm. Hơi thở của bà đã trở lại bình thường. Trái tim bà đập chậm lại. Thérèse nhắc điện thoại và gọi cho đứa cháu gái.



Cung Grütli, gần quảng trường mới và nhà hát, là nơi tụ tập của giới điện ảnh, là nơi lui tới của tất cả những gì mà Geneva coi là trí thức. Bầu không khí cánh tả, tự do vô chính phủ, chống toàn cầu hóa ở đây gợi nhắc tới những giờ phút rực rỡ của Paris năm 68 nhiều hơn là sự nghiêm ngặt của cuộc cải tổ. Nhưng đối với Juliette, lợi ích của tòa nhà này trước hết là ở chỗ nó có ba cửa vào độc lập với nhau, đồng nghĩa với ba khả năng chạy trốn.

Cô đợi đến năm giờ mười lăm mới đẩy cánh cửa kính bên phía quảng trường Plainpalais. Mái tóc cứng xơ xuống vai, chiếc quần bò hơi cũ và cái áo thun cổ lật, trông cô cực kỳ hợp tình hợp cảnh. Chỗ này lúc nào cũng đầy các cô gái xinh xắn nhưng ăn mặc tuềnh toàng. Juliette đã trang điểm để giết thời gian trong khi sốt ruột chờ đến giờ hẹn. Trong lúc kích động, cô đã dùng hơi nhiều son bóng và phấn nền. Khi đi vào trong sảnh, cô nhìn thấy Jonathan từ xa. Anh ta ngồi một mình, trên bàn có một tách cà phê espresso uống vội, hai chân đập nhịp nhịp về sốt ruột. Cô kiểm tra lại để chắc ăn là trong quán chỉ có những người khách quen và không có gương mặt nào khả nghi cả.

MÙI ADAM

Kể từ cuộc chạm mặt gần đây nhất với Jonathan ở Chaulmes, Juliette thấy kinh ngạc với chính mình vì đã giữ được sự chủ động và kiên quyết như thế. Cô luôn ngủ ít nhưng không cảm thấy mệt mỏi. Tri giác của cô vẫn có được sự tinh tường, nhanh nhạy và tỏ ra vừa thú vị lại vừa đáng ngại đối với cô. Cô cảm thấy mình như một đứa trẻ được đi tàu lượn cao tốc ở hội chợ. Cảm giác hưng phấn, tăng tốc, nối tiếp bằng sự chóng mặt đột ngột, như thể cô sắp sửa lao đầu xuống mặt đất. Cô hơi sờ sợ, nhưng vẫn không muốn nó ngừng lại dù với bất cứ giá nào.

Cô đã rời Chaulmes để đỡ bị áp lực nếu có từ Jonathan và "các cấp trên" của anh ta. Nhưng trên hết, ngôi làng nhỏ, sự im lìm và yên lặng của nó, nếu như trước đây hoàn toàn tương hợp với nỗi chán chường của cô, thì giờ đây nó lại khiến cho tình trạng mới của Juliette trở nên không thể chịu đựng nổi. Những mối lo ngại của cô đã không tan biến đi. Chúng chuyển sang một thứ khác, xa lạ, giống như là một sự kích động từ bên trong, một sự đòi hỏi thường trực những tiếng ồn, sự di chuyển và khuấy động. Để thỏa mãn, cô còn nhiều chỗ khá hơn Geneva, nhưng ít ra đây cũng là một thủ đô. Ngày cũng như đêm, khi Juliette sải bước trên những con phố, cô tin chắc mình sẽ bắt gặp người qua lại, đèn đuốc và xe cộ. Cô cảm thấy mình mỏng manh nhưng không gì phá vỡ nổi. Không gì có thể khiến cô rút lại quyết định đã đưa ra.

Cô đi tiếp ba bước và đến ngưỡng cửa phòng ăn. Jonathan đã trông thấy cô. Juliette tiến đến bàn của anh ta và ngồi vào chiếc ghế được thiết kế cầu kỳ làm bằng những cái ống thép.

- Em đến hơi muộn, em xin lỗi.
- Không sao. Anh cũng vừa đến.

Jonathan cố gượng cười. Rồi anh ta thử tạo lại cho mình vẻ bàng quan và hơi bề trên.

- Em bày trò làm gì? Em nói anh nghe xem nào?
- Cô ngạc nhiên.
- Trò nào?

Anh ta khoát tay chỉ quẩy rượu, nhưng cũng có thể là tất cả mọi thứ.

- Đi khỏi Chaulmes. Chuyện của bà dì. Cuộc hẹn kỳ quặc này...

- Thận trọng không bao giờ thừa.

Jonathan sụp mắt xuống. Khi thảo luận với những người hậu thuẫn anh ta, mọi giả thiết đã được đặt ra nhằm ép Juliette phải giao thứ mà cô đã lấy ở Wroclaw: bắt cóc, đánh đập, lục soát nhà, tất... Nhưng cuối cùng, những giải pháp đó đã bị gạt đi. Quyết định này đã làm Jonathan rất bất ngờ. Thậm chí anh ta còn không buồn che giấu nỗi thất vọng của mình.

Một cô nàng phục vụ người Eritrea tươi tỉnh nhưng mặc chiếc áo dài chẳng ra hình thù gì cùng với đôi giày xăng đá, tiến lại gần để nghe họ gọi thức uống. Juliette chọn cà phê, nhưng gọi cô ta lại đổi thành nước có ga. Thế này đã đủ khiến cô căng thẳng lắm rồi. Những ý nghĩ tiếp tục sôi sục trong đầu cô. Thêm vào đó, Juliette đã quên sạch sẽ những gì họ đang nói.

- Anh đã hỏi em tại sao em lại trốn đi.

- À, phải rồi. Em cần một thành phố lớn, thế thôi. Em cảm thấy hơi bị gò bó ở Chaulmes. Hơn nữa, ở đó ban đêm có những tiếng động lạ. Như thể có người tìm cách trộm đồ của em ấy. Anh hiểu ý em nói không?

Cô cười rõ to, tiếng cười mà cô nghe rành rọt như thể cô đang tách ra khỏi cơ thể của mình, tiếng cười mà cô thấy bệnh hoạn. Trong quán nhiều người quay lại nhìn cô. Họ tin rằng cô vừa làm một hơi thuốc và mỉm cười thông cảm. Nhưng Jonathan thì bối rối ra mặt.

- Em không muốn ta nói chuyện ở chỗ khác à?

- Không, ở đây em thấy rất ổn.

Juliette cảm thấy cực kỳ không thoải mái, điều đó lại làm cho cô cười phá lên. Jonathan càng lúc càng muốn chấm dứt chuyện này.

- Được rồi, - anh ta cắt ngang và chồm người tới trước, - em muốn đi đây đi đó không? Tin anh đi, em sẽ được toại nguyện.

Anh ta rút ra một tấm bìa gấp dài từ trong túi áo khoác và, sau khi

MÙI ADAM

đã đảo mắt một vòng, đưa nó cho Juliette. Có thể thấy Jonathan đang chán nản vô cùng. Anh ta đã cực lực phản đối quyết định mà họ đã yêu cầu anh thực thi. Để làm được chuyện này anh ta phải nỗ lực ghê gớm.

- Ngày kia em sẽ đi, - Jonathan thông báo, miệng méo xệch đi vì nụ cười chua chát. - Đây là vé máy bay của em.

Juliette cầm lấy mảnh bìa. Hơi nhanh quá, cô nghĩ bụng. Cố gắng làm chủ bản thân, cô nhẹ nhàng mở nó và lấy ra tờ vé.

- Johannesburg! - Cô vừa nói vừa đưa đôi mắt hoài nghi nhìn Jonathan. - Thật thế à?

- Em không biết đọc sao?

Anh ta không thể không bộc lộ sự cay đắng của mình.

- Anh không đi sao? - Juliette hỏi, không hình dung được hết sự ngiệt ngả trong câu hỏi của mình.

Câu trả lời đã quá rõ. Jonathan lắc đầu.

- Anh chẳng là cái đinh gì. - Anh ta phật ý đáp.

Phía sau giọng điệu hung hăng, người ta có thể cảm thấy nỗi thất vọng sâu sắc của Jonathan. Juliette trong một thoáng đã thấy thương hại anh ta. Nhưng rồi cô lại nghĩ: "Đáng đời. Đây là cái giá cho sự hèn hạ". Việc nhìn thấy tấm vé máy bay dường như đã làm cho sự kích động của cô tăng thêm một bậc. Hai bàn tay cô run rẩy, mắt cô long lanh và khoe miệng cô giật giật.

- Ở đó em sẽ phải gặp ai?

- Không cần phải mất công. Sẽ có người đón tiếp em.

Giọng điệu của Jonathan chất chứa một nỗi đe dọa mơ hồ. Nhưng với sự tỉnh nhạy trong tri giác của cô lúc này, Juliette cảm thấy anh ta chẳng biết gì hết, và anh ta chỉ biểu lộ ham muốn trả thù cá nhân thôi. Dù thế nào đi nữa, Juliette cũng đã quyết định sẽ đi đến cùng. Cô sẽ giữ lời.

- Được rồi, - Jonathan nói trong khi đưa tay cầm lấy chiếc mũ bảo hiểm, - Anh chúc em may mắn.

- Giờ anh định làm gì?

Juliette hỏi câu đó với thiện ý. Cô vụng về bộc lộ chút trù ẻo đến sột sỏ lại. Thế nhưng cô đã làm Jonathan phát khùng lên.

- Đây là lúc mà cô phải tự lo lấy cái thân cô! Thế mà cô chỉ giễu cợt tôi thôi. "Giờ anh định làm gì?" - Anh ta lặp lại, bắt chước giọng điệu của cô, - Tôi còn *có thể* làm được gì nữa đây? Câu hỏi đáng ra phải là như thế đấy. Cô tự mà tìm câu trả lời trên máy bay ấy.

- Em xin lỗi, - cô nói.

Trong trạng thái tinh thần hiện tại của Juliette, sự bất hạnh xung quanh cô làm cô lúng túng, ngay cả khi, đối với trường hợp của Jonathan, đó là một nỗi bất hạnh đáng kiếp và có lẽ tự anh ta đã chuốc lấy. May mắn là, cảm xúc của Juliette đã nhanh chóng đổi khác, khi một người nào đó ngồi ở chiếc bàn bên cạnh làm đổ tách cà phê trong lúc đứng lên và làm một động tác đột ngột để đỡ lấy nó. Juliette ngay lập tức muốn bật cười.

- Và nhất là đừng có quên thư mà cô cần phải cầm theo, - Jonathan hần học nói thêm. - Cô có hiểu ý tôi nói không? Cái lọ đồ ấy.

Cô gật đầu, làm ra vẻ chú tâm, như thể cô muốn xoa dịu cơn phần nộ của Jonathan. Nhưng nói thật tình, điều đó với anh ta lúc này đã là vô nghĩa.

. ♦ .

Trên chuyến tàu xuyên qua biển Manche, Paul mơ màng ngồi lật lật tập tài liệu Providence đã gửi nhưng có nguy cơ chẳng giúp anh được gì. Ngồi đối diện với anh, một thằng bé đang nhòm vào bóng tối bên ngoài cửa sổ. Bố nó trêu đùa nó lúc tàu bắt đầu rời ga Waterloo, trong lúc mắt liếc sang Paul để ra hiệu cho anh không làm lộ chuyện.

- Khi chúng ta ở dưới biển Manche, con sẽ biết ngay thôi.

- Sao thế hở bố?

- Bởi vì khắp dọc đoàn tàu sẽ có rất nhiều bong bóng khí và những con cá sẽ bơi tung tăng trước ô cửa kính.

MÙI ADAM

Thằng bé ngồi canh mấy con cá và những bong bóng khí suốt cả chuyến đi. Sự sốt ruột, rồi thất vọng của nó làm Paul xúc động đến một mức độ mà chính anh cũng phải ngạc nhiên. Anh cảm thấy mình cũng như đứa trẻ kia vậy. Chỉ cần Archie thoáng cho anh thấy chuyển vượt biển giữa những đàn cá là anh đã lao ngay vào sự mong ngóng đầy lo lắng và hồi hộp này, để cuối cùng chỉ thất vọng vì chẳng tìm thấy gì như thế cả.

Ít ra thì kinh nghiệm này cũng đáng để cho anh thấy rõ đầu óc của con người vận hành thô vụng như thế nào. Anh viết một email dài cho Kerry, trong đó anh kể lại mọi chuyện. Máy tính xách tay của anh được trang bị loại ăngten cho phép anh nối mạng ở mọi nơi. Anh vào hộp thư của mình, nhưng cuối cùng lại quyết định thôi không gửi email đi nữa.

Sau khi đến ga Bắc ở Paris, anh bắt taxi đi tới viện Pasteur. Trong ngôi thánh đường của ngành vi sinh này, những nhà nghiên cứu kiệt xuất đang ngày qua ngày xây dựng một tương lai bằng những công nghệ đi trước thời đại. Nhưng cùng lúc ấy, quá khứ vẫn hiện diện trong khu ký túc chật chội giữa lòng Paris, bị xấn ngang bởi một con phố toàn xe hơi phóng bạt mạng... Phòng nghiên cứu về bệnh tả và các loại phẩy khuẩn vẫn còn đóng đô tại tòa nhà cổ kính, nơi mà Louis Pasteur ngồi lắc những chiếc bình nón ma quỷ của mình cách nay một thế kỷ rưỡi.

Paul đã xin hẹn bằng tên thật của mình, với cái cơ để chuẩn bị cho một chương trình truyền thông về các dịch bệnh lớn của một tổ chức y tế vùng đặt trụ sở tại Georgia.

Những lời giải thích này hóa ra chẳng cần thiết. Giáo sư Champel thậm chí chẳng buồn hỏi tên của anh chứ đừng nói đến lý do của chuyến viếng thăm. Điều duy nhất quan trọng đối với ông, đó là cái thú khi được kể về bệnh tả cho một đôi tai biết lắng nghe.

Trong những hành lang vắng lặng của phòng thí nghiệm, người ta nhận ra ngay từ cái nhìn đầu tiên rằng bệnh tả không còn là một căn bệnh hợp thời nữa. Những trang nghiên cứu lớn ngày nay chỉ

dõi theo những lĩnh vực khác. Các con quái vật như HIV, virus Ebola hoặc virus cúm gia cầm đang thu hút sự quan tâm của công chúng, giới truyền thông và cánh chính trị. Đó mới là chỗ được nhận các khoản ngân sách khổng lồ và sản sinh ra các giải Nobel. Căn bệnh tả già cổ bấy giờ chỉ như một người lính già. Quả thực, nó là tàn tích của những cuộc chiến tranh chết chóc, nhưng người ta đã giành được chiến thắng rồi. Giáo sư Champel rõ ràng là không muốn chấp nhận sự quay lưng đó. Bệnh tả vẫn là một đề tài không bao giờ cạn kiệt đối với ông. Thậm chí nó dường như cũng là thú vui duy nhất trong đời của ông. Paul tự nhủ ít ra thì cách cư xử thân thiện của giáo sư Champel cũng là một sự tương phản dễ chịu so với vẻ lạnh lùng của giáo sư Rogulski, và ngược lại, càng nhấn mạnh thêm sự lạ lùng trong thái độ của ông giáo sư người Ba Lan.

- Anh có biết cái gì đã biến bệnh tả thành một căn bệnh đáng quan tâm nhất không? - Giáo sư Champel hỏi để mở đầu câu chuyện. - Thật ra rất đơn giản! Bệnh tả là một căn bệnh rất văn chương.

Vị giáo sư nhỏ người với khuôn mặt tròn và cặp má xệ, bắt đầu ngâm nga những trích đoạn thơ và văn xuôi mà các tác gia, chủ yếu là người Pháp, đã viết về bệnh tả. Ông kết thúc bằng một lời tán dương tốt đỉnh, gần như chồm hẳn người lên chiếc bàn làm việc của mình, với một câu trong tác phẩm *Chàng kỵ binh trên mái nhà* của Jean Giono. "Bệnh tả, ông rống lên, đó là nỗi khiếp sợ-ợ-ợ...". Paul phải cố lắm mới khiến ông quay trở lại với hiện tại và những câu hỏi của anh.

- Không, - cuối cùng giáo sư thừa nhận, trong lúc giắt lại vạt áo sơ mi vào trong quần, - ngày nay bệnh tả không còn là một vấn đề y tế nữa. Việc giữ gìn vệ sinh có thể loại trừ nó một cách dễ dàng.

Nhưng ông vội vàng giảm nhẹ lời thú nhận của mình.

- Nói thế không có nghĩa là nó không còn gây ra những vấn đề lớn nữa. Căn bệnh này vẫn là một trong những loại bệnh nguy hiểm ở các nước nghèo, đặc biệt là đối với "những người nghèo tại các quốc gia nghèo đói".

MÙI ADAM

- Nói cách khác, ở đây vi khuẩn tả không còn là mối nguy nữa. Ông không cần phải đặc biệt thận trọng khi làm việc với nó sao?

Ông giáo sư cầm lấy một cái hũ nhựa nằm trên bàn.

- Ở trạng thái khô, phẩy khuẩn có thể được cất giữ trong những cái hộp như thế này. Ngoài ra, chúng tôi nhận nó ở khắp mọi nơi nhờ anh bưu điện.

- Nhờ bưu điện à! Thế nếu chúng vỡ ra thì sao? Nếu chúng bị thất lạc thì sao?

- Anh cũng biết đấy, anh bạn đồng nghiệp của tôi ạ, phải hội đủ nhiều điều kiện thì phẩy khuẩn tả mới trở nên nguy hiểm được. Một vài con vi khuẩn đơn lẻ thì không đủ. Nó cần phải đạt tới một số lượng đủ lớn, nghĩa là sinh sôi nảy nở trong cơ thể một sinh vật bị nhiễm bệnh chẳng hạn. Nó cần phải lan truyền ra một môi trường nước thuận lợi: nhiệt độ đủ cao, có nhiều vật chất hữu cơ. Và trên hết, nó phải tấn công vào một dân số dễ bị mắc bệnh, ăn uống sinh hoạt kém, thiếu vệ sinh! Bệnh tả là một con quái vật mà người ta có thể tiêu trừ chỉ bằng cách rửa tay.

Y như lời giáo sư Rogulski đã nói! Chắc đây phải là cái công thức nổi tiếng, một câu nói văn chương hóa về con vi khuẩn tả. Không còn nghi ngờ gì nữa, ông giáo sư người Ba Lan đã nói sự thật. Tuy nhiên, Paul vẫn còn một điều cuối cùng cần xác minh.

- Thưa giáo sư, ngay ở đây, ông cất trữ các chủng phẩy khuẩn như thế nào ạ?

- Anh đi theo tôi.

Champel dẫn anh băng qua hành lang. Hình như ông cố tình chỉ nhìn về bên trái.

- Vậy còn bên này? - Paul hỏi, tay chỉ những căn phòng ở bên phải hành lang.

- Đó không thuộc quyền kiểm soát của chúng tôi, - giáo sư Champel cay đắng thú nhận. - Chúng tôi chỉ còn có phân nửa phòng thí nghiệm thôi. Phía nửa bên kia nghiên cứu về khuẩn

listeria, chắc anh biết rồi, đó là loài vi khuẩn mà người ta tìm thấy trong pho mát và có thể giết chết phụ nữ mang thai.

Trong giọng điệu của ông giáo sư chứa đầy sự khinh miệt dành cho cái thứ mới phát hiện chưa kịp gọi cảm hứng cho giới văn nghệ sĩ kia.

Hai người đi vào trong những căn phòng chật đầy máy móc, ở đó có vài nhà khoa học đang tập trung nghiên cứu. Giáo sư Champel giải thích rằng trong những căn phòng này vi khuẩn tả có mặt ở khắp mọi nơi: trong tủ lạnh, tủ hút, trên các bàn thí nghiệm. Thế nhưng, chẳng ai buồn đeo khẩu trang hay mặc những bộ áo quần phòng hộ.

- Nhiều người vẫn hay lầm tưởng về bệnh tả. Họ cứ nghĩ nó nguy hiểm hơn thực tế. Tôi còn nhớ một thực tập sinh người Nga đã đến đây vào một buổi sáng. Cô bé đi vào hành lang rồi không ngần ngại tiến thẳng đến chiếc tủ tường mà anh trông thấy đằng kia.

Trên một cánh cửa có gắn tấm bảng để "Cấm mở - nguy hiểm".

- Đó là tủ điện, trong đó chỉ toàn cầu chì. Cô bé đợi tôi ngay ở đó vì cứ tưởng rằng phòng thí nghiệm nghiên cứu về bệnh tả phải nằm ở đằng sau cánh cửa ấy.

Họ đi ra và bước vào trong một sảnh nhỏ, gần mấy chiếc thang máy. Phía sau có một cái kho nhỏ đã bị khóa lại, nhưng ổ khóa có vẻ rất tầm thường, và cánh cửa cũng không lấy gì làm kiên cố.

- Đây là nơi mà chúng tôi lưu giữ những hồi ức về bệnh tả.

Trong những ngăn tủ nhỏ chồng chất lên nhau đến tận trần nhà là các chủng phẩy khuẩn thu thập được trong những trận đại dịch kể từ hơn một thế kỷ nay. Tất cả những nổi kinh hoàng và tang tóc gieo rắc bởi căn bệnh dịch này đều có chỗ trong các ngăn tủ xếp hàng nhỏ nhắn, chỉ vừa đủ chỗ cho một bộ tem. Giáo sư Champel giải thích rằng trong những cái hộp là các vi khuẩn khô, còn trong tủ lạnh là những chủng đông lạnh. Nhưng tất cả chúng đều đang sống và bất kỳ lúc nào người ta cũng có thể đem chúng ra nuôi cấy

MÙI ADAM

được. Điều đó vừa đáng xúc động lại vừa đáng ghê sợ. Không gì có thể khiến người ta chấn động mạnh hơn nữa. Trong cái nhà tù nhỏ bé này, khoa học đã thành công trong việc giam giữ những thủ phạm mà thời đó đã là kẻ thù nguy hiểm nhất của nhân loại.

Hai người quay ra. Ở cuối hành lang, chỉ cách cái kho kia có vài mét, họ nhìn thấy phía sau một cánh cửa kính là những đứa trẻ. Chúng chạy nhảy, la hét, vài đứa còn áp mặt vào lớp kính.

- Một lớp học đến tham quan ấy mà. - Giáo sư Champel nói.

- Ý ông nói là phía bên kia được dành cho công chúng sao?

- Đúng, đó là viện bảo tàng Pasteur. Anh chưa bao giờ vào thăm à? Thật là sai lầm.

Rogulski đã đứng trên mọi phương diện. Bệnh tả thực sự không đòi hỏi một sự bảo vệ đặc biệt nào khi mà ở đây người ta có thể trừ các chủng vi khuẩn sống chỉ cách những đứa bé tham quan có vài mét. Không ai có thể trách cứ ông ta được.

Trong lúc quay về phòng làm việc của giáo sư Champel, Paul muốn thật chắc chắn về một điểm cuối cùng.

- Có đúng là phẩy khuẩn rất bền vững về mặt di truyền không, thưa giáo sư?

- A, anh cũng biết chuyện này sao? Đúng đấy, điều đó hoàn toàn chính xác. Có khoảng hai trăm tuýp phẩy khuẩn, đa phần không gây bệnh. Chỉ có chủng được đặt tên "O1" là gây ra bệnh tả mà thôi. Anh đã nhìn thấy bộ sưu tập của chúng tôi rồi đấy, nó cho thấy chủng gây bệnh đã không biến đổi từ nhiều thế kỷ nay. Một tuýp nguy hiểm mới đã xuất hiện cách đây khoảng mười năm, và gây ra một đại dịch trầm trọng vì những người đã đề kháng với O1 không được bảo vệ trước chủng vi khuẩn mới này. Nhưng ngoại lệ đó cũng chính là lời khẳng định cho nguyên tắc: bệnh tả không chịu biến đổi.

Khi hai người ngồi xuống trở lại, Paul tập hợp các ghi chép của mình. Đã đến lúc đặt ra câu hỏi sau chót, căn nguyên của tất cả những thắc mắc còn lại, và là câu hỏi cho phép cuộc điều tra khép lại.

- Liệu có ngày nào đó người ta cố ý sử dụng vi khuẩn tả không ạ?
- Ý anh là khủng bố chứ gì?
- Vâng.

Giáo sư Champel mấp máy môi. Có thể nhận ra ông đang che giấu sự thất vọng của mình.

- Bệnh tả không phải là một vũ khí tốt cho bọn khủng bố. Về mặt lý thuyết, nó có thể dùng được. Xét cho cùng thì nó gây ra một bệnh dịch nguy hiểm mà chưa có vắc xin phòng ngừa hiệu quả với số lượng lớn và giá rẻ. Thỉnh thoảng người ta có nghe nhắc tới nó trong những cuộc nghiên cứu có tính bí mật quân sự. Nhưng đó chỉ là những tin đồn chưa được kiểm chứng. Sự thật là anh chàng phẩy khuẩn già cỗi này không thích hợp để sử dụng cho mục đích khủng bố. Trước hết, nó không có sự kháng cự tốt, khác với đám trực khuẩn như vi khuẩn gây bệnh than có thể tạo thành bào tử và sống sót rất lâu trong những môi trường không thuận lợi. Nó cũng không quá khó bị tiêu diệt, và đa số các kháng sinh hiện hành đều có thể tiêu diệt nó dễ dàng. Bởi vì nó ổn định về mặt di truyền nên nó sẽ tạo ra sự miễn nhiễm. Cơ thể con người tự sản xuất được các kháng thể và bệnh tả chỉ còn là những dịch bệnh mang tính cục bộ, hay nói cách khác, vi khuẩn tả vẫn hiện diện nhưng hiếm khi gây họa. Để chúng trở thành đại dịch, cần phải có một cơn khủng hoảng xã hội lớn, những trận lụt lội hoặc là chiến tranh để làm cho tình trạng vệ sinh kém đi.

Giáo sư đưa ra những thông tin trên với một vẻ tiếc nuối, làm như báo tin một người thân qua đời trong sự cùng khổ vậy.

- Và nhất là, như tôi đã nói với anh, bệnh tả chỉ ảnh hưởng lên những người nghèo thôi. Với cư dân của các quốc gia tiên tiến, nó chẳng thành vấn đề. Thế nhưng anh cũng biết đấy, bọn khủng bố không quan tâm nhiều đến những người nghèo...

Paul gập sổ lại. Những nốt nhạc to của cây kèn trumpet trong bài *Tuba mirum* lại vang lên bên tai anh. Bản cầu hôn dành cho bệnh tả. Sự kết thúc sớm của một đầu mối điều tra. Vụ việc tại Ba

MÙI ADAM

Lan trở lại là thứ mà nó vẫn luôn là như thế: một sự cố không mấy trầm trọng.

Paul lễ độ nhận tập tài liệu khoa học dày cộm mà ông giáo sư nhất định đưa cho anh, rồi xin phép ra về một cách khó khăn. Đã tám giờ, trời bắt đầu tối. Nếu không có gì thay đổi, tối mai anh sẽ lại được ngủ trên chiếc giường của mình, ở Atlanta.

IX



Atlanta, Georgia.

Qua cửa kính taxi, Paul quan sát những đám mây lớn nằm chồng chất lên nhau như những món đồ chơi khổng lồ ngang trên bầu trời. Anh đã rời căn hộ của mình với suy nghĩ chỉ thấy lại nó sau nhiều tuần lễ. Không ai thay đổi được lịch dọn dẹp nhà cửa một lần mỗi tuần của bà giúp việc. Giường chiếu đã được dọn, bồn rửa sạch sẽ, tủ lạnh bị ngắt điện, mở toang cửa và trống rỗng.

Paul cảm thấy điệp vụ của mình đã kéo dài đủ lâu để làm xáo trộn các thói quen của anh, thay đổi cuộc sống mà anh đã tạo dựng từ khi rời khỏi thế giới ngầm. Nhưng nó quá ngắn để có thể đi đến một kết thúc thực sự, đến một cực điểm khiến anh phải thấy hào hứng và sung sướng khi huy động năng lượng để quay trở lại cuộc sống cũ. Anh chỉ thấy trống rỗng. Nhờ chênh lệch múi giờ, anh ngủ thiếp đi trước cả khi đỡ đồ trong va li ra.

Cơn đói đánh thức anh dậy lúc bốn giờ sáng. Trên bầu trời quang quẻ, những ngôi sao cuối cùng nhấp nháy trước khi hừng đông xuất hiện. Thành phố chìm trong sự yên lặng tuyệt đối. Anh nhận ra hôm nay là chủ nhật. Ít ra anh cũng không phải tự hỏi liệu có nên đến phòng khám hay không. Chủ nhật là ngày thăm nuôi của người nhà

bệnh nhân. Các công sự của anh sẽ không có mặt và nhân sự đi làm cũng rất hạn chế.

Anh mặc đồ trong tư thế sẽ ở nhà cả ngày: bộ quần áo thun thoải mái, chân xỏ đôi giày thể thao. Trong tủ bếp, anh tìm thấy vài gói bánh, cà phê bột và đường, đủ để làm một bữa sáng qua loa. Anh ăn sáng trong lúc nhìn mặt trời mọc lên trên những ngôi nhà mái bằng của khu Đông. Rồi anh nghe những tin nhắn trong máy trả lời tự động, mắt vẫn nhìn đường chân trời đang ứng hồng.

Lúc đi anh đã quên không đổi câu thông báo, nên đa phần người gọi đều bảo anh gọi lại cho họ ngày hôm sau. Vẫn là những tin nhắn không quan trọng: ngân hàng, những sửa chữa sắp tới của đường ống nước ngoài chiều nghỉ, hai giọng phụ nữ không hài lòng vì anh lặn mất tăm, một trong hai người vừa nói vừa khóc. Paul có cảm giác lạ lùng là mình đang đột nhập vào cuộc sống của một người mà anh không quen biết.

Thế rồi, đột ngột vang lên giọng nói của Kerry. Đã hơn bảy năm anh không nghe thấy giọng cô. Anh cứ tưởng là mình đã hoàn toàn quên cô, trước khi lại nghĩ đến cô kể từ lần gặp mặt Archie. Anh đặt tách cà phê xuống, ngồi thẳng người lại trong chiếc ghế bành, vịn to máy trả lời tự động.

- Chào anh, Paul. Thôi, không may rồi. Chắc anh đã đi. Em mừng vì được nghe giọng nói của anh. Rất mừng là đang khác.

Tiếng nói nghe không rõ. Giọng điệu như một lời độc thoại riêng tư, đôi chỗ chỉ vừa đủ nghe. Paul nghĩ Kerry chắc đã phải ghi âm vào lúc đêm khuya. Anh tự hỏi cô giữ tư thế nào trong khi nói. Nằm ngửa, chắc chắn rồi, đôi mắt mở to nhìn thẳng lên trần nhà. Hồi xưa cô vẫn hay làm thế mỗi khi phải tâm sự, làm như thể cô tìm kiếm nguồn cảm hứng ở một điểm vô cùng trên trục thẳng đứng vậy.

- Ở New York trời vẫn còn lạnh. Nhưng cũng đã chớm xuân và em cũng đang tan băng đây. Dạo gần đây em bắt đầu nằm mơ. Anh hình dung mà xem, em không hề ngạc nhiên khi anh gọi điện. Hồi trước anh vẫn hay bảo thế nào nhỉ? Những đồng tưởng của chúng ta. Phải không anh?

MÙI ADAM

Thỉnh thoảng cô ngừng lời, giống như đang uống từng ngụm nhỏ.

- Đúng hơn là một cặp ngó ngắn.

Anh tưởng tượng ra cô đang cười thầm. Kerry im lặng một lúc, rồi nói tiếp bằng một giọng trầm hơn.

- Vâng, bọn trẻ ồn cả. Em rất hạnh phúc với chúng. Một trai, một gái, đúng như những gì em muốn. Bây giờ chúng không làm em mất ngủ nữa, nhưng chúng nó đánh nhau suốt cả ngày. Bố bọn trẻ hay kể chuyện cho chúng nó nghe. Và có lẽ cho cả em nghe nữa.

Lại nụ cười thầm, nhẹ như hơi thở trong điện thoại.

- Nhưng em thích như thế. Anh phải gặp anh ấy. Anh biết đấy, anh ấy là một thiên tài trong kinh doanh. Anh ấy có thể làm ra tiền với mọi thứ mà anh ấy chạm vào. Đạo này anh ấy lấn sang lĩnh vực bảo hiểm ngân hàng. Đừng có hỏi em nó là gì nhé: tất cả những gì em biết là anh ấy đang biến nó thành ra đô la. Thêm vào đó, anh ấy có năng khiếu tiêu tiền. Mỗi tối, anh nghe em nói không, mỗi tối anh ấy lại về nhà với một thứ mới mẻ và đẹp đẽ. Em có hàng chục cái váy ở trong tủ áo. Phải, em nói thật đấy! Căn hộ ở Manhattan của chúng em tràn ngập những món đồ nghệ thuật và các bức tranh quý. Nhưng phải nói ngay với anh là em cóc cần. Anh cũng biết tiền bạc không bao giờ khiến em bận tâm. Nhưng thôi, cứ cho là em hạnh phúc đi, Paul ạ. Rất hạnh phúc là đằng khác.

Lần im lặng tiếp theo dài tới nỗi anh tưởng cô đã ngắt máy. Ngồi trên rìa của chiếc ghế, anh chúí người về phía trước, hai tay đã vươn tới chiếc máy trả lời tự động, thì giọng cô lại vang lên:

- Thế mà, anh thấy đấy, em đã trả lời anh.

Lại im lặng.

- Em không quên thỏa thuận giữa hai chúng ta đâu.

Giọng nói nhỏ đến nỗi nó chỉ to hơn một hơi thở trong đường dây.

- Nếu anh khẳng định rằng, lần này, các điều kiện đã được hội đủ... thật sự hội đủ như ta đã nói... thì, anh cần phải biết rằng...

Lần này, sau một khoảng lặng kéo dài, cái loa bắt đầu kêu rú lên.

Tin nhắn đã kết thúc. Paul run rẩy nhấn mấy cái nút. Không có đoạn tiếp theo, và cũng chẳng còn tin nhắn nào khác.

Lúc này mặt trời đã nhô lên cao trên khu rừng ăng ten và ống khói. Paul đứng dậy, và lạ lùng thay, một đoạn kinh cầu của vị cha xứ người Nga bỗng quay về trong trí nhớ của anh. Mẹ anh vẫn hay nhắc lại đoạn kinh ấy với anh mỗi tối trong khu để tượng thờ hồi anh mới năm, sáu tuổi. Anh đã quên lời kinh cầu, nhưng vẫn nhớ đoạn kinh ấy bảo rằng có một mối liên hệ vô hình giữa người với người. Mặc dù cả Kerry và anh đều chẳng phải thánh nhân, nhưng một cơn gió vẫn liên kết hai người lại với nhau, giống như các thiên thần vậy. Dù sao thì, đó là điều anh nhận thấy khi cô ở xa. Lúc họ ở cạnh nhau thì lại là một chuyện khác.

Anh cầm lấy chiếc kèn trumpet và chơi một bài nhạc xưa của Armstrong trong đó pha trộn đủ thứ giai điệu, nhưng vẫn có cái nét riêng không bắt chước được: bản *It's a wonderful world*. Anh chơi thêm lần nữa, to hơn. Rồi lần thứ ba, lần này anh thổi mạnh đến nỗi hoa hết cả mắt. Anh ngừng lại, và trong sự im lặng tiếp nối tiếng kèn, anh nghe thấy một giọng nói trong đầu mình, giọng nói đúng là của Kerry.

- "Nếu như các điều kiện đã được hội đủ..." - Cô đã nói.

Đó chính là câu nói làm lu mờ hết tất cả những câu khác, là lời nhắc về một điều kiện chưa bao giờ được thực hiện. "Nhưng mà không, Kerry ạ, rốt cuộc các điều kiện đã không được hội đủ. Nó chỉ là một điệp vụ thất bại thảm hại không hơn không kém, và nó đã kết thúc mất rồi". Anh vẫn đứng, tay thông thạo, thả rơi chiếc kèn xuống tầm tầm.

"Mẹ kiếp cái lão Archie và những ý tưởng ngu ngốc của lão, anh nghĩ. Mẹ kiếp cả cái thằng mình vì đã ngó ý với Kerry".

Anh cầm lấy cái vỏ chai trên bậu cửa sổ và ném mạnh vào cây đàn piano. Rồi anh bắt đầu đi đi lại lại trong căn hộ, đảo mắt tìm thứ gì có thể đập được, thứ gì to hơn một cái chai, để xúng với cơn giận của anh. Nơi trút giận duy nhất anh tìm thấy là chiếc xe đạp địa hình. Anh vác nó lên vai, đi thang máy xuống dưới đường và lao xe vào

MÙI ADAM

những con phố vắng, nơi chỉ có vài gã lang thang đang nhón nhác lê bước.

Anh trở về nhà vào đầu giờ chiều, người mệt bã, họng khát khô, đùi nhức nhối, nhưng tâm bình yên. Anh tắm thật lâu rồi mặc chiếc quần tập võ. Anh đã chế ngự được cảm xúc của mình và tự lên một kế hoạch đơn giản, rõ ràng cho tuần tới. Ngày mai, anh sẽ bắt đầu viết báo cáo. Anh sẽ đến Providence để đưa ra kết luận của mình và kết thúc nhiệm vụ. Sau đó, sẽ không bao giờ người ta có thể khiến anh đi chệch khỏi con đường anh đã vạch ra nữa. Anh đã trở thành bác sĩ, anh sẽ vẫn là bác sĩ. Archie và tất cả những người khác có thể trả bất kỳ giá nào họ muốn, nhưng anh sẽ không chấp thuận nữa.

Anh giờ đồ đạc trong va li ra, rồi sắp xếp giấy tờ trên bàn làm việc để bắt đầu soạn báo cáo. Sau đó một tiếng đồng hồ, anh nghe lại tin nhắn của Kerry, lần này rất bình tĩnh. Anh nghe lại thêm bốn lần nữa, rồi xóa luôn. Sau đó anh nằm dài trên giường và ngủ thiếp đi.

Tiếng chuông điện thoại đột ngột dậy giữa đêm. Anh mò mẫm lần đến chỗ điện thoại cố định, nhưng lúc nhấc ống nghe anh nhận ra điện thoại di động đang đổ chuông. Chưa có ai gọi vào di động của anh bao giờ. Anh chỉ dùng nó để gọi đi. Màn hình cho thấy đã hai giờ ba mươi tư phút sáng.

- Là Cawthorne đây.

Paul sức nhớ anh đã để lại số di động của mình cho viên thiếu tá, vì lúc ấy anh vẫn chưa trở về nhà.

- Nếu anh vẫn còn ở London thì tôi muốn gặp anh hôm nay.

- Không được rồi, - Paul rên rỉ trong khi đưa tay xoa mặt. - Tôi đã trở về Mỹ.

- Ồ, tôi cứ tưởng anh vẫn còn ở châu Âu. Nhưng thôi, tôi xin lỗi nhé! Chắc đây là đêm đầu tiên anh ở nhà. Tôi vô cùng xin lỗi. Tôi sẽ gọi lại sau.

- Không, thiếu tá, xin ông đừng cúp máy. Tôi đã... ờ, dậy rồi... Tôi có phiền gì đâu. Bây giờ chúng ta có thể nói chuyện.

- Vậy thì thế này nhé: tôi gọi cho anh về cuộc trao đổi ngắn của chúng ta...

- Vâng?

- Tôi đã nghĩ lại về điều mà anh đã nói với tôi, anh nghe kịp không?

Paul đứng dậy, di động ép sát vào tai, bàn tay còn lại lòi một lon nước từ trong tủ lạnh ra.

- Ông đã thay đổi ý kiến về vụ Wrocław rồi à? Hay là có tin gì mới?

- Thật tình là cả hai đều không phải. Tôi chỉ thấy lo lo về cái chi tiết mà anh đã cho tôi biết.

- Chi tiết nào ạ?

- Anh đã hỏi tôi về mối liên hệ nếu có với một căn bệnh truyền nhiễm, anh còn nhớ chứ?

- Dĩ nhiên, tôi hiểu. Bệnh tả.

- Hừm...

Đầu dây bên kia im lặng một lúc. Paul mừng tượng ra viên thiếu tá cứng người vì phần nộ trước sự thiếu tế nhị kiểu Mỹ, trong khi ông đang cố gắng nói tránh.

- Vì tò mò, - ông nói tiếp, - chúng tôi đã nạp dữ liệu này vào trong hệ thống máy tính để xem có tìm được gì hay không.

Paul tự hỏi liệu việc đề cập đến máy tính có phải là một sự mỉa mai, hay là một cơ hội để thiếu tá ghi điểm cho ngành công nghệ của nước Anh.

- Thế các ông đã tìm được gì?

- Chúng tôi đã xem lại những phong trào cực đoan mà chúng tôi vẫn theo dõi đều đặn và tìm xem liệu có mối liên hệ nào với... hừm... cái căn bệnh mà anh đã đề cập đến.

- Và ông đã bắt gặp một điều gì đó?

- Phải. Chuyện khá là bất ngờ, anh biết đấy. Nó hoàn toàn không phải là nhóm mà anh đã hỏi tôi.

- Ra không phải FLA. Nhưng là ai vậy?

- Nghe này, - thiếu tá Cawthorne lẩm bẩm, tỏ ra càng lúc càng

MÙI ADAM

lúng túng, - đường dây của chúng ta không được bảo vệ. Tôi muốn gửi cho anh thông tin này vào những thiết bị đầu cuối đã mã hóa.

- Lát nữa tôi sẽ có mặt ở Providence.

- Gì cơ?

- Tôi muốn nói là tôi sẽ đến trụ sở chính của chúng tôi đặt tại Providence, bang Rhode Island. Họ có tất cả những gì cần có ở đó, kể cả những đường dây an toàn. Vài giờ nữa Mike Bell sẽ tiếp cận ông để cho ông số.

- Bảo anh ta gọi đến văn phòng của tôi.

- Tôi sẽ báo anh ta ngay lập tức.

Chắc viên thiếu tá cảm thấy Paul sắp sửa cúp máy ngay vì quá phấn khích. Ông vội cao giọng để anh lắng nghe thêm chút nữa.

- Chúng tôi đã kiểm chứng rồi, Matisse ạ. Theo tôi nhận thấy, đây là một hướng nghiên cứu tuyệt vời. Anh cũng đã biết tôi không thích nói nhiều hơn cần thiết mà.

- Cảm ơn ông. Rất cảm ơn ông. Ông thật là ngoại hạng, thiếu tá ạ.

- Paul này.

- Vâng?

- Cẩn thận đấy, nếu như anh dẫn thân vào lối đó. Theo những nguồn tin cậy, tôi chắc rằng những gã cần điều tra còn nguy hiểm hơn là những kẻ chúng tôi vẫn đang săn sóc. Anh hiểu ý tôi nói không?

- OK, thưa thiếu tá. Tôi đã nghe rõ. Chúng tôi sẽ thận trọng.

Vừa cúp máy xong là anh lập tức quay số của hãng American Airlines. Chuyến bay đầu tiên đến Boston cất cánh lúc bảy giờ. Anh đặt chỗ, vội vàng mặc quần áo rồi đóng chiếc va li vẫn chưa kịp dỡ hết đồ.

"Nếu các điều kiện được hội đủ...", anh nghĩ bụng.

Anh cất tiếng hát văng óc trong lúc sắp cửa.

PHẦN HAI



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

I

Providence, Rhode Island.

Vẫn là căn phòng họp ấy, nhưng trong tình trạng chiến đấu. Tất cả ghế đều có người ngồi. Paul nhận ra những nhân vật mà Archie đã mô tả với anh trong lần đầu tiên anh tới đây: thiên tài tin học bé nhỏ, chuyên viên theo dõi đối tượng... Lần này, họ có mặt ở đây, bằng xương bằng thịt, cùng với những người lãnh đạo.

Về mặt điều hành, ở Providence, các trách nhiệm được chia sẻ giữa hai người đàn ông, mỗi người ngồi ở một đầu bàn họp. Họ cực kỳ khác nhau, và có vẻ cũng không ưa nhau là mấy. Đó chính là cung cách của Archie khi chọn hai vị phó tướng là hai kẻ thù không thể hòa giải, nhằm cai quản họ dễ dàng hơn.

Barney, giám đốc điều hành có gốc gác bên nội là người Haiti. Paul nhớ là đã có lần gặp mặt ông ta ở Cục. Barney lớn tuổi hơn anh và thời đó ông ta đã làm ở cấp lãnh đạo rồi. Đó là một người đàn ông cao to, khuôn mặt nghiêm trang, quý phái, ăn mặc chỉnh chu, nhưng lúc nào cũng ngồi thụp người trên ghế. Dường như ông ta đã đi đến tận cùng trong việc tìm hiểu con người, và khi quay trở lại ông đã quyết định sẽ thận trọng giữ một khoảng cách với họ.

Lawrence, người ngồi đối diện với Barney, đảm trách những nhiệm vụ khá mập mờ của một giám đốc an ninh. Điểm nổi bật ở vẻ ngoài của ông ta là làn da ứng đỏ trên mũi và hai má. Cho dù có phải là bác sĩ hay không thì khi nhìn khuôn mặt như thế, người ta

MÙI-ADAM

chỉ có thể nghĩ đây là một người nghiện rượu nặng. Thế nhưng Lawrence lại không hề uống một giọt rượu nào. Ông ta là một kiểu nạn nhân vô tội, phải chịu đựng nỗi đau đớn của hình phạt trong khi không hề được hưởng cái sung sướng của tội lỗi. Sự bất công này làm ông luôn sôi sục tính khí nóng nảy. Mọi người nói chung và Barney nói riêng ở đó chính là để cho Lawrence được trút giận.

Theo yêu cầu của Archie, Barney đảm nhận việc trình bày các tài liệu mà thiếu tá Cawthorne đã gửi trong đêm.

- Rõ ràng là người Anh cố tình muốn che giấu nguồn tin của họ. Những thông tin mà họ đã gửi cho chúng ta khá là vắn tắt.

Tất cả những người ngồi họp đều rất chú ý và tập trung. Hầu hết đều có máy tính xách tay mở ra trước mặt. Chỉ có Lawrence là ngồi gõ tay căng thẳng lên mặt bàn trong lúc mắt nhìn ra cửa sổ.

- Người Anh vốn là dân chuyên nghiệp mà. - Archie buông một câu nhận xét.

- Không ai phủ nhận chuyện đó, - Barney nói rõ bằng một giọng uể oải. - Nếu tóm tắt lại thì họ cảnh báo chúng ta về những tuyên bố bất được trên các diễn đàn mạng và các nhật ký mạng. Những tuyên bố này đều xuất phát từ cùng một nhóm hành động. Họ nghĩ rằng chúng có thể có liên quan với vụ việc ở Wrocław.

Đúng lúc này, một người đàn ông nhỏ thó đầu hói rón rén đi vào. Vì không còn ghế trống nên ông ta đành phải ra ngoài và đem vào một chiếc ghế bành từ văn phòng bên cạnh. Nó hơi to quá so với cái cửa, nên hai người khác phải giúp ông ta nâng nó lên và khiêng chéo qua khuôn cửa. Sốt ruột vì sự cản ngang này, Archie giới thiệu người mới đến bằng một giọng bức dọc:

- Alexander, giám đốc chiến thuật, một người rất khéo về giao tiếp, như cậu đã thấy.

Ông ta tự ái ra mặt và ngồi xuống mà không nói tiếng nào.

- Nhóm người đã phát tán những thông điệp này, - Barney nói tiếp, - thuộc một phong trào môi trường cực đoan ở Mỹ.

- Người Mỹ à? - Một cô gái to cao tóc vàng cắt ngang, trong lúc cúi húi ghi thông tin.

Paul nhớ là Archie đã giới thiệu cô gái vào đầu buổi họp. Cô ta tên là Tara, chuyên gia tạo dựng vỏ bọc, người chịu trách nhiệm nguy tạo các chi tiết cho những điệp viên hoạt động dưới một nhân thân giả.

- Đúng vậy, đây là một trong những điểm đặc biệt trong tài liệu do phía Anh cung cấp: rõ ràng họ gợi ý cho chúng ta một hướng điều tra trên đất Mỹ.

Vài người tham dự nhăn mặt. Nhưng Barney khoát tay ra hiệu rằng phần tranh luận sẽ phải chờ một lát nữa.

- Có vẻ như đây là những phần tử ly khai từ một tổ chức có tên gọi One Earth. One Earth là một tổ chức hoàn toàn hợp pháp tự khoác cho mình hình ảnh dữ dằn, nhưng thật ra họ tìm cách gây tiếng vang bằng các mảnh truyền thông giật gân và bom thổi quá đáng.

- Theo tôi được biết, những người này chưa bao giờ giết ai cả! - Lawrence đột ngột xen vào.

Ông ta có thâm niên trong ngành lâu hơn và nhiều kinh nghiệm hơn Barney, nên tự cho rằng mình là cấp trên. Nhưng sơ đồ tổ chức của Providence đã chỉ rõ, và Barney, người được nhận vào Providence ngay sau khi nó được thành lập, lại có thâm niên nhiều hơn ở đây.

- Một trong số mấy đứa cháu của tôi đã đấu tranh cho One Earth, - Lawrence nhấn mạnh. - Đó là một đứa vô dụng, đầu đất, nhưng không ai có thể nghi ngờ nó làm hại người khác.

- Anh nói có lý, Lawrence ạ, - Barney công nhận. - Chính vì lý do này mà một vài thành viên đã cho rằng One Earth chẳng đi đến đâu được. Họ đã quyết định tự thành lập nhóm của mình, cực đoan hơn rất nhiều. Họ tự mô tả mình bằng cụm từ *Những kẻ săn mỗi mối*, mà chúng ta không rõ nguyên cớ. Có vẻ như bọn chúng dự định ép buộc những người lãnh đạo One Earth quay trở về nguyên tắc căn bản của họ: chống lại sự tăng dân số quá mức của loài người, tác

MÙI ADAM

nhân khiến trái đất bị hủy hoại và ảnh hưởng đến sự tồn vong của thế giới.

- Thật sự tôi không hiểu điều đó thì có liên quan gì tới chúng ta, - Lawrence lẩm bẩm thành tiếng, sao cho tất cả mọi người đều nghe thấy. - Tôi có cảm tưởng mấy gã người Anh kia đang chơi chúng ta.

Ông ta cười với mọi người mong nhận được sự tán đồng, nhưng bị Archie ném cho một cái nhìn lạnh tanh nên vội cúi mặt xuống. Barney tận dụng cơ hội để nói tiếp:

- Một trong những điểm đặc trưng của nhóm cực đoan này là sự cay độc đối với những người bảo vệ động vật. Đừng hỏi tôi nguyên do của nó vì tôi không biết. Trong chuyện này có những điều tế nhị mà chúng ta không hiểu được, nhưng lại rất quan trọng.

- Nó khiến tôi nhớ đến những cuộc tranh luận về hệ tư tưởng giữa những kẻ theo Trotsky, Mao Trạch Đông, bọn vô chính phủ và những kẻ ngu ngốc khác. - Alexander lầu bầu. - Cứ tưởng chiến tranh lạnh kết thúc, đã dẹp sạch những trò nhảm nhí kiểu đó rồi chứ...

- Sự thực là, - Barney lớn tiếng để chặn đứng những bàn luận lạc đề - nhóm nhỏ này đã nhiều lần tấn công những kẻ bảo vệ động vật. Bọn chúng không bỏ lỡ bất cứ dịp nào để bôi xấu những kẻ kia trên mạng. Cũng chính vì thế mà phía Anh đã nhận ra chúng. Điệp viên nằm vùng của họ đã cho biết rằng FLA rất quan tâm tới những mối đe dọa này và đang dự định trả đũa.

Mọi người đang ở rất xa so với những gì mà họ thường đề cập đến tại Providence. Một số người tỏ ra rất thích thú với chuyện thám hiểm vượt ra khỏi những lối mòn quen thuộc này. Số còn lại, tiêu biểu là Lawrence hay Alexander, thì thẳng thừng bộc lộ sự ngạc nhiên và bức tức của mình.

- Tài liệu của phía Anh cung cấp một dẫn chứng cho sự tranh đấu về mặt tư tưởng giữa nhóm ly khai từ One Earth và những kẻ bảo vệ động vật. Nhóm *Những kẻ săn môi mới* đầu tiên mĩa mai sự nhảy

cảm nực cười, theo cách dùng từ của chúng, của những kẻ bảo vệ động vật. Và chúng chỉ ra một điểm mâu thuẫn khá hiển nhiên: những kẻ kia sẵn sàng lần xuống đến đâu trên nấc thang tiến hóa của các loài khi họ đấu tranh vì quyền lợi động vật? Nói cách khác, có thể dễ dàng hình dung ra việc đấu tranh vì quyền lợi của các loài voi, khỉ, hay lợn. Cùng lắm thì cũng có thể bảo vệ cá, cua, kiến. Nhưng còn bọt biển, giun đất, muỗi mòng... thì sao?

- Lạy Trời! - Lawrence thốt lên, hai tay đưa lên trời. - Anh có nhận thấy chúng ta đang nói tới cái gì không vậy?

- Tào lam. - Tycen thêm vào, phớt lờ lời nhận xét kia.

Đó là một cậu thanh niên còn rất trẻ, mặt cậu đỏ bừng sau khi lên tiếng.

Mọi cái nhìn đổ dồn về cậu ta.



- Tôi đã đọc thấy điều này trong mớ tài liệu mà mọi người đã yêu cầu tôi chuẩn bị cho bác sĩ Paul. Theo nhà tư tưởng của phong trào giải phóng động vật, Peter Singer, thì họ sẵn sàng bảo vệ đến tận những loài tào lam. Còn dưới đó nữa thì...

- Ông ta bó tay. - Tara cắt ngang.

Tất cả mọi người cùng phá lên cười, lác đác có vài tiếng vỗ tay.

- Xin mọi người quay lại chủ đề nào, - Barney nói, gõ cây viết xuống bàn. - Lời đáp trả của FLA cho câu hỏi này như thế nào không quan trọng. Điểm mấu chốt ở đây là những kẻ đã nêu ra câu hỏi đó muốn cái gì. Thế nhưng thông điệp lại nhắc tiếp đến các vi khuẩn: người ta chẳng chịu mang ơn các con virus và vi khuẩn đã giết bớt con người, bởi vì chính con người là những kẻ hủy hoại thiên nhiên. Tất cả những vi sinh vật đã dẫm cẫm tấn công loài người chính là những kẻ săn mồi của những kẻ săn mồi tối thượng. Và chúng cũng xứng đáng được bảo vệ.

- Bọn này loạn óc rồi. - Martha lắc đầu lắc bả.

- Chẳng hạn như, - Barney tiếp tục nói, cất cao giọng để nhấn mạnh vào điểm tiếp theo, - trường hợp của vi khuẩn tả. Loài phẩy khuẩn tội nghiệp đã gieo rắc nỗi kinh hoàng và làm chết hàng triệu

MÙI ADAM

người, liệu chúng có đang tuyệt chủng không? - Đây vẫn đang là lời bọn họ nói đấy nhé, - Liệu có cần phải hành động để bảo vệ chúng không? Thế các ân nhân của động vật làm được gì? Thông điệp kết thúc đại loại bằng một chương trình hành động: phải cứu lấy vi khuẩn tả để cứu thiên nhiên.

Barney ngừng lời và sự im lặng bao trùm lên toàn bộ căn phòng. Đột nhiên chiếc ghế của Lawrence kêu cọt két khi ông ta ngã người ra phía sau.

- Tôi chỉ thấy đơn giản là cậu đang đem mọi người ra làm trò hề, Barney ạ. - Ông ta nói.

- Gượng đã nào, - Martha can thiệp để tránh mở ra một chương mới trong cuộc chiến tranh triển miên giữa hai ông sếp. - Anh muốn kết luận chuyện gì với cái tài liệu này, hả Barney? Tôi vẫn chẳng thấy có mối liên hệ nào giữa câu chuyện này và vụ việc ở Wrocław cả.

- Tôi xin nhường lời lại cho Paul, người sẽ giải thích cho các bạn mọi chuyện.

Paul là người duy nhất trong phòng không thực sự thuộc biên chế công ty. Ai cũng biết vai trò của anh và sự đánh giá cao mà Archie dành cho anh. Vì thế những lời nói đầu tiên của anh được chờ đợi với một sự chú ý đặc biệt.

- Cần phải xem lại diễn tiến của các sự kiện, - anh thận trọng mở đầu. - Trước hết, tôi tin rằng nhóm người đã tấn công vào phòng thí nghiệm ở Wrocław đến từ nước ngoài. Hoàn toàn có cơ sở để tin vào phía Ba Lan khi họ khẳng định chưa từng có loại vụ việc như vậy ở nước họ. Chuyện họ không tìm thấy bất cứ dấu vết gì của vụ đào thoát qua biên giới theo tôi là do một sai lầm đơn giản trong quá trình điều tra. Trong báo cáo của cảnh sát, ta thấy họ ghi rằng nhiều dấu giày đã được phát hiện tại hiện trường. Hai cỡ giày đã được tìm thấy, cỡ 41 và 45. Phía Ba Lan do vậy đã kết luận rằng những kẻ phá hoại gồm có hai người và phát lệnh kiểm tra biên giới theo hướng đó. Khi nghiên cứu bản báo cáo kỹ lưỡng hơn, tôi thấy có một chi tiết mà có vẻ như không ai để ý: khoảng ba chục vết giày số 41 đã

được tìm thấy, trong khi chỉ có một vết giày số 45. Có thể đây chỉ là một màn ngụy tạo, hoặc thậm chí là một mảnh khoe vụng về. Có lẽ chỉ có một thủ phạm duy nhất.

- Đúng là một trò xua như trái đất, - Lawrence cười nhạo. - Vết giày ngụy tạo...

- Nên nhớ rằng nó vẫn luôn có hiệu quả nếu cảnh sát khoa học làm việc không thật kỹ lưỡng. Trong một trường hợp như thế này, khi mà chẳng có dấu hiệu ăn trộm hay giết người, thì các điều tra viên chẳng nhọc công tìm hiểu kỹ đâu.

- Dù gì đi nữa, Ba Lan cũng là một thành viên của Liên minh châu Âu, - Alexander nói. - Người ta có thể tự do rời khỏi đó.

- Ở biên giới với Đức, sự kiểm soát vẫn còn khá nghiêm ngặt. Nhưng nếu người ta tìm hai gã tội phạm trong khi phi vụ chỉ được thực hiện bởi một thằng thì...

- Hoặc là một con, - Tara nói, - Bốn mươi một, cỡ này ngày nay cũng khá phổ biến ở giới nữ đấy.

Paul rùng mình. Đây là lần đầu tiên một manh mối, dù là rất nhỏ, đã củng cố cho trực giác của anh về người đã đột nhập vào phòng thí nghiệm ở Ba Lan.

- Nào, tiếp tục đi Paul, - Archie nhấn mạnh để dứt anh ra khỏi cơn mơ màng sau ý tưởng của Tara.

- Như vậy, giả thiết rằng thủ phạm thật sự đến từ nước ngoài. Từ đâu, và với mục đích gì? Người Anh đã chính thức xác nhận: họ loại trừ khả năng của hội "giải phóng động vật". Tôi đã gặp chuyên viên giỏi nhất của họ và tôi tin ở ông ta.

Anh thấy khó mà giải thích tại sao. Biết đâu, rốt cuộc anh cũng chỉ là nạn nhân của sự mù quáng trước thiếu tá Cawthorne, cũng giống như sự mù quáng của Archie đối với người Anh nói chung. May mắn là không ai trong phòng dám so sánh như thế.

- Chúng ta thử suy xét cho kỹ nào. Chỉ có hai giả thiết. Hoặc đây là một nhóm nghiệp dư. Nhưng nếu là những kẻ nghiệp dư thì tôi thấy chúng đã được cung cấp thông tin rất kỹ. Chúng biết rất rõ cách

MÙI ADAM

bố trí của phòng thí nghiệm, độ vững chắc của các ổ khóa, giờ giấc đi tuần của lính gác. Hoặc là... ta phải đảo ngược lại.

Sự đơn giản trong cách nói chuyện đã giúp Paul chiếm được cảm tình của những người hợp. Ngồi đối diện với anh, Tara và Martha có vẻ như không hề khó chịu khi những lời nói này được phát ra từ một khuôn miệng nóng bỏng đến thế kia. Chỉ có Lawrence là vẫn có vẻ hoài nghi.

- Ta hãy gạt qua một bên tất cả những thứ đã được bày ra trước mắt: những câu khẩu hiệu của FLA, mặt trận giải phóng động vật. Đó có thể chỉ là hỏa mù, một cách để đổ tội cho người khác. Chúng ta hãy hình dung trong đầu rằng cái cốt lõi nằm ở những thứ có vẻ ngoài lẽ. Tức là điều đã xảy ra ở trong phần còn lại của phòng thí nghiệm. Nhưng ở đây, một lần nữa ta phải chú ý. Những gì người ta khơi gợi cho chúng ta lại cũng có thể không phải là điểm chính yếu. Người ta muốn chúng ta tin vào khả năng rằng đó là một sự phá hoại mù quáng. Liệu nó có phải là một sự ngụy tạo hay không?

- Ngụy tạo cho cái gì chứ? - Lawrence rit lên.

- Một vụ trộm.

Paul quắc mắt nhìn Lawrence. Ông ta liền sụp mắt xuống, tay mân mê cây bút.

- Tôi biết đây chỉ là một giả thiết đơn giản. Nhưng, vì trong vụ việc này chẳng có gì là rõ ràng, nên nó cũng là một giả thiết đáng để ta cân nhắc. Hãy tưởng tượng rằng tất cả đã được dàn dựng chỉ để che giấu một hành động đơn giản. Đánh cắp các chủng vi khuẩn tả, chẳng hạn. Tay biệt kích có lẽ chỉ có mỗi nhiệm vụ đó mà thôi.

Trong khi nói, Paul có thói quen vuốt chân tóc và phần râu quai nón mọc lan trên má phải.

- Nhưng cái vụ thổ tả này ở đâu ra vậy?

- Từ chuyến thăm Ba Lan của tôi. Thật tình mà nói thì đó chỉ là một ý tưởng thôi. Viên thiếu tá người Anh mà tôi gặp đã đặt câu hỏi liệu vụ việc kia có thể là một trò đánh lạc hướng không. Tôi đã cân nhắc về ý kiến này. Đánh lạc hướng để làm gì? Tôi đã nghĩ rằng có

thể một đối thủ cạnh tranh muốn đánh cắp các kết quả thí nghiệm. Nhưng các công trình nghiên cứu của giáo Rogulski không hề có ý nghĩa về mặt kinh tế, và ông ta cũng không thấy bị mất tài liệu hay giấy tờ gì. Một vụ ăn cắp thiết bị hay tiền bạc chẳng? Tài sản trong phòng thí nghiệm không hề bị mất mát, trong khi nó được trang bị toàn các máy móc tối tân. Vì thế nên tôi chợt nghĩ đến vi khuẩn tả. Đó là thứ duy nhất có tính quý hiếm và nguy hiểm mà một kẻ nào đó có thể săn lùng. Thành thực mà nói, đây chỉ là trực giác. Tôi không tìm thấy bất cứ thứ gì bất thường trên hiện trường cả. Giáo sư Rogulski cũng không nói điều gì khiến tôi nghĩ tới hướng đó. Ông ta đã tỏ ra nghi ngờ, nhưng chủ yếu là vì tôi đã chuẩn bị không tốt trước cuộc gặp. Tất cả những điều ông ta nói đều chính xác. Thế nhưng...

- Nhưng sao? - Tara hỏi dồn.

- Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng rằng, nếu có một manh mối, thì nó phải nằm ở đây, xung quanh vấn đề vi khuẩn tả. Tôi đã nói điều này với phía Anh, dù tôi không tin có thể tìm ra được gì. Thế rồi ta nhận được những thông tin này. Tôi rất mừng là hướng điều tra này đã có kết quả.

Đáp lại lời tuyên bố trên là một sự im lặng khó chịu. Có thể thấy ngay là không ai biết Paul đủ rõ để nói thẳng với anh những suy nghĩ của họ. Nhưng có rất nhiều tiếng xì xầm vang lên.

- E... hèm, họ đưa cho chúng ta chính xác là bao nhiêu tài liệu vậy?

Martha đã đặt câu hỏi với giọng rất tử tế và mềm mỏng, giống như một điều tra viên đang hỏi một đứa bé bị đánh. Cô hỏi Paul, nhưng Barney lại là người trả lời:

- Họ đã gửi cho chúng ta bản sao của hai văn bản đầy đủ. Nhưng trong bản báo cáo kèm theo, phía Anh đã đoán chắc rằng họ có khoảng một chục thông điệp như vậy, hoặc là trên các trang mạng, hoặc là trên những "phương tiện hỗ trợ" khác. Nó có thể là nghe trộm, hoặc do thám. Lần nào cũng vậy, nó xuất phát từ *Những kẻ săn mồi mới*, và chủ đề bệnh tả trở đi trở lại khá thường xuyên.

- Thế họ thu được những tài liệu này từ bao giờ?

MÙI ADAM

- Cách nay khoảng gần hai năm.

- Ha ha, - Lawrence cười phá lên. - Hai năm!

- Việc liên lạc qua mạng của nhóm này đã chấm dứt cách đây một năm rưỡi một cách khá là đột ngột. - Barney nói thêm.

- Chúng rã đám à? - Tara hỏi.

- Không biết. Chúng đã ngừng lại mà không hề giải thích. Theo nhận định của phía Anh, điều này lại càng khiến chúng ta phải xem xét nghiêm túc hơn các tuyên bố của chúng. Theo như kinh nghiệm của họ, khi những kẻ cực đoan ngừng nói thì đó là lúc chúng bắt đầu hiện thực hóa các ý tưởng của mình.

Một khoảng im lặng mới lại bao trùm lên những người tham dự. Vài người nhìn ra ngoài khuôn viên tràn ngập nắng. Có thể thấy những chồi lá xanh non long lanh dưới ánh mặt trời. Những chùm hoa tử đinh hương màu tím nhạt rủ xuống dọc theo bãi đậu xe. Nhiều người thay đổi tư thế ngồi, ho húng hắng, vươn tay cảm lấy tách cà phê hoặc mấy cái bánh quy. Alexander là người lên tiếng phá vỡ bầu không khí im lặng.

- Paul này, cậu đã làm việc rất cừ, thật đấy. Giả thiết của cậu rất táo bạo, và với những gì cậu đã có trong tay thì chẳng thể làm tốt hơn được nữa đâu. Nhưng thật tình, xin lỗi vì phải nói ra, tất cả chuyện này nghe có vẻ không mấy vững vàng.

Trong khi nói, Alexander có thói quen đưa cặp kính lão lên gài trên trán. Vì thế ánh mắt của ông trở nên đại đi. Ông hơi nghiêng đầu một chút, làm như thể đang lắng nghe một giọng nói bên trong, và các biểu hiện chậm hẳn lại.

Lawrence tận dụng một trong những khoảnh khắc ấy để lên tiếng.

- Mấy cái giả thiết đó cũng hay đấy chứ, nhỉ? Nhất là hỏi chúng ta mới vào nghề. Nhưng tất cả chúng tôi đều biết phải dè chừng chúng. Trong vụ này, cái mà người ta đã đưa ra với chúng ta là một căn nhà dựng nên từ những lá bài, không hơn không kém. Chẳng có gì cho thấy là đã có một vụ trộm, cũng chẳng có gì chứng minh sự dính líu của các nhóm hoạt động tại Mỹ - ngoại trừ vài câu triết

lý tầm phào cách nay đã hai năm. Và nếu chẳng may mấy thằng cha đó quả thực đã xoáy được vài con vi khuẩn nọ, thì cũng không có gì bảo đảm rằng chúng sẽ được đưa sang Mỹ. Nếu cứ làm việc trên một cái giàn giáo lỏng lẻo như thế này, rồi chúng ta sẽ ngã vỡ mặt cho mà xem. Chính vì cái cú ngã ấy nên chúng tôi mới cần đến anh, bác sĩ gián điệp ạ.

Tất cả mọi ánh mắt lại đổ dồn về phía Paul. Trong lúc công kích anh, Lawrence hóa ra lại giúp anh một việc lớn. Những dẫn đo cuối cùng của anh đã bay biến hết cả trước sự đả kích đó. Trong một trận đấu quyền anh, chính những cú đánh kiểu như thế vào thời điểm ta đang yếu sức lại có thể vực ta dậy và tiếp thêm sức lực cho ta giành chiến thắng.

- Chỉ có hai giải pháp vào lúc này, - Paul điềm tĩnh nói, - Hoặc chúng ta coi tất cả những manh mối này là quá mỏng và vụ việc chấm dứt tại đây. Không có thủ phạm. Không có động cơ. Cũng chẳng có tội ác. Chúng ta sẽ thảo ra một bản báo cáo vô thưởng vô phạt.

- Hoặc? - Alexander khích lệ anh, khi thấy anh chần chừ.

Paul hít một hơi thật sâu và thu hết sức lực để tung ra cú móc quyết định.

- Hoặc ta tự bảo nhau không nên để xảy ra nguy cơ những kẻ điên đi lảng quăng với một con vi khuẩn nguy hiểm từng gây những đợt đại dịch làm chết hàng trăm triệu người. Hơn nữa, đó là những tổ chức của người Mỹ. Và chúng ta sẽ tiếp tục.

Anh đã ngại ngần không muốn dùng đến trò tiểu xảo, việc khơi lên những nỗi kinh hoàng trước đây do bệnh tả gây ra. Giáo sư Champel đã khẳng định với anh rằng phẩy khuẩn không thích hợp để khủng bố. Nhưng anh có những lý do xác đáng để ếm nhem điều đó: lời khích bác của Lawrence, và nhất là mong muốn được tiếp tục điệp vụ. Cùng với Kerry.

Ngay lập tức anh cảm thấy cú ra đòn của mình đã trúng đích. Không ai dám nhận lời thách thức mà anh vừa nói. Chỉ có Alexander, sau một khoảng lặng khá dài, đưa ra phản biện yếu ớt.

MÙI ADAM

- Dù vậy chúng ta cũng không được quên, - ông nói, để cho cặp mắt kính tụt xuống mũi, - rằng chúng ta có một khách hàng trong vụ này, đó là mật vụ Ba Lan. Họ muốn biết điều gì đã xảy ra trên đất của họ. Tôi không nghĩ rằng họ chấp thuận trả tiền cho chúng ta để săn đuổi những nhóm người Mỹ theo như giả thiết.

Nói đến đó, ông ngừng lời. Ai cũng biết ông ta là người duy nhất đại diện cho Archie để thương thảo các bản hợp đồng với các chính thể chính trị.

Archie để cho im lặng kéo dài thêm một chút rồi mới nói:

- Alexander hoàn toàn có lý. Vì biết trước sẽ có lời phản bác này nên xin mọi người tha thứ cho tôi vì đã có vài động thái chuẩn bị từ trước.

Bằng lời tuyên bố bất ngờ này, Archie muốn làm cho mọi người càng thêm sốt ruột.

- Trước hết tôi xin khẳng định điều này: tôi hoàn toàn đồng tình với kết luận của Paul. Rất nhiều kinh nghiệm đáng tiếc của tôi trong nghề gián điệp cho thấy các nhóm cực đoan *luôn luôn* thực hiện những tuyên bố của chúng.

Ông bỏ ra vài giây kéo lại hai ống tay áo để tăng thêm hiệu quả cho lời nói.

- Hồi năm 1915, người ta có thể gặp một người đàn ông nhỏ bé lịch thiệp có cái trán hói tại hành lang của Hội đọc sách Geneva - một tòa nhà tuyệt đẹp, hơn nữa nó từng là tòa Công sứ Pháp...

Một vài người cúi mặt xuống, những người khác thì nhìn nhau, khẽ nhướn mày. Màn phô trương kiến thức của Archie chính là một trong những nỗi nhọc nhằn của công việc tại đây.

- Người ta vẫn biết rằng người đàn ông nhỏ bé ấy, một người Nga có tên Ulyanov, đã viết nên những điều rất ghê gớm về cách mạng và sự độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Nhưng họ không biết rằng một ngày kia, Lenin sẽ thực hiện những điều mà Ulyanov đã viết. Các bạn thấy đấy, họ đã sai lầm, bởi vì Lenin và Ulyanov chỉ là một người.

Trong khi Archie nhúm môi trên lại để thể hiện sự khoái trá của mình một cách thanh lịch, nhiều người ngồi quanh bàn ngược mắt nhìn trần nhà.

- Và khi đọc cuốn *Cuộc đấu tranh của tôi*, ai dám nghĩ là Hitler có thể đi đến chỗ thực hành những điều quá khích của ông ta?

Giơ tay lên để tỏ ý chấm dứt việc liệt kê mà ông có thể kể cả ngày, Archie chốt lại:

- Về phần nhóm người mà phía Anh đã cảnh báo chúng ta, rõ ràng là chúng sẽ không dừng lại ở việc phát ngôn. Theo tôi, cho đến khi có bằng chứng chứng minh điều ngược lại, cần phải xếp vụ việc này vào loại cực kỳ nguy hiểm.

Trong vườn, một cơn gió nổi lên làm những tán cây dương lấp lánh dưới nắng.

- Chúng ta không cần phải giấu giếm nữa, tình hình khá là phức tạp. Trong trường hợp cụ thể này, chúng ta không biết mối đe dọa sẽ nhằm vào ai hay vào cái gì. Nhưng kẻ này có vẻ như muốn tính sổ với toàn thể nhân loại nói chung. Nhưng vào những ai mới được? Một nguyên tắc khác cho thấy sự thù ghét trừu tượng của những nhà tư tưởng cuối cùng luôn tập trung vào một nhóm người cụ thể. Những người Do Thái đã linh cảm được điều đó từ trong máu thịt. Bất hạnh thường giáng những trận đòn thù kiểu như thế xuống đầu họ trước tiên. Còn trong vụ việc mà chúng ta đảm trách ngày hôm nay, chúng ta không có bất cứ chỉ dẫn nào về sắc dân mà những kẻ quá khích kia muốn trừng trị. Đây là một trong những vấn đề mà chúng ta cần tìm hiểu ngay. Đến lúc này chỉ mới có một điều chắc chắn: chúng ta có mọi lý do để tin rằng bán kính hoạt động của nhóm người này là toàn thể giới. Lawrence và Alexander có quyền ngạc nhiên vì những người Mỹ này lại đi kiểm vi khuẩn tả trên đất Ba Lan. Thì chúng phải tìm ở đâu đó chứ! Căn bệnh này không phải là dịch lớn ở đây, theo tôi được biết, và từ sau ngày 11 tháng Chín, các phòng thí nghiệm của chúng ta có lẽ đã được tăng cường bảo vệ nhiều hơn so với những nơi khác. Nếu chúng có thể tiến hành các

MÙI-ADAM

hoạt động trên quy mô toàn cầu thì chắc chắn kế hoạch giết người của chúng cũng sẽ được triển khai ở quy mô tương tự. Chúng ta cần phải tập làm quen với khái niệm khủng bố toàn cầu. Chính ở chỗ này chúng ta có cái để chơi đây.

Tara ngừng ghi chép để thay ống mực mới. Archie tế nhị chờ cô làm cho xong.

- Các thể chế ở nước Mỹ, - ông nói tiếp, - không thích hợp cho việc theo dõi các nhóm hoạt động như thế. FBI lo liệu những nhóm cực đoan hành động trên đất Mỹ, nhưng quyền lực của họ bị giới hạn trong lãnh thổ của chúng ta. Những gì mà các tổ chức này làm ở hải ngoại thì họ hoàn toàn mù tịt. CIA tuy theo dõi cả thế giới, nhưng khi một hướng điều tra dẫn ngược trở về Mỹ thì bọn họ đành buông xuôi. Kết luận: các tổ chức Mỹ hoạt động ở nước ngoài không bị theo dõi chặt chẽ. Tôi đã tranh thủ thảo luận thường xuyên với thư ký Bộ Quốc phòng. Lầu Năm Góc ý thức được khiếm khuyết này.

Paul nhìn ông già, hoang mang. Ông có một sự pha trộn kỳ lạ giữa thói phù phiếm ra mặt, kiểu cách lịch lãm giả tạo và sự chuyên nghiệp tuyệt vời. Việc ông vận dụng phong cách ăng-lê rởm không làm mất đi khả năng hiểm có biến các suy nghĩ và trực giác thành hành động.

- Những trao đổi đó đã dọn đường cho chúng ta. Khi tôi gọi điện cho anh bạn Marcus Brown sáng hôm nay, tôi chỉ việc giảng giải tí chút cho một người đã bị thuyết phục.

Marcus Brown, phó giám đốc của CIA, đã tiếp quản vị trí này từ Archie. Đó là một con người khá thủ đoạn. Việc bổ nhiệm đã được áp đặt bởi các vây cánh chính trị rất bảo thủ của ông ta. Marcus quản lý Cục cực kỳ khéo léo mà không cần phải rời phòng làm việc. Ông ta gần như chẳng tiếp ai bao giờ. Chỉ có Archie là vẫn còn giữ được cách tiếp cận trực tiếp với tay thuộc cấp cũ của mình.

- Chúng tôi đã nhất trí rằng Cục bắt buộc phải nắm lấy cơ hội từ vụ việc ở Ba Lan này để siết chặt việc theo dõi các băng nhóm Mỹ hoạt động ở hải ngoại. Và bởi vì Cục không thể dùng các nhân viên của

mình, do không muốn đụng chạm với FBI, nên tốt hơn hết là Cục ủy nhiệm cho chúng ta làm việc đó thay họ. Chúng ta sẽ bắt đầu với *Những kẻ săn mồi mới* kia. Dù sao thì đó cũng là một khởi đầu tốt. Ngay trong chiều nay tôi sẽ có cuộc hẹn để thảo luận các chi tiết của hợp đồng.

Những tiếng thì thầm ngưỡng mộ bỗng nổi lên trong phòng họp.

- Nếu tôi không nhầm, - Alexander hỏi, - thì chúng ta không làm việc với phía Ba Lan nữa phải không?

- Chúng ta sẽ gửi cho họ một bản báo cáo chi tiết dựa trên những gì Paul đã tìm hiểu được tại Anh quốc. Không cần thiết phải đề cập đến bệnh tả với họ vào thời điểm này. Chúng ta chỉ đơn giản nói với họ rằng một cuộc điều tra bổ sung sẽ được thực hiện tại Mỹ, và kết quả sẽ được thông báo cho họ, trong chừng mực có liên quan. Và tất nhiên là, nếu họ chịu móc hầu bao.

- Như vậy là ta sẽ mở một cuộc điều tra theo hướng đó.

- Chính xác.

- Với những ai ạ? - Tara hỏi.

- Vẫn những người cũ. Cậu Paul đây rất muốn tiếp tục.

Đây là thời điểm mà Lawrence đã lựa chọn để bày tỏ sự bất bình của mình. Ông ta thả rơi cây bút xuống bàn và thở hắt ra thật lớn.

- Tôi phải công nhận là chúng ta đang làm trong lĩnh vực điều tra tư nhân, nên đành phải chấp nhận nhặt nhạnh vụn bánh rơi vãi. Nhưng thế này thì quá đáng quá. Chúng ta sắp sửa lần theo một nhóm có thể đã tan rã của mấy thằng cha vớ vẩn nào đấy, chỉ vì những linh cảm mơ hồ và vài ba tin nhắn trên một cái diễn đàn củ rích. Làm như người ta không nói những thứ vô bổ trên mạng bao giờ ấy. Tôi không tin là trên thế giới không còn những mối đe dọa nghiêm trọng hơn...

Archie phản ứng rất mạnh mẽ và quên bẵng mất phong cách ăn-lê lịch lãm của mình trong thoáng chốc. Chất giọng Brooklyn của ông quay lại cùng với lời văng tục.

- Lawrence, lại một lần nữa anh quên ngậm cái mồm thối tha kia lại đây. Chúng ta có thể tồn tại bằng cơm thừa canh cặn, nhưng cơm

MÙI ADAM

thừa của Lầu Năm Góc cũng có giá lắm đấy, anh biết chưa. Chỉ cần nhìn vào trị giá của hợp đồng thôi. Còn lại thì, đã đến lúc anh phải hiểu rằng chiến tranh lạnh đã chấm dứt. Ngày nay, những mối đe dọa cũng giống như anh đấy: nó có cái mồm thối lắm. Anh sẽ nói thế nào nếu như người ta bảo anh phải theo dõi bọn giáo phái Aoum cùng với gã giáo chủ mất dạy kia? Thế mà chính nó đã xả khí sarin vào trong tàu điện ngầm bên Tokyo thì phải, hay tôi nhầm nhỉ? Còn mấy cái bao thư chứa vi khuẩn than hồi đầu cuộc chiến tranh Iraq nữa? Không phải Saddam Hussein, cũng chẳng phải mấy gã bậm trợn mà anh ưa thích gửi chúng qua bưu điện. Chỉ là vài thằng rồ dại mà chúng ta chẳng bao giờ tóm được.

Lawrence lắc đầu, tỏ ý bằng mặt mà không bằng lòng.

- Cả Bin Laden nữa. Cái thằng cha râu dài tới đầu gối chuyên núp trong hang ấy. Anh tưởng hắn ta có vẻ đe dọa nghiêm trọng lắm hả? Chúng ta đã mất năm năm mới nhận ra hắn có khả năng làm được gì. Còn lần này, có thể chúng ta đang đứng trước cơ hội hành động đón đầu thảm họa đấy.

Nhận thấy đối thủ không nhúc nhích nữa, Archie chờ cho tất cả nhóm người phải quy phục, rồi quay sang Paul.

- Sắp xếp như thế nào là tùy cậu. Cậu sẽ lần ngược lên đến những gã khốn khiếp kia. Hãy cố gắng tìm hiểu động cơ của chúng, ai điều khiển chúng, những ý tưởng của chúng ở đâu mà ra, ai tài trợ cho chúng, chúng định tấn công vào ai. Trụ sở Providence sẽ cung cấp cho cậu tất cả những thứ cậu cần, dù là tài liệu, vỏ bọc, hay các mối liên lạc. Và tất nhiên là cả sự bảo vệ nữa.

- Anh dự tính tổ chức nhóm điều tra như thế nào, Paul? - Alexander hỏi.

- Tôi thấy chúng ta cần hoạt động thật bí mật và gọn nhẹ. Tôi chỉ cần thêm một người nữa mà thôi.

- Chúng tôi sẽ tuyển dụng cho anh. Anh cần mẫu người nào?

- Nói thật tình, tôi nghĩ... ơ... rằng tôi đã tìm được một người cho vị trí này.

II

New York, Hoa Kỳ.

Lúc nhìn qua cửa sổ, Paul suýt nữa đã thay đổi điểm hẹn. Từ phòng trong khách sạn của mình, sau khi ngoẹo cổ chán chê, anh đã có thể nhìn thấy bầu trời xuyên qua những tòa cao ốc đồ sộ ở khu Hạ Tây. Trời đen ngòm. Tháng tư ở New York có thừa những bất ngờ kiểu này. Ngày hôm qua trời còn nắng đẹp, hôm nay Đại Tây Dương đã chuẩn bị trút xuống đầu người ta hàng đồng nước. Sau bữa sáng, tinh thần anh khá khảm lên được một chút. Những mảng trời xanh tuyệt đẹp bắt đầu xen vào giữa các đám mây đen. Dù sao thì cũng đã quá trễ để thay đổi. Đứng mười giờ, anh đi bộ đến công viên trung tâm.

Ngay trước cổng Tây, tại con đường số 75, Paul dựng cổ áo mưa lên và chờ đợi. Anh đến sớm mười phút. Anh biết cô sẽ có mặt đúng giờ, hoặc không đến.

Lúc này làn mưa rơi mỏng nhưng đều đặn, làm tóc anh bị ướt. Anh trú vào dưới một tán cây bên đường. Lối vào công viên nằm ở khá gần tòa lãnh sự quán Pháp. Paul giết thời gian bằng cách nhìn lá cờ bay lật phật phía trước nhà. Ba sọc màu trên lá cờ gợi lên cho anh những ấn tượng trái ngược. Xét cho cùng, những lời châm chọc của Archie về nguồn gốc của anh không phải là không có căn cứ. Hai thế kỷ sau thương vụ bán Louisiana, gia đình bên nội của anh vẫn còn cảm thấy "rất Pháp" đến nỗi cha anh tự nguyện đi lính năm 44. Sau đó ông không rời quân ngũ cho đến lúc hy sinh tại chiến trường Việt Nam. Paul đã theo bước ông vào năm anh mười tám tuổi, vì đau buồn, và cả vì bị khiêu khích nữa. Những tình cảm mà

MÙI-ADAM

Paul dành cho nước Pháp khá là mơ hồ. Đây là đất nước đã gắn liền với gia tộc của anh. Nhưng cũng vì nó nên anh đã chọn cuộc đời quân ngũ mà anh vất vả lắm mới dứt ra được. Ngoài ra, anh tự hỏi trong lúc nhìn những đám mây trắng ngả sang màu xám xịt, liệu anh đã dứt ra hẳn hay chưa?

Đúng mười giờ rưỡi, Paul nhìn thấy một bóng người băng qua cổng bước lại chỗ anh. Khuôn mặt của cô bị che khuất bởi một chiếc dù của đàn ông. Những cái gọng dù bị gãy nằm thông suốt khiến nước mưa chảy thành dòng trên vai cô. Trước cả khi cô dừng lại trước mặt anh và hé mặt ra, anh đã biết cô là ai.

- Chào anh, Paul!

- Chào em, Kerry!

Lần cuối anh gặp cô là khi nào nhỉ? Nếu có ai hỏi anh câu này thì anh sẽ trả lời ngay không chút ngần ngại: hôm qua. Chỉ trong chớp mắt, bảy năm đã biến mất không một dấu vết.

Ôm hôn cô ư? Nhưng kiểu nào đây? Họ cùng cảm nhận được sự ngượng ngùng của hai kẻ đã từng quá thân thiết với nhau. Khi người ta biết nhau quá rõ thì họ đậm ngại thể hiện những cử chỉ xã giao thân ái mà một người đàn ông và một người phụ nữ xa lạ có thể dành cho nhau. Cô đưa chiếc dù sang bên trái, như để gặp nó lại, và hất chỗ nước đọng trên đó đi. Họ lùi lại, giữ nhẹ tay áo. Vấn đề ôm hôn hay không thể là đã được giải quyết xong lần này.

- Luôn là những chỗ hẹn hay ho nhỉ.

- Một tay bơi giỏi như em thì có sợ gì mấy hạt mưa này.

Cô mặc một chiếc áo khoác đi mưa màu xanh lá cây, làm bằng chất liệu nhẹ và hơi lấp lánh. Chắc chắn là một trong những món đồ hiệu mà tủ áo nhà cô chất đầy.

- Em muốn băng qua công viên hay muốn chúng ta chui ngay vào trong một quán cà phê?

- Nếu chúng ta phải chơi trò gián điệp, thì công viên có vẻ là nơi thích hợp hơn.

Hai người bước vào một lối đi uốn lượn giữa những bụi cây duyên xanh mượt. Những người khách bộ hành hiếm hoi mà họ gặp phải đều cấm đầu cấm cổ đi về phía cửa ra của công viên, tựa như những người dân chài chạy tránh bão.

- Phòng khám của anh thế nào? - Cô hỏi. - Cuối cùng anh có mua lại tầng dưới không?

- Ai nói với em về chuyện đó vậy?

Paul tưởng cô đã cắt đứt hoàn toàn những mối liên hệ với cuộc sống trước đây, giống như anh.

- Chúng ta đã từng làm cùng nghề mà anh?

Paul quay sang nhìn cô đầy ngạc nhiên.

- Thôi, không chơi trò ú tim nữa. Em có một cô bạn làm việc trong phòng khám của anh. Cô ấy đã bảo vệ luận văn tâm lý cùng lúc với em.

- Tracy á?

- Cô ấy không bao giờ tiết lộ với anh đâu, vì cô ấy muốn tôn trọng lời thề trung kiên của anh.

Cô phát âm mấy chữ "lời thề trung kiên" trong lúc mở to đôi mắt long lanh màu xanh lá. Paul nhìn chăm chú khuôn mặt xương xương và cái miệng bí ẩn của cô. Anh nhận thấy thời gian đã xóa đi những nét thơ ngây cuối cùng của cô và thay vào đó bằng một vẻ già dặn mới mẻ. Nhưng vẫn còn thiếu một điều gì đó để có thể hoàn toàn nhận ra cô.

- Tốt thôi, - anh nói, - anh không cần phải tóm tắt lại những sự việc cũ với em nữa. Mà em đã biết được đến đâu rồi?

- Hồi tuần trước Tracy đã gọi cho em. Cô ấy bảo là anh đi nghỉ một tháng. Em đối chiếu chi tiết đó với cú điện thoại. Anh lại ngại quen đường cũ phải không?

- Archie đã đến đề nghị anh giúp một việc.

- Cho Cục à?

- Archie thôi làm ở Cục rồi. Ông ấy đã mở một công ty riêng.

- Công ty gì thế? Mà ông ấy còn biết làm gì khác kia chứ?

MÙI ADAM

Bỗng nhiên, Paul chợt nhận ra: tóc của Kerry! Cô đã giấu mái tóc dày của mình vào bên dưới chiếc mũ nổi kiểu Ai-len. Thiếu đi sức sống của mái tóc, khuôn mặt cô trở nên yếu đi, mất chất, như một vở opera thiếu dàn nhạc vậy.

- Ông ấy vẫn làm nghề cũ. Chỉ có điều, giờ thì ông ấy làm cho bản thân.

- Còn anh, anh làm cho ông ấy...

- Anh chỉ giúp ông ấy một thời gian thôi.

Hai người băng qua một chiếc cầu nhỏ. Mặt nước hồ bên dưới lấm tấm những hạt mưa làm cho bầy vịt bất động trông tựa như bị găm chặt trên bàn chông vậy.

- Anh kể lại sự tình cho em nghe?

- Làm sao anh tin chắc em sẽ đến? Anh vẫn biết điều mà chúng ta đã cùng nhau quyết định khi rời ngành mà.

- Buồn cười thật, anh cứ ngỡ là gia đình và những đứa con đã kéo em ra xa khỏi những chuyện này...

- Vậy là anh chưa hiểu hết được em rồi.

Lúc này hai người đang đứng trong một khu vực mọc toàn những cây cao, tán lá dày. Cơn mưa dường như bị chặn lại bởi mái vòm kết từ những cây du và cây sồi. Kerry xếp dù lại. Hai người bước đi bên cạnh nhau, mắt nhìn xuống mặt đất thỉnh thoảng có những chú sóc băng ngang qua.

Paul kể lại vụ việc ở Wrocław, manh mối do phía Anh cung cấp và kết thúc một cách thành thật bằng việc tóm tắt lại tất cả những điều chưa chắc chắn quanh sự kiện này.

Kerry chăm chú lắng nghe mà không hề cắt ngang.

- Lại một vụ khủng bố bằng vi khuẩn.- Cuối cùng cô nói.- Loại bánh phủ lớp kem hình sự mà em chẳng bao giờ muốn ăn.

- Anh không nghĩ là sự việc đơn giản như thế. Vi khuẩn tả là một loại vũ khí sinh học rất tồi. Đằng sau những chuyện này có điều gì đó mà chúng ta chưa hiểu được và chắc chắn là hấp dẫn hơn nhiều.

- Sao anh lại nói với em qua điện thoại là các điều kiện đã được hội đủ?

- Vì anh tin là thế. Đây là một điệp vụ khó chơi. Đầu tiên, chúng ta không thể trông đợi vào sự hợp tác của FBI. Nhất là không được để cho họ biết ta đang điều tra cái gì, và điều này làm cho nhiệm vụ phức tạp lên đáng kể. Sau đó, lĩnh vực môi trường khá là nhạy cảm về mặt chính trị. Người ta không thể phân biệt được những người bảo vệ môi trường thuần túy với những kẻ cực đoan. Nếu chúng ta bị bắt gặp đang theo dõi những nhóm sinh thái ôn hòa thì ta sẽ gây họa lớn đấy. Và nếu những kẻ cực đoan kia biết được ta đang để mắt đến chúng thì...

Bất giác Paul nhớ lại khuôn mặt tàn tạ của thiếu tá Cawthorne. Anh bỏ lửng câu nói.

- Chúng ta cần phải hạn chế số người liên hệ, và phải tuyệt đối tin tưởng ở nhau.

- Trong nhóm điều tra sẽ có những ai?

- Chỉ có hai chúng ta, thế thôi.

Kerry tiếp tục bước đi, không nói gì. Paul bắt đầu cảm thấy lo ngại trước sự im lặng này.

Trên đỉnh một quả đồi thấp nằm gần trung tâm của công viên, hai người bắt gặp một căn chòi nhỏ xây bằng gỗ, bao quanh là một khoảng sân kê mấy bộ bàn ghế bằng kim loại loang loáng nước mưa. Khung cảnh trông như không có ai, nhưng có thể nhìn thấy ánh đèn vàng phía sau những ô cửa động hơi nước của căn chòi. Hai người bước vào trong.

Một người phục vụ đang ngồi đợi phía sau quầy rượu, mắt nhìn những giọt mưa nhỏ xuống bãi cỏ bên ngoài. Không khí ẩm nồng được mùi cà phê và mùi bia. Kerry lắc người cởi áo mưa. Cô mặc một chiếc áo sơ mi ôm sát lấy bộ ngực cùng với quần jean chiết eo. Hất đầu về phía sau, cô gỡ mũ và xoa tóc ra. Mái tóc dày của tóc cô vẫn ẩn tượng như ngày nào. Dợn sóng gần như xoắn, nó óng ánh tựa như những vầng hào quang màu vàng đồng được vẽ phía trên

MÙI ADAM

đầu của các vị thánh trong các bức tranh phong cách Ba-rốc. Điều nghịch lý là trong những bức họa này khuôn mặt của thánh thần lại biểu hiện những tính cách rất đời con người, phàm tục và gần như tội lỗi của những kẻ đã bỏ tiền ra vẽ chúng. Với Kerry cũng thế, sự tỏa sáng của những ngọn lửa màu nâu hung và nâu sáng trên tóc khiến cho những đường nét đều đặn và có phần nhạt nhòa trở nên nổi bật, tràn ngập năng lượng, đầy thông minh và bạo dạn mà đến bây giờ mới bộc lộ ra.

Paul che giấu cảm xúc của mình bằng cách sốt sắng gọi người phục vụ để yêu cầu một chiếc bàn, một việc rất vô lý vì trong quán chẳng hề có khách.

Họ ngồi vào chỗ và gọi hai tách cà phê. Sau một khoảng im lặng kéo dài mà Paul không dám phá vỡ, Kerry bật cười và nói:

- Anh thấy đấy, em cũng hơi lão hóa rồi. Sau khi sinh đẻ, em đã ngừng nhảy dù. Cứ nhảy cuối cùng của em cách nay đã tám năm, ngay trước khi em sinh Julia. Với môn điền kinh, em không còn bám thành tích nữa, nhưng chạy một trăm mét cũng phải mất độ nửa tiếng, còn nếu đi thi maratông thì chắc em phải mang túi ngủ theo mắt.

Paul nhớ lại những buổi chiều luyện tập với cô ở sân vận động của Fort Bragg. Có chút gì đó mang hơi hướm của tinh thần thể vận hội trong sự ham muốn chinh phục tất cả các môn thể thao của Kerry. Mặc dù không phá được kỷ lục nào, nhưng cô có khả năng lập nên những thành tích rất đáng nể trong mọi bộ môn. Cô vốn rất ốm yếu. Đầu óc cô không bao giờ suy nghĩ theo một phía duy nhất mà luôn tìm cách dung hòa những tư tưởng trái chiều. Cô luôn nhìn nhận thực tế cuộc sống theo những góc độ khác nhau. Tính đa dạng, sự phản biện và nhập nhằng luôn làm cô thấy thích thú.

- Em vẫn còn tập nhu đạo chứ?

- Chính nó đã cứu em đấy. Em đã tìm thấy một võ sư cực siêu lúc đến Manhattan. Ông ấy đã cho phép em tập võ cho đến tận

tuần cuối cùng trước khi sinh. Em toàn bảo với Robin là em đi xem phim thôi...

Cô vừa cười vừa ngoáy cái thìa trong tách cà phê. Rồi cô hơi nghiêng về phía trước và nói như tiết lộ một bí mật:

- Em cũng chưa bao giờ thôi tập bắn súng. Em vẫn còn có thể bắn bách phát bách trúng ở tầm ba mươi mét với khẩu 9 ly. Để xem có phải chỉ là cảm giác hay không, chứ em thấy từ sau khi sinh, khả năng tập trung của em càng tăng thêm.

- Anh cũng cảm thấy y như thế.

- Nỡm ọ!

Cả hai cùng cười phá lên. Kerry đưa tay che miệng khi nhìn thấy nét mặt cau có của tay phục vụ sau khi bị họ làm cho bất ngờ.

- Nói thì có vẻ hơi bất lịch sự, - Paul nói, - nhưng với gia đình, bọn trẻ, cuộc sống mà em có.

- Để bọn trẻ yên đi. Chúng chẳng có liên can gì ở đây cả. Hơn nữa, anh thừa biết vì sao em không muốn có con với anh.

Kerry ôm cái tách trong lòng bàn tay để tự sưởi ấm. Cô mỉm cười. Paul cũng cười theo. Anh chưa bao giờ tự hỏi nên tỏ thái độ nào với cô. Nét mặt anh luôn ăn rơ với cái nhìn cô đặt vào anh.

- Em đã nói với Robin về vụ này chưa?

- Không. Chỉ vô ích. Anh ấy biết thỏa thuận giữa chúng em mà.

- Anh ấy nghĩ sao về chuyện đó?

- Nghe này, em vào làm ở Cục từ năm hai mươi hai tuổi và chính từ lúc ấy, em bắt đầu dính phải một con virus bí ẩn. Em chỉ khỏi tạm thời, chứ không bao giờ khỏi hẳn. Robin chỉ biết thế. Anh ấy có thể kéo dài các đợt tái phát bệnh, nhưng không thể ngăn cản chúng được. Có thể em hơi tự tin quá, nhưng em nghĩ em như thế nào thì anh ấy yêu như thế đó. Em không bao giờ từ bỏ bất kỳ một cái gì cả và anh ấy thích như vậy.

Những người khách khác trong tình trạng còn ướt hơn cả hai lúc mới vào, đến ngồi ở chiếc bàn bên cạnh. Đó là một cặp đã lớn tuổi,

MÙI ADAM

dắt theo một con chó mặc chiếc áo mưa kiểu Scotland. Họ có vẻ bức bối và không buồn nói với nhau nửa lời.

- Nói cho em biết sự thật đi Paul. Anh làm việc này vì cái gì? Vì tiền? Vì thích cảm giác mạnh? Hay anh tin vào vụ vi khuẩn tả?

- Đúng là anh tin có một điều gì đó nằm ẩn phía sau mà ta cần tìm cho ra. Anh cũng cần tiền nữa. Nhưng nếu em muốn biết thì...

Anh lúng túng mân mê cái má râu ria. Cô mỉm cười khi thấy anh vẫn còn cái tật ấy.

- ... thì anh thấy thích khi được làm vụ này cùng với em.

- Cái đồ hám gái nhà anh.

Cô vẫn đang giữ tách cà phê trong đôi bàn tay ở phía trước mặt, bên trên đó, đôi mắt cô nhìn anh đắm đắm.

Từ một vài phút trước, anh đã có cảm tưởng là hai vị khách ở bàn bên chỉ ngồi nghe họ nói chuyện không sót chữ nào. Anh cảm thấy điều đó cũng làm Kerry khó chịu.

- Trời ngớt mưa rồi, - Anh nói. - Ta ra ngoài thôi. - Rồi, vừa ném một cái nhìn khó chịu sang hai người khách tộc mạch bàn bên cạnh, anh nói thêm, - Tôi có súng ở trong xe đây. Nếu chúng ta đi săn vài con chó ở Manhattan thì hai vị nghĩ sao?

Hai người kia bắt đầu đảo mắt hết hoảng. Paul rút ra một tờ mười đô la, đưa cho cậu phục vụ rồi cùng Kerry đi ra ngoài. Về phía đông, bắt đầu có thể thấy được đường nét của các tòa nhà chọc trời bên trên các tán cây. Bên phía Hudson, trời vẫn còn đầy mây đen. Đằng trước quán, một cây anh đào Nhật đỏ sộ đang nở bung những chùm hoa màu hồng ướt đầm nước.

- Vậy thưa sếp, khi nào thì em bắt đầu đây?

- Em có thể đến Providence sáng ngày kia được không?

- Sáng ngày kia, ở Providence - Kerry vừa lặp lại vừa cười - Nghe được đấy.

III

Johannesburg, Nam Phi.

Juliette không thấy sợ. Cô cảm thấy sốt ruột thì đúng hơn, tựa như một cô sinh viên chờ kết quả thi vậy. Đã quá trễ để quay lại, mà cô cũng không muốn làm thế. Trên chiếc Airbus của hãng British Airways, cô thử gác lên cái tựa tay, nhưng không được. Thân hình phì nhiêu của ông khách bên cạnh lòi ra khỏi phạm vi chỗ ngồi của ông ta và đẩy cô ra sát tận cửa sổ.

Thậm chí cô đã tự hỏi liệu cái ông to béo người Nam Phi có mái tóc vàng cắt sát này có phải được đặt ngồi ở đó để theo dõi cô hoặc là cầm tù cô hay không. Sau khi thử bắt chuyện với ông ta, chẳng mấy chốc cô đã biết đó chỉ là một người nông dân vô hại đã bắt đầu sương sương. Ông ta chỉ đơn thuần sang Paris thăm hai cô con gái đang du học tại đó. Juliette quyết định từ nay sẽ cảnh giác hơn với những phản ứng của chính mình. Do quá căng thẳng nên thấy biểu hiện lạ nào cô cũng quơ vào mình hết cả. Thẻ lên máy bay của cô bị mắc kẹt trong cái máy kiểm soát; anh chàng tiếp viên nhìn cô hơi nài ép quá; hai hàng ghế trước mặt và sau lưng cô chẳng có ai ngồi; lần nào cũng thế, cô cứ nghĩ sự việc xảy ra là do sự hiện diện của cô. Thế nhưng mọi chuyện hóa ra chỉ là ngẫu nhiên.

Sau bữa ăn tối, cô lại chỗ mấy hàng ghế trống để ngả lưng. Nhưng cơn buồn ngủ không đến. Trí tưởng tượng của cô quay như chong chóng, gợi những cảm giác sáng khoái và hoảng sợ, hai mặt của sự lo lắng.

Khi đến Johannesburg, Juliette không cần phải đợi lấy hành lý vì tất cả đồ đạc mang theo cô đã gói ghém trong một cái túi xách tay.

MÙI ADAM

Trong đám đông những người đứng đón thân nhân ở phía ngoài lớp cửa trượt, Juliette trông thấy một tấm bảng nhỏ viết tên mình. Một thanh niên da đen đang cầm nó. Bằng thứ tiếng Anh hơi kiểu cách, anh ta tự giới thiệu tên mình là Roy. Anh ta tỏ ra lễ độ nhưng tránh không trả lời những câu hỏi mà cô không thể không đặt ra về nơi họ sẽ đến.

Ngay cả trong tình hình hiện tại, Juliette vẫn cảm thấy như đang đi nghỉ mát. Thời tiết vẫn còn đẹp dù mùa thu ở bán cầu nam đang đến rất gần. Cô mở cửa kính xe và nhả mũi trước làn gió ấm. Cô ngạc nhiên khi nhìn thấy những chiếc xe hơi đi phía bên trái đường ở một đất nước chẳng giống Anh quốc là mấy. Khi họ đến gần khu trung tâm, đi trên những đại lộ thẳng bằng trồng đầy phượng và khuynh diệp, cô bỗng có cái cảm giác kỳ lạ là mình đang đi vào một thành phố vừa mới bị chiếm đóng. Phong cách thực dân kiểu xưa vẫn còn nguyên vẹn với những ngôi biệt thự, các khu vườn, những bức tường có hàng rào điện phía bên trên. Nhưng trên đường phố là những đám đông người da đen tưởng như đến từ một nơi khác. Nhìn họ không có vẻ gì là sợ hãi hay bị đe dọa, nhưng cũng không giống như đang ở nhà mình.

Trong một thoáng, họ nhìn thấy những tòa cao ốc hành chính phía xa và Juliette đã tưởng họ sẽ đi về hướng đó. Nhưng Roy lại rẽ sang bên trái, tiếp tục men theo những khu nhà ở. Cuối cùng, họ tiến đến một sân bay khác, dành cho những chuyến bay nội địa tư nhân. Các khối nhà ở đây được xây từ những năm năm mươi, thời mà hàng không được đánh đồng với xa hoa và tiện nghi. Những bức tranh hiện đại và sàn nhà lát đá cẩm thạch đường như đang cố duy trì nét truyền thống đó. *Giới thượng lưu* giờ đây bao gồm mấy tay phú nông và đám thợ săn voi mặc quần áo bằng vải gai bạc màu.

Roy cầm lấy hộ chiếu của Juliette rồi đưa cô đến một cái cổng an ninh vắng vẻ, nơi có một băng chuyền đang kêu nhè nhẹ. Cô đưa túi vào máy quét rồi nhặt lại nó ở phía bên kia. Roy trả lại hộ chiếu

cho cô, bên trong có kẹp một tấm giấy mỏng. Anh ta giải thích rằng đó là tấm thẻ lên máy bay. Trên đó không hề ghi nơi đến. Juliette ngồi chờ trong phòng đợi vắng hoe trong khi thiên thần hộ mệnh của cô vẫn cứ kè kè bên cạnh.

Hai người lái máy bay mặc sơ mi ngắn tay và xách va li phi công băng qua phòng rồi đẩy cánh cửa dẫn ra đường băng. Juliette trông thấy họ leo lên chiếc máy bay hai động cơ đậu trước nhà ga, giữa những chiếc phi cơ nhỏ nằm sắp hàng như một đội du thuyền.

Được tổ bay ra hiệu, Roy nắm lấy cánh tay Juliette và đưa cô ra ngoài, đến chỗ máy bay. Động cơ bên phải bắt đầu hoạt động, phát ra thứ tiếng động trầm nhưng còn hơi giật cục. Lúc đó Juliette hiểu ra cô là hành khách duy nhất. Roy vẫn đang nắm tay cô để trấn an, hay cũng có thể để cho cô không thoái lui vào giây phút cuối cùng. Ngay khi cô lên máy bay, người phụ lái kéo một sợi dây cáp để nhắc thang lên rồi đóng cửa lại. Anh ta ra hiệu cho Juliette ngồi xuống một trong những chiếc ghế bọc da gần cửa sổ, rồi giúp cô cài dây an toàn và đi ra phía sau trong khi viên phi công bật động cơ bên trái. Chiếc máy bay rung giật nhẹ. Tay phụ lái quay lại cùng với hai lon Coca, đưa cô một lon rồi chạm lon với cô. Mừng rỡ vì được thỏa mãn cơn khát sau khi phải chịu đựng cái nóng trên xe, cô tu một hơi dài.

Sau đó, chiếc máy bay bắt đầu lăn bánh trong tiếng rú của cánh quạt. Juliette còn kịp nhìn thấy một nhà chứa máy bay lớn, bên trong có một chiếc phản lực đang được đại tu. Sau đó cô thấy tay phi công phụ quay sang phía cô. Lần đầu tiên cô nhận thấy hàng ria mép vàng của anh ta bên dưới cặp kính mát, nhưng cô không đủ sức để đáp lại ngón cái đang giơ lên của anh ta. Một sự uể oải kinh khủng bắt đầu xâm chiếm lấy cô. Juliette liếc nhìn lon Coca và chợt nhận ra nó có vị hơi đắng hơn thường lệ. Trước cả khi máy bay rời mặt đất, cô đã ở một nơi thật xa, trên những đám mây bông bênh của một giấc ngủ không cưỡng lại được.

MÙI ADAM

♦ ♦ ♦

Cái nóng đánh thức cô dậy. Cái nóng không e dè chọc ngón tay vào cổ họng cô, phả luồng hơi khô khốc lên mí mắt cô.

Juliette đang nằm trên một chiếc giường đã chiến không có vải trải cũng chẳng có gối. Các bức tường của căn phòng chỉ được trát xi măng thô và quét một lớp vôi trắng qua loa. Trần nhà nổi lên các thanh nẹp gỗ trên những ô ván ép. Cửa sổ đã bị bít lại bởi hai cánh cửa sập kín mít. Hai cánh cửa phòng bằng gỗ dày đang nghiêng vào bản lề kêu ken két dưới những luồng gió mang hơi nóng từ bên ngoài vào.

Juliette ngồi dậy, đặt đôi bàn chân trần trên những ô gạch hai màu đỏ đen mấp mô, rồi đi ra mở cửa. Căn phòng trông ra một cái sân sau nhỏ của một ngôi nhà lớn. Mấy chiếc chổi cùng vài cái xô được chất trong một góc sân. Trên một sợi dây phơi, có vài cái khăn lau bằng vải kẻ ô.

Cô nhanh chóng nhận ra cái khoanh sân này không phải là lối thoát. Chung quanh đó, các bức tường bằng gạch bê tông ép, bên trên được chằng thêm lớp hàng rào kẽm gai tạo thành một không gian khép kín. Ở trong nhà, cánh cửa cho phục vụ đã bị khóa chặt, tất cả các cửa sổ đều có lắp chấn song. Phía trên đầu của nơi quản thúc nhỏ bé ấy là bầu trời xanh ngắt một màu thảm hại, tựa như một tấm tôn vừa chui ra khỏi máy cán ép.

Đáng lẽ Juliette thích quan sát và chờ đợi, nhưng cô thấy đói và nhất là đang khát khô cổ. Cô gõ tay vào ô kính trên cánh cửa. Một người phụ nữ xuất hiện. Đó là một bà phục vụ già, da đen nhám, vành tai xỏ những cái lỗ rộng đến nỗi người ta có thể xuyên cả một ngón tay qua. Trông thấy Juliette đã thức giấc, bà ta quay vào trong bếp và lôi từ trong tủ lạnh ra bữa ăn đã được chuẩn bị sẵn, rồi mở cửa và đưa nó cho cô, không nói tiếng nào. Juliette đến ngồi ở một góc sân, dưới cái mái hiên nhỏ. Cô tu một hơi hết luôn bình nước. Bà già mỉm cười xúc động rồi lấy lại chiếc bình có quai

để đổ đầy nước. Juliette ăn jambon, đậu cô ve và cơm, chấm bánh mì vào nước sốt rồi nhai ngấu nghiến. Cô kết thúc bữa ăn với hai quả chuối chín nhỏ. Cô hoàn toàn không có chút khái niệm nào về khoảng thời gian đã trôi qua kể từ khi rời Johannesburg. Nếu căn cứ vào mức độ ngon miệng của mình, cô đoán phải ít nhất là một ngày đã trôi qua. Bà già lại đi ra, bụng theo cái khay.

Juliette làm một bản tổng kết nhỏ về tình hình hiện tại của mình. Rõ ràng là những chuyện nghiêm túc sắp xảy ra. Cô cảm thấy sự tấn công rõ hơn bao giờ hết. Giấc ngủ đã mang lại sự thư giãn mà cô thiếu thốn từ nhiều tuần nay. Vẫn còn đó sự phẫn khích cùng với cảm giác đầy tự tin, sung mãn và lạc quan lạ lùng. Nhưng nỗi lo sợ, sự bồn chồn dễ tổn thương lúc này dường như đã biến theo giấc ngủ.

Cô chờ đợi tiếng những bước chân chắc nịch sắp vang lên.

Chẳng có gì xảy ra cho đến tận cuối buổi chiều. Cái nóng bắt đầu dịu xuống, bị bóng tối dần đuổi vào trong các góc ngách. Juliette nghe thấy từ rất xa văng lại tiếng một thầy tu báo giờ cầu nguyện, nhưng sự im lặng làm nảy sinh nhiều ảo tưởng trong đầu Juliette đến nỗi cô không thể tin tưởng hoàn toàn vào tai mình. Hoàng hôn xuống rất nhanh. Bên trong nhà ánh đèn được bật lên, và cánh cửa mở ra cùng với hai người đeo mặt nạ.

Họ dẫn cô qua ngôi nhà theo một lộ trình đã được chuẩn bị rất kỹ, theo những hành lang trống trải, một tiền sảnh đơn sơ, rồi cuối cùng vào trong một căn phòng rộng cửa sổ đóng kín mít với một bàn một ghế. Đó chính xác là điều mà Juliette đang chờ đợi: tất cả đã được sắp đặt sẵn cho một cuộc thẩm tra. Cảm thấy vụ này có lẽ sẽ kéo dài, cô mỉm cười ngồi xuống. Hai người thẩm vấn bao gồm một người đàn ông vóc người cao lớn và một phụ nữ cao, thon thả, đáng thể thao, cả hai đều đội mũ len trùm kín mặt. Căn phòng không được trang bị máy điều hòa nhiệt độ. Cái nóng ban ngày khiến cho việc đội cái thứ đó đúng là thảm họa. Thế cho nên họ mới phải đợi đến tối mới thẩm vấn cô. Hai người luân phiên đặt câu hỏi. Người

MÙI ADAM

phụ nữ có một chất giọng Mỹ rất, với cách phát âm trong cổ họng đặc trưng của vùng Texas. Còn người đàn ông lại nói với cách ngắt nhịp quê mùa của một thứ tiếng Anh lai tạp: anh ta có thể là người Úc, New Zealand, hoặc nhiều khả năng là người Nam Phi. Cả hai người đều không ghi chép gì, nên có lẽ cuộc thẩm vấn được ghi âm.

Juliette nhanh chóng hiểu ra rằng ở giai đoạn này, hai người kia không tìm kiếm thêm thông tin, mà chủ yếu là xác minh tính vững chắc của những thông tin họ đang có. Họ đặt ra những câu hỏi mà rõ ràng là đã biết câu trả lời và không ngừng dồn cô vào thế nói ngược với mình. Loạt câu hỏi đầu tiên tập trung vào gốc gác, gia đình cô, sự hiểu biết của cô. Nó chấm dứt sau khoảng ba giờ đăng đắng. Sau đó, họ đưa cô trở lại phòng cũ - có nên gọi đó là xà lim không nhỉ? Hai giờ sau đó, họ đánh thức cô dậy, đưa trở lại vào trong nhà và đưa ra một bản tóm tắt được viết dựa theo những câu trả lời của cô, trong đó những điểm không chính xác đã được cố ý cài vào để bẫy Juliette.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

- Cô sinh ngày 8 tháng 6 năm 1977 ở Boulogne-sur-Mer, gần Calais. - Người phụ nữ bắt đầu nói, trong lúc đứng sau lưng Juliette, chắc chắn là để đọc một mảnh giấy, - Mẹ cô, Jeanne-Hélène Pictet...

- Jeanne Irène.

- Jeanne Irène Pictet, là người Thụy Sĩ. Năm bốn mươi tám tuổi, bà đã cưới một người Pháp quê quán ở Lorraine tên là Edmond Levasseur, sáu mươi bảy tuổi. Cô là người con duy nhất. Cha mẹ cô biết nhau qua tin rao vặt. Họ định cư tại Boulogne-sur-Mer, nơi cha cô sở hữu một công ty vận chuyển giữa Anh và Pháp.

Juliette không thể không nghĩ tới sự trớ trêu của số phận. Ai có thể ngờ rằng cái họ cao sang của cha mẹ cô lại có thể một ngày kia được nhắc đến giữa chốn tận cùng Nam Phi bởi một con mụ người Texas kia chứ?

- ... Cô lớn lên trong cô độc. Những lần bỏ nhà ra đi lúc còn niên thiếu đã đưa đẩy cô sang tận Bỉ.

- Sang Thụy Sĩ. Lần đầu tiên tôi mới có mười hai tuổi.

- Cô học tiếng Anh ở nhà, do truyền thống gia đình. Từ thời ông cố trong gia đình cô đã làm ăn với người Anh.

Đó chính là biện pháp mà cha cô đã áp đặt để tăng cường hơn nữa sự gia trưởng của mình. Ông là người duy nhất nói tiếng Anh hoàn hảo. Juliette đã kiên trì học thứ ngoại ngữ đó, như cách người ta đánh bóng vũ khí, để có thể tự vệ và có lẽ để phản công lại vào một dịp nào đó.

- Từ bé đến giờ cô không có bạn bè sao? - Người đàn ông hỏi thêm, ông ta đã hỏi cô câu này ba lần rồi.

- Không.

- Cha cô là con một. Người duy nhất trong gia đình mà cô có thể tin tưởng là bà di sống ở Geneva.

Phải, Juliette nghĩ bụng, người duy nhất đủ dũng khí để đứng vững giữa những sự sỉ nhục và những trận đòn mà con bé Juliette, là cô, phải hứng chịu. Thật là một trải nghiệm lạ lùng khi được nhìn lại khứ của mình như vậy. Lần đầu tiên cô phán xét nó từ bên ngoài. Sự bần cùng, bi đát không thể chịu đựng nổi của nó đập vào mắt cô khi giờ đây cô đã là một người trưởng thành. Thế nhưng, hồi đó, cô luôn luôn từ chối coi mình là nạn nhân. Cô chỉ đơn thuần dè dặt sự điên dại và cuồng nộ vào trong lòng. Bề ngoài cam chịu của cô chỉ là một cái mếu, giống như những kiểu rút lui đầy chua chát mà một vài loài động vật vẫn sử dụng trước các mối đe dọa.

- Đến năm mười chín tuổi, cô sang Mỹ làm người giúp việc nhà. Ở Chicago.

- Ở Philadelphia.

- Tại đây cô ở một năm trong gia đình của một giáo sư. Họ có hai người con hơi lớn hơn cô một chút.

Đây chính là lời nói dối lớn nhất. Cần phải tăng cường sự cảnh giác. Cô xác nhận những thông tin này, dù là giả nhưng phù hợp với những câu trả lời trước đó.

- Người con trai cả tên là Roger. Chính cậu ta là người đầu tiên cô quan hệ tình dục.

MÙI ADAM

Họ lại quay về với sự thật, nhưng cái thằng Roger đó không phải là con ông chủ, mà chỉ là một thằng hàng xóm khổ nạn đã chặn cô lại khi cô trên đường từ hộp đêm về nhà. Cô hơi ngại ngần khi dùng từ cưỡng hiếp. Xét cho cùng, mặc dù tình huống diễn ra đột ngột, nhưng cô cũng có tham dự phần nào vào đó. Tình dục đối với cô lúc đó chỉ là một trong những thứ giúp cô xả bớt sự điên dại chất chứa bên trong. Roger là công cụ mở đầu hiệu nghiệm. Đó chỉ tương đương với việc bỏ nhà đi bụi, nhưng nhơ nhớp hơn mà thôi.

- Khi quay lại Pháp, cô đã đăng ký vào học khoa văn, chuyên ngành Anh ngữ ở đại học Lyon II.

- Lyon II.

- Cô đã tham gia vận động cho hội sinh viên trong sáu tháng, sau đó gia nhập nhóm môi trường Greenworld. Cô đã tham gia vào nhiều chiến dịch chống đối, đặc biệt là vụ nhà máy điện nguyên tử ở Tricastin. Chính trong dịp này cô đã quen Jonathan Cluses.

Tổ chức đã quyết định phong tỏa lối vào nhà máy để chặn đường ra của một chiếc xe tải chở chất thải phóng xạ. Phi vụ đã bị phá vỡ bởi một lực lượng cảnh sát chống bạo động đông đảo. Juliette đã xuất phát trong đêm với một nhóm năm người. Lúc rạng đông, trời bắt đầu mưa và họ bị lạc trên những con đường vắng vẻ bao quanh nhà máy điện. Một tốp hiến binh đã đuổi theo họ lúc cả bọn đến gần một hàng rào điện mà không hề hay biết. Juliette lạc mất đồng đội. Mình mảy ướt sũng, bụng đói, cô đã trú chân trong một quán cà phê và gặp Jonathan ở đó. Anh ta đã nói với cô rằng mình cũng tham gia vào vụ việc và làm ra vẻ ngay từ đầu đã biết nó sẽ thất bại. Thế là anh ta chui vào trong quán cà phê ngồi chờ xem mọi chuyện sẽ kết thúc ra sao. Juliette thấy anh ta có vẻ kiêu căng và hợm mình. Vẻ chán đời, kiểu khép hờ mắt trong khi rít thuốc tạo cho anh ta một hình tượng công tử bột rởm. Anh ta đã đề nghị đưa cô về bằng mô tô của mình. Cô từ chối. Cô đã quay về Lyon bằng xe ca và quên luôn Jonathan.

- Trước đó cô chưa bao giờ gặp cậu ta sao? - Người đàn ông bịt mặt hỏi.

- Chưa.

Hai kẻ thẩm vấn nhìn nhau.

- Thế mà anh ta lại là thành viên của Greenworld từ trước đó cả năm trời. - Mụ người Mỹ nói.

- Sau đó tôi mới biết điều này. Tổ chức khá là khép kín, nên chúng tôi không biết mọi người.

Juliette có cảm giác khi đặt những câu hỏi này, họ muốn điều tra cả Jonathan lẫn cô.

Đến đây thì đêm đầu tiên kết thúc. Juliette khó mà ngủ được. Suốt ngày hôm sau cô lang thang trong sân hoặc nằm mơ màng trên chiếc giường dã chiến. Cô sốt ruột chờ đợi phần tiếp theo. Cuộc thẩm vấn tiếp tục diễn ra vào lúc chập tối.

- Chuyện gì đã xảy đến với cô vào thời điểm tháng bảy năm 2002?

- Greenworld đã tổ chức một cuộc biểu tình chống lại chuyến thăm Paris của Tổng thống Bush. Chừng nào mà nước Mỹ còn từ chối phê chuẩn Nghị định thư Tokyo thì chừng đó còn phải tẩy chay họ. Ý đồ là như thế. Chúng tôi đã đến Paris bằng xe lửa, và đúng sáu giờ sáng thì đi tàu điện ngầm ra quảng trường Concorde. Chúng tôi thay đồ dưới hành lang ga tàu điện ngầm. Khi đi lên phía trước tòa đại sứ quán Mỹ, chúng tôi ăn mặc như trong lễ hội Halloween, với áo thun vẽ hình bộ xương và mặt nạ tử thần.

Đó là một việc nực cười. Ngày hôm nay cô đánh giá tất cả chuyện đó rất nghiêm khắc. Thế nhưng, chính ở đó cô đã thực sự khám phá ra bản thân mình.

- Đám cảnh sát đã can thiệp khá mạnh bạo. Họ chạy lại phía chúng tôi để giải tán cả đám.

- Cô đã bị thương?

- Phải. Một loạt những tình huống ngớ ngẩn. Tôi bị sảy chân và ngã ngay trước mặt một tay cầm. Mắt cá chân phải của tôi đã bị tẹo,

MÙI ADAM

nhưng thằng cha ấy chẳng hiểu gì cả. Gã cứ hò hét bắt tôi đứng dậy, rồi cuối cùng túm lấy tóc tôi. Lúc ấy có mấy tay thợ ảnh đứng ở đây. Ngày hôm sau, vụ việc được đưa lên trang nhất của các báo. Tôi đã một bước thành anh hùng, một người tử vì đạo.

- Thế mà chỉ vài tháng sau cô đã rời tổ chức.

Cô im lặng một lúc lâu. Làm thế nào giải thích cho bọn họ về những gì cô đã cảm thấy nhỉ?

Cô, một con người đã bị vùi dập quá lâu như thế, đưa con gái bị người cha đối xử như một con bé thiếu năng trí tuệ, một con ăn bám, con bé mà mẹ nó không bao giờ tỏ ra dịu dàng, khi bị đẩy vào tận đáy của sự sỉ nhục, khi bị giày xéo dưới chân một thằng đi giày đinh đội mũ cối, bỗng dưng tìm thấy vinh quang và sự phục thù. Đó là một hành trình tương xứng với các vị thánh và những nhà tiên tri, một sự tái sinh như của Chúa Jesus. Cuộc sống đã trả lại công bằng cho cô, khi đưa cô từ vị trí hang bết lên ngôi vô địch. Cô đã tưởng mình sẽ ở đó mãi.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trong vòng mười lăm ngày, cô đã được những nhân vật cao cấp nhất viếng thăm, thực hiện hàng chục cuộc phỏng vấn. Lúc đầu, mọi chuyện diễn ra rất suôn sẻ. Greenworld rất hài lòng trước một tác động truyền thông cỡ ấy. Nhưng chẳng được bao lâu thì có vẻ như Juliette đã không thể tự kiểm soát nổi bản thân nữa. Cô lôi tổ chức vào những vụ đốp chát và tuyên chiến với toàn thế giới. Ban lãnh đạo phong trào đã cố thử thức tỉnh cô. Ban đêm cô chỉ ngủ có hai tiếng đồng hồ, giữa những trang giấy nhằng nhịt những thông điệp khiêu khích, các ghi chép và gửi hàng đồng tin nhắn quá lố.

- Ai đã quyết định đưa cô vào viện tâm thần?

- Tôi không biết. Tôi vẫn nghĩ là Greenworld, nhưng tôi không có bằng chứng.

- Cô đã ở trong đó bao lâu?

- Ba tuần lễ.

- Rồi sau đó?

- Sau đó tôi đã quay về Lyon.

Mùa thu đã đến sớm và đầy u ám. Juliette lại rơi vào trạng thái ghê tởm bản thân. Cô ngừng uống thuốc, nằm lả trên giường.

- Cô không còn liên lạc với Greenworld nữa à?

- Họ đã khai trừ tôi, và tôi nghĩ họ đã ra lệnh không ai được đến thăm tôi.

- Trừ Jonathan.

- Cả anh ta cũng đã ra khỏi tổ chức.

Trông thấy vẻ ngạc nhiên của hai người kia, cô nói thêm:

- Dù sao thì đó cũng là điều anh ta đã nói với tôi.

- Anh ta đã đến ở nhà cô à?

- Không. Anh ta có một căn hộ ở khu Saint-Paul. Nhưng anh ta đến chơi nhà tôi thường xuyên. Chúng tôi đã trở thành nhân tình của nhau, nếu như đó là những gì các người muốn biết.

- Anh ta làm cô thỏa mãn chứ?

- Anh ta mềm mỏng và biết làm cho tôi cười. Trên hết, anh ta đã làm tôi rung động. Chính nhờ có anh ta mà tôi đã vượt qua các kỳ thi và tìm được chỗ dạy ở trong vùng Jura.

- Gần chỗ của dì cô?

- Có lẽ là vì lý do đó.

- Anh ta có kể cho cô nghe về những hoạt động và về quá khứ của anh ta hay không?

- Anh ta đã kể cho tôi nghe về nước Mỹ.

Đến đây, hai người thẩm vấn quyết định ngưng lại và đưa cô trở về buồng giam. Cô cảm thấy từ giờ đã đến một giai đoạn mà mọi sự đều có thể xảy ra, kể cả việc dùng vũ lực.

MÙI-ADAM

IV

Providence, Rhode Island.

Cho đến giây phút cuối cùng, Paul vẫn tự hỏi liệu Kerry có theo vụ này hay không. Cô đã chấp thuận. Sau chuyến xe lửa từ New York đến, anh thấy cô trên sân ga. Trời không mưa, và họ cũng không có lý do gì để mà không ôm hôn nhau. Cô áp má với anh, bên này rồi bên kia, cứng nhắc, gần như kiểu nhà binh.

Paul đã mượn một chiếc xe hơi công vụ ở Providence. Anh cất hành lý của Kerry vào trong cốp. Đó là một chiếc túi bằng da dê khá tầm thường nhưng có lẽ rất đắt tiền. Chắc cô chỉ cho vào đó những vật dụng tối thiểu. Có phải vì cô chỉ tính tham gia trong thời gian ngắn thôi, hay vì cô cho rằng trong điệp vụ họ sắp thực hiện cần phải giữ những thói quen tốt của quân đội: những bộ đồ quy củ và không gì khác? Anh ngồi vào vô lăng, nhưng trước khi khởi động máy, anh quay sang cô hỏi:

- Sẵn sàng chưa?
- Sẵn sàng rồi.
- Không hồi tiếc, không do dự chứ? Vẫn còn kịp, em biết mà...
- Anh làm ơn nổ máy đi. Từ bây giờ, anh cứ coi như chúng ta đang làm nhiệm vụ và cố đừng có nói nhiều câu vớ vẩn như thế nữa. Em dùng chữ "cố" đấy nhé.

Anh mỉm cười đồng ý.

Hai người không cần băng qua thành phố Providence. Từ ga xe lửa, họ đi theo lối rẽ về phía bờ biển. Quang cảnh mùa hè nhanh chóng xuất hiện. Lần này trời rất đẹp.

- Tại sao ông ta lại đến đặt trụ sở ở đây, cái con lợn già ấy? Nói

thật với em đi: ông ta đã mua một căn nhà dưỡng già rồi bắt chúng ta đến để làm cho ông ta khuây khỏa, có phải thế không?

Kerry không bao giờ che giấu sự ác cảm cô dành cho Archie. Theo những gì anh biết được, thì trái lại ông già đã cư xử tốt với cô. Bàn tay có thói quen đi rong chơi của Archie chưa bao giờ liều mạng chọc tức cô. Archie thừa khôn ngoan để biết rằng mình sẽ nhận được một cái tát, và rất có thể ngay trước mắt bàn dân thiên hạ. Nhưng cô đã chứng kiến hành động của ông ta với những người khác và xếp Archie vào loại lợn già đáng tởm.

Được nuôi dạy bởi bà mẹ góa bụa cùng với năm chị em gái, Kerry đã học được thói quen trong gia đình áp dụng cho đàn ông những từ ngữ thường dùng của dân hàng thịt, chẳng hạn như lợn già, heo mập, heo nọc hay lợn ranh. Mức độ tình cảm được thể hiện bằng các tính từ đi kèm: hồi xưa đã có lần cô gọi Paul là lợn con dễ thương, trong những hoàn cảnh mà anh không thể hiểu khác đi mỗi thiện cảm mà cô muốn bộc lộ. Nhưng đối với Archie, cô chưa bao giờ dùng những từ nào khác ngoài *lợn già, bẩn thỉu, độc ác*.

- Em cũng thừa biết Archie rất thích vùng New England mà. Khi ra khỏi văn phòng, ông ta leo lên chiếc Jaguar và đi đến Newport, khu vực của những *tay chơi thuyền* người Anh. Thế là đủ để ông ta thấy hạnh phúc rồi.

Kerry nhún vai.

- Dù sao thì em sẽ không gặp ông ta đâu. Sáng nay Archie đã đi khảo sát thị trường Viễn Đông.

- Thăm dò thị trường! Sao không nói thẳng là đi mát xa kiểu Thái như mọi người nhĩ?

Tại văn phòng, thái độ của Kerry lập tức thay đổi. Cô giữ thái độ nghiêm túc và khiêm tốn, khác hẳn sự thoải mái đã có trong suốt chuyến đi. Paul hiểu rõ điều đó có nghĩa là gì. Anh thích thú quan sát cô. Rõ ràng là dù thời gian đã trôi qua, các kỹ thuật của cô vẫn không thay đổi. Cô làm ra vẻ ngây thơ, kín tiếng và dè dặt. Nhưng

MÙI ADAM

Paul có thể thấy đôi tai sói thò ra từ chiếc áo choàng của cô bé quàng khăn đỏ. “Đây là để ăn thịt cháu để hơn đây, cháu ạ”.

Họ lên thẳng văn phòng của Barney. Kerry đã cẩn thận bắt Paul mô tả ông ta trong chuyến đi. Hồi còn ở Cục cô cũng biết Barney sơ sơ, nhưng chưa bao giờ vào làm việc trong bộ phận của ông ta cả. Cô tiến thẳng về phía ông.

- Rất vui được gặp anh. - Cô nói, chìa tay ra, mắt nhìn thẳng vào mắt Barney.

Kerry đã lại cho mái tóc của mình vào khuôn khổ, giống như cô vẫn thường làm hồi trước: chúng được tết lại thành một cái đuôi sam dày, cứng đờng sau gáy. Cô mặc một chiếc quần vải xéc màu xanh hơi giống bộ đội, nhưng được may ôm rất nữ tính. Hiển nhiên là Barney hoàn toàn bị chinh phục. Chỉ thiếu chút nữa là ông ta đã đứng nghiêm chào.

Ông ta mời Paul và Kerry ngồi xuống trước bàn làm việc. Kerry kín đáo nhưng không hề giấu giếm cú lia mắt nhìn bức tường treo đầy bằng cấp và các tấm hình của Barney. Vài tấm chụp ông mặc áo thụng, đầu đội mũ vương, nhưng đa số chụp ông trong trang phục chơi bóng chày, tay xỏ găng da.

- Tôi sẽ gọi Alexander và Tara.

Bằng một cử chỉ lịch lãm, Barney ấn vào một cái nút trên tổng đài cá nhân, thứ vật dụng cho thấy quyền lực của ông. Paul đã không tin rằng ông ta có thể làm cái trò gương oai này. Rõ ràng là Kerry giỏi hơn anh.

Anh thích thú nhìn Kerry. Được ở gần bên cô không đơn thuần chỉ là hạnh phúc, mà anh còn thấy quyết định của họ đã đúng: sự đồng điệu của họ vẫn không hề suy yếu. Anh cảm thấy mình sẽ lại sắp sửa dấn thân vào một cuộc ganh đua gay cấn với cô. Nhưng anh cũng biết rằng điều đó chỉ mang lại cho hai người một niềm hạnh phúc không gì sánh được.

Alexander nhanh chóng vào văn phòng, đến nỗi tưởng như ông ta đã đi tới đi lui trong phòng mình, sốt ruột chờ được gọi. Kerry

lập tức tấn công ông ta bằng cung cách khiêm nhường và đôi mắt to thành thật. Nhưng Alexander có vẻ không thoải mái với phụ nữ cho lắm, nên không bị cắn câu. Ông ta nhìn cái trò quyến rũ đó với một vẻ mặt vừa kinh hoàng vừa ghê sợ. Đáng lẽ Alexander đã bị một cơn khó ở nếu như Tara không bước vào ngay lúc ấy. Cô đã làm việc một thời gian trong một bộ phận gần gũi với Kerry lúc mới được tuyển vào Cục. Kerry nhớ đến cô như một con bé giỏi giang, hoạt bát, cứng nhắc, đến mức gần như khó ưa. Bây giờ Tara nhìn Kerry với một nụ cười hiền hòa, thái độ điềm tĩnh của người lớn. Cô ngại ngần chưa muốn nhận ra Kerry. Sau đó là một phút ôm hôn và chúc tụng nhau ồn ào, dưới ánh mắt xúc động của Barney.

Cuối cùng, ông ta đưa mọi người vào một góc văn phòng, để họ ngồi chung quanh một chiếc bàn tròn dành cho những cuộc họp nhỏ gọn.

- Trước hết tôi xin phép được giới thiệu liên lạc viên của mọi người. Đó là một trong những nhân viên trẻ xuất sắc của chúng ta. Cậu ấy tên là Tycen. Đối với những vấn đề chiến thuật của vụ này, mọi người sẽ trao đổi trực tiếp với tôi. Nhưng các bạn có thể thông qua Tycen để nhận mọi sự hỗ trợ về mặt hậu cần theo mong muốn. Về tài liệu và các phân tích, mọi người có thể gặp Alexander. Tôi sẽ nhường lời cho cho ông ấy. Alexander sẽ cho chúng ta biết ông ấy đã khám phá ra được gì.

- Cám ơn. Tiếc rằng tôi không có tin vui đâu. Trong bộ phận của tôi, không một ai biết gì về vụ sinh thái cực đoan, và vì phải giữ kín chuyện này nên sẽ không có chuyện tuyển dụng người từ ngoài vào.

Alexander tỏ ra không mấy tiếc nuối như đã nói. Tốt nghiệp ngành quan hệ quốc tế ở đại học Harvard, ông ta luôn dè chừng tất cả những gì lọt ra ngoài khuôn khổ của môn địa chính trị, các vấn đề chiến thuật và kinh tế vĩ mô. Ông hoàn toàn không có ý định tự làm khổ mình chỉ vì mấy con mèo lạc chuồng và vài chú vi khuẩn bị đánh cắp.

MÙI-ADAM

- Vậy chúng ta làm thế nào đây?

Paul không thể kiên nhẫn với cái tay này. Việc bề ngoài ông ta hao hao giống Napoleon cũng không làm tình thế khá hơn. Tất nhiên Alexander không phải là người đã bán Louisiana, nhưng Paul nghĩ chắc ông ta cũng dám làm thế lắm chứ chẳng chơi.

- Chúng tôi sẽ cung cấp cho hai người mớ tài liệu ít ỏi mà chúng tôi có trong tay, nhưng tôi nghĩ cả hai nên tự mình tiến hành điều tra thì tốt hơn.

- Chúng tôi cũng đang định làm như thế đấy.

- Vậy thì ổn cả rồi.

- Ngoại trừ việc chúng tôi không thể vừa đuổi theo bọn khủng bố vừa giải mã chúng được.

- Giải mã gì?



- Thì, - Paul nói rõ, - cần phải biết tư tưởng của bọn chúng phát sinh từ đâu, tìm kiếm tất cả những gì mà chúng có thể đã công bố, xem xem người nào đã ảnh hưởng tới chúng hay chịu ảnh hưởng của chúng. Nói tóm lại, tất cả những gì các anh làm mà không cần phải bận tâm xem liệu mình có đang đương đầu với bọn phi râu dài chuyên đe dọa các giếng dầu Trung Đông hay không.

Sự căng thẳng tăng dần, và với vẻ mặt bị chạm tự ái, Alexander đang tìm cách phản pháo.

- Không sao đâu, - Kerry chen vào, - Em có thời gian mà. Nếu các anh muốn, em sẽ lo vụ này. Cần phải tập hợp lại những thông tin gần với nhóm khủng bố này, để các chuyên viên phân tích chúng rồi với đến những phòng ban nào thì tùy theo điều chúng ta muốn biết. Như thế được không ạ?

- Chính xác. - Alexander nói, nhẹ cả người vì không phải tranh cãi.

- Tuyệt! - Barney vồn vã nói. - Đúng là một ý tưởng hay. Chúng tôi sẽ dành cho cô một phòng làm việc ở đây, Kerry ạ. Cô sẽ xây dựng một đơn vị hoạt động độc lập và chúng tôi sẽ cung cấp cho cô tất cả những gì cô cần.

Xét cho cùng thì đó là một giải pháp tốt đẹp. Ít ra thì lần này họ sẽ có một cái nhìn toàn cục, thay vì phải tự bằng lòng với những mẩu thông tin rời rạc như các đặc vụ ngoài hiện trường vẫn thấy. Paul quay sang phía Kerry. Cô vẫn luôn giữ vẻ dè dặt, thậm chí còn cụp mắt xuống. Thế nhưng cô đã vừa tung chiêu đầu tiên một cách ngoạn mục và Paul biết chuyện này còn dính đến phần sau nữa. Cuộc đấu đã bắt đầu. Cả sự thích thú cũng vậy.

- Về phần anh, Paul này, anh có gì mới không? - Barney hỏi.

- Có đấy.

Lần này thì đến lượt Kerry quay sang nhìn Paul. Rõ ràng anh đã quyết định đánh lá bài đầu tiên, và cô chờ đợi nước đi tiếp theo.

- Mọi người còn nhớ ông bác sĩ ở viện Pasteur mà tôi đã gặp ở Paris không?

- Chuyên gia về "thở tả" chứ gì.

Alexander có một cách phát âm chữ "thở tả" không thể bắt chước được, nó giống như là ông ta vừa mới thở mũi vào nhà xí vậy.

- Tôi đã nảy ra ý tưởng gọi lại cho ông ấy, sau khi nhận được những thông tin phía Anh cung cấp. Vì *Những kẻ săn mồi mới* đã mất tích từ cách đây gần hai năm, tôi đã hỏi ông ấy liệu có xảy ra chuyện gì mới liên quan đến bệnh "thở tả" hay không.

Paul phát âm chữ này với giọng kinh tởm để chế giễu Alexander. Mọi người quay sang nhìn ông ta và cười.

- Ông ta suy nghĩ một lúc rồi nói với tôi về quần đảo Cap-Vert.

Tara có vẻ như đang lục lọi trong đầu xem mấy cái đảo kia nằm ở xó xỉnh nào. Alexander lợi dụng thời cơ để chen vào và lấy lại thế diện một chút.

- Đó là một quần đảo nằm ngoài khơi Senegal. Hồi xưa là thuộc địa của Bồ Đào Nha, độc lập từ năm 1975.

Ít ra thì ở đây, mọi người có thể chắc chắn về tính chất nghiêm túc.

- Và chuyện gì đã xảy ra ở đó?

- Năm ngoái một trận dịch tả đã bùng phát ở đó.

MÙI ADAM

- Tôi chưa bao giờ nghe chuyện này. - Barney nói.

- *Chẳng có ai* nghe được. Đó là một đất nước có ngành du lịch phát triển mạnh. Họ đã không công bố dịch bệnh. Nói một cách chính thức thì, chẳng có chuyện gì xảy ra hết.

- Còn trên thực tế?

- Cũng không có gì ghê gớm.

Alexander cố nén một tiếng cười nhỏ. Barney nghiêm mặt nhìn ông ta.

- Họ đã dập tắt dịch bệnh bằng các biện pháp vệ sinh và việc cách ly người nhiễm bệnh.

- Có nhiều người bị không?

- Khoảng vài chục người sống trong tình trạng không có nước máy đã bị tiêu chảy chút đỉnh. Tất cả đều được chữa khỏi, ngoại trừ một ông già. Nhưng có lẽ ông ấy cũng đã già lắm rồi.

- Hóa ra trong vụ này chúng ta thu thập được nhiều tiết lộ động trời nhỉ. - Alexander mĩa mai, rút từ trong túi ra một chiếc khăn tay.

- Nó không động trời, - Paul vặc lại, - nhưng nó quan trọng.

- Tại sao? - Barney hỏi.

Tác động của Kerry lên ông ta đang biến đi và ông ta đang dần lấy lại điệu bộ lòng không và vẻ uể oải.

- Bởi vì trước hết, theo giáo sư Champel, bệnh tả đã hơi chệch đường một chút khi dừng chân tại Cap-Vert.

Để ngăn chặn một đợt kích bác mới của Alexander, Paul nhanh chóng nói tiếp:

- Trước hết, dịch bệnh này đã cùng một lúc bùng phát tại ba nơi khác nhau trên quần đảo, một điều không thể có xét về mặt thống kê.

- Anh chắc chứ?

- Giáo sư Champel quả quyết như thế. Ông ta đã nhận được báo cáo mật từ hiện trường của một nhóm nghiên cứu người Bồ Đào Nha. Họ đã không thể điều tra đến cùng vì chính phủ không muốn

thể và đã trực xuất họ. Nhưng nhóm nghiên cứu đã có đủ thời gian để lập sơ đồ sự phân bố địa lý của các ca bệnh. Rõ ràng đã có ba ổ dịch riêng rẽ.

- Anh rút ra được kết luận gì từ chuyện này? - Tara hỏi.

- Cần phải đi tới đó. - Paul đáp.

Anh cảm thấy Kerry đang mỉm cười. Cô đã đọc thấu lá bài của anh và chắc chắn cô coi đó không phải là một nước đánh nguy hiểm.

- Không thành vấn đề, - Barney chen vào. - Hợp đồng mà Archie đã ký cũng khá thoải mái và các bạn có thể đi lại tùy thích nếu cần.

- Tôi xin xưng phong, - Alexander thốt lên đầy mỉa mai. - Tôi yêu các hòn đảo.

Không ai nói gì, trong khi Barney tiếp tục nói với Paul.

- Anh định khi nào sẽ đi?

- Càng sớm càng tốt.

Anh đánh mắt sang Kerry.

- Nói thật, tôi đã tình cờ đặt một chỗ trên chuyến bay tới nay.

- Rõ rồi, anh cứ đi đến đó, và cố gắng quay về càng sớm càng tốt.

Ông ta quay sang phía Kerry.

- Tôi sẽ giải phóng một phòng để lấy chỗ làm việc cho cô ngay trong chiều nay. Cô muốn nghỉ ở đâu? Nếu thích lưu lại trụ sở thì chúng tôi có phòng nghỉ công vụ dành cho nhân viên trú chân đây. Còn nếu không thích thì cô cứ lấy một chiếc xe hơi, chúng tôi sẽ đặt cho cô một khách sạn trên bờ biển.

- Không cần, - Kerry cắt lời. - Một căn buồng nhỏ ở đây là được rồi. Tôi để dành bờ biển cho dịp khác.

Cô ngoảnh vai gửi cho Paul một nụ cười mỉm.

"Thế là bắt đầu rồi, anh thăm nghĩ. Sẽ vất vả đây".

MUI ADAM

V

Một nơi nào đó ở Nam Phi.

Dần dà cùng với những cuộc thẩm vấn, Juliette bắt đầu hình dung được cá tính của hai kẻ cai ngục. Mặc cho bọn họ ra sức tạo cho mình vẻ ngoài dữ tợn, cô không đánh giá hai người này cao lắm về tính chuyên nghiệp. Cô á người Mỹ tỏ ra khá bản năng và bốc đồng. Cô ta không giỏi che giấu những phản ứng của mình và đặt những câu hỏi quá trực tiếp. Về phần người đàn ông, dù cho anh ta là người Nam Phi hay gì chẳng nữa, rõ ràng là anh ta chỉ thạo việc tra hỏi bằng vũ lực. Anh ta rất muốn xuống tay và cố gắng lắm mới tự kiềm chế bản thân được. Những điều đó tạo cho Juliette một cảm giác lo lắng, khiến cho sự sốt ruột của cô càng nặng nề hơn. Cô luôn luôn ở vào trạng thái giữa cười và khóc. Khi đánh ván bài với Jonathan ở Chaulmes, cô đã biết cơ hội thành công của mình rất nhỏ. Và giờ thì cô đã ở trên một lục địa xa lạ, trong một phi vụ mà cô không biết là gì, đối diện với những kẻ đáng sợ hơn cái anh bạn trai tài tử và đầu óc mạnh mún của cô rất nhiều.

Hơn nữa hai tên bịt mặt kia cũng chỉ là những kẻ thừa hành thô thiển. Dường như bọn chúng phải tuân theo một kế hoạch đã được người khác lập sẵn, một người cố tình chưa lộ diện lúc này. Thậm chí có thể người đó cũng không có mặt ở đây. Chưa bao giờ Juliette trông thấy hai kẻ thẩm vấn ra khỏi phòng để hỏi ý kiến một hay nhiều người ở bên cạnh đó. Nhưng, cứ đến cuối mỗi buổi phỏng vấn là chúng lại có vẻ lúng túng, làm như thể ngân hàng câu hỏi mà người ta chuẩn bị sẵn cho chúng đã đến hồi cạn kiệt. Đêm tiếp theo chúng quay lại cùng với kho chủ đề đã được bơm đầy.

Đêm hôm đó mọi chuyện cũng diễn ra y như vậy, khi hai kẻ thẩm vấn đặt lại những câu hỏi xoay quanh Jonathan.

- Chính xác thì anh ta đã kể cô nghe những gì về cuộc sống của mình?

- Anh ta bảo rằng đã sống ở Mỹ giống như tôi, gần như ở cùng một thời kỳ.

- Anh ta có giải thích tại sao với cô không?

- Anh ta là giảng viên tiếng Pháp trong một trường trung học.

- Trường nào?

- Brynmore, gần Washington. Một ngôi trường dành cho nữ sinh. Ngoài ra, tôi có cảm giác rằng anh ta đã rất biết tận dụng điều đó...

- Anh ta đã kể với cô những gì về việc gia nhập phong trào của mình? - À người Mỹ lạnh lùng cất ngang, hình như không muốn để cho Juliette có dịp áp dụng óc châm biếm của người Pháp vào một trong những ngôi trường danh giá nhất tại Mỹ.

Đã quen với những đêm thẩm vấn, Juliette hoàn toàn không lệ thuộc vào hai tiếp viên bất đắc dĩ của mình. Thỉnh thoảng, cô không trả lời trực tiếp mà nói ra ngoài đề. Chỉ cần cô đi theo các dòng ý tưởng hỗn loạn và rời rạc luôn nhảy múa trong đầu mình. Điều đó làm hai kẻ đối diện bức mình, nhưng không làm chúng bất mãn, vì như thế chúng không nhanh bị cạn số câu hỏi vốn được dành để cầm cự cả một đêm.

- Hai người biết đấy, hồi đó, tôi vẫn còn bị ảnh hưởng bởi vụ việc ở Greenworld.

Và Juliette lại bắt đầu kể lể về một loạt các sự việc và hành vi của cô ở Greenworld. Sau một hồi, á người Mỹ cuối cùng cũng hết kiên nhẫn.

- Tôi hỏi cô, Jonathan đã kể cho cô những gì về cuộc đấu tranh của *anh ta* tại Mỹ.

- Anh ta không nói cụ thể. Nhưng, một cách gián tiếp thì có, anh ta có kể.

- Gián tiếp là sao? - Tên người Nam Phi gất lên, hai nắm đấm co lại.

MÙI ADAM

- Cần phải hiểu thế này. Vào thời gian đó, tôi đã bị ngã một cú khá đau. Sau những khoảnh khắc vinh quang và phấn khích, lúc ấy tôi chỉ thấy đời toàn màu đen. Tôi vô cùng ghê tởm mọi người. Jonathan đã nói với tôi những gì cần phải nói, và tôi nghĩ những điều đó đã được anh ta rút tía từ kinh nghiệm bên Mỹ.

- Anh ta đã nói những gì?

- Anh ta bảo rằng ở đâu và ở thời nào cũng thế, các tư tưởng lớn thường bị phản bội bởi những người tỏ vẻ bảo vệ cho chúng, nhưng hóa ra chẳng thực hiện được mấy. Tất cả những cuộc cách mạng đều kết thúc như vậy, đắm chìm trong thuyết cải tổ tư sản. Sinh thái, đối với anh ta, là cuộc đấu cuối cùng, cuộc đấu tranh không dừng lại ở việc bảo vệ các lợi ích của một xã hội hay một giống loài, mà sẽ quyết định vận mệnh của toàn bộ trái đất. Nhưng cuộc cách mạng này cũng không là ngoại lệ. Nó đang rơi vào tình trạng lảm đường lạc lối và thỏa hiệp.

Kể từ hai đêm nay, cô ả người Mỹ mang theo tập giấy ghi chú, có lẽ để làm cho có vẻ trong những giờ phút trống rỗng dài dằng dặc. Cô ta tỏ ra rất quan tâm đối với những tiết lộ của Juliette và cúi mặt hí hoáy ghi chép mà không buồn ngẩng lên.

- Theo anh ta, nước Pháp, không còn nghi ngờ gì nữa, là nơi mà cuộc đấu tranh vì môi trường diễn ra yếu ớt nhất. Các nhà vận động người Pháp đã lún đến cổ trong trò chơi chính trị rồi. Họ đã bén mùi quyền lực và thỏa hiệp một cách tởm lợm. Những ai đứng ngoài vũ đài chính trị và tự cho là mình còn tự do, giống như các chiến sĩ của Greenworld, thì co rúm người khi các chiến dịch đưa họ đi hơi xa một chút. Chính đó là điều mà tôi cũng đã cảm thấy. Sau cuộc biểu tình mà tôi bị thương, tôi có cảm giác bên trong tôi là một Jeanne d'Arc. Tôi những muốn đưa cuộc đấu tranh lên đến cực điểm, nhưng rốt cuộc bọn lãnh đạo thấy sợ và thôi chí một cách thảm thương.

- Đừng có quay lại nước Pháp nữa. Chúng tôi hỏi cô anh ta đã kể những gì về thời gian sống trên đất Mỹ.

- Thế này, theo những gì tôi hiểu thì ở bên đó có những nhóm

hoạt động môi trường mạnh bạo hơn, với tham vọng cải tổ thực sự. Jonathan đã tham gia vào một nhóm như thế. Nhóm này có một nhánh hoạt động khá tích cực ở trường trung học Brynmore. Vốn biết anh ta, nên tôi chắc là trong đó phải có một hay hai cô gái khiến anh ta quan tâm...

- Cô không tin tưởng vào sự chân thành của anh ta hay sao? - À người Mỹ hỏi.

- Cũng khó biết lắm. Ở anh ta luôn luôn có một chút dửng dưng, một chút mỉa mai.

Trong những khoảng thời gian cô độc giữa các buổi thẩm vấn, Juliette đã nghĩ nhiều đến Jonathan. Cô cảm thấy những cảm xúc đối với anh ta bắt đầu lắng xuống. Sau sự đam mê ngắn ngủi rồi nghi ngờ là đến giai đoạn của một dạng tình cảm triu mến nhưng không ảo tưởng.

- Tên của tổ chức mà anh ta đã gia nhập là gì?

- One Earth.

- Cô biết tổ chức này chứ?

- Không. Nó không có ở châu Âu.

- Cô có tìm cách hỏi han thông tin về nó không?

- Không. Theo những gì anh ta kể thì One Earth đã được thành lập tại Mỹ để phá vỡ sự đơn điệu của các tổ chức bảo vệ thiên nhiên truyền thống dạng như Sierra Club. Nó hướng đến một sự đấu tranh trực tiếp hơn và nếu cần, có thể dùng bạo lực. Điều đó đã hấp dẫn anh ta. Nhưng cuối cùng anh ta nhận ra rằng tổ chức này cũng đã tự phá bỏ những nguyên tắc của mình. Có vẻ như lớp lãnh đạo của nó đã bị tư sản hóa.

- Anh ta nói với cô là đã rời khỏi tổ chức à?

Juliette biết hai kẻ thẩm vấn mình khá đủ để hiểu rằng đối với chủ đề này thì bọn họ cũng nắm được nhiều thông tin như cô. Tuy nhiên, mối quan tâm của họ đã lộ rõ: gã người Nam Phi đang nhìn cô chăm chú và á đồng bọn cũng đã ngược mắt lên khỏi tập giấy.

MÙI ADAM

- Anh ta không nói nhiều về sự ra đi của mình. Tôi chỉ biết rằng vào giai đoạn cuối đã có nhiều cuộc thảo luận gay gắt trong tổ chức. Một nhóm thành viên từ chối sự cải cách chệch hướng và kêu gọi quay lại với đường lối triệt để hơn.

- Đường lối nào?

- Về điều này, anh ta luôn lập lờ.

Cô ngừng một lúc, trong đầu xẹt qua hàng chục hình ảnh của thời kỳ đó.

- Hai người biết đấy, chúng tôi không nói với nhau những chuyện cụ thể, mà chỉ chia sẻ qua loa về sự phẫn nộ và vài điểm chung chung. Chúng tôi nhồi nhét vào đầu nhau những từ rỗng tuếch, những hình ảnh bạo lực, những câu khẩu hiệu đầy thù hận chống lại ngành công nghiệp và bọn cảnh sát công nghiệp, những tên gian ác đang kết liễu trái đất, những thứ kiểu ấy... và nó làm tôi khuây khỏa.

- Anh ta có giải thích với cô lý do anh ta rời Mỹ không?

- Kỳ thực tập của anh ta kết thúc, cô thế thôi. Bố mẹ Jonathan muốn anh ta học hành cho xong.

- Cô không thấy ngạc nhiên khi một người nổi loạn như thế lại ngoan ngoãn quay về nhà với bố mẹ hay sao?

- Sau đó tôi đã hiểu ra. Vào thời điểm đó, anh ta chỉ nói với tôi như thế. Jonathan bảo là những thành viên trong nhóm cực đoan mà anh ta có liên hệ rất cuộc đã tách nhóm và động viên anh ta về nhà. Họ vẫn giữ liên lạc với nhau và Jonathan đã cho rằng mình sẽ có ích hơn cho những người đó nếu đóng vai trò cầu nối ở châu Âu. Anh ta để tôi tự hiểu rằng biết đâu một ngày kia anh ta có thể làm được điều gì đó cho họ. Tôi đã bảo Jonathan là nếu chuyện đó xảy ra thì tôi rất muốn anh ta gọi tôi.

- Chính xác thì chuyện này diễn ra vào thời điểm nào?

- Cách đây hai năm.

- Hai người vẫn chung sống trong suốt hai năm nay à?

- Không, tôi đã thi đỗ và dọn đến Chaulmes làm giáo viên cho

một trường trung học ở Montbéliard. Jonathan ở lại Lyon. Chúng tôi bắt đầu gặp nhau ít đi.

- Anh ta chung thủy với cô chứ?

Khi nghe thấy câu hỏi này, mặt người Mỹ giận dữ liếc gã Nam Phi một cái.

- Tôi chẳng quan tâm. Tôi không còn yêu anh ta nữa.

- Tại sao? - gã Nam Phi hỏi dồn.

- Tôi đã phát hiện ra một vài sự dối trá, chúng khiến tôi thấy ghê tởm.

- Về chuyện gì?

- Cuộc sống của anh ta, bố mẹ anh ta.

- Cô có biết họ không?

- Không, anh ta không hề nhắc đến họ. Thoạt đầu tôi cứ tưởng anh ta là một người độc lập như tôi, và sự phản kháng đầu tiên của anh ta là bỏ nhà ra đi. Nhưng trên thực tế, tôi dần dần nhận ra điều ngược lại. Phòng trọ của anh ta được bố mẹ trả tiền thuê, và anh ta vẫn đều đặn về nhà để mượn tiền của họ.

- Cô có yêu cầu anh ta giải thích không?

- Không. Tôi chỉ tránh xa anh ta, thế thôi. Và vì sau đó ít lâu, tôi tìm được chỗ làm ở vùng Jura, nên chúng tôi đã chia tay nhau trong êm thấm.

- Cô có biết bố mẹ anh ta làm nghề gì không?

- Sau này tôi mới biết.

- Khi nào?

- Khi anh ta nhờ tôi giúp vụ Wrocław.

- Và tại sao cô tìm hiểu về bố mẹ anh ta vào thời điểm đó?

- Tôi có tìm hiểu gì đâu. Tình cờ tôi biết được, khi tôi tìm anh ta.

Jonathan đã cho tôi một số điện thoại di động, nhưng tôi không gọi được. Tôi đã cố tìm đến chỗ anh ta ở để gặp mặt, nhưng địa chỉ anh ta để lại hóa ra là nhà bố mẹ. Tôi biết được tên của bố mẹ anh ta, đúng hơn là bố dượng. Sau khi tra cứu một chút trên mạng tôi đã biết ông ta là ai.

MÙI ADAM

- Nghĩa là sao?

- Một ông trùm trong ngành sản xuất vũ khí. Một kẻ gây ô nhiễm hàng đầu, và thêm vào đó còn là một lái buôn thần chết. Kiểu người mà tất cả mọi phong trào bảo vệ môi trường đều đưa lên đầu danh sách đen.

- Vậy nhưng điều đó vẫn không ngăn cản cô thực hiện việc Jonathan đã giao.

- Không, - Juliette găm nghĩ nói. - Cũng lạ, phải không?

Cô vẫn thường nhớ lại lần đầu tiên gặp Jonathan, trong chiến dịch thất bại chống lại nhà máy điện nguyên tử. Anh ta không có mặt ở quán cà phê do đi lạc - giờ thì cô đã chắc chắn về điều đó. Anh ta đã cố tình bỏ đồng đội để tránh bị đụng độ với cảnh sát. Đúng là đồ hèn, chẳng dám làm cái gì cả.

Tuy nhiên, chính vào thời điểm này của cuộc thẩm vấn, có vẻ như cần phải đưa ra một chút điểm tích cực về Jonathan. Thực ra cô cũng không biết vì sao, nhưng cô có linh cảm rằng trong vụ này vận mệnh của cô và Jonathan gắn liền với nhau. Khẳng định sự trung thành của Jonathan cũng sẽ giúp bảo đảm sự trung thành của cô.

- Dĩ nhiên là, - cô nói, - anh ta chưa bao giờ thực sự làm cách mạng, nhưng anh ta chân thành theo cách của mình. Tôi tin rằng anh ta trung thành với nhóm hoạt động mà anh ta đã gia nhập bên Mỹ.

Hai kẻ thẩm vấn hau háu ghi nhận những lời vừa rồi của Juliette và tuyên bố dừng xét hỏi cho đêm hôm ấy.

Juliette không thích những buổi thẩm vấn này, nhưng ít ra thì chúng cũng ăn khớp với tâm thế của cô: chúng bắt cô phải suy nghĩ nhanh, lường trước các cú ra đòn, luôn giữ tinh thần cảnh giác cao độ. Dòng chảy cuồng loạn của các ý tưởng trong đầu cô đã được phân luồng nhờ các câu hỏi và những phản ứng của hai kẻ thẩm vấn.

Ban ngày cô lại chịu đựng kém hơn. Các ý nghĩ của cô không có gì để kìm hãm lại. Một cơn thác những kỷ niệm, hình ảnh, khao khát nhấn chìm cô. Suốt cả ngày cô chỉ đứng, loay quanh trong phòng và cái sân bên cạnh, làm bất cứ chuyện gì để cho đôi tay được hoạt

động. Cô tháo tung một mảnh vải bố nằm lẫn lóc trong sân. Sự kích động này ngăn không cho cô ngủ, nhưng cô cũng chẳng thấy thiếu ngủ. Cô như một con bò trong đấu trường, ý thức rõ ràng về trận đấu của nó. Trong sự yên lặng âm u của bãi quây, nó đã bắt đầu mơ tới ánh vàng của các khán đài và tràng pháo tay của đám đông đến để xem nó đổ máu. Sự nồn nóng này tăng dần theo những buổi thẩm vấn, và cô cảm thấy việc tra hỏi mình sắp kết thúc. Đêm hôm sau, linh cảm của cô tỏ ra có cơ sở.

- Jonathan đã nói *chính xác* như thế nào về vụ Wroclaw? - Ả người Mỹ tấn công.

"Đến lúc rồi đây", Juliette nghĩ thầm, ngồi thẳng người trên ghế, tinh thần thật tỉnh táo, các giác quan căng lên.

- Jonathan bảo tôi là nhóm hoạt động mà anh ấy đã kể với tôi đã tiếp cận anh ta và chuẩn bị một chiến dịch tại châu Âu.

- Kiểu nào?

Có vẻ như ả người Mỹ đã chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện một mình buổi thẩm vấn đêm nay.

- Anh ta bảo đó là một vụ giải phóng các động vật thí nghiệm.

- Cô tin rằng tổ chức mà Jonathan tham gia ở Mỹ quan tâm đến sự giải phóng động vật sao?

- Tôi biết họ ưu tiên cho các hoạt động trực tiếp bảo vệ thiên nhiên.

- Anh ta đã lý giải việc chọn mục tiêu như thế nào?

- Anh ta không hề giải thích. Sự thật là vì tôi cũng chẳng hỏi. Tôi vui mừng trước ý tưởng lại được đóng một vai trò tích cực.

- Không có gì tỏ ra kỳ lạ đối với cô, khi anh ta mô tả công việc sao?

- Không. Những gì có thể khiến tôi bất ngờ, anh ta đều giải thích hết.

- Ví dụ?

- Việc để lại hai dấu vết, làm như thể có hai người đã tham gia vào vụ đột nhập. Nó dùng để làm rối việc chặn xét tại biên giới và đánh lừa các điều tra viên.

MÙI ADAM

- Việc phá hủy phòng thí nghiệm thì sao?

- Jonathan bảo chỉ cần thả tự do cho động vật thí nghiệm. Nhưng với tình trạng của chúng, những con thú tội nghiệp ấy sẽ chẳng đi được đâu xa. Phải trừng trị những kẻ đã làm điều ác. Tôi rất thích ý tưởng đó.

Một sự im lặng kéo dài tiếp nối sau tuyên bố trên. Gã Nam Phi, từ này giờ hơi lui về sau, tiến lên đứng cạnh đồng bọn, đối diện với Juliette. Gã có hai khoảng đâm mờ hời ở hai bên nách và người hơi run rẩy.

- Jonathan có nói vì sao cô phải mang về một cái lọ đầy nút đỏ không?

- Không.

"Nếu chúng đánh mình, thì đây là lúc rồi". Juliette thẳng người lại trên ghế.

- Cô không tìm hiểu xem nó là cái gì sao?

- Không.

Gã người Nam Phi đã tiềm quyền xét hỏi. Juliette cảm thấy sự chen ngang của gã làm á đồng bọn ngớ ngẩn và tức tối.

- Thế hôm nay cô có biết nó là gì chưa?

À người Mỹ hoàn toàn có lý do để lo sợ. Sự hấp tấp của gã đàn ông tiết lộ rằng gã đang mất kiên nhẫn và không thoải mái khi tiến đến giai đoạn chủ chốt của cuộc thẩm vấn. Juliette thả lỏng người, lui lại một chút và tựa vào lưng ghế.

- Jonathan có úp mở rằng vụ đột nhập là một phần trong chiến dịch lớn hơn. Nó chỉ là một phần của công trình.

Trong bầu không khí nóng nực của buổi đêm, vắng vắng tiếng ếch nhái, tiếng lá cây xào xạc và hình như, từ rất xa, một tiếng trống.

- Mỗi liên hệ giữa phi vụ Wrocław và phần tiếp theo chỉ có thể là cái lọ đó, - Juliette nói. - Không khó để nhận ra điều này.

- Cô chia sẻ suy luận này với ai?

- Không ai cả.

- Cô nhờ ai cất cái lọ?

- Không ai cả.

- Ai đã bày cho cô ý tưởng dùng nó để tổng tiền?
- Tôi không tổng tiền.
- Vậy tại sao cô không giao nó cho những người bảo cô làm thế?
- Cô muốn phá hoại kế hoạch sao? - gã Nam Phi hần học nói thêm, chồm người tới trước.
- Tôi chỉ muốn tiếp tục.

Juliette nhìn hai kẻ thẩm vấn trước mặt không chớp mắt. Kể từ vụ Wroclaw, cô đã quyết rồi. Cô sẽ lật qua những trang đời sầu thảm. Cô đã tìm lại được sự sáng khoái mà cô lần đầu tiên biết đến trong cuộc biểu tình của Greenworld, và hoài công tái tạo lại nó trong suốt những năm tháng cô độc vừa qua. Mặc cho điều này có làm bọn họ hài lòng hay không, cô sẽ vẫn tiếp tục. Lần này không ai có thể loại bỏ cô được nữa.

- Cái vật đó, dù cho nó là gì và tôi, cũng như nhau thôi. - Cô cứng rắn nói. - Nhiệm vụ mà tôi thực hiện cho các người ở Wroclaw, tôi đã làm tốt. Tôi sẽ tiếp tục. Không ai biết chuyện này cả. Không ai hỏi tôi về nó. Tôi đã quyết định một mình. Nhưng tôi sẽ theo tới cùng.

Sau những đêm thẩm vấn vừa rồi, một sự thù nghịch đã được tạo ra giữa Juliette và hai kẻ bắt giam cô. Cô đã tìm cách hiểu được bọn chúng. Thứ đầu óc cùn lụt như chúng thì không thể học được cách đọc các suy nghĩ của cô và phân biệt được điểm đúng sai trong lời khai của cô.

Im lặng dường như kéo dài vô tận. Khi ả người Mỹ lên tiếng, giọng điệu của ả đã dịu xuống.

- Nó đang ở đâu vậy?
- Cái gì?
- Cái lọ ấy?

Juliette thừa biết chúng đang giữ hành lý của cô và chắc chắn là đã lục soát rất kỹ. Cô cũng biết chắc là ngôi nhà của cô ở Chaulmes đã bị thăm viếng ngay sau khi cô ra đi, giống như căn phòng ở Geneva và căn hộ của dì cô.

MÙI ADAM

- Nó đang ở một nơi an toàn. - Juliette đáp.

- Ở đâu?

- Ở Mỹ.

Theo những lời kể của Jonathan, thì rõ ràng là trung tâm của toàn bộ kế hoạch nằm ở bên Mỹ. Theo đúng logic, Juliette đã dự tính trước các diễn biến tiếp theo và chuyển cái lọ sang đó. Cô đã bị bất ngờ khi biết điểm đến của mình là Nam Phi.

- Chính xác là ở đâu trên đất Mỹ? Cô đã chuyển nó cho ai?

Rõ ràng là lời thú nhận của Juliette đã gây ra một sự kích động nơi hai kẻ thẩm vấn. Trong đầu chúng đang dựng lên những giả thiết khiến chúng vô cùng kinh hoàng. Trong cái thế giới đầy đa nghi của các tổ chức cực đoan, mọi sự phản bội đều đáng sợ. Jonathan đã nói với cô đủ nhiều về điều đó. Juliette dám cá rằng những nỗi sợ kia sẽ tạo thuận lợi cho cô, nếu như cô biết cách gieo rắc một mối nghi ngờ có căn cứ về các mối liên lạc và về ý định của cô. Nhưng đó là một vụ cá cược nhiều rủi ro.

- Tôi thấy không cần thiết phải nói với hai vị về chuyện này. Những người đang giữ cái lọ sẽ chỉ đưa lại nó khi có sự hiện diện của tôi.

Từ đầu buổi tối, Juliette đã nhìn vào đôi tay của gã đàn ông, hai bàn tay vuông vắn, mu bàn tay phủ đầy lông đen. Cô tự hỏi hắn sẽ sử dụng chúng để làm gì cô: tát, đánh, hay siết cổ? Càng lúc càng mất kiên nhẫn, hai bàn tay kia chỉ chực chờ thời gian dành cho lời lẽ kết thúc.

Sự im lặng theo sau câu nói của Juliette là điều hiển nhiên. Cô đã nói rất rõ về các chọn lựa. Hoặc là chấp nhận cô như một thành viên của nhóm và sử dụng cô vì năng lực và sự trung thành của cô. Hoặc cùng với cô bước vào một cuộc đấu sức bấp bênh. Cả hai lựa chọn đều tiềm ẩn các nguy cơ. Cả hai cái đều có cô. Không thể loại bỏ cô được, nếu không muốn mất tất cả.

Đột nhiên, Juliette hiểu ra, cùng với một cử chỉ của cô ả người Mỹ, rằng việc sử dụng vũ lực đã bị gạt đi trong lúc này. Không nghi ngờ gì nữa, chúng sẽ phải bàn tính với những kẻ đồng bọn chưa ra mặt.

Không nói một lời, hai kẻ thẩm vấn đưa cô trở về phòng. Gã người

Nam Phi căng thẳng đập cửa. Đôi bàn tay cứng rần của gã đành hài lòng với việc sừng sộ kéo cái then cửa. Lần đầu tiên kể từ khi tới đây, Juliette bị khóa lại trong không gian chật hẹp của phòng giam.

Sự thả lỏng sau pha gay cấn làm cô chìm vào giấc ngủ. Cô thức dậy vào giữa buổi chiều ngày hôm sau, trên má vẫn vằn vện các nếp nhăn của lớp áo gối, mép dính một vệt nước bọt đã khô. Thực ra chính tiếng kéo then cửa đã đánh thức cô dậy. Cô chẳng kịp có thời gian tự hỏi điều gì sắp xảy ra. Cánh cửa mở ra và trước mắt cô là hai gã da đen mặc áo phông ngắn tay màu xanh. Một trong hai người đang xách chiếc va li của Juliette. Họ ra hiệu cho cô đi theo. Trước khi ra ngoài, họ lấy băng vải bịt mắt cô lại.

Quãng đường ngồi trên xe hơi khá ngắn ngủi. Juliette sung sướng hít thở bầu không khí khô nóng tràn qua cửa sổ xe. Sau đó cô ngửi thấy mùi dầu hỏa, nhận ra qua xúc giác bộ ghế bọc da của chiếc máy bay hai động cơ đã đưa cô đến đây. Ai đó tháo băng bịt mắt cho cô. Hai giờ sau, cô đã ở Johannesburg, tại sân bay quốc tế, trong tay là tấm vé đi Miami.

Trong khi sải bước trên những hành lang lát đá hóa cương màu đen của nhà ga hàng không, cô ngạc nhiên nhận ra mình đang hát. Cô đã thắng hiệp đầu.

VI

Quần đảo Cap-Vert.

Trong chuyến bay đến Ilha do Sal, Paul tự hỏi liệu Lawrence nói có đúng không. Họ đã khởi xướng một cuộc điều tra toàn cầu từ những manh mối tí teo. Câu chuyện về vi khuẩn tả thoát đầu chỉ là một giả thiết đơn giản. Thế mà bây giờ nó đã hút tất cả mọi người

MÙI ADAM

vào. Sự say mê mà một người thiết tưởng đầy lý trí như giáo sư Champel dành cho nó hóa ra có tính lây lan dễ sợ. Có điều gì đó thực sự hấp dẫn trong căn bệnh này. Paul đã mang theo một đồng tài liệu quan trọng về chủ đề bệnh tả và đọc ngẫu nhiên trong chuyến bay.

Thế nhưng nó lại là một căn bệnh rất đơn giản và không có gì đáng chú ý. Các triệu chứng của nó thật không còn có thể căn bản hơn và không hấp dẫn cho lắm. Trong vài phút, vi khuẩn tả có thể biến bất kỳ cá nhân nào thành một cái bình nước thùng cứ tuôn nước ra từ cả hai đầu. Quả thực đây không phải là điều khiến nó trở nên hấp dẫn. Vậy thì vì cái gì? Thâm niên tồn tại trên bề mặt trái đất chẳng? Sự tảo tợn của nó, điều đã khiến nó trở thành ví dụ đầu tiên của toàn cầu hóa? Hay là mối thâm tình xấu xa của nó đối với những con người mà nó luôn hộ tống trong nỗi thống khổ của họ, bạn đồng hành của chiến tranh và nghèo đói, của các thiên tai và hình ảnh thê thảm thường nhật của sự bần hàn.

Bệnh tả là mặt trái của lịch sử nhân loại. Con người càng sinh sôi trên địa cầu, càng tranh giành chỗ đứng trên thế giới và chế ngự thiên nhiên bao nhiêu, thì bệnh tả lại càng nhắc ta nhớ về các giới hạn của sức mạnh và lòng can đảm ở chúng ta bấy nhiêu. Đối với những ai tin tưởng đã thanh toán xong nó cùng với sự tiến bộ, bệnh tả lại liên tiếp ghi điểm. Nó hoành hành trên những người bị bỏ mặc trong sự cùng khổ, những người bị bỏ lại sau các trận chiến, trên tất cả những nạn nhân của tính háo thắng tảo tợn của chúng ta. Bệnh tả, đó là sự nhận thức về thất bại của chúng ta, minh chứng cho sự yếu đuối của chúng ta, là biểu tượng của nơi mà chúng ta vẫn mãi thuộc về, dù cho tinh thần của chúng ta tưởng đã bay lên tận cùng bầu trời tư tưởng, tiến bộ và bất tử.

Ai đó sao có thể rắp tâm đánh cắp một công cụ ghê gớm như vậy? Sự kết hợp giữa lương tâm con người và phần tâm tối trong chúng ta sẽ cho ra cái gì đây? Cái ý tưởng cho rằng người ta đã có thể sử dụng bệnh tả làm vũ khí sinh học, dù cho với giá trị nào, quả thật rất đáng chú ý về mặt triết học. Và Paul đã cắm đầu đuổi theo con

quái vật đó, với rất ít cơ may rút ra được thứ gì khác ngoài cái giá trị hèn mọn của những tư tưởng rỗng tuếch ấy.

Paul đau đầu với sự thật hiển nhiên này trong khi chiếc máy bay của hãng TAP¹ lượn một vòng rộng trên biển để bay vào trục của đường băng. Và anh càng cảm thấy bị đè nặng bởi sự hoang mang của sự hiểu nhầm ấy trong khi xuống cầu thang máy bay, giữa bầu không khí nóng ẩm ngột ngạt của buổi chiều ngập nắng. Anh làm gì trên mấy cái hòn đảo heo hút này? Chích xác thì anh đến đây để tìm gì? Dấu vết của một tội ác gây ra bằng vi khuẩn tả ư? Gần như chẳng có nạn nhân nào kia mà. Hay anh phải tìm dấu hiệu của mối liên kết giữa căn bệnh và ý muốn của con người? Nhưng làm thế nào tái lập được nó sau hơn một năm?

Anh chỉ muốn bỏ cuộc và trèo lại lên máy bay. Nhưng Sal không phải là một hòn đảo mà người ta có thể thoát ra dễ dàng như thế. Các chuyến bay đều kín chỗ vào thời điểm này của mùa xuân. Thời hạn của các kỳ nghỉ cũng được xác định một cách cứng nhắc như thời hạn tù vậy. Paul đi bộ đến cổng an ninh giữa một đám đông hành khách sung sướng nhận bản ấn tám ngày phép, hoặc mười lăm ngày đối với một số kẻ cứng đầu.

Anh đã phạm đủ sai lầm trong các hành động tại Ba Lan và London, nên lần này anh chuẩn bị rất cẩn thận. Với quần soóc của dân lướt ván, mũ lưới trai gắn mác Nike, vợt tennis trong túi đeo, chân đi xăng đan, anh đã khoác lên mình vỏ bọc hoàn hảo của một du khách. Anh không tạo ra bất cứ vỏ bọc nào khác, nhưng có vẻ như cái này cũng là đủ rồi.

Giáo sư Champel đã gửi cho anh một bản sao báo cáo của các nhà khoa học Bồ Đào Nha. Tài liệu này phân tích các đặc điểm của trận dịch tả vừa qua. Trong phần mở đầu, nó nhấn mạnh nguy cơ mà tất cả những ai khi điều tra về một chủ đề như thế đều có thể gặp phải. Chính quyền Cap-Vert biết rõ sự phụ thuộc của nền kinh tế vào du

¹ TAP: Transportes Aéreos Portugueses, hãng hàng không quốc gia Bồ Đào Nha.

MÙI ADAM

lịch. Bệnh tả không phải là một quảng cáo hay ho, nên chính quyền của đảo quốc đã cương quyết không để cho ai tiết lộ chủ đề nhạy cảm này ra công chúng. Các nhà dịch tễ học người Bồ Đào Nha đã nếm mùi chuyện đó. Chỉ sau một tuần lễ điều tra, cảnh sát đã đến bắt họ, thông báo lệnh quản thúc sau một cuộc thẩm vấn không mấy dễ chịu rồi cuối cùng trục xuất luôn. Đó là nguyên nhân của những kết luận rời rạc trong báo cáo. Họ chỉ có đủ thời gian để phát hiện ra những manh mối đáng nghi ngờ về trận dịch mà thôi.

Vụ dịch tả, theo như giáo sư Champel đã giải thích, phân tán thành ba ổ khác nhau nằm trên hai hòn đảo. Sự bùng phát vào cùng một thời điểm mà không có các mối liên hệ giữa những ổ dịch làm cho giả thiết về một sự lây lan tự nhiên không thể đứng vững. Phẩy khuẩn gây ra dịch thuộc chủng O1 tằm thường, không cung cấp chút manh mối nào về nguồn gốc của chúng. Một trong số các nhà khoa học Bồ Đào Nha đã kịp tiến hành điều tra trên những hành khách đi vào Cap-Vert trước khi dịch bệnh xuất hiện. Không có người nào, kể cả các hành khách quá cảnh, đến từ vùng có dịch trong thời gian gần đây.

Đó là chút dữ liệu mà Paul có được trước khi tự mình tiến hành điều tra.

Anh đi tàu đến São Tiago rồi đem hành lý vào trong quán trọ Praha, ở đó có một phòng nghỉ đã được đặt sẵn cho anh. Từ cửa sổ phòng, anh có thể nhìn thấy một mảnh đại dương nằm lọt giữa hai dãy nhà màu trắng. Anh đi dạo một lúc trong thành phố và mua kính râm vì quên không mang theo.

Bồ Đào Nha đã phát tán khắp nơi trên thế giới nền văn minh gốm sứ của mình. Ở Cap-Vert, đập vào mắt người ta là sự tương phản. Với những khung sắt uốn, những mảnh gốm màu trắng và lam trên các mặt tiền nhà, họa tiết uốn lượn trắng đen trên những mặt đường lát sỏi, người Bồ Đào Nha đã cố gắng hết sức để che đi thi thể của những ngọn núi lửa đã tắt. Bằng tình yêu, họ đã vẽ những đường viền tinh tế trên mặt đất nhão nhoét tạo thành từ

dung nham. Nhưng những nét chạm khắc tinh xảo ấy không thể xóa đi tính bi thảm của bối cảnh, nhất là khi ta đưa nó ngược về quá khứ. Trong nhiều thế kỷ, Cap-Vert là một trạm dừng khủng khiếp trên con đường nô lệ xuyên đại dương. Đối với Paul, nó gợi lại số phận những vị tổ tiên da đen của anh, những người được cứu mạng ở Louisiana bởi các anh hùng vô danh trong đường dây trả tự do mà người ta đã gọi là “đường sắt ngầm”. Ở anh chỉ còn lại rất ít đường nét đã hòa loãng sau nhiều sự lai hóa của nguồn gốc xa xưa đó, có chăng là ở mái tóc dày và làn da hơi rám nắng. Nhưng anh vẫn cảm thấy nguyên vẹn một nỗi xúc động như thể quần đảo này đã là một kỷ niệm riêng của gia đình anh.

Nhờ báo cáo dịch tễ học, anh có trong tay những mô tả khá chính xác vị trí của các ca bệnh tả đã ghi nhận được. Ở bệnh đầu tiên ở ngay trên đảo São Tiago này, tại một khu nhà nghỉ nằm bên bờ biển, về phía Tây Bắc của Praia. Anh quyết định sáng hôm sau sẽ đến xem xét chỗ đó.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Paul bắt taxi đến rìa khu vực liên quan. Sau đó anh đã định sẽ đi dạo như một khách bộ hành. Đáng tiếc là địa điểm này hóa ra khác hẳn so với điều anh tưởng tượng. Bờ biển dốc đứng, con đường băng qua ở phía trên cao, gần đỉnh đồi. Nó vừa hẹp lại vừa không có vỉa hè và lề đường. Các ngôi nhà nằm san sát nhau ở vùng duyên hải. Chúng được bao bọc bởi những bức tường đá, cứ mỗi trăm mét lại có những cánh cổng sắt bít bùng không thể nhìn xuyên qua. Nếu lên vào trong một ngôi nhà nào đó không phải là việc không thể, nhưng nó đòi hỏi phải chuẩn bị rất kỹ. Paul không có thời gian cho chuyện đó. Hơn nữa, ít có khả năng tìm hiểu được dù là bất cứ chuyện gì ở bên trong những nơi lưu trú sang trọng kia. Tại một khúc quanh của con đường, Paul có thể trông thấy bờ biển, phía những ngôi biệt thự. Nó được bao phủ đến tận bờ nước bởi hàng cây cối được chăm chút cẩn thận. Các mái nhà nằm rải rác, gần như lẫn vào trong tấm thảm xanh. Những bậc thang bằng đá hoặc gỗ uốn lượn dẫn xuống các vũng biển tư nhân nhỏ, nơi neo đậu của những

MÙI ADAM

con thuyền thể thao. Chỗ ẩn cư sang trọng của các tay trọc phú này không ăn khớp chút nào với điều mà người ta vẫn hình dung khi nghĩ tới một trận dịch tả.

Trong bản báo cáo của nhóm dịch tễ học, Paul để ý thấy rằng đối tượng bị nhiễm bệnh trong ổ dịch đầu tiên này không phải là các "ông chủ", ngoại trừ một thiếu gia có thói quen vệ sinh kém. Tất cả các ca bệnh sau đó đều được chữa khỏi dễ dàng. Họ chỉ toàn là gia nhân, người làm vườn, những người làm thuê lật vật. Trong đa số trường hợp, họ không cư ngụ ở các ngôi nhà chính mà ở trong các dãy nhà phụ.

Vấn đề căn bản là cần tìm hiểu xem tại sao sự lây nhiễm lại diễn ra trong một khu dân cư thưa và biệt lập như thế này. Các bức tường rào bao quanh mỗi khu biệt thự khiến cho việc truyền nhiễm từ khu này sang khu kia khó có khả năng xảy ra. Đối với những người chỉ nắm được kiến thức căn bản về bệnh tả như Paul, giả thiết đầu tiên được đặt ra rõ ràng phải có liên quan với nước.

- Trong mấy ngôi nhà này, họ uống nước gì? - Anh hỏi người lái taxi.

Đó là một anh chàng da đen vui tính đầu cạo trọc lóc, suốt từ nãy đến giờ chỉ chờ dịp tán dóc với ông hành khách ít nói. Tuy nhiên, ngay từ lúc lên xe, Paul đã kiểm tra để chắc chắn anh ta nói được tiếng Anh.

- Họ uống gì á? Mấy gã nhà giàu đó hả? Thì, whisky, porto, vang, chứ còn gì nữa? Họ mà rời được mấy thứ đó thì phí lý quá.

- Ý tôi là họ uống nước gì kia. Ở đây có nguồn nước ngọt nào không?

- Không!

Anh chàng tài xế ngồi thẳng người lại, tay buông thõng cạnh cửa xe. Anh ta đang rất thoải mái trong việc trả lời những câu hỏi ngô nghê của một ông khách du lịch về hòn đảo của mình.

- Hồi tôi còn nhỏ, ông tin hay không thì tùy, ở đây chẳng có cái quái gì cả. Anh em tôi toàn đi bắt mấy con cua đỏ men theo vách đá. Nếu quên không mang theo bình nước thì cả hai đứa có mà chết khát. Thế đấy.

- Nhưng đám cây kia...

- Chúng bằng hoặc nhỏ tuổi hơn tôi mà thôi. Chúng mọc lên từ lúc người ta khoan giếng ở trên kia.

Anh ta chỉ về phía bên trái con đường, nơi không có bất kì bức tường nào che chắn tầm nhìn. Mặt đất tại đó có màu đen, khô khốc, chẳng có gì ngoại trừ vài bụi rậm. Người ta có thể trông thấy, ở cách đỉnh đồi không xa, hình dáng tròn tròn của một tháp nước.

- Ở đằng đó chắc là tầm nhìn đẹp lắm nhỉ. Anh có thể nghỉ ngơi chút ít trong khi tôi thư giãn đôi chân không?

Anh chàng tài xế liếc nhìn vào kính chiếu hậu. Không có chiếc xe nào ở đằng sau cũng như đằng trước.

- Ông đi đi. Tôi làm một điều trong lúc đợi vậy.

Anh ta rút một bao thuốc lá sợi, tập giấy quăn mỏng và bắt đầu rê thuốc.

Paul trôi qua những tảng đá và đám cây bụi lên đỉnh đồi. Đây chỉ là hoành sơn của một khu vực địa hình nhấp nhô kéo dài đến tận chân của ngọn Sáo Antonio hiện lên phía đằng xa. Từ đây, những ngôi nhà ở mé bờ biển trông càng rõ vẻ xanh tươi. Dù đội ngũ thiết kế vườn đã rất khéo léo, người ta vẫn có thể nhận ra một sự đều đặn nhất định trong việc trồng các loài thực vật, tiết lộ sự can thiệp của con người.

Có thể nhận ra bệnh tả không có cách gì thâm nhập khu vực sang trọng như thế kia, trừ phi được cố ý đưa vào. Có hai giả thiết nổi trội giải thích sự lây nhiễm này, và cả hai đều có thể xác định được từ điểm mà Paul đang đứng.

Giả thiết thứ nhất là sự lây nhiễm thông qua ngôi làng của các gia nhân. Quả thật, phía bên kia đỉnh đồi, khuất sau những con đường và thị trấn, là một khu ổ chuột nho nhỏ. Chắc chắn đó phải là khu nhà của đám người hầu. Những gia đình đông nhân khẩu của kẻ ăn người làm trong các biệt thự chắc chắn phải cư ngụ trong cái xóm liều kia. Có lẽ sự lây nhiễm đã xuất hiện ở đó. Nhìn từ xa - Paul không có

MÙI ADAM

thời gian để trôi xuống tận nơi - dãy lán được xây vách đất, lợp mái tôn trông rất nghèo khổ. Nhưng dù sao thì giả thiết đầu tiên này đã bị bác bỏ bởi một chi tiết trong báo cáo. Những nhà dịch tễ học đã lưu ý rằng tất cả những ca bệnh được ghi nhận đều là những người làm thuê trong khu biệt thự và gần như không có ca nào trong khu ổ chuột. Từ đó rút ra kết luận rằng sự tiếp xúc với phẩy khuẩn đã xảy ra bên trong các khu nhà sang trọng chứ không phải trong khu ổ chuột.

Vậy là còn giả thiết thứ hai: tháp nước. Đó là một cấu trúc hình trụ xây trên mặt đất, bên trên có một mái che hình vòm bằng bê tông. Vờ như chụp cảnh biển, Paul bấm vài tấm hình tháp nước. Rồi anh quay trở xuống.

Tài xế taxi xác nhận với Paul là nước được bơm lên và trữ trong tháp chỉ được dành riêng cho khu biệt thự. Những người dân xóm liều phải đi lấy nước ở cách đây khoảng một cây số.

Anh bảo lái xe đưa về khách sạn, không quên ghé vào những điểm tham quan khác trên đảo, nơi anh cố tình đóng vai khách du lịch.

Sáng sớm ngày hôm sau, anh đón chuyến tàu đi đảo Agosto. Đó là một hòn đảo nhỏ nằm ở tây nam của quần đảo, cũng là điểm gần Senegal nhất. Hai ổ dịch còn lại nằm ở đó. Những doi đất vươn ra biển khắc họa đường nét của một miệng núi lửa già đột ngột đâm bổ xuống lòng đại dương.

Khi đặt chân lên bến tàu bé tẹo, Paul nhận ra rằng nhiệm vụ sẽ khó khăn hơn. Không thể nào đi lại ở chỗ này mà không bị ai để ý. Cái gì cũng nhỏ: cầu tàu, bờ kè, ngôi làng bao quanh. Không khí chán chường đậm đặc giữ chân một nhóm đàn ông vô công rồi nghề trên cảng, trong một quán cà phê ngoài trời. Khách du lịch quả là hiếm hoi và trở thành mục tiêu của một cuộc săn đuổi thật sự. Ba anh phu khuân vác cổ giằng lấy cái vali của Paul, làm anh phải ra sức chống cự. Những người chạy xe ôm ồn ào lôi kéo anh đến xe của họ. Nhiều thằng bé, trên người khoác những thứ đã từng là áo vét, tự chào mời mình như hướng dẫn viên du lịch và liến thoắng tư vấn khách sạn cho Paul.

May mắn là Paul cũng đã đặt phòng trước từ Providence. Chỉ cần ngược mắt lên là anh đã trông thấy phía trước mặt, trên đầu hồi của một trong những ngôi nhà cạnh cảng, tấm biển ghi hàng chữ: “Khách sạn Tubarão”. Một phòng trọ đang đợi anh ở đó. Paul vội vã chui vào trong ngôi nhà, bỏ lại những kẻ đeo bám ở ngoài cửa.

Tự quảng cáo bằng tấm biển đề “Sự lựa chọn đầu tiên trên đảo”, khách sạn Tubarão đã lợi dụng sự mập mờ của câu chữ. Rất có thể nó quả tình đã được xây dựng trước tất cả những khách sạn khác, bởi vì những bức tường dày và sân trong được bao quanh bởi các vòm cuốn cùng sàn nhà lát đá của nó rõ ràng có tuổi thọ nhiều thế kỷ. Tuy vậy người ta vẫn thấy khó mà tin được rằng nó là chọn lựa đầu tiên cho sự tiện nghi, nếu căn cứ trên tấm vải phủ giường bị nhậ cần lỗ chỗ, công tắc nhựa treo lủng lẳng bên trên bàn đầu giường và lớp men rạn nứt của chậu rửa mặt. Nhưng nói cho cùng thì rất có khả năng những khách sạn khác còn tồi tệ hơn. Agosto là một hòn đảo khá tách biệt so với phần còn lại của quần đảo và ít được khách du lịch lai vãng.

Paul hiểu ra ngay khó khăn chính nằm ở sự ân cần đầy vụ lợi vây quanh anh. Nếu anh cố duy trì vai trò của một ông khách du lịch thông thường thì anh có nguy cơ sẽ không tài nào rời khỏi khuôn sáo được. Chỉ cần một câu hỏi lạ lùng từ phía anh cũng đủ làm dấy lên mối nghi ngờ. Bệnh tả chắc chắn đã là một sự kiện lớn từ lâu chưa có ở trên đảo. Dù cho không ai nói ra, mỗi người chắc đều nghĩ tới nó và sẵn sàng góp chuyện với những thái độ và các câu hỏi quá tọc mạch của người ngoài. Paul quyết định sẽ ra tay trước và kể cho ngài João, ông chủ khách sạn, một câu chuyện giải thích cho việc anh đặt chân lên đảo và có thể biện bạch cho việc đi lại tự do của anh.

Nếu lợi dụng những khuôn mẫu sẵn có thì quá dễ để bịa ra một câu chuyện. Một anh chàng người Nga có thể khiến người ta tưởng mình là một hoàng tử thất thế hoặc một gã mafia hơn là một chủ doanh nghiệp trung thực. Một người Pháp sẽ không gặp khó khăn

MÙI ADAM

gì trong việc giải thích những hành động ngông cuồng nhất nhờ viện lẽ một vụ ngoại tình. Còn đối với những người Mỹ, họ cần phải sáng tạo ra những câu chuyện có lồng ghép những thách thức công nghệ, một lý tưởng lớn có phần khờ khạo, và thật nhiều tiền.

- Tôi là người của một phòng nghiên cứu làm việc cho NASA, - Paul nói bằng thứ tiếng Anh thông dụng, để bảo đảm bất cứ ông chủ khách sạn nào trên thế giới cũng hiểu được. - Hòn đảo của các vị nằm ngay trên trục thẳng đứng của khu vực đã được lựa chọn để đưa tàu con thoi trở vào trong bầu khí quyển. Tôi nói với ông như thế, nhưng hiện tại thì chuyện này vẫn còn đang... trong vòng bí mật.

Đôi mắt của ông chủ khách sạn ánh lên tia sáng mà các đồng đô la thường tạo ra đối với những lớp vông mạc hám của. Hàng đồng đô la. Quý ngài João nhảy phắt ra đóng cửa văn phòng của mình lại, rồi tựa người vào đó.

- Thế rồi sao nữa?

- Thì, NASA dự tính xây dựng một trạm quan sát. Tôi phụ trách việc xác định những địa điểm xây dựng tốt nhất cho nó.

- Ở Cap-Vert á?

- Không, chính xác là ở Agosto.

Ông João là một người lai, có làn da trắng. Ông ta đã sống mười năm ở Bồ Đào Nha và ba năm ở Anh trước khi đầu tư tiền của vào cái khách sạn này. Ông ta thích đổ mồ hôi ở miền nhiệt đới theo kiểu của người châu Âu và tìm cách tự tách mình ra khỏi những kẻ mà ông ta không ngần ngại gọi một cách khinh miệt là "bọn nhọ". Cái tin tức mà Paul vừa đưa ra là tia hy vọng của cả cuộc đời. Ông ta mừng rỡ tưởng ra khách sạn của mình đặc kín đám người Mỹ tiêu tiền như nước sang đây công tác, ước lượng những cơ may khủng khiếp mà việc nắm được bí mật này trước mọi người mang lại. Ông ta sẽ mua đất với cái giá rẻ như bèo rồi bán lại cho NASA, xây dựng các khu biệt thự cho đám kỹ sư Mỹ. Ông chóng hết cả mặt mày. Paul thấy ông tựa người vào bàn làm việc và đưa tay thăm mồ hôi trán.

- Ông cảm thấy không ổn à?

- Tôi khỏe, khỏe lắm. Anh đừng lo. Anh đã nói cho ai biết về kế hoạch này hay chưa? Chính quyền đã biết việc này chưa?

- Không. Vấn đề là ở đây đây. Nếu chúng tôi thông báo cho họ biết quá sớm, ông biết điều đó có nguy cơ diễn ra như thế nào rồi đây. Sẽ có những tranh luận chính trị. Hồi lộ sẽ được dịp tung hoành. Trước hết, chúng tôi muốn được tự do xác định địa điểm phù hợp cho mình.

- Anh hoàn toàn có lý! - Ông João reo lên. - Đừng nói với ai cả. May mà anh gặp tôi đây. Tôi sẽ giúp anh một cách không vụ lợi. Trên đảo này chẳng còn ai khác có thể hành động như vậy đâu.

Làm ra vẻ hoàn toàn yên tâm về sự thành thật của João, Paul để cho ông ta tổ chức các chuyến đi của anh trong những ngày sắp tới. Đích thân ông chủ khách sạn sẽ hộ tống anh đi mọi nơi và giới thiệu anh như một người họ hàng xa được ông mời đến thăm đảo. Ngày hôm sau, trong chiếc xe hai cầu lắp máy lạnh của ông, hai người ra đi trên một con đường đầy ổ gà để đến ngôi làng đầu tiên, nơi một năm trước người ta đã phát hiện ra các ca bệnh tả.

Đó là một khu nhà tồi tàn nằm rải rác trên một cao nguyên khô hạn. Mặt đất nham thạch được chia ô bởi những bức tường đá thấp và hàng giậu gai. Chỉ với riêng chi tiết này thôi người ta cũng đã biết đây là các thửa đất. Các ngôi nhà được lắp ghép từ những cánh cửa chớp bằng gỗ và các khe hở được trám sơ sài bằng đất. Một vài ngôi nhà được sơn phết nhưng đã xuống màu. Vậy là thỉnh thoảng ở đây cũng có mưa, nhưng chắc là những cơn mưa không dài và thường kèm theo đông gió. Paul sải bước qua khu làng. Sự hiện diện của ông João khiến đám dân làng kính nể ra mặt.

- Ở đây có nước không?

Ông João gọi trưởng làng đến và phiên dịch câu hỏi một cách nhất gừng.

- Ông ta nói họ đã đào một cái bể trữ nước ở chỗ cao hơn đây một chút.

- "Họ" là ai?

MÙI ADAM

Ông João truyền đạt lại câu hỏi.

- Những người Thụy Điển hoặc đại loại thế. Theo tôi thì đó là một chương trình phát triển.

- Của một NGO¹ à?
- Một cái gì?
- Một tổ chức tư nhân.

Ông João hỏi thông tin từ trưởng làng trong một lúc lâu và tỏ ra khó chịu vì ông kia không biết.

- Ông ta nói đó là một nhóm thanh niên. Nhưng tôi nhớ là chương trình được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới.

- Bể nước được xây từ lúc nào?
- Cũng được năm hay sáu năm rồi.

Họ đến tận nơi để xem xét. Đó là một dạng giống như cái đầm, gần như cạn khô vào mùa này. Chỉ còn vài xăngtimét nước bùn đọng lại dưới đáy. Hai phụ nữ đang dìm xô xuống để vét chút nước còn sót lại.

- Họ không có nước ngọt ở chỗ khác à?

- Có chứ. Còn mấy cái giếng, nhưng chúng ở xa, mãi gần cổng một ngôi làng khác kia. Khi nước bể cạn, họ buộc phải đi đến đây để lấy nước.

Hai người quay trở lại xe và Paul đòi đi thăm sườn núi lửa bên kia. Đó là vị trí của ổ dịch tả thứ hai.

Con đường lộ chạy ngoằn ngoèo qua vùng cao nguyên cằn cỗi. Sau đó nó đến một ngọn đèo nằm giữa hai sống núi dẫn lên hai đỉnh cao của hòn đảo. Qua khỏi ngọn đèo là cả một sự ngạc nhiên lớn. Những sườn núi trọc lộ xô đột ngột biến thành thảm thực vật nhiệt đới trù phú. Mọi thứ đều xanh tươi, rậm rì, mượt mát. Bản thân cái nóng cũng đối khác. Nó đầy hơi ẩm, rịn rịn trên da thịt, bốc mùi mùn và mùi cọ.

¹ Viết tắt của Non-governmental organization, tức là Tổ chức phi chính phủ.

Paul không muốn ngay lập tức đi thăm ngôi làng từng bị dịch tả, vì sợ ông João phát hiện ra mối liên hệ. Nhưng anh biết phía bên này của đảo chỉ có ba khu dân cư. Nếu yêu cầu đi xem hết cả ba thì thế nào anh cũng sẽ đến được nơi mình quan tâm.

Trên thực tế, ba ngôi làng cũng khá giống nhau và ngôi làng bị dịch tả mà họ đến tham quan sau cùng, cũng không khác những chỗ kia là mấy. Không giống như những khu dân cư bên sườn núi trọc thoải mái vươn xa trên vùng đất trống trải, khu định cư trong rừng tỏ ra rất co cụm. Những ngôi nhà dường như thu mình sát vào nhau tạo thành một khối chống đỡ lại các thần rừng. Sự nghèo khó, căn cứ trên tình trạng của những ngôi nhà, cũng tương đương với bên sườn núi trọc. Giữa một thảm thực vật trù phú thế này thì sự bần hàn của con người lại càng thêm nổi bật.

- Ít ra thì ở đây họ cũng không gặp phải vấn đề về nước sinh hoạt. - Paul vô đoán.

- Những nguồn nước có ở khắp nơi bên này núi. Phần lớn chúng là nước nóng và có ga. Nhưng trong số đó có nhiều nguồn nước không thể uống được do bị lẫn các hợp chất của núi lửa. Người dân ở đây vẫn cứ dùng. Họ quen rồi.

Giữa làng có một con lạch nhỏ bắt nguồn từ dòng suối, uốn lượn trên một khu đất bằng nằm cao hơn đó một chút. Những con mương hẹp đưa nước vào trong các bể chứa dưới đất, nằm bên cạnh các ngôi nhà. Rõ ràng là chẳng còn vết tích gì của dịch tả. Theo những gì Paul đã đọc thì có chín ca bệnh tả trong làng, và một ca tử vong duy nhất. Người xấu số được miêu tả là một ông già nghèo, sống tách biệt. Nếu xét theo tình trạng khổ cực chung của dân làng, thì người ta có thể mừng tượng ra con người cùng khổ ấy còn phải sống trong hoàn cảnh túng quẫn đến thế nào. Có thể hiểu được vì sao có những nghi ngờ được đưa ra xung quanh vai trò của bệnh tả trong cái chết của ông già. Có thể đằng nào thì ông ta cũng sẽ chết thôi.

Rõ ràng là chẳng rút ra được gì nhiều từ cuộc viếng thăm này. Paul dành thời gian làm vài việc không đâu để củng cố cho câu

MÙI ADAM

chuyện bịa của mình trong mắt của Joao. Anh chụp ảnh những địa điểm khác nhau, sai bước đo đạc một trắng đất trống, ngắm nghía bầu trời làm như có thể quan sát được bằng mắt thường quỹ đạo của tàu con thoi.

Lúc họ quay trở về khách sạn thì đã bảy giờ tối. Paul có một cuộc điện đàm ẩn định từ trước với Providence. Không thể gọi được cho Kerry. Tất cả những người mà anh thử trò chuyện đều tỏ ra thoái thác và bận rộn. Có thể thấy là cuộc điều tra đang được đẩy mạnh. Đối lại, anh cảm thấy mình hơi đứng ngoài cuộc trong chuyến đi mang hơi hướng du lịch này. Anh từ chối lời mời ăn tối của ông chủ khách sạn và tự làm cho mình một ổ bánh mì kẹp paté gồm ghiếc trong phòng, rồi ra ban công ngồi suy nghĩ.

Sau khi quan sát tại chỗ, anh thấy rất rõ là bệnh tá không thể nào đồng thời thâm nhập vào ba khu vực này mà không có sự can thiệp của một kẻ nào đó muốn đưa nó vào. Không thể tưởng tượng được còn những chỗ nào biệt lập hơn và ít kết nối với thế giới hơn thế nữa. Đó là ba khu dân cư khác nhau, ba sinh quyển nhỏ mà căn bệnh đã chỉ có thể thâm nhập - một cách đồng loạt tuyệt đối - nhờ vào ý muốn của con người.

Nhưng với mục đích gì? Người ta có lợi lộc gì khi gieo rắc bệnh tật cho mấy người đó? Trong khu biệt thự, cùng lắm thì có thể liên tưởng đến một vụ trả thù. Nhưng trên đảo Agosto thì sao? Chẳng còn nơi nào vô hại hơn, bị thần thánh từ bỏ hơn, và nói tóm lại là vô vị hơn.

Màn đêm đã buông xuống trên bến cảng. Vì không có những tiếng động cơ gầm rú lấp đầy bầu khí quyển, không gian bị chiếm dụng bởi giọng nói của người qua đường, những hợp âm đàn ghi ta văng đến từ quán cà phê bên cạnh và tiếng sữa râm ran khắp thị trấn của những con chó, chúng đáp lại lời nhau từ nhà này sang nhà khác, vượt qua những mảnh đất. Paul nằm dài trên giường, làm cho mớ lò xo rít lên hàng loạt những âm thanh khó nghe. Trên trần nhà, một vệt ó vàng to đùng là bằng chứng của một lần thẩm dột trước

đây. Nó có hình dạng như một hòn đảo, với các vũng vịnh, mũi đất, và thậm chí, do tông màu đậm nhạt khác nhau, cả các núi đồi. Bổng Paul ngồi bật dậy. Câu nói của giáo sư Champel quay trở lại trong tâm trí của anh:

- Các hòn đảo là những phòng thí nghiệm nhỏ thực sự.

Những phòng thí nghiệm thực sự để quan sát các dịch bệnh, sự phát tán của chúng, sự tiến triển của chúng theo thời gian, ảnh hưởng của chúng đối với người dân.

Nếu nhìn nhận việc đưa bệnh tả vào Cap-Vert như một hành động khủng bố thì thật khó hiểu và nực cười. Nhưng nếu xem nó như một cuộc thử nghiệm, thì nó lại cực kỳ hợp lý. Ba ổ dịch tương ứng với ba cách phát tán phẩy khuẩn khác nhau. Đối với khu biệt thự ở São Tiago, sự tiêm nhiễm được thực hiện trong một tháp nước đóng kín. Ở Agosto, tác nhân gây bệnh đã được phát tán vào một bể trữ nước mới (khu vực khô hạn) và vào suối nước nóng (khu rừng nhiệt đới). Sự khác nhau của các cảnh huống và môi trường rõ ràng đã cho phép các tác giả của dịch bệnh thu thập những thông tin về hiệu quả của phẩy khuẩn tùy theo điều kiện gây dịch.

Nhưng kẻ nào có thể thực hiện một thử nghiệm như vậy, và với mục đích gì?

Dịch tả đã xảy ra trước vụ trộm ở Wrocław rất lâu và không thể là phần tiếp theo của nó. Như vậy nhóm chịu trách nhiệm về vụ dịch này chắc phải có sẵn vi khuẩn trong tay. Nhưng nếu thế thì việc gì phải đi kiếm vi khuẩn nữa, và tại sao lại là Ba Lan? Tất cả những chuyện này tỏ ra vừa đáng ngờ lại vừa thiếu căn cứ. Chúng gợi nên những mối liên hệ trong đầu, nhưng không có gì gắn kết chúng lại cả.

Paul nghĩ đến bản báo cáo của Providence. Anh tự hỏi liệu trụ sở có thể phát hiện ra dấu vết nếu có của những người Mỹ trên đảo Agosto vào thời điểm xảy ra dịch không? Nếu vậy thì biết đâu họ có thể tìm thấy trong số đó các thành viên của nhóm cực đoan tình nghi. Anh tự nhắc mình rằng hôm sau phải xin phép ông João xem

MÙI ADAM

sổ đăng ký phòng của khách sạn, và có thể là phải tìm hiểu ở các khách sạn khác nữa, bằng cách bịa ra một câu chuyện nào đấy để không làm họ lo lắng.

Sau tất cả những lần di chuyển và một ngày thị sát trên xe hai cầu, Paul cảm thấy sự yên tĩnh của nơi này đang bẻ gãy những kháng cự cuối cùng của anh. Dù chưa muốn, anh vẫn ngủ thiếp trên chiếc giường mềm nhão, không dám cả cởi quần áo.

Ngày hôm sau, ông João chỉ xuất hiện vào giữa buổi chiều. Buổi sáng ông ta đã đi một chuyến tàu chớp nhoáng sang São Tiago. Paul thấy ông chủ khách sạn kém thân thiện hơn hôm trước và đáng ngờ hơn. Cảm giác của anh được khẳng định khi ông ta kéo riêng anh ra để mời anh làm một cốc bia trong sân.

- Tôi biết anh đã yêu cầu tôi giữ bí mật về công việc của anh. - Ông João nói, mắt không rời Paul như thể muốn dò xét phản ứng của anh. - Nhưng chuyện là thế này, tôi có một người anh em cùng vú nuôi ở Praha. Hai chúng tôi chia sẻ với nhau gần như tất cả mọi chuyện. Anh ấy với tôi, tuy hai mà một, anh hiểu không. Tôi đã thổ lộ chuyện này với anh ấy. Anh ấy sẽ không nói với ai đâu.

- Ông đã nói với anh ta chính xác những gì?

- Những điều mà anh đã kể với tôi. Các kế hoạch, văn phòng nghiên cứu của anh.

Trong khi nói, ông João vẫn có cái nhìn xảo trá đã đánh động Paul ngay từ lúc ông ta quay về.

- Tôi không thích thú gì chuyện này, nhưng nếu ông đã nói anh ta là người anh em cùng vú nuôi của ông thì... Anh ta làm nghề gì ông nhỉ?

- Fernando á? Anh ấy làm trong ngành cảnh sát.

Đến lúc rồi đây, Paul thầm nghĩ. Là một người đàn ông chín chắn, chắc ông João cũng đã biết cách tự gạt lòng nhiệt tình của mình sang một bên để tìm kiếm vài sự bảo đảm. Mỗi quan hệ với người tên là Fernando, dù cho có phải là anh em cùng vú nuôi hay không, cũng thật là một nước đi khôn khéo. Nếu như vụ làm ăn đúng là có thật,

thì một người ở thủ đô, chui sâu vào trong bộ máy hành chính, có thể là hữu ích. Và nếu như Paul nói láo thì Fernando cũng là người ở vị trí thuận lợi nhất để thu thập những bằng chứng về sự lừa đảo của anh.

Lúc này kết luận duy nhất đối với Paul là ông chủ khách sạn đã có những mối nghi ngờ. Vụ dịch tả xảy ra đã lâu, nhưng trong nhịp sống chậm rãi của hòn đảo, chắc nó còn để lại dư âm. Hồi đó chính quyền đã chỉ thị cần tổ giác ngay lập tức tất cả những ai đến vùng sục quanh vùng có dịch. Paul không muốn sẽ phải chịu chung số phận với những nhà dịch tễ học Bồ Đào Nha, bị tạm giam trong mười lăm ngày trước khi bị trục xuất.

- Ngày kia Fernando sẽ đến đây, - João nói. - Anh sẽ có thể thảo luận trực tiếp với anh ấy.

Theo giọng điệu của ông ta, người ta có thể hiểu rằng viên cảnh sát là một tay cứng cựa. Paul biết câu chuyện bịa đặt vội vàng của mình sẽ không đứng vững trước một người đủ khắt khe ngay cả khi được Providence trợ giúp. Thấy kệ cái danh sách khách du lịch vậy. Anh sẽ cố kiếm nó bằng cách khác. Tốt nhất là ra đi ngay ngày hôm sau, nếu không muốn bị mắc kẹt ở đây và đứng ngoài cuộc điều tra.

Paul nói với ông chủ khách sạn là mình cần mua một số vật dụng ở Praha và đến ngân hàng để thực hiện các giao dịch - ở Agosto không có ngân hàng. Ngoài bến tàu, anh mua một vé khứ hồi, đi chuyến sáng ngày hôm sau. Để không làm dấy lên những mối nghi ngờ, anh rải đồ đạc của mình trong phòng và chỉ đem theo một ba lô trong đó có máy tính xách tay cùng với những giấy tờ tùy thân. Một cú điện thoại cho Providence giúp anh chặt vật giành lấy một trong số những chỗ ngồi cuối cùng trên chuyến bay tối ngày hôm sau. Ngay khi đến Praha, anh đáp tàu đi Sal rồi lên máy bay như đã định. Đó là một chuyến bay đến Chicago. Anh hy vọng rằng ở đó trời đã đủ ấm. Tất cả những gì anh có trên lưng là một chiếc quần cụt và cái áo sơ mi chim cò mỏng dính.

MÙI ADAM

VII

Providence, Rhode Island.

Paul không hề ngạc nhiên. Đây chính là điều mà anh trông đợi khi quay lại Providence. Trụ sở tình báo tư có thể nói là không còn tồn tại nữa. Nó đã trở thành phòng thư ký của Kerry, không hơn không kém.

Sự khác biệt bắt đầu ngay từ cổng vào. Tay lính gác với kiểu tóc nhà binh cúi xuống cửa xe phía Paul và buông một câu giữa hai đợt khọt khẹt của chiếc máy bộ đàm:

- A! Anh đến gặp cô Kerry cơ đấy.

Sau đó, tại tầng trệt, các cô tiếp tân nháy mắt với anh:

- *Chị ấy* ở tầng ba anh ạ.

Trong thang máy, Paul phải thu người lách vào giữa hai cô gái đang ôm cả đồng giấy tờ.

- Em đang vội. - Cô ôm nhiều giấy tờ hơn nói với cô kia. - Việc gấp lắm. Chị Kerry đang đợi các tài liệu này.

Lên đến tầng ba, Paul mau chóng nhận ra cả tầng lầu đã bị Kerry xâm chiếm. Chính thức mà nói thì cô chỉ có một văn phòng nhỏ nằm trong một góc. Barney không hề cảnh giác gì khi đặt cô vào đó, thậm chí còn gần như xin lỗi cô nữa. Ông ta đâu có biết là mình đã tiêm một con virus vào một cơ thể không được phòng vệ.

Cô bắt đầu bằng việc trưng dụng căn phòng nằm ngay sát bên cạnh. Ở đó cô điều hành các cuộc họp nối tiếp nhau từ bảy giờ sáng đến tận khuya. Sau đó, cô gợi ý một vài sự hoán đổi theo kiểu để có quanh mình những cộng tác viên không thể thiếu. Tycen được chuyển thành người hầu cận, thị đồng, nô bộc, và gì nữa thì chẳng

ai biết. Dù thế nào thì chức vụ của cậu ta tương đồng nhiều với các gia nô thời trung cổ hơn là hình ảnh thường thấy của một liên lạc viên. Kerry cũng đã trưng dụng luôn cô nàng Tara, mà Paul từng không tin là dễ bị thu phục như thế, cùng với một nhóm văn thư. Alexander buộc phải cho cô mượn họ, chắc chắn là để đổi lấy chút yên ổn. Cùng nhập hội là Kevin, chuyên gia tin học, và hai gã cao bồi ăn mặc y như Clint Eastwood vốn là chuyên gia đường truyền.

Khi Paul cuối cùng cũng đã tìm ra Kerry, cô đang cúi người xem một bản danh sách điện tử, vây quanh là bốn cô cậu trẻ tuổi ngênh đón từng lời cô nói một cách căng thẳng và say mê. Rõ ràng là cô đã thành công trong việc khiến họ bỏ hết những mối bận tâm khác. Việc truy lùng *Những kẻ săn mồi* mới đã trở thành nhiệm vụ lớn lao trong đời họ. "Và điều tệ hại nhất là, Paul nghĩ bụng, cô ấy có đủ khả năng huy động bọn họ theo cùng một cách ấy để làm *bất kỳ điều gì*".

Khi Kerry nhận ra sự có mặt của Paul, cô ném cho anh một cái nhìn chế giễu mà cô vẫn hay dùng để thông báo điểm số. Đặc biệt khi cô là người ăn điểm.

- OK! - Cô tuyên bố với đám quần thần nhỏ của mình. - Họp chung trong vòng mười phút nữa. Chúng ta sẽ trình bày sơ lược cho Paul những gì đã tìm thấy. Bảo Alexander đến luôn nhé, nếu như ông ấy không còn việc gì hay hơn để làm.

Câu nói vừa rồi làm lộ lên một tròng cười nhỏ. Đương nhiên là với các cô cậu đương mê mụ kia thì khó mà tưởng tượng được người ta còn điều gì "hay ho hơn" là ở bên cạnh Kerry khi cô làm việc.

Trong khi chờ đợi cuộc họp, Paul theo Kerry vào trong văn phòng "chính thức" của cô, một nơi ẩn náu nhỏ xíu mà cô không dùng để làm gì khác ngoài những lúc trang điểm.

- Có vẻ mọi chuyện cũng không quá tệ nhỉ. - Paul bình phẩm với một nụ cười mỉm.

Kerry không có ý định theo đuổi anh trong lĩnh vực này. Paul đã thấy những gì phải thấy, và cô không muốn cho anh có cơ hội được chiêm chọc mình.

MÙI-ADAM

- Điều làm em hài lòng nhất là bọn nhóc nhà em ổn cả. Rob đã dẫn bọn nó đến nhà bác Burt của chúng. Anh cũng biết anh ấy là người gốc Canada mà. Anh Burt có một trang trại nằm gần hồ Ontario. Mấy đứa nhà em sẽ chơi với đám trẻ nhà anh ấy. Chúng sẽ bơi thuyền và vắt sữa bò.

Càng thâm nhập lâu vào Providence, Kerry càng thả lỏng tác phong của mình. Bím tóc đã bị thế chỗ bằng một cái búi tóc mà cô liên tục gỡ ra buộc vào và găm một cây bút dạ màu xanh lá vào đấy. Cô mặc chiếc áo thun rộng chỉ hơi để lộ khuôn ngực một chút, nhưng dù sao cũng vẫn đủ để hâm nóng các cậu trai vây quanh mình.

- Vậy còn anh, kỳ nghỉ mát ở miền nhiệt đới thế nào?

- Tuyệt. *Biển xanh, nắng vàng, và tình tang.*

- Chao ôi! Cả tình dục cơ à?

- Ở bên cạnh phòng anh có một cặp thanh niên và họ rên rỉ suốt cả đêm.

- OK! Anh sẽ kể cho bọn em chuyện này. Ta đi chứ?

Hai người đi vào phòng họp. Chiếc bàn lớn đang ngổn ngang tài liệu. Tycen vội vàng nhắc ghế rồi giúp Kerry ngồi vào chỗ.

- Wilburn, cậu có thể bắt đầu được rồi đây, - Kerry nói, rồi cô quay sang hạ giọng nói với Paul. - Wilburn là lính của Alexander. Rất có năng lực. Cực kỳ triển vọng. Trước khi cho chúng ta biết về *Những kẻ sẵn mỗi mới*, cậu ta sẽ nhắc lại một chút về tình hình của các phong trào sinh thái cực đoan tại Mỹ.

Cậu thanh niên có tên Wilburn thuộc về thể hệ *Power Point*. Rất tự nhiên, cậu ta mở máy chiếu và bật trang đầu tiên. Trên nền xanh dương, trang này chỉ có mỗi một chữ: Giới thiệu. Paul tự nhủ rằng tiến bộ rõ ràng là một chuyện quá lớn.

- Để định vị nhóm *Những kẻ sẵn mỗi mới*, cần phải nói một chút về lịch sử phong trào sinh thái tại Mỹ.

Wilburn có một chất giọng trầm, chẳng hề khớp với ngoại hình mảnh khảnh. Ngữ điệu thò mồm cho thấy có thể cậu ta là người gốc Úc.

- Mỗi quốc gia có một phong trào sinh thái đặc trưng dưới một góc nhìn nhất định. Ở nước Anh, tất cả xoay quanh tình yêu động vật và chống lại việc sử dụng chó săn mồi. Ở Canada, mối quan tâm lại chủ yếu dành cho biển: những thử nghiệm hạt nhân dưới biển, hành động bảo vệ cá voi. Nước Pháp, chắc chẳng ai còn lạ nữa, đã bước vào phong trào sinh thái nhờ bám váy một người đàn bà đẹp. Chính Brigitte Bardot đã giác ngộ cho họ.

Trong phòng họp vang lên vài tiếng cười kích động. Kerry tỏ ra chấp nhận sự ám chỉ đó. Paul hiểu để nuôi ngọn lửa của những kẻ ngưỡng mộ, chắc chắn cô phải khuyến khích những câu đùa liên quan đến giới tính kiểu này.

- Còn đối với nước Mỹ, mối quan tâm chính, đó là những không gian rộng lớn, những khu rừng, cuộc sống hoang dã, cảnh quan miền Tây. Tổ chức One Earth, nơi từ đó *Những kẻ săn mồi mới* đã tách ra, đóng vai trò tiên phong trong các phong trào sinh thái đặc thù Mỹ này. One Earth được thành lập vào năm 1980 bởi Elmet Sloan, một thợ rừng đã từng tham chiến ở Việt Nam, sau đó tranh đấu cho cánh hữu trong Đảng Cộng hòa.

- Tôi cứ tưởng mấy tổ chức sinh thái loại này toàn là người theo cánh tả mới đúng chứ. - Paul xen vào.

- Không phải tất cả đâu. Có nhiều khuynh hướng khác nhau. One Earth được thành lập tại Seattle, gần với Canada và tỉnh British Columbia, nơi Greenworld đã ra đời. Nhưng hai tổ chức này, dưới góc độ nào đó, lại là hai người anh em thù nghịch. Greenworld lấy cảm hứng từ biển cả, hành động bảo vệ loài cá voi, lữ hải cẩu. Nó cũng là một phong trào cực tả. One Earth thì chủ yếu là núi rừng, sông suối. Đó là nước Mỹ bảo thủ của dân đánh bẫy và buôn lông thú. Nhưng rốt cuộc hai thái cực này cũng gặp nhau.

- Ở điểm nào?

- Cả hai cùng nghĩ rằng những tổ chức bảo thủ truyền thống đều đã sai lầm. Việc bảo vệ môi trường, theo hai tổ chức này, không thể chỉ là chuyện của những kẻ quý tộc. Sự bảo tồn thiên nhiên giống

MÙI ADAM

như các thổ dân da đỏ, những lễ hội vì quyền lợi của loài gấu, những buổi ngoại khóa để thu thập mẫu thực vật, tất cả những cái đó đối với họ đã hoàn toàn lỗi thời. Họ muốn nổi lại tinh thần của các vị Cha già sáng lập¹, với sự nổi loạn ghê gớm của một John Muir hay một H.D. Thoreau. Ngoài ra, cảm nang của họ là quyển sách đã được viết bởi một gã tiên tri vườn có tên là Edward Abbey.

- Quyển nào?

- Một tiểu thuyết có tựa đề là *Hội mở lết*. Câu chuyện kể về một nhóm mấy thằng hâm đổ cát vào trong bình xăng của xe ủi đất để ngăn cản việc làm đường, rồi đốt hết những tấm biển quảng cáo dọc theo những con lộ.

- Đó là điều mà bọn chúng đã làm à?

- Chính xác. Lúc đầu, các thành viên của One Earth có thể nói là đã sao chép ý tưởng từ cuốn sách. Bọn chúng đã phá hỏng các máy móc làm đường, dán lên thành của một con đập bằng vải vẽ hình một vết nứt khổng lồ. Những chi tiết đó được lấy thẳng từ trong cuốn tiểu thuyết ra. Sau đó, chúng bắt đầu sáng tạo thêm những cái mới.

- Như thế nào?

- Chẳng hạn như đóng đinh vào thân cây cổ thụ để phá hỏng lưới cửa máy của cánh thợ xẻ, khiến bọn họ không thể đốn hạ mấy cái cây đó nữa. Những tên khác thì núp mình dưới lòng sông để ngăn cản những vụ xây đập.

- Và chúng đã thành công?

- Khá thành công. Đã xảy ra nhiều vụ đánh nhau to, nhưng tiếng tăm của bọn chúng đã lên như cồn. Chúng đã thành công trong việc ngăn chặn một kế hoạch xây đập lớn ở Colorado. Giờ đây, One Earth đã là một tổ chức rất phát triển. Chúng nổi tiếng vì sự nổi loạn

¹ Pères fondateurs, hay Founding Fathers: những người đã ký vào bản *Tuyên ngôn độc lập của Mỹ*, hoặc đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng Mỹ và việc ban hành Hiến pháp Mỹ. Hiểu rộng ra, từ này dùng để chỉ tất cả những nhân vật lịch sử đã đóng góp vào thành công của một nước Mỹ ngày nay.

nhưng có suy nghĩ. Chúng thu hút được khá nhiều nguồn tài trợ. Những tay ti phú để lại cho chúng những khoản tiền kèch sù, trong khi các công ty rút tiền cho chúng để tự mua cho mình “hình ảnh một công dân gương mẫu”. Ở Seattle, chúng có cả một tòa nhà cùng hàng đồng nhân viên ăn lương. Đáng tiếc là trong lĩnh vực của bọn chúng, ăn nên làm ra đồng nghĩa với rắc rối. Hiện nay chính bọn chúng đang bị tố cáo là đã trở thành quý tộc. Lại bắt đầu có những kẻ vận động để chỉ trích sự tư sản hóa của phong trào và đòi hỏi một sự quay về nguồn mới.

- Cậu nghĩ đây chính là điều đã xảy ra với *Những kẻ săn mồi mới* à?

- Đúng thế. Nhưng phải nói ngay là chúng ta không nên tuyệt đối hóa vấn đề. Một tổ chức như One Earth khá là kín đáo. Người thường không thể thâm nhập sâu vào đó được. Khi đăng ký, người ta cùng lắm cũng chỉ nhận được những tờ nội san và các lời mời tham gia biểu tình. Dưới góc độ thông tin thì nó được bảo vệ khá kỹ đấy, phải không Kevin?

- Phải. - Anh chàng Kevin khẳng định với một chất giọng đang ở cuối thời kỳ vỡ tiếng và lối nói cộc lốc. - Máy tính của tụi nó được bảo vệ kỹ lắm. Dĩ nhiên, tụi tôi cũng đã đột nhập thành công. Phải, tụi này đã làm được. Nhưng cũng chẳng tìm thấy gì nhiều. Phải nói là, chẳng có gì. Làm như tụi nó chẳng lưu gì quan trọng trong máy hết. Đại loại tụi nó không tin tưởng vào máy tính, vậy đó.

Kerry gạt đầu động viên Kevin để cổ vũ cho nỗ lực phát ngôn vừa rồi. Tara nhân đạo tiếp lời anh chàng:

- Chính là từ những dữ liệu rất vụn vặt mà chúng tôi đã có thể tái hiện những đấu đá nội bộ ở One Earth và sự ra đời của *Những kẻ săn mồi mới*.

- Y như cái thời còn nghiên cứu chính trị Liên Xô vậy. - Alexander lơ đãng bình phẩm từ chỗ ngồi ở gần cửa phòng.

- Hãy tóm tắt lại sự việc cho chúng tôi nghe nào. - Kerry yêu cầu, đá quả bóng về chân Wilburn.

- Tất cả bắt đầu cách đây khoảng bốn năm. Những dấu hiệu căng

MÙI ADAM

thắng đầu tiên đã xuất hiện trong các bài báo đăng trên tờ nội san của One Earth, một ấn phẩm khá "lành" dành cho các thành viên. Thoạt đầu, có vẻ như ban lãnh đạo không nhận ra, họ để cho những giọng nói lạc điệu lên tiếng. Nhưng rất nhanh chóng, họ đã ý thức được mối nguy hiểm và quyết định thắt chặt việc kiểm soát tổ chức. Kể từ đó, người ta chẳng còn thấy gì lạ trên các tờ nội san nữa. Chỉ có những bài viết xuất phát từ ban lãnh đạo phong trào là còn nhắc đến những phản biện và những chống đối đã bị triệt hạ như những tư tưởng dị giáo thật sự.

- Nhưng tranh luận nổ ra về chuyện gì mới được?
- Về vị trí của loài người trong tự nhiên. - Wilburn nói.

Mãi mê rút một miếng da thừa cạnh móng tay, Alexander thở hắt ra một tiếng rõ to. Kerry ra hiệu Wilburn không được nao núng.

- Luôn luôn tồn tại hai dòng tư tưởng trong các phong trào sinh thái của Mỹ. Một cái, chúng ta có thể gọi là tư tưởng nhân đạo, cho rằng cần phải bảo vệ thiên nhiên để tạo ra hạnh phúc cho con người. Đó là một quan niệm đạo đức mà trong đó con người và tương lai của họ vẫn là điểm cốt yếu.

- Đó là một phiên bản trung dung, "hợp lý" nếu muốn, của việc bảo vệ thiên nhiên. - Kerry giải thích, quyết tâm cho thấy cô coi cuộc tranh luận kia là điểm mấu chốt.

- Ngược lại, có một dòng tư tưởng khác mang tính phi nhân đạo. Nó vẫn luôn tồn tại và lâu lâu lại nổi lên. Đối với những kẻ có tư tưởng này, con người chỉ là một loài động vật như mọi loài khác. Con người đã tự cho mình các đặc quyền đặc lợi một cách sai trái. Cần phải đưa con người về đúng chỗ. Bảo vệ thiên nhiên bao gồm việc trao quyền cho tất cả mọi loài động và cả thực vật, cho các ngọn núi và dòng sông. Thiên nhiên chỉ biết mình nó và chỉ vì chính nó thôi. Nó có thể sống mà không có con người, trong khi điều ngược lại không đúng.

- Vậy thì sao?
- Vậy thì các hậu quả là rất nghiêm trọng. Đối với những kẻ có

tư tưởng phi nhân đạo, việc bảo vệ môi trường phải được tiến hành *chống lại* con người. Người ta bắt gặp khuynh hướng này ngay từ đầu thế kỷ mười chín. John Muir, nhà sáng lập của Sierra Club, nhà sáng lập của sinh thái học hiện đại, đã viết như thế này: “Nếu như một cuộc chiến tranh giống loài xảy ra giữa muông thú và con người tôn kính của chúng, tôi những muốn đồng cảm với loài gấu”. Howard Moore còn mạnh mẽ hơn: “Người là giống loài sa đọa, nghiện ngập, ích kỷ, đạo đức giả, hèn mạt, khát máu nhất trong tất cả những sinh vật”.

- Ông ta dùng chữ “Người”, - Kerry đùa. - Vậy là chuyện của người, không phải chuyện của mình rồi.

- Tất cả vấn đề là ở chỗ: người ta sẽ đi đến tận đâu trong cuộc chiến chống lại loài người? Về điểm này, One Earth chiếm một vị trí rất mong manh. Tổ chức này đã được tạo ra trên nền tảng bạo lực: nhân danh cây cối, sông suối, cảnh quan, nó đã quyết định tấn công vào các cơ sở kinh tế của con người bằng những vụ phá hoại, vân vân và vân vân. Trong số những kẻ đã gia nhập tổ chức, không tránh được một ngày kia sẽ có vài tên muốn đi xa hơn và không chỉ tấn công vào các *hoạt động* của con người, mà vào *loài người*.

- Những kẻ ly khai bốn năm trước đã mang quan điểm như vậy sao?

- Chính xác. Sau những cuộc ẩu đả dữ dội với đám thợ rừng, một vài tên đã bắt đầu cho rằng: “Cần phải kết thúc công việc thôi. Những kẻ tàn phá thiên nhiên không đáng được thương xót. Chỉ bỏ cát vào trong bình xăng của các máy móc là chưa đủ. Cần phải loại bỏ những kẻ vận hành chúng”.

- Nực cười.

- One Earth không phải là tổ chức duy nhất gặp phải những tranh cãi như thế. Những người bảo vệ cá voi theo cánh tả cũng gặp cảnh tương tự. Người ta đã thấy những kẻ vận động chỉ trích Greenworld là quá ôn hòa. Vài tên trong số chúng đã mua một con tàu, bọc bê tông vào mũi nó rồi húc thủng bụng một tàu săn cá voi Bồ Đào Nha.

MÙI ADAM

- Thật hả?

- Thật đấy. Khi chứng kiến điều đó, các lãnh đạo của One Earth đã sợ cuống và đương nhiên bọn họ đã vạch một lần ranh đỏ: không được động đến sinh mạng con người.

- Họ có thành công không?

- Lúc đầu thì có, - Tara tiếp lời. - Trong vòng sáu tháng, chúng tôi không tìm thấy dấu vết nào của những căng thẳng nội bộ. Nhưng những kẻ bạo lực cũng không già từ vũ khí. Chắc là chúng chưa được tổ chức tốt và đòn phản công của ban lãnh đạo đã có tác dụng lên chúng. Sau đó, chúng bắt đầu tái cơ cấu lại và người ta thấy chúng tái xuất.

- Khi nào?

- Cách đây hai năm rưỡi, vào thời điểm đó, người ta thấy đề tài phi nhân đạo quay trở lại một cách mạnh mẽ ở One Earth, hay đúng hơn là trên các diễn đàn mạng.

- Những kẻ săn mồi mới.

- Đúng vậy. Chúng đã có thời gian để khẳng định hệ tư tưởng của chúng và quay lại với những ý đồ rõ rệt hơn. Chúng vẫn ưu tiên cho bạo lực, thậm chí giết chóc, nhưng không phải bất kỳ cái gì. Chúng đối lập với những kiểu khủng bố truyền thống, chuyên nhằm vào các cá nhân vô nghĩa. Những hành động của hội bảo vệ động vật cũng tỏ ra nực cười với chúng khi họ thả một vài con chó con mèo. Trong mắt chúng, vấn đề không nằm ở đấy. Điều chúng muốn không phải là bảo vệ hay kết án các *cá thể*, cho dù thuộc giống loài nào cũng vậy. Cái cần phải duy trì, chính là *sự cân bằng*. Trong tự nhiên, các cá thể chẳng là cái gì cả. Giữa những sinh vật sống và môi trường, giữa động vật và thực vật, điểm mấu chốt là sự cân bằng. Trong thế giới sinh vật, hiện tượng săn mồi chính là để duy trì sự cân bằng này. Sự sinh sôi nảy nở của mỗi loài đều bị kìm hãm bởi các kẻ thù tự nhiên. Đến lượt mình, những loài thiên địch kia lại bị kiểm soát bởi những loài săn mồi khác. Lỗi lớn nhất của con người là ở đây: con người đã tự giải phóng mình khỏi các loài săn mồi, ban cho mỗi cá nhân quyền được sống, trong khi sự ưu tiên này chỉ được

phân phát tùy theo cân bằng tự nhiên. Kết quả là loài người gia tăng số lượng và phá hủy tất cả.

- Phức tạp thật, mấy vụ này, - Alexander thốt lên, tay thăm mồ hôi trán. - Cô có thể tóm tắt lại một chút không?

Kerry liếc xéo Alexander và cất cao giọng:

- Chuyện này khá phức tạp vì chúng tôi không quen với những ngôn từ bọn chúng sử dụng. Trong các văn bản của chúng, nhất là thời kỳ đầu, có một sự thi vị giúp cụ thể hóa các ý tưởng và đưa chúng tiếp cận mọi người dễ dàng mà vẫn giữ lại một chút mơ hồ. Chẳng hạn, chúng nói phải trả lại hơi thở cho đất. Loài người lan tràn trên khắp các lục địa như một trận đại hồng thủy, bao phủ lên tất cả những sự sống khác. Cần phải đẩy lùi những dòng chảy này, dừng nên những cơn đập ngăn cơn lũ người, bơm hút đi lượng thừa...

Paul rất ngưỡng mộ Kerry khi mà chỉ trong chưa đầy một tuần đặt chân vào một nơi chẳng ai biết mình, cô đã thành công trong việc giành quyền điều khiển trụ sở một cách không chính thức. Từng người có mặt ở đây, và qua trung gian của họ là các đầu não của Providence, tất cả đều bị thuyết phục rằng điều quan trọng nhất trên thế giới này chính là giải mã những cuộc đấu tranh tư tưởng giữa hai phe đối lập trong nội bộ One Earth. Ngay cả Alexander cũng có vẻ quan tâm, nếu không muốn nói là đã bị thuyết phục.

- Nhưng còn chương trình của bọn chúng? - Ông ta hỏi.

- Phải đấy, - Martha đế vào. - Chính xác thì chúng muốn làm gì?

- Theo ý tôi, bọn chúng không tự mình làm gì cả. Tôi nghĩ rằng chúng ta tuyệt đối không nên đánh giá chúng dựa trên các phát ngôn, giống như bên Anh đã làm.

Khi nói câu này, Kerry ranh mãnh liếc nhìn Paul.

- Nhưng rốt cuộc thì, - Alexander sốt ruột nói, - việc ngăn cản cơn lũ người, nếu tôi còn hiểu được tiếng Anh, nó đồng nghĩa với giết người.

- Không nhất thiết. - Kerry phản bác. - Đã từ lâu các phong trào bảo vệ môi trường đi liền với những tuyên bố kiểu này. Tôi đã bắt

MÙI-ADAM

gặp nó ở triết gia Ehrenfeld, một người có lý lịch hoàn toàn trong sạch và có những văn bản được đưa vào chương trình học của các trường tiếng tăm nhất. Tôi xin trích dẫn: "Chủ nghĩa nhân đạo phải được bảo vệ trước sự thái quá của chính nó".

- Xin lỗi, - Alexander nói cứng. - Chẳng lẽ tôi học chưa đủ nhiều, nhưng tôi không hiểu câu này.

- Nếu muốn, ông sẽ tìm thấy nhiều ví dụ trong các văn bản của *Những kẻ săn mỗi mối*. Đó là những ý tưởng gây sốc, nhưng cần phải nhớ rằng các ý tưởng này không hề mới mẻ. Chẳng hạn như, chúng tự chúc mừng trước tỉ lệ tử vong cao ở trẻ em tại các nước nghèo. Theo chúng, việc đó làm giảm sức ép dân số. Người ta đã từng nghe thấy lời tuyên bố tương tự từ miệng của một lãnh đạo Đảng Xanh châu Âu. Cũng vậy, chúng chống đối những chương trình viện trợ nhân đạo khẩn cấp vì các chương trình này làm giảm tỉ lệ tử vong tại những khu vực mà tỉ lệ sinh vẫn ở mức cao, và do vậy chỉ càng làm trầm trọng thêm sự mất cân bằng mà những vùng này đang gánh chịu. Trung thành với thuyết hạn chế sinh sản, bọn chúng ca ngợi những thảm họa lớn giúp tái quân bình dân số khi mà đà tăng của nó vượt khỏi các nguồn tài nguyên hiện có. Chúng cũng nhấn mạnh khía cạnh tích cực của những cuộc nội chiến, nạn đói và những trận đại dịch. Vấn nạn AIDS, khi đó đang ở đỉnh điểm của nó, đã được viện dẫn như một đóng góp hữu ích cho công cuộc tiêu trừ loài người.

- Đúng là dễ tiện.

- Phải. Và do tính chất thái quá, những tuyên bố đó đã tự làm mất giá trị của chúng. Các phong trào sinh thái đã bị sự thái quá đó giẫm lên kể từ khi được thành lập. Trong các văn bản của *Những kẻ săn mỗi mối*, người ta nhận ra dòng tư tưởng phi nhân đạo xưa, sự chống lại các thuyết khuyến khích sinh sản, thù nghịch với tiến bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực y học, tất cả những cái đó nhân danh lợi ích phòng chừng của thiên nhiên. Công bằng mà nói thì những tổ chức sinh thái lớn luôn hiểu phải kháng cự lại điều này. Đó là việc mà One Earth đã làm. Một cách thành công, có vẻ như thế.

Sau bài thuyết trình dài là một sự im lặng. Paul chờ cho nó bao trùm lên khắp căn phòng rồi mới xua đi bằng một câu hỏi.

- Vậy còn vi khuẩn tả? - Anh hỏi.

- Quả là, - Kerry nhượng bộ, - *Những kẻ săn mồi mới* thường xuyên nhắc tới nó. Nhưng chưa bao giờ bọn chúng vượt quá những mô tả tổng quát mơ hồ. Trong tình hình điều tra hiện tại của chúng tôi, không thể biết được đó chỉ đơn giản là một ví dụ, hay thực sự bệnh tả giữ một chỗ quan trọng trong suy nghĩ của chúng.

Với giọng điệu này, rõ ràng đối với Kerry bệnh tả chỉ là cái cớ của cuộc điều tra mà thôi; nó không phải là điểm mấu chốt. Paul có cảm giác ở đây sự cạnh tranh đã xuất hiện. Làm giảm nhẹ tầm quan trọng của bệnh tả, đối với Kerry, chính là một cách khẳng định điều cốt yếu nằm ở chỗ khác, phần mà cô phụ trách. Paul không muốn khơi lên một cuộc luận chiến ở đây. Anh cố gắng nói điều cần nói một cách ít hiểu chiến nhất và thành thật nhất.

- Nếu điều này có thể đóng góp vào cuộc thảo luận, - anh nói rõ, - thì tôi xin khẳng định rằng sự lây lan bệnh tả ở Cap-Vert là do cố ý.

- Đây là một chi tiết rất quan trọng, - Martha hào hứng hẳn lên.

- Tất nhiên, - Paul khẳng định. - Nhưng dù sao thì tôi cũng muốn hoàn toàn khách quan: lúc này tôi chưa thể rút ra các kết luận rõ ràng từ những gì đã quan sát được. Nếu mọi người muốn nghe ý kiến của tôi, thì vụ việc ở Cap-Vert có nhiều điểm mâu thuẫn. Một mặt, dĩ nhiên nó khẳng định vi khuẩn tả có một vai trò nào đó và những gã kia muốn dùng nó để gây ra dịch bệnh. Nhưng mặt khác, các kết quả thật sự rất kém - chỉ có vài người xui xẻo mắc bệnh, người thiệt mạng duy nhất là một ông già mà dù sao cũng sẽ không sống nổi qua tuần lễ đó. Nếu một người nào đấy có ý đồ sử dụng vi khuẩn tả cho mục đích khủng bố, thì kinh nghiệm này có lẽ chẳng có tính động viên mấy. Người ta khó mà tin được chỉ sáu tháng sau một thất bại như vậy mà cũng lại bọn chúng bỏ công lặn lội sang tận Ba Lan để tìm kiếm con phẩy khuẩn tả kia.

Một sự im lặng bối rối bao trùm lên mọi người.

MÙI ADAM

- Thêm vào đó, - Kerry nói, - hoàn toàn không có manh mối gì trong những sự kiện đó cho phép chúng ta gắn chúng với hoạt động của nhóm *Những kẻ săn mỗi mối*.

- Không, - Paul thừa nhận. - Tôi đã không tìm thấy dấu vết của thủ phạm vụ phát tán vi khuẩn. Nói thẳng ra là người ta đã không cho tôi thời gian, và tôi đã phải quay về... một cách gấp rút.

- Nếu tôi tóm tắt lại, - Alexander chen vào, thẳng người lại trên ghế, - chúng ta đã xem hết một vòng quanh vấn đề. Hướng điều tra về bệnh tả chẳng mang lại gì cả. Về phần nhóm người học đòi làm khủng bố kia, chúng viết ra tất cả những trò rợn người chỉ để làm khó đám nhà giàu One Earth. Như thường lệ, đám kia xoay sở để tống mọi thứ ra khỏi cửa. Kết luận: chúng ta ngừng ở đây và đi ăn trưa thôi.

- Không, - Kerry phản đối. - Không có chuyện ngừng tại đây. Thở tả hay không thở tả thì chúng ta cũng có nhiệm vụ phải điều tra một nhóm người nguy hiểm. Ở giai đoạn này, chúng ta có thể chắc chắn là chúng đã rời One Earth. Nhưng chúng ta hoàn toàn không biết chúng đã trở thành cái gì. Không có gì bảo đảm rằng chúng sẽ không tự mình hành động. Cần phải tiếp tục cuộc điều tra.

Paul nghĩ bụng mánh lới thế là đã rõ. Kerry giảm nhẹ tầm quan trọng của bệnh tả, tức là gạt anh ra ngoài lề, người bảo vệ chính cho hướng điều tra này. Cùng lúc đó, cô khẳng định sự cần thiết phải theo đuổi cuộc điều tra, và như vậy cô sẽ tiếp tục giữ vai trò điều khiển cỗ máy Providence. Cô ranh mãnh liếc anh một cái.

- Chúng ta sẽ tiếp tục điều tra như thế nào đây, - Tara hỏi, - khi nhóm đối tượng điều tra đã biến mất, khi chị đã khai thác mọi tài liệu và việc thâm nhập vào One Earth là việc làm bất khả thi?

- Nhóm người đó đã biến mất, nhưng chúng ta biết nhân thân của một thành viên trong đó, mà không phải là bất kỳ ai đâu nhé. Hoàn toàn có thể tìm hiểu xem hắn ta đã thành ra thế nào. Martha, cô tóm tắt lại được không?

- Sẽ nhanh thôi ạ. Quả thực, trong tất cả những văn bản do

nhóm đối tượng ta quan tâm viết ra, chúng tôi chỉ thấy đề cập tới một cái tên duy nhất. Cái tên này cũng nằm trong những lời đả kích ban lãnh đạo One Earth khi bọn họ từ chối những phản biện của nhóm ly khai và tìm cách hạ uy tín của nhóm. Đó là một tay Ted Harrow nào đó, kẻ hóa ra là thủ lĩnh của *Những kẻ săn mồi mới*.

- Hắn ta có tồn tại không?

- Harrow tồn tại. Nhưng người ta đã mất dấu hắn hai năm nay.

- Chúng ta biết gì về hắn?

- Sinh năm 1969 tại Connecticut. Có số má quân sự đây này: hắn trốn nghĩa vụ và có thể đã chuồn sang Canada. Một vài lần bị kết án, sau khi quay trở về vì tội ấu dâm. Cách đây bốn năm, hắn tấn công một lái xe đang khai hoang một vạt rừng ở Wisconsin. Hắn đã tuyên bố mình là thành viên One Earth vào thời điểm đó. Nhưng tổ chức này không bảo vệ hắn. Vụ việc quá bạo lực và có vẻ như ban lãnh đạo không muốn nhận trách nhiệm. Chuyện này xảy ra cùng lúc với vụ những kẻ ly khai cực đoan.

- Cô có địa chỉ của tay Harrow này không?

- Ba cái. Là con số không ở cả ba. Không vợ con, bạn bè, không tài khoản ngân hàng, không bảo hiểm, không chỗ làm.

Mọi người im lặng suy nghĩ.

- Nhiệm vụ đầu tiên là tóm tay Harrow này, - Kerry nói, - bởi vì đó là kẻ duy nhất mà chúng ta có thể xác định danh tính. Hiện tại, chúng ta chỉ đang ngồi đây gọi điện thoại đến chỗ nọ chỗ kia. Nhưng cần phải thực sự bắt đầu từ con đường này. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu hắn ta có thể lẩn trốn mãi khỏi bác sĩ Paul cáo già của chúng ta.

Công việc đây rồi! Paul gãi đầu gãi tai trong khi tất cả mọi người mỉm cười với anh. Hai-không, anh nghĩ. Kerry đã khéo léo gạt anh sang một bên. Bây giờ anh đang đợi xem cô sẽ hạ quân chủ bài nào xuống.

- Thế còn em? - Anh hỏi cô.

- Em nghĩ có rất nhiều điều mà chỉ có người của One Earth mới

MÙI ADAM

biết được. Các thành viên còn lại của *Những kẻ săn môi mới* là ai? Tại sao và làm thế nào nó đã biến mất? Nhất là, bọn chúng có ý đồ và có nguồn lực để tự hành động bên ngoài tổ chức hay không? Để biết được những điều này, cần phải đột nhập vào One Earth, trung tâm của lò phản ứng...

Từ đây, Paul đã biết đích xác phần tiếp theo. Khi Kerry khiêm nhường tuyên bố là cô đã được nhận vào như một thực tập sinh tình nguyện tại trụ sở One Earth kể từ tuần sau, anh thậm chí chẳng cần phải nghe cô nói nữa. Anh quan sát vẻ ngạc nhiên đầy ngưỡng mộ của Alexander, sự vui mừng nhiệt thành của Tara, cú ngã ngựa của Tycen trước thành công mới mà Quý bà của anh ta đạt được. Và Paul tự nhủ anh lại có mọi lý do để thù ghét Kerry. Cũng nhiều như tình yêu anh dành cho cô.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VIII

Colorado, Mỹ.

Juliette đã lái xe được bốn tiếng đồng hồ. Từ Denver, cô đi về phía tây. Hàng loạt các đoạn quốc lộ nối tiếp nhau vạch ra một con đường xuyên qua những vùng ngoại ô biến dạng. Bỗng cô được giải thoát khỏi những dấu vết của con người và bắt gặp một cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ không ngờ. Con đường gần như thẳng tắp đến Bolder được bao bọc bởi những vách đá màu đỏ và án ngữ phía xa bởi những ngọn núi thật sự cao, trên đỉnh vẫn còn tuyết phủ. Những đám mây nhỏ màu trắng tinh khôi nằm bất động trên bầu trời như thể được găm trên một mặt phẳng.

Từ khi đến Mỹ, Juliette đã cảm thấy một thế lực vô hình luôn theo dõi cô. Cô có cảm giác mình đang tham gia vào trò chơi đi tìm kho

báo với các ám hiệu ở phía trước và dẫn cô tới một đích đến chưa rõ nhưng chắc chắn. Vừa ra khỏi nhà ga hàng không Miami, một tài xế taxi đã đón cô "thay Jonathan". Anh ta đưa cô đến một chiếc xe đậu hơi xa những chiếc khác. Một phòng đã được đặt sẵn với tên Juliette tại một khách sạn gần sân bay. Từ cửa sổ phòng mình, cô trông thấy một trạm xăng và cái mái bằng của một trung tâm mua sắm. Những ngọn đèn vàng vọt chiếu sáng bãi đậu xe khổng lồ trống trải. Sáng ngày hôm sau, một lời nhắn đã đợi cô ở bàn tiếp tân, bảo cô đi lấy vé máy bay đã trả tiền trước bằng tên cô tại quầy của American Airlines. Điểm đến của chuyến bay là Denver, Colorado. Cùng với nó, một chiếc xe hơi cũng đã được thuê sẵn ở đại lý Hertz tại điểm đến. Khi nhận xe, đó là một chiếc hai cầu mới cấu cạnh, Juliette phát hiện ra một chiếc phong bì đã được đặt sẵn trên ghế tài xế. Lộ trình của cô được tô bằng bút dạ quang vàng rực trên bản photo của tấm bản đồ đường bộ trong vùng.

Tại Green River, cô đi vòng qua mặt nam của thành phố, rồi đứng như chỉ dẫn trên bản đồ, cô lái xe theo những con đường càng lúc càng hẹp dần. Thời tiết mùa xuân vẫn còn mát dịu vào buổi sáng nhưng mặt trời đã nhanh chóng đốt nóng bầu không khí. Trong cái buổi đầu giờ chiều này cô phải mở hết kính xe. Sự xáo trộn trong tâm trí cô vẫn chưa chấm dứt, nhưng đã bớt lo và thấy thoải mái hơn. Juliette có cảm giác lạ kỳ là thực tế luôn thay đổi tùy theo mớ hỗn độn trong đầu cô. Khi các ý nghĩ và xúc cảm của cô tăng tốc thì các sự kiện cũng dồn dập lên, ngay cả cuộc sống cũng thế. Kể từ khi rời nước Pháp, dường như mặt đất đã nứt toác dưới chân Juliette và cô bị rơi vào một tình trạng không trọng lượng đầy thú vị xuống những tầng thế giới u minh. Nheo mắt lại dưới luồng gió ẩm, cô hát văng óc. Con đường lên cao dần, vẫn tiếp tục thẳng tưng rồi bắt đầu uốn lượn giữa những quả đồi đầy đá sỏi, mọc toàn những bụi cây xương khô và cây gai. Ở hai bên đường, thỉnh thoảng có những tấm bảng ghi cổng vào của một trang trại nằm ở đầu một con hẻm đất. Thế rồi cuối cùng chính con đường cũng biến thành một lộ đất lổn nhổn sỏi đá.

MÙI ADAM

Tám bản đồ chỉ dẫn cô đi tiếp hai dặm nữa. Juliette lái xe vào lộ đất làm tung lên một đám bụi mù. Cuối cùng, cô đến một bãi cát trống, chung quanh có bốn cây du cổ thụ. Những lối mòn tỏa ra từ bãi đất quá nhỏ để xe hơi có thể đi qua. Cô dừng xe rồi bước xuống. Lúc này thời tiết khá nóng. Cô cởi chiếc áo thun mặc ngoài vứt lại trên băng ghế sau. Trong lúc dò xét xung quanh, Juliette nhanh chóng nhận thấy một trong các lối mòn được đánh dấu bởi tám biển đề "Tàng đá của Jonathan". Cô lần theo lối đó. Ngay từ đầu, các thông điệp đều đề cập đến tên của Jonathan. Lúc đầu cô đã nghĩ đó chỉ là một ám hiệu để cô nhận ra, nhưng rồi cuộc cô tự hỏi liệu có phải chính anh ta là người mà cô sẽ gặp mặt ở cuối hành trình hay không.

Trong tình trạng cô đơn này, cô chắc phải cảm thấy vui mừng khi gặp lại một người quen. Nhưng cô muốn đi tới chỗ một người lạ kia. Nếu tất cả chuyện này là để dẫn đến Jonathan, Juliette sẽ cảm thấy như đã bị lấy mất một cái gì đó và sẽ thất vọng đến nỗi không thể tha thứ cho anh ta được.

Sau một tiếng đồng hồ cuộc bộ, Juliette đi đến một trong những ngọn đồi cao hay được gọi là núi mặt bàn. Cô nhìn thấy cái rìa bằng phẳng của nó phía tít trên cao. Lối mòn đánh lừa mắt người với những bậc đá to rộng đeo vào trong sườn núi. Nó vẽ những đường hình chữ chi lớn ở giữa hai đầu cầu thang vĩ đại này. Phía bên dưới, khuất vào vách đá là một dòng thác đã chạm khắc nên cảnh quan nhấp nhô nơi này. Không khí khô nóng khiến cô thấy khát cháy. Juliette bắt đầu thấy hối tiếc vì đã không mang theo một chai nước. Bỗng nhiên, khi đang leo được nửa chặng, tại một mỏm đá phẳng vươn cao trên các hẻm núi, cô phát hiện ra một phiến đá được bố trí như cái bàn. Trên đó là một cái bình méo mó bằng kim loại màu đỏ. Cô mở nó ra, đổ một ít chất lỏng bên trong ra xem: nước lạnh. Cô tu một hơi dài.

Khi đầu cô vẫn còn đang ngửa ra sau, cô cảm thấy một cánh tay siết lấy cổ mình. Cái bình rơi xuống đất. Một nòng súng ấn vào gáy cô. Juliette đứng bất động. Tiếng nước đổ ồ ồ trên mặt đất bụi bặm dường như to khủng khiếp trong sự yên lặng như tờ này. Lạ lùng

lòng thay, cô không hề thấy sợ. Mạch máu của cô sau phản xạ bất ngờ ban đầu không hề đập dồn dập lên. Trong chuyến đi, cô đã suy nghĩ rất lung về sự việc sẽ đến với mình. Khó có khả năng người ta bắt cô đi một hành trình dài như thế này chỉ để trừ khử cô. Sẽ dễ dàng hơn nếu thủ tiêu cô tại Nam Phi.

Sự tiếp đón đột ngột này cũng không làm cô ngạc nhiên. Quá trình gặm nhấm tuổi thơ đơn độc đã dạy cô nhiều điều. Cô biết sự yếu ớt và nỗi sợ hãi thường nằm ở những kẻ sử dụng bạo lực hơn là những người chịu đựng nó. Lần này cũng vậy, Juliette tự nhủ kẻ dùng vũ khí trấn áp cô chắc hẳn phải cảm thấy bị đe dọa nhiều hơn. Vì thế cô quyết định mở lời trước:

- Tôi không có vũ khí. Và đi một mình. Không ai bám theo tôi cả.

Giờ đây trong sự yên lặng cô đã phân biệt được tiếng thở của người đàn ông đang siết cổ mình.

- Tôi có thể giết cô. - Hắn ta nói.

Hắn có một chất giọng khàn và sâu, mặc dù hạ giọng xuống gần như thầm thì. Nếu nói to hết cỡ chắc đó phải là một trong những chất giọng nam trung làm lay động không gian rộng lớn của các nhà hát hoặc những khu rừng.

- Tôi sẽ không quên điều đó, - Juliette đáp. - Anh có thể cắt vũ khí được rồi đấy.

Cô cảm thấy nòng súng càng ấn sâu vào thịt và hằn dấu lên da cô. Như thể trước khi bỏ nó xuống, người đàn ông muốn đưa vào trong thịt cô kỷ niệm về một mối nguy hiểm, muốn khắc vào đó dấu ấn của lòng trung thành, thậm chí phục thù. Cô thấy bối rối nhưng không phải không thích thú.

Bỗng vòng tay siết lỏng đi. Juliette không quay người lại. Chĩa súng vào lưng cô, người đàn ông bắt đầu lục soát khắp người cô. Bàn tay thô kệch của hắn ta sờ sảng vuốt từ trên xuống dưới, chỉ bị ngăn cách với làn da của cô bằng lần vải mỏng của chiếc áo thun và chiếc quần dài bằng vải bố. Khi móc chùm chìa khóa xe hơi dưới đáy túi quần bên phải, hắn cù nhẹ vào bẹn cô. Cô không thể nén được tiếng cười.

MÙI ADAM

Hắn ta bắt Juliette vừa giơ hai tay lên đầu vừa đi tới trước. Hắn hướng cô đến một lối mòn nằm giữa hai mỏm đá. Nó dẫn vào một thung lũng hẹp, nhìn từ phía dưới lên thì không thể thấy được. Bờ thung lũng mọc nhiều thông. Đám rể của chúng bị lộ ra do đất sỏi mòn nom như những cái chân nhện khổng lồ khô khốc. Hai người đi theo thung lũng cho đến khi nó tạo thành một hẻm núi với các vách đá dốc đứng. Đến một chỗ, có một chiếc thang dây dài thông xuống trên vách đá. Người đàn ông ra lệnh cho Juliette trèo lên trước rồi bám theo sau. Bên trên, chiếc thang chui qua một cái lỗ của vách đá và dẫn tới một gờ đá vươn dài ra trên không, một phần là tự nhiên, một phần được làm bằng phẳng với các viên đá xếp chồng lên nhau. Một cái hốc trú mình ở cuối sân, với một nửa là vách đá, một nửa là những bức tường trát đất đỏ, khoét các ô cửa sổ vuông nhỏ tí. Mặc dù hẻm núi khá hẹp, cái sân trời này nằm ở vị trí đủ cao để nhận được những tia nắng chiều ấm áp. Khi Juliette quay lại, cô nhìn thấy người đàn ông đang kéo chiếc thang dây lên rồi đóng cái lỗ mà họ vừa chui qua, khẩu súng lục giắt ở thắt lưng quần. Hắn ta ra hiệu cho cô ngồi xuống cạnh một chiếc bàn gỗ thô kệch, đồ vật chiếm hết một phần không gian kha khá của khoảng sân, rồi ngồi xuống đối diện với cô.

Đó là một người đàn ông cao lớn, vai rộng, với đôi bàn tay hộ pháp và một cái cổ dài, xương xẩu. Hắn trông rất hòa hợp với hệ thực vật ở vùng đất khô cằn này. Làn da dày, xỉn màu và rám nắng, các ngón tay xương xẩu, sự gầy gò của tứ chi là hình ảnh mô phỏng hoàn hảo của những cái cây khô, những loài thực vật có thân mỏng nước, những hàng giậu xù xì còn sống sót trên mảnh đất khắc nghiệt này. Nhưng ở bên trong, cũng giống như người ta luôn cảm thấy sức sống mãnh liệt sinh sôi từ những thân cây căng tràn nhựa sống và mộng nước kia, sự linh hoạt, sức mạnh, sức kháng cự của người đàn ông này toát ra theo từng cử động. Trong sự đồng điệu của hai bản thể tương hợp là con người và cây cối, nổi bật lên nét khác lạ trong ánh mắt của hắn ta. Đôi mắt xanh nhạt, sắc màu lạnh

lòng của chân trời góc biển, của bình minh bắc cực, hõm sâu trên khuôn mặt hắc. Bên trên chúng là một vầng trán rất cao kéo dài cho đến điểm tiếp xúc với mái tóc đen thẳng, để dài và chải lật ra sau. Phần còn lại của gương mặt không có gì nổi bật, kể cả chiếc sống mũi hẹp và đôi môi mỏng đều không mấy ấn tượng. Cái nhìn của hắc là thứ thu hút mọi sự chú ý. Juliette không tài nào đọc được điều ẩn chứa trong đó. Nó không buồn, cũng không đe dọa, chỉ có vẻ như đang chìa vào cô, nhưng mãi sâu bên trong. Nó như là cửa sổ mở vào một thực tế không thuộc thế giới này, vào một cái vô hạn, một giấc mơ, một bầu trời nội tại, đầy rẫy những thứ trừu tượng và sự điên cuồng.

Hắc ta đâu cần phải chìa súng vào cô. Chỉ cái nhìn kia là đã đủ.

- Cô đã đến nơi rồi. - Hắc nói.

Cô không có vẻ ngạc nhiên hay sợ hãi, điều này dường như làm yên lòng kẻ đối diện.

- Tôi tên là Ted Harrow.

- Còn tôi là Juliette.

- Tôi biết.

Ngay lúc đó, Juliette bỗng nhận ra một điều hiển nhiên. Người đàn ông đang đứng trước mặt cô là đầu mối của tất cả những quyết định liên quan đến cô, chủ mưu vụ Wrocław, kẻ giật dây Jonathan, người điều khiển hai tên quân ngục ở bên Nam Phi trong suốt quá trình thẩm vấn. Tại sao cô lại chắc chắn thế nhỉ? Không biết nói sao nữa. Có lẽ chỉ đơn giản là không thể chấp nhận được một người như hắc ta lại làm theo lệnh của bất kỳ ai. Trong số tất cả những người đã tiếp xúc với Juliette, đây là người đầu tiên cô cảm thấy toát ra uy quyền.

- Tôi cảm ơn anh đã chấp nhận. - Juliette nói.

- Chấp nhận chuyện gì?

- Chấp nhận để tôi tiếp tục chuyến phiêu lưu cùng anh.

- Cô cảm ơn tôi à... - Người đàn ông trầm ngâm lặp lại.

Trong khi nói, không một cơ bắp nào của hắc ta cử động và đôi

MÙI-ADAM

mắt hắn luôn nằm yên một chỗ. Cảm xúc hay phản xạ chỉ thể hiện qua một cái khép mắt kéo dài. Hắn đã buông một tấm màn xuống che đi cái thể giới nội tâm của mình, rõ ràng là để giấu không cho người đối diện thấy được những xáo động có thể đang diễn ra trong đó. Sau đó, tấm màn lại được mở ra trên màu xanh bình lặng của một chân trời hoang vắng. Juliette phạm sai lầm khi phá vỡ sự im lặng.

- Tôi biết tôi đã không để cho anh được lựa chọn, - Cô nói vòng vo. - Đừng trách tôi nhé.

Một ánh chớp sắc lạnh phóng ra từ đôi mắt của người đàn ông, khi sự căng ngang vừa rồi đã ép chúng phải mở ra hơi sớm quá.

- Cô thực sự tin là chúng tôi không còn sự lựa chọn nào khác sao? - Hắn rít lên.

Juliette nhận ra cô đã sai lầm khi nói ra câu vừa rồi. Cô đã quá vội vã buông lỏng mình. Sự thân mật này là quá sớm và có lẽ là không thể chấp nhận được với một người như hắn ta.

- Cái trò tổng tiền của cô đúng là nực cười. Chúng tôi hoàn toàn có thể xử lý cô. Nhiệm vụ của cô đã chấm dứt.

Cô để ý thấy hắn ta là người đầu tiên tỏ ra không quan tâm đến điều mà cô đã làm với cái lọ đồ đánh cắp được ở Wrocław. Điều đó cũng chứng tỏ hắn là người duy nhất điều khiển toàn bộ chiến dịch và có trong tay những thông tin mà cả Jonathan lẫn hai tên quản ngục Nam Phi đều không tiếp cận được.

- Vậy, tại sao anh không loại bỏ tôi?

Ted khép mắt trong một thoáng, rồi mở mắt và đứng lên. Hắn đi đến chỗ vách tường của ngôi nhà. Chén bát bằng đất nung được xếp thành chồng trên một cái bàn xiêu vẹo kê sát tường. Hắn quay trở lại cùng với một chiếc bình có quai và hai cái bát.

- Vì có thể cô vẫn còn hữu ích đối với chúng tôi. - Hắn nói trong lúc rót nước.

- Chính đó là điều tôi mong muốn. - Cô reo lên, để lại một lần nữa tự trách mình vì câu nói bột phát vừa rồi.

Người đàn ông này là một sự pha trộn lạ lẫm của sức mạnh và sự lạnh lùng. Người ta vừa muốn điên cuồng theo chân hắn lại vừa dám chắc là tất cả những biểu hiện của lòng nhiệt thành sẽ chỉ làm hắn tức giận, thậm chí thù ghét. Nhưng cô không thể tự kiềm chế được. Trong tình trạng hưng phấn hiện tại, cô không thể nào giữ lại cảm xúc cho riêng mình.

- Tôi muốn tiếp tục chiến đấu cùng anh. - Cô cố gắng nói bằng một giọng ung dung. - Tôi muốn phục vụ cho mục đích.

- Mục đích nào? - Harrow cắt ngang, dần cái bát đất xuống bàn.

Một ít nước sánh ra ngoài. Hai người nhìn chỗ nước, tựa như chúng là dấu hiệu của một sự phản nộ ghê gớm vừa vùng thoát ra khỏi những con đê ngăn trở nó. Hắn nói tiếp bằng một giọng đùng đục:

- Cô tưởng mục đích của chúng tôi chỉ gói gọn trong việc thả tự do cho lũ mèo, lũ khỉ thôi sao?

- Tôi đã ngờ rằng nó cao hơn thế. - Juliette nói, hơi bực dọc.

Ted đứng dậy, đi qua đi lại một lúc rồi đến đứng ngay trước mặt cô. Lần đầu tiên trên môi hắn nở nụ cười, một nụ cười lạnh nhạt, như một món đồ bị tước đi sự quyến rũ và chẳng còn toát lên giá trị quý hiếm gì nữa.

- Rồi cô sẽ biết. - Hắn nói. - Cô vẫn còn một ít thời gian để học hỏi.

Juliette không muốn nhìn nhận mối đe dọa mơ hồ ẩn chứa trong câu nói vừa rồi. Cô chỉ quan tâm đến điều cốt lõi: cô đã vượt qua tất cả các chương ngại vật, đồng thời, trái ngược với Jonathan và sự tuân phục nực cười của anh ta trước các "cấp trên", cô rốt cuộc đã thoát ra khỏi thế giới mù mờ của những kẻ thừa hành để tiến lại gần chỗ của người điều khiển và ra lệnh.

- Cô sẽ ở lại đây. - Ted nghiêm nghị nói, làm như đang quyết định một bước chiến thuật trước trận đánh. - Khi tôi đi vắng, cô ở lại với Raul.

Hắn hất hàm về phía một thanh niên đang ngồi xồm trong góc sân. Juliette đã không để ý tới sự hiện diện của anh ta. Cô tự hỏi anh ta vừa lên vào hay đã ngồi dự khán từ đầu. Đó là một anh chàng da đỏ có cái mũi tẹt, mái tóc đen được cột bằng đô. Anh ta mặc một chiếc

MÙI ADAM

áo sơ mi tay dài có thêu những họa tiết hình con bò. Juliette kinh ngạc trước sự giống nhau giữa anh ta và Ted. Ngoài đôi mắt - mắt của anh chàng da đỏ có màu đen huyền - thì họ có mái tóc đen và nước da như nhau. Juliette tự hỏi Ted là người lai từ các chủng tộc nào.

Nghe đến tên mình, cậu da đỏ đi nhẹ nhàng ra cửa của ngôi nhà và biến vào trong.

- Cô có đồ đạc trong xe chứ? - Harrow hỏi.

- Một túi đồ.

- Raul sẽ đem nó về cho cô khi cậu ta mang xe đi trả.

Nói đến đây, hắn đứng lên và ra hiệu cho Juliette theo hắn vào bên trong nhà. Phải cúi đầu Harrow mới chui lọt ngưỡng cửa.

Căn phòng đầu tiên rộng một cách ngạc nhiên so với hình dung khi nhìn từ bên ngoài. Trần phòng chính là trần hang. Mặt sàn cũng cùng một thứ đá thô ấy nhưng đã được mài bằng phẳng, bóng lên nhờ những bước chân người. Có một sự tương phản kỳ lạ giữa đồ đạc nội thất thô mộc và các món đồ điện tử nằm khắp nơi trong phòng. Một tivi màn hình plasma, hai ba cái máy tính xách tay đời mới, mấy cái máy in, một chiếc máy quét có vỏ màu bạc ánh lên trên nền kềm tươi của tấm thảm len kiểu thổ dân da đỏ hay dùng và bộ xa lông gỗ phủ vải bông. Rõ ràng chỗ này không được bày biện theo các tiêu chí thẩm mỹ. Nhưng cũng xứng đáng được đưa vào một tờ tạp chí về trang trí nội thất có tiếng tăm.

- Anh làm việc ở đây à? - Juliette hỏi, cuối cùng cũng thử tỏ ra thân mật.

- Tôi không làm việc, - Ted đáp lại một cách máy móc. - Tôi sống ở đây. Và những chỗ khác.

Cái hang rất sâu. Sau khi băng qua phòng khách, họ vào trong một mớ bong bóng các hành lang nhỏ, phòng tắm và phòng ở.

- Đúng là chốn mơ ước của một tí phú ham du lịch! - Juliette thốt lên.

Ánh mắt băng giá của Harrow khiến cô từ bỏ mọi ý định buông ra những câu nhận xét vớ vẩn.

Hắn đưa Juliette đến phòng đã dành sẵn cho cô. Đó là một trong

những căn phòng cuối cùng, ở sâu trong hang đến mức người ta phải tự hỏi làm sao không khí vào được tận đây. Hai cái cửa trên trần chắc phải thông với các khe núi. Người ta có thể cảm thấy một luồng gió mát mang mùi chua chua của hang động.

- Hôm nay tôi phải đi vào thành phố, - Ted nói. - Cô sẽ đợi tôi ở đây.

- Trong cái hang này!

Trong đầu cô vẫn còn lớn vồn hình ảnh của những ngày giam giữ lê thê bên Nam Phi.

- Mai tôi sẽ quay về và chúng ta bắt tay vào việc.

Khi trở ra sân, Juliette nhận thấy hai người da đỏ khác đang làm việc vặt trong nhà, im lặng như những thợ săn.

Việc đặt chân đến nơi này khiến cho Juliette thư giãn một cách kỳ lạ. Chỗ này vẫn còn đầy bí ẩn, và có tất cả biểu hiện của một bước tạm thời. Thế nhưng, cô lại có cảm giác mình rốt cuộc đã cập đúng bến. Cô thấy mình đỡ căng thẳng hơn, các ý nghĩ trong đầu cô bớt quay cuồng đi một chút. Tự cô tìm đường quay lại phòng, nằm lên giường và ngủ thiếp đi nhanh chóng sau khi nhìn lên trần hang đá.

IX

Seattle, bang Washington.

Trụ sở chính của One Earth trước đây là một trường học nằm trong khu vực phía bắc của Seattle. Nếu đi bộ, người ta có thể đến đó bằng cách chui dưới gầm một cây cầu vượt bằng sắt có chức năng đưa xe lửa và xe hơi từ phía bên kia vịnh vào thành phố. Công trình luôn vang dội âm thanh rầm rập của các toa tàu hòa trộn với tiếng rung của những tấm sắt ghép không chặt khi có xe tải chạy qua trên

MÙI ADAM

đó. Một nhóm người lang thang hoặc cực kỳ dũng cảm, hoặc điếc đần đã chọn cái gầm cầu địa ngục này làm nơi tá túc. Qua khỏi chỗ đó, người ta sẽ tới một khu phố vắng vẻ, lúc trước được dành cho tiểu thủ công nghiệp và các đầu nậu thương lái, bây giờ ít người lui tới do những thành phần kia đã dạt hết ra ngoại ô. Nhiều cơ quan đã hưởng lợi từ sự tàn lụi đó. Bị hấp dẫn bởi tiền thuê rẻ mạt của những tòa nhà cũ, các đoàn thể này đóng đô ở đó và chẳng buồn cải tạo. Người ta có thể bắt gặp một đài phát thanh địa phương tại chỗ trước đây từng là cơ sở giết mổ, với các phòng lạnh đã được biến thành phòng thu; một câu lạc bộ múa bụng đã phủ các tấm thảm và màn trướng lên sảnh tiếp tân ngày trước của một công ty bảo hiểm. Trụ sở của One Earth được đặt tại một tòa nhà ba tầng bằng gạch, xung quanh có hàng rào cao, nhằm xác định giới hạn sân chơi của học sinh và cản lại những quả bóng không cho bay ra ngoài đường vào cái thời mà tòa nhà được dùng làm trường học. Giờ đây hàng rào cao mang lại cho nơi này dáng dấp của một doanh trại. Một chiếc máy quay an ninh đã được lắp đặt ngay bên trên lối vào chính. Cần phải tự giới thiệu kỹ lưỡng, rồi đợi một lúc khá lâu, trước khi tiếng rền rẹt vang lên báo hiệu cổng đã được mở then.

Tiền sảnh ngôi nhà đặc kín áp phích và các quầy trưng bày với các ấn phẩm của tổ chức chất đồng bên trên. Rõ ràng là công chúng không được phép vào sâu hơn khu vực hạn chế này. Một cô trực tổng đài mặt đầy tàn nhang đang lúi húi phía sau quầy. Không có ai đi vào hay đi ra qua những cái cửa thông với tiền sảnh. Đó là bằng chứng, Kerry nhủ thầm, cho thấy tòa nhà chắc chắn phải có một lối vào khác dành riêng cho nhân viên.

Cô dành một lúc để xem xét các tấm áp phích và tờ rơi. Phong trào đang nhấn mạnh hơn bao giờ khía cạnh nằm ngoài luật lệ, sự mạnh mẽ, trực tiếp dành cho hành động của nó. Hình ảnh các tuyên truyền viên râu ria đấu tranh với bọn lâm tặc nhan nhản trong số gần nhất của tờ *Green Fight*, cơ quan ngôn luận của tổ chức. Việc sử dụng các hình ảnh này càng tỏ ra cần thiết khi đường lối hoạt động của tổ chức

đã được ấn định chắc chắn theo hướng trung dung, kể từ sau sự ra đi của các nhóm ly khai cực đoan như *Những kẻ săn mồi mới*.

Kerry đã có được kỳ thực tập này nhờ trung gian của Dean, cựu nhân viên FBI đang làm việc cho Barney. Ông ta vẫn còn giữ các mối quan hệ cá nhân với một trong những người cung cấp tin cũ. Anh ta bây giờ đang hoạt động cho One Earth, nhưng Dean không chắc liệu anh ta có tiếp tục cộng tác với cảnh sát nữa hay không. Kerry đã thành công trong việc thuyết phục Dean nhờ người đó giúp, sau khi đã giải thích với ông rằng hành động này không hề đi ngược lại yêu cầu tiến hành kín đáo của Archie.

Người bạn của Dean xuất hiện làm gián đoạn việc xem xét các tờ rơi của Kerry. Nhờ một tấm thẻ từ, anh ta đưa cô vào bên trong. Đó là một thanh niên khoảng ba mươi tuổi, cơ thể bị chứng béo phì làm cho biến dạng to ra, từ cổ, phần dưới khuôn mặt cho đến cả hai cổ tay. Anh ta có dáng đi lạch bạch vì đôi chân phải gánh một trọng lượng quá lớn.

- Tôi tên là Roger. - Anh ta mở lời. - Dean đã kể cho tôi nghe chuyện xảy ra với chị. Thật khủng khiếp. Tôi rất vui vì có thể giúp đỡ chị.

Kerry liếc nhanh anh ta trước khi điều chỉnh thái độ dựa trên những gì quan sát được về anh chàng. Đúng như một người từng cung cấp tin tức cho cảnh sát liên bang - và có thể vẫn còn đang thực hiện điều đó. Roger có vẻ chân thành. Dean đã nhờ anh ta ra tay giúp đỡ một người bạn có chồng và hai con vừa tử nạn trên chuyến bay xuyên Đại Tây Dương. Khi biết được chuyện này, mặc dù không phải là người mê tín, nhưng Kerry cũng tức điên lên. Đó thực sự là một vỏ bọc rất tệ và có nguy cơ mang xui xẻo đến với cô. Nhưng Kerry cũng phải thừa nhận rằng Dean đã chọn đúng hướng tấn công. Roger hoàn toàn đồng cảm với câu chuyện đó. Kerry tự hỏi liệu anh ta có bị lừa hay không. Nhưng dù sao thì cô cũng không còn lựa chọn nào khác: phải buộc anh ta chơi cùng thôi.

Cô đã cẩn thận xuất hiện với mái tóc rối, bần thiêu và lò xo xòa những lọn tóc bết dính xấu mù. Cô trát một lớp phấn dày trên mặt,

MÙI ADAM

nhưng chỉ để nhấn mạnh thêm vẻ ủ ê và những quãng thâm ố mắt. Giống như một người bị trầm cảm, cô mặc bộ quần áo cũ được là qua quýt. Cô tiếp nhận lời chia buồn của Roger với một nụ cười héo hắt và cảm ơn anh ta một cách uể oải.

Roger giải thích cho Kerry công việc cô phải làm. Chỉ đơn giản là gửi đi những tài liệu tuyên truyền mà công chúng yêu cầu. Đối với những ai muốn có những thông tin tổng quát, chỉ việc nhét vào phong bì một bộ tờ rơi chuẩn và các phiếu đăng ký dài hạn. Những yêu cầu còn lại thì cụ thể hơn, chẳng hạn như một tờ nội san cũ hoặc những ấn phẩm (có trả tiền) chuyên biệt. One Earth có một dịch vụ xuất bản nho nhỏ. Danh mục xuất bản được dán trên một bức tường, với những dấu gạch chéo ở các tựa sách đã hết hàng. Những quyển bán chạy nhất là *Kỹ thuật phá hoại xanh* hoặc *Khả năng tự vệ của người chiến binh xanh*. Kerry để ý thấy cụm từ "người chiến binh" đã thay thế cho "tuyên truyền viên" trong quyển tạp chí đặt ngoài sảnh.

Sách và tờ rơi được xếp trên các giá bằng sắt, ở những tầng trên cùng phải dùng đến thang mới tiếp cận được. Kho tài liệu được đặt trong phòng tập thể dục cũ của trường. Người ta vẫn còn nhìn thấy những vạch sơn của sân thi đấu trên sàn gỗ và một cái vành rổ gắn trên tường.

Khi Roger kết thúc việc giảng giải về những việc phải làm, Kerry lắc đầu rồi hỏi bằng một giọng gần như không thể nghe được:

- Tôi làm một mình à?

- Vâng, nhưng chị sẽ thấy: cũng chẳng có nhiều việc lắm đâu. đương nhiên tuần này có hơi bận bịu một chút. Chúng tôi không có người kể từ một tháng nay rồi... Nhưng khi chị đã giải quyết xong những việc tồn đọng thì...

Kerry cúi gằm mặt.

- Ý tôi không phải là như thế.

Ngực cô bắt đầu co thắt. Người khác có thể cảm thấy cô chực khóc đến nơi.

- Vậy thì là gì?

- Sự cô đơn. Tôi không thể chịu nổi nữa. Tôi cần phải gặp mọi người. Tôi đã tưởng ở đây...

Anh chàng Roger này rõ ràng là một người tốt bụng. Kerry hơi tự trách mình một chút khi dắt mũi anh ta. Nhưng cùng trong lúc ấy, cô càng nói dối anh ta nhiều chừng nào thì anh ta sẽ càng ít phải hứng chịu hậu quả của những việc cô sắp làm chừng ấy.

- Chị có bị bắt buộc phải ngồi trong cái kho này cả ngày đâu! - Roger thốt lên. - Trước hết, có những lúc giải lao để uống cà phê và ăn trưa. Chúng tôi có một căng tin khá tử tế. Tôi sẽ chỉ cho chị trưa nay. Rồi chị cũng có thể đến gặp tôi. Phòng tôi ở cuối hành lang, ngay tầng trệt. Thịnh thoảng có những lời yêu cầu hơi khó đáp ứng. Chị cứ hỏi tôi, đừng ngại.

Kerry rất hài lòng. Cô đã có một cái cơ tuyệt hảo để đi lòng vòng trong tòa nhà. Cô tạo ra một nụ cười bất tuyệt vọng hơn và làm cho mắt mình lấp lánh đôi chút. Roger rất vui mừng khi thấy mình là nguyên nhân của sự tiến bộ này. Kerry tự hỏi liệu anh chàng này có hơi phải lòng mình không. Điều đó sẽ làm cho tình hình trở nên phức tạp. Không được để cho Roger bám theo cô quá nhiệt tình. Nói y như rằng, anh chàng dành ra gần cả buổi sáng để phụ giúp cô. Đến khoảng mười một giờ, nhận thấy anh chàng vẫn lảng xãng bên cạnh, Kerry đành phải tung chiêu.

- Roger này, thứ lỗi cho tôi nhé. Biết nói sao nhỉ? Tôi sợ sự cô đơn, như tôi đã nói. Nhưng tôi cũng cần chút riêng tư nữa. Tôi chỉ muốn...

Roger đưa đôi mắt tử tế lên nhìn Kerry.

- ... Lúc này tôi chỉ muốn yên tĩnh một chút thôi. Tôi cần phải nhập tâm tất cả các việc này. Cậu không trách tôi chứ?

Roger then đỏ mặt và rút lui cùng những lời xin lỗi vụng về.

Còn lại một mình, Kerry nhìn đồng hồ. Cô còn một giờ. Cô bắt đầu xếp các tập tài liệu thật nhanh chóng để tiết kiệm thời gian. Cùng lúc đó, cô nhắm lại các bước trong kế hoạch đã bàn thảo với sự giúp đỡ của Tara và các cộng sự khác. Đó là thành quả của

MÙI ADAM

một khối lượng công việc khổng lồ, được thực hiện trong một thời hạn kỷ lục. Tính tổ chức của Providence đã tự chứng tỏ sự ưu việt của nó.

Phương pháp tiên hành được lựa chọn khá là đơn giản. Trong ngành tình báo thì phương pháp này không thể dùng được. Chiến thuật áp dụng đã quá quen thuộc và sẽ ngay lập tức gây ra nghi ngờ. Nhưng, trong một tổ chức kiểu như One Earth thì người ta vẫn còn có thể đặt cược vào hiệu ứng bất ngờ. Dù thế nào thì trong thời hạn ngắn ngủi cho phép, cũng không thể có nhiều lựa chọn hơn.

Kerry ngáp dài. Cô đi ngủ lúc ba giờ sáng sau khi đã tập dượt lần cuối với các cộng sự ở Providence bằng hội nghị truyền hình từ phòng khách sạn, nhờ hỗ trợ của máy tính xách tay và webcam. Giờ là lúc phó mặc cho ý trời, như mọi lần.

Đúng giữa trưa, cô rời kho tài liệu và leo lên các tầng trên, không quên cầm theo một tệp tài liệu cho có vẻ như đang làm công chuyện. Các hành lang gần như trống không. Số người ít ỏi chạm mặt cô chỉ máy móc gật đầu thay cho lời chào. Mọi người không biết nhau hết và sự hiện diện của cô chẳng gây tò mò mấy. Vào giai đoạn này của nhiệm vụ, cô chưa thực sự cần phải di chuyển một mình trong tòa nhà. Nhưng cần phải xác định càng sớm càng tốt xem có thể làm việc đó trong những giai đoạn kế tiếp hay không.

Kerry nhận ra một khi đã qua được cửa tiếp tân, cô có thể tự do tiếp cận phần còn lại của tòa nhà. Cô sai bước qua cả ba tầng lầu mà không hề lo lắng. Các phòng làm việc không gắn bảng tên, nhưng cách bài trí trong các phòng ban có khác nhau. Nó tiết lộ một chút về công việc của họ: các chồng báo trong ban tuyên truyền, bản đồ đánh dấu treo trên tường tại các phòng kế hoạch - One Earth, trái với tên gọi của mình, vẫn chia thế giới ra thành các khu vực địa lý để theo dõi những nguy cơ đối với môi trường ở từng nơi - và các tập hóa đơn ở phòng tài vụ. Mọi thứ có vẻ rất có trật tự. Ngay cả đội ngũ nhân viên cũng tỏ ra siêng năng, có năng lực và hiền lành. Sự lảng lẽ dễ chịu của họ tương phản hẳn so với hình ảnh những kẻ

bậm trợn gào thét mà tổ chức trưng ra trong các ấn phẩm. Người ta hoàn toàn có thể nhầm họ với các nhân viên văn phòng của bất kỳ công ty nào. Điểm khác biệt duy nhất, điểm cho thấy tính chất phi lợi nhuận của tổ chức, là sự thiếu vắng của một tầng dành cho cấp chỉ huy theo đúng nghĩa. Các vị lãnh đạo phong trào nếu có thì cũng lẫn vào những người khác. Sàn trải thảm dày, vách ngăn bằng gỗ tếch, những tấm tranh được đóng khung cẩn thận, những dấu hiệu thông thường của các sếp hoàn toàn bị bỏ qua ở trong môi trường hành động trực tiếp này. Khi đảo qua tầng ba, manh mối duy nhất cho phép Kerry nghi ngờ mình đang băng qua văn phòng của các sếp là sự lộn xộn của chúng và sự thay đổi tinh vi ở nhóm người làm việc tại đây. Qua một cánh cửa mở rộng, cô quan sát thấy một ông khoác áo cánh cao bồi, chân đi ủng Mễ tây cơ đang gác chân lên bàn. Trong một phòng làm việc khác, cô nhận ra những người ở đó lớn tuổi hơn và ồn ào hơn so với cánh nhân viên làm trong các bộ phận kỹ thuật. Thế hệ thời bùng nổ dân số đã thành lập nên One Earth nay vẫn còn đang kiểm soát nó. Bây giờ họ đã là những ông già tóc hoa râm, nhưng phong thái của họ vẫn cho thấy họ thuộc về một thế hệ áp đảo.

Kerry chấm dứt buổi do thám và leo xuống một cầu thang bằng bê tông, rộng đủ để cho toàn bộ học sinh của hai lớp học có thể đi qua vào giờ ra chơi. Xuống đến tầng một, cô đụng phải Roger. Anh chàng thoáng ngạc nhiên, trong đầu có lẽ đã hơi nghi ngờ. Nhưng Kerry biết cách xua nó đi bằng cách gần như lao vào anh ta theo nghĩa đen.

- Cuối cùng tôi cũng tìm được cậu rồi! - Cò rên rí. - Thật chịu không thể nào biết được căng tin nằm ở đâu. Chẳng có ai trong các hành lang cả.

- Nó không nằm bên trong tòa nhà đâu. Chị phải đi ra ngoài và băng qua sân.

- Thế mà tôi lại không đoán ra.

Cô nói những lời vừa rồi với một vẻ mặt tội nghiệp đến mức làm

MÙI ADAM

Roger mỉm cười. Anh nắm lấy tay cô dẫn đến tận căng tin. Nó nằm trong một căn nhà nhỏ không được thông thoáng tốt, với những ô cửa kính mờ đi vì hơi nước. Lốp gạch trên sàn và tường bán dội âm thanh làm cho căng tin trở nên rất ồn ào vào cái giờ cao điểm này. Mọi người gần như phải hét lên khi nói chuyện với nhau. Những tiếng cười lộng óc vang lên từ một bàn toàn phụ nữ.

Roger đi chào vài người và Kerry lợi dụng lúc này để định vị người mà cô đang tìm kiếm. Ngồi hơi tách biệt, cô ta đang ăn trưa cùng ba người khác, một nữ và hai nam. Nhìn trang phục và thái độ thì họ là nhân viên chứ không phải sếp, chiếu theo những gì mà Kerry đã rút ra được sau chuyến thị sát của mình.

Roger đề nghị ngồi vào một cái bàn vừa trống. Kerry cố tình ngồi xuống sao cho mặt đối mặt với đối tượng của mình, khoảng cách giữa hai người vào khoảng năm mét. Vừa ngồi xuống là cô lập tức nhìn chăm chăm con mồi. Đó là một cô gái trẻ ba mươi tuổi, tóc nâu dài dợn sóng. Cô ta có đôi mắt to được tô vẽ cầu kỳ. Làn da căng trên khuôn mặt cô ta đã bắt đầu xuất hiện những vết nhăn nhỏ nơi khóe miệng. Kerry quay ra nhìn cô ta nhiều đến nỗi cuối cùng Roger cũng phải nhận thấy và quay lại.

- Chị nhìn ai mà ghê thế? Chị biết người nào ở đây à?

- Là thật đấy. Hình như là một cô bạn thời thơ ấu của tôi.

Roger lại quay đầu nhìn.

- Có lẽ tôi nhầm, - Kerry lắc đầu lăm bắm. - Lâu quá rồi... - Rồi cô hạ giọng làm như tự nói với mình. - Cô ấy là Ginger.

- A, ra chị nhìn Ginger đấy à?

Kerry buông rơi chiếc nĩa.

- Sao cơ?

- Tôi vừa nói... chị gái ngồi đằng kia cũng tên là Ginger. Ờ thì, nói thế chứ biết đâu đó chính là người quen của chị...

Kerry tái mặt. Lúc này cô nhìn đối tượng trên trời đến nỗi cô gái kia nhận thấy và cũng nhìn lại.

- Tôi phải làm rõ chuyện này mới được. - Kerry vừa nói vừa đứng lên.

Cô bước đến chỗ của cô gái, ngồi xuống gần có ta, khiến cô ta phải quay lưng lại với những người ngồi cùng bàn.

- Tôi xin lỗi, tôi là người mới ở đây, - Kerry mở lời. - Tôi biết nếu không đúng thì sẽ rất ngớ ngẩn, nhưng tôi thấy hình như... chúng ta từng học chung một lớp ở trường tiểu học Mark Twain de...

- Des Moines!

- Chị là Ginger, phải không? - Kerry reo lên. - Chị không nhận ra em à?

Cô gái cười rúc rích tán đồng. Nhưng người ta vẫn cảm thấy một sự ngập ngừng. Cô ta không thể nào nhớ ra cái tên của người vừa xuất hiện từ trong quá khứ của mình. Phản ứng như thế là bình thường. Tara đã nhắc Kerry về giai đoạn bỏ ngỡ này. Nếu đối tượng có cảm thấy nghi ngờ thì điều đó cũng không quan trọng lắm; cái chính là phải tỏ ra thuyết phục khi kể về chuyện ngày xưa của nhau. Đây là lúc để thêm vào các chi tiết khác.

- Em tên là Kerry. Chính ra em là một người bạn của Lindsay, em chị. Trên thực tế, tuổi em nằm giữa hai người. Chị sinh năm 75, đúng không?

- Đúng rồi, tháng sáu năm 75.

- Em vẫn còn nhớ vì chị hơn em đúng một tuổi. Hồi đó, khoảng cách này lớn lắm. Em lại bé người nữa. Chị đâu có để ý đến em.

Cả hai cùng cười.

- Vậy ra cô hơn Lindsay tám tháng à? - Ginger hỏi.

- Chính xác là thế. Mà này, cô ấy giờ ra sao rồi? Chị phải biết là em chẳng có tin tức gì của cô ấy từ ít nhất là mười năm nay.

- Lindsay đã kết hôn với một người Canada. Họ có ba đứa con. Nó sống ở vùng Chicoutimi, tí trên phía Bắc.

- Chị phải cho em địa chỉ đấy nhé. Em sẽ viết thư cho cô ấy. Thế còn ba mẹ chị, hai bác vẫn ở Kansas à?

MÙI ADAM

- Không, hai người đã mua một căn hộ nhỏ ở Fort Lauderdale và sống gần hết thời gian ở đấy. Mùa hè thì hai bác đến đây.

Roger đã đến nhập bọn và đang giải thích đầu đuôi cho những người ngồi cùng bàn với Ginger.

- Chị ấy bỗng nói: "Hình như là Ginger", còn tôi thì y như thằng đàn, cứ thế bật ra: "Chị này *cũng* tên là Ginger!"

Lời làm chứng của anh chàng vừa củng cố thêm cho tính chất ngẫu nhiên của màn tái ngộ.

Roger đi lấy cà phê cho cả bàn. Khi quay lại, hai cô bạn cũ đã lần lượt cùng nhau ôn lại kỷ niệm: thành phố Des Moines, nơi Kerry đã sống ba năm, cái hồ bơi mà các cô vẫn đến vào mọi ngày Chủ nhật, trung tâm thành phố nhỏ xíu, một tiệm thuốc ở gần trường, nơi người ta bán bánh kẹo...

Kể lại kỷ niệm ấu thơ là một trong những việc đơn giản nhất, Tara đã nhấn mạnh như thế. Chính xác quá thì sẽ gây nghi ngờ. Chỉ cần khơi ra những nét chính, ôn lại không khí ngày xưa, một hai chi tiết vu vơ mà người kia thường là không thể nhớ được nữa. Toàn bộ những cái đó sẽ không thể bị bác bỏ được.

Tiếp đến, nhắc đến cuộc sống sau khi không còn gặp nhau nữa, khi tuổi thơ chấm dứt. Giai đoạn này không dựa vào những kỷ niệm chung nữa, nên nó cũng dễ thực hiện hơn. Chỉ cần tránh những sự xác minh về sau, hoặc là phải chuẩn bị đối phó sẵn, như trong một vỏ bọc thông thường.

- Bây giờ em làm gì? - Ginger hỏi.

- Đó là một câu chuyện khá dài, - Kerry nói, lấy lại bộ mặt bí xị mà Roger đã thấy từ lúc cô đến. - Rõ ràng là chị còn nhiều việc phải làm...

- Ừ, chị phải quay lên văn phòng rồi. Nhưng ta cùng lên đó chuyện trò một chút đi. Hóa ra em cũng làm ở One Earth à?

- Kể từ sáng nay...

- Em phải kể cho chị nghe đây nhé.

Hai người khoác tay nhau đi ra hết như những cô bạn cũ lâu ngày không gặp lại. Roger xúc động nhìn cảnh đó, rất hài lòng vì đã tham dự dù chỉ một chút vào sự trùng phùng này.

Lên đến tầng ba, hai cô đã gần như nói hết chuyện. Hoàn cảnh bi đát của Kerry, những giai đoạn chính trong đời cô trước tấn thảm kịch. Ginger thì kể về chồng cô ta, về cô con gái mười tuổi của mình. "Ở tuổi của tụi mình lúc biết nhau ấy". Còn về công việc, Ginger chỉ miễn cưỡng bàn đến, miệng thở dài một cái.

- Em có biết chị đã làm ở đây từ mười lăm năm nay không?

- Một nhọc lắm hả chị?

- Chị ngán tận cổ rồi, nhưng nó cũng có mặt tốt.

- Chính xác thì chị làm gì?

"Chỉ đặt những câu hỏi khiến người ta tin rằng chị không biết gì cả", Tara đã nói với cô như vậy.

- Cũng khó giải thích lắm. Có thể nói chị là cái bản lẻ.

- Cái bản lẻ giữa đầu với đầu?

- Giữa ban lãnh đạo và nhân viên.

- Ban lãnh đạo á?

- Các sếp ấy mà. Nhưng họ không muốn mọi người gọi họ như vậy. Hầu hết đều là những thành viên sáng lập nên tổ chức này. Một nhóm những người rất có tài, nhưng ông nào ông nấy điên như nhau. Bây giờ họ trưởng giả rồi, họ không tung hê mọi thứ nữa, nhưng họ muốn cấp dưới làm việc. Và đứng ở giữa hai cấp, là chị.

- Chị biết đấy, em chỉ vừa mới đến. Em hoàn toàn không biết chỗ này hoạt động như thế nào. Có một ông chủ tịch, người chớp bu, người chỉ đạo mọi thứ không?

- Ở đây cũng có những màn đấu đá kinh khủng y như trong các tổ chức kiểu này. Từ khoảng gần hai năm nay, mọi chuyện đã lắng xuống. Những kẻ nóng đầu đã ra đi. Một nhóm ba người có lý trí hơn những người khác chút ít, đã nắm quyền điều hành mọi thứ.

Ginger nói thẳng vào chủ đề gần như quá nhanh. Kerry cho rằng

MÙI ADAM

minh nên thận trọng không đẩy cho nó nhanh hơn. Cô vẫn tuân theo kế hoạch đã định.

- Em phải quay lại làm việc rồi. - Cô nói.

- Em làm việc gì thế?

Kerry giải thích công việc của mình.

- A, chị hiểu rồi. Em thay thế cho một cậu khuyết tật vẫn làm công việc gửi tài liệu cho đến lúc này. Tội nghiệp, cậu ấy có vẻ không được khỏe. Công việc làm em hài lòng không?

- Nói thật với chị, nó hơi... đơn giản.

- Em học ngành gì?

Kerry nhún vai.

- Ngành lưu trữ.

- Trời, cái đó cũng là một ngành hả em?

- Thậm chí còn khá phức tạp nữa đấy. Em đã học sáu năm chuyên sâu, làm luận văn thạc sĩ hân hoan.

- Về việc sắp xếp á?

- Lưu trữ không đơn thuần là sắp xếp đâu. Nó là một bộ nhớ tập thể. Nó là danh tính của các học viện, là tiểu sử của một xã hội đấy.

- Em nói nghe hay thật đấy! Thế sao em không làm trong lĩnh vực đó?

- Em vẫn làm cho đến khi chồng em qua đời. Kể từ đó, em tung hê tất cả. Người ta sa thải em.

"Không đưa những chi tiết gần đây", Tara đã nhấn mạnh điểm này. Nhân thân giả của cô khá lỏng lẻo. Dân trong nghề gọi nó là vỏ bọc dùng một lần. Các tham chiếu của nó không được vững chắc như của vỏ bọc thông thường. Trong trường hợp bị xác minh là trò lừa bịp sẽ nhanh chóng bị phát hiện. May mắn là thời hạn ngắn của điệp vụ không để người ta có nhiều thời gian đi kiểm tra kỹ càng. Nhưng đây vẫn là canh bạc đầy rủi ro. Điều đặc biệt quan trọng là không được để người ta tiến hành những xác minh đơn giản, bằng cách tránh đưa ra những chi tiết quá gần hiện tại.

Ginger nhìn xuống bàn làm việc chất đống giấy tờ của mình. Tất cả bốn bức tường của văn phòng đều lèn chặt những kẹp hồ sơ bằng bìa cứng, nhiều cái sắp bực đến nơi. Những cái còn trống thì bị đẽ bẽp bởi những hồ sơ bên cạnh. Cô ta nghĩ ngợi một lúc rồi nói:

- Có lẽ em sẽ có ích cho bọn chị ở đây hơn là ở dưới kia. Để chị bàn với em về vấn đề lưu trữ của chỗ này.

- Ai đảm nhận việc này ạ?

- Chẳng có ai, đương nhiên rồi. Ai cũng bận việc cả mà.

Điện thoại đổ chuông và Ginger nói một thôi một hồi về một lịch họp sẽ bị thay đổi. Sau khi gác máy, cô ta đã hoàn toàn quên mất chuyện lưu trữ.

- Chị phải xin phép em thôi, Ginger nói với Kerry. - Chị còn cả đống việc phải giải quyết. Em cứ làm việc đi, trưa mai chị em mình lại gặp nhau. Có lẽ một tối nào đấy chị sẽ thu xếp mời em về nhà dùng bữa.

Kerry do dự một lúc, cân nhắc giữa nên hay không. Mặc cho sự mạo hiểm, tính cấp bách của nhiệm vụ buộc cô phải hành động ngay.

- Chị nghiêm túc không? - Ginger hỏi.

- Về chuyện gì?

- Vấn đề lưu trữ của chị ấy. Chị biết đấy, em thật sự rất vui nếu được làm việc với chị. Và lại càng vui hơn là ở lại dưới kho một mình. Trong mười lăm ngày, em sẽ sắp xếp mọi thứ đâu ra đó.

Ginger ngán người, mắt nhìn Kerry chằm chằm. Yên lặng kéo dài.

- Ở Des Moines..., - cô ta nói, mắt nheo lại đầy nghi ngờ. - Chị đang tự hỏi...

Kerry cảm thấy mồ hôi nách túa ra. Nhưng cô vẫn thường tỏ ra bình tĩnh một cách đáng ngạc nhiên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo. Đây là lần đầu tiên kể từ khi quay lại nghề cũ, cô cảm thấy nỗi sợ mà cô chưa bao giờ có thể quên được. Cô nghĩ đến Paul.

- Phải, chị đang thắc mắc... liệu em có phải là bồ của Jerry Knobe không.

MÙI ADAM

Nhóm của Tara đã hoàn thành những công việc kỳ diệu chỉ trong một tuần lễ: tìm ra Ginger từ những tài liệu do One Earth ấn hành; kiểm tra xem cô ta có còn làm thư ký của ban lãnh đạo hay không; moi ra sơ yếu lý lịch của cô nàng; xác định nơi nàng đã lớn lên; phái một người tới đó để bí mật thu thập các dữ liệu làm chứng. Nói tóm lại, tổng hợp lại tất cả những thành tố để xây nên một cái vỏ bọc dùng một lần rồi vứt... Họ đã làm những việc đó một cách đáng khâm phục và Kerry đã nhập vai trong một thời gian kỷ lục. Nhưng chưa có ai từng đề cập đến Jerry Knobe bao giờ. Kerry chỉ có một tích tắc để tự quyết định. Ginger đang nhìn cô một cách đầy bí hiểm. Cần phải đánh liều được ăn cả ngã về không vậy.

- Phải, - Kerry ngẩng đầu thú nhận. - Em đúng là bạn gái của Jerry Knobe.

Ginger đứng dậy, hét lên một tiếng. Cô ta vòng qua bàn làm việc và ôm hôn hai má cô thật chặt.

- Thế sao em không chịu kể với chị chuyện này sớm hơn? Giờ thì chị nhận ra em rồi! Nhìn thấy em lúc này, thật ngớ ngẩn, nhưng chị đã nghi ngờ rồi. Rõ ràng là chúng ta đã ở cùng một nơi mà chị không để ý. Nhưng bây giờ thì chị nhận ra rồi.

Kerry đứng dậy và Ginger tiễn cô ra ngoài hành lang, tay vuốt ve lưng cô.

- Buồn cười thật, những kỷ niệm xưa, - Cô ta nói. - Mai đến gặp chị nhé, chị sẽ kể cho em hàng đống chuyện khác...

Kerry dợm bước đi thì Ginger giữ cô lại và hạ giọng nói thêm:

- Jerry Knobe... Em biết không, cả chị nữa, sau đó một năm...

Cô ta đặt một ngón tay lên miệng rồi phì cười như một cô thiếu nữ.

PHẦN BA



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

I

Hoang mạc Colorado, Mỹ.

Harrow về lúc tối khuya. Hắn ta có vẻ mệt mỏi và đi nằm ngay, chỉ kịp hỏi Juliette liệu cô có biết cách trèo lên lưng ngựa hay không. Cô đáp có. Thật ra, việc tập cưỡi ngựa của cô chỉ dừng lại ở vài buổi học trong một tàu ngựa của quân đội hồi cô mười hai tuổi. Bố cô, vốn chuộng các phương pháp giáo dục hà khắc, đã tự đăng ký cho cô, lại còn yêu cầu người huấn luyện dạy dỗ thật nghiêm. Khi mẹ cô nhận thấy con mình mặc dù thể vẫn bắt đầu yêu thích môn này, bà đã tìm cách để cho cô không thể tiếp tục được nữa. Nhưng Juliette cũng biết đủ để có thể ngồi vững trên một cái yên ngựa kiểu Mỹ, rộng và có đệm.

Trời vừa tảng sáng thì lũ ngựa đã sẵn sàng. Juliette không biết điểm đến của chuyến đi, nhưng cô cho rằng việc không đặt câu hỏi là lẽ đương nhiên. Cô tin chắc từ nay mình đã là thành viên của nhóm nên phải tuân theo kỷ luật, trước tiên là phục tùng và yên lặng.

Phía dưới ngôi nhà hang động, nơi thung lũng khô cằn, hai con ngựa khoang đã được đóng yên đang đứng đợi, một trong số những người da đỏ đang trông chừng chúng. Một ít đồ đạc nằm trong mấy cái túi buộc đằng sau yên ngựa cho thấy chuyến đi sẽ kéo dài nhiều ngày. Trong một chiếc túi buộc ở yên của Harrow lòi ra cái bóng của một khẩu súng trường được chạm trổ tinh xảo.

Hai người bắt đầu men theo hẻm núi cho tới khi gặp một đồng đá sạt lở ở một bên mép núi. Một lối mòn hẹp đầy bụi đất len lỏi giữa

MÙI ADAM

những tảng đá. Hai con ngựa tỏ ra rất thuộc đường vì chúng tự đi với những bước chắc chắn. Harrow cưỡi một con ngựa giống cổ to. Juliette theo sau trên lưng của một nàng ngựa cái hiền lành và dễ chịu. Cứ thế họ đi đến mép đỉnh núi phẳng vào lúc vầng dương bắt đầu tách ra khỏi đường chân trời. Con ngựa giống sai bước dài hơn. Juliette hơi bị tụt lại phía sau và thỉnh thoảng phải đi nước kiệu để bắt kịp nó. Khoảng cách giữa hai người không làm cô khó chịu, mà Harrow có vẻ cũng muốn duy trì nó. Nó giúp hai người giữ yên lặng, để không gì ảnh hưởng đến việc thưởng ngoạn quang cảnh trước mắt họ.

Khi mặt trời mọc, hai người nhìn thấy những cảnh vật phía xa sáng rực lên. Nó hoàn toàn trái với những buổi bình minh thông thường, khi cảnh vật tái đi trong lúc ánh sáng mạnh dần. Ở đây, màu đỏ không phát ra từ bầu trời, mà đến từ mặt đất. Mặt trời càng lên cao thì mặt đất càng tối lại. Nhìn hút tầm mắt vẫn chỉ thấy những núi đá đỉnh bằng do gió và nước mài giũa được nhuộm một màu đỏ ối.

Đầu tiên, ánh mặt trời làm nổi bật các đường ngang của địa hình. Giữa ánh sáng trên trời và bóng tối dưới đất, mép của các hẻm núi vạch nên những lần ngang cao thấp khác nhau. Vầng dương càng lên cao và chiếu xiên những tia nắng xuống đất thì nó càng rọi sáng các đường nét dọc của địa hình: những đường vân môi của các núi đá mặt bàn, những nếp gấp địa chất tinh xảo trên sườn núi, những cây cột đá đơn độc mọc lên giữa các thung lũng bị san phẳng. Hai con ngựa chưa được đóng móng giẫm lên lớp bụi đất làm phát ra những tiếng động trầm đục, gõ nhịp cho màn trình diễn của thiên nhiên.

Juliette rung mình vì xúc động. Đây là lần đầu tiên kể từ khi bắt đầu lâm vào trạng thái tinh thần lạ lùng pha trộn giữa phấn khích, gấp gáp và lo lắng kia, thế giới bên ngoài tỏ ra đủ lớn để chứa hết sự hưng phấn của cô. Sức mạnh ghê gớm của khung cảnh bao la này từ đâu mà có? Nó khô cằn, hoang vu, thù nghịch, nhưng nó mang

lại một ấn tượng chưa từng có về cái vô hạn. Chân trời dường như ở xa hơn không chỉ vì nó nằm trên cao. Bản thân mặt đất cũng rộng hơn so với những chỗ khác. Những khe núi uốn lượn đưa tầm nhìn vượt xa khỏi các giới hạn thông thường. Một số lượng lớn những đường gấp khúc của địa hình từ gần cho đến xa chiếm trọn tầm mắt, như thể mặt đất đã nong nó ra cho vừa với tầm vóc của mình. Lại một điều là bầu trời cũng tỏ ra rộng lớn hơn thay vì bị thu hẹp lại. Những đám mây chông chênh cũng vẽ trên nền trời những thung lũng cầu kỳ, những cột trụ chênh vênh hết như ở dưới đất. Chưa bao giờ Juliette bị ấn tượng đến thế trước thiên nhiên.

Harrow, lúc này đang ở phía trước Juliette một đoạn, bất giác giúp cô đem cảnh quan thiên nhiên kia vào quy mô hữu hạn của con người và nhận ra một điều - Con người dường như là một tấm gương thông minh của cái thế giới vô tri này. Con người làm tôn thêm giá trị của thiên nhiên, và bằng việc chiêm ngưỡng nó, anh ta cũng đồng thời phơi bày vẻ đẹp ẩn chứa bên trong nó.

Lúc này, họ đã tiến đến rìa của bình nguyên và phải đi xuống những hẻm núi sâu, ở đó những luồng nhiệt đầy bụi đang bốc lên. Harrow ra hiệu cho Juliette đi trước. Hẳn ta sẽ theo sau để có thể trợ giúp trong trường hợp con ngựa cái sẩy chân. Do vậy chẳng mấy chốc Juliette phải tập cho quen với cảnh vật không người phía trước mặt. Và cảm nhận của cô dần đảo ngược. Không hề bị sắp đặt do con người và vì con người, thiên nhiên hùng vĩ kia rõ ràng chỉ chứa lại một chỗ nhỏ bé không đáng kể cho người thưởng ngoạn. Cô bị choáng ngợp trước vẻ đẹp của nó, đồng thời cũng nhận ra rằng nếu không tính đến sự tàn phá của con người thì thiên nhiên tự nó tồn tại không lệ thuộc vào con người.

Cô nhớ đến quyển sách đã tìm thấy trong phòng hôm trước mà cô đã đọc, trong lúc chờ Ted về. Tác giả của nó, một ông Aldo Leopold nào đấy, từng là bảo vệ của một công viên hoang dã. Tựa đề của quyển sách là *Niên giám của một lãnh địa cát*. Nó nhắc đến núi non, sông suối, phong cảnh như những nhân vật thực sự mà loài

MÙI ADAM

người không có quyền hạn gì. Trước đây Jonathan đã đề cập tới quyển sách này trong những buổi thảo luận thời sinh viên của họ. Anh ta đã long trọng giới thiệu nó như một bản tuyên ngôn của mối tương quan mới giữa con người và tự nhiên, một mối quan hệ trong đó con người chỉ là một phần nhỏ của tổng thể nhưng lại muốn chiếm hữu toàn bộ.

Đối với người châu Âu, những điều trình bày trong sách quả là khó hiểu. Thiên nhiên không thật sự tồn tại ở cự lực địa. Ở đó không có lấy một mét vuông đất nào không bị đo đạc, chiếm hữu, cải tạo và biến đổi. Ngược lại, các cảnh quan của Mỹ vẫn còn giữ được một sức mạnh nguyên bản, chưa bị chế ngự. Chúng khiến cho con người cảm thấy họ như một kẻ ngoại bang, bắt buộc phải chấp nhận luật lệ của chúng. Đó chính là điều mà Aldo Leopold muốn nói và đến lượt mình Juliette cũng chia sẻ cảm giác này.

Harrow gần như im lặng suốt cả ngày. Đến giờ ăn, hắn đưa cho Juliette hai ổ bánh mì kẹp và bầu nước lấy từ trong túi đồ. Hai người ăn mà không rời lưng ngựa. Khoảng tám giờ tối, họ đặt chân xuống một mặt đá bằng phẳng nằm trên sườn của một ngách núi mà cả hai đã đi vào từ nhiều giờ trước. Xung quanh đây chỉ có những bụi cây cằn cỗi và vài khóm cây keo. Harrow nhặt về một số cành cây nhỏ rồi chặt một thân cây chết. Sau đó hắn nhóm lửa và thu xếp một chỗ nằm nho nhỏ với mấy cái chăn mà họ đã cuộn tròn buộc đằng sau yên ngựa. Hai người nướng những bắp ngô đem theo, cùng với mấy cái xúc xích và vài miếng thịt sườn.

Harrow tiếp tục gây ấn tượng với Juliette bởi vẻ ít nói và giữ khoảng cách của mình. Thế nhưng càng lúc cô càng cảm thấy tự tin lên. Cô không biết hắn đưa mình đến đâu, nhưng cô không thấy sợ.

- Anh sinh ra ở đây à? - Cô hỏi hắn trong khi hai người nhặt sạch mấy cái râu ngô bị cháy khét.

- Không. Tôi lớn lên ở phía Bắc, trong vùng Rocky Mountain.

Cùng với đêm tối, đôi mắt xanh của hắn đã mất đi những tia sáng đáng sợ. Trông hắn thân thiện và con người hơn.

- Anh có vẻ thông thạo vùng này nhỉ. Làm thế nào anh tìm đường được? Nếu là tôi thì tôi đã đi lạc từ tám kiếp rồi.

- Có những dấu hiệu.

- Dấu hiệu à! Từ lúc lên đường, tôi chưa thấy dấu vết con người nào cả.

Harrow nhún vai và lần đầu tiên mỉm cười.

- Cô đang ở trong lãnh thổ của người da đỏ. Họ không làm đất tổn thương. Khi đánh dấu, họ dùng những thứ nhỏ nhất như một cái nhánh cây gãy, một cọng lông cắm vào thân cây, ba hòn đá xếp hình tam giác... Cô cần phải quan sát kỹ hơn.

- Thế còn anh, anh đã học cách đọc những dấu hiệu của người da đỏ như thế nào?

Harrow quay đầu nhìn cô, trong một khoảnh khắc, những đường nét trên khuôn mặt hắn được ngọn lửa nhỏ sáng. Mái tóc thẳng, chiếc mũi khoằm, đôi gò má cao, nhuộm màu đồng dưới ánh lửa, tất cả tạo thành một tổng thể rõ ràng.

- Anh là người da đỏ, phải không?

Harrow hừ một tiếng, lắc đầu, không rõ là công nhận hay phản đối. Juliette không dám hỏi tiếp. Hắn lùi lại, nằm dài ra phía sau, hai tay chống đất, mắt nhìn bầu trời đêm đầy sao.

- Tôi chưa nhìn thấy người da đỏ nào kể từ lúc chúng ta lên đường. - Juliette đánh liều nói.

- Chắc chắn họ đã bắt gặp chúng ta, nhưng họ không ra mặt đấy thôi. Trên lãnh thổ sinh sống của họ, người da đỏ không cư xử như những ông chủ. Họ không biến đổi và không làm tổn hại gì cả. Họ không bao giờ dám chiếm lấy nó, cắt nó thành từng mảnh như một miếng thịt sống. Đối với họ, đất là một thực thể sống. Họ ý thức được mình đang là bộ phận của một tổng thể. Điều mà chúng ta học được từ họ, đó là sự cân bằng của mọi thứ.

Ted nhắc tới những người da đỏ, nhưng những lời nói ấy cũng nói lên bản thân con người của hắn. Đó chính là ẩn tượng mà hắn

MÙI ADAM

đã tạo cho Juliette. Một sự mạnh mẽ, nhưng sức mạnh đó hòa trộn vào những quyền năng khác. Một người đàn ông được nuôi dưỡng bằng gió, đất và khoáng không bao la.

- Nhưng họ sống bằng gì, ở đây ấy?

- Một người da đỏ không bao giờ tự hỏi mình câu này, - Harrow cực lực phản đối. - Chính nền văn minh của người da trắng đã tạo ra sự thiếu thốn.

Mặc dù hắn nói một cách nhát gừng, Juliette vẫn thấy mừng vì cuối cùng cũng đã bắt chuyện được với hắn. Và cô tiếp tục phản đối hắn.

- Sự dư thừa...! Trong cái hoang mạc này sao...? Nếu như ta không mang theo mấy miếng thịt sườn này thì...!

- Người ta tìm thấy mọi thứ cần có trong thiên nhiên, ngay cả tại đây. Trừ phi họ quá đông.

- Thấy chưa!

- Phải, - Harrow nói trong lúc cời lửa. - Bí mật nằm ở chỗ đó. Đó là đặc điểm của các xã hội truyền thống. Chúng thích nghi với thiên nhiên, chứ không phải ngược lại. Những cuộc đấu theo nghi thức, các lễ hiến sinh, tất cả những điều cấm kỵ ấy là để hạn chế quy mô của nhóm người. Cứ làm như vậy thì môi trường thiên nhiên luôn có thể nuôi sống cộng đồng một cách dư dả.

Trong chủ đề này Harrow bỗng trở nên hoạt ngôn. Hắn tiếp tục nói chậm rãi, nhưng có thể cảm thấy hắn đang nắm rất chắc vấn đề.

- Nhưng rồi một ngày, con người không còn nhìn thấy chúa trời ở mọi nơi nữa, và họ đặt lên trên tất cả một Thượng đế duy nhất. Mỗi con người, hình ảnh phản chiếu của Thượng đế đó, đều trở nên thiêng liêng. Cá nhân đã có được giá trị lớn hơn cộng đồng, và loài người bắt đầu sinh sôi. Thiên nhiên không thể kham nổi nữa. Cân bằng đã bị phá vỡ. Dư dả đã biến thành thiếu thốn.

Một bóng khí nhỏ trong một cục than bắt đầu xì ra. Harrow có vẻ lắng nghe giai điệu yếu ớt này, như thể nó truyền cho hắn một thông điệp nào đó. Rồi ngọn lửa yên lặng trở lại và hắn tiếp lời.

- Loài người bắt đầu đầy đọa trái đất để cho nó sản xuất ngày một nhiều hơn. Họ dựng nên những biên giới và hàng rào trên khắp trái đất, rạch nát nó bằng các lưỡi cày, đâm chọc nó bằng những nhát cuốc, đục khoét nó bằng máy xúc và thuốc nổ. Tất cả những điều đó là để cho phép ngày càng nhiều người sinh sôi nảy nở thêm. Và loài người vẫn luôn nhận được ít hơn.

Trong màn đêm sáng trong của hoang mạc cùng vô số bóng đen đổ xuống từ những mỏm núi, dường như giọng nói trầm đục của Harrow đã nói luôn cả những suy nghĩ của trái đất.

Đằng sau sự im lặng của thiên nhiên hoang sơ, Juliette có thể phân biệt được những tiếng âm ì văng vẳng. Ở vào một hoàn cảnh khác, cô đã có thể nói rằng đó chỉ là tiếng mạch đập nơi thái dương. Nhưng lúc này thì cô biết những tiếng rì rầm đó đến từ đâu. Từ những thành phố đang hoạt động, với lớp nhựa đường và rác rưởi phía trước, mạng lưới những con đường được quăng ra để tóm lấy đất, bước chân rầm rập của các binh đoàn người với số lượng lên đến hàng tỉ đang đổ quân lên những đồng bằng không thể chống cự, những bờ biển, và cho đến tận các sườn núi... Đó là tiếng của những khu rừng đang bị chặt phá, những con thú hoang bị săn hạ, những dòng sông bị bức tử bằng rác rưởi, bầu trời bị đầu độc bởi khói bụi, biển cả bị ô nhiễm do dầu mỏ. Những hình ảnh ấy chồng chéo lên nhau trong đầu óc hỗn loạn của Juliette. Cô tưởng có thể thét lên vì những ấn tượng mà chúng gây ra cho mình quá mạnh và quá đau đớn. Không quyển sách, tờ báo hay bích chương nào có thể khắc họa được những mối đe dọa kia bằng sự hoang vắng và im lặng tột cùng này.

Cùng lúc ấy, bằng sự tồn tại bên ngoài tất cả những nhơ nhuốc kia, chốn hùng vĩ và thuần khiết này cho thấy cuộc đấu chưa hẳn đã thất bại. Trên khắp tinh cầu vẫn còn đủ nhiều những địa điểm chưa bị xâm hại, để cho đà tiến đến cái chết của thiên nhiên có thể bị trì hoãn và để một ngày kia, cùng với thế giới động vật hoang dã, một sự phục thù sẽ xuất hiện.

MÙI ADAM

Harrow rõ ràng đã cảm thấy cần phải để cho Juliette tự xoay sở với trí tưởng tượng của cô. Nằm cuộn mình trong chăn, hân chúc cô ngon giấc rồi xoay người lại ngủ. Cô nằm ngửa một lúc lâu, một bên người bị ngọn lửa hun nóng, trong đầu mơ đến cuộc chiến mà cô bắt đầu cảm nhận được, cuộc đấu tranh trong đó cô sắp có được chỗ của mình.

Ngày hôm sau, họ lên đường lúc rạng đông. Nhiều lần họ phải bước xuống đất để đi trước lũ ngựa do con đường trở nên quá hẹp. Hai người đi qua một cây cầu gỗ gập ghềnh bắc ngang dòng thác nước sục sôi. Họ men theo bờ nước đi lên phía thượng nguồn. Xa hơn chút nữa, dòng nước trải rộng ra tạo thành những nhánh sông nước lặng bao bọc bởi các bãi hoang, cỏ dại và cát sỏi. Cơn gió nhẹ thổi từ phía trước mặt hai người đã giúp che giấu mùi và tiếng động của họ. Đột nhiên, cách khoảng năm mươi bước, họ nhìn thấy một bầy sơn dương đang uống nước chẳng chút sợ sệt. Harrow ra hiệu cho Juliette ngừng lại. Hắn đưa cô ra phía sau một khóm liễu. Xuyên qua cành cây, họ nhìn thấy rất rõ đầu của các con vật, những cánh mũi phập phồng, đôi tai động đậy quét khắp không gian như những chiếc radar. Juliette chợt nhận ra Harrow ở bên cạnh đã lên đạn khẩu súng trường và đang nhắm vào bầy thú.

Cô không thể hiểu được làm thế nào một người bảo vệ môi trường lại có thể nhắm thẳng vào một con thú hoang như thế. Bất giác cô gạt nòng súng đi, nhưng hấn cản cô lại bằng một cử chỉ kiên quyết.

- Sao anh lại muốn giết những con sơn dương kia? - Cô thì thào.
- Cô tưởng phải bảo vệ chúng sao? - Harrow thăm thẳm, mắt không rời bầy thú.

- Đúng thế.

- Cô tưởng mỗi con đều là một sinh vật thiêng liêng sao?

Giọng nói của hấn hạ thấp đến độ không thể nghe được giọng điệu. Juliette đánh mắt về phía những con vật, ngần ngừ.

- Đúng, - cô nói, - tôi tin là thế.

- Vậy thì cô cũng giống như những thành bảo vệ động vật ngu ngốc ấy.

- Ngu là thế nào? Họ đang đấu tranh để bảo vệ thiên nhiên mà. Harrow đã kê báng súng lên vai.

- Bọn họ không bảo vệ thiên nhiên, mà kết liễu nó.

Hắn nhắm một mắt, mắt kia nhìn vào ống ngắm.

- Sự đề cao các cá thể, vốn dĩ đã làm tổn hại rất nhiều đến thiên nhiên, - hẳn thì thâm, - đã được bọn họ đẩy đến chỗ phi lý. Họ muốn mở rộng quyền hành của loài người đến cả những con thú hoang. Điều đó chỉ mang lại thảm họa mà thôi. Chẳng hạn như, để bảo vệ loài hải cẩu, bọn họ để cho chúng mặc sức sinh sản, giống như con người vậy. Và giờ đây hải cẩu đang đe dọa rất nhiều loài cá.

Một con sơn dương chắc đã nghe thấy tiếng thì thào vừa rồi. Nó ngẩng đầu lên, mắt dò tìm trên bờ nước. Nhưng nó không nhận thấy chuyển động nào ngoài ánh mặt trời phản chiếu trên mặt nước hãy còn rung rinh do chấn động từ con thác. Cuối cùng nó tiếp tục cúi xuống uống nước.

- Thiên nhiên, đó không phải là đề cao sự sống. Nó là tác phẩm của cái chết. Mỗi cá thể giết rồi bị giết. Cân bằng, đó là sự nhিপ nhàng của những kẻ săn mồi. Bảo vệ thiên nhiên tức là biết đối tượng nào cần phải kết liễu.

Khi nói những từ này, Harrow đưa khẩu súng trường cho Juliette. Cô trở mắt nhìn nó. Rồi, một cách máy móc, cô cầm lấy súng. Cô chưa bao giờ chạm tay vào một thứ vũ khí, cho dù chỉ để chơi đùa. Cô ngỡ ngàng trước sức nặng và tỉ trọng của nó. Ngay lập tức cô hiểu ra làm thế nào người ta lại cảm thấy yên tâm với món đồ như thế này. Harrow tiếp tục quan sát bầy thú qua đám cành lá. Cô cảm thấy không cần thiết phải đợi ám hiệu hay thậm chí lời nói của hắn. Hắn đã để cô tự lựa chọn. Một khoảnh khắc dài trôi qua trong khi những suy nghĩ hỗn loạn nhất chen chúc nhau trong đầu Juliette. Cuối cùng, cô đưa súng lên tì vào má và nhắm mục tiêu.

MÙI ADAM

Trong ống ngắm ngẫu nhiên hiện lên một con sơn dương nhỏ đã uống xong nước và đang đứng im chờ đợi ở trên bờ, hơi nhô cao hơn những con còn lại.

Juliette cảm thấy lúc này Harrow đã quay sang phía cô. Cô chưa bao giờ tin nổi mình có thể tập trung chừng ấy ham muốn điên rồ vào con mắt và ngón tay đang quắp vào cò súng sắc lạnh. Những ý nghĩ của cô quay cuồng với một vận tốc kỷ lục. Cô cảm thấy như mình đang ngồi trên một chiếc đu quay bất kham. Cần phải ngừng nó lại, xua các ý nghĩ đi như xua bầy quạ. Cô bóp cò.

Tiếng tạch vang lên đơn độc, tạo ra một sóng âm đột ngột mà những con thú cảm nhận được. Cả bầy lập tức nhảy phắt đi mất. Juliette chờ một lúc lâu không động đậy, tuồng như đợi tiếng nổ chậm sắp sửa vang lên. Rồi cô nhận ra thực tế và hạ nòng súng xuống. Cô nhìn món vũ khí, sau đó quay mặt về phía Harrow. Trông thấy nụ cười thoáng hiện trên môi của hắn, cô mới hiểu ra khẩu súng không bị kẹt đạn, mà chỉ đơn giản là chưa được nạp đạn.

Harrow đưa tay ra lấy khẩu súng lại.

- Không cần phải giết những con sơn dương. Không phải vì mỗi con đều thiêng liêng. Nếu chúng đông đảo thì ta có thể bắn hạ chúng. Nhưng hiện nay số lượng sơn dương đang ngày một ít đi, loài này đang bị đe dọa.

Juliette thộn mặt nhìn Harrow. Hai cảm giác lẫn lộn cạnh tranh nhau trong đầu cô. Một mặt, cô vui mừng vì không sát hại những con thú hoang. Nhưng mặt khác, cô ngạc nhiên khi cảm thấy trong sâu kín tâm hồn một sự thất vọng khủng khiếp. Nó như là một cảm giác thiếu thốn khổ sở vì chưa được nổ súng.

- Bảo vệ thiên nhiên, - Harrow nói trong khi đứng dậy quay về chỗ hai con ngựa, - nghĩa là biết *đối tượng* nào cần phải kết liễu.

Sau đó hắn cất cao giọng thêm vào, trong lúc nhét khẩu súng trường vào bao, nòng chúc xuống dưới:

- Tốt hơn hãy nhắm vào những kẻ đi săn trộm ấy.

Họ cưỡi ngựa thêm nhiều giờ nữa trước khi cắm trại. Juliette có thời gian để nghiền ngẫm tình huống vừa rồi. Lúc đầu cô có cảm giác là Harrow trêu chọc mình nên chỉ im lặng dỗi hờn. Nhưng dần dà, suy nghĩ của cô thay đổi. Cuối cùng cô tự nhủ Harrow muốn cô trải qua một kiểu nghi thức nhập môn thì đúng hơn. Xét cho cùng, nó là câu chuyện của Isaac nhưng đảo ngược lại. Abraham sắp sửa cắt cổ một người thì Chúa gửi cho ông ta một con cừu để chết thay cho người kia. Cô sắp sửa tiêu diệt một con thú thì Harrow, đáng toàn năng bên cạnh cô, lại yêu cầu cô hy sinh những tên sẵn trộm thay cho chúng.

Cô có cảm giác và đoán chắc rằng nếu như một phép lạ nào đó khiến một gã thợ săn xuất hiện ngay giữa bầy thú, cô sẽ không ngần ngại giết gã ngay.

Liệu đó có phải là bước tiến duy nhất vẫn làm cô bứt rứt? Liệu Harrow có biết cách khai phá trong cô những xung năng mà từ bấy lâu nay cô vẫn tìm cách che giấu với bản thân mình?

Sáng hôm sau, họ lại tiếp tục chuyển đi trong hoang mạc. Harrow vẫn không tiết lộ bất kỳ manh mối nào về hướng đi của họ. Nhưng giờ thì Juliette đã định hướng được. Quang cảnh đã trở nên thân thuộc đối với cô. Cô để ý tới vị trí của mặt trời, chiều chảy của những dòng nước, sự nối tiếp của địa hình. Thậm chí cô còn thấy hãnh diện khi tự mình phát hiện ra những dấu vết của người da đỏ để lại trên các cành cây tại nơi mà họ phải đổi hướng. Cô đoán chắc rằng họ sẽ đi theo một vòng tròn lớn qua các hẻm núi, rồi lộ trình sẽ đưa họ trở về ngôi nhà trong hang. Như vậy là hai người sẽ chẳng đi đâu cả. Mục đích của chuyến đi chính là bản thân nó. Harrow đã báo trước là cô sẽ phải học hỏi. Juliette hiểu ra rằng sự giáo dục này không phải bằng lời nói mà bằng kinh nghiệm thực tiễn, vận dụng cả thể xác lẫn tâm hồn. Nó sẽ thâm hơn là khi được truyền đạt qua lời nói.

Ru mình trong tiếng vó ngựa, bao quanh bởi sự im lặng mà Ted tôn trọng, đúng như bản chất của hắn, Juliette ôn lại các kỷ niệm và suy ngẫm về con đường của mình.

MÙI ADAM

Từ lâu cô vẫn tin rằng việc gia nhập vào Greenworld chỉ là tình cờ. Cô bị một đám đông ồn ào kéo đi biểu tình cùng. Chuyện xảy ra ở Lyon vào một buổi chiều nắng đẹp. Cô chẳng rõ tại sao mình đi biểu tình, chỉ thấy vui mừng khi được ra ngoài đường và hò hét. Juliette đã trải qua những năm tháng cô đơn khổ sở. Mùa đông năm ấy đã nhiều lần cô nghĩ đến cái chết. Cái trò chen lấn vui vẻ trên bến sông Rhône, những câu khẩu hiệu được hét lên lúc mọi người tay trong tay, ánh sáng rực rỡ trên các mái ngói của khu Saint-Paul, những cái đó đã cứu sống cô theo cách của chúng. Phương thuốc bắt ngờ đó có tên là Greenworld. Sự thực thể nào không quan trọng. Cái chính là nó tốt cho cô.

Giờ đây, khi cưới ngựa trong hoang mạc, Juliette đã nhìn nhận sự việc khác đi. Ngay cả vào cái thời tuyệt vọng và trầm cảm ấy, cô cũng sẽ chẳng dấy vào bất kỳ cuộc đấu tranh nào. Có một thứ gì đó sâu xa hơn đã lôi cuốn cô. Juliette rất ghét những khái niệm trừu tượng và hoàn toàn bàng quan với chính trị. Nếu chủ đề sinh thái trở thành một ngoại lệ thì đó là vì cô đã bắt được một âm vang sâu kín từ nó.

Và quả vậy, mục tiêu mà Greenworld nhắm vào chính là sự trưởng giả lý tưởng của bố mẹ cô. Bố cô, ngoài tính ích kỷ và sự đòi bại, còn là một người đấu tranh không khoan nhượng chống lại cả đồng loại của mình lẫn thiên nhiên. Sự căm thù thiên nhiên của ông đã để lại cho Juliette nhiều kỷ niệm đau đớn. Chẳng hạn như, cô vẫn còn nhớ miếng đất mà bố mẹ cô đã mua ở khu thượng Aix-en-Provence. Một căn nhà nhỏ đã được cất lên ở một góc, phần còn lại là một khu vườn trồng thông rất tuyệt vời. Suốt cả mùa hè Juliette rong chơi trong đó. Cô đã dựa lưng vào những thân cây ẩm áp, bò lổm ngổm để tìm kiếm lú ve sầu trên mặt đất phủ đầy những chiếc lá kim và vỏ thông mềm mại. Đến mùa hè thứ hai, những cỗ máy đồ sộ màu vàng đã xén cụt mọi thứ đến tận sát đất, để lại những đồng thân cây chết trong một góc. Bố Juliette đã phá ngôi nhà cũ để xây một căn biệt thự mới và bán đi phần đất còn lại để

người ta dựng nên hai khối nhà bằng bê tông, bao xung quanh bởi các bãi cỏ, với cái tên thật mỉa mai là “Nhà nghỉ ngàn thông”.

Nghiêm trọng hơn nhưng cũng khái quát hơn là lời thừa nhận của ông trước mặt cô vào một ngày nọ: ông hả hê kể rằng mình đã ra lệnh cho các tàu chở dầu đi súc rửa ở ranh giới của các lãnh hải, rồi đánh chìm những con tàu cũ kỹ bị ăn mòn bởi dầu thô và gỉ sét tại các vịnh nhiệt đới để lấy tiền bảo hiểm.

Ngoài ra còn phải kể đến những con người tội nghiệp mà bố cô đã yêu cầu trục xuất ra khỏi một căn hộ mà ông sở hữu ở Calais. Juliette ngồi ở ghế sau xe hơi trong khi bố cô dừng tại một góc đường để quan sát các hiến binh vút nệm giường và đồ chơi ra vỉa hè. Cô giấu mình đi khi những đứa trẻ vừa khóc vừa bước ra đường.

Tất cả những điều đó đáng lẽ đã có thể dung dưỡng ý thức xã hội trong cô, đưa cô đến với mặt trận của phái cực tả. Nhưng cô chưa bao giờ bị thuyết phục bởi những tư tưởng cách mạng này. Cô thấy dường như sự xấu xa của con người được phân bố bình đẳng và hoàn toàn trái với suy nghĩ thông thường, người nghèo hoàn toàn không thiếu sự xấu xa.

Suy xét về bản chất thường dễ dàng hơn là về giai cấp. Bố mẹ cô đã bị biến chất. Chính xác là như thế. Chính sự chối bỏ bản chất tự nhiên đã khiến cho bố cô thành người không có lòng nhân ái, vô cảm trước vẻ đẹp của cây cối, điên cuồng phá hủy, xây dựng, chiếm hữu, những điều mà xét cho cùng chỉ là một. Còn mẹ cô thì trái với luân thường khi đề cao tiện nghi vật chất hơn là tình yêu của một đứa con. Bà căm thù cái nghèo và chối bỏ bản chất giản dị của tổ tiên nông dân của mình.

Giữa nơi hoang mạc này, Juliette lại cảm nhận rõ ràng rằng sự bạo hành và khinh rẻ mà cô đã là nạn nhân trong quãng đời thơ ấu của mình cũng có cùng nguồn gốc với những điều mà thiên nhiên phải hứng chịu. Suy nghĩ đó khiến cô nhẹ nhõm. Nó lý giải cho Juliette những khổ sở mà cô đã trải qua và sự nổi loạn của cô. Cô có cảm tưởng như mình đã vượt qua được một cột mốc nhất định.

MÙI-ADAM

Thêm vào đó, Harrow đã giúp cô có cái nhìn rõ hơn về những con đường mà sự nổi loạn kia cần phải đi theo. Cho đến lúc bấy giờ, giống như nhiều người yêu môi trường khác, cô chỉ hiểu lơ mơ về những gì có thể làm để bảo vệ trái đất. Những hiểu biết này chỉ gói gọn trong việc nuôi dưỡng lòng nhân từ đối với tất cả các sinh vật sống. Vì thế cô thấy rất hợp lý khi tham gia vào chiến dịch bảo vệ động vật theo lời đề nghị của Jonathan. Cô gần như không hỏi han thắc mắc gì về mục đích cũng như những mâu thuẫn của chiến dịch. Cô thầm biết ơn Harrow vì hắn đã cho cô thấy khía cạnh đáng buồn cười đó. Cô đã hiểu ra mục đích thực sự là chặn đứng sự hủy diệt thiên nhiên của con người. Để làm được điều đó, cần phải có những phương tiện có tầm vóc tương xứng, không loại trừ việc dùng vũ lực và có thể cả giết người. Đó chính là sự can đảm và táo bạo mà cô thấy tiếc vì đã không tìm thấy được ở Greenworld, nhất là sau khi bị tấn công. Lần này, cô đã tìm được những người cùng chung tiếng nói với mình.

Chiến dịch này sẽ tiến hành cụ thể như thế nào? Cô sẽ đóng vai trò gì đây? Cô chẳng hề biết. Ted không hé lộ với cô bất cứ chi tiết nào. Nhưng những điều mà hắn chia sẻ với cô còn quý giá hơn nhiều: những nguyên tắc, một phương hướng, một tâm thế. Đối với những cái còn lại, cô tin ở hắn. Cô sẽ được biết điều mà người ta chờ đợi ở cô và kế hoạch cả nhóm đang thực hiện vào một thời điểm hợp lý.

Cái chính là từ giờ cô có cảm giác mình đã thực sự được nhập nhóm.

Khi về đến ngôi nhà hang động vào lúc chập tối, cô đi nằm vì cả người đau nhức và kiệt quệ. Giấc ngủ nhanh chóng chiếm lấy những giấc mơ của cô mà không làm chúng gián đoạn.

II

Seattle, bang Washington.

Ginger đang gặp khủng hoảng. Mark, chồng chị, đã có một mối quan hệ ngoài hôn nhân và bị chị phát hiện. Sau nhiều phen giải thích căng thẳng, rốt cuộc anh ta đã quay về nhà, nhưng chị chắc chắn là anh ta vẫn tiếp tục đi lại với "à kia"... Chị đang cần sự chia sẻ và những lời khuyên một cách khủng khiếp.

Tình huống này lại cực kỳ thuận lợi cho Kerry. Cô bạn cũ giả danh đã thu xếp với Roger để ngay hôm sau Kerry chỉ phải làm ở trong kho buổi sáng. Đến giờ ăn trưa là cô đã có thể lên tầng ba, về lý thuyết là để phụ giúp Ginger, còn trên thực tế là để nghe chị ta buôn chuyện.

Cái khó chính ở đây là độ chênh trong quan niệm về thời gian. Kerry có rất ít thời giờ. Vợ bọc của cô không vững vàng và có thể vỡ vụn bất cứ lúc nào. Cô em của Ginger sẽ đến Seattle trong vòng chưa đến một tuần nữa. Cô nàng chắc đã "nhận ra" Kerry sau những lời mô tả qua điện thoại của bà chị, nhưng, một khi đã diện kiến, chỉ sợ cô ta sẽ nghi ngờ.

Ngược lại, Ginger không có gì mà vội. Giai đoạn này ở One Earth tương đối rảnh rỗi. Nhiều nhân viên hành chính đang nghỉ ốm hoặc đi du lịch, và không có chiến dịch lớn nào được lên lịch trước mùa hè. Mong muốn được tâm sự của chị quan trọng hơn tất cả những thứ khác. Kerry khó khăn lắm mới hướng được Ginger quay về các vấn đề lưu trữ mà không gây nghi ngờ.

- À, phải rồi! Hồ sơ lưu trữ... Chị quên mất, nhưng em thì vẫn nhớ! Việc này không làm chị bất ngờ chút nào. Hồi ở Des Moines em vẫn là học sinh ngoan mà.

MÙI-ADAM

- Chúng ta có thể số hóa nhiều thứ, - Kerry đề nghị. - Chị sẽ tiết kiệm được không gian.

- Em nói phải. Ở đây chúng ta chẳng thể xoay người nổi nữa. Thư từ đến, công văn đi, lệnh triệu tập các cuộc họp, biên bản họp của lãnh đạo, danh sách hội viên, thật không thể tin nổi là bọn chị đã tích trữ ngần ấy chỉ trong vài năm. Hơn nữa, từ sau chuyện của Mark, chị như bị dị ứng với giấy tờ hay bụi bặm thì phải. Kết quả là gần như lúc nào chị cũng chảy nước mắt. Thế mà cái lão ngu ấy cứ tưởng là chị khóc vì lão...

Kerry sợ Ginger sắp quay về chuyện tình cảm của mình. Cô kiên quyết giữ chị lại với chủ đề lưu trữ.

- Em định thế này. Ngay sáng mai, em sẽ khởi sự dùng máy quét số hóa chỗ tài liệu này. Chỉ cần chị giải thích cho em rõ hơn cách hoạt động của chỗ này để em có thể thiết lập một cây thư mục, với các cấp độ bí mật, ngày tháng, các mục khác nhau để tra cứu dữ liệu...

Ginger nhăn mặt.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

- Từ từ thôi em. - Cô ta nói. - Em không thể lấy toàn bộ giấy tờ đem đi số hóa được. Mấy lão sếp ở đây không tin tưởng vào máy tính đâu. Thế hệ bút chì - gồm mà, em biết rồi đấy. Họ sợ rằng sau khi các thông tin được đưa vào ổ cứng, sẽ có những thằng láu cá tìm cách xoay sở để đánh cắp.

Kerry cảm thấy cô đang ở tâm điểm của vấn đề.

- Chúng ta có thể cài mật mã để bảo vệ...

- Không! Em sẽ không thuyết phục họ được đâu. Mấy sếp đa nghi lắm. Mà cũng phải thông cảm cho họ. One Earth chưa bao giờ từ bỏ tính chất hợp pháp của nó. Ở đây, mọi người cho rằng luật là một chuyện, công lý là chuyện khác. Luật pháp được đặt ra là để bảo vệ lợi ích của những kẻ mạnh hơn. Bọn chị thường xuyên phải phớt lờ nó đi, nếu muốn bảo vệ thiên nhiên. Em hiểu không?

Ginger nói một cách hờ hững, như thể ôn lại một bài học đã thuộc như cháo. Rõ ràng là việc này không làm chị ta bận tâm bằng chuyện tình cảm riêng.

- Bọn chị không đòi Luật pháp, mà đòi Công lý, tức là những gì có đạo đức đối với bọn chị.

- Thế thì có liên quan gì với chỗ giấy tờ này...?

- Bởi thế. Một vài tài liệu trong này chỉ được sử dụng để cho thấy là bọn chị tôn trọng pháp luật. Chúng được thảo ra dành cho người ngoài, trong trường hợp bị kiểm tra chẳng hạn. Nếu em lấy những bản báo cáo của các buổi họp ban lãnh đạo trong các tập hồ sơ đảng kia thì em sẽ thấy chẳng có gì ghê gớm trong đó cả. Đó là phần tài liệu dành cho đối ngoại.

- Vậy tức là có những tài liệu khác được giữ kín.

- Đúng thế.

Ginger đẩy chiếc ghế xoay đến bên một cái tủ nhỏ có khóa rồi mở nó ra. Một dãy tài liệu được sắp ngay ngắn trong đó.

- Trong này chẳng hạn, chị sắp các tài liệu mà những kẻ lục lọi không được động vào. Thông tin cá nhân của từng hội viên, văn bản thư ký của các cuộc họp quan trọng, vân vân. Chỗ này thì chị còn đủ thời gian để sắp xếp. Nhưng còn rất nhiều thứ khác vẫn đang bị lẫn lộn với các tài liệu còn lại.

- Thế em phải làm sao để biết được thứ nào có thể quét được, thứ nào không?

- Em chỉ việc hỏi chị, thế thôi.

Hai người dừng cái chủ đề ít quan trọng này ở đó. Phần thời gian còn lại, Kerry phải lắng nghe cô thư ký buồn chuyện, cười góp vui mỗi khi cần thiết. Cô tranh thủ xem xét cách chị ta sắp xếp thời gian biểu.

Ginger là người không có trật tự, lại thiếu khoa học. Chị ta làm việc nọ xọ việc kia, dành ra những khoảng thời gian mất cân đối với một đối tác mà chị thích trò chuyện cùng, để rồi làm qua quýt những việc quan trọng nếu như phải gặp gỡ những người chị chán ghét. Ginger tham gia vào một số lượng lớn các cuộc họp, nhưng khó có thể dự tính được chị ở đó bao lâu. Nếu không còn muốn nói

MÙI ADAM

chuyện với người bên cạnh hoặc không thích chủ đề buổi họp, chị ta sẽ làm bộ như phải nhận một cuộc gọi khẩn cấp và biến đi với dáng vẻ nghiêm trọng. Ginger có được cái ghế của mình là nhờ thâm niên và giữ được nó là nhờ số lượng lớn các thông tin mật mà chị ta nắm trong tay. Nếu phải đi phỏng vấn xin việc, ngay lập tức Ginger sẽ bị liệt vào loại trợ lý giám đốc yếu kém.

Kerry vì vậy không thể biết được cô có bao nhiêu thời gian ở một mình trong phòng. Cô cần phải tính toán kế hoạch hành động thật tỉ mỉ sao cho nó diễn ra trong thời gian càng ngắn càng tốt.

Providence đã đưa cho cô một tài liệu tóm tắt những việc cô phải tính trong đầu khi hành động. Kerry đã học thuộc lòng các dữ kiện này một cách hào hứng. Cuộc sống "bình thường" hiếm khi cho người ta cơ hội để ghi nhớ điều gì. Các bắp cơ của trí nhớ, được tập luyện cật lực ở các điệp viên, sẽ teo dần đi một cách đáng tiếc khi họ rời ngành. Kerry trong thời gian đầu đã tự ép mình phải học thuộc lòng nguyên văn hàng mấy bài báo để không cảm thấy bị thui chột, nhưng sau đó, cô dần dần buông xuôi. Việc quay lại với kỷ luật làm cho cô thấy thích thú.

Và giờ đây, trong lúc ngồi ngâm người trong văn phòng của Ginger để "đánh giá sơ bộ công việc sắp xếp cần phải tiến hành", cô bắt đầu xác minh từng điểm theo chỉ dẫn của trí nhớ. Những bản báo cáo chính thức của các buổi họp ban lãnh đạo, có thể tự do tiếp cận trên giá, được viết rất vắn tắt. Nó chẳng cung cấp thông tin gì về cái gốc của các cuộc tranh luận. Nhưng, chỉ với danh sách hiện diện và vắng mặt của từng buổi họp, những tài liệu này đã cho phép xác định chính xác sự biến mất của Harrow. Để tìm hiểu sâu về thành phần trong nhóm của hắn, cô tham khảo bản danh sách hội viên và những người bị khai trừ nằm ở cuối bản báo cáo tiếp theo, vì những việc này được trình lên cho ban lãnh đạo duyệt. Cô thầm ghi nhớ tên của mười lăm người đã bị khai trừ trong ba cuộc họp kế tiếp. Có thể suy luận rằng việc khai trừ những người này hẳn phải có liên quan với vụ *những kẻ săn mồi mới*.

Cô chỉ còn phải đi vào chi tiết của biến cố. Để làm được việc đó, cần phải lấy được các biên bản họp chi tiết và thông tin cá nhân của những thành viên đã bị khai trừ. Bây giờ Kerry đã biết chính xác mình cần tìm thông tin gì và phải tìm chúng ở đâu. Chỉ còn mỗi việc ra tay thôi.

Kerry thuê phòng trong một khách sạn vô danh nằm ở phía bắc thành phố. Mỗi sáng, lúc bảy giờ, cô họp qua điện thoại với Providence. Cô tận dụng lúc đó để bàn bạc một chút với Tara. Sáng ngày ấn định, cô đã biết là Paul, trong quá trình săn đuổi Harrow, đang đi sang phía tây. Lúc đầu cô đã nghĩ sẽ tạt qua New York sau phi vụ này để thăm con. Nhưng tối hôm trước, cô nhận được tin nhắn từ Rob. Bọn nhóc thích ở nhà mấy đứa anh chị họ đến nỗi mọi người quyết định ở rón thêm một tuần. Ông bác của chúng đã sắp xếp một chuyến đi chơi đến ngôi nhà bên hồ vào tuần này. Có lẽ họ đang đi thám hiểm bằng xuồng. Cô có toàn bộ thời gian cho mình. Cô yêu cầu Tara đề nghị Paul đến khu vực này gặp cô sau khi cô xong việc với One Earth.

Sau đó, cô chạy bộ trong cái công viên nằm dọc theo vịnh. Ở một góc vườn, cô thấy đủ yên tĩnh để tập võ trong hai mươi phút. Trong khi ném rựa vào những kẻ thù vô hình, Kerry nhận ra một ông già đang nhìn cô đầy sợ hãi. Rõ ràng là ông ta đã lặng lẽ quan sát cô được một lúc. Ông ta cuống cuống bỏ đi, lúi theo con chó. Cô cảm thấy cực kỳ khỏe khoắn. Sự gần kề của nguy hiểm đã nạp đầy năng lượng và sự hào hứng cho Kerry.

Ngày được lựa chọn là thứ ba. Trong suốt cả tuần thì tối thứ hai là lúc Ginger bận rộn lâu nhất. Chị biết tình địch của mình rảnh rỗi ngày hôm đó, nên luôn tìm mọi cách để gã chồng trắng hoa không có lấy một phút riêng tư trong suốt buổi tối. Mỗi thứ hai, Ginger mời bạn bè đến nhà ăn hoặc lôi chồng đi xem phim, đi hộp đêm, bất cứ nơi đâu. Chị sẽ kết thúc buổi tối bằng việc đòi hỏi anh ta chứng tỏ tình yêu một cách mãnh liệt nhất. Ngay cả sau nghi thức này, Ginger sẽ vẫn giữ hai mắt mở to, đề phòng trường hợp kẻ phản bội còn đủ sức để liên lạc với "à kia" giữa đêm khuya...

MÙI ADAM

Buổi sáng thứ ba sẽ lo nốt những thứ còn lại và chẳng hay hóm gì. Ginger luôn đến vào khoảng mười một giờ, tâm trạng vừa vui vẻ, mệt mỏi lại vừa lo lắng, bởi vì rốt cuộc chị vẫn chỉ kéo thêm được một tuần lễ nữa.

Tối hôm trước Kerry đã kiểm tra lại để chắc chắn là lịch làm việc của Ginger hoàn toàn trống trơn đến tận đầu giờ chiều. Trong tổ chức này, buổi sáng là thời điểm thích hợp để hành động. Các văn phòng gần như vắng người cho đến chín giờ. Nhưng đối lại, sự hiện diện của cô sẽ trở nên đáng ngờ và cần phải có lý do. Roger đã đưa cho cô một tấm thẻ vào cửa giao nhận hàng. Nó cho phép Kerry đi qua cổng sau dành cho nhân viên, vốn không bị theo dõi. Chỉ cần cô chú ý không đến trước tất cả mọi người, vì cô không biết mã để tắt báo động. Như vậy cô không được đến quá muộn cũng như quá sớm. Chín giờ kém mười lăm, đối với cô là hợp lý.

Trong những ngày trước, Kerry đã cẩn thận ăn mặc phù hợp với tâm trạng cô nhập vai. Cô mặc những bộ trang phục tuềnh toàng và rộng thùng thình như của một người không còn quan tâm đến ngoại hình cũng như việc thu hút các ánh mắt, chứ đừng nói tới ham muốn. Nhưng sáng nay thì điều đó không còn cần thiết nữa. Trước hết cô cần phải cảm thấy thoải mái và không bị vướng víu trong trường hợp khẩn cấp. Kerry vẫn đi đôi giày chạy bộ. Cô mặc một chiếc áo chơi gôn và quần jean thun ôm sát. Cô không mang theo áo khoác, ví hay túi xách, tất cả những thứ có nguy cơ bị bỏ lại phía sau. Cô cũng tết tóc lại thành hai bím, vắn sang hai bên, khiến cho cô có vẻ hơi giống các cô gái thành Venice. Do cách phục sức này, và nhất là sự thoải mái vui vẻ toát ra từ cô, ai gặp cô trên đường cũng phải ngoái nhìn. Kerry phát hoảng vì chuyện này, nhưng đã quá muộn để có thể quay về thay đồ.

Khi đến trụ sở One Earth, cô cố gắng kìm hãm bớt ánh mắt của mình và còng lưng một chút, nhưng vẫn không ngăn cản được hấp lực của mình. Ở Ủy ban Phi châu, một anh chàng mà cô chưa bao

giờ nói chuyện hay làm việc cùng, cô tin là thế, mời cô một ly cà phê. Cô từ chối, nhưng anh ta cứ bám riết.

- Em dậy sớm nhì. - Anh chàng lóng ngóng dò hỏi, tìm cách bắt chuyện.

- Để liên lạc với bên Lào ấy mà.

Đó cũng là cái cớ mà mọi người ở Providence đã thống nhất lựa chọn để biện minh cho việc đi sớm của cô.

- À, ừ nhì, do chênh lệch múi giờ. Anh hiểu rồi.

Anh ta vẫn cứ bám theo cô. Cái trò dê xồm này bực mình thật, nhưng cô chỉ tự trách mình. Cô đã quên mất sự hấp dẫn, vốn là một điều tương đối mới mẻ ở cô. Hồi trước, khi còn làm ở Cục, cô giữ cho mình hình ảnh của một con bé con lành lẹ, dễ hăng tiết lên, làm mọi người thích thú, cả say mê nữa, nhưng cũng làm người ta hơi dè chừng. Mọi người cảm thấy cô có thể có những phản ứng không báo trước. Tuổi tác, việc làm mẹ, một sự viên mãn hạnh phúc đã thêm vào đó một lực hấp dẫn đối với cánh đàn ông, vốn dễ xiêu lòng. Đặc biệt là cái anh chàng này, anh ta cứ đeo dính lấy cô. Tất nhiên, một cái nhướn mày là đủ loại bỏ anh ta, nhưng trong lúc đó, cô sẽ bị chú ý. Nguyên tắc hành động đầu tiên: hãy biến mình thành tấm thường...

Ở giữa hành lang, trước cửa phòng của Ginger, cô ngừng lại, vẻ mặt tươi cười:

- Xin lỗi anh! Nhưng em còn phải gửi sang Lào một bức thư mật của ban lãnh đạo. Gặp anh sau nhé!

Câu cuối cùng chính là một câu nói đầy ẩn ý. Kerry chẳng buồn che đậy ý nghĩa chính xác của nó là "Biến đi, đồ dê xồm!".

Kerry bước vào văn phòng của Ginger và đóng cửa lại. Cô hít một hơi thật sâu, cố quên đi sự cố ngu ngốc vừa rồi. Phần còn lại của kế hoạch đang ở đây, rõ mồn một trước mắt cô.

Trước tiên, phải khóa cửa lại.

Việc làm này đã được bàn luận rất lâu. Tara không đồng ý. Xét cho cùng, nếu lỡ như có ai đột ngột đi vào thì Kerry vẫn được phép sắp xếp

MÙI ADAM

hồ sơ kia mà. Tại sao phải khóa trái cửa? Nhưng cùng lúc đó, nếu Ginger chính là người đến bất ngờ... Cuối cùng, Kerry đã thắng. Cô xoay chìa khóa thật nhẹ nhàng trong ổ để không ai bên ngoài nghe thấy.

Sau đó, cô rút từ trong túi quần ra một chiếc chìa khóa vạn năng. Quỳ sụp xuống bên cạnh cái tủ nhỏ cất giữ tài liệu mật, cô mở nó ra dễ dàng.

Đã chín giờ rồi. Kerry còn nửa tiếng nữa để tìm ra cái cần tìm. Sau đó, các văn phòng sẽ có người qua lại, khiến nguy cơ bị bắt gặp trở nên rất cao. Cô bắt đầu với tập hồ sơ chứa các quyết định của ban lãnh đạo. Bất ngờ thú vị là có vẻ như Ginger đã dành tất cả sự kỹ lưỡng mà chị ta có cho việc sắp xếp mớ tài liệu này. Rõ ràng đây là thứ duy nhất mà các sếp tham khảo và chị ta muốn họ có ấn tượng tốt. Kerry chẳng chút khó khăn tìm thấy biên bản của buổi họp sau cùng mà Harrow còn tham dự. Cô đặt tập hồ sơ lên bàn làm việc và sao chụp từng trang nhờ vào một thiết bị nhỏ mà Providence đã cung cấp. Mỗi biên bản họp dài khoảng bốn tới năm tờ giấy. Cô cũng sao lại hai biên bản họp tiếp theo và hai cái trước đó, rồi cất tập hồ sơ vào chỗ cũ.

Tiếp đến cô lôi ra một thùng hồ sơ lưu màu xanh, bên trong cất những thông tin mật của các hội viên. Xem lướt qua, cô nhận thấy nó không có các phiếu thông tin về nhóm *Những kẻ săn mồi mới*. Khi quay sang tìm các tập hồ sơ khác, cô phát hiện ra một tập dành riêng cho các thành viên bị khai trừ sau khi Harrow ra đi. Mỗi người đều có các thông tin về quá trình hoạt động tại One Earth (ngày gia nhập, chức vụ, ngày khai trừ...) cùng với một tiểu sử khá chi tiết. Đây không phải là lúc để xem kỹ các tài liệu. Kerry chỉ cần sao chép lại thôi. Các thông tin sau đó sẽ được xử lý tại Providence.

Cô trái tập hồ sơ lên bàn và bắt đầu sao chụp từng trang. Có cả thấy khoảng ba mươi trang. Việc này chỉ tốn từ ba đến bốn phút không hơn.

Cô tiến hành được một nửa thì tay nắm cửa nhúc nhích.

Mọi người đều biết là Ginger không bao giờ khóa cửa phòng làm việc. Chị cho rằng các biện pháp an ninh đã đủ để không có gì phải lo sợ những người đi lại trong trụ sở. Đó cũng là quan niệm của các

thành viên ban lãnh đạo. Họ nhất trí kiểm tra thật nghiêm ngặt đối với người ngoài, nhưng lại rất muốn phát huy bầu không khí dân chủ bên trong bằng việc cho phép đi lại tự do một khi đã chứng tỏ mình trong sạch ở cửa vào.

Người đang cố đi vào văn phòng của Ginger đang đánh giá mức độ bất thường của tình hình. Kerry đứng bất động, hy vọng rằng sự yên lặng sẽ khiến người kia tưởng phòng làm việc không có ai và chính Ginger đã khóa cửa vì một lý do không rõ. Nhưng kẻ kia dường như không chấp nhận hướng giải thích này. Tay nắm cửa lại hạ xuống, lần này mạnh hơn. Kerry nhận thấy người ta đang kiểm tra mức độ chắc chắn của ổ khóa bằng cách lay thật mạnh cánh cửa.

Cô cần phải nhanh chóng sắp xếp lại mọi thứ, đóng tủ rồi mở cửa phòng và giải thích rằng mình vừa thực hiện một cuộc gọi có tính chất bí mật. Đó là kịch bản mà Providence đã dự trù. Đáng tiếc là nó không thể áp dụng được. Người đứng bên ngoài lúc này đã buông tay nắm để đập cả bàn tay lên cánh cửa. Trong sự yên tĩnh của buổi sáng, tiếng động này to kinh khủng. Cần phải nhanh chóng chấm dứt nó. Kerry gấp tập hồ sơ lại và đá một cú vào cánh cửa tủ nhỏ đang mở toang. Cô nhảy phắt đến đằng sau cánh cửa, nhẹ nhàng xoay chìa trong ổ khóa rồi mở cửa ra. Cô chạm mặt một người phụ nữ mà mấy hôm trước đã từng gặp trên tầng ba này nhưng chưa bao giờ trò chuyện. Bà ta rõ ràng là già hơn tuổi trung bình của đám nhân viên. Một cái mụn cóc to sụ làm cằm của bà ta biến dạng. Kerry nhớ mang máng rằng người này từng là một tuyên truyền viên của phong trào và bây giờ đang làm việc như một tình nguyện viên. Bà ta nhìn Kerry một cách khó chịu. Rõ ràng là mọi lời giải thích lúc này đều không làm bà ta thỏa mãn. Thử tìm cách quyến rũ thì chỉ phí công. Đây không phải là Roger, cũng chẳng phải thằng ngu đã tán tỉnh cô ban sáng.

Chỉ trong vài giây, mặt già sẽ hét toáng lên báo động. Kerry không để cho mặt ta có thời gian làm việc đó. Bằng một tay, cô lôi cổ mặt vào trong phòng, tay kia đóng cửa và xoay chìa khóa. Mặt già vừa kịp định

MÙI ADAM

thần sau sự việc bất ngờ thì Kerry đã chặt tay một phát vào thượng vị khiến mụ lập tức bất tỉnh. Cô đặt mụ nằm dài sau cánh cửa.

Kerry cảm thấy hoàn toàn bình tĩnh. Một vài giây phút mà cô có được để trốn thoát bỗng hóa yên bình y như lúc đi nghỉ cùng gia đình. Cô điềm tĩnh đến bên bàn làm việc, rút máy ảnh từ trong túi ra và kết thúc việc sao chụp những tài liệu cuối cùng. Cô vừa định đặt tập hồ sơ vào trong tủ để khóa lại thì thay đổi ý định. Lật đại một trang tài liệu, cô mở toang tập hồ sơ vừa chụp và đặt nó nằm chình ịch trên bàn làm việc của Ginger.

Lập luận của cô rất đơn giản. Sự xuất hiện của mụ già đã buộc cô phải dùng vũ lực. Nếu việc này được thực hiện mà không có động cơ, One Earth sẽ chẳng ngần ngại coi mình là nạn nhân, đánh động báo chí, cảnh sát, công tố viên, tóm lại là tự lăng xê mình hết cỡ. Nhưng ngược lại, nếu như nguyên nhân của tất cả chuyện này là một vụ xem trộm tài liệu mật của tổ chức thì ban lãnh đạo của One Earth sẽ phải dẫn đo nhiều trước khi đưa vụ việc ra công chúng. Họ sẽ không muốn tác giả của vụ đột nhập, cho dù người đó có là ai - thành viên một tổ chức đối thủ như của Harrow chẳng hạn; hay của FBI - tiết lộ các bí mật của họ. Vậy thì tốt hơn là để chuyện này chìm xuống.

Kerry thậm chí trong một thoáng đã có ý định mang đi một tập tài liệu, đặc biệt là tập có ghi chữ "tài chính". Chắc chắn nó có chứa những thông tin đủ sức làm im miệng các thành viên trong ban lãnh đạo. Nhưng cô lại nghĩ rằng nếu phải chạy hoặc lẩn trốn, cô sẽ bị vướng víu với một trọng lượng như thế trong tay. Cuối cùng cô quyết định để nguyên mọi thứ.

Người phụ nữ bắt đầu tỉnh lại và rên rĩ. Kerry bước qua người mụ ta, ra ngoài rồi khép cửa lại sau lưng. Cô bình thần đi đến hết hành lang, ngang qua gần một chiếc máy phôtô có anh chàng ban sáng đứng đằng trước. Rõ ràng là anh ta đã đứng sẵn chờ cô ở đây. Anh ta chỉ kịp nở nụ cười với cô. Cô khẽ vẫy tay đáp lại rồi biến xuống cầu thang. Ở tầng trệt, cô gặp Roger vừa mới đến. Anh ta giữ cửa mở cho cô và Kerry vừa ra ngoài vừa nói to:

- Tôi để quên đồ ở nhà.

Thật may là trong tay cô không có tập hồ sơ nào. Ở đây có quy định cấm không cho mang tài liệu ra ngoài nếu không được phép.

Chỉ trong chớp mắt, cô đã ở ngoài đường. Ông trời phải mất chút thời gian để lựa chọn giữa mây xám và nắng vàng. Cuối cùng, trời nắng đẹp. Gió đến từ biển Bắc thổi mạnh trên nền trời xanh ngắt. Kerry bước nhanh cho đến khi cách trụ sở One Earth hai khối nhà. Ngay khi được tòa nhà che khuất, cô bắt đầu chạy. Bộ đồ mặc trên người khiến người ta tưởng cô là một người chăm tập thể dục buổi sáng vốn nhan nhản trên đường.

Thật sung sướng khi được để cho cơ thể của mình bộc lộ sức mạnh và sự khỏe khoắn. Paul đã vô cùng có lý: các điều kiện đã được hội đủ. Cô hơi lo lắng tự hỏi liệu việc hỗ trợ có được suôn sẻ không. Khi cô nhìn thấy ở chỗ đã định chiếc xe hơi do Providence phái đến cùng người tài xế đang chờ đợi, Kerry có cái cảm giác thú vị được làm một cái bánh răng tinh xảo của một chiếc đồng hồ treo tường to lớn đẹp đẽ, chỉ giờ trên một mặt khắc vô hình. Cô chui vào trong xe. Lái xe là một anh chàng làm ở bộ phận của Lawrence, miệng đang nhai kẹo cao su. Anh chàng gấp rút khởi động máy và đi về hướng Đông theo đúng như dự kiến.

III

Coeur d'Alene, Idaho.

Vào mùa xuân, Idaho giống như một nàng công chúa ngủ trong rừng. Giấc ngủ lịm của mùa đông đã nhường chỗ cho sự tỉnh thức của cỏ cây, nhưng tuyết vẫn còn hiện diện tại những nơi có bóng đổ. Những cư dân da dẻ tái nhợt, râu tóc bù xù thận trọng bước chân

MÙI ADAM

ra ngoài đường mà không biết chắc nên mặc trang phục gì: mặt trời đã ấm hơn thật, nhưng hể quay về phía bắc là họ hứng gió lạnh buốt ngay.

Thiên nhiên hoang dã chiếm hết một phần ba tiểu bang. Phần đất còn lại được dành cho việc canh tác khoai lang. Rõ ràng là cánh đàn ông đã quá bận bịu với việc săn gấu và làm cỏ nên không có thời gian để dựng nên những đô thị cho xứng với tên gọi của chúng. Boise giành được vị trí thủ phủ chỉ vì không có đối thủ nào đáng kể.

Trong khi lái chiếc xe Chevrolet đi thuê, Paul giết thời gian bằng cách điểm qua những cái tên Pháp của các ngôi làng. Mặc dù đã ở cách New Orleans hơn ba ngàn cây số, anh vẫn đang lang thang trên vùng Louisiana mà Jefferson đã mua. Vùng đất thuộc địa Pháp rộng lớn trải dài cho đến tận miền hoang dã này và tiếp giáp với xứ Oregon xưa của dân đặt bẫy.

Ted lớn lên ở Coeur d'Alène, một vùng nằm ở tây bắc Idaho. Ngay khi còn nhỏ hắn đã sống trong môi trường của thứ tiếng Pháp tồn tại từ nhiều thế kỷ. Điều này tạo nên một mối liên hệ giữa Paul và hắn. Mặc dù gần như chắc chắn sẽ không tìm thấy hắn ta ở đây, nhưng Paul vẫn có cảm giác đang nhích lại gần kẻ mà mình săn tìm.

Anh đã trải qua nhiều ngày ngồi ở Providence tổng hợp lại những tài liệu thu thập được về Harrow và tìm hiểu kỹ các hướng điều tra. Anh nhận được sự hợp tác hiệu quả và nhanh chóng như mong muốn nhờ sự huy động toàn lực mà Kerry đã khơi mào và vẫn được duy trì trong lúc cô vắng mặt. Tất cả các bộ phận tiếp tục tham gia những buổi họp trên tầng ba, và *Những kẻ săn mồi mới* vẫn luôn là mối bận tâm chính của trụ sở. Tuy nhiên, cỗ máy ưu tiên phục vụ Kerry. Trong những cuộc điện đàm mỗi sáng giữa cô và Providence, cả nhóm làm việc tùm tùm quanh chiếc loa của máy điện thoại. Paul cảm thấy hơi bức mình trước sự quan tâm có phần hơi thương hại mà họ dành cho anh và càng quyết tâm gỡ gạc. Hướng điều tra về Harrow này nhất định phải đi được đến đâu đó.

Đáng tiếc là càng điều tra anh càng nhận ra con người này không

thể tóm gọn được. Ted Harrow không chỉ biến mất, mà còn cẩn thận xóa hết các dấu vết. Việc xóa dấu vết giống như là một bản năng thứ hai của hắn. Cuộc đời của hắn, trước cả khi rời bỏ One Earth, đã in đậm dấu ấn của sự kín đáo, bí ẩn và linh hoạt. Không thể tìm thấy dấu vết của những đồ vật, nơi chốn, các mối quan hệ mà đa phần người bình thường vẫn bỏ lại sau lưng. Mỗi khi tìm ra được một điều mà Harrow đã làm, người ta lại không biết được hắn đã ở đâu. Ngược lại, ở những chỗ mà người ta tìm thấy hắn thì lại không có mối liên hệ nào với các hoạt động đã biết của hắn. Sự kín kẽ này kéo dài suốt một thời gian dài. Nó là một đặc điểm không chỉ của riêng hắn mà của tất cả bà con họ hàng nhà hắn.

Vậy mà hồi xưa, có vẻ mọi chuyện không phải như vậy. Tại Connecticut, nơi Harrow chào đời, gia tộc của hắn khá lẫy lừng. Bà nội của hắn chính là hậu duệ trực tiếp của những kiều dân Anh trên con tàu *Mayflower*. Vào thập niên hai mươi, sự xuống dốc bắt đầu ập tới. Nhánh gia tộc của cha hắn đã làm ăn thua lỗ và gần như phá sản. Những người còn lại đã cắt đứt mọi liên hệ với những kẻ kém cỏi bị rơi vào đói nghèo này. Đó chính là lý do khiến cho mỗi khi hỏi về Ted Harrow, chẳng có người họ hàng xa hoặc những người cùng họ nào tỏ ra biết hắn. Trong sổ bộ thuế, họ tìm thấy dấu vết của cha hắn với những công việc vặt vãnh trong ngành khách sạn ở vùng bờ Đông của Mỹ. Sau đó ông ta hoàn toàn mất tăm mất tích chỉ hai năm sau khi con trai ra đời.

Việc thiếu thời gian khiến Providence chưa thể tìm thấy lý lịch học tập của Ted, vì cần phải tiến hành tìm kiếm trên toàn bộ lãnh thổ Hoa Kỳ và có lẽ cả ở nước ngoài. Harrow tái xuất hiện vào năm 1991, thời điểm mà hắn đi nghĩa vụ, nhưng cũng lại chỉ để biến mất sau đó. Hắn đã bị liệt vào số những người trốn quân dịch, những thanh niên trong tuổi nghĩa vụ trốn không tham gia cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Có thể đoán chừng rằng, giống như nhiều người khác, hắn đã sang Canada. Những xác minh do Providence tiến hành đã cho phép khẳng định giả thiết này và thậm chí tìm ra một vài người biết hắn ở

MÙI ADAM

đó. Tiếc là không ai trong số họ còn giữ liên lạc với hắn. Nhiều chứng cứ cho thấy sự liên đới của hắn trong những phong trào sinh thái ở British Columbia đã được thu thập. Nhưng ở đây cũng vậy, dường như hắn không tìm cách duy trì mối liên hệ với các phong trào này.

Cuối cùng giai đoạn có nhiều thông tin nhất lại là thời gian hắn tham gia One Earth. Hắn gia nhập tổ chức vào năm 1995 và thăng tiến nhanh cấp kỳ: chưa đầy hai năm sau, hắn đã được bầu bổ sung vào ban lãnh đạo. Hắn đạt được vị trí đó là nhờ mối thâm tình với Jerry Metcalff, một trong những lãnh đạo kỳ cựu của phong trào. Metcalff đã từ chối mọi lời đề nghị phỏng vấn, nên không thể nghe thuật lại chuyện này từ chính miệng ông ta. Mọi người đành hài lòng với quyển *Hồi ký* mà ông ta vừa xuất bản năm ngoái, trong đó Metcalff nói rằng Harrow và ông ta quen nhau tình cờ trong một chiến dịch dùng bạo lực chống lại một vụ phá rừng. Ông ta đã tuyển chọn hắn vào One Earth vì sự dũng cảm của hắn. Ông ta rất ngưỡng mộ sự hiểu biết của Harrow về người da đỏ, và cho rằng bằng sự liên hệ với lối suy nghĩ của thổ dân, hắn sẽ có ích cho phong trào sinh thái. Nhưng ông ta cũng thú nhận rằng Harrow luôn là một ẩn số và ông ta chẳng biết gì về cuộc đời trước đây của hắn. Dù cho giọng điệu chẳng mấy vui vẻ, - quyển sách được viết sau vụ căng thẳng với nhóm *Những kẻ săn mỗi mới* - lời thừa nhận này cũng tỏ ra khá chân thành và ăn khớp với con người của Harrow.

Tất cả những thông tin trên không mở ra một hướng điều tra chắc chắn nào và Paul bắt đầu thấy nản. May mắn làm sao, Barney đã gợi cho anh một ý. Trong lúc thảo luận về tiến độ của cuộc điều tra, ông ta đã buông ra một nhận xét lý thú, nhưng cho đến lúc đó không ai để ý cả.

- Vậy còn mẹ hắn? - Barney đã thắc mắc như thế.

Giữa tất cả những khoảng trống trong cuộc đời của Harrow, có một điều đặc biệt gây ngạc nhiên: đó là sự vắng mặt của bà mẹ. Paul từ đó suy ra rằng bà ta chắc hẳn đã biến mất từ lúc con trai mình còn nhỏ. Sau lời nhận xét của Barney, anh đã quyết định tìm hiểu thêm

về chuyện này. Trên giấy khai sinh của Ted, bên cạnh tên của cha hắn, cái tên mang màu sắc New England không lẫn đi đâu được, là cái tên lạ lùng của người mẹ: Marie Rosaire, và ngày tháng năm sinh cũng đặc biệt chẳng kém: ngày 1 tháng 1 năm 1946 ở Boise, Idaho. Đúng là có nhiều người được sinh ra vào ngày đầu năm. Tuy nhiên, hầu hết những người sinh vào ngày này là những đứa trẻ có lai lịch không rõ ràng. Một số bị bỏ rơi không kèm theo thông tin cụ thể, số khác xuất thân từ những nơi mà thủ tục làm khai sinh cho trẻ không được thực hiện nghiêm túc. Đó là trường hợp của nhiều bộ tộc da đỏ thời kỳ hậu chiến.

Vậy nên Paul hướng cuộc điều tra của mình sang những hội truyền giáo ở Boise và Idaho. Cái tên Marie Rosaire có thể đã được một tu sĩ đặt cho một bé gái da đỏ sinh ra trong một bộ tộc và được cải đạo. Hai thực tập sinh trong bộ phận của Barney đã tra lục tất cả các tu viện của bang về những đứa trẻ được thu nhận trong thập niên bốn mươi và năm mươi. Một bà xó phụ trách đối ngoại đã xác nhận sự tồn tại của một bé gái mang cái tên này trong sổ bộ của một giáo xứ thuộc quận Clearwater, nằm trên sườn núi Rocky Mountain. Sống cùng với các nữ tu, cô bé đã được học nghề thợ giặt. Vào năm mười tám tuổi, cô bước ra tìm vận may ở thế giới bên ngoài, sau khi nhận một công việc ở bờ biển phía Đông. Ngày tháng khá ăn khớp. Đây có thể chính là bà mẹ của Harrow. Khi tra cứu trong sổ hộ tịch của Idaho, mà trong đó chắc tu viện đã làm các thủ tục nhận nuôi đứa bé, họ đã tìm ra dấu vết của Marie Rosaire, cũng như ghi chép về hai cuộc hôn nhân. Vào ngày 7 tháng 6 năm 1968, bà đã cưới Edgar Harrow, được ghi nhận đã qua đời ba năm sau đó. Từ cuộc hôn phối này, một đứa bé đã ra đời, được đặt tên là Edward. Sau đó, bà đã tái hôn với một ông Miller nào đó, và ly thân với ông này từ mười năm nay. Chắc chắn từ bấy giờ bà ta dùng họ Miller, điều đó lý giải tại sao bà chưa bao giờ xuất hiện trong quá trình điều tra. Địa chỉ cuối cùng điều tra được của Marie Rosaire nằm ở Coeur d'Alène, phía bắc của Idaho.

MÙI ADAM

Khu vực này được biết đến nhiều nhất là nhờ cái hồ to như biển cả và có rất nhiều cá. Thành phố Coeur d'Alène sống chủ yếu dựa vào du lịch. Nó hiện ra trước mắt du khách đúng như những gì họ chờ đợi: chân thực một cách giả tạo, một mặt gắn liền với truyền thống của dân đặt bẫy, với những ngôi nhà ghép bằng gỗ súc và những người bán da thuộc, nhưng mặt khác vẫn bám rễ chắc chắn vào nền văn minh Mỹ cùng với cửa hàng gà rán Kentucky và những trạm dừng ô tô hoành tráng mang thương hiệu Chevron. Đây cũng là khu vực sản sinh ra nhiều nhóm cực hữu bán quân sự theo thuyết ưu thế của người da trắng.

Paul thuê một phòng tại một khách sạn ở trung tâm thành phố, nơi có cả một đoàn toàn các bác hưu trí thuê trọ, với đầy đủ bộ dụng cụ câu ruồi¹. Anh bỏ đồ lại khách sạn rồi lập tức khởi sự tìm kiếm bà Marie Rosaire.

Bà sống ở một nơi khuất sau cái phòng trang trí ngoại lai ấy. Nơi bà ở là một căn nhà di động đã được chèn bánh, từ lâu đã không còn tiếp xúc với nhựa đường. Nó bị bao phủ đến tận nóc bởi bụi cây và đám dây leo thường xuân. Một mớ thùng tôn, mái che bằng ván và hộp rỗng có tác dụng nổi rộng thêm không gian nguyên thủy của chiếc xe rơ-moóc, tạo cho nó phong thái cấm trại lưu động, mặc dù đây là một sự định cư lâu dài thì đúng hơn.

Cuối cùng Paul cũng tìm thấy lối vào là một cánh cửa bo tròn bốn góc giống như trên tàu thủy. Anh gõ cửa rồi đợi. Một đứa bé nhỏ xíu ra mở cửa. Đó là một cô bé da đỏ, mặc chiếc váy bằng vải bố màu đỏ trùm lên đôi chân trần mảnh khảnh.

- Chú đến gặp bà Marie Rosaire. - Anh nói.

Một giọng nói oang oang cất lên từ bên trong làm rung chuyển thành xe mỏng dính.

- Kẻ quái quỷ nào còn gọi ta như thế?

¹ Hình thức câu cá sử dụng mồi câu giả bắt chước hình dạng con ruồi hoặc những loài sinh vật thủy sinh vốn là thức ăn của cá.

Người phụ nữ vừa cất tiếng đang nằm trên giường, đắp một cái chăn lông vịt màu tím hoa cà, đầu tựa lên chiếc gối vuông có viền đăng-ten. Đôi mắt đen nhỏ của bà tập trung nhìn Paul. Chúng rất sáng, gần như quắc lên, đến nỗi khiến người ta quên đi mọi chi tiết còn lại: thân hình đồ sộ mềm nhão trên giường, đôi bàn chân trần với những ngón chân biến dạng ở đầu hai cẳng chân nổi đầy tĩnh mạch, hai cánh tay mềm oặt cùng đôi bàn tay cẩu bẩn.

- Anh lại gần đây. Anh sợ à?

Paul tiến đến gần giường.

- "Gió ban mai" xin nghe, anh bạn của tôi ạ. Từ giờ đó là tên của tôi, và tốt hơn anh hãy quên cái tên kia đi. Nếu đến để bán đồ thì anh có thể ra về ngay được rồi đây. Tôi không có tiền đâu. Tôi sẵn sàng nhận tiền, nhưng với điều kiện là không phải ký kiếu gì cả. Anh nói đi.

- Cháu đến vì Ted. - Paul mở lời bằng một giọng mềm mỏng, như những lúc nói với bệnh nhân của mình.

- Nó gặp chuyện gì à?

Một cơn co giật gần như làm bộ ngực nặng nề của bà bật lên. Nhưng trọng lực đã thắng thế và bà lại rơi xuống gối.

- Cháu không biết. Cháu đang tìm con bác.

Ngay từ giây phút đầu tiên Paul đã hiểu là anh chẳng có bất kỳ cơ hội nào chạm mặt Harrow tại đây.

- Người ta có thường hỏi bác về tin tức của Ted hay không?

- Không bao giờ. Tôi không hiểu làm thế nào mà cậu lại dò ra tôi. Ngay cả Ted cũng không còn đến tìm tôi nữa.

Nói xong câu này, bà già lôi một chiếc khăn tay nhét sau lưng đưa lên che mắt.

Paul nhìn quanh nơi ở, toàn những thứ linh tinh kỳ quái, mấy cái đèn tù mù, lũ mèo bằng gốm và mớ hoa nhựa. Dường như anh đã đi vào một trong những ngôi mộ Ai Cập cổ, ở đó người quá cố ngự trị giữa những món đồ dùng cho cuộc sống vĩnh hằng. Điều khiến cho nơi này càng thêm phần giá trị dù có thể nào đi nữa, chính là

MÙI ADAM

việc chưa có kẻ trộm mộ nào vào được đây trước anh. Có vẻ như FBI không buồn đẩy cuộc điều tra đến đây. Dù chẳng nhiều nhận gì, chuyện này dẫu vậy vẫn làm tăng cơ may khám phá ra một manh mối, một dấu hiệu, một hồi ức có thể đưa tới hướng điều tra đúng.

- Nó đang gặp nguy hiểm, phải không?

- Có thể lắm, - Paul đáp.

Anh ngồi xuống mép giường. Bà già, lúc này đã nhìn thấy Paul gần hơn, trông như chỉ vừa phát hiện ra anh.

- Lại đây cho tôi nhìn nào. Tóc cậu rất đen. Lại xoăn nữa! Cậu là người Puertorico thì phải?

Bà mở to đôi mắt hốt hoảng.

- Một thằng mọi! Một thằng mọi, đương nhiên rồi, hóa ra là thế!

Cô bé gái chạy bỏ đến khi nghe thấy giọng nói oang oang của bà. Nó nhìn Paul một cách không hài lòng.

- Bác bình tĩnh lại nào. Bác thấy đấy, cháu là người da trắng. Hơn nữa, nếu cháu là người da đen thì cũng có ảnh hưởng gì đến bác đâu?

- Ở đây người ta không thích bọn mọi. Và phải báo trước cho cậu là Ted còn ghét chúng hơn cả tôi nữa đấy. Cưng ơi, mang Coca cho bọn ta đi.

Con bé được sai liền chạy biến đi.

Bà Marie Rosaire lại buông người xuống gối, trán lấm tấm mồ hôi. Bà bắt đầu huyền thuyên:

- Cậu đã nhìn thấy mắt nó chưa? Lúc nó chào đời, nó làm tôi phát khiếp. Tôi đã quen với việc nhìn thấy cặp mắt như thế nơi cha nó. Với khuôn mặt đặc trưng của người xứ Wales, chuyện này cũng tự nhiên thôi. Nhưng cậu thử tưởng tượng một cái màu mắt như thế chui ra từ bụng tôi...

- Bác đã gặp gỡ bác trai như thế nào ạ?

Bà nhìn lên trần nhà, những nếp da nhợt nhạt trên cổ giãn ra.

- Cả cậu cũng thế, chuyện đó làm cậu ngạc nhiên hả? Con bé anh điêng mồ côi nghèo hèn và một anh chàng hào hoa đom đóm.

Bà ngồi dậy với một sự nhanh nhẹn đáng ngạc nhiên, mặt gần như chạm vào mặt Paul.

- Ông ấy đã yêu tôi, cậu biết đấy. Và tôi cũng yêu ông ấy. Gia đình không muốn nhìn mặt ông ấy nữa, nhưng với học thức của mình, ông ấy tìm việc không mấy khó khăn. Còn gì hơn một anh nhà giàu sa cơ khi cần nói chuyện với những kẻ nhà giàu thực sự. Ông ấy đã là trưởng quầy lễ tân ở khách sạn Majestic Baltimore. Một khách sạn năm sao, chưa kể những ngôi sao cộng thêm cho một mình ông ấy.

Bà tu ừng ực lon Coca mà bé gái vừa đưa cho. Paul đặt cái lon của mình xuống cái bàn một chân nằm cạnh giường.

- Tôi là cô thợ giặt của khách sạn. Thế đấy. Tôi thấy không cần phải vẽ vời thêm cậu cũng đã hiểu.

- Ted có anh chị em không ạ?

- Chúa lòng lành, không! Chỉ riêng việc sinh nó ra đã khiến tôi tưởng mình mất mạng. Bảy giờ trong tôi có vẻ hơi đầy đà, nhưng cậu hình dung tôi không có lớp mỡ này thì chẳng còn lại gì nhiều đâu.

- Bác ở Baltimore có lâu không?

- Thời gian đủ để tay quản lý khách sạn phát hiện ra vụ việc. Sau ngày sinh nở, chúng tôi đã bị tống ra đường. Tội nghiệp Harrow! Cậu biết đấy, trong những khách sạn lớn như thế, bọn họ chuyển tay nhau các danh sách đen. Ngay hôm sau là đã chẳng ai muốn thuê ông ấy nữa. Đó là một con người sinh ra để làm việc. Khi thấy mình bị xua đuổi ở khắp nơi như vậy, ông ấy bắt đầu uống rượu và ngày càng trở nên nhếch nhác. Sau đó, ông ấy đã đi cầu cạnh gia đình mình. Nhưng cái bọn da trắng thói tha giàu sụ kia đã đóng sập cửa đối với ông ấy.

Bống bà Marie Rosaire ngừng lời, mắt nhìn Paul đăm đăm.

- Tại sao cậu bắt tôi kể lại tất cả những chuyện này? - Bà ghen giọng. - Sau đó ba năm, Edgar tội nghiệp của tôi đã chết như một con chó. Đấy, chuyện chỉ có bấy nhiêu.

Bà cố nén tiếng nấc rồi uống một ngụm Coca. Món đồ uống dường như giúp bà tỉnh táo trở lại.

- Còn giờ thì hãy nói cho tôi biết tại sao cậu muốn tìm Ted.

MÙI ADAM

- Để đề nghị một việc.

Paul quyết định ứng biến. Lời đáp của bà Marie Rosaire cho thấy anh đã làm đúng.

- Tiền trả khá không? - Bà hỏi, mắt sáng lên.

- Rất khá.

- Thế thì tốt.

Giờ thì bà mỉm cười điềm tĩnh.

- Con bác cần tiền à? - Paul hỏi.

- Ted ư? Nó lúc nào cũng túng thiếu. Ấy thế mà nó vẫn cứ sang cả, y như cha nó vậy. Nhưng phóng túng hơn, có lẽ thế. Nó không thể nào làm việc một cách quy củ được. Tôi không biết cậu muốn đề nghị nó làm việc gì, nhưng phải báo trước với cậu là công việc đó không nên kéo dài quá lâu.

- Bác có nghĩ rằng Ted có thể đang ở đâu đây không?

- Mà không đến gặp tôi sao?

- Lần cuối Ted đến gặp bác là khi nào ạ?

- Cách đây hai năm.

- Con trai bác đã nói những gì với bác?

- Toàn những chuyện vớ vẩn như mọi khi thôi. Thành Ted nó không nói nhiều đâu, nhưng đã nói thì toàn nói những chuyện đao to búa lớn.

- Kiểu nào ạ?

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Nó nói là cuối cùng đã tìm ra hướng đi cho mình... Nó hùng hồn nói về Trái Đất, Cuộc sống, Thiên nhiên một cách rất trịnh trọng. Nếu tôi hoặc cậu nói năng kiểu ấy thì lỗ bịch lắm. Nhưng nó thì không. Biết nói thế nào nhỉ? Việc ấy cũng giống như đôi mắt của nó vậy.

Bà đưa nắm tay lên miệng, cất tiếng ho ồm ồm.

- Chắc nó đã học được từ những người da đỏ.

- Học gì cơ ạ?

- Mấy cái từ ngữ đao to búa lớn ấy.

- Ý bác là Ted đã học điều đó từ bác sao?

Bà già nhún vai.

- Tôi nào có phải người anh-điêng đâu.

Trước vẻ ngạc nhiên của Paul, bà nói thêm:

- Tôi *sinh ra* là thổ dân da đỏ, đúng thế thật. Nhưng sau đó, các bà xơ tốt bụng đã cho tôi vào cái máy nghiền của họ... Còn Ted, nó đã kết bạn với những người anh-điêng thật sự. Có một bộ tộc lớn ở cách đây không xa lắm. Ngay từ lúc mới mười hai tuổi, nó đã lặn la chơi ở đấy nhiều ngày trời. Tôi cũng biết họ, những người da đỏ ấy. Nói cho cùng thì họ cũng chẳng thổ dân hơn tôi nhiều lắm đâu. Nhưng họ đã quay về nguồn, thậm chí còn thêm thối một chút để chúng tỏ là họ nghiêm túc. Họ cố thể dành ra cả đêm để ngồi nhìn mặt trăng và chỉ rặn ra ba chữ suốt trong thời gian ấy. Nhưng họ luôn làm ra vẻ là ba chữ đó đã được nghiền ngẫm rất kỹ và được truyền cho cậu như những thành tích. Tôi không bao giờ tin vào những câu chuyện của họ. Tôi chỉ coi họ như những kẻ bày trò. Nhưng Ted thì nó lại tin.

- Bác đã sống ở đây được bao lâu rồi?

- Chúng tôi đến đây bốn năm sau ngày mất của Edgar. Ted lúc ấy lên bảy. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mình lại nảy ra cái ý tưởng quay về nơi khi họ còn gầy này. Chắc vì tôi đã quá khốn khổ ở bờ biển phía Đông. Cậu cũng biết đấy, cái nghề thợ giặt chẳng làm ra tiền được. Đáng lẽ tôi đã có thể kiếm thêm chút ít với bọn đàn ông. Không phải lúc nào cũng là những bà xơ tốt bụng ngăn cản tôi làm chuyện ấy. Nhưng đã có Ted. Phần lớn thời gian chúng tôi sống trong một căn hộ có độc một buồng. Chúng tôi đã lê la hết mọi khu ổ chuột ở Philadelphia, và tôi đã lên tận Detroit để thử xem có được trả nhiều tiền hơn hay không. Nhưng lần nào cũng tệ hơn. Thế nên tôi đã đến đây. Tôi đã vay mượn được ít vốn liếng và mở một căng tin ở gần hồ. Sau đấy ít lâu, tôi đã tái giá với Miller, tay cho thuê thuyền. Hắn hay chèo thuyền đưa tôi đi chơi.

Bà thở như kéo bể. Paul nhận ra đó là một tràng cười pha lẫn với

MÙI ADAM

tiếng thở dài, có vẻ như đó là điểm đặc biệt đã khiến người ta gọi bà bằng cái tên “gió ban mai”.

- Miller và Ted chưa bao giờ quý mến nhau. Thậm chí hẳn còn là lý do khiến thằng bé bắt đầu trốn đi chơi với đám người da đỏ. Khi tôi rút cuộc cũng đã tổng khứ được Miller thì đã quá muộn. Ted không bao giờ quay về nhà nữa.

- Chính xác thì Ted đã nói gì với bác cách đây hai năm?

- Tôi đã nói rồi đấy thôi. Nó đã tìm thấy con đường của mình và những thứ vớ vẩn đại loại như thế.

- Nhưng *chính xác* là gì mới được chứ?

- Nó bảo nó sẽ đi đó đây rất nhiều. Với lại một thứ đại loại như “thế giới sẽ tốt đẹp hơn”.

- Bác không nhận thấy có gì đặc biệt trong thái độ và cách ăn mặc của Ted sao?

- Không.

Bà trầm ngâm.

- À, có lẽ có đấy. Nó có một chiếc đồng hồ mới. Một cái đồng hồ đắt tiền, cậu biết đấy, với đủ thứ mặt chia độ và một sợi dây lưng bằng da rất đẹp.

- Mà bác chưa bao giờ trông thấy trước đó.

- Trước đó nó chưa bao giờ có đồng hồ. Nó cứ bảo là người da đỏ đã dạy nó cách nhận biết giờ giấc qua bóng đổ trên mặt đất. Kết quả là lúc nào nó cũng đi trễ. Đấy cậu xem, nó còn khờ khạo lắm.

- Vậy là bác có cảm giác Ted đã kiếm được tiền, phải không?

- Dù sao thì đó cũng là lần đầu tiên nó ăn mặc chỉnh tề. Nó lại còn mang cho tôi cả hoa nữa. Một bó hoa to tướng, có lẽ đã khiến nó mất cả trăm đô chứ chẳng chơi.

- Ted có nói với bác về một công việc nào không?

- Không.

- Vậy thì tiền ấy ở đâu ra? Ted có người bạn nào có thể cho anh ta mượn một khoản tiền như thế không?

Bà Marie Rosaire sắp sửa đáp lời thì bỗng ngưng bật và quay đầu nhìn Paul với đôi mắt đen mang hình phi tiêu.

- Anh có phải là côm không, cái thằng mọi đen nhà anh? Chuyện nó có bạn bè hay không thì dính dáng gì đến anh?

- Cháu muốn tìm Ted. Nếu biết ai đó có mối liên hệ với anh ấy, thì cháu sẽ đỡ vất vả hơn.

- Không. - Bà rên lên trong lúc đuổi người ra và nhắm hờ mắt. - Nó không có bạn. Ít ra tôi cũng tin là thế. Tôi chưa bao giờ gặp bạn bè của nó, cậu hình dung mà xem. Đó là một thằng sống hơi cách biệt, cậu hiểu không?

Bà ngáp dài, làm lộ ra hàm răng sâu của mình.

- Giờ thì để tôi yên, anh côm. Muốn đi tìm Ted ở đâu thì tùy, nhưng hãy để tôi yên. Tâm sự với anh như thế này cũng tốt, nhưng đủ rồi. Tôi sẽ mơ về nó cho mà xem.

Paul đứng dậy, vượt phẳng quần rồi lúi ra xa khỏi chiếc giường một chút. Trong một góc của chiếc xe, con bé da đỏ đang canh chừng. Chắc là nó đã nghe thấy hết. Paul cười với con bé, nhưng nó vẫn giữ bộ mặt nghiêm nghị.

- Một điều cuối cùng thôi ạ, - Paul nói, bước một bước về phía giường. - Tại sao Ted lại ghét người da đen đến thế?

Bà già đã thiu thiu ngủ. Hai cánh mũi của bà phập phồng theo từng nhịp thở nặng nhọc.

- Chuyện ấy bắt nguồn từ cha nó, có lẽ vậy, khi ông ấy bắt đầu uống. - Bà lẩm bẩm, không buồn mở mắt ra. - Hoặc có thể là sậu đó, khi chúng tôi vạ vật ở bờ Đông.

Paul tưởng bà đã nói xong. Khi anh quay lưng thì bà nói thêm, với giọng nói của người ngái ngủ:

- Thật ra thì không phải nó ghét người da đen. Mà là người nghèo. Anh cũng biết là vào thời kỳ ấy thì người da đen thường nghèo, tuy không phải lúc nào cũng thế. Dù sao thì, cũng có gì quan trọng đâu. Phải, nó căm ghét người nghèo.

MÙI ADAM

Paul cảm thấy như chiếc xe vừa xóc một cái. Những lời vừa rồi làm cho anh thoáng chóng mặt. Cú sốc khiến anh mất một lúc để tìm hiểu nguyên nhân. Anh chạy về khách sạn và dành thời gian để viết liền mấy trang đầy kín chữ, ghi lại những suy nghĩ của mình dưới ánh sáng mới mẻ này.

IV

Odessa. Bang Washington.



Trong đời, Paul thừa hiểu cung cách của Kerry. Họ lại gần nhau, cắn nhau, cào cào, chọc tức nhau, nhưng dù có kéo dài đến đâu thì những trò làm mình làm mẩy ấy luôn kết thúc bằng việc nhường chỗ cho điều chính yếu. Chỉ cần chờ đợi. Anh đã đợi. Có điều gì đó mách bảo anh rằng sự kiên nhẫn này sẽ được tưởng thưởng. Thời gian chuẩn bị đang trôi qua. Cần phải giải thích cho nhau. Kerry chắc chắn cũng biết điều đó. Chính cô đã đề nghị họ gặp mặt ở miền Tây, chỉ hai người với nhau, trong một cuộc họp kín mà cả hai sẽ nói tất cả sự thật.

Tycen phụ trách việc dàn xếp buổi gặp, và vì không biết rõ vùng này, anh chàng đã tham khảo ý kiến của Barney. Nơi nào thích hợp, lại phải nằm giữa Seattle và Coeur d'Alène - hai thành phố cách nhau khoảng 700 dặm? Barney nở một nụ cười dịu dàng rồi buông ra một từ đơn giản: Odessa.

Thế là Tycen bị mắc lỡm. Sau khi trở về văn phòng, anh chàng đã tìm kiếm tất cả những chuyến bay đến Ukraine. Từ Seattle thì chuyện ấy còn có thể được, chứ nổi liền bán đảo Crum với Coeur d'Alène quả là một việc khó nhằn thực sự, với không ít hơn ba chặng bay. Anh chàng tự hỏi liệu Barney có hiểu đúng câu trả lời hay

không. Sau đó, anh nhớ đến thành phố Odessa ở Texas và lao đầu vào những cuộc tìm kiếm mới, thì vào tầm mười một giờ, khi xem hộp thư điện tử, anh thấy một tin nhắn của Barney. Ông giải thích rất đơn giản: "Maison Ipatieff, Odessa, Washington".

Khi tra cứu trong từ điển Encarta, Tycen khám phá ra rằng quả thực có một Odessa nằm ở vùng tây bắc của bang Washington.

Giống như người họ hàng Moscow ở Idaho, thị trấn Odessa đã được dựng lên bởi những người Nga sùng đạo di cư sang Mỹ vào thế kỷ thứ mười chín. Paul và Kerry mỗi người đều có thể đến nơi này sau vài giờ lái xe. Nằm hơi cách biệt so với thị trấn, Maison Ipatieff là một tư dinh cổ đã được cải tạo thành khách sạn. Khu đất mênh mông được trồng những cánh rừng bulô và cây du, đan xen với các trảng đất trống dành để thả ngựa. Ngôi nhà chính chỉ xuất hiện vào khoảnh khắc cuối cùng, sau khi ra khỏi một khúc quanh trên con đường đất. Đó là một ngôi nhà dài đơn giản, được hàng cột sơn trắng cải trang thành dinh thự. Một đầu hồi tam giác trần ngay phía trên cửa vào, tạo cho ngôi nhà phong thái trịnh trọng.

Ưu điểm lớn của chỗ này là nó nằm ở cách xa mọi thứ. Các khách trọ được bố trí ở trong những căn nhà nhỏ nằm rải rác trong khuôn viên. Tycen đã đặt cho Kerry và Paul một căn nhà gỗ kiểu Nga có bốn phòng, bao quanh bởi một khoảng sân lát gỗ. Nó nối liền với một bãi cỏ dốc dẫn xuống một đầm súng. Đó là một địa điểm mà ta có thể có được mọi thứ. Căn phòng có thể được dùng làm một nơi thư giãn đầy lãng mạn, nhưng cũng đồng thời là một chỗ làm việc lý tưởng, nối kết với thế giới bởi những đường truyền Internet chất lượng tuyệt vời.

Kerry là người đến trước. Cô chỉ việc để người ta chờ tới. Người tài xế đã đón cô sau khi rời One Earth đầu tiên đưa cô ra khỏi Seattle. Khi đã ở cách thành phố ba mươi dặm, họ dừng tại một trạm nghỉ ven đường để ăn trưa và gửi cho Providence những tấm ảnh kỹ thuật số đã chụp được trong văn phòng của Ginger. Tiếp đến, họ lại đi theo đường quốc lộ nhằm thẳng hướng tây. Trong ba giờ đầu tiên, Kerry

MÙI-ADAM

và anh chàng lái xe thay phiên nhau cầm vô lăng. Sau đó cô ngủ thiếp đi. Hai người đến Maison Ipatieff trước bình minh một chút.

Sau khi đi tắm và ăn sáng, Kerry lập tức bắt liên lạc với Providence. Nhóm của Tara đã có đủ thời gian để kiểm tra các biên bản họp của ban lãnh đạo One Earth cũng như vài cái tiểu sử của những thành viên trong nhóm Harrow. Những kết quả bước đầu khiến Kerry phấn khích cao độ.

Paul đến nơi lúc mười giờ. Anh đã nghĩ đến việc lái thẳng một lèo, nhưng do quá mệt nên anh ngủ ở bãi đậu xe cho đến sáu giờ sáng. Anh không dám thú thực với Kerry rằng mình đã dừng lại trong rừng, ngay sau khi vượt qua ranh giới của bang Washington. Anh đã để ý thấy một quả đồi đá giữa những cây sồi và đứng trên đó trong suốt một tiếng đồng hồ để chơi trumpet.

Anh đến gặp Kerry trên khoảng sân lát gỗ của ngôi nhà nghỉ. Cô xoa mái tóc nhuộm vàng rực bởi mặt trời giữa ngực và mặc chiếc áo sơ mi màu xanh nhạt với tay áo xắn cao, cổ phanh rộng. Cơ thể cô mềm nhũn và run rẩy sau khoảng thời gian trốn chạy.

Nhưng cô đã lấy lại dáng vẻ bận rộn và ra hiệu cho anh ngồi xuống trước mặt mình.

- Chúng ta phải đánh giá tình hình ngay. Cần phải ra những quyết định khẩn cấp.

Lúc đi ngang qua quầy lễ tân, Paul đã gọi bánh ngọt và trà. Một người phục vụ có vẻ mặt nghiêm trang bưng đến một cái khay màu đen, trên đó đặt bộ đồ sứ xanh kiểu Lemonossov.

- Anh nghe em nói đây, - Paul đáp, gác đôi chân trần lên hàng lan can gỗ.

Một tiếng đồng hồ thổi kèn đã giúp anh thư giãn. Anh cảm thấy thoải mái và để cho Kerry trình bày những kết quả của cô. Anh biết mình đang có trong túi thứ giúp anh chơi đòn quyết định và chắc chắn giành chiến thắng.

- Providence đang kiểm tra những tài liệu mà em đã sao chụp được ở One Earth.

Kerry nói nhanh, không nhấn nhá, như thể đó chỉ là một lời mở đầu đơn giản. Paul chúc mừng cô một cách thực lòng và gần như trìu mến vì đã thành công trong phi vụ ở Seattle. Trông Kerry có vẻ ngạc nhiên và cảm động.

- Kể anh nghe em đã làm thế nào nào.

- Thật à? Anh quan tâm chuyện đó sao?

Nhưng cô không đợi được năn nỉ để kể về Ginger, những hành lang của One Earth, người phụ nữ đã làm gián đoạn việc sao chụp của cô. Họ cười rất nhiều. Paul cảm thấy giai đoạn ganh đua nhau đang diễn ra. Khi quay lại với nghề cũ, Kerry cần đến cái trò chơi nhỏ ấy. Lần nào cũng thế, cứ như là cô lại phải tự chứng tỏ mình, phải cho thấy mình xứng đáng trong con mắt của chính cô. Kerry ít khi thổ lộ, nên Paul không biết gì nhiều về tuổi thơ bên cạnh các chị em của cô. Gia đình cô có gốc bên trung Âu, chính xác hơn là Tiệp Khắc. Vì không có so sánh nào khác nên Paul đã đối chiếu Kerry với mẹ anh và tính cách Nga của bà. Anh suy ra rằng Kerry từ bé đã quen với một sự pha trộn đáng lo ngại giữa tình thương và tính đua tranh. Có lẽ cô đã được yêu thương hết mực, với rất nhiều sự dịu dàng, nước mắt, những tiếng khóc và những cái ôm hôn. Nhưng cũng cùng lúc ấy, cô được yêu cầu phải xứng đáng với sự yêu thương này bằng cách tỏ ra nổi trội ở mọi nơi mọi lúc. Đó chính là mâu thuẫn đã làm nảy sinh cảm giác lo lắng sâu sắc. Cứ mỗi khi gặp lại Paul và bắt đầu tham gia hoạt động trở lại, Kerry lại cảm thấy sức ép ấy và phải xóa tan nó đi. Vụ thâm nhập One Earth có vẻ như cô đã đạt được điều đó. Paul tự nhủ những khó khăn có thể đã bắt đầu: họ sẽ bên nhau và đương đầu với chúng.

- Lúc này em đã trao đổi với Tara về những kết quả đầu tiên. Cô ấy sẽ gọi cho chúng ta trong ngày hôm nay, sau khi họ đã hoàn thành việc xem xét và xác minh các tài liệu. Em tóm tắt cho anh nghe nhé?

- Ừ.

Cô đứng lên, tiến đến ngồi lên lan can gỗ. Paul quan sát thân

MUI ADAM

hình của cô tối sẫm lại vì ngược sáng, nổi bật trên phong nền cỏ cây rực nắng.

- Trước tiên, một cái tin sẽ làm anh hài lòng. Có lẽ chúng ta đã tìm ra mất xích còn thiếu trong giả thiết của anh.

- Nó móc nối những gì với nhau?

- Nó gắn kết nhóm của Harrow và châu Âu. Anh thử tưởng tượng mà xem, trong số những kẻ săn mỗi mối, có một gã châu Âu. Một gã duy nhất. Đó là một sinh viên Pháp trẻ có tên Jonathan Cluses. Hắn đã đến Mỹ để thực tập. Qua trung gian của một cô bồ, hắn đã được dẫn tới One Earth. Vốn thích ra mặt những tư tưởng cực đoan, hắn đã ngay lập tức tin sái cổ nhà tiên tri Harrow.

- Rồi hắn thế nào?

- Lúc rắc rối với Harrow nổ ra, ban lãnh đạo One Earth đã tính đến chuyện trục xuất Jonathan, nhưng hắn đã rời khỏi nước Mỹ từ trước đó.

- Vì lý do gì?

- Lý do chính là đợt thực tập của hắn đã chấm dứt. Có thể đặt nghi vấn kẻ nịnh bợ Harrow ấy đã được khuyến khích ra đi.

- Hắn đã quay về Pháp à?

- Có vẻ như thế. Bọn em đang xác minh những hoạt động của hắn ta ở đó.

- Em cho rằng tay sinh viên ấy có thể là kẻ đứng sau vụ Wrocław?

Tuy không biểu lộ ra, nhưng Paul cảm thấy hơi thất vọng. Suy nghĩ cho rằng tác giả của vụ đột nhập là phụ nữ đã dần dần bám rễ trong anh mặc dù không có bất kỳ manh mối xác đáng nào thuyết phục anh về điều đó. Giống như trong tất cả những nhiệm vụ trước đây, anh đã nhập vào đối tượng của mình một cách vô thức, dưới những đường nét khá mơ hồ nhưng thỉnh thoảng lại được trí tưởng tượng của anh làm cho rõ nét hơn. Anh đã hình dung ra một phụ nữ mảnh dẻ, vóc người nhỏ nhắn, khỏe mạnh và mềm dẻo. Anh thấy buồn khi phải rời xa cô ấy.

- Chưa chắc hẳn tự mình hành động. Nhưng dù sao thì điều đó đã chứng tỏ rằng Harrow có một mối liên hệ ở châu Âu. Với sự trợ giúp này, có vẻ như việc gã phát động một chiến dịch tại cự lực địa không phải là không thể.

Kerry chưa bao giờ bị thuyết phục hoàn toàn rằng có một mối liên hệ giữa vụ việc ở Ba Lan với nhóm ly khai của One Earth. Do vậy sự nhượng bộ trước những ý kiến của Paul giống như một tín vật của hòa bình, bảo đảm cho một sự đình chiến thực sự. Điều này tạm thời định đoạt cuộc thảo luận tiếp theo.

- Em còn tìm được gì khác không?

- Tất cả những biên bản họp của ban lãnh đạo One Earth trong thời gian Harrow ly khai.

Lại một cái gạt đầu ngưỡng mộ của Paul.

- Lần kiểm tra sơ bộ cho thấy các sự kiện diễn ra theo ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là sự thành lập của *Những kẻ săn mồi mới*, cách đây hai năm rưỡi. Lúc đó, nó chỉ là một trào lưu ly khai, tập trung quanh thủ lĩnh của nó là Harrow. Ban lãnh đạo của One Earth phàn nàn vì không thích bị tranh cãi. Nhưng chưa có gì là nghiêm trọng cả.

- Còn giai đoạn hai?

- Giai đoạn thứ hai là ngay trước khi Harrow ra đi, chính xác hơn là trong vòng một tháng trước đó, cách đây hai năm. Chúng ta đã có được biên bản chính xác của cuộc khủng hoảng. Harrow đột nhiên thay đổi giọng điệu. Hắn đã thông báo cho ban lãnh đạo về một kế hoạch bí mật và yêu cầu One Earth chuyển sang hoạt động theo chương trình đó. Hắn thẳng thừng đe dọa: hoặc các ông theo tôi, hoặc tôi sẽ hành động một mình. Hắn khẳng định mình có đủ phương tiện để làm điều đó. Ban lãnh đạo điên tiết lên. Các cuộc tranh luận nổ ra gay gắt. Có những người cho rằng hẳn chỉ lừa bịp. Đối với họ, chẳng cần phải làm gì hết và những hành vi của Harrow sẽ tự chấm dứt do thiếu nguồn tài chính. Ngược lại, những người khác cho rằng hẳn nói thật. Biên bản họp đã liệt kê nhiều chứng cứ đáng lo ngại. Harrow đã thuê những văn phòng cực kỳ hiện đại ở

MÙI ADAM

Kansas, hắn đã tăng cường di chuyển bằng tiền của mình qua nhiều thành phố bên Mỹ cũng như tại Trung Quốc, Ấn Độ và Brazil. Hắn, một kẻ chưa bao giờ tiết kiệm được đồng nào, bỗng dưng có vẻ như sở hữu một nguồn tài chính mới mẻ và rất dồi dào.

- Cuối cùng họ đã quyết định thế nào?

- Những người chủ trương án binh bất động đã thắng thế. Họ quyết định phớt lờ tối hậu thư của Harrow, và cũng không thông báo việc khai trừ hắn, vì tất cả đều cho rằng làm thế chẳng khác nào quảng cáo thêm cho hắn.

- Vậy là giai đoạn ba bắt nguồn từ Harrow đúng không?

- Chính xác. Chính hắn đã khơi mào. Một tháng sau đó, hắn thông báo từ chức và rời khỏi One Earth. Ban lãnh đạo, trong một cuộc họp được triệu tập hai hôm trước ngày dự kiến, quyết định cắt bỏ khối u. Họ phân công một thành viên trong ban lên danh sách tất cả những cảm tình viên của Harrow rồi ra quyết định khai trừ những người này.

- Chuyện đó chẳng để làm gì, vì Harrow đã ra đi rồi...

- Trên thực tế, họ sợ hắn sẽ lôi One Earth vào kế hoạch của mình nhờ những chân rết mà hắn vẫn còn cài lại trong tổ chức.

Kerry đợi một lúc để tăng thêm sức nặng cho kết luận của mình.

- Tất cả điều này khẳng định mối lo ngại của anh: nhóm của Harrow đã có ý đồ hoạt động bên ngoài One Earth. Và hắn có đủ năng lực để làm điều đó. Hắn đã nhận được sự trợ giúp từ một người nào đó với những khoản tài chính hỗ trợ kénh sù.

- Em có manh mối gì về "người nào đó" ấy không?

- Tất cả những gì chúng em biết được sau khi kiểm tra lý lịch của những thành viên trong nhóm của Harrow, đó là không ai đủ giàu hoặc có đủ tầm ảnh hưởng để cung cấp những khoản tài chính cỡ đó. Như vậy nhất thiết phải có một cá nhân hay một tổ chức nằm ngoài One Earth.

Paul gạt gù, đắm chiêu suy nghĩ một lúc lâu. Rồi anh cũng đứng

dậy, bước đến chỗ những bậc thang gỗ dẫn xuống bãi cỏ. Bài tóm tắt của Kerry có một thiếu sót quan trọng. Cô biết điều đó, và phần trình bày của cô chính là một cách để mở ra cuộc tranh luận, để nhận ra những hạn chế của cô và chấp nhận xem xét những đề nghị của anh.

- Trong những biên bản họp đó không hề thấy đề cập đến kế hoạch cụ thể của Harrow à?

- Không hề, - Kerry công nhận. - Có vẻ như Harrow luôn luôn trao đổi miệng với các thành viên ban lãnh đạo về chủ đề này. Họ đã thận trọng không để lộ bất cứ chi tiết nào cụ thể trong các tài liệu của mình, ngay cả những tài liệu mật. Rõ ràng họ không muốn bị buộc tội đồng lõa hoặc ít nhất là tội không tố giác tội ác. Bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa, kế hoạch của Harrow có dấu hiệu của một tội ác. Đó là hệ lụy trực tiếp từ tư tưởng phi nhân đạo mà hắn ca tụng.

- Hẳn nhiên rồi, - Paul nhấn mạnh. - Nguyên tắc thì đã rõ. Nhưng khi chúng ta muốn chuyển sang hành động, cần phải xác định những phương tiện, các mục tiêu, một thời gian biểu... Theo em, kế hoạch *cụ thể* của Harrow, cái kế hoạch mà hắn đã đề nghị với One Earth, cái kế hoạch đã làm cho họ sợ hãi đến thế, là gì?

Kerry lắc đầu. Cô không còn gì để nói thêm. Vị trí phòng thủ chưa bao giờ là vai trò ưa thích của cô. Kerry quyết định lái câu hỏi sang hướng khác:

- Anh có ý tưởng gì về chuyện này không? Anh kể em nghe xem anh đã biết được gì về Harrow nào.

- Lại đây, - Paul đáp và chìa tay về phía cô, - chúng ta vừa đi dạo vừa suy nghĩ.

Đó là một trong những thói quen cũ của hai người. Nó bắt nguồn từ một thời kỳ mới gần đây mà như đã xa xôi lắm, khi người ta dạy cho các điệp viên cách vô hiệu hóa các micro nghe trộm cố định. Những chuyện nghiêm túc phải được trao đổi trong khi di chuyển giữa một không gian rộng. Nhưng với Kerry và Paul, những chuyến đi dạo ấy đã nhanh chóng trở thành những giây phút hạnh phúc.

MÙI-ADAM

Đó là biện pháp duy nhất để có thể thoát khỏi các khuôn khổ và sự tọc mạch của cái nghề này.

- Chúng ta cần phải lật lại các suy luận từ đầu. - Paul nói trong lúc hạ cặp kính râu đang cài trên trán xuống mắt.

Họ đặt chân lên bãi cỏ và bắt đầu đi xuống cái đầm bên dưới.

- Anh bắt đầu nhé. Cha của Ted là thành viên bị ruồng bỏ của một đại gia đình ở New England. Ông ta đã bị phá sản và chết trong đói khổ sau một cuộc hôn nhân sai lầm. Mẹ của hắn là một phụ nữ da đỏ bị tách ra khỏi nguồn cội văn hóa của mình. Anh đã tìm thấy bà ta. Bà sống ở bang Idaho. Đó là một người đàn bà bị tổn thương, nhỏ toẹt vào tất cả mọi người. Bà thù ghét những người da đỏ vì bà cho rằng họ đã biến chất, và những người da trắng vì họ đã ruồng bỏ bà. Nhưng trên đời bà ta ghét nhất là người da đen bởi vì theo bà, họ là biểu tượng của sự nghèo khổ. Hoàn toàn có thể nói rằng bà đã truyền những suy nghĩ đó cho con trai. Thành bé Harrow kết thân với một bộ lạc da đỏ và tự dựng nên một cái nhìn về thế giới quanh mình, giống như khi người ta luôn lật bất kể thứ gì để xây nên một cái chòi vậy. Để không phải tham gia chiến tranh vùng Vịnh, hắn đã trốn sang Canada. Tại Vancouver, Harrow kết thân với một nhóm những người đấu tranh bảo vệ môi trường. Họ đã kể với hắn về thiên nhiên, bảo hắn những cuốn sách cần đọc, lôi hắn vào những cuộc ẩu đả với cảnh sát. Hắn tin mình đã tìm ra cái cần tìm. Khi quay về Mỹ, hắn đến với One Earth, ở đó tính khí bộc trực thô bạo của hắn đã được dịp phát huy hiệu quả.

- Em thấy hình như chúng ta đã biết tất cả những chuyện này.

- Đồng ý, nhưng anh đã bảo là anh muốn rà soát lại mọi thứ mà.

Họ đã đến gần cái đầm. Một vệt đất trong lớp bùn đen cạnh bờ nước tạo thành lối đi giữa đám lau sậy. Chắc nó cho phép người ta đi vòng quanh đầm mà không phải chạm chân xuống nước. Paul dẫn Kerry vào đó và tiếp tục câu chuyện.

- Tại One Earth, bốn năm trước đây, Harrow đã tham dự vào một làn sóng chỉ trích đầu tiên. Các thành viên trong tổ chức cho rằng

nó đã bị tư sản hóa. Hắn thấy mọi người không sai. Ban lãnh đạo đã lập lại trật tự và Harrow ở lại One Earth, nhưng bắt đầu nghĩ khác. Từ những suy nghĩ đơn giản và kinh nghiệm hành động, hắn xây dựng nên một hệ tư tưởng cực đoan. Uy tín của hắn rất lớn, sự liêm chính của hắn thì không phải bàn. Những tư tưởng của hắn rất đáng sợ. Hắn đưa ra một lời tuyên chiến với giống người, không hơn không kém. Nhưng hắn truyền tải nó bằng sự điềm tĩnh man rợ của một kẻ gần như hoang dã. Hắn cứ để cho một sự mập mờ nhất định bao trùm lên những biện pháp mà hắn dự định sử dụng. Chắc em cũng đã để ý thấy những văn bản đầu tiên của hắn rất giàu chất thơ. Chúng gần như được vay mượn hoàn toàn từ những hình tượng của dân da đỏ.

Kerry bắt đầu nhận ra rằng trong khi Paul quay lại Providence, anh đã làm lại tất cả những gì cô đã làm. Anh đã kiểm chứng lại những thiếu sót trong giả thiết của cô, những luận điểm thiếu thuyết phục của cô. Những gì anh nói chính là sự rà soát lại các kết luận mà cô đã trình bày tại buổi họp gần đây nhất.

- Lúc đầu, khi thành lập nhóm *Những kẻ sẵn mỗi mới*, Harrow chỉ bàn luận về tác hại của loài người và sự sinh sôi nảy nở của chúng ta. Hắn vẫn chưa có một ý tưởng hành động rõ ràng nào. Hắn liệt kê tất cả những gì vụt qua trong đầu, tất cả những quá trình cho phép làm giảm sức ép dân số. Hoan hô bệnh AIDS, tỉ lệ tử vong cao của trẻ sơ sinh và các cuộc chiến tranh... Bệnh tả lúc ấy đã nằm trong số các thảm họa kể trên, nhưng chưa có giá trị đặc biệt. Căn bệnh này được sử dụng như một phép ẩn dụ giản đơn. Một phép ẩn dụ lý thú. Bệnh tả là bệnh của người nghèo. Thế mà, đối với Harrow, sự sinh sôi nảy nở tràn lan nhất của loài người là ở những người nghèo. Khác với đa phần các nhà sinh thái cực đoan khác, hắn không lo ngại nhiều về các hoạt động công nghiệp của nhân loại. Nỗi sợ hãi lớn của hắn chính là sự lan tràn của đói nghèo. Đây không phải là kết quả của một quá trình suy luận, mà được đúc kết từ kinh nghiệm thì đúng hơn. Chính mẹ hắn đã giúp anh hiểu ra điều đó.

MÙI ADAM

Bản thân thằng bé Ted đã biết đến cái nghèo. Sự bần cùng đã bám chặt vào cuộc đời của Ted, mặc dù hắn đã thoát khỏi nó thành công. Hắn căm thù những người nghèo với tất cả hơi sức mà người ta có thể huy động để căm ghét bản thân mình.

Paul không còn tìm cách giấu đi sự quan tâm của anh với chủ đề này nữa. Anh nói nhanh và lớn tiếng hơn. Về phần mình, Kerry theo dõi các lập luận này một cách tỉ mỉ. Họ đã vượt qua giai đoạn cạnh tranh để sang một giai đoạn khác, với nhiều niềm vui đang chờ đón: đó là giai đoạn của những ý tưởng giống nhau, của sự đồng điệu trong suy nghĩ và hành động.

- OK! - Cô tiếp nối. - Chúng ta thống nhất nhé. Ở giai đoạn đầu, Harrow chưa thực sự có một kế hoạch. Hắn muốn trước hết tác động lên phương hướng của One Earth và có lẽ cả sự điều hành nó nữa. Những người lãnh đạo của tổ chức không mấy lo lắng. Thế rồi, bỗng nhiên, như chúng ta đã thấy trong các biên bản họp, có chuyện gì đó đã xảy ra.

- Trước tiên, hắn nhận được tiền. Những người ở One Earth đã ghi nhận chuyện đó, và mẹ hắn cũng khẳng định điều này. Harrow, trước đây luôn túng bần, nay bắt đầu đeo những chiếc đồng hồ xịn, thuê văn phòng, đi đây đó. Cùng lúc ấy, những thông cáo của nhóm hắn trở nên hàn lâm hơn, phức tạp hơn, tựa như hắn đã nhận được một sự hỗ trợ cả về mặt tài chính lẫn tri thức.

- Em chưa đối chiếu, nhưng giả thiết này có thể đứng vững đấy.

- Anh đã kiểm chứng theo trình tự thời gian: những văn bản cầu kỳ hơn được đăng tải trong giai đoạn một tháng rưỡi trước khi nhóm Harrow biến mất.

- Có nghĩa là đúng vào lúc người ta bắt đầu thấy xuất hiện dấu hiệu của một nguồn tài trợ bên ngoài.

- Giờ thì ta hãy xem xét thật kỹ sự biến đổi về mặt tư tưởng đã diễn ra nhé. Lời lẽ của nhóm *Những kẻ sẵn mồi mới* đã trở nên thống nhất hơn. Chẳng hạn như tuyên bố không hợp thời về tỉ lệ tử vong trên trẻ sơ sinh ở những nước thuộc thế giới thứ ba đã biến mất. Việc

đề cập tới bệnh AIDS như một yếu tố điều chỉnh dân số hữu ích cũng thế. Nhưng có một thứ không thay đổi, một chủ đề không biến đi mà thậm chí còn hiện diện đường hoàng trong những thông cáo cuối cùng, những cái mà phía Anh đã đưa cho chúng ta.

- Bệnh tả.- Kerry nhăn mặt nói.

- Đúng thế! Bệnh tả. Nhưng qua các giai đoạn khác nhau, nó giữ những chức năng khác nhau trong suy nghĩ của Harrow. Bệnh tả trong những văn bản đầu tiên của hắn, chỉ là một minh họa đơn giản cho những hoang tưởng mang tính lý thuyết kiểu da đỏ của hắn. Giờ đây hắn đã có trợ lực, hắn đã có thể hành động. Nếu hắn vẫn cứ luôn nhấn vào bệnh tả và chỉ có bệnh tả thôi, thì đây không còn là một phép ẩn dụ vô thưởng vô phạt nữa. Hắn đã coi nó là một vũ khí cụ thể, một sự đe dọa hoặc một tia hy vọng, tất cả tùy thuộc vào việc ta đứng quan sát ở góc độ nào. Dù sao đi nữa, nó vẫn là một thứ mà anh bạn Harrow của chúng ta chắc chắn đang có ý định sử dụng.

Paul mời Kerry ngồi xuống một thân cây. Trước mặt họ, hàng thông rụng lá mọc quanh đầm soi bóng trên mặt nước tĩnh lặng.

- Tất cả những điều này dẫn tới một kết luận sơ khởi. Nếu bệnh tả vẫn là một thành tố căn bản trong lời lẽ của Harrow sau cuộc gặp gỡ với những cộng sự mới của hắn, thì chuyện đó đồng nghĩa với việc họ có chung một cơ sở lý thuyết. Với họ cũng như với hắn, kẻ thù, hay nói chung là mối nguy hiểm, chính là những người nghèo. Như vậy rõ ràng đây không phải là một dạng khủng bố thông thường, vì mục tiêu quen thuộc của khủng bố là những nước phát triển, các thượng tầng cơ sở công nghiệp và những con người dễ bị đe dọa. Các đối tác của Harrow là những kẻ quan tâm đến việc lan truyền một loại bệnh tật của người nghèo tại các nước nghèo.

- Kẻ nào lại muốn làm chuyện đó? Xét cho cùng ta còn hiểu được Harrow: hắn không thực tế và âm mưu. Nhưng thể lực tài chính và tri thức nào, như anh đã nói, lại có thể muốn tận diệt những người nghèo?

- Không thể chỉ vì nó quá ghê rợn mà nó không tồn tại. Anh

MÙI ADAM

không thể trả lời được câu chất vấn của em. Nhưng nó không mâu thuẫn với các giả thiết của anh.

- Nhưng dù vậy vẫn có một vấn đề, - Kerry tiếp tục nói, quyết tâm tấn công theo một hướng khác. - Anh là người đầu tiên bảo rằng bệnh tả là một tác nhân tồi cho một cuộc chiến tranh sinh học, rằng nó tạo ra miễn dịch và đã bị giáng cấp xuống thành dịch bệnh có quy mô địa phương tại hầu như khắp nơi trên thế giới.

- Quả thực, vi khuẩn tả là một vũ khí sinh học kém. Ở thể hiện tại của nó.

- Còn những biến thể khác à?

- Phòng thí nghiệm ở Wrocław nghiên cứu trên sự biến đổi của phẩy khuẩn.

- Ý anh là giáo sư Rogulski có lẽ đã nghiên cứu hoàn chỉnh một vi khuẩn tả hiệu quả hơn, ít tạo ra sức đề kháng ở con người hơn à?

- Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải đặt ra các giả thiết. Ta sẽ phải kiểm chứng chúng với giáo sư Champel ở viện Pasteur Paris. Nhưng, theo các tài liệu mà ông ấy đã đưa cho anh, anh tin rằng việc nhào nặn ra một con phẩy khuẩn mới là hoàn toàn có thể được. Nó sẽ gây ra bệnh tả nặng hơn, khó bị tiêu diệt hơn khi chúng được phát tán trong thiên nhiên, và đề kháng tốt với nhiều kháng sinh.

- Vậy tay giáo sư người Ba Lan là đồng bọn của Harrow.

- Ta hãy từ từ thôi. Tất cả những gì chúng ta biết là, trong món quà hồi môn mà Harrow nhận được từ cuộc hôn phối với những cộng sự mới, hẳn đã được bảo đảm sẽ có trong tay vi khuẩn tả biến đổi. Nó vẫn là căn bệnh của người nghèo, nhưng đã trở nên nguy hiểm hơn hẳn. Muốn biết Rogulski có chủ động tham dự vào đó hay chỉ bị lợi dụng lại là một chuyện khác. Anh nghĩ lúc này chúng ta chưa thể kết luận về chuyện đó được.

- Thế còn vụ Cap-Vert?

- Như chúng ta đã nghĩ, đó là một màn tổng dượt. Trong một khu

vực khép kín, với phẩy khuôn tả thông thường, để đánh giá các phương pháp lây truyền khác nhau.

Kerry đứng dậy, men theo lối mòn quay về ngôi nhà nghỉ. Paul lặng lẽ theo sau. Cả hai đều chìm vào trong những suy nghĩ hỗn loạn pha trộn giữa nghi ngờ, tin tưởng, khao khát hành động với cảm giác bất lực và ghê tởm.

- Nếu chúng ta đúng, - Kerry thì thầm, - thì em có thể hiểu được sự sợ hãi của mấy người ở One Earth kia khi Harrow đến đề nghị với họ một kế hoạch như thế. Điều đó lý giải tại sao họ thậm chí không đề cập đến nó một cách rõ ràng trong các biên bản họp.

Hai người bước chậm rãi về bãi cỏ trải dài đến tận ngôi nhà nghỉ. Mặt trời lúc này đã vươn lên khỏi ngọn cây, làm lớp cỏ dày ánh lên màu xanh mượt mà.

- Đúng là một kế hoạch tởm lợm, chưa từng thấy, - Paul nói, - một chiến dịch diệt chủng quy mô lớn nhất mà người ta từng nghĩ ra, một thảm họa toàn cầu.

Rồi anh cười nhạt và nói thêm, gần như thì thào qua hơi thở:

- Chưa từng có ai dám thực hiện một thử thách như vậy...

Kerry thấy xao xuyến trước sự vững tin tràn đầy nhiệt huyết của Paul. Cô nhìn anh hồi lâu. Mái tóc đen của anh rối tung, còn tay anh thì không ngừng vằn vò chỗ râu trên má trong khi nói chuyện. Cô đã yêu anh đúng như thế: suy nghĩ nhanh như chớp, luôn tự tin rằng mình đã nhận diện được kẻ thù, sẵn sàng xông vào mọi cuộc chiến. Cô nhích lại gần anh. Trong một thoáng, họ đứng đối diện nhau, cảm thấy hơi thở người này quyện lấy người kia. Rồi cô áp đầu lên ngực anh và quàng tay ra sau lưng anh. Anh nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc cô. Tất cả những căng thẳng trong những ngày vừa qua đã tan biến đi hết. Chỉ còn lại sự dịu dàng mà họ dành cho nhau.

- Anh biết không, - cô thì thầm, - em rất hạnh phúc khi được gặp lại anh.

Họ cứ đứng như thế cho đến khi trên bãi cỏ xuất hiện một ông

MÙI ADAM

già phục vụ người Nga mặc áo cổ tròn cài khuy bên cạnh sườn. Ngay khi nhìn thấy hai người, ông ta vội vàng rút lui, khuôn mặt nhăn nhoe với hàm râu trắng muốt gặt gù.

♦ ♦ ♦

Đã lâu lắm rồi, Paul và Kerry đã từng là người tình của nhau.

Như thường thấy, tình cảm của hai người khởi đầu từ sự đối lập. Trong khóa học ở trường đào tạo, Kerry tức mình thấy xuất hiện một anh lính trẻ quá cứng nhắc luôn tự hào vì được gọi vào lực lượng đặc biệt nhờ tính gan dạ và sự phục tùng. Còn anh thì cảm thấy bị si nhục bởi cái con bé có mái tóc màu lửa lúc nào cũng tỏ vẻ thách thức và không bao giờ cho qua những biểu hiện trọng nam khinh nữ.

Hồi đó, Paul có những suy nghĩ về phái nữ khá đơn giản và mù mờ, rút ra từ sự quan sát mẹ mình, một người nghiêm ngặt và nghiêm khắc, cùng vài lần lui tới nhà thờ bên châu Á. Trong con mắt của anh, con người tự do và ngạo mạn của Kerry không hề xứng đáng với sự tôn trọng mà người ta dành cho một phụ nữ nghiêm túc, lại cũng không tương ứng với ham muốn mà một đứa con gái bị bán cho nhà chứa có thể tạo ra. Hầu hết đám học viên nam cùng khóa - họ vẫn còn chiếm ưu thế áp đảo - cũng nghĩ như vậy, và gạt Kerry ra khỏi những cuộc thảo luận cũng như những lần đi chơi của cả bọn. Kerry giả vờ như bất cần. Nhưng một lần vào dịp cuối tuần, khi mà cô phải ở lại trại lính một mình như thường lệ, Paul bất ngờ bắt gặp cô đang khóc trên giường. Anh rút lui mà không để cô hay, và không bao giờ nói với cô về chuyện này.

Kerry thì không được tể nhị như vậy. Một tối nọ, cô vào phòng ăn của học viên và thấy vắng tanh vì tất cả đã đi đến một bữa tiệc do đơn vị khác tổ chức. Chỉ mình Paul, bị phân công lau dọn, là còn loanh quanh ở đấy. Vì chẳng có việc gì làm, và dĩ nhiên là dưới ảnh hưởng của nỗi nhớ mẹ quay quắt, anh ngồi vào cây piano. Anh, một thằng vốn ghét thứ nhạc cụ ấy, chưa bao giờ chạm vào nó và cũng không nói với ai là mình biết chơi, bắt đầu vuốt ve các phím đàn. Bị

lôi cuốn bởi những ký ức xưa, sự tiếp xúc với các phím đàn và những kỷ niệm thời thơ bé, anh bắt đầu chơi các bản dạ khúc của Chopin và vài bài nhạc của Bach chuyển soạn cho đàn dương cầm. Anh cứ tưởng chỉ có một mình mình. Khi Kerry vỗ tay lúc kết thúc một bài đàn, Paul vội đóng sầm nắp đàn và đứng dậy, đỏ mặt, run rẩy như vừa bị ai bắt quả tang phạm lỗi. Cô đã bảo anh đi theo mình, nhưng anh từ chối thẳng thừng và bước ra khỏi phòng, sập cửa lại sau lưng.

Ba tháng trôi qua, cả hai người không nói chuyện với nhau ngoại trừ những khi nhiệm vụ buộc phải làm thế. Sau đó là giai đoạn phân công công tác. Thật tình cờ, sau khi ra trường, họ tái ngộ tại doanh trại Fort Bragg, trong cùng một đơn vị tác chiến thuộc sư đoàn lính dù 18. Nhiệm vụ đầu tiên họ được giao là ở chiến trường Bosnia. Cần phải đưa một nhóm đặc nhiệm vào vùng của Serbia để thực hiện việc chỉ điểm cho các cuộc không kích của NATO. Bộ chỉ huy chọn sử dụng một nhóm điệp viên dưới vỏ bọc là các thành viên của một hoạt động nhân đạo. Để tăng độ thuyết phục, họ quyết định tổ chức một nhóm hỗn hợp hai nam một nữ. Paul được đề cử cùng với một người có tên Tibor, dân Mỹ gốc Hung có cha mẹ sống ở Vojvodina, biết nói tiếng Serbia và Croatia. Kerry thì có tuổi tác và ngoại hình hoàn toàn thích hợp - nhất là khi cô xõa tóc - để vào vai một tình nguyện viên trẻ, có lý tưởng và hơi hiếu động. Được trang bị giấy tờ tùy thân giả - hộ chiếu Úc và Phần Lan - họ phải đi vào khu vực do Serbie chiếm đóng bằng cách đi theo một đoàn xe chở nhu yếu phẩm. Ngay sau khi vượt qua đỉnh Igman, cả nhóm được lệnh rời đoàn xe trong đêm rồi đi bộ cho tới khu vực họ phải tiến hành việc chỉ điểm. Quân trang của họ được cất giấu trong những chiếc ba lô thể thao, gồm các trang bị cần thiết cho việc cắm trại trong nhiều ngày, quan sát ban đêm và đài vô tuyến điện phát tín hiệu mã hóa. Ba người đã áp dụng những kỹ thuật ngụy trang hoàn hảo và dựng trại trong một khu rừng nằm phía trên Pale, thủ đô lâm thời của nước Cộng hòa Bosnia theo Serbia. Từ đây, họ đã được lên kế hoạch hoạt động theo hai hướng. Tibor, nhờ khả năng ngôn ngữ, có

MÙI-ADAM

thể tự do đi lại trong trang phục của một dân quân. Vai trò của anh ta là quan sát nơi cư ngụ và các hầm trú ẩn ban đêm của nhiều thủ lĩnh quân đội Bosnia theo Serbia. Về phần Kerry và Paul, hai người nguy trang rồi cố gắng quan sát các chuyển động của xe bọc thép và pháo cơ giới tại một quả đồi mà tình báo Mỹ nghi ngờ có kho vũ khí dưới lòng đất. Biền cố đầu tiên ập xuống chỉ một ngày sau khi họ đến. Tibor ra đi mà không quay lại.

Bằng liên lạc vô tuyến, hai người được biết Tibor chỉ kịp kích hoạt cọc tiêu cấp cứu để báo rằng mình đã bị bắt.

Theo kế hoạch ban đầu của nhiệm vụ, việc thu quân sẽ diễn ra ba ngày sau đó nhờ trực thăng tại một địa điểm ẩn định từ trước. Một quy trình ứng cứu cũng đã được dự trù, nhưng nó ẩn chứa khá nhiều rủi ro. Hơn nữa, quân Serbia chắc chắn đã thiết lập một hệ thống theo dõi tăng cường từ sau vụ bắt giữ Tibor, và không còn nghi ngờ gì nữa, việc di chuyển đến bất cứ nơi đáp trực thăng ở cách đó khá xa là chuyện bất khả thi.

Thế là bắt đầu một khoảng thời gian căng thẳng mà Paul chưa từng biết đến ngay cả trong những thời điểm huấn luyện gian khó nhất. Đến lúc ấy, dù bị đòi hỏi phải nỗ lực nhiều, đôi khi đến ngưỡng giới hạn chịu đựng, anh vẫn luôn hành động theo khuôn khổ. Anh tuân theo các mệnh lệnh, hoàn toàn yên tâm dù kiệt sức, sợ hãi hay đau đớn, nhờ sự hiện diện của cấp trên, ngay cả khi anh không thích họ. Lần này thì chỉ có hai người với nhau. Đơn độc hoàn toàn. Và, khác với Tibor đã bị bắt giữ và chắc hẳn bị đối xử như gián điệp, nói cách khác là con tin chính trị, họ có nguy cơ bị xem như quân đối phương và bị triệt hạ không cần hỏi nếu bị lộ.

Chính trong hoàn cảnh ấy Kerry đã vùng lên. Không cần cố gắng, bằng sự tự tin đáng kinh ngạc, cô đã nắm quyền kiểm soát tình hình và quyết định lập một kế hoạch hành động mà họ bắt tay vào thực hiện ngay tối hôm đó. Cô không những đủ bình tĩnh để tin họ sẽ cầm cự đến thời điểm thu quân đã định, mà còn quả quyết cho rằng trong khoảng thời gian đó, họ vẫn tiếp tục thu thập các thông tin

như đã tính. Khó khăn dường như đã truyền điện cho Kerry. Cô giữ được sự bình tĩnh đáng nể. Sự vắng mặt của mọi hình thức giám sát đã cho cô một sự thoải mái rõ rệt. Cứ như thể hai người tiếp tục sắm vai hai kẻ đắm tàu giữa đất liền.

Họ thu xếp một chỗ trú ẩn được ngụy trang dưới lòng đất, đặt những thiết bị báo động chung quanh, thay phiên nhau canh gác liên tục ban ngày lẫn ban đêm cùng ông ngắm hồng ngoại. Ngay sáng hôm sau ngày Tibor bị bắt, họ bắt đầu do thám ở bìa cánh rừng mà họ đang ẩn nấp. Kết quả thu được giúp họ yên tâm. Người Serbia có vẻ như chưa biết một nhóm điệp viên khác đang có mặt tại chỗ. Cuộc sống trong khu vực vẫn y như một vùng nông thôn bình thường cùng với những chiếc máy kéo chở cỏ khô, khách bộ hành, xe hơi xập xệ, xe buýt cũ kỹ. Ban đêm, hai người ghi nhận sự di chuyển của một đoàn xe chở binh lính và vận chuyển xe tăng. Những chiếc tăng thiết giáp dường như không còn trong tình trạng tự di chuyển được nữa. Đa phần chúng được sử dụng như pháo cố định và được vận chuyển bằng xe tải. Họ quay về hầm trú ẩn vào giờ trăng lên với cảm giác không còn bị săn đuổi và gần như tự do. Sự kiên quyết của Kerry đã lan sang cả Paul. Một cách khá máy móc và theo một diễn tiến mà rồi họ sẽ còn nhiều dịp cảm nhận, sự táo bạo và dũng cảm của người này kích động người kia. Không hẳn là một cuộc tranh đua, vì không ai tuyên bố và cũng không có luật lệ nào được đặt ra, nhưng một sự thi thố đã diễn ra, nhân lên bội phần sức lực của cả hai. Nó vừa ngấm ngấm và thường trực, lại vừa tuyệt vời và đầy hiệu quả. Mỗi điểm người này ghi đều được người kia tán thưởng một cách thực lòng. Trận đấu ấy làm họ xích lại gần nhau hơn bất kỳ lời tâm tình hay tuyên bố nào. Ngay ngày thứ hai, màn thi đua đã diễn ra ngang sức ngang tài. Kerry quyết định rằng một trong hai người phải canh gác hầm trú ẩn và các thiết bị thông tin liên lạc trong khi người kia đi quãng đường ba cây số để cố gắng quan sát kho vũ khí dưới lòng đất, vốn là mục tiêu của phi vụ. Paul tuyên bố anh sẽ đi thám thính và cảm thấy rất sung sướng khi dẫn

MÙI ADAM

trước Kerry. Nhưng sau đó, anh lại tự hỏi liệu sự ngạc nhiên của cô nàng quý quái này có phải là nguy tạo, và liệu có phải cô ta chỉ đơn giản đưa ra chiếc cần câu cá để đặt anh vào thử thách.

Anh quay lại sau chuyến thám thính muộn hơn hai tiếng đồng hồ, sung sướng thấy cô lo lắng để rồi tỏ ra nhẹ nhõm khi anh về đến nơi. Anh đã chụp được những bức ảnh rất chính xác các lối vào của kho vũ khí và phát hiện ra nhiều hệ thống thông gió đã được nguy trang. Anh thậm chí còn chụp được vài pô ảnh của một đoàn xe tải quân sự đang băng qua một trong các lối vào.

Ngày tiếp theo, Kerry đảm nhận việc đi trinh sát. Cô đã quyết định đánh một vòng lên phía bắc vùng cần quan sát, ngỡ hầu có được một tầm nhìn khác về kho vũ khí ngầm. Paul ở lại một mình tại hầm trú ẩn, thỏa thích suy nghĩ và kiểm chứng lại tình cảm của mình. Điều mà anh cảm thấy trong lúc chờ Kerry quay về còn hơn cả sự lo lắng thường tình và thuần túy mang tính bằng hữu mà sự vắng mặt của một đồng đội trong một nhiệm vụ nguy hiểm có thể gây nên. Trong lòng anh là một sự lo sợ đầy đau đớn, sợ rằng sẽ có không chỉ tai nạn mà cả mất mát, nó tác động đến anh một cách sâu sắc. Cảm giác thiếu vắng ấy càng tăng lên theo thời gian và dữ dội hẳn khi đêm xuống. Chín giờ đã trôi qua. Trăng đã lên, gần như tròn. Người ta có thể trông rõ như ban ngày. Anh biết để đến được ngọn đồi nơi họ đang ẩn nấp, Kerry cần phải băng qua một con đường và đi dọc theo các nông trại. Trong điều kiện lúc ấy, nếu cô chưa vượt qua nó thì lộ trình quay về đó sẽ rất nguy hiểm. Và quả vậy, vào khoảng mười một giờ đêm, anh nghe thấy từ xa vắng đến tiếng chó sủa, tiếng la hét, rồi một lúc sau là những tiếng súng lạch tạch, có lẽ từ những vũ khí sẵn sẵn. Anh bắt giắc thu gom đồ đạc rồi nhét tất cả vào trong ba lô của hai người, phòng trường hợp họ phải khẩn cấp rời đi. Anh còn chưa kịp làm xong thì Kerry lao ra từ trong màn đêm. Người cô ướt đầm mồ hôi, mặt mũi trắng xước vì cành cây, hơi thở hỗn hển. Nhưng cô không hề tỏ ra sợ sệt hay mất tự chủ. Rất bình tĩnh, cô thông báo đã bị phát hiện, những người nông dân đã phát lệnh báo động và một toán

lính đang đuổi theo. Chỉ một loáng sau Paul đã xếp xong ba lô. Họ quàng chúng lên vai rồi chui sâu vào trong rừng.

Cuộc săn đuổi kéo dài suốt cả đêm, nhưng họ đã chạy thoát được. Sau khi leo lên một khe núi ẩm ướt rậm rịt cây cối, họ đến một bãi cỏ nằm khuất tầm nhìn từ bên dưới. Trong suốt quá trình trốn chạy, họ luôn thách thức nhau về sự bình tĩnh và độ dẻo dai. Nhưng ngay khi đã nằm trên mặt cỏ của nơi ẩn náu, họ lập tức quần lầy nhau. Tất cả những lo sợ, đau đớn, mệt nhọc tan chảy đi dưới một nụ hôn ngẫu nhiên kéo dài. Sau đó hai người làm tình mà chẳng buồn cởi bỏ hết quần áo, với một sự cuồng dại của mãnh thú và sự gần gũi thể xác của hai con người đã bén hơi nhau từ lâu.

Đó là khởi đầu cho mối tình của họ, trên một rẻo núi, giữa một vùng đất thù nghịch, nơi họ vẫn chưa chắc có thể còn sống mà thoát ra được.

Tối ngày tiếp theo, sau nhiều giờ chạy hết hơi trong rừng, họ đến được địa điểm thu quân. Máy bay trực thăng đáp xuống đúng giờ ấn định và đưa hai người đến Split. Tiếp đó một chiếc C-130 đưa họ đến căn cứ Aviano. Hai ngày sau, Paul và Kerry về đến Fort Bragg.

Hoàn cảnh của lần yêu đầu tiên ấy đáng lẽ chỉ mang tính giai thoại, ngẫu nhiên và không để lại hậu quả. Nhưng hóa ra nó lại ghi dấu vĩnh viễn trong mối quan hệ của hai người. Mỗi lần họ gặp nhau trong những điều kiện "bình thường", trong nếp sống ở doanh trại ngoài những lần đi chiến dịch, sự hòa hợp về thể xác của họ trở nên kém hoàn hảo hơn, sự ganh đua giữa hai người thắng thế trước sự hòa thuận. Họ nhanh chóng cấu xé nhau, gần như căm ghét nhau. Ngược lại, mỗi khi họ được tái hợp trong nguy khốn, và điều này đã xảy ra nhiều lần trong những chiến dịch hiểm nghèo khác mà họ cùng nhau xung phong tham gia, thì họ tìm lại được niềm hạnh phúc tuyệt đối của lần yêu đầu. Hai người giống như những con nghiện sau khi đã thử qua loại thuốc cực nặng không thể tìm được chút khoái cảm nào và thậm chí còn thấy thiếu thuốc đến vật vã khi dùng những sản phẩm kém nguy hiểm hơn.

MÙI ADAM

Ý tưởng rời quân ngũ cùng đến với họ, nhưng với những nguyên nhân khác nhau. Paul không nhìn thấy tương lai trong sự lặp đi lặp lại của những điệp vụ đầy căng thẳng lúc thi hành nhưng luôn để lại một cảm giác trống trải sau khi kết thúc. Đường như với anh cuộc sống đó chỉ là một sự khuấy động vô nghĩa lý và vô bổ, một cách tìm quên trong công việc bận rộn để kéo anh ra xa khỏi những điều chính yếu. Thời gian này anh đọc nhiều, tận dụng những kỳ nghỉ dài được bộ chỉ huy cho phép giữa hai chiến dịch. Anh có cơ hội để nhìn nhận kỹ hơn những lý do đã xui khiến anh vào quân ngũ. Giữ trọn lòng trung hiếu với sự xả thân quên mình của bố anh chính là động lực đầu tiên nếu không muốn nói là duy nhất thúc đẩy anh tòng quân. Nhưng điều mà bấy lâu nay anh coi như sự táo bạo càng lúc càng cho thấy bản chất của nó là sự hèn nhát và trốn tránh trước những chọn lựa mang tính cá nhân hơn. Năm mươi tám tuổi, ý tưởng theo ngành y và xây dựng những mối quan hệ giàu tính nhân đạo, bền vững và sâu sắc hơn, đã theo đuổi anh trong nhiều tháng. Một cách thuần túy bản năng, anh đã thôi dấn đo và lánh mình vào trong quân ngũ. Nghĩ lại chuyện đó, anh cảm thấy mình đã chín chắn hơn để suy xét lại ý tưởng còn dang dở. Vẫn còn thời gian để anh quay lại và dấn thân vào con đường y khoa vốn hấp dẫn anh sâu sắc.

Kerry cũng có những hoài nghi, nhưng vì các lý do khác. Cô đã chọn ngành tình báo là do xúi bẩy và do mặc định, có lẽ để phù hợp với sự khác biệt và cứng đầu quen thuộc với cô giữa một nhà toàn chị em gái. Nhưng, trong thâm tâm, cô đã chỉ hành động dưới áp lực của nhóm người cấu thành một gia đình mà ở trung tâm của nó, cô đã bị cho đóng vai một thằng con trai. Cô đã muốn tiếp tục việc học, sự quan tâm dành cho môn tâm lý dường như đáng để cô dành nhiều công sức hơn là việc đọc lung tung các bài báo phổ thông hoặc những quyển sách dành cho công chúng. Nhất là, trong cái thế giới toàn đàn ông mà việc nhập ngũ đã đưa cô vào, cô đã nhìn nhận vị thế phụ nữ của mình khác đi. Trong môi trường toàn các chị em gái

yếu điệu và phù phiếm, cô đã bị đẩy đến chỗ vứt bỏ nữ tính, chỉ coi nó là một công cụ, tựa như trí thông minh, khả năng chơi thể thao hoặc khiếu hài hước. Giờ đây cô thấy ở đây một điều gì đó quan trọng và to lớn hơn. Cô mong muốn có cuộc sống của một người phụ nữ, một quan hệ vợ chồng. Cô muốn có một gia đình.

Paul và cô đã thảo luận rất nhiều về quyết định chung và những hướng đi mà họ sẽ chọn. Việc chung sống cùng nhau trong cuộc sống mới là một cảm dỗ lớn, nhưng một điệp vụ cuối cùng đã khiến họ từ bỏ ý định. Chuyện xảy ra ở vùng Kavkaz, bên cạnh những phiên quân Chechnya mà người Mỹ cố gắng bí mật giúp đỡ. Không có gì là ghê gớm trong chiến dịch khá đơn giản mặc dù mệt mỏi đó. Nhưng giữa miền núi non tuyệt đẹp, chung quanh là một dân tộc xả thân, mạnh mẽ đến khó tin, họ đã sống những thời khắc của một tình yêu nồng nàn đến độ ý định làm thui chột nó đi bởi một cuộc sống yên bình và tầm thường là không thể chấp nhận được đối với cả hai. Ở nơi cách thành Grozny đầy bom đạn chỉ hai mươi cây số, trong một hầm trú ẩn xây bằng gỗ, dưới lớp tuyết bao phủ, hai người đã quyết định đặt dấu chấm hết cho mối quan hệ của họ, dừng lại tại đỉnh cao ấy và giữ cho nhau một kỷ niệm thuần khiết. Họ giải phóng cho nhau, giống như những người bạn đồng hành trong một chuyến đi sau khi dừng chân thì đường ai nấy đi.

Nhưng họ đã hứa với nhau hai điều: đầu tiên là luôn giữ một tình cảm bất diệt. Tình dục sẽ không còn là một phần trong đó nữa, nhưng nó vẫn giữ sức mạnh của ham muốn, vẻ đẹp của những kỷ niệm, sự ngưỡng mộ mạnh mẽ mà họ dành cho nhau. Còn về điều thứ hai, đó là một lời thề: họ sẽ gặp lại nhau nếu như một ngày nào đó cuộc sống cho phép họ cùng chia sẻ những khoảnh khắc mãnh liệt như đã từng trải qua. Khó có khả năng là chuyện đó sẽ xảy ra, nhưng ít nhất họ cũng đã thề sẽ đáp lại nhau nếu như, một cách bất thường, "những điều kiện được hội đủ".

Ở Odessa, giờ đây họ đã tin chắc về điều đó.

MÙI ADAM

♦ ♦ ♦

Nảy sinh trong tính khẩn cấp của nghề nghiệp và sự lén lút của hành động, mối quan hệ giữa Paul và Kerry có những đòi hỏi như của một ngọn lửa. Tình cảm của họ được nuôi dưỡng bởi hiểm nguy, biến động và những quyết định. Nó tự lui đi và đưa họ đến chỗ từ chối nó. Thật nhanh sau những khoảnh khắc âu yếm trên mảnh sân trống tại Maison Ipatieff, họ lại tiếp tục làm việc.

Cứ thế, vào buổi tối cùng ngày, họ nhanh chóng đưa ra những kết luận và mục tiêu hành động. Điều đầu tiên là tìm ra bằng mọi giá chúng vi khuẩn tả đã bị đánh cắp ở Ba Lan. Để làm được điều này, họ chỉ có một con đường: Jonathan Cluses và những đồng bọn của hắn ta nếu có. Điều thứ hai là tìm cách xác định nguồn tài chính mà Harrow có được. Có lẽ phải để Providence lo hướng này. Hai người thảo ra một thông điệp yêu cầu định vị các trụ sở tại Kansas và xác minh nguồn gốc của quỹ tài chính đã chi trả cho chúng. Mặt khác, họ yêu cầu Tycen tìm kiếm sâu hơn về Rogulski. Dù có đồng lõa hay không thì vẫn có khả năng ông giáo sư đã được tiếp xúc xa gần với nhóm người bí mật đang ủng hộ Harrow.

Xong việc vào lúc chín giờ tối, hai người đi bộ đến tòa nhà chính để dùng bữa tối được phục vụ trên những tấm vải đăng ten xuất xứ từ Crum và những chiếc ly pha lê được vận chuyển bởi tuyến đường sắt xuyên Siberia đến tận eo biển Behring. Sau đó họ quay về căn nhà nghỉ.

Dậy từ mờ sáng, họ chạy bộ trong công viên dưới ánh bình minh. Nhờ chênh lệch múi giờ, hai người có thể liên lạc với tất cả các phòng ban của Providence đang làm việc với họ. Đến mười giờ, họ làm một bản tổng kết cuối trước khi lên đường. Bộ phận của Tara đã tiến rất sâu ở những chi tiết có liên quan đến các thành viên trong nhóm Harrow, và xác nhận rằng tất cả những người họ phát hiện được đều đã biến mất từ hai năm trước. Một số thậm chí còn chắc chắn đã bốc hơi trước cả khi nhận được nghị quyết khai trừ của One Earth. Công cuộc tìm ra bọn họ sẽ cần nhiều thời gian. Chỉ có bốn

người là đã được xác định. Hai trong số họ, một nam một nữ, là giáo viên tại một trường trung học ở Baltimore. Họ đã đi chuyến bay một chiều đến Nam Phi, quê hương của người đàn ông. Chưa xác định được địa chỉ của họ tại đó.

Một thanh niên cỡ hai mươi tuổi vừa gia nhập nhóm của Harrow gần đây, được mô tả là có “năng lực tự học về xây dựng”. Từng tham gia One Earth, có vẻ như cậu ta đã làm việc tại vùng Bắc Canada. Providence đã thành công khi xác định chỗ của cậu ta sau khi rời tổ chức. Cậu ta đã được nhận vào làm nhân viên hậu cần trong tổ chức *Bác sĩ không biên giới* và đi công tác ở vùng Hồ lớn bên châu Phi.

Còn về Jonathan, Providence đã moi ra được một địa chỉ trong vùng Rhône-Alpes, nhưng không bảo đảm là hắn vẫn sống ở đó. Nhờ Dean, cuộc hẹn đã được ấn định với một thanh tra của Cơ quan an ninh quốc nội ở Paris, vốn theo sát các nhóm cực tả.

Thành phố gần Odessa nhất là Spokane, từ đó một chuyến bay nội địa sẽ cất cánh đến New York vào đầu giờ chiều. Một chuyến bay nối tiếp thuận tiện sẽ đưa họ đến Paris tối ngày hôm sau. Hai người sắp xếp va li rồi nhìn đồng hồ.

Đúng ba giờ chiều, họ cất cánh từ Spokane.

V

Paris, Pháp.

- “Paul Matisse”, đây là một cái tên Pháp, nhỉ?

Thanh tra Lebel, người đã bị bố mẹ đại đột đặt cho cái tên Philippe, là một người đàn ông nhỏ thó ốm nhom có chiếc mũi dài. Ông có sắc da đặc biệt của người Paris chính cống, thứ màu hài hòa

MÙI-ADAM

với những viên đá lát đường và có thể thay đổi tùy theo cảm xúc mà chúng biểu lộ, từ màu trắng của các mặt tiền nhà cho đến màu xám chì của những mái nhà phủ kẽm.

Paul và Kerry ngồi sát nhau trên băng ghế bọc vải giả da đỏ ở phía đối diện với viên thanh tra. Trong cái quán cà phê ồn ào trên đường Saussaies đối diện Cơ quan an ninh quốc nội này, ngay cả ông chủ, người có hàm râu mép khá hoành tráng, cũng tỏ ra như đang che giấu các bí mật quốc gia.

- Vâng, đó là một cái tên gốc Pháp, - Paul nói. - Nhưng xa thôi. Khi Napoleon bán cho chúng tôi vùng Louisiana... ông biết không?

- Tôi có biết không ấy à? Năm 1804! Đúng là một hành động đại dột! Phải bây giờ thì còn lâu nhá. Mà thôi... Thế còn quý bà, liệu tôi có được biết quý danh của bà không đây?

Để nói chuyện với phụ nữ, thanh tra Lebel dùng cung cách mai mỉa mà những quý bà quý cô người Mỹ sẽ cho là cực kỳ quyến rũ hoặc dâm ô không chịu được, tùy theo tuổi tác và kinh nghiệm sống của họ. Kerry, người mà ý tưởng bị cái ông già nhỏ thó với những ngón tay vàng ệch vì thuốc lá này bỏ bùa không hề tồn tại trong đầu, thì lại cố thử nhìn nhận ở ông ta một óc hài hước và dễ mến theo cách riêng của ông. Dù sao đi nữa, cô rất vui vì được thực hành môn tiếng Pháp. Cô nói tiếng Pháp không thành thạo bằng Paul, nhưng tiếng Pháp luôn làm cô thích thú vì ngữ điệu của nó.

- Tên tôi là Kerry. Nhưng ông cẩn thận nhé, - Cô vừa cười vừa thêm vào. - Tôi là mối nguy hiểm tiềm tàng đấy, một con mẹ chính cống. Con-mụ-lắm-chuyện.

Cô nói những từ cuối cùng bằng giọng Mỹ nặng. Lebel phá lên cười. Nhưng nhìn mắt ông ta sau khi đã bình tĩnh lại thì biết, ông ta đã hiểu ngay thông điệp và sẽ cư xử đúng mực.

- Ngài Archibald Morton có khỏe không? - Ông hỏi, giọng đầy dịu dàng.

- Archie rất khỏe, - Paul đáp - Ông ấy đang làm một chuyến đi dài sang Viễn Đông. Tuần này ông ấy sẽ về và chúng tôi sẽ gặp nhau ở Ý.

Hai người đã liên lạc với Archie qua mạng thông tin của Providence và ông già không buồn giải thích, cứ nhất định phải gặp họ khẩn cấp tại châu Âu trước khi quay về Mỹ.

- Các vị vui lòng chuyển lời chào trân trọng của tôi đến ông ấy. - Viên thanh tra nói. - Tôi rất ngưỡng mộ người đàn ông này.

Có vẻ như Lebel ít khi nói tốt. Một lời khen tặng như thế có vẻ hiếm có, gần như là ông ta đã trao tặng cho Archie một Huân chương Bắc đẩu Bội Tinh. Thế là đủ. Kerry và Paul đồ rằng Archie chắc hẳn đã giúp đỡ Lebel vào một thời điểm nào đó trong sự nghiệp của mình, và bảo đảm nhận được lòng biết ơn của viên thanh tra.

- Vậy, - thanh tra Lebel thốt lên. - Hai vị quan tâm tới anh chàng Jonathan sao?

Trông thấy hai người kia nhìn quanh quất, ông nói thêm:

- Chúng ta có thể trao đổi tại đây, hai người cứ yên tâm.

- Vâng ạ, - Kerry đáp. - Chúng tôi đang điều tra về một nhóm sinh thái cực đoan Mỹ mà anh ta từng tham gia...

- Đúng là ở quê hương các vị những nhóm sinh thái có thể nguy hiểm, - Lebel trầm ngâm đáp. - Ở đây thì họ chủ yếu là những gã táo gan luôn mơ chiếc ghế bộ trưởng. Mà tôi cũng chẳng biết liệu như thế có tốt hơn hay không nữa.

Họ cần phải quen với kiểu lý sự hài hước của tay thanh tra người Pháp, một đại diện xứng đáng cho dân tộc của ông. Paul thở dài.

- Hai người dùng gì thêm không? - Lebel đột nhiên buột miệng, rồi gọi chủ quán - Vui lòng cho tôi một nửa cốc nhé Raymond!

- Cậu ta đã quay về Pháp hai năm trước đây, - Kerry quay lại câu chuyện, - và từ lúc đó chúng tôi muốn biết cậu ta trở thành như thế nào.

- Trụ sở của hai người đã cho tôi biết như vậy. Thế ra, bây giờ ông Archibald làm ăn riêng à?

- Ông ấy đã lập ra một công ty tư nhân. Tại Providence.

MÙI ADAM

- Providence! - Lebel nói, chấp hai tay lại như sắp sửa cầu nguyện - Chỉ có những người Mỹ mới thấy nó...

Nhận thấy mình không làm cho hai người nghe cười được, ông vội vàng ho húng hắng rồi quay lại chủ đề câu chuyện:

- Tôi đã nhìn sơ qua lý lịch của đối tượng trước khi đến đây.

Paul rút từ trong túi ra tập giấy nhỏ và một cây bút dạ.

- Ông không phiền nếu tôi ghi chép chứ?

- Ở Mỹ người ta vẫn còn xài mấy thứ này à? - Lebel hỏi, mắt lấp lánh tinh nghịch. - Tôi cứ tưởng các vị đã chuyển hết sang dùng máy tính xách tay rồi cơ...

Paul cố ép mình nhoẻn một nụ cười mỉm dường như khiến tay thanh tra vừa lòng.

- Chúng tôi đã theo dõi hẩn từ lâu rồi, cái gã của hai vị ấy.

- Vì những tuyên bố của hẩn à?

- Không, trước tiên là vì ông bố dượng của hẩn.

Paul và Kerry nhìn nhau. Cả anh lẫn cô đều chưa biết gì về chuyện này.

- Mẹ hẩn đã ly dị cách đây mười lăm năm, sau đó ít lâu bố ruột hẩn qua đời vì ung thư. Tôi nói ung thư là ung thư. Đừng có tìm chính ngọ ở giờ mùi đấy.

Hai người khách nhìn viên thanh tra với vẻ lúng túng, nên ông ta liền giải thích câu thành ngữ bằng một thứ tiếng Anh mô phạm.

- Ý tôi là đừng có nhìn đâu cũng chỉ thấy cái xấu. Ông già mất vì nguyên nhân tự nhiên. Sau đó, mẹ của Jonathan đã tái giá với một ông Hervé de Bionnay nào đó, một cựu sinh viên Hành là chính đây nhé. Hai người biết Trường Hành chính quốc gia Pháp không nhỉ? Đặc sản Pháp, không ngon bằng món ốc sên Bourgogne và lại độc hại hơn rất nhiều. Ông ta đã rời bộ máy công quyền và trở thành nhà tài phiệt công nghiệp.

- Trong ngành công nghiệp nào?

- Chính thế. Ông ta là Tổng Giám đốc của Beta-Technology, đứng đầu châu Âu trong ngành sản xuất tên lửa quân sự.

- Một tay buôn vũ khí.

- Nói thế cũng được. Điều tối thiểu mà chúng tôi có thể làm là theo dõi những người thân của ông ta. Ông ta không có con cái. Bà vợ thì vô hại. Người duy nhất gây ra cho chúng tôi vài vấn đề, chính là anh chàng Jonathan.

- Những vấn đề kiểu gì?

- Có to tát gì đâu, đúng là thế đấy. Khủng hoảng tuổi vị thành niên, bị cha dượng hắt hủi, mấy chuyện tầm phào như thế ấy mà.

- Những chuyện đó bộc lộ ra như thế nào?

- Nói thật nhé, điểm thú vị ở thằng bé này là nó chơi với nguy hiểm nhưng chưa bao giờ tự mình gây ra những chuyện đại đột nghiêm trọng. Ở trường thì học hành chẳng ra sao, nhưng rất cuộc nhờ các trường tư thục, người ta đã ép hấn lấy được bằng tú tài. Hấn giao du với giới nhạc công - bản thân hấn biết chơi guitar, tôi nghĩ thế - toàn những thằng nghiện nặng, nhưng cá nhân hấn thì chưa bao giờ vượt quá mức độ sử dụng cần sa.

- Cũng không buôn bán à?

- Có chứ. Có một lần hấn đã bị Hải quan chỉ điểm trong một vụ buôn lậu ma túy với Colombia.

- Khi nào?

- Cách đây bốn năm.

- Hấn có bị xử không?

- Không. Chúng tôi đã bí mật báo cho bố hấn, không, cha dượng hấn. Ông ta buộc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng can thiệp vào. Khi cất mề lưới, thằng bé đã biến mất. Đương nhiên, những tên còn lại cứ nghĩ là hấn đã phản thù. Nhưng cũng không có gì nghiêm trọng vì tất cả bọn chúng đều đã bị tóm, cả ở đây lẫn bên Colombia.

- Rồi sau đó, hai ông bà bố đã gửi hấn qua Mỹ thực tập.

- Chính xác.

- Vậy là ông có hồ sơ về hấn?

MÙI ADAM

- Dù cho hần ngồi bóc lịch lâu đấy. Nhưng chúng tôi cứ để đấy, để phòng khi cần đến.

- Ông biết những gì hần đã làm bên Mỹ chứ?

- Tất cả những gì chúng tôi biết là FBI đã theo dõi hần. Khi quay về Pháp, hần đã tham gia vào một nhóm môi trường cực đoan, đồng nghiệp của các vị đã khuyến cáo chúng tôi nên để mất chuyện đó. Jonathan sống ở vùng Rhône-Alpes. Chúng tôi đã yêu cầu tổ công tác địa phương thỉnh thoảng đi qua kiểm tra. Hai người có phiền không nếu tôi làm một điều?

Thanh tra Lebel rút ra một gói Marlboro và tròng mền nhìn cái ô chữ nhật quen thuộc có in dòng chữ "Hút thuốc lá gây tử vong".

- Có đấy, - Kerry nói, và trước vẻ mặt hờn dỗi của Lebel, cô thêm vào, - Tôi đã báo trước rồi, tôi là một con mụ lắm chuyện mà.

- Tôi sẵn sàng làm nô lệ cho những mong muốn của quý bà. - Viên thanh tra phản pháo với một nụ cười rộng làm phô ra những chiếc răng nhỏ vàng ệch.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Thanh tra Lebel cất thuốc vào túi.

- Vậy là ở Rhône-Alpes? - Paul nói tiếp.

- Cái anh chàng "con trai ngoan của bố" đã đăng ký tham gia một nhóm vận động sinh thái. Chắc hần đã bập vào cái trò ấy từ bên đất nước các vị. Hần đã chọn tổ chức năng nổ nhất ở đây, với những hoạt động chưa đi quá xa: chủ yếu là những cuộc biểu tình phản đối hạt nhân.

- Thế là không dễ thương với ông bố rồi.

- Nửa có nửa không. Ngoài trừ chuyện kia, thằng bé rất tốt tính. Nó vẫn còn sống bám vào bà mẹ và ông bố dượng. Tôi đoán chắc họ cũng không coi việc nó làm là quá nghiêm trọng đâu. Họ chỉ coi đó là những trò trẻ con ngông cuồng mà thôi. Hơn nữa, hần đúng hơn là một kẻ tài tử, một tay chơi. Tất cả những trò nổi loạn nửa mùa kia chỉ là những dịp để tán gái là chính. - Ông nghiêng mình nói thêm. - Tất nhiên là không kể đến sự tôn trọng mà tôi dành cho quý bà đây.

Kerry nhún vai mỉm cười.

- Jonathan vẫn còn đang hoạt động cùng mấy gã bảo vệ môi trường à? - Cô hỏi.

- Không. Hắn đã rời bỏ nhóm cách đây hơn một năm.

- Ta có biết tại sao không?

- Không có lý do nào cả. Có lẽ đó chỉ là một sự trùng hợp, nhưng cô gái ra đi cùng hắn đã gặp phải những vấn đề khá nghiêm trọng với tổ chức vào thời điểm đó.

Thanh tra Lebel buồn bã nhìn xuống đáy cốc bia của mình. Rõ ràng là ông ta không dám gọi thêm cốc thứ ba.

- Ông uống thêm gì không? - Paul đỡ lời viên thanh tra.

- Ờ, sao lại không nhỉ? Thôi thì... nửa cốc nữa vậy.

- Thêm hai cà phê nữa. - Paul gọi to với ông chủ quán.

- À, - thanh tra Lebel nói tiếp với lòng nhiệt tình vừa được châm đầy, - trong một cuộc biểu tình, đứa con gái kia xô xát với cảnh sát. Chẳng to tát gì, nhưng người ta đã nói rất nhiều về chuyện đó. Phong trào đã phóng đại vụ việc với những thuật ngữ như đàn áp mù quáng, sự thô bạo của cảnh sát, những chuyện phiền phức hàng ngày... Con bé được phỏng vấn khắp nơi. Đáng tiếc cho bọn họ, nó bắt đầu có những phát ngôn làm ảnh hưởng đến tổ chức.

- Những chỉ trích à?

- Không, không hề. Chẳng qua là đầu óc nó hơi bị quay cuồng sau tai nạn thôi. Nó kêu gọi một cuộc tổng khởi nghĩa, bạo lực cách mạng, và thanh toán bọn cóm. Nói tóm lại là hoang tưởng toàn tập, và đám bảo vệ môi trường tỏ ra rất bức mình.

- Cô ta là một chính trị gia quá hăng hái à?

- Không hẳn vậy. Có vẻ như bỗng dưng thành ra thế thôi. Trước đó, nó chỉ là một đứa con gái vô danh tiểu tốt, thậm chí còn nhút nhát và khép kín nữa là đằng khác. Bố mẹ con bé sống một cuộc sống trường giả ở Pas-de-Calais... Rốt cuộc, mọi việc trầm trọng đến nỗi phải nhốt nó vào trong bệnh viện tâm thần vài tuần.

MÙI ADAM

- Cô ta tên là gì?
- Juliette Descombes.
- Và Jonathan đã đi theo cô ta?
- Không. Thằng bé ở lại Lyon. Còn con bé, sau khi ra khỏi viện, nó đã nhận một chân dạy học tại một trường trung học ở Jura.
- Vậy đâu là mối liên hệ với sự rời bỏ tổ chức của Jonathan?
- Mối liên hệ này chỉ thuần túy về mặt thời gian. Hắn đã rời tổ chức đúng vào thời điểm xảy ra biến cố. Chấm hết. Có lẽ không có mối liên hệ nào. Nhưng dù sao thì hắn cũng đã đến bệnh viện thăm con bé, trong khi tất cả mọi thành viên của tổ chức đều cẩn thận lánh xa.

Paul ngừng ghi chép. Thanh tra Lebel im lặng chờ các câu chất vấn.

- Đã có ai hỏi ông về vụ việc ở Wroclaw chưa?
- Loáng thoáng thôi. Người ta bảo tôi là hai vị quan tâm đến các sự việc hồi tháng ba vừa rồi, do có một vụ phá hoại phòng thí nghiệm ở nước ngoài, phải vậy không?

- Vậy ông có thể xác minh được thời gian biểu của Jonathan vào khoảng thời gian đó à?

- Hắn không phải là con cá đủ lớn để đến nỗi chúng tôi phải bám theo hàng ngày. Người của tôi chỉ làm những cuộc thăm viếng đều đặn thôi. Nhưng nói thật, hai người gặp may đấy. Mà tôi cũng chẳng biết đây có phải là một sự ngẫu nhiên hay không nữa. Trong cái nghề của chúng ta, người ta không tin vào ngẫu nhiên, phải không nào? Dù sao thì vào cái ngày xảy ra vụ việc ở Ba Lan, Jonathan cũng đã cưỡi xe mô tô vượt đèn đỏ ngay trước mũi hai cảnh sát trật tự. Họ đã trừ ba điểm trên bằng lái của hắn, kèm theo một khoản tiền phạt.

- Sự việc xảy ra ở đâu?
- Tại khu Bellecour, trung tâm Lyon.

Kerry và Paul nhìn nhau: lại một hướng điều tra khác vừa bị chặn đứng.

Thanh tra Lebel để cho im lặng kéo dài một lúc, rồi vỗ vỗ túi áo, lôi bao thuốc ra, rút một điếu.

- Tôi không châm thuốc đâu. Cầm nó, giúp tôi trấn tĩnh.

- Thôi, ông hút đi. - Kerry nói, sự chán nản làm cho cô trở nên dễ tính.

- Cảm ơn.

Thanh tra Lebel châm điếu thuốc và rít một hơi thật sâu. Paul quan sát ông ta chăm chú, chờ đợi làn khói phả ra. Nhưng hai buồng phổi của viên thanh tra chắc phải cảm thấy thiếu thuốc tới nỗi chúng giữ toàn bộ chỗ khói ấy lại. Nhờ có nicotin, sắc mặt của ông ta đã bình thường trở lại. Sắc hồng phơn phớt hiện trên đôi má.

Ông ta bắt đầu mỉm cười và nhìn hai con người hoang mang đối diện. Rõ ràng là ông thấy thích thú khi được trả đũa cho cái danh dự liên tục bị làm tổn thương của ngành cảnh sát Pháp. Ông chơi con bài cuối cùng:

- Trụ sở của hai anh chị chỉ mới liên lạc với tôi hôm qua. - Ông bắt đầu nói. - Chúng tôi chưa thể điều tra gì nhiều. Tuy nhiên...

Với vẻ mặt khiêm tốn, viên thanh tra ngừng một lúc để làm tăng kịch tính cho lời nói của mình.

- ... tôi cũng đã kịp kiểm tra lại thời gian biểu của cô nàng Juliette vừa nói vào giai đoạn mà quý vị quan tâm.

Paul cắn môi: rõ ràng đó là điều phải làm. Sự chênh lệch múi giờ làm anh mệt nhừ và tước đi mọi suy nghĩ nghề nghiệp của anh.

- Và rồi?

- Thì, cô ta vắng mặt ở trường trong vòng bốn ngày đúng vào dịp xảy ra vụ Ba Lan: bắt đầu nghỉ vào hai ngày trước, và quay lại vào ngày hôm sau của sự việc. Lý do: nghỉ ốm. Không có chứng nhận y tế.

Một cơn chấn động mạnh bỗng trùm lên Paul vào khoảnh khắc ấy. Như vậy là linh cảm của anh đã được xác nhận trong khi anh đã chuẩn bị tinh thần để thấy nó bị bác bỏ. Tác giả của vụ đột nhập rõ ràng là một phụ nữ và giờ đây anh đã biết được tên của cô ả.

MÙI ADAM

- Juliette. - Anh lảm nhảm.

- Ông có địa chỉ của cô ta chứ? - Kerry sốt sắng hỏi. - Liệu có thể chất vấn cô ta được không?

- Địa chỉ *thường trú* thì có. - Thanh tra Lebel nói, giọng ranh mãnh. - Nhưng không có địa chỉ hiện tại. Mà chuyện này là có lý do của nó.

- Nghĩa là sao?

- Cô nàng Juliette ấy đã vô căn vô cứ biến mất từ ba tuần nay rồi.

♦ ♦ ♦

Kerry và Paul chẳng buồn ghé qua khách sạn tại khu Saint-Germain-des-Prés. Hai người bảo taxi chở thẳng đến Viện Pasteur.

Anh tài xế người Campuchia liên tục nhìn hai người qua gương chiếu hậu và cứ cố nài họ tham quan Paris. Cả hai phải luôn miệng từ chối trong suốt chuyến đi nên không thể nào bàn luận về tiết lộ vừa rồi của thanh tra Lebel.

Ngày hôm trước Paul đã xin hẹn qua điện thoại với giáo sư Champel. Ông sẵn sàng tiếp anh bất cứ lúc nào. Để không bị vò bực làm giới hạn những câu hỏi của mình, lần này Paul đã quyết định sẽ tiết lộ nhiệm vụ thật sự của mình. Có nguy cơ giáo sư Champel sẽ không chịu hợp tác với một cuộc điều tra mật, nhưng nếu chấp thuận, ông sẽ giúp cho nó tiến triển nhanh hơn và xa hơn rất nhiều.

Trên thực tế, tiết lộ hơi phiền phức của Paul chẳng gây ra phản ứng gì nơi ông giáo sư già. Có vẻ như ông hoàn toàn không quan tâm đến việc mình phải tiếp chuyện một điệp viên hay một diễn giả của giới thượng lưu. Ông tỏ ra bị quyến rũ bởi sự hiện diện của Kerry. Nhờ có cô, số đôi tai sẵn sàng nghe bài giảng về chủ đề ưa thích của ông đã được nhân đôi. Đó là tất cả những gì quan trọng đối với ông.

- Chúng ta bắt buộc phải đi sâu vào chi tiết những điều mà ông đã nói với tôi lần trước. - Paul mở lời.

- Rất sẵn lòng. Về điểm nào vậy?

- Chúng ta đã nói về tính ổn định di truyền của phẩy khuẩn tả.
 - Quả thực nó rất đáng ghi nhận.
 - Nó có tuyệt đối không ạ? Ông có bao giờ thấy sự xuất hiện của những chủng hoàn toàn mới mẻ không?

- Tôi thấy chúng ta đã nói về chuyện này rồi kia mà. - Ông giáo sư phản đối, lông mày cau lại như thể đang khiển trách một cậu sinh viên. - Kể từ năm 1992, đã tồn tại một con phẩy khuẩn mới. Khác với tất cả những con khác trong những thế kỷ trước, nó không bị nhận diện bởi huyết thanh O1 như thường lệ. Người ta đã đặt cho nó bí danh O139.

- Nó xuất hiện từ đâu?

- Từ Bangladesh. Người ta đã nghi ngờ có chuyện gì đó, bởi vì dịch tả nổ ra tại đây vào năm 1992 gây bệnh trên người lớn. Ở những quốc gia nơi mà dịch tả có tính địa phương, người lớn thường miễn nhiễm. Khi nghiên cứu con vi khuẩn mới, người ta nhận ra rằng các kháng thể chống lại phẩy khuẩn tả O1, loài phẩy khuẩn thông thường, không bảo vệ được con người khỏi chủng mới này. Do đó nó đã gây ra thiệt hại lớn.

- Thế theo ông, con phẩy khuẩn mới này từ đâu mà ra?

- Nó hình thành nhờ sự tích hợp vào vi khuẩn tả thường gặp những mảnh vật chất di truyền đến từ nhiều loại phẩy khuẩn không gây bệnh. Sự vay mượn này đã làm cho nó trở nên mạnh mẽ hơn: nó được bọc bởi một vỏ nang, giúp cho nó kháng cự lại môi trường bên ngoài tốt hơn và lây nhiễm qua tiếp xúc dễ dàng hơn. Điều đó đã tạo cho nó khả năng thâm nhập vào máu. Và người ta đã ghi nhận một ca nhiễm trùng máu ở một bệnh nhân bị suy kiệt, trong khi với bệnh tả thông thường thì việc này chưa bao giờ xảy ra.

- Thưa giáo sư, - Kerry chen vào, mắt nhìn chăm chú ông giáo sư già - ông có thể khẳng định rằng sự đột biến ấy là do... tự phát không ạ?

- Tôi hiểu thắc mắc của cô. Đúng là thật đáng kinh ngạc khi một vi sinh vật đã ổn định suốt hàng trăm năm nay bỗng nhiên biến đổi.

MÙI ADAM

Nói hoàn toàn thật lòng, tôi không thể loại trừ bất cứ khả năng nào. Do vậy, có thể nó đã được... tạo ra.

- Trong trường hợp đó, - Paul tiếp lời, - liệu chúng ta có thể hình dung được nó chỉ như là một bước đệm hay không?

Ông giáo sư ngả người ra sau ghế, khuôn mặt đầy ngạc nhiên.

- Anh hãy giải thích rõ điều anh muốn nói xem nào.

- Cứ coi như chúng tôi để cho ông thoải mái tưởng tượng. Liệu chúng ta có thể gây ra những sự biến đổi khác để làm cho con phẩy khuẩn tả càng... nguy hiểm hơn nữa hay không?

- Những lai tạo khác chắc chắn là có thể làm được với những chủng loại phẩy khuẩn không gây bệnh. Ngày nay người ta đã biết được trên một trăm năm mươi loại như thế. Mỗi con đều có đặc điểm riêng, ý tôi là các ưu điểm ấy. Một vài con lây nhiễm rất mạnh, những con khác đi vào máu dễ dàng và gây ra nhiễm trùng máu. Chuyện này giống như việc nuôi chó hoặc ngựa, người ta có thể lựa chọn những đặc tính nhất định để làm thay đổi một giống vật nuôi.

- Với tất cả những chuyện đó, liệu ta có thể nghĩ đến việc tạo ra một siêu phẩy khuẩn không?

- Một vi khuẩn với những tính năng khác thì được. Sự đề kháng tốt hơn, khả năng gây bệnh cao hơn, điều đó là hoàn toàn có thể. Nhưng ta không thể thay đổi hẳn nó được. Ngay cả khi đã biến đổi, bệnh tả vẫn mãi là bệnh của người nghèo.

- Tại sao ạ?

- Bởi vì, dù sao đi nữa việc lây nhiễm vẫn gắn liền với sự thiếu vệ sinh, đây là điểm chung của tất cả các loại phẩy khuẩn. Và cũng bởi vì căn bệnh tả chỉ có thể ảnh hưởng đến những vật chủ có điều kiện dinh dưỡng kém và thể chất yếu.

Paul đang ngồi trên mép ghế. Rõ ràng là sự chuyển động của những suy nghĩ trong đầu anh, sự hào hứng khi được khám phá ra một manh mối đã kéo anh về phía ông giáo sư.

- Như vậy là, - anh nói, - chúng ta có thể hình dung được rằng cũng chính căn bệnh của người nghèo này có thể được làm tăng tính lây lan bởi một loại phẩy khuẩn mới lạ đối với hệ miễn dịch của con người, và nó sẽ diễn ra nhanh chóng hơn, có tỉ lệ chết cao hơn, chẳng hạn với việc gây nhiễm trùng máu cộng thêm vào những hội chứng tiêu hóa, và cuối cùng, nó có sức đề kháng cao hơn trước các loại chất tẩy trùng và sát trùng, phải không ạ?

- Đại loại như vụ Bangladesh nhưng ở mức độ cao hơn gấp mười? - Kerry bồi thêm.

- Phải, - ông giáo sư công nhận, - chuyện đó là hoàn toàn có thể hình dung được. Nhưng tôi không thấy ích lợi gì từ một việc...

- Những trận đại dịch tả kinh điển đã làm chết bao nhiêu nạn nhân ạ?

- Trận cuối cùng, trận thứ sáu, đã giết chết hàng trăm triệu người trong vòng ba mươi năm.

- Một con phẩy khuẩn biến đổi hoàn toàn có thể đạt được con số ấy trong một thời hạn ngắn hơn! Vài tháng à? Hay là chỉ cần vài tuần?

Paul đã nói câu vừa rồi một cách cuồng nhiệt đến nỗi một thoáng nghi ngờ bỗng xuất hiện trong đầu ông giáo sư già. Ông lần lượt nhìn hai người đối diện đầy nghi hoặc. Một sự im lặng khó chịu bắt đầu.

- Hừm, - Paul nói khi nhận ra sai lầm của mình. - Đúng là ông đã truyền cho chúng tôi sự say mê về căn bệnh này.

- Tôi rất vui về điều đó. - Giáo sư Champel đáp, tay lau mắt kính bằng đầu chiếc cà vạt.

Ông đeo kính vào và nói một cách nghiêm nghị:

- Chỉ hy vọng là sự say mê này được dùng vào một mục đích tốt đẹp.

Đây là lần đầu tiên ông tỏ ra quan ngại trước ý định của hai người khách.

Paul cho rằng mình cần phải làm rõ ngay mọi chuyện.

MÙI ADAM

- Xin giáo sư hãy nghe chúng tôi đã. - Anh nói. - Chúng tôi có những lý do để nghĩ rằng một vài nhóm người, ta cứ tạm gọi là khủng bố đi, có thể nhìn thấy ích lợi từ một loài vi sinh vật như con phẩy khuẩn tả, tất nhiên là do đối tượng đặc biệt của nó.

- Ưu điểm duy nhất của sự kiện ngày 11 tháng Chín, - ông giáo sư thờ dài, - là nó đã làm cho những ý tưởng điên rồ khó tưởng tượng nhất trở nên có lý.

Ông lắc đầu, như thể phản đối sự lựa chọn hôn nhân của một người họ hàng xa.

- Ông có biết những nghiên cứu đã được tiến hành ở đâu đó trên bệnh tả, cho dù mang tính chất đơn lẻ hay bất định, với mục đích khủng bố sinh học không ạ?

- Không. Hồi chiến tranh lạnh, cũng có những tin đồn này nọ, và tất nhiên, người ta chỉ gán chúng cho các nước giàu: người ta nghi ngờ người Nga đã tiến hành các cuộc nghiên cứu từ tất cả những thứ vớ vẩn có thể. Bệnh tả cũng thỉnh thoảng được nhắc tới, nhưng ít hơn nhiều so với bệnh đậu mùa, bệnh dịch hạch hay bệnh sốt thổ¹. Và không có bất cứ bằng chứng chính thức nào.

- Thế ngày nay thì sao? Chẳng phải chúng ta đang chứng kiến một sự tư nhân hóa ngành vũ khí sinh học à? Có thể nói chẳng ngoa rằng bất cứ người nào, với một chiếc nôi ừ...

- Rất đúng, nhưng các trò linh tinh có thể dễ dàng thao tác bởi những tay nghiệp dư ấy chỉ là những quá trình tương đối đơn giản, trên những loài vi sinh vật đã được biết rõ, chẳng hạn như vi khuẩn

¹ Bệnh sốt thổ hay bệnh tularemia do vi khuẩn *Francisella tularensis* gây ra, thường gặp ở các loài thú hoang, đặc biệt là động vật gặm nhấm và thỏ. Con người có thể bị nhiễm bệnh do tiếp xúc với mô hoặc chất dịch của động vật nhiễm bệnh, hoặc bị côn trùng đã hút máu động vật nhiễm bệnh cắn, hay ăn phải thịt thỏ bệnh nấu không kỹ. Ngoài ra cũng có thể bị nhiễm bệnh này nếu hít phải vi khuẩn trong không khí. Người bệnh bị sốt cao, rét run, nhức mỏi, ho và suy kiệt, dần dần dẫn tới viêm phổi và tử vong nếu không được điều trị đúng cách. Do tính lây nhiễm rất cao, bệnh thổ được xếp vào nhóm có nguy cơ bị sử dụng như vũ khí sinh học.

than¹, hoặc bệnh botulism². Những điều anh vừa nhắc tới với vi khuẩn tả, sự biến đổi di truyền của phẩy khuẩn bằng sự tái tổ hợp với các chủng vi khuẩn khác, là một tiến trình phức tạp chỉ có thể được thực hiện bởi những nhóm nghiên cứu rất có năng lực tại những phòng thí nghiệm chuyên biệt.

- Lần trước tôi có nhắc đến phòng thí nghiệm ở Wrocław... - Paul nói.

- Phải, - giáo sư Champel cắt ngang, - và anh đã làm tôi rất lo lắng về chuyện đó. Tôi đã đến tận nơi để tìm hiểu, đồng thời tra cứu các tài liệu khoa học. Tôi không biết cái trung tâm ấy. Những công việc mà nó thực hiện, như tôi đã nói, đều thuộc lĩnh vực cơ bản, trong khi tôi lại tiến hành các nghiên cứu ứng dụng. Tuy vậy, phải công nhận là họ có trình độ rất cao.

- Chính xác thì họ làm gì?

- Họ đã phân tích những tính chất di truyền riêng biệt của vi khuẩn O139. Đáng chú ý là họ đã tìm ra trình tự gen cho phép chủng phẩy khuẩn này tạo ra vô nang cho mình và trình tự đó gặp ở những chủng phẩy khuẩn nào khác.

- Nói tóm lại, tất cả những gì cần có để "cải tiến" bệnh tả.

- Không lẽ anh cho là... - ông giáo sư thốt lên, - Nhưng đó chỉ là các nghiên cứu căn bản... và đã được đăng tải trên các tạp chí khoa học quốc tế lớn.

¹ Bệnh than do vi khuẩn *Bacillus anthracis* gây ra. Vi khuẩn này thường gây bệnh ở loài động vật ăn cỏ. Con người bị nhiễm phải vi trùng hoặc bào tử của nó qua vết cắt ở da, nuốt hoặc hít phải. Khi bị lây nhiễm qua da, chỗ bị nhiễm sẽ ngứa ngáy, u lên, sau đó bị hoại tử có màu đen, từ đó có tên gọi của bệnh. Bào tử bệnh than tồn tại rất lâu ngoài môi trường nên có thể bị sử dụng vào mục đích khủng bố. Năm 2001, một vụ phát tán bào tử bệnh than qua thư tín đã xảy ra tại Mỹ làm 22 người nhiễm bệnh, trong đó có 5 ca tử vong.

² Bệnh botulism là do độc tố của vi khuẩn *Clostridium botulinum* gây ra. Khi ăn phải đồ hộp hoặc thực phẩm bị nhiễm vi khuẩn này, độc tố của nó sẽ đi vào cơ thể làm tê liệt cơ và có thể gây suy hô hấp dẫn tới tử vong. Loại độc tố này được dùng tiêm dưới da ở liều rất thấp để xóa các nếp nhăn một cách tạm thời, nhưng cũng có nguy cơ bị sử dụng trong khủng bố sinh học do độc lực cao.

MÙI ADAM

Có thể cảm thấy trong giọng nói của ông sự phản bác này là chân thành, nhưng mặc dầu vậy, mỗi nghi ngờ vẫn tồn tại trong ông.

Paul và Kerry yêu cầu ông giáo sư giữ bí mật cao nhất tại giai đoạn này của cuộc điều tra và ông bảo đảm chuyện đó. Hai người hứa sẽ thông báo cho ông biết những tiến triển trong công cuộc điều tra vào thời gian tới.

- Một điều cuối cùng, - Paul hỏi lúc họ cáo lui. - Ở vùng Hồ lớn châu Phi, bệnh tả có tính địa phương, phải không ạ?

- Đúng thế.

- Nhưng cách đây một năm rưỡi, sau những biến cố chính trị, chẳng phải người ta đã chứng kiến dịch tả tái bùng phát à? Hình như tôi đã đọc được điều này ở đâu đó.

- Đúng thế thật. Tôi cũng đã đi đến đó vì mục đích nghiên cứu.

- Ông có thể nói cho chúng tôi biết ai đã chữa trị các ca bệnh không?

- Trong khu vực ấy có rất ít cơ sở chăm sóc. Nhà nước đã hoàn toàn tan rã. Không có các tổ chức phi chính phủ thì những người bất hạnh kia đã bị bỏ mặc.

- Tổ chức nào ạ?

- Tổ chức hoạt động mạnh nhất trong khu vực đó lúc tôi đến nơi là nhóm *Bác sĩ không biên giới*.

Tổ chức mà một thành viên trong nhóm Harrow đang hoạt động... Paul và Kerry nhìn nhau. Bây giờ họ đã biết xuất xứ của chủng vi khuẩn "bình thường" đã được thử nghiệm tại Cap-Vert. Và họ cũng đã nhận được sự khẳng định cho giả thiết về những nghiên cứu đã được tiến hành ở Wrocław. Điều này còn hơn những gì họ đã hy vọng. Đã đến lúc quay về khách sạn.

Chỉ mong rằng Jonathan có nhã ý bình tĩnh ngồi đợi họ lấy lại sức sau chuyến đi dài.

VI

Lyon, Pháp.

Mọi người đều nhất trí rằng các con ngõ nhỏ trong khu phố cổ Lyon là một trong những điểm đến tiêu biểu. Hội đồng thị chính ý thức rất rõ về điều đó nên đã tu bổ lại chúng đến từng viên đá lát. Tất cả vẫn giữ nét cổ kính nhưng ở trong một tình trạng hoàn hảo. Đám người hiếu kỳ qua lại trong những ngõ ngách đó giống như các hợp chất độc hại chảy qua những đường ống bằng thép không gỉ vậy.

Từ cửa sổ phòng mình, Jonathan nhìn thấy rõ một con hẻm dốc, với cái rãnh thoát nước chính giữa nay đã không còn được sử dụng, cùng với các cửa hàng kiểu Trung cổ nay được biến thành hiệu đồ cổ và cà phê Internet. Xa hơn, gác chuông nhà thờ Saint-Paul vươn cao khỏi đám mái nhà lợp ngói kiểu La Mã. Như thường lệ, việc đứng đó quan sát phố phường làm anh ta bình tâm lại. Khi hút quá nhiều, Jonathan hay tự dựng nên các câu chuyện. Anh chàng tưởng tượng ra những nhóm cảnh sát luồn lách qua hẻm rồi bao vây nhà mình. Từ cái chuồng cu này, Jonathan sẽ bắn tia bọn họ như bắn thỏ, hết con này đến con khác trong lúc miệng cười hềnh hếch. Nhưng ngày hôm nay, anh ta khó mà có thể chơi trò nhập vai ấy.

Con đường gần như không có người. Một vài cặp vừa lách ra khỏi những nút giao thông đang dạo một chuyến cuối cùng để thi vị hóa tình yêu, và nhất là để cho món xúc xích tỏi có thời gian trôi xuống dạ dày. Không có gì đáng nghĩ. Không hề có bóng người nào thập thò trên ngưỡng cửa. Thế nhưng, đúng vào giữa buổi chiều chủ nhật, Jonathan nhận được một cú điện thoại...

Trong ống nghe, cô nàng người Mỹ đã cho Jonathan biết mình tên

MÙI ADAM

là Ruth. Cô ta bảo là đã gặp anh ta ở One Earth. Sau một chuyến đi vòng quanh châu Âu, cô ta tạt qua Lyon hai ngày. Cô nàng thật phiền phức khi hỏi xin chuyện này, nhưng mà, anh biết đấy, tôi cạn túi rồi. Nếu anh có thể cho tôi ở nhờ một hay hai đêm thì... Giọng nói hơi run rẩy, rất đáng yêu. Cô nàng còn nói thêm là mình có thể ngủ trên ghế, và Jonathan đã cọt nhả khá nhiều qua điện thoại. Tuy vậy có cái gì đó mách bảo anh ta phải dè chừng. Jonathan không có chút ký ức nào về Ruth, nhưng chuyện đó chẳng là gì. Một lần anh ta đã thử lên một danh sách những cô nàng đã qua tay mình và thành thực mà nói, chuyện đó là điều không thể. Vậy thì, tại sao lại bỏ phí một cơ hội ngàn vàng như thế này? Cô nàng có một giọng nói rất dễ thương, và nếu như những thứ còn lại cũng tương xứng với chất giọng thì... Jonathan đã đề nghị một cuộc hẹn trong quán cà phê trên đại lộ Cộng hòa. Nhưng cô nàng lại thích đến thẳng nhà anh ta cơ. Thế có phải đơn giản hơn không? Cô em xách theo khá nhiều hành lý. Jonathan run lên. Đấy nhé, chuyện này kỳ cục lắm, gần như bất bình thường: cô ta biết địa chỉ nhà anh ta. Ấy thế mà Jonathan chỉ cung cấp địa chỉ của mình cho rất ít người, và chắc chắn một điều là không hề để lại nó ở One Earth. Anh ta liền hỏi xem làm thế nào cô ta có được nó. Cô em trả lời là do tình cờ. Cô sẽ kể cho Jonathan nghe khi họ gặp nhau...

Jonathan cảm thấy trong lòng bùng lên ham muốn mãnh liệt: giọng nói của cô gái xa lạ này đã kích thích anh ta. Hồi tuần trước Jonathan đã thất bại với một mớ dối trá đáng lẽ phải giúp anh chàng tán tỉnh cùng một lúc ba cô nàng. Cả ba đã cùng nhau lột mặt nạ Jonathan. Giá có thêm chút may mắn nữa thì... Anh ta chỉ thiếu mỗi điều đó.

- Bao giờ cô đến đây?
- Một giờ nữa, được không ạ?

Jonathan quét mắt nhìn hai căn phòng của mình: chén đĩa bẩn, bít tất nằm lung tung, lon bia lảo lắc trên sàn nhà. Anh chàng phải mất nửa tiếng để dọn dẹp mọi thứ.

- OK. Cô ăn tối chưa?

Lúc này đã bảy giờ rưỡi.

- Thôi, anh không phải lo cho tôi đâu.

Có vẻ cô em rất mừng rỡ. Điều đó làm Jonathan bình tâm lại. Anh chàng lập tức bắt tay vào dọn dẹp. Sau hai mươi phút, hai căn phòng của anh ta đã trở nên khá tươm tất. Chỉ còn sót lại một vài sự lộn xộn cần thiết để củng cố thêm hình ảnh của một kẻ sống ngoài lề và một nghệ sĩ nổi loạn.

Và giờ thì anh ta đang ở đây, chờ đợi, nhìn những ngọn đèn đường đang hắt lên các ngôi nhà thứ ánh sáng vàng cam. Và lại cảm thấy lo lắng. Một ông già đang leo dốc, kéo theo con chó. Con vật tội nghiệp cứ hít hà khắp nơi. Với những chiếc xe rửa đường xịt nước lên vỉa hè ba lần mỗi ngày, chắc nó chẳng thể đánh hơi được cái gì hấp dẫn.

Bỗng nhiên Jonathan cứng người. Cô em vừa mới vòng qua góc phố Lò Rèn, mắt nhìn hết sang trái lại sang phải, ngỡ ngàng như những vị khách du lịch thường thấy. Rồi cô nàng can đảm trèo lên con dốc, bất chấp cái túi to sụ vác phía sau lưng và hai cái bị bằng vải dù quàng trên vai. Từ chỗ mình, Jonathan không thể nhìn rõ mặt cô ta, thêm vào đó cô còn đội một cái mũ bằng vải jean. Cho dù mặc một cái quần thùng thình và mang đôi giày đi bộ, dáng người của cô gái làm anh ta hài lòng: mảnh dẻ, săn chắc, đầy hứa hẹn. Jonathan tiến lại chỗ góc phòng xa cửa vào nhất. Khi cô nàng gõ cửa, anh chàng sẽ băng qua căn hộ thật chậm rãi để không tỏ ra quá vội vã. Giá trị của nét thông dong quyến rũ nơi Jonathan là ở đây.

Anh ta có đầy đủ thời gian, vì cô gái còn phải leo năm tầng gác. Đó là một chiếc cầu thang xoắn bằng đá nằm trong một cái tháp nhỏ xây từ thế kỷ XVI tuyệt đẹp, đã được xếp hạng di tích lịch sử. Việc căn hộ nằm ở tầng năm không có thang máy chỉ khiến người ta quên đi một chút rằng nó nằm tại một trong những khu vực đắt đỏ nhất thành phố. Khi được bố mẹ mua cho căn nhà, anh chàng Jonathan đã cẩn thận chọn vị trí này. Tính chất thượng lưu của địa điểm bù trừ cho nỗ lực cần có để leo lên đến nơi. Những tấm áp

MÙI-ADAM

phích in hình Che Guevara và bích chương mang về từ cuộc vận động chống toàn cầu hóa tại hội nghị thượng đỉnh ở Durban, cùng với tất cả những biểu hiện của kiểu sinh thái phi văn hóa trở nên đở bất lịch sự hơn trong cái chuồng cu áp mái này. Giá trị tính theo mét vuông ở đây vẫn có thể gây sốc cả vì độ cao cũng như vì tính chất quý tộc của những tầng lầu trên cùng.

Cuối cùng tiếng gõ cửa vang lên. Như dự tính, Jonathan đi ra mở cửa thật chậm rãi. Cô gái hơi mệt mỏi đang đứng trên ngưỡng cửa làm anh chàng chôn chân tại chỗ. Cô nàng đã bỏ mũ, buông xõa mái tóc xoăn dày, trông cực kỳ gợi cảm. Trái với những gì Jonathan đã lường tượng khi nghe thấy giọng nói qua điện thoại, cô đã qua tuổi ba mươi, toát ra sự chín muồi và toàn vẹn. Anh ta luôn mê mẩn những người phụ nữ lớn tuổi hơn mình. Jonathan thích quyền rũ, chiếm đoạt họ, nhưng thú nhất vẫn là lúc bỏ rơi họ. Theo kinh nghiệm của anh ta, việc cắt đứt với những người phụ nữ toàn vẹn như thế này sẽ đẩy họ vào thế phải hạ mình và lạy lục van xin. Không có gì khiến anh ta ấn tượng hơn cảm giác về quyền uy của chính mình. Jonathan buộc phải nỗ lực rất nhiều để tự kìm nén, giữ trên gương mặt mình nét hờ hững hơi bất cần đời mà có thể nói đã làm anh ta trở nên quyền rũ không thể cưỡng lại được. Ruth hôn lên má anh ta. Cô nàng có mùi hạnh nhân dịu và không trang điểm. Chuyện này là bình thường ở những cô gái tham gia One Earth.

Cô đặt túi xuống bên cạnh cửa rồi bước vào. Căn phòng chính nằm khá sát với mái nhà. Trong phòng có hai salon giường sắp theo hình chữ L quanh một tấm thảm len mang màu sắc mùa thu.

Lúc này Jonathan đã chắc chắn đây không phải là một trong những cô bạn gái cũ. Anh ta sao có thể quên được một cô gái như thế này. Nhưng có thể họ đã chạm mặt nhau ở One Earth. Có bao nhiêu là người qua lại ở đó. Dù sao đi nữa, cô nàng cũng còn nhớ Jonathan, và điều này làm anh chàng rất khoái chí.

- Tôi pha cà phê nhé?
- Trà thì hơn, cảm ơn anh.

Jonathan biến vào trong căn bếp không có cửa sổ và bắt đầu lục lọi trong mấy ngăn chạn để tìm vài gói trà Lipton.

Trong lúc đó, cô gái thăm dò nhanh chóng căn phòng.

- Tôi xem qua được không? Chỗ này xinh xắn thật.

Miệng nói câu này mà mắt cô đã kịp nhìn thấy chiếc điện thoại bàn và kín đáo bằng một động tác nhanh gọn cắt dây điện thoại.

- Cứ tự nhiên như ở nhà đi. - Jonathan hét lên để át tiếng ấm nước đang sôi.

Cô tạt qua phòng ngủ để xem có cái cửa khác nào nằm ở đó không. Không hề có. Cô quay lại căn phòng chính, ở đó Jonathan đang bày trên một cái khay bằng tre đan hai chiếc tách sành và một cái ấm trà màu đỏ.

- Chị ngồi xuống đi. - Vừa nói anh ta vừa dịch người ra chừa lại một chỗ cho cô gái trên ghế salon. - Ruth là tên của chị à?

- Đúng thế. - Cô mỉm cười xác nhận.

Cô vẫn đang đứng.

- Xin lỗi anh, tội cần phải uống thuốc.

Cô quay ra phòng ngoài nơi để túi đồ. Mọi chuyện diễn ra trong chớp mắt. Thay vì cúi xuống cái túi, cô nhanh chóng mở khóa và đẩy cửa ra. Paul đang chờ ngoài hành lang. Anh bước vào phòng và đến đứng trước bộ salon. Kerry đóng cửa lại và rút ra một cây súng bắn đạn cao su.

Jonathan còn đang rót trà khi Paul tiến vào phòng. Anh chàng tội nghiệp chỉ phát hiện ra Paul vào khoảnh khắc cuối cùng, khi dáng người của anh đã lừng lững trùm lên gã thanh niên.

- Đứng dậy, chậm chậm thôi. - Paul ra lệnh.

Nỗi kinh hoàng làm cho máu trong người Jonathan biến đi đâu hết. Gã run lấy bầy đến nỗi đánh rơi cả tách trà và chỉ biết thộn mặt nhìn vệt nước loang rộng ra trên tấm thảm len. Nỗi sợ làm tắt cả những bắp thịt trên vai và lưng gã tê liệt đến mức độ khó mà đứng dậy được. Paul dùng hai tay lục soát người Jonathan.

MÙI ADAM

Việc sờ nắn để chẩn đoán trong y khoa nhằm tìm những bất thường nằm bên trong cơ thể, trong khi quá trình lục soát lại chỉ quan tâm đến phía bên ngoài. Nhưng ngoài sự khác biệt đó, hai việc ấy khá là gần gũi với nhau. Paul cười thầm trong bụng khi nghĩ đến mối liên hệ bất ngờ giữa hai cái nghề của mình.

Anh lấy chiếc điện thoại di động tìm thấy trong túi của Jonathan, gỡ bỏ pin rồi vứt vào một góc. Khi anh ra hiệu ngồi xuống, Jonathan rơi thông xuống ghế, tựa như một người bị cơn động kinh quật ngã xuống đất.

- Ông muốn gì? - Cuối cùng gã thanh niên cũng nói nổi nên lời.
- Muốn cậu nói.
- Về chuyện gì?

Paul cười, điềm tĩnh đi lấy một chiếc ghế đầu đan bằng liễu, gạt những món đồ nằm lộn xộn trên đó, rồi đặt nó trước mặt Jonathan và ngồi xuống.

- Thư giãn nào. Chúng tôi ở đây không phải để làm hại cậu.

Chuyện này cũng gần giống như điều anh nói với các bệnh nhân của mình. Sau khi thăm khám bằng tay là đến màn hỏi han. Cứ như thế, quá trình khám bệnh tiếp tục diễn ra.

- Cái trò này là gì vậy? - Jonathan lẩm bẩm.

Sự bình tĩnh của người tra hỏi đã làm gã tự tin lên một chút. Jonathan ngồi thẳng dậy trên ghế salon và lườm mắt nhìn Kerry.

- Trước hết, các người có chắc là mình có quyền vào nhà người khác như thế này không? Các người là cơm hay sao? Huy hiệu đâu? Thẻ đâu?

- Cứ coi như chúng tôi là các bác sĩ đến đây chỉ để xem cậu ổn hay không thôi.

Jonathan nhún vai. Tuy thế, giọng nói của Paul và sự cứng rắn điềm tĩnh mà hẳn cảm thấy ở anh đã khiến gã không dám dè bịu những lời vừa rồi.

- Cậu đã đấu tranh cho One Earth hồi còn ở Mỹ. - Paul bắt đầu nói.
- Thế thì sao, cái đó cũng là tội à?

- Tại sao cậu quay về Pháp?

- Vì kỳ thực tập của tôi chấm dứt. Hai người là FBI hay sao?

Jonathan dò xét hai người thẩm vấn mình, cố tìm cách nhận diện chất giọng Mỹ của Paul là từ miền nào. Gã vô cùng muốn khám phá ra anh là ai, chủ yếu là để tự trấn an hơn là để tìm ra cách thuyết phục anh, để rồi sau đó cậu thể gia đình mình bắt nạt anh.

- Chúng tôi muốn cậu kể về Ted Harrow.

- Không biết.

- *Những kẻ săn mồi mới thì sao?*

- Không biết nốt.

Khi còn làm việc cho CIA, Paul không thẩm vấn theo cách này. Anh luôn “vào đề” ngay lập tức. Nếu phải bắt buộc, anh đã cho Jonathan thấy tính chất nghiêm trọng của hoàn cảnh bằng vài cú đánh đúng chỗ rồi. Nhưng từ đó đến nay, anh đã học ngành y và phương pháp tra hỏi của anh đã thay đổi. Anh biết được rằng, để nắn bóp vùng bụng, người ta cần bắt đầu từ những khu vực ít đau nhất, và trong trường hợp có phản ứng, không được cố, mà phải chuyển sang những chỗ khác rồi mới nhẹ nhàng quay lại.

- Cậu còn giữ liên hệ với Seattle không?

- Không hề.

- Tại sao cậu tham gia Greenworld khi quay về Pháp?

- Để tiếp tục đấu tranh. Các vị ngạc nhiên khi người ta có thể tin vào một điều nào đó hay sao?

Lúc này Jonathan đã hoàn toàn ngồi thẳng người. Thậm chí gã còn ưỡn lưng để ngồi cho thẳng hơn. Những lọn tóc vàng dựng đứng lên trên trán gã thanh niên nom như mào của con gà trống. Trong thái độ của Jonathan có sự bức tức pha lẫn hổ thẹn của một người bị ép phải để lộ ra sự yếu đuối sâu kín của mình.

- Juliette đâu? - Paul hỏi.

Rõ ràng là Jonathan không ngờ đến một câu hỏi thẳng thừng như vậy. Gã chớp mắt.

MÙI ADAM

- Juliette nào?

Kerry, lưng vẫn dựa cửa, làm động tác đổi chân và nhúc nhích khẩu súng. Jonathan vội quay sang phía cô. Hoặc gã hiểu sai cử chỉ đó của cô, hoặc gã đã thấy rõ chỉ có ngu mới tiếp tục chối, nên Jonathan lại sợ hãi ra mặt và hơi rụt người.

- Tôi không biết cô ta ở đâu hết. - Gã nói. - Ông đã đến cái xó xỉnh nơi cô ta đang ở để tìm chưa?

Đúng là một sự tự vệ ngu ngốc. Anh cảm thấy như thế. Để dọa thì ít, mà để tạo cho gã cái cơ chính đáng chứng tỏ sự hèn nhát thì nhiều. Paul thở dài, quyết định sử dụng thứ vũ khí dự phòng có được nhờ thanh tra Lebel.

- Cậu đã gặp lại Pepe Gunzman chưa?

Lần này thì Jonathan há hốc mồm và run bắn lên. Gã đưa tay trái sờ chiếc nhẫn bạc đeo ở ngón áp út và lẩm nhẩm điều gì đó, như thể một người sấm hồi đang đọc câu khấn.

- Cậu biết hẳn đã được thả tự do năm nay chưa?

Paul để mặc cho Jonathan tự suy diễn theo hướng càng lúc càng đáng sợ. Rồi anh mạnh bạo túm lấy gã, để tránh cho gã khỏi bị nghẹn thở mà chết.

- Đừng lo. Chúng tôi đến đây không phải vì chuyện của hẳn.

- Vậy thì tại sao ông lại nói với tôi về hẳn?

- Để cho cậu biết nguy cơ cậu có thể gặp phải. Nếu chúng tôi tìm được cậu thì gã đồng bọn cũ người Colombia của cậu cũng có thể làm được. Nhất là nếu như người ta cho hẳn một gợi ý.

Họ im lặng nhìn nhau một lúc lâu. Paul cẩn thận đưa vào trong ánh mắt mình tất cả sự xót xa của một người bác sĩ khi đề nghị với bệnh nhân của mình một liệu pháp hiệu quả nhưng rất đau đớn.

- Vậy thì, tốt hơn là cậu hãy nói đi.

- Các người muốn biết điều gì? - Jonathan nhượng bộ, vai chùng xuống.

*

Về Harrow thì Jonathan không có gì nhiều để nói. Gã tham gia vào nhóm của Harrow nhưng theo cách riêng của mình, khá hờ hững: kín đáo, nhiệt tình nhưng thận trọng.

- Harrow có điểm gì làm cậu bằng lòng? Tại sao cậu theo anh ta?

Jonathan ngừng một lúc để nhìn cái nhẫn của mình. Gã vẫn đang mân mê nó, nhưng lần này thì giống như một động tác làm điệu, còn mắt gã thì nhìn con rắn cuộn mình trên chiếc nhẫn. Nguyên nhân của cuộc thẩm vấn làm Jonathan thấy khó chịu, nhưng giờ đây, khi sự kháng cự của mình đã bị bẻ gãy, gã lại thấy thích thú khi trở thành mối quan tâm của hai người kia.

- Những người đấu tranh cho môi trường, - gã nói, - tôi kết thân với họ là do tình cờ. Và tôi luôn thấy họ là một lũ nhát gan. Harrow thì lại là một kiểu khác. Anh ta nói sự thật, và chấp nhận mọi hậu quả từ việc đó.

Gã thanh niên nói về Harrow cứ như thể đó là một vận động viên tầm cỡ vậy.

- Cậu biết kế hoạch của anh ta chứ?

- Tôi chỉ biết đại khái.

- Như thế nào?

- Như thế nào là sao? Tôi chẳng hiểu ông muốn tôi nói cái gì nữa. Gã len lén nhìn Paul để xem liệu anh có bị thuyết phục không.

- Khi cậu quay về Pháp, Harrow không giao cho cậu việc gì hết à?

- Anh ta đã bảo tôi đến gặp trước khi đi.

- Ở One Earth sao?

- Không. Lúc đó anh ta đã không còn dính tới nó nữa.

- Cậu đã đến nhà anh ta?

- Chưa có ai từng đến nhà Harrow hết. Anh ta hẹn tôi ở trong phòng riêng của một quán cà phê Starbuck tại Seattle. Chỗ đó ồn ào khủng khiếp, vì chúng tôi ngồi ngay cạnh cái cửa sập của nhà bếp.

MÙI ADAM

Vì giọng nói của anh ta rất trầm, nên tôi chỉ hiểu được phân nửa những gì anh ta đã nói.

Paul nhướn một bên mày.

- Thật mà. Tôi thề đấy. Tôi hiểu được ý chính, chứ không nghe được hết.

- Thế ý chính là gì?

- Anh ta muốn tôi lập nên một chi nhánh ở đây.

- Cho ai?

- Cho anh ta, cho nhóm của anh ta.

- Cho kế hoạch của anh ta?

- Anh ta chỉ muốn các đầu mối liên hệ, thế thôi.

- Một tổ chức tiếp sức.

- Anh ta không thích các tổ chức. Phần lớn chúng chỉ là một tập hợp của những kẻ bắt lưc sớ sệt mọi thứ.

Jonathan ngồi thẳng người lại khi nói tới điều này, rõ ràng là để không bị vợ nhầm vào với những kẻ hèn nhất kia.

- Tuy vậy, cậu lại đăng ký tham gia vào Greenworld khi quay về.

- Tôi không mấy trông đợi ở tổ chức này. Nhưng nếu như anh muốn tìm những người tương đối tích cực thì phải đi tìm ở đâu đó chứ.

- Xét cho cùng thì công việc của cậu là tuyển chọn những người bất mãn với phong trào sinh thái truyền thống.

- Cứ cho là vậy.

- Ở Greenworld cậu đã gặp Juliette?

- Phải.

- Cậu đã yêu cầu cô ta làm gì?

Lại một cái nhìn lo ngại từ phía Jonathan.

- Tôi không muốn nhắc tới quan hệ giữa hai người, - Paul nói. - Tôi chỉ muốn biết cậu đã sai cô ta làm điều gì cho Harrow.

- Không có gì cả.

Paul thở dài, đặt hai tay lên mép cái ghế đầu và nhích tới trước một chút.

- Chúng ta nói về Wroclaw nhé?

- Về gì cơ?

Từ đầu buổi đến giờ, Paul vẫn không ngừng nghĩ tới Juliette. Khi nhìn thấy gã thanh niên mà cô ta biết, và có thể còn yêu nữa, khi quan sát căn phòng mà tại đây chắc hẳn cô ta đã ngủ cùng gã, hình ảnh mà anh dựng lên về cô bắt đầu hoàn chỉnh, như thể khi người ta đã lắp thêm được nhiều mảnh ghép vào một bộ xếp hình. Nhưng cùng với sự hài lòng này là một cảm giác ghen tỵ lạ lùng đối với Jonathan. Mặc dù không biết đích xác nó là do đâu, nhưng Paul vẫn có cảm nghĩ là Juliette xứng đáng được nhiều hơn là cái thằng nhóc lấm tiền, hèn nhát và bạc nhược này.

- Nghe tôi nói đây, - anh nói, hơi chồm người về phía trước. - Dịp cuối tuần này còn có rất nhiều thứ ở Lyon cần phải thăm thú. Cô bạn tôi và tôi chỉ muốn chấm dứt chuyện này cho nhanh, và cậu cũng thế. Vì vậy, chúng tôi sẽ tóm tắt lại các sự việc đã qua và chúng ta sẽ nói thật với nhau. Cô bạn gái Juliette của cậu đã thực hiện một vụ phá hoại tại một trung tâm nghiên cứu ở Wroclaw, Ba Lan. Đúng hay sai?

- Đúng.

- Cậu là người đã phái cô ta tới đó.

Jonathan gật đầu. Là một điều là, việc Jonathan biết Paul không phải là cớ đã làm cho gã thú nhận dễ dàng hơn. Gã không có nguy cơ bị buộc tội đồng lõa và chẳng có gì phải sợ, ngoài sự tức giận của anh.

- Ừ thì, - Jonathan lăm bắm, - tôi đã cử cô ấy tới đó.

- Cậu không bao giờ tự hành động à?

- Không!

- Lần này và trước đây cũng thế?

- Không bao giờ.

MÙI ADAM

- Vậy là người nào khác đã đưa cho cậu bản sơ đồ của mục tiêu. Người ta đã chỉ dẫn cho cậu các bước cần thực hiện và cậu đã truyền đạt lại cho Juliette.

- Đúng.

- Ai? Harrow à?

- Tôi đã nói với ông rồi, tôi không gặp lại anh ta từ khi quay về đây.

- Nhưng cậu vẫn giữ liên lạc.

- Không phải với anh ta.

Một lần nữa Jonathan lại co rúm người. Khẽ chạm vào vùng đau đớn. Để sau hãy quay lại. Paul tiếp tục theo một hướng khác.

- Chính xác thì Juliette phải làm gì ở Wrocław?

- Thả tự do cho những con thú bị tra tấn. Lũ mèo tội nghiệp với đầy điện cực cắm trên đầu. Bây giờ...

- Thôi, anh miễn giùm tôi chuyên đó. Chúng tôi muốn biết ngoài ra Juliette còn phải làm gì *thêm*?

Như thói quen, Jonathan lại đảo mắt về phía Paul để lên đánh giá mức độ quan tâm và trò bịp bợm của mình. Nhưng Paul rất thận trọng và Jonathan không thể biết được liệu anh có biết những gì gã biết hay không. Gã thử chống đối.

- Thêm gì? Tôi không hiểu...

Cái tát giáng trúng hần trước khi Jonathan kịp nhận ra. Gã thấy mình nằm vật sang bên trái, môi đầy máu. Paul tỏ ra như chưa hề nhúc nhích. Nỗi sợ về mặt thể xác làm Jonathan suy sụp hoàn toàn. Sự đau đớn rõ ràng chẳng là gì. Đúng hơn nó là một nỗi kinh hoàng từ xa xưa, trôi lên từ nơi sâu kín nhất trong con người gã, sinh ra từ những khoảnh khắc ấu thơ bị giấu kín và thuộc về một nỗi sợ hãi không thể kiểm soát được.

- Một cái lọ.- Gã lúng búng trong lúc ôm lấy hàm.

- Một cái lọ mà cô ta phải lấy từ đâu?

- Từ trong một cái tủ lạnh.

- Và nó đựng...

- Tôi không biết gì hết. - Jonathan hét toáng lên, môi trề xuống, đôi mắt như điên dại, những ngón tay bầu lầy khốe môi rỉ máu. Đó là tiếng thét của người lái khí cầu vừa ném nốt bao cát cuối cùng, chẳng còn gì để vứt đi ngoại trừ chính bản thân anh ta và cảm thấy mình sắp sửa đâm nhào xuống đất. Paul tin gã và nhân nhượng đưa cho gã một chút trọng lượng để ném đi.

- Juliette đã đi đâu?

- Đi Mỹ.

Giữa lúc đau đớn, Jonathan không còn nói láo được nữa. Gã bắt đầu nức nở khê. Gã không còn đủ dũng khí để vẽ chuyện nữa.

- Cậu có địa chỉ của cô ta ở bên đó không?

Gã thanh niên lắc lắc bộ mặt ướt nhoẹt nước mắt. Đến nước này thì Paul biết anh đã chạm đến giới hạn của sự thành thật.

- Ai là người liên lạc của cậu với nhóm Harrow?

Giữ nguyên thái độ, Paul bắt đầu thả lỏng người. Jonathan, với sự nhậy cảm tuyệt vời và thứ trực giác luôn giúp gã thoát khỏi vũ lực mà không bao giờ bị mắc kẹt, đã nhận ra điều đó. Gã tin chắc rằng điều tồi tệ nhất đã qua, rằng buổi tra khảo đã đến điểm kết thúc và gã có thể chuồn ra khỏi cái bẫy mà mình đã rơi vào. Chỉ cần một lời cuối cùng. Nhưng hậu quả của nó sẽ thật khủng khiếp. Jonathan bắt đầu suy nghĩ hết tốc lực trong lúc vẫn sứt sứt và rên rỉ. Gã ngồi dậy, kiểm thêm thời gian. Rồi cuối cùng, gã thanh niên chỉ một tủ hồ sơ bằng sắt nhỏ.

- Ông xem trong ấy đi.

Paul mở tủ. Các tập hồ sơ được dựng thẳng san sát nhau, nằm giữa hai vách chặn bằng bìa cứng.

- Cái đầu tiên bên trái.

Paul lấy ra một tệp tài liệu mỏng màu xanh và đưa cho Jonathan.

- Tôi không thuộc nằm lòng địa chỉ. Nó được ghi ở đây.

Gã rút từ trong tệp tài liệu ra hai tờ giấy được bấm dính và đưa cho Paul. Trên trang đầu tiên có ghi "Luật chơi bóng chày" và ở góc trên là một cái tên, địa chỉ cùng với một mã bưu chính được viết nguệch ngoạc.

MÙI ADAM

Paul gấp hai tờ giấy lại rồi nhét vào túi.

- Rất tiếc vì đã làm phiền cậu.

Anh đứng dậy, đi đến chỗ Kerry ở phòng ngoài. Trong chớp mắt họ đã ra khỏi căn hộ.

Jonathan bắt động hồi lâu trong bóng tối, đầu gục vào tay. Rồi gã thanh niên lấp lại pin điện thoại di động và chậm chậm bấm một số máy mà gã thuộc nằm lòng.

VII



Turin, Ý.

downloadsachmienphi.com

Mikhail Gorbachev, tướng Jaruzelski, Benazir Bhutto, Giulio Andreotti và John Mayor đang bình thần ngồi cạnh nhau. Tưởng như người ta đang ở trong phiên bản Ý của bảo tàng sáp Grévin, ngoại trừ một chi tiết nhỏ: họ cử động được. Thịnh thoảng trong số họ lại có người chớp mắt như một con thằn lằn hay kín đáo nghiêng mình để nói khế vào tai người ngồi bên cạnh. Chiếc bàn hội nghị dài được rải đều các tập hồ sơ giống nhau có in logo "Quý Hòa bình".

Toàn các chính khách về vườn luận chuyện hòa bình, Paul thăm nghĩ. Tiếc là họ đã không nghĩ tới chuyện ấy sớm hơn... Anh ngồi ở hàng ghế thứ hai phía sau các diễn giả trong gian phòng dài. Bên cạnh anh, Kerry đang ngáp. Cuộc họp diễn ra tại Turin, hay trong khu vực địa lý nói ngắn gọn là "gần Lyon" của Archie. Hai người ra khỏi nhà Jonathan là đến thẳng đây. Archie chỉ quên mỗi một điều là tuyến đường sắt trực tiếp nối hai địa điểm vẫn còn đang được xây dựng. Họ phải mất sáu giờ mới đến nơi.

Archie đã thu xếp mọi thứ để cho Kerry và Paul được cho phép tham gia cuộc hội thảo kín này. Ông hoàn toàn có thể đợi đến tối để

đường hoàng gặp hai người tại một nhà hàng trong thành phố. Nhưng ông không thể cưỡng lại được nỗi sung sướng khi hai người thân có mặt trong cử tọa để chứng kiến ông ngồi cùng bàn với các cự ngoi sao chính trị toàn cầu, và xác nhận vinh quang của ông khi quay về Providence. Archie ngồi cạnh một nghị sĩ Anh, người hoàn toàn có thể làm đại diện cho một dòng thời trang hạng sang hoặc một nhãn hiệu whisky. Ngài nghị sĩ đã cẩn thận gài chiếc khăn lụa trên túi áo ngực có cùng màu với chiếc mũi nổi đầy những mạch máu tím nhạt. Cặp mắt mệt mỏi của ông tiết lộ một thời gian dài toàn hương thụ, cưỡi ngựa và phản trắc. Ông ta thể hiện sự tán thành bằng những cái gật đầu cật lực khi đến lượt Archie làm sáng tỏ với cử tọa về "Các viện nghiên cứu tư nhân và sự đóng góp của chúng cho nền hòa bình".

Được cổ vũ bởi sự hiện diện đầy lịch lãm của người ngồi bên cạnh, Archie phát huy ngữ điệu ăng-lê, dần mạnh những chữ đệm như "hum", "well", "indeed" khiến cho bài diễn văn của ông trở nên giống như một bài cổ bị giẫm bẹp và cắt thật sát. Ai cũng lấy làm thích thú khi đập lên nó bằng việc rì rầm không ngần ngại và chẳng buồn để tâm lắng nghe.

Gorbachev thậm chí không thèm quay đầu nhìn. Khi Archie nói xong, ông ta vỗ tay chiếu lệ rồi lại tiếp tục nói chuyện với người bên cạnh.

Ngay sau đó là giờ giải lao. Kerry để cho diễn giả Archie đón nhận những lời tán dương và lui xuống đợi ông ở sảnh khách sạn nơi diễn ra hội nghị.

Đó là một khối thủy tinh đồ sộ cực kỳ hiện đại, được nâng đỡ bởi một cấu trúc như chân nhện bằng thép sáng bóng. Không gian được trang trí bằng cây cối nhiệt đới đang phả hơi ấm lên tận những tấm kính trên cùng. Khắp nơi trong sảnh là những phụ nữ trẻ trung rạng rỡ mặc âu phục và những anh chàng đẹp trai mắt đeo kính tay ôm tài liệu. Đó là những chính khách mới nổi thường gặp, các trợ tá đủ kiểu quay mòng mòng quanh các nhân vật quyền lực dù đã bị truất phế. Lẩn trong bọn họ, đứng tại những vị trí chiến lược gần lối vào hoặc thang máy, là các vệ sĩ đang canh chừng, nghe ngóng những

MÙI ADAM

mệnh lệnh cao cả truyền đến tai mình qua những chiếc tai nghe nhỏ xíu. Vì đang ở trên đất Ý, nên những cặp kính đen của họ mang nhân hiệu của những nhà thiết kế danh tiếng, và bộ áo lễ phục màu xanh biển trên người họ được cắt may cực khéo.

Nửa tiếng sau, Archie mới thoát ra khỏi đám đông những người không hề muốn nín chân ông. Ông vừa đi đến chỗ hai người khách của mình vừa đưa tay lên vuốt lại tóc, rồi ngồi xuống bên cạnh Kerry, đối diện với Paul trên bộ salon đỏ có những đường nét rất thanh thoát.

- Chen chúc ghê quá! - Ông bình phẩm, tay bụm miệng ho húng hắng.

Kerry chưa bao giờ chịu nổi Archie. Ông ta không làm cô cười nổi và thái độ của ông với phụ nữ làm cô phát cáu. Tuy vậy Paul cũng thấy bất ngờ trước giọng điệu gây hấn của cô, khi cô hỏi:

- Cái trò hội thảo này là thế nào vậy?

- Phi vụ rửa tiền đẹp mắt nhất mà tôi từng thấy. Một quỹ quốc tế với đủ thứ tuyệt vời. Bọn Mafia chi trả tất. Nước cờ của nhà thờ Công giáo. Hai người nên biết là họ đang định cải đạo cho Gorbachev đấy. Từ khi vợ chết, ông ta đâm ra cuồng tín.

- Nó có lợi cho ai, một sự kiện như thế này?

- Tôi không biết, nhưng có quan trọng gì đâu. Mọi người đều hài lòng. Trong hai ngày, chúng tôi được tiếp đãi như những ông hoàng, sau đó thì ai về nhà nấy. Năm sau sẽ là ở Venice, tôi nghĩ thế.

Trước cửa khách sạn, một hàng dài những chiếc Alfa Romeo đen đang thả các vị khách xuống và rước những người khác lên.

- Chỗ này từng là nhà máy của hãng FIAT, hai người biết không? Họ đã biến nó thành trung tâm hành chính và hội thảo. Người Ý mà, sang cả lắm.

Trong cái thứ bậc của cá nhân Archie, sau những giải thưởng lớn dành cho người Anh và các dân tộc họ hàng của họ, vẫn còn vài giải khuyến khích dành cho những người La tinh, ở những món tiểu tiết như là ẩm thực, bài trí hoặc yêu đương.

- Nói không phải tộc mạch, nhưng Archie này, - Paul chen vào, -

ông làm gì ở đây? Từ lúc nào ông đã trở thành một chuyên gia về hòa bình thế?

Archie có vẻ phật lòng.

- Sao cơ? Cậu không tin tôi là chủ tịch danh dự của một tổ chức phi chính phủ lớn à?

- Ông á!

- Phải, tôi. Chuyện này có gì mà lạ? Những người anh em nhân đạo là một tổ chức tuyệt vời. Họ đỡ đầu cho những hội phụ nữ góa bụa tại Liberia, các dự án dành cho trẻ mồ côi ở Peru... trừ việc nó nằm ở Ecuador. Mà sao cũng được! Tôi đâu cần quan tâm tới các tiểu tiết.

Trước nụ cười chọc quê của hai người kia, ông liền đổi chủ đề.

- Dù sao thì, cái chính ở đây là những hợp đồng chúng ta có thể ký kết sau hậu trường. Nó rất có lợi cho Providence, một nơi như thế này... Thôi, chúng ta vào việc của mình nào.

- Ở đây à?

Sảnh khách sạn là một không gian mở rộng lớn. Các nhóm diễn giả và khách mời đang ngồi cách họ có vài mét.

- Hoàn toàn không có nguy cơ nào đâu, - Archie nói, - Có ai thêm đến đây nghe đâu.

Chính đó là điều mà tất cả những ông bà chính khách hết thời kia tiếc nuối đấy, Paul nghĩ bụng.

- Điều tôi cần nói với hai người là cực kỳ khẩn cấp. Tôi phải gặp cả hai ngay khi có thể. Tôi cần nói về một quyết định quan trọng.

- Có liên quan đến cuộc điều tra của chúng ta.

- Quả vậy.

- Vậy thì, - Kerry xen ngang, - có lẽ trước tiên chúng tôi nên tóm tắt lại cho ông biết những kết quả tạm thời thu được cái đã?

- Không cần đâu! Providence vẫn báo cho tôi biết về nhất cử nhất động của hai anh chị trong khi tôi đi công tác. Chúng ta không cần phải lật lại chuyện đó.

- Đã có những tiến triển mới ngày hôm qua, - Kerry nhấn mạnh. -

MÙI ADAM

Ông không thể nào biết được vì chúng tôi thậm chí còn chưa có thời gian để báo cáo cho trụ sở.

- Tay sinh viên người Pháp, - Paul nhấn mạnh. - Chúng tôi đã gặp hấn. Tại nhà hấn ở Lyon. Hấn chính là mắt xích còn thiếu giữa nhóm bên Mỹ và vụ việc Ba Lan. Cô gái được hấn cử đến Wroclaw đã sang Mỹ.

- Và hấn đã khẳng định rằng mục đích của vụ phá hoại chính là lấy một mẫu từ phòng thí nghiệm chứ hoàn toàn không phải là để thả chó hay cứu mèo.

Archie khoát tay xua tan những lập luận vừa rồi.

- Tuyệt vời, tuyệt vời lắm. Điều này chỉ càng khẳng định những gì mà hai anh chị đã tìm ra. Cá nhân tôi không hề nghi ngờ gì. Đúng là một việc làm xuất sắc. Thật sự xuất sắc, tôi xin chúc mừng cả hai. Cho tôi một cappuccino nhé.

Tay phục vụ người Albany ghi lại yêu cầu với dáng điệu mệt mỏi và lê chân sang một nhóm khách khác.

- Trong chưa đầy ba tuần, hai người đã làm xong việc. Thật đáng ngưỡng mộ.

- Sao lại xong được ạ?

Kerry là người phản ứng đầu tiên, có lẽ vì cô đã dè chừng từ trước.

- Hai người đã khẳng định những tiên lượng của phía Anh, - Archie nói tiếp. - Chính là một nhóm của Mỹ đã đứng sau vụ đánh cắp. Một lũ nông cuồng thậm tệ, vì những lý do mơ hồ và nực cười, đã quyết định tính sổ với đồng loại của chúng.

Archie cầm lấy tách cà phê mà người phục vụ đưa cho và đặt xuống trước mặt mình, làm đổ một ít bột có rắc bột ca cao xuống cái đĩa lót.

- Trách nhiệm của chúng ta, - ông kết luận, - là lập tức giao hồ sơ này lại cho nhà chức trách liên bang Hoa Kỳ.

Paul và Kerry nhìn nhau, cùng chia sẻ ngạc nhiên và phẫn nộ.

- Giao lại vụ này! Nhưng việc điều tra của chúng tôi chưa kết thúc mà.

Paul đã hiểu ra vì sao Archie lại ngồi xuống bên cạnh Kerry: nó giúp ông ta không phải nhìn cô. Anh khó mà chịu đựng nổi áp lực từ đôi mắt xanh lá cây đang phừng phừng lửa giận kia.

- Đây là luật chơi mới. - Ông thở dài, xoa hai bàn tay vào nhau, lấy giọng điệu triết lý rao giảng hơn bao giờ. - Những công ty tư nhân như của chúng ta có thể điều tra những vụ việc về an ninh, *nhưng chỉ đến một giới hạn nhất định*. Tất cả sự tinh tế của cái nghề mới mẻ này là ở đây: cảm nhận được giới hạn đó và không vượt qua nó.

- Vớ vẩn! - Kerry hét lên, càng to hơn vì cô muốn bắt Archie phải nhìn trực diện mình trong khi ông cứ lẩn tránh. - Vấn đề không phải ở đó. Chúng ta đang theo dấu một sự việc cực kỳ nghiêm trọng. Bọn chúng là những tên điên rất nguy hiểm. Chúng muốn tiến hành kế hoạch của mình, mà ta lại không biết chúng sẽ đánh vào đâu. Thời gian không còn nhiều. Chúng ta không thể trút trách nhiệm lên cơ quan quản lý của liên bang, những người có thể sẽ chẳng mấy may quan tâm và sẽ xếp vụ việc vào hàng thứ yếu.

Archie nhắm mắt như thể bị khó chịu bởi tiếng ồn ào của khách khứa. Rồi ông nói tiếp bằng một giọng mềm mỏng hơn:

- Nếu tóm tắt lại, nhờ vào các chi tiết mà hai người đã khám phá ra, thì tôi có thể nói vụ này hóa ra khá đơn giản: nó là một báo động sinh học nữa trên lãnh thổ Mỹ.

- Sao cơ? - Paul cắt ngang. - Tại sao ông lại nói như thế?

- Tôi dựa vào các sự kiện. Một món sinh phẩm nguy hiểm đang chu du trên đất Mỹ, nằm trong bàn tay của một nhóm người đã quyết định sử dụng nó cho khủng bố. Tôi có nhầm không nhỉ? Không cần biết bọn chúng là những nhà sinh thái môi trường, tân phát xít hay Hồi giáo: tất cả chuyện này là một mớ dài dòng lan man.

- Chúng tôi tin chắc rằng kế hoạch của Harrow có quy mô toàn cầu và mục tiêu của nó không nằm ở Mỹ. - Paul phản đối.

- Vì sao?

Paul lúng túng. Những câu hỏi đơn giản và trực tiếp như vậy thường là khó trả lời nhất.

MÙI ADAM

- Ờ thì... tầm nhìn toàn cầu của nó dẫn tới việc xóa sổ những người nghèo.

Archie cười khẩy.

- Và chuyện đó không tồn tại ở Mỹ chứ gì? Thế nhưng tôi lại thấy ở New Orleans, vào trận lụt lịch sử...

Lúc này, một người đàn ông tóc đen băng qua sảnh, kéo theo phía sau một quãng cả một đám trợ tá sốt sắng. Archie đứng dậy chào ông ta.

- Tay người Costa Rica này đoạt giải Nobel hòa bình, - Archie nói sau khi đã ngồi xuống. - Tôi quên bém mắt tên ông ta rồi... Một người rất tốt.

Sau đó ông tiếp tục cuộc nói chuyện với về chán nản của một doanh nhân muốn kết thúc nhanh một vụ thương lượng quan trọng để quay lại việc thử quần.

- Tôi không biết mấy tay bảo vệ môi trường của hai người nghĩ gì. Nhưng ngược lại, cái tôi thấy là, cho đến lúc này, tất cả đều quy tụ về Mỹ. Cô gái đối tượng của hai người đã đến đây, rõ ràng là cùng với thứ mà cô ta đã xoáy được bên Ba Lan. Nhóm khủng bố, cho đến khi người ta chứng minh cho tôi thấy điều ngược lại, vẫn luôn ở đây, và người liên hệ của tay sinh viên Pháp cũng ở đây. Vậy nên, vụ việc đã rõ. Nó là một mối ưu tiên về an ninh đối với nước Mỹ, và chúng ta không thể tiếp tục chơi một mình.

Như thế đã cảm thấy Kerry chuẩn bị phản đối tiếp, ông nhanh chóng thêm vào:

- Dù sao thì, CIA cũng muốn chúng ta ngừng lại mọi chuyện.

- Cái gì?

Archie cúi đầu, làm bộ phải chiếc cà vạt và nói tiếp, với giọng trầm hơn:

- Tôi đã nhận được cú điện thoại của Langley cách đây hai ngày. Một sự can thiệp của, hừm, cấp cao nhất tại Cục. Họ muốn tiếp nhận hồ sơ và chính thức cấm chúng ta tiếp tục. Theo tôi thì, phi vụ nhỏ mà cô thực hiện ở Seattle đã gây chút sóng gió.

Kerry rùng mình.

- Tôi không hề trách cô. Cần phải làm chuyện đó, và cô đã hoàn thành một cách tốt nhất. Nhưng chắc chắn vụ việc đã đến tai FBI và có lẽ đã có buổi làm việc nghiêm chỉnh giữa hai cơ quan. Chính CIA đã gọi tôi tại Singapore để yêu cầu tôi chấm dứt mọi thứ và chuyển cho họ các kết luận của hai người.

- Ông đã chấp thuận à? - Kerry hỏi.

- Hai người cứ yên tâm, - Archie nói, - vì chủ đề này là mối quan tâm đặc biệt của họ, nên họ sẽ thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng. Và tôi chắc chắn rằng họ rất hài lòng về việc làm của cả hai. Vào giờ này, chắc họ đã nhận được báo cáo mà tôi đã bảo Providence gửi đi.

Paul cảm thấy chẳng còn gì để làm nữa. Anh chỉ muốn tránh để Kerry đấu tranh vô ích do tức tối và cay cú. Anh biết cô chịu đựng kém hơn anh những nhắc nhở của kỷ luật kiểu này. Nói thật ra, đáng lẽ cô đã phải quen với nó. Hai người biết quá rõ nó trong cái nghề này, và cũng chính bởi nguyên nhân ấy mà họ đã giải nghệ. Tất cả bắt đầu trong sự hăng hái: sau một màn khởi đầu theo hiệu trống là những kết quả đầu tiên. Nhưng vào thời điểm thu về lợi tức của những nỗ lực trên, bỗng có một cú giật dây xích cổ!

Anh nhìn Kerry chăm chú. Trong một thoáng, anh đã tưởng cô sắp nhảy xổ vào Archie, đánh ông, gây ra một vụ tai tiếng. Nhưng trước sự ngạc nhiên quá đỗi của anh, cô chẳng làm gì hết và bình tĩnh trở lại. Cô thậm chí còn đủ sức để quay sang ông già và mỉm cười.

- Mấy đứa con tôi sẽ hài lòng lắm đây. - Cô nói với giọng bình tĩnh lạ lùng. - Chúng sẽ gặp lại mẹ sớm hơn dự kiến.

Archie cười tế nhị trong lúc khuấy cái thìa cà phê nhỏ trong tách để giấu đi sự lúng túng của mình. Ông vẫn chưa hoàn toàn chắc là cô thành thật và không nhảy bổ vào mình.

- Ngoài ra, tôi sẽ gọi chúng ngay lập tức. Chắc chúng nó đang dậy rồi.

Kerry đứng lên, điện thoại kề tai, chân bước ra xa trong sảnh.

- Một phụ nữ phi thường. - Archie vừa nói vừa lắc đầu.

Đáng lẽ ông đã đẩy đưa thêm vài câu khen ngợi và hỏi Paul về

MÙI ADAM

mối quan hệ thật sự giữa hai người. Nhưng thời điểm này là không thích hợp. Ông quyết định nén lại.

- Tôi và hai người bạn nghị sĩ đã đặt trước chuyến bay đặc biệt về Washington tối nay. Chúng tôi có thể cho cậu và Kerry đi cùng, nếu hai người muốn?

Paul sững sờ trước cái kết thúc sớm và đột ngột ấy. Anh vẫn còn chưa nhận ra được điều đó có nghĩa là gì. Anh cảm thấy mình giống như một người leo núi bị người ta cắt ngang chuyến chinh phục đỉnh cao để đưa anh ta xuống chân núi.

Trong khi đó, Kerry đã gấp điện thoại lại và quay về chỗ họ, lắc đầu nói:

- Tôi quên khuấy đi mất. Bọn trẻ đang nghỉ và bố chúng đã đưa chúng sang bên nội ở Sacramento chơi suốt tuần này.

Paul hờ hững nghe thông tin này, rồi bỗng dừng anh sững người, mắt nhìn cô không chớp. Rob! Ở Sacramento á? Theo những gì anh biết, chồng Kerry có gốc gác ở Toronto và Saskatchewan. Thêm vào đó, cô đã kể là anh ta đưa bọn trẻ về Canada.

- Tôi vừa đề nghị Paul đi cùng máy bay tối nay.

- Ý hay đấy. Hai người cứ đi đi. Còn tôi, vì không có gì phải gấp gáp, tôi muốn đến Milan để mua sắm tí chút.

Archie đứng dậy, hoàn toàn sung sướng vì đã lại thấy trước mặt một phụ nữ theo đúng sở thích của mình, phù phiếm và đáng yêu, trong lúc ông cứ lo sẽ phải đối đầu với một cô nàng cứng đầu cuồng loạn. Ông cầm lấy tay Kerry và lịch thiệp đưa nó lên môi.

Cô cười một cách quyến rũ, tuy có hơi khờ khạo, đúng như ý của Archie.

- Em về khách sạn. - Cô nói với Paul - Anh ghé về lấy đồ chứ?

- Ngay lập tức. - Anh đáp, vẫn chưa hết bàng hoàng. - Để anh đưa em về.

- Cứ thoải mái đi. - Archie ủng hộ. - Mãi tận sáu giờ tối tôi mới ra sân bay. Cứ từ từ, cậu Paul yêu quý ạ. Tôi sẽ đợi cậu tại đây, trong sảnh khách sạn.

Ngay lúc ấy, ở gần hành lang rộng dẫn tới phòng hội thảo, Archie đã nhận ra mái đầu bạc của ngài Landby, mà ông nhất định phải đến chào. Sau khi đã thu xếp xong vụ việc với Paul và Kerry, ông quay gót và nhanh chóng bước đi, lấy lại dáng vẻ lịch lãm hoàn toàn thích hợp cho việc tiếp xúc với những nhân vật có trình độ học vấn uyên thâm.

VIII



Sa mạc Colorado, Hoa Kỳ.

Suốt một tuần lễ sau chuyến cưỡi ngựa trong sa mạc cùng Harrow, Juliette thấy quá trình biến đổi tinh thần trong cô vẫn tiếp tục diễn ra. Cô trở về từ chuyến đi ngắn ngủi ấy trong tình trạng mệt mỏi, nhưng bình tĩnh hơn, ít phải chịu những thay đổi tâm lý và những đợt khủng hoảng vì lo lắng. Trạng thái sảng khoái vẫn luôn còn đó, cũng như khuynh hướng hiếu động mà tại ngôi nhà trong hang này đã chuyển thành sự mất kiên nhẫn. Nhưng nhìn chung, cô cảm thấy khá hơn nhiều.

Ngược lại, cô nhận ra trong suốt những tuần lễ kể từ vụ Wroclaw, cô đã ở trong một trạng thái đáng lo ngại tới mức nào. Lúc đầu, cô vẫn còn dùng một vài loại thuốc. Nhưng rất nhanh chóng, sự phấn khích đã dẫn tới mù quáng. Sức lực cô càng suy giảm thì cô lại càng cảm thấy mình khỏe, và càng không nghĩ tới việc tự chăm sóc bản thân.

Bây giờ khi có một sự nhìn nhận đúng đắn hơn những gì đã xảy ra, Juliette bỗng thấy sợ. Cô đủ sáng suốt để biết mình vẫn còn rất yếu ớt. Ý nghĩ về một sự tái phát đeo bám lấy cô. Vậy mà nhất thiết bằng mọi giá người ta phải có thể tin tưởng ở cô. Cô muốn chứng tỏ mình xứng đáng với nhiệm vụ trong mắt Ted.

MÙI ADAM

Hắn vẫn chưa nói cho cô biết chính xác hắn chờ đợi gì ở cô. Đó là luật chơi, và cô chấp nhận. Nhưng tự dưng cô lại tưởng tượng ra những thử thách phi phạm. Biết đâu cô sẽ phải đương đầu với những điều kiện khắc nghiệt - thiếu tiện nghi, thiếu ngủ, bị đe dọa, biết đâu cô sẽ bị tra tấn... Tâm lý mong manh và bất ổn của cô liệu có cho phép cô kháng cự lại được không? Cô sợ là không.

Điều đó dẫn Juliette đến chỗ uống thuốc trở lại. Cô đã mang theo vài lọ thuốc an thần, phần còn sót lại trong toa thuốc đã được kê cho cô sau đợt nhập viện. Cô biết tác dụng của những thứ thuốc gây nghiện này. Chúng khiến cô có cảm tưởng như mình là một con thuyền đang chạy chậm lại và chìm dần xuống nước. Khi quá trình ấy chấm dứt, sẽ xuất hiện nguy cơ ngược lại: tâm trạng bị lệch hướng sang tuyệt vọng, bi quan, tự ghê tởm chính mình và mọi người.

Giữa hai kiểu khủng hoảng, Juliette đã quyết định sẽ đương đầu với cái sau. Ở bên cạnh Harrow, cô không phải sợ sẽ bị lâm vào tình trạng u uất đau khổ đã đeo bám cô thường xuyên trong những năm tháng đi học hay trong cuộc sống cô độc ở Chaulmes.

Juliette nhận ra mình đã đặt vào Ted những hy vọng quá lớn và có thể không tương xứng. Cô đang nhìn thấy hắn ta đúng như con người hắn, hay cô đang tạo dựng nên một hình ảnh lý tưởng giả tạo? Cô đã yêu hắn chăng?

Hắn thường xuyên đi vắng và suốt nhiều giờ liền cô nằm dài trong phòng nghĩ về chuyện này. Juliette đi đến kết luận rằng tình cảm cô dành cho Harrow không phải là tình yêu, dù sao thì cũng không phải thứ tình yêu mà từ trước đến giờ cô biết. Cô hoàn toàn không mong muốn xóa đi khoảng cách giữa cô và hắn. Sự ngưỡng mộ, niềm tin cô dành cho hắn đã sinh ra từ ý thức giữ khoảng cách ấy. Harrow cùng với tất cả những gì hắn đại diện có lẽ sẽ lu mờ đi nếu như có yếu tố xác thịt len vào mối quan hệ của họ. Có thể chuyện sẽ khác đi nếu hắn là người đặt vấn đề trước. Rõ ràng là cô không đủ sức kháng cự lại hắn. Nhưng Ted vẫn luôn xa cách và lạnh lùng như ngày đầu. Hắn về rồi lại đi, dành hàng giờ ngồi trước

máy vi tính hoặc gọi điện thoại. Hắn có những cuộc hẹn kéo dài cả ngày. Hắn đi cùng một trong số những người da đỏ và hình như hắn có một chiếc xe hơi ở đâu đó để phục vụ cho việc di chuyển.

Một hôm, hắn quên không tắt máy vi tính và một danh sách thư điện tử xuất hiện trên màn hình. Cô tránh không mở chúng. Cô quá tôn trọng hắn, nên không thực hiện một hành động đáng khinh đến thế. Cô cứ mong rằng sự hiện diện lặng lẽ của Raul, người luôn luôn ẩn mình trong bóng tối ở những nơi người ta không ngờ đến, sẽ ngăn cản cô làm chuyện này. Nhưng dù không tiến lại gần, Juliette cũng đã nhìn vào màn hình. Những bức thư điện tử đến từ khắp nơi trên thế giới: Trung Quốc, châu Phi, châu Âu. Cô tự hỏi liệu rốt cuộc có phải Harrow đã cố ý để máy tính mở ra ngay trang thư điện tử không. Việc này rất hợp lý nếu căn cứ vào cung cách hiệu quả và kín đáo của hắn. Có lẽ bằng cách ấy hắn muốn cô biết rằng tổ chức mà từ nay cô gắn bó có tầm vóc toàn cầu.

Điều đó cũng cho thấy chiến dịch mà hắn đang lên kế hoạch sẽ có quy mô lớn, phức tạp và đòi hỏi lòng kiên nhẫn.

Vào những khoảnh khắc hiếm hoi mà hắn không bận bịu, Harrow hỏi Juliette về những gì cô đã đọc được. Hắn bảo cô quan sát các ngôi sao qua kính thiên văn luôn được đặt sẵn trên chiếc giá ba chân nằm ở một góc sân. Harrow không nói với cô về chiến dịch sắp tới, và cô cũng tự đặt ra nguyên tắc không chất vấn hắn. Chỉ một lần, cô đã hỏi hắn liệu hắn có sợ nơi ẩn náu này bị phát hiện. Những chuyến đi về ở chốn hoang vu này có thể sẽ gây ra nghi ngờ. Rồi tất cả những trang thiết bị được cất giữ tại đây, giữa hoang mạc... Và tất cả những thông tin liên lạc với toàn thế giới nữa?

Đó không hoàn toàn là biểu hiện của sự tò mò, mà đúng hơn là sự quan tâm chân thành đối với Ted, ẩn sâu bên dưới là nỗi lo sợ rằng kế hoạch của họ sẽ thất bại, khiến tất cả những khao khát hành động của cô bị dập tắt.

Harrow lắng nghe câu hỏi của cô vẫn với vẻ mặt thản nhiên. Câu trả lời của hắn đã khiến cho Juliette suy nghĩ mãi suốt cả một ngày sau đó.

MÙI ADAM

- Người ta chỉ theo dõi những gì khiến họ sợ. - Hấn nói.

Và rồi hấn khép đôi mắt xanh lại một lúc lâu như mỗi khi muốn che giấu cảm xúc của mình, hấn nói thêm:

- Người ta không sợ hãi những gì họ không thể tưởng tượng ra được.

Vẫn như mọi khi, đó là một câu nói vòng vo, không trả lời thẳng vào câu hỏi của Juliette. Rốt cuộc, sự theo dõi nhằm vào hai người nếu có chăng cũng không nhất thiết phải có liên hệ với kế hoạch của họ. Cảnh sát có thể nghĩ rằng họ chỉ là những kẻ mảnh mung hoặc một tốp khủng bố nước ngoài nhỏ.

Nhưng Harrow nhận ra câu hỏi của Juliette là một cách bóng gió để hỏi hấn về chiến dịch đang triển khai. Hấn cho cô một manh mối vừa không làm lộ bí mật, lại vừa giúp duy trì lòng nhiệt tình và sự nôn nao của cô. Chiến dịch mà hấn đang dẫn dắt không phải là một việc đã được biết đến hoặc đã từng được thấy. Đó là một kế hoạch hoàn toàn mới, ngoài tầm tưởng tượng.

Tiết lộ này đã gây ra hiệu quả như mong muốn. Trong hai ngày Juliette quay cuồng với ý tưởng ấy trong đầu. Cô không đặt ra thêm câu hỏi nào khác.

Lộ trình bằng phẳng dẹt bởi sự chờ đợi và mơ mộng ấy đột ngột chấm dứt vào một buổi sáng. Khi thức dậy, Juliette thấy Harrow ngồi ngoài sân, vẻ mặt u ám. Cô ngồi vào bàn trước mặt hấn, và trái với lệ thường, hấn hỏi cô ngay lập tức:

- Cô có nói chuyện với ai trước khi lên đường không?
- Trước khi lên đường từ đâu?
- Từ Pháp ấy.

Cô dò xét khuôn mặt hấn một lúc lâu.

- Đừng có lại bắt đầu thăm vắn nữa nhé! Tôi có cảm tưởng như mình vẫn đang ở Nam Phi ấy. Có chuyện gì mới sao?

- Có người tìm cô.
- Ai?
- Tôi không biết.

Cô nhún vai, với tay cầm lấy ấm trà để rót vào ca.

- Những người được thông tin kỹ càng, có vẻ như thế. Họ biết Jonathan và cũng biết vụ Wroclaw là do cô làm.

- Cớm à?

- Ít có khả năng.

- Người Pháp?

- Mỹ.

- Chỉ có FBI. Chắc họ đang theo dõi các anh, phải không?

- Điều này thì chúng ta có thể chắc chắn: đó không phải là FBI. Chúng tôi có vài người bạn ở đó có thể báo tin cho ta biết. Họ để chúng tôi yên kể từ khi chúng tôi rời One Earth.

- Anh có nghĩ là những kẻ đó có thể lần ra chúng ta không?

- Có thể. Nhưng vẫn còn vài vật cản.

Harrow nói một cách từ tốn, không có chút thù nghịch nào trong giọng nói của hắn cả. Tuy nhiên Juliette có cảm giác hắn coi việc này là cực kỳ nghiêm trọng.

- Cần phải bắt đầu hành động sớm hơn dự kiến. - Hắn nói.

- Bao giờ?

- Sáng ngày mai. Và cô sẽ là người thực hiện. Cô sẽ đi lấy cái lọ ở nơi cô đã giấu.

♦ ♦ ♦

Turin, Ý.

Sau khi chia tay với Archie, Kerry và Paul vẫy một chiếc taxi đang chạy rề rà kiếm khách trên đường. Đó là một chiếc Giulietta Ti đời bảy mươi và người tài xế quý nó còn hơn vàng. Ông ta dễ phải gần tám chục tuổi, mắt đeo kính đen, tay xỏ găng tay da bê thuộc, mỗi lần ôm cua là một cú lết bánh. Màn biểu diễn này bình thường vẫn khiến Paul thán phục, nhưng lần này anh chỉ ngồi thừ ra trên băng ghế bọc da và buồn bã liếc nhìn những mặt tiền nhà xây gạch đỏ loang loáng nước mưa lướt qua.

MÙI ADAM

- Anh sao thế? - Cuối cùng Kerry hỏi anh, khuôn mặt cô tươi cười và thư giãn.

Paul nhún vai.

- Chẳng lẽ anh phải vui sướng với cái kết thúc thảm hại của vụ này hay sao?

- Kết thúc nào?

Anh nhìn Kerry một lúc để xem liệu cô có đang chế giễu hay không, nhưng cô có vẻ hoàn toàn làm chủ mình.

- Ý em là sao?

Cô quay sang anh. Để tận hưởng mùa xuân miền Piemonte, cô đã chọn một chiếc váy mỏng hồ vai và chải một kiểu tóc tết phức tạp quanh đầu. Kerry là như thế, với khả năng nắm bắt những ảnh hưởng của môi trường và địa điểm, cô có thể trở nên Ý hơn cả người Ý, để rồi thoát cái đã có thể mặc bộ quân phục bằng vải gai thô tham gia nhảy dù, nếu cần. Không có cái nào trong số vô vàn những khuôn mặt ấy là gói gọn được toàn bộ con người cô. Đó không phải là một cuộc tìm kiếm bản thân nhọc nhằn, mà chỉ là một trò chơi, một niềm vui, dấu hiệu của một nỗi khát khao những lạc thú và cái đẹp của cuộc sống.

- Hợp đồng của chúng ta đã chấm dứt. Chúng ta được tự do. Chẳng phải con lợn già Archibald đã nói thế sao?

Paul hoàn toàn tán thành và chờ nghe cô nói tiếp.

- Sự tự do mà ông ta từng muốn tạo ra cho chúng ta ấy, chúng ta chưa bao giờ mất nó cả, theo như em được biết. Chúng ta không phải là nhân viên của ông ta, và cũng chưa bao giờ là như thế. Chúng ta hoàn toàn tự do chấp thuận giúp ông ta trong một vụ điều tra khó khăn. Ông ta thái hồi chúng ta, thì đó là việc của ông ta.

Cùng với một tiếng rú của động cơ, họ đã đến quảng trường hình bát giác có hàng cột bao quanh. Một vệt nắng đã chọc xuyên qua màn mưa. Hơi nước bốc lên từ lớp đá hộc lát đường, và các mảng xanh mở rộng dần trên bầu trời.

- Nhưng việc lựa chọn làm gì tiếp theo sẽ chỉ tùy thuộc vào chúng ta.

- Ý em là chúng ta vẫn tiếp tục bất chấp mọi chuyện?

- Anh đã quyết định ngừng lại à?
- Không.
- Tốt thôi, em cũng thế.

Hai người nhìn nhau và phá lên cười.

Họ đã đến trước cửa khách sạn. Người tài xế dừng xe với một cú lết bánh. Ông ta nhìn đồng hồ trước tiên thay vì máy tính tiền cước, để kiểm tra thời gian mình đã chạy. Mặc dù ánh nắng đang tràn ngập, cơn mưa vẫn đang cố phản đòn bằng từng loạt nước âm áp. Paul chìa cho Kerry một chỗ trong chiếc áo mưa. Hai người chạy về khách sạn rồi lên phòng. Mỗi người lần lượt đi tắm rồi thay quần áo. Kerry mặc quần dài trắng cùng chiếc áo sơ mi thanh lịch được khéo léo cột lại quanh eo, cô đến tìm Paul tại phòng anh. Cô đến ngồi xuống ghế bành, trong lúc anh nằm gác tay sau đầu trên giường, quần mình trong chiếc áo choàng trắng bằng vải xốp dày và mềm mại của khách sạn và lắng nghe cô nói.

- Ưu tiên số một là tìm ra cô gái. Cần phải đến địa chỉ ở New York mà Jonathan đã cho ta biết. Chúng ta đã không kịp báo cho Providence về manh mối này và bây giờ thì đã quá trễ. Đành tự thân vận động thôi.

- Anh tự hỏi địa chỉ này là nhà riêng hay một tổ chức môi trường?
 - Coi chừng, đây có thể là một cái bẫy. Cần phải tự chế ra một cái vỏ bọc nho nhỏ để tiếp cận nó. Và tốt hơn là em nên tránh đi vì bây giờ người ta đã biết mặt em.

- Ở One Earth.

- Và những chỗ khác nữa, có thể lắm. Tin tức bay rất nhanh trong những nhóm như thế này.

Vừa nói Kerry vừa vô tình mân mê vạt áo. Còn Paul dù muốn hay không vẫn nghĩ đến cô nàng Juliette mà anh đã cảm thấy sự hiện diện kỳ bí xung quanh họ, mỗi lúc một gần hơn, người nắm giữ chìa khóa của vấn đề. Trừ phi cô ta cũng chỉ là một món đồ chơi được điều khiển dưới tay kẻ khác.

- Tối nay ngài Archibald sẽ đưa anh về New York, - Kerry nói tiếp. -

MÙI ADAM

Ngay khi ông ta chia tay anh thì thay vì bắt chuyến nội địa về Atlanta, anh hãy đi taxi đến Manhattan.

- Thế còn em?

- Em chỉ có một mong muốn, đó là được ở cùng anh. Nhưng dù vậy em vẫn phải làm một chuyến đi ngắn tại châu Âu trước khi gặp lại anh.

- Đi ngắm đồ ở Milan...

- Không hẳn thế. Được thế đã tốt. Không, anh nghe này, đêm qua, trong khi anh ngủ, em đã hơi trần trọc một chút nên em đã lọc lại mớ thư từ mà Tycen đã gửi cho chúng ta mấy ngày vừa rồi. Trong đó có một điều rất đáng chú ý về tay giáo sư ở Wroclaw.

Paul vừa hiểu ra Kerry đã đi trước anh một đoạn xa, nhưng lúc này thì anh mặc kệ.

- Anh nên biết rằng Rogulski không chỉ làm việc ở Đông Âu. Năm 1972, ông ta đã nhận được một suất học bổng ở một trường đại học tại Áo trong hai năm.

- Thế thì sao? - Anh nhớ nhé.

- Thì, anh đoán xem ông ta đã theo học gì nào. Triết học. Với một ông Conrad Fritsch nào đó. Việc này có nói lên điều gì với anh không?

- Không.

- Em cũng vậy. Bởi vì chúng ta không học sâu về môn triết, em nghĩ thế.

Paul công nhận, nhưng anh không hề có ý định sửa chữa việc đó.

- Em đã lên mạng tìm hiểu và anh biết em đã tìm thấy gì không? Cái ông giáo sư Fritsch này là một trong số các cha đẻ của môn triết học môi trường. Ông ta đã viết nhiều quyển sách nền móng cho cái mà chúng ta gọi là sinh thái học bề sâu. Ông ta có ảnh hưởng lớn đến các chương trình đại học trên toàn thế giới.

- Thì sao?

- Cần phải thử tìm hiểu kỹ hơn một chút các mối quan hệ của giáo sư Rogulski và đến gặp cái ông giáo sư Fritsch kia. Ông ta đã tám

mười tám tuổi rồi đấy. Biết đâu ông ta là cầu nối mà chúng ta còn thiếu giữa tay bác học người Ba Lan và nhóm sinh thái học bên Mỹ. Tất nhiên là nếu giữa họ có tồn tại một mối liên hệ.

- Vậy là em sẽ đi Áo?

- Em chỉ ở đó trong một thời gian tối thiểu. Theo ý em, chậm nhất là sau ba ngày chúng ta sẽ tái ngộ ở New York.

♦ ♦ ♦

Philadelphia, Pennsylvania.

Nói chung, làm cốm ở Philadelphia không phải là một điều đáng ao ước. Đó là một thành phố thanh bình giả tạo: ai cũng nghĩ bạn ngồi mát ăn bát vàng, trong khi bạn phải làm việc ngang ngửa, thậm chí nhiều hơn cả ở Miami hoặc Chicago nữa. Cũng may là đến giai đoạn cuối của sự nghiệp, người ta vẫn có thể tìm được vài chân trực gác. Và Burton Hopkins, ở tuổi sáu mươi hai, đã thành công trong việc giành lấy chỗ tốt nhất trong số đó: gác Đài tưởng niệm.

Như thế nghĩa là ông ta có thể thanh thản rảo bước trên một quảng trường nhỏ trồng nhiều cây xanh, nơi mà tất cả những gì thuộc về bạo lực chỉ gói gọn lại trong vài màn đấu khẩu nhẹ nhàng giữa mấy bà già và con chó của họ. Burton thường xuyên bị chụp ảnh đứng trước tượng đài bởi đám khách du lịch, đến nỗi đôi khi ông có cảm tưởng như mình cũng là một phần của di sản. Với phong cách lễ độ, cái bụng vượt qua khỏi chiếc thắt lưng cảnh sát và một bộ râu tươi tốt khiến trẻ con phát sợ, ông thuộc về một thời đại đã tàn, khi mà cảnh sát được tôn trọng, được quan tâm và thỉnh thoảng còn được yêu quý nữa.

Thêm vào đó, nhà ông ở cách đây không xa và ông luôn đi bộ đến Đài tưởng niệm để hít thở không khí của đường phố, những mùi hương của các mùa trong năm. Mùa xuân có thứ mùi làm ông thích nhất. Ở Pennsylvania, xuân đến muộn nhưng đột ngột, như một người bạn đến chơi không báo trước vào lúc mà người ta không còn trông đợi nữa.

MÙI ADAM

Cùng với tuổi tác, Burton không cần phải canh chừng các vụ vi phạm nữa. Ông luôn hếch mũi lên trời để quan sát bầu trời xanh tái chen giữa những tòa cao ốc ốp kính. Vì thế nên sáng hôm đó, ông không để ý đến một chiếc xe Chevrolet đậu trước một lối vào gara. Sau khi ông đã vượt qua khỏi chiếc xe, cửa xe bật mở và một cô gái bước xuống. Tóc nâu, thân hình rất mảnh dẻ bọc trong chiếc áo choàng hơi quá rộng, cô bước thật nhanh và chỉ sau một khối nhà đã bắt kịp ông cảnh sát già.

- Chú Burt ơi. - Cô trêu mếu gọi.

Ông quay lại, nhú mày với một nét mặt bức dọc nhưng hiền lành, vốn là điệu bộ uy quyền của ông.

- Juliette!

Ông ôm lấy hai vai cô gái rồi hôn lên đôi má. Lập tức sau đó ông ném những cái nhìn lo lắng ra chung quanh để xem có ai chứng kiến sự vi phạm tính nghiêm túc trong công việc của ông hay không.

- Cháu làm gì ở Philadelphia vậy?

- Cháu đã viết cho chú là có thể cháu sẽ ghé qua mà. Chú có nhận được thư của cháu không?

- Còn cả cái gói của cháu nữa chứ! Chú cất nó cẩn thận ở nhà. Cháu ở đây được bao lâu?

- Tối nay cháu lại đi rồi.

- Ái chà chà! Louise thì đang ở nhà bà di bên Baltimore đến hết tuần. Đáng lẽ cháu báo trước thì tốt.

- Cháu không chắc sẽ đến ngày nào. - Juliette áp úng, mắt cụp xuống.

- Trời ạ, cháu vẫn y như thế, - ông Burton nói, giọng bỗng run lên vì những hồi ức ngày trước.

Khi lần đầu tiên Juliette đặt chân đến Philadelphia, cô chỉ mới có mười tám tuổi. Cô đã phải đấu tranh đến cùng với bố mẹ để được đi, nên đành phải bằng lòng với địa chỉ cuối cùng mà bởi một tổ chức chuyên thu xếp các chỗ ở trọ đối công đề nghị. Người ta đã cảnh báo trước là cô sẽ không gặp được một chỗ tốt. Cô được phân đến nhà của một viên cảnh sát quèn có vợ bị liệt, và đang phải nuôi đứa cháu gái

tên Louise từ sau khi cha mẹ nó bỏ nhau. Đây chính là điều mà Juliette đã cố tình giấu kín không cho những kẻ thẩm vấn tại Nam Phi biết: mối quan hệ với một ông cảnh sát già người Mỹ luôn coi cô như con.

Kỳ lưu trú của Juliette tại Philadelphia là lần đầu tiên cô được biết đến tình cảm trìu mến. Louise là một đứa bé mười tuổi rất vui tính mặc cho bi kịch mà nó từng trải qua. Còn Burton, sự nghiêm khắc kiểu quaker ông thừa hưởng từ bà mẹ đã được giảm nhẹ rất nhiều nhờ dòng máu Ai Len của bên nội. Nó khiến ông có tình người và cũng rất thích nhấm nháp whisky, nhưng chỉ sau khi mặt trời lặn.

- Đi với chú đến Đài tưởng niệm nào. Dù sao thì cháu cũng phải kể cho chú nghe một chút về cháu.

- Không được chú ơi. Cháu rất tiếc. Chắc chắn tháng tới cháu sẽ lại ghé qua chơi trong vài ba ngày, nhưng lát nữa là cháu lại phải lên máy bay rồi. Lúc này là mùa xuân, và người bạn làm vườn mà cháu đã nói với chú cần phải gieo hạt ngay bây giờ. Cháu đến chỉ để lấy các hạt giống. Chúng ta sẽ gặp lại nhau sau.

Burton nhú mày.

- Nếu cháu muốn nghe ý kiến của chú thì cái vụ hạt giống này không đứng vững được đâu.

Juliette run lên. Cô vừa định đáp lại thì ông cảnh sát già đã tiến lại gần và dứ một ngón tay vào cô.

- Trong vụ này có yếu tố tình cảm. Đúng không nào?

Cô nhẹ nhõm ra mặt. Ông thì lại thấy đó là biểu hiện của sự khó chịu.

- Cháu ngạc nhiên hả! Không ai qua mặt nỗi chú về vụ này đâu. Chú đã trải qua ba mươi năm trong ngành cảnh sát, sao lại không biết cách nhận ra một kẻ phạm tội.

Juliette chớp chớp mắt tỏ vẻ rất kinh ngạc rồi cụp mắt xuống.

- Đi nào, cháu đã bị bắt. Đi theo chú đến Đài tưởng niệm. Từ đây đến đó, chú sẽ bắt cháu khai thật. Cậu ta tên là gì?

Ông Burton và Juliette cùng bước, tay trong tay như thể sắp khiêu vũ.

- Dạ... Simon.

- Cậu ta sống ở đâu?

MÙI ADAM

- Ở... Wyoming ạ.

- Thế thì chú hiểu rồi. Mùa vụ ở đó ngắn lắm. Trời lạnh lâu mà. Cháu mang hạt giống cho cậu ấy nhanh lên.

Bỗng ông dừng lại và nhìn Juliette một cách nghiêm khắc.

- Chú cứ nghĩ rằng cháu đã bắt chú vi phạm điều luật liên bang.

- Cháu xin lỗi chú. Nhưng với ba cái vụ cúm gia cầm, bò điên...

- ... và bệnh lở mồm long móng nữa, chú biết, bọn họ phát rồ cả lên với việc nhập khẩu các sản phẩm sinh học.

Rồi ông nghiêm túc trở lại:

- Nhưng cái đó là vì sự an nguy của mọi người. Hơn nữa, luật là luật.

Ông vừa bước đi vừa làu bàu.

- Ethel không còn ở nhà nữa, cháu biết đấy. Chú đã phải đưa bà ấy vào viện. Dĩ nhiên là tối nào chú cũng ghé qua thăm. Đi xe buýt mất độ một tiếng.

Ông thở dài.

- Nhưng ở nhà cháu sẽ gặp bà Brown, người giúp việc. Chú sẽ gọi điện thoại để báo cho bà ấy biết là cháu ghé qua. Bà ấy sẽ giao cho cháu cái hộp.

Juliette nhón người bá lấy cổ ông già rồi hôn lên má ông.

- Cám ơn chú. Cháu yêu chú lắm.

Viên cảnh sát già chỉnh lại cái mũ và lần này thì cố ngăn mình đưa mắt nhìn quanh. Xét cho cùng thì việc được một cô gái dễ thương như thế hôn lên má cũng đâu phải là tội ác.

- May mà đây là cây hoa bia. - Ông lẩm bẩm.

- Nhưng không phải là giống tầm thường, cháu đã giải thích với chú rồi đấy. Nó là một giống quý hiếm cho ra loại mạch nha hảo hạng của vùng Flanders. Với nó, Simon sẽ sản xuất ra loại bia ngon nhất Mỹ. Và cháu sẽ mang cho chú cả một thùng bia to.

Burton nhún vai.

- Dù sao đi nữa, tin chú đi, - ông làu bàu, - nếu là mấy cái củ uất kim hương vớ vẩn thì chú đã không đồng ý dễ dàng như thế đâu.

PHẦN BỐN



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

I

Hochfilzen, Áo.

Tuyết vẫn rơi trong thung lũng Tirol. Mùa xuân chưa đủ sức đuổi chúng đi. Trên sườn phía đông bắc, cho đến tận mép những con đường, vẫn còn những đụn tuyết bản đóng băng bên cạnh đám cỏ đã chớm xanh.

Kerry đã thuê một chiếc xe hơi ở Salzburg, việc này khiến cô mất cả một buổi chiều trong cơn ác mộng mang tên Mozart. Wolfgang Amadeus hiện diện ở khắp mọi nơi, trên các bảng hiệu, các thời số cô la, những tấm áp phích quảng cáo. Cô đã chạy trốn trên chiếc xe Ford Fiesta, nhưng vẫn còn chưa thoát được: chiếc móc chìa khóa treo lưng lửng nơi công tắc điện mang hình ảnh khuôn mặt nhìn nghiêng của thiên tài âm nhạc nhỏ tuổi.

Thị trấn nơi giáo sư Fritsch ở nằm trên núi, cách hai mươi cây số đường ngoằn nghèo từ lối rẽ khỏi đường cao tốc gần nhất. Kerry băng qua nhiều ngôi làng gần như không người và những nhà thờ mang phong cách Ba rốc đồ sộ một cách phí phạm. Áo là một đất nước có quá khứ quá to lớn đối với nó.

Ngày mới bắt đầu dưới bầu trời âm u. Đến lúc Kerry sắp tới nơi, chân trời đã dần sáng rõ. Khi ngược mắt lên, cô nhìn ra được đường nét hòa quyện giữa băng và mây trong một mớ hỗn độn màu trắng. Cuối cùng, khi cô đến nơi, trời rất đẹp. Những đỉnh núi thuộc dãy Kaisergebirge lấp lánh phía đằng xa.

Ngôi nhà của giáo sư Fritsch hơi tách biệt so với ngôi làng. Nó ôm lấy toàn bộ quang cảnh, từ những ngọn núi bên cạnh cho đến

MÙI ADAM

thành cổ Kitzbühel và thị trấn St. Johann in Tirol, nằm sâu dưới những thung lũng mờ sương. Những con bò phải luồn lách qua các mảng tuyết để gặm cỏ tươi. Trên ban công nhà, những khóm phong lữ vừa mới được trồng theo phong trào giống như trên khắp cả nước đang khoe những nụ hoa nhỏ màu đỏ tươi.

Kerry đậu xe trên một khoảnh đất đã được dọn tuyết nằm sát bên cạnh ngôi nhà. Cô men theo lối đi trái sỏi cho đến cửa ra vào nằm nhô ra ngoài vườn. Cơn gió nhẹ mang theo tiếng lục lạc từ xa vắng đến. Những khu rừng thông nhuộm thắm màu các sườn núi phía bên trên các bãi chăn thả tỏa vào không khí mùi nhựa thơm phức. Kerry tự nhủ lúc về cô nhất định sẽ dẫn bọn trẻ đi chơi núi Rocky Mountain vài ngày.

Cô không cần phải bấm chuông. Cánh cửa bật mở khi cô lên đến bậc thang cuối cùng. Một bà to béo khoác áo bảo hộ lao động màu tím nhạt điểm hoa đón cô với nụ cười rộng mở. Mái tóc dày màu vàng nhạt của bà được ép chặt quanh đầu, xịt keo cứng đến độ người ta tưởng như bà đang đội một cái mũ bằng thép có gân.

- Cô nhà báo đến thăm ông giáo sư?

Tiếng Anh của bà ta giống như một túp lều trên núi: một đồng những súc gỗ đẽo vuông thô kệch chẳng đóng đinh cũng không bắt ốc.

Kerry gật đầu rồi đi vào nhà. Ngôi nhà bốc mùi xi sên và nước tẩy rửa. Nếu vài hạt bụi chẳng may có ý định bay lên độ cao này thì chúng sẽ không có cơ hội nào được dừng chân ở nơi này. Kerry theo sau người phụ nữ vào trong một phòng khách nơi mọi thứ đều vừa âm u vừa sáng loáng. Gỗ đánh vec ni, đồ đồng bóng bẩy, những bức tranh vẽ bầy nai bên dòng suối trong rừng bắt lấy chút tia sáng ít ỏi luồn được qua các ô kính cửa sổ và hắt ra những ánh màu vàng. Bà ta bảo Kerry ngồi xuống chiếc tràng kỷ xếp đầy những cái gối thêu tay.

- Giáo sư đến ngay. - Cô uống gì để tôi phục vụ?

Kerry thấy bối rối trước nhân dạng của người đàn bà mang dáng

dấp đàn ông với quai hàm bạnh này. Bà ta là vợ hay là quản gia của giáo sư Fritsch? Việc bà ta cứ luôn miệng gọi “giáo sư” chẳng mang ý nghĩa gì ở nền văn minh Đức này, nơi mà những người chồng đôi khi còn có thể gọi vợ họ là “mẹ nó”. Kerry không có thời gian thắc mắc lâu. Giáo sư Fritsch đã bước vào.

Giáo sư Fritsch là người rất thích hợp với cụm từ đẹp lão. Thoạt nhìn người ta chỉ có thể đoán ông gần chín mươi tuổi. Điều ấy cũng không có gì lạ nếu như ông đã sống cả đời mình tại nơi này. Có thể nói rằng, cũng như những cây xúc xích đảo Corse thấm đẫm thứ mùi của tất cả những loại rau thơm mà lữ heo trên đảo đã ăn, người ta không thể nào sống ngọt ngào một thế kỷ trong những thung lũng này mà không nhiễm những tính chất của nó cho tới tận từng chi tiết. Mái tóc dài dợn sóng của ông có màu trắng của tuyết; mũi ông, cũng như cung mày và cằm, có những đường nét góc cạnh của núi đá. Sâu trong đôi mắt to bí hiểm và chất phác là thứ màu xanh nhạt của băng, nhưng nó lại nhuộm cho chúng một sắc thái nồng ấm khá mượt mà.

Đối với những người khác, có lẽ ông đã gây được ấn tượng tốt. Giáo sư Fritsch là hiện thân của lòng nhân từ và sự thông thái, một người ông mà ai cũng muốn có. Nhưng Kerry thừa hưởng từ mẹ mình sự cảnh giác bản năng nơi những người đàn ông trong nhà thờ nói chung và những mục sư đạo Luther nói riêng. Sự dè chừng ấy chắc đã bắt nguồn từ những tranh cãi tôn giáo xa xưa ở Trung Âu, quê hương của bà. Đối diện với Fritsch, Kerry lập tức cảm thấy phải đề phòng.

- Quý cô đến từ New York cơ à. Tôi xin chào mừng cô. Và tôi rất vinh hạnh khi được cô chẳng quản đường xa đến đây thăm hỏi.

Theo tiểu sử trên mạng thì giáo sư Fritsch đã có ba năm thỉnh giảng tại đại học Charleston. Vì thế mà tiếng Anh của ông có kiểu dài dòng đó. Ngữ âm tiếng Đức tạo cho ông một tốc độ nói đều đều và chậm, một điều thường thấy ở các vị mục sư Tân giáo, khi họ không nói về các tội lỗi.

MÙI ADAM

- Nếu cô muốn, buổi phỏng vấn của chúng ta sẽ thoải mái hơn trong phòng làm việc của tôi. Hilda, bà nghe thấy không? Chúng tôi vào phòng làm việc đây. Tôi chưa giới thiệu với cô thiên thần hộ mệnh của mình. Hilda chăm lo cho tôi từ hai năm nay với sự tận tụy lớn lao. Bà ấy rất tử tế khi ngăn không cho tôi làm quá nhiều chuyện ngớ ngẩn.

Phòng làm việc của giáo sư Fritsch cũng ở cùng tầng. Nhìn ra bãi chôn thả qua những tấm vách kính to, có thể thấy nó ngập tràn ánh sáng. Sau khi rời khỏi sự tối tăm của phòng khách, nơi đây khiến người ta có cảm tưởng như đã ra đến ngoài trời. Những bức tường còn lại của căn phòng được chất đầy sách. Trên một cái bàn rộng nằm giữa phòng có rất nhiều tài liệu được xếp cẩn thận thành từng chồng.

- Tôi không còn viết nhiều nữa, nhưng tôi cố đọc và phân loại. - Giáo sư thú nhận như thể ông muốn xin lỗi về một hành động đáng chê trách.

Kerry ngồi xuống một chiếc ghế bành phủ nhung xanh, còn giáo sư Fritsch thì ngồi vào sau bàn làm việc.

- Tôi nghe cô đây, thưa quý cô. Cô muốn chúng ta thảo luận về chuyện gì?

Kerry tránh không nhìn vào mắt ông già. Đó là cái mảnh khỏe cô học được từ mẹ: tránh những cái nhìn của các bậc thánh nhân để không bị đánh lừa bởi sự thuần khiết đáng ngờ của chúng.

- Về ông, thưa giáo sư. Tôi đang viết một loạt bài về những nhà tư tưởng lớn trong lĩnh vực môi trường và tất nhiên với đề tài này thì tôi phải đến gặp ông... Tôi là nhà báo tự do và tôi sẽ đề nghị đề tài này cho tạp chí *Time*.

Cô chìa ra tấm danh thiếp. Fritsch cầm lấy một cái kính lúp to có cán bằng sừng sơn dương để sẫm soi tờ giấy.

- Deborah Carnegie. Rất hân hạnh.

Ông đặt tấm danh thiếp lên mặt bàn và đề cái kính lên.

- Tôi không nghĩ là mình vẫn còn khiến nhiều người Mỹ quan

tâm. Lúc đầu công trình của tôi cũng hơi mang tính khai phá, có lẽ thế. Nhưng từ đó nước Mỹ đã tiếp sức rất hiệu quả.

- Ảnh hưởng về mặt tư tưởng của ông được ghi nhận tới hầu hết những nhà sinh thái lớn ngày nay. Và ông đã đào tạo rất nhiều người trong số họ.

- Đúng vậy! - Giáo sư Fritsch thốt lên.

Vị giáo sư này có cung cách hồn nhiên và duyên dáng khi đón nhận ý kiến của người khác. Mỗi quan hệ của ông với thế giới, mặc cho những kinh nghiệm dỗi dào mà ông có, dường như in đậm dấu ấn của một sự thiện tâm đáng kinh ngạc, sự ham hiểu biết đầy tôn trọng, sự thán phục vô biên trước muôn vàn hình tượng của cuộc sống. Nhưng cần phải có nhiều hơn thế để quyền rũ được Kerry.

- Với thời gian, cô có biết trên thực tế tôi tự hào nhất về cái gì không? Những cuộc thảo luận chuyên đề mà tôi đã dẫn dắt, tất cả những con người trẻ tuổi đã trong ngân ây nằm lặn lội từ xa đến đây để làm việc cùng tôi và lắng nghe những điều mà tôi phải nói với họ.

- Đó chính xác là điều khiến tôi quan tâm đấy ạ, - Kerry khẳng định. - Về công trình của ông thì tôi có thể tham khảo các xuất bản phẩm của ông. Nhưng tôi muốn ghi nhận một vài kỷ niệm trong quá trình giảng dạy của ông và tìm hiểu sự chuyển biến của nó khi tư tưởng của ông phát triển.

-Ồ, tôi sung sướng nhất là được nói về nó đấy!

Tương như Kerry vừa mới tặng cho ông già một món quà Giáng sinh. Tính chất phác của ông già rất tương xứng với những cách biểu hiện hồn nhiên con trẻ nơi ông.

- Ông bắt đầu những buổi thảo luận chuyên đề khi nào?

- Khi tôi rời trường đại học Viên, năm 59.

- Ông đã rời trường... một cách hoàn toàn tự nguyện sao?

- Phải và không phải. Đó là một môi trường tù túng. Cần nhớ là nước Áo đã bị chiếm đóng cho đến tận giữa thập niên năm mươi bởi quân đội đồng minh. Trường đại học bị đặt dưới sự giám sát nghiêm

MÙI ADAM

ngặt. Có nhiều chủ đề chúng tôi không thể bàn đến. Tôi muốn nói tới thiên nhiên. Và thiên nhiên, đối với bọn họ là một đề tài có tính phát xít. Người ta không ngừng gán tôi với Tierschutzgesetz¹ của Hitler...

- Vậy mà ông là người theo cánh tả thì đúng hơn...

- Chuyện đó lại càng không giải quyết được gì, vì ngược lại những người khác nghi ngờ tôi có cảm tình với cộng sản... Không, tôi nói thật, tốt hơn là không nhắc đến giai đoạn ấy nữa. Đối với một tinh thần tự do thì đó là địa ngục.

Ông lắc mái đầu đẹp đẽ của mình như thể muốn tống khứ đi những giọt cuối cùng của lớp bùn ấy. Rồi ông lấy lại nụ cười trong sáng của mình.

- Cuối cùng, tôi tự nhủ rằng tôi chỉ giữ lại những ai biết lắng nghe. Và tôi đã mở một khóa thảo luận chuyên đề ngay tại đây.

- Trong ngôi nhà này sao?

- Không, trong ngôi nhà trước đây. Nó nằm gần Salzburg hơn và rộng rãi hơn một chút. Ở đó có một gian phòng lớn dành cho các buổi đại tiệc săn bắn. Đó là chỗ chúng tôi đã tiến hành các buổi thảo luận.

Ông già nhanh nhẹn đứng dậy và cầm lấy một tấm ảnh trên tường, chụp ngôi nhà cũ của ông.

- Ở đây.

Ông nhìn tấm ảnh một cách trù mến.

- Từ khi mẹ tôi tặng cho tôi chiếc máy ảnh đầu tiên, một chiếc Kodak, vào năm 1925, tôi chưa bao giờ thôi chụp ảnh. Ở tuổi tôi bây giờ, nó thay thế cho trí nhớ đấy.

- Những buổi nói chuyện chuyên đề của ông là về vấn đề gì?

- Lúc đầu, tôi đi từ triết học các môn khoa học, nên tất cả mọi suy nghĩ của tôi đều bắt nguồn từ đó. Tôi đã bị chấn động bởi một phát hiện của các nhà cổ sinh vật học. Hồi ấy, họ đã thành công trong việc phát hiện ra năm giai đoạn thoái triển của các loài sinh vật trong lịch

¹ Luật bảo vệ động vật của Hitler được thông qua ngày 24 tháng 11 năm 1933, nghiêm cấm mọi hành vi bạc đãi thú vật.

sử thế giới. Đó chính là những cái được người ta gọi là các cuộc tuyệt chủng. Thời kỳ nổi tiếng nhất là lúc khủng long tuyệt diệt. Thế nhưng, cũng chính những nhà khoa học đó đã bắt đầu nhận ra vào thời điểm ấy - tôi đang nói đến thời thập niên năm mươi - rằng chúng ta đang đi vào một cuộc tuyệt chủng thứ sáu, trong đó rất nhiều loài động thực vật sẽ biến mất. Điểm khác biệt lớn là ở chỗ năm cuộc tuyệt chủng đầu tiên có nguồn gốc tự nhiên, trong khi cuộc tuyệt chủng thứ sáu mà hiện tại chúng ta đang chứng kiến lại do nguyên nhân con người. Một giống loài - loài người chúng ta - sẽ hủy diệt tất cả những giống loài khác. Đó chính là chủ đề của khóa thảo luận đầu tiên của tôi: sáu cuộc tuyệt chủng. Nghe nó cũng kêu chẳng kém chương trình hành động của Mao chủ tịch.

Giáo sư Fritsch nói chuyện rất mạch lạc, dành nhiều thời gian cho phép người đối diện tiêu hóa từng câu, từng ý tưởng, tựa như một người suốt đời làm công tác giảng dạy.

Kerry thừa biết sự ngoan cố, chắc nịch và hiệu quả một cách đáng gờm trong việc triển khai các ý niệm theo từng bước. Rất khó để phản đối kiểu triển khai lô-gích này ngay cả khi người ta tin chắc nó sẽ dẫn tới những kết luận sai lầm. Sau khi trốn chạy khỏi triết học Đức và nghệ thuật hùng biện nặng nề của chủ nghĩa Mác, gia đình Kerry đã lựa chọn sự linh hoạt đầy mai mỉa của Diderot hay của Voltaire. Còn bản thân cô thì tìm đến sự tự do tư tưởng tại các trường học Mỹ. Đối với cô, óc khôi hài, tốc độ, trực giác đã trở thành vũ khí chống lại sự thô bạo nặng nề của phe xã hội chủ nghĩa, nơi cô xuất thân.

- Ngày nay, những tư tưởng này đã trở nên khá phổ biến, - giáo sư nói tiếp, - nhưng vào thời đó, tôi là người đi ngược dòng. Quan tâm đến cuộc tuyệt chủng thứ sáu tức là đâm đầu ngay vào việc chỉ trích chủ nghĩa cá nhân và sự tự do tàn phá môi trường của con người. Có một ý khá là gây hấn mà tôi đã viết lại trong quyển sách đầu tiên của mình: "Quả thật, bản Tuyên ngôn nhân quyền năm 1789 đã giải phóng con người khỏi sự độc tài và chuyên quyền. Nhưng cùng lúc ấy, nó lại tạo cho họ một sự chuyên quyền và độc

MÙI ADAM

tài đối với tất cả những thứ khác, hay nói chung là đối với toàn bộ thiên nhiên.

- Chính vào thời điểm đó ông đã phục hồi danh dự cho Spinoza trước Descartes...

- Descartes, cái gã tín đồ duy lý đê tiện ấy! Ông ta nhìn nhận động vật như một cái máy đơn giản và không đặt ra giới hạn cho những sản phẩm của tinh thần con người... Chính ông ta là kẻ mắc lỗi lớn, tôi có thể nói là tội phạm lớn!

Giáo sư Fritsch có khả năng bắt chước rất biểu cảm. Khi nhắc tới Descartes, khuôn mặt ông như muốn kêu to: Quý Sa tăng! Giọng ông cất cao và tốc độ nói cũng nhanh hơn.

- Ngược lại, Spinoza là sự hòa hợp của Tất cả, là ý niệm về một Đức Chúa trời lan tỏa, hiện diện trong mọi cá thể, mọi thứ, trong toàn bộ tự nhiên. Đó là điều cần thiết để giữ con người ở đúng chỗ của mình.

- Lúc đầu ông có nhiều học viên không ạ?

- Rất ít. Chỉ có vài người trung thành đã theo tôi từ trường đại học. Nhưng sau đó, tôi đã xuất bản các nội dung của những buổi thảo luận chuyên đề. Dĩ nhiên là không phải ở Áo. Lại một điều là nước Mỹ hóa ra cởi mở hơn nhiều, mặc dù những công trình của tôi có tính chất chỉ trích chủ nghĩa tư bản rất mạnh. Tôi đã sang đó ba năm. Tại Nam Carolina, một tiểu bang đáng chú ý, điều đứng bởi cuộc nội chiến và rất bảo thủ trước tư tưởng trọng sản xuất của dân miền Bắc Mỹ du nhập vào. Khi trở về Áo, những tư tưởng của tôi được hâm mộ thực sự. Mỗi năm tôi nhận được đến cả năm mươi đơn đăng ký. Nhưng tôi chưa bao giờ chấp nhận hơn hai mươi học viên mỗi khóa.

- Trong đó tôi đã tìm ra một số người cần cho quá trình viết bài, - Kerry nói trong lúc lật qua mớ giấy tờ của mình. - Tôi sẽ đi gặp họ để thu thập những ý kiến đối chứng.

Cô giả vờ rút ra tờ giấy cần tìm.

- Đó là một việc rất vất vả. Quả thật họ có mặt ở khắp nơi trên thế

giới. Chẳng hạn như, xem nào, ngay tuần sau tôi sẽ sang Ba Lan. Tôi tranh thủ lúc còn đang ở Trung Âu mà.

- Ba Lan à? Nhưng tôi chẳng có mấy học trò ở đó.

- Ro-gul-ski, - Kerry phát âm một cách nhọc nhằn. - Cái tên này có nói lên điều gì với ông không?

- Pavel Rogulski, đúng rồi. Một anh chàng đáng chú ý và rất dũng cảm. Đó là một trong những học viên hiếm hoi đến từ một nước xã hội chủ nghĩa. Vào năm 67, việc ấy tất phải xảy ra. Cô có biết cậu ấy sau này thế nào không?

- Bây giờ ông ấy là một giáo sư lớn về sinh học.

- Thế à?... Tôi không ngạc nhiên đâu. Không phải là người cởi mở, nhưng có trí tuệ xuất sắc. Ngoài ra, cả nhóm học viên năm ấy đúng là ngoại hạng.

Fritsch đứng dậy và tiến lại chỗ cái tủ có dạng cột đứng ở cuối phòng, mở một trong những ô cửa chậm trễ: bên trong là những vách ngăn dọc cho phép sắp xếp tài liệu. Ông lấy ra một tấm ảnh trắng đen lớn, nheo mắt đọc dòng chữ viết bằng mực ghi bên dưới.

- Năm 67, đúng nó đây rồi. Cô thấy đấy, tính ngăn nắp cũng có lợi lắm.

Ông đưa cho Kerry một tấm ảnh khổ A4 và đứng cạnh cô trong khi cô xem ảnh.

- Ông ấy đây rồi, Rogulski, trên tay là một điều thuốc. Như thường lệ.

Tấm ảnh chụp mọi người đứng trước một ngôi nhà to xây bằng đá, không thể thiếu những cây phong lữ, nhưng lúc đó đang ở cuối mùa, mọc thành bụi có điểm xuyết những cánh hoa úa tàn. Khoảng hai chục nam thanh niên trẻ tuổi sắp thành hai hàng, những người hàng đầu quỳ một gối trên đất. Chắc giáo sư Fritsch đã chụp hên giờ để có được bức ảnh này. Ông vào chỗ hơi muộn, người chưa kịp xoay thẳng lại và một tay bị nhòe.

- Phải nói là rất quốc tế.

Trong số các học viên có một người châu Á, hai người có làn da sậm và mang nét mặt Ấn. Trong số những người da trắng, người ta

MÙI ADAM

thấy tất cả những đường nét tiêu biểu cho người Tây Ban Nha, Anh, Pháp và Mỹ.

- Tất cả những người này ở đâu ra thế?

- Cũng không đến mức ấy, - Giáo sư Fritsch nói, vẫn còn đang xem xét câu nói trước đó. - Có những năm các học viên còn quốc tế hơn nữa kia.

Khi ông lấy lại tấm ảnh, Kerry nhận ra có những cái tên được viết ở mặt sau của nó. Nhưng ông giáo sư đã tiến lại chỗ cái tủ để cất tấm ảnh.

- Ông có thể... cho tôi mượn nó để sao lại được không? Nó sẽ rất tuyệt vời cho bài viết của tôi.

Ông già làm như thể không nghe thấy gì. Ông cất tấm ảnh vào trong tập hồ sơ, đóng tủ rồi quay lại.

- Thưa quý cô, tôi luôn tôn trọng một nguyên tắc. Bây giờ tôi rất quý bộ sưu tập trọn vẹn của mình. Tôi không bao giờ cho mượn các tấm ảnh. Trong ngôi nhà này lại không có máy sao chụp, nên cô bắt buộc phải mang nó đi rồi đem trở lại. Chuyện này thì, xin cô thứ lỗi, tôi không bao giờ chấp nhận.

Thứ vật liệu xây dựng nên con người giáo sư Fritsch, vững chãi như đá tảng, cũng đủ minh chứng cho ý nghĩa của hai từ "luôn luôn" và "không bao giờ" với ông. Kerry không nài ép, nhưng làm ra vẻ thất vọng.

- Cô đừng lo. - Ông giáo sư an ủi, vỗ vỗ vào tay cô. - Tôi sẽ rất vui sướng được in tráng cho cô một tấm. Tôi có một phòng rọi ảnh nhỏ trong nhà để xe. Việc này sẽ không mất nhiều thời gian đâu. Tuần sau tôi sẽ gửi nó cho cô. Chúng ta nói đến đâu rồi nhỉ?

- Chúng ta đang nói đến chương trình các buổi thảo luận của ông. Ông đã sang Mỹ.

- Thế đấy! Vậy là năm 66 tôi quay trở về và nối lại các khóa thảo luận một năm sau đó. Nhóm người mà tôi vừa cho cô xem là nhóm đầu tiên của thời kỳ mới ấy. Cũng chính vì thế mà tôi mới nhớ kỹ

đến thế. Chính xác là vào năm đó, năm 67, tôi đã giảng dạy trở lại. Tôi đã mở những lối chưa ai đi. Chuyện đó thật thú vị, và các học viên cảm nhận được điều đó. Họ có cảm tưởng như đang khám phá tất cả cùng lúc với tôi. Và xét cho cùng, điều ấy có lẽ đúng. Nếu không có họ, tôi đã ít hào hứng hơn, ít táo bạo hơn.

Hilda, vẫn món tóc cứng ngắc trên đầu, đột ngột vào phòng mang theo nước giải khát trong khi Kerry nhớ là mình không hề yêu cầu.

- Tại Mỹ, tôi đã gặp nhà tư tưởng lớn Herbert Marcuse và việc này đã ảnh hưởng rất nhiều đến tôi. Thoạt đầu chúng tôi là hai đối cực: ông ta ủng hộ cho việc giải phóng hoàn toàn con người, trong khi tôi lại không ngừng tố cáo những tác hại của chủ nghĩa cá nhân. Giữa chúng tôi chỉ có một ý tưởng chung duy nhất: sự dẹp bỏ xã hội công nghiệp, trọng sản xuất và tư bản. Nhưng điều gây ấn tượng mạnh nhất đối với tôi chính là tiếng vang mà tư tưởng của ông ta gây ra đối với tuổi trẻ. Bất luận ông ta nói gì, điểm chính yếu đối với tôi là ông ta suy nghĩ *để hành động*. Những chỉ trích triết học của ông ta đều đưa tới một chương trình hành động, cho dù ông ta không tự mình lập ra nó. Khi quay trở về, tôi đã quyết định rằng mình cũng sẽ đi xa hơn những nhận định giản đơn và bắt đầu nghĩ tới các giải pháp.

Kerry vẫn ghi chép, nhưng tâm trí cô bị choán hết bởi việc quan sát tình hình và suy nghĩ về toàn bộ chiến dịch nên không thể ghi lại chi tiết những điều giáo sư nói. Về việc đó, cô trông cậy vào chiếc máy ghi âm nhỏ của mình và thầm mong nó chạy tốt.

- Chủ đề của khóa thảo luận năm đó là dân số. Đối với tôi, dường như nó là nền tảng cho vấn đề về mối tương quan giữa con người và tự nhiên. Bản thân con người không gây ra vấn đề sinh thái nào cả: xét cho cùng, những xã hội nguyên thủy đã sống cân bằng với thiên nhiên, và thiên nhiên đã đối đãi họ rất rộng rãi. Nhưng chìa khóa của sự hòa hợp này là số lượng. Để sống dư dả, số lượng những thành viên của các bộ tộc người cần phải được duy trì ổn định ở một mức hạn chế. Từ đó mà có những nghi lễ để loại trừ việc tăng dân số quá mức: bỏ rơi trẻ sơ sinh, hiến tế người, thiên hoạn

MÙI-ADAM

kẻ thù, tập tục ăn thịt người, chế độ độc thân cưỡng bức ở một bộ phận dân cư. Sau khi sự cân bằng ấy bị phá vỡ, loài người sinh sôi nảy nở và trở thành kẻ giết chết tự nhiên. Con người không ngừng đòi hỏi nhiều hơn những gì mà thiên nhiên có thể cung cấp, từ bỏ sự dỗi dằn và ném mùi khan hiếm. Để vượt qua điều đó, con người phát minh ra nông nghiệp, công nghiệp, bắt trái đất phải oằn mình cung cấp. Tất nhiên là tôi chỉ nói tóm tắt thể thôi, nhưng cô cũng biết rõ tất cả những chuyện đó chẳng kém gì tôi.

Kerry làm ra vẻ ngoan ngoãn lắng nghe. Rồi cô nhớ ra vị thế của mình là một nhà báo chứ không phải là một cô sinh viên. Cần phải đẩy giáo sư Fritsch xa thêm chút nữa.

- Những điều mà ông vừa nói với tôi, thưa giáo sư, vẫn chỉ thuần túy là một nhận định. Lúc này ông đã nhắc tới hành động...

- Đúng vậy. Toàn bộ khóa thảo luận đã được hướng đến vấn đề ứng dụng thực tế và lên chương trình. Làm thế nào để hạn chế sức ép mà con người đang đặt lên thiên nhiên đây?

Giáo sư Fritsch nốc một ngụm lớn thứ chất lỏng có màu rất đỏ. Nó phải là thứ gì khác chứ không phải xi rô dâu hoặc lựu. Ông rút một chiếc khăn tay ra lau miệng cẩn thận.

- Các sinh viên rất say sưa với vấn đề ấy. Một cuộc đối thoại tri thức tuyệt vời đã diễn ra giữa chúng tôi. Cứ tưởng như mọi người đang ở trong một ngôi trường triết học thời cổ đại...

Nhắc đến đây, ông giáo sư kín đáo kìm nén cơn thốn thức mà những người già vẫn hay gặp phải khi xúc động quá.

- Không nghi ngờ gì nữa, chính điều đó đã khiến chúng tôi đi rất xa trong các kết luận thật sự mang tính cách mạng của mình.

- Những kết luận mà các tác phẩm của ông đã bàn đến?

- Không, - Giáo sư Fritsch thốt lên. - Tôi chưa bao giờ xuất bản những công trình đó. May mắn làm sao! Cần phải đặt mình trở lại vào trong bối cảnh cuối thập niên sáu mươi. Tư tưởng sinh thái vẫn còn đang trong giai đoạn thai nghén. Nếu tôi bảo vệ những chủ đề có tính đột phá như thế, tôi sẽ trở thành một kẻ khác người.

- Nhưng các công trình đó có tính cách mạng về điều gì?

Ở đâu đó trong phòng, một chú chim cu chui ra khỏi tổ để báo giờ bằng mười tiếng hót khàn khàn.

- Xem nào, thậm chí tôi còn chưa đưa cô đi xem nhà nữa này! - Giáo sư Fritsch thốt lên.

- Không cần đâu ạ, thật đấy. Chúng ta đang rất thoải mái ở trong này rồi.

- Cần, cần chứ. Cô lại đây. Chúng ta có thể vừa đi vừa nói chuyện.

Nói chưa dứt câu ông đã đứng dậy.

Trên ngưỡng cửa, Hilda cầm một chiếc mũ phớt và chiếc áo choàng để giáo sư mặc vào. Kerry nhận ra cô nên vì phép lịch sự mà không làm thay đổi các thói quen của giáo sư. Mỗi buổi sáng, vào lúc mười giờ, ông phải đi dạo một vòng và không gì có thể cản trở ông làm việc đó. Như vậy, dưới bề mặt phẳng lặng của sự dễ mến là những tảng đá ngầm của tính cá nhân khủng khiếp đang nằm đợi bất kỳ ai dám tiến lại quá gần.

- Đây là ngôi nhà của hai cụ thân sinh ra tôi. Tôi sinh ra ở đây, là người con thứ tư trong số sáu người. - Giáo sư Fritsch giải thích trong lúc họ băng qua phòng khách để đến sân rồi sau đó là khu vườn nhỏ. Theo tuổi tác, ta bắt đầu có thói quen nhìn lại. Tôi nhận ra là ngoài những năm tháng sống bên Mỹ và một hai chuyến đi ngắn ra nước ngoài, tôi sống cả đời ở đây, giữa nơi này và ngôi nhà mà tôi đã nói với cô.

Một cuộc đời tách biệt, duy trì nhịp độ đều đặn bởi tiếng chim cu và giải khuây với đàn bò, Kerry thầm nghĩ. Vậy mà nó lại không ngăn cản ông đưa ra cái nhìn của mình. Nhưng biết đâu, suy cho cùng đó cũng là số phận của tất cả các nhà tư tưởng, hay hầu hết trong số họ. Kant cũng chưa từng rời quê hương mình...

Giáo sư Fritsch dẫn cô đi thăm nhà kính, nơi ông rất tự hào vì đã trồng được mấy cây chanh và cây lồng đèn. Tiếp theo, ông chỉ cho cô xem bầy thỏ, gà tây và những con ngỗng đã thuần hóa mà ông đặc biệt yêu thích. Đúng như nỗi lo sợ của Kerry, ông đã quên mất

MÙI ADAM

mạch đối thoại của họ, và cô gặp rất nhiều khó khăn để đưa ông quay trở lại vấn đề.

- Ông vẫn chưa nói cho tôi biết ý tưởng mà ông đã khai phá vào năm 67. Ông cũng biết đấy, chính là những ý tưởng có thể biến ông thành kẻ khác người ấy.

Họ đang ở trong sân nuôi gia cầm. Giáo sư Fritsch đứng xòe những ngón tay ra chơi đùa với hai con ngỗng. Ông có vẻ rất vui sướng, đôi mắt sáng hơn bao giờ.

- Phải, chính là ở nơi đây. - Ông nói. - Tôi đã đến đây thăm hai cụ. Chính trong chuyến thăm đó mà ý tưởng ấy đã đến với tôi. Tôi luôn quanh quẩn với đề tài của mình trong đầu mà, cô hiểu chứ?

- Đề tài nào? Dân số phải không à?

- Đúng thế, thảm họa mà chúng ta, những con người, đang gây ra cho thiên nhiên đã sản sinh ra ta. Tôi đã nghĩ đến mẹ đẻ của mình. Tôi luôn nghĩ đến mẹ mình khi nhắc tới thiên nhiên. Chuyện ấy cũng là lẽ thường, các bà mẹ đã mang nặng đẻ đau, nuôi nấng ta mà. Cũng như bà mẹ thiên nhiên thôi!

Lũ ngỗng tíu tít quanh Kerry, hy vọng cô cũng chìa tay ra. Nhưng cô góm ghiech lũ gia cầm ấy và phải cố kìm mình để không đá dít chúng. May mắn là với thị lực của mình, giáo sư Fritsch không nhận thấy điều đó.

- Một hình ảnh đã xuất hiện trong đầu tôi: hình ảnh của hai thằng con trai bội bạc, chỉ biết bòn rút bà mẹ nghèo khổ, làm bà kiệt quệ vì những đòi hỏi thất thường của chúng. Hành động ấy cũng gần như cung cách chúng ta đối đãi với mẹ thiên nhiên, phải không nào? Nhưng thế này nhé, tôi đã hình dung ra cảnh một trong hai thằng dùng những thứ rút tĩa được từ mẹ để sống tự lập, trở nên không bị phụ thuộc và giàu có. Thằng còn lại vẫn bừa bãi, ăn bám và nghèo khổ. Vậy thì, thằng nào ít gây đau lòng cho mẹ nó hơn, theo cô? Thằng giàu. Chỉ ít nó cũng ra đi và có thể giúp đỡ ngược lại mẹ mình. Còn thằng nghèo thì mãi luôn là gánh nặng cho bà.

Kerry không biết mình đang chán ngấy chuyện gì nữa: bước rón

rén trên mặt đất vương đầy phân ngỗng hay phải nghe mấy câu chuyện ngụ ngôn sinh thái này.

- Tôi xin lỗi thưa giáo sư, nhưng tôi thấy hơi lạnh. Có lẽ chúng ta nên quay vào trong nhà chẳng? Rồi ông sẽ vui lòng khai sáng cho tôi về ý nghĩ của phép ẩn dụ ấy. Đứa giàu, đứa nghèo, tôi chưa hiểu rõ lắm...

- Sao cơ! Cô không hiểu à? - Ông giáo sư vừa nói vừa tiếc nuối đóng tấm cửa lưới của sân nuôi gia cầm lại. - Thằng bé đã làm giàu được, chính là các nước phát triển, các nước công nghiệp. Còn thằng bé nghèo là các nước thuộc thế giới thứ ba.

Họ đã đến gần một cái cửa kính nhỏ phía sau nhà. Hai người chà giày lên tấm thảm chùi chân có hình con nhím, rồi băng qua một dãy buồng để quay trở lại văn phòng trong tình trạng thẩm mệt.

- Trên đường về ngày hôm đó, tôi cũng làm y như thế này: tôi vội vàng vào trong văn phòng của mình và ghi ra tất cả các ý tưởng của mình. Tôi gọi nó là nan đề của sự phát triển.

- Nan đề?

- Đó là một thuật ngữ triết học để chỉ một vấn đề không có giải pháp, một mâu thuẫn không thể vượt qua. Nan đề của sự phát triển là thế này: nền văn minh kỹ thuật và công nghiệp có tính chất tàn phá thiên nhiên, đương nhiên rồi. Nhưng cùng lúc ấy nó mang đến những giải pháp cho những vấn đề mà nó đặt ra. Chẳng hạn như, tất cả những xã hội phát triển đều có tỉ lệ tăng dân số thấp, thậm chí âm. Ngược lại, những nước kém phát triển, tức là thằng bé nghèo ấy, thì không ngừng tăng dân số. Và cái tình trạng lúc nhúc người mà không hề có tiến bộ kỹ thuật ấy gây ra những hậu quả kinh khủng: phá rừng diện rộng, hoang mạc hóa đất đai, những đại đô thị lộn xộn. Khi sự sinh sôi nảy nở ấy đạt đến một mức độ nhất định, thì sẽ *không còn* giải pháp nào nữa. Lèo lái những đất nước ấy đến với một nền công nghiệp phát triển sẽ chỉ là một thảm họa. Hãy nhìn những đảo lộn mà Trung Quốc gây ra khi nó được hướng theo con đường này mà xem. Hãy tưởng tượng mẹ thiên nhiên của chúng ta sẽ trở thành như thế nào nếu như bị tất cả những anh Tàu, anh Ấn,

MÙI ADAM

anh Phi bòn rút ở mức ngang bằng, hay thậm chí chỉ bằng một nửa so với sức tiêu thụ của một anh Mỹ.

- Từ đó ông đã rút ra kết luận gì?

- Chính nó là nguyên nhân dẫn tới sự sôi nổi khác thường và những màn đấu khẩu quyết liệt trong khóa thảo luận của tôi. Nếu chúng ta đi đến tận cùng logic ấy, thì sinh thái học đáng lẽ phải nhằm vào thằng con nghèo, chứ không phải là thằng con giàu.

Kerry nhận ra các miếng ghép đã khớp vào vị trí. Đây chính là luận cương của *Những kẻ săn môi mới* dưới hình thức tối hậu của nó. Cứ như thể có kẻ nào đó đã thối vào đầu óc thô lậu của Harrow lập luận triết học tinh tế của Fritsch...

- Ông có ý gì khi nói “nhắm vào thằng con nghèo”?

- Rất đơn giản, rằng ưu tiên của phong trào sinh thái không phải là chiến đấu chống lại xã hội sản xuất công nghiệp, ngay cả khi nó đáng trách. Dù cho nó xấu xa, thì nó cũng chỉ là một phần nhỏ trong dân số toàn cầu, và chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong những phần đất nhô lên trên mặt biển. Nó có những tiến bộ không ngừng trong việc kiểm soát năng suất, dân số, và sự tái chế. Phần lớn nhất của sản xuất ngày nay là công nghiệp ảo, không gây ra những thiệt hại về mặt sinh thái hoặc gần như thế. Xét cho cùng, miễn là nó không khuếch trương sang các khu vực khác, hình mẫu công nghiệp của chúng ta chỉ gây hại tối thiểu. Ngược lại, mối nguy hiểm chết chóc, chính là các nước nghèo. Cho dù bọn họ sử dụng các nguồn năng lượng truyền thống hay những kỹ thuật thô sơ, vai trò của họ trong việc sản sinh ra khí thải độc hại vẫn là lớn nhất. Cùng với lượng dân cư khổng lồ và các phương tiện canh tác lạc hậu, họ khai phá những khu dự trữ sinh quyển cuối cùng của địa cầu. Họ thăm sát hệ động vật hoang dã, bóp ngạt các dòng sông, buôn lậu những loài vật cần được bảo vệ, chặt phá những khu rừng quý giá, làm ô nhiễm hàng trăm ngàn cây số bờ biển. Mỗi năm những động cơ chạy bằng dầu diesel cổ lỗ sĩ của họ thải vào bầu khí quyển một lượng bụi than tương đương với trọng lượng của chúng.

Hilda kín đáo đưa cơ thể hình quả mìn của mình vào ngưỡng cửa phòng, và giáo sư Fritsch phác một cử chỉ nhỏ với bà ta.

- Cô ở lại dùng bữa trưa nhé? Hôm nay là thứ tư, có món thịt viên nấu phô mai, đặc sản của vùng nam Tirol đấy.

- Tôi không dám làm phiền ông đâu ạ. - Kerry lúng túng nói.

Nhưng không gì làm phiền ông giáo sư hơn là việc ăn uống không đúng giờ. Ông gật đầu với Hilda.

- Vậy đấy. - Ông vừa nở nụ cười độ lượng với cô vừa nói tiếp, - Đây là bầu không khí của năm đó, với những anh chàng học viên quý quai kia. Chúng tôi đã đi đến kết luận rằng cần phải khẩn cấp ngăn chặn sự bùng nổ trên toàn cầu của mô hình công nghiệp. Tức là chúng tôi đã đặt dấu hỏi với toàn bộ tham vọng phát triển. Đưa các nước thế giới thứ ba đi theo con đường của các nước phát triển có thể đúng dẫn về mặt nhân đạo, nhưng trên quan điểm môi trường, thì đó là một sự tự sát.

Một con mèo xám mã Kerry chưa nhìn thấy tiến đến dụi mình vào hai chân của ông già. Căn nhà yên lặng đến nỗi người ta có thể nghe thấy tiếng cọ xát mềm mại giữa bộ lông của nó với lần vải quần thô ráp.

- Ưu tiên thật sự, nói thật nhé, chính là kiểm soát sự sinh sôi nảy nở của con người tại các quốc gia nghèo.

- Kiểm soát... nhưng bằng cách nào?

- A, những tranh luận xung quanh vấn đề này rất hăng, cô tin tôi đi. Một vài người trong số chúng tôi rất quyết liệt về đề tài này, rất cực đoan. Ý tưởng của họ là cần phải bằng mọi giá duy trì cấu trúc xã hội xưa nay tại thế giới thứ ba, các trường làng, những phong tục lâu đời, những phương pháp canh tác cho năng suất kém, vân vân... Việc mở rộng các chương trình y tế đối với họ là một tội ác, vì chúng làm giảm tỉ lệ tử vong nhưng không ảnh hưởng đến sự mất đẻ và để cho dân số tăng thả phanh. Cũng như thế, không được tìm cách can thiệp vào những cuộc nội chiến liên miên, không được chống lại vai trò điều tiết của các dịch bệnh, không được cưỡng lại những cuộc khủng hoảng sinh đẻ có liên quan gần xa đến một tình trạng thừa dân số so với nguồn cung thực phẩm. Nói tóm lại, cần phải làm sao để tại những khu vực

MÙI ADAM

của thế giới nơi mà lý trí chưa làm đảo lộn tất cả, con người ít tính người hơn và nhiều phần con hơn cùng với sự cân bằng, sự yếu ớt và những kẻ săn mồi của họ. Hồi những năm sáu mươi, điều ấy là vẫn còn có thể tưởng tượng được. Thế giới thứ ba vẫn còn khá gần gũi với hình ảnh nguyên thủy mà chúng tôi thiết tưởng có thể duy trì được.

- Dù sao thì nó cũng rất... táo bạo. Ngay giữa thời kỳ nở rộ ra phong trào giành độc lập, lại đi chống lại sự phát triển...

- Phải, chính vì thế mà tôi đã hạ nhiệt họ một chút. Ngay lúc kết thúc khóa thảo luận, tôi đã nói với họ rằng tất cả rất tư biện, rất lý thú, nhưng hơi quá sớm. Cần phải tiếp tục suy nghĩ. Công luận quốc tế chưa đủ chín muồi để thông hiểu chuyện đó. Tôi là một nhà tư tưởng được thừa nhận và người ta có thể tha thứ cho những suy nghĩ quá đáng, nhưng với điều kiện là chúng không phá vỡ một số quy ước nhất định.

- Họ đã nói gì?

- Rốt cuộc, tôi tin là họ đã hiểu. Dù sao thì họ cũng tôn trọng tôi. Họ đã nhận ra không được phép phản lại lựa chọn của tôi.

- Ông có gặp lại những học viên khóa 67 ấy không?

- Tiếc là không. Vài người có viết cho tôi. Tôi nghĩ họ vẫn giữ mối liên hệ với nhau. Những gì đã trải qua vào năm ấy là rất mạnh mẽ. Việc công trình của chúng tôi chưa bao giờ được xuất bản cho thấy có lẽ họ muốn giữ bí mật nó.

Con chim cu với giọng hót khàn của một bà ca sĩ già thông báo đã mười hai giờ trưa. Đồng hồ sinh học của ông giáo sư chắc hẳn đã cảnh báo trước. Ông đứng dậy trước cả khi tiếng hót đầu tiên cất lên. Họ đi qua phòng khách. Một góc phòng đã được biến thành phòng ăn với những băng ghế gỗ nằm dọc theo tường. Trên tấm vải trải bàn trắng là đầy đủ bộ lệ đồ sứ cùng những món đồ bạc nhỏ mà giáo sư sử dụng một cách thoải mái.

- Cô dùng vang trắng nhé? Nó được sản xuất ở đây. Một người anh họ của tôi sản xuất ra nó ở thung lũng bên cạnh, và anh ấy làm rất khéo, trong cái khí hậu như thế này.

Họ yên lặng dùng bữa.

- Thế những năm tiếp theo thì sao ạ? - Kerry hỏi sau khi đã nhọc nhằn nuốt miếng phô mai cuối cùng.

- Tôi đưa ra những nội dung cổ điển hơn cho các khóa thảo luận. Vẫn luôn tìm kiếm theo khía cạnh ứng dụng, nhưng thực tế hơn. Chúng tôi đặc biệt thảo luận về những mối nguy hiểm của nền văn minh công nghiệp. Khi nói về các nước thế giới thứ ba, chúng ta đã quên mất, nhưng các xã hội được gọi là phát triển cũng không tử tế gì lắm với môi trường đâu: năng lượng hạt nhân, hiệu ứng nhà kính, chất thải độc hại... Trong thập niên bảy mươi, phong trào sinh thái đã hoàn thiện cấu trúc của nó. Rõ ràng là nó ưu tiên nhắm đến các xã hội công nghiệp với các mặt xấu của mình. Hans Jonas đã tạo ra cho nó một nền tảng tư tưởng nổi tiếng thế giới, với tác phẩm *Nguyên tắc chịu trách nhiệm*. Cứ như thế, các nguy cơ gắn liền với sự kém phát triển và sự gia tăng số lượng người nghèo đã bị bỏ lại phía sau. Một sự cảm đoán chặt chẽ mang tính đạo đức đã ngăn cản việc kết tội thế giới thứ ba. Khóa học năm 67 đã rất xa vời rồi. Chúng ta có thể tiếc nuối về điều đó, nhưng nó là như thế. Tôi đã tự điều chỉnh và trở lại với tư tưởng sinh thái như tình hình phát triển của nó, trong lúc cố gắng tìm hiểu sâu hơn.

Giáo sư Fritsch nói nhiều về giai đoạn nghiên cứu này của mình, nhưng Kerry chẳng để tâm nghe mấy.

- Tôi xin lỗi cắt ngang một chút. Vào thời của giáo sư Rogulski, ông có học viên nào tên là Ted Harrow không ạ?

- Người Anh à?

- Người Mỹ. Có gốc gác da đỏ bên ngoài.

- Ted Harrow. Không, tôi không thấy có ai tên như thế. Vậy mà tôi đã rất muốn có một người nào đó kể về những thổ dân châu Mỹ. Đó là một trong những khuôn mẫu mà tôi luôn sử dụng trong các công trình của mình để minh họa cho chủ đề về trách nhiệm sinh thái.

Ông trầm ngâm, môi mấp máy như thể nhắc lại với chính mình cái tên Ted Harrow.

- Chắc phải cho tôi xem ảnh. Tên tuổi chẳng gọi lên gì với tôi cả. Chỉ có những khuôn mặt là còn lại với tôi thôi.

MÙI ADAM

Một lúc sau, Kerry quay lại với cuộc điều tra theo một hướng khác.

- Câu hỏi của tôi có thể hơi lạ lùng đối với ông... nhưng bệnh tả có đóng vai trò gì đặc biệt trong suy luận của ông không?

- Bệnh tả à? - Giáo sư Fritsch nói với một cái nhăn mặt ghê tởm. - Làm thế quái nào cô lại muốn tôi quan tâm đến những thứ kinh dị như thế?

Rõ ràng là mặc dù có tồn tại một mối liên hệ giữa tư tưởng của ông và của *Những kẻ săn mồi mới*, dường như giáo sư Fritsch hoàn toàn không biết đến bọn chúng và tâm điểm hành động của chúng. Khó mà nghi ngờ sự thành thật của ông ở đây, vì những câu trả lời của ông không có gì là che đậy hay lừa dối. Như vậy buộc phải kết luận rằng ảnh hưởng từ các tư tưởng của ông đã được gây ra mà ông không hay biết. Nhưng bởi ai?

Sau bữa trưa, Kerry cảm thấy lịch sinh hoạt của ông chắc phải có giấc ngủ trưa. Ông giáo sư già tỏ ra hơi căng thẳng và chỉ muốn nhanh chóng cho xong chuyện. Cô thu xếp giấy tờ rồi cảm ơn ông.

Giáo sư Fritsch tiến có đến cửa. Mặt trời rực rỡ đã nhô lên khỏi các đỉnh núi và làm các bãi nuôi gia súc rực lên sắc xanh. Ông nheo mắt nhìn toàn cảnh.

- Bây giờ, khi mà tất cả đã kết thúc, đôi lúc tôi tự nhủ là mình đã sai lầm. Tôi đã thiếu quyết liệt trong những năm tháng ấy.

Kerry mất một lúc mới hiểu rằng ông đang quay lại với khóa thảo luận năm 67 kia.

- Họ đã có lý. Các học viên của tôi ấy. Bây giờ thì tôi tin chắc như vậy.

Đột nhiên ông quay sang Kerry hỏi:

- Cô có biết thuyền trưởng Jacques-Yves Cousteau không?

- Dạ có ạ.

- Một con người tuyệt vời. Tôi đã gặp ông ấy năm 85, trong một hội nghị khoa học. Ông ấy đã làm chúng ta chấn động khi nói về những gì đại dương phải chịu đựng. Thuyền trưởng Cousteau đã nói với tôi, và tôi tin ông ấy có đủ dũng cảm để viết ra, rằng trái đất không nên chứa quá hai trăm triệu người. Tôi đã đọc thấy những

đánh giá khuyến cáo con số một trăm triệu, năm trăm triệu. Nhưng dù thế nào thì, khoảng đó nghe hợp lý hơn cả. Vậy mà chúng ta đã sáu tỉ¹ rồi! Làm thế nào để kìm hãm sự sinh sôi của con người đây? Những gì chúng tôi không dám nói hồi năm 67 ngày nay đã trở thành vấn đề hàng đầu đối với sự tồn vong của trái đất.

- Một chi tiết nữa thôi, thưa giáo sư: làm thế nào để đưa chúng ta từ năm tỉ xuống năm trăm triệu ạ?

Kerry thấy hối hận vì đã đặt ra câu hỏi này. Các đường nét trên khuôn mặt giáo sư Fritsch chùng xuống. Mắt ông hơi đỏ. Rõ ràng đã hơi quá giờ ngủ trưa và sự hòa nhã của ông hoàn toàn biến mất.

- Tôi chỉ đưa ra ý kiến, - ông cất giọng một cách gay gắt, - trên những nguyên tắc triết học. Đừng trông chờ tôi đi sâu chi tiết hóa cách giải quyết các vấn đề.

Ông giáo sư già chào từ biệt một cách lịch sự nhất có thể và quay vào. Kerry trông thấy Hilda đứng trong tiền sảnh và đưa cho ông chiếc áo choàng ngủ.

II

New York, Hoa Kỳ.

Giọng nói trong điện thoại nghe dễ thương, gợi cảm, có một chút run rẩy tựa hồ như e ngại, hay thậm chí có thể là sợ hãi. Nhưng Paul không có cảm giác rằng người kia sợ mình. Thịnh thoảng cô ta ngừng lại giữa câu nói, như muốn rình nghe một tiếng động ở bên ngoài.

Paul đã tự giới thiệu mình như một người bạn cũ của Juliette hồi cô ở Mỹ. Anh vừa trở về sau một chuyến đi Pháp, đã cố tìm gặp cô

¹ Vào thời điểm cuối năm 2011, dân số thế giới đã là 7 tỉ người.

MÙI ADAM

ở Chaulmes nhưng không thành công. Một người hàng xóm đã đưa cho anh một gói bưu phẩm nhờ gửi cho Juliette, cùng với mỗi liên lạc ở New York để tìm ra cô.

Đó là một vỏ bọc khá thảm hại, và phải nói thật là đầy kẻ hở. Không còn sự hỗ trợ của Providence, Paul chẳng thể hy vọng làm tốt hơn. Anh đã cố nói chuyện với giọng thuyết phục, nhưng càng lúc lại càng thấy mình lạc lõng. Tuy nhiên, anh rất nhẹ nhõm và cả bất ngờ nữa khi cô gái lạ hoặc ở số điện thoại mà Jonathan cung cấp lại cắn câu. Quả thật, theo lời cô gái, cô ta có gặp Juliette. Nhưng tiếc là Juliette không còn ở New York nữa (càng tốt cho vỏ bọc của Paul). Vậy liệu cô ta có thể cho anh biết tin tức của Juliette, chỉ cho anh nơi tìm ra cô không? Rất sẵn lòng, nhưng tốt hơn là nên gặp nhau trao đổi trực tiếp chứ, đúng không? Cô nàng nói mình tên là Natacha. Mọi chuyện diễn ra thuận lợi hơn là Paul đã tưởng.

Natacha ngần ngừ khi phải chọn địa điểm gặp. Cô sống cùng với ba mẹ ở Long Island, nhưng họ đã lớn tuổi và không thích các chuyến viếng thăm, đặc biệt là của bọn con trai. Giải thích với họ chỉ vô ích... Tất nhiên, họ có thể gặp nhau trong một tiệm cà phê, nhưng ngại nổi, cô hơi sợ những không gian rộng, và không thể chịu được những chỗ đầy người như thế. Cách tốt nhất là Paul tạt qua chỗ làm của cô. Là một nhà hóa học, cô làm việc trong vai trò chuyên gia cho một tổ chức sinh thái.

- Cô biết Juliette lâu chưa?

- Tôi gặp cô ấy tại Lyon cách đây vài năm, hồi cô ấy còn ở Greenworld. Lúc ấy tôi làm thực tập sinh ở Lyon. Trong chỗ của kẻ thù.

- Kẻ thù?

- Pechiney¹ ấy mà! - Cô vừa cười vừa nói.

- Vậy còn bây giờ?

¹ Pechiney là tập đoàn sản xuất nhôm của Pháp, từng leo lên hạng thứ tư trên thế giới trước khi bị tập đoàn Alcan mua lại. Do hành động thái bần đờ ra biển Địa Trung Hải sau khi các bể chứa trong đất liền đã quá tải, tập đoàn này đã bị các nhà hoạt động bảo vệ môi trường liệt vào danh sách "kẻ thù".

- Tôi làm cho một bà đầm già đáng kính: Hiệp hội bảo vệ tự nhiên Hoa Kỳ. Anh có biết không?

Paul đã đọc được điều gì đó về nó trong mớ tài liệu của Providence: Hiệp hội này là một trong những tổ chức thành công nhất của phong trào sinh thái cải cách. Được thành lập vào cuối thế kỷ XIX, nó là một trong những thế lực hành lang chính ở nhiều bộ khác nhau. Chính quyền coi nó như một người đối thoại gần như chính thức, giống như Hội Chữ thập đỏ hoặc Hiệp hội súng trường Mỹ.

- Cô muốn tôi ghé qua lúc nào?

- Xem nào... Trong văn phòng tôi có bốn người, những người kia lại không ưa những cuộc trao đổi riêng cho lắm.

Hóa ra đây là lý do tại sao cô ta có vẻ gương gạo đến thế trong điện thoại.

- Tốt hơn là anh đến lúc chập tối, khi các đồng nghiệp của tôi đã về hết.

Họ thống nhất lúc tám giờ.

- Chú ý nhé! Tôi không làm ở trụ sở chính nằm trên đại lộ số 4 đâu. Ban khoa học nơi tôi làm việc được đặt ở một tòa nhà nhỏ nằm trên bờ tây sông Hudson. Anh đến bằng xe hơi chứ?

- Bằng taxi.

- Vậy thì gọi di động cho tôi khi anh đến nơi.

Cô nàng đọc cho anh số di động.

- Lúc ấy thì cửa chính đã bị đóng. Tôi sẽ mở cửa garage cho anh.

Paul dành cả ngày nằm ườn trên giường trong phòng khách sạn. Anh đọc các tin nhắn của Providence đang chất chồng sau nhiều ngày liền, mở tất cả các tập tin đính kèm, điều mà lẽ ra anh phải làm trước đây nếu muốn cạnh tranh được với Kerry. Nhưng từ sau buổi nói chuyện vừa rồi với Archie, đã không còn tin nhắn nữa, và khi Paul thử gọi cho Tycen, anh chàng chỉ toàn nói về mưa gió và nắng đẹp.

Chẳng có gì mới trong mớ tin nhắn, ngoại trừ một danh sách bổ sung cung cấp thông tin về các thành viên trong nhóm của Harrow.

MÙI ADAM

Ngoài bốn cái tên đầu tiên mà họ đã biết, Providence đã thành công trong việc lần ra sáu tên khác. Hai người là nhà báo làm trong các tập đoàn truyền hình lớn, một làm việc cho Nike ở Bắc Kinh, hai người khác thì làm công việc hành chánh văn phòng ở bờ Đông. Và một người đã tham gia vào Hiệp hội bảo vệ tự nhiên Hoa Kỳ...

Cô ta không phải tên Natacha, mà Clara, không phải nhà hóa học, mà là một nhà nông học. Nhưng Paul vẫn bị thuyết phục rằng đó chính là người vừa hẹn gặp anh. Anh lại càng sốt ruột muốn nghe những gì mà cô ta sẽ kể. Đây là người đầu tiên trong nhóm của Harrow mà anh được gặp trực tiếp.

Lúc chia tay ở Turin, Kerry và anh đã mua mỗi người một chiếc điện thoại di động với nhân thân giả. Chỉ có họ biết hai số điện thoại này và mỗi người giữ một số. Anh rút thẻ SIM trong ví ra, lắp vào điện thoại rồi gọi cho Kerry. Nhưng họ đã dự tính liên lạc vào lúc hai mươi hai giờ theo giờ New York. Bây giờ hãy còn sớm. Anh chỉ nghe thấy tin nhắn tự động bảo rằng Kerry sẽ gọi lại anh sau cuộc hẹn của cô. Anh nhắn lại với cô rằng mọi việc đều ổn.

Paul vất vả lắm mới tìm được taxi. Trời hơi mưa nên dân chúng New York phải tranh giành nhau từng chiếc. Chiếc xe đón anh được điều khiển bởi một anh chàng người Haiti rất mê bóng đá. Chẳng bao lâu sau khi mở đầu câu chuyện, anh tài xế không rời mắt khỏi kính chiếu hậu nữa, chỉ thỉnh thoảng liếc vài cái ra phía trước cho an toàn. Paul phải ngắt lời anh ta giữa một tràng kể lể về Ronaldinho để gọi cho Natacha. Anh đã đến gần tòa nhà nên báo cho cô biết để xuống mở cửa. Anh xuống xe cách đó một khối phố để cho Natacha có thời gian đi xuống garage, đồng thời tận dụng thời gian đó để giải độc thứ nhạc zouk bị nhồi nhét vào tai trong suốt chuyến xe.

Tòa nhà của Hiệp hội vẫn còn rất nhiều đèn sáng mặc dù đã muộn. Paul thoáng nghi ngờ. Tại sao cô ta lại báo anh là sảnh chính đã đóng cửa, nếu như có nhiều người làm việc muộn như thế? Anh thậm chí còn tin là mình đã thấy ai đó đi qua cánh cửa lớn mở ra đường. Rồi anh tự nhủ Natacha chắc có lý do riêng để phải kín đáo

như thế. Anh không kịp thắc mắc gì thêm vì tấm lưới sắt của garage bắt đầu kêu lạch xạch, đồng thời một bóng đèn vàng nhỏ cũng khởi sự nhấp nháy. Phía dưới con dốc dẫn vào bãi xe, một dáng người phụ nữ hiện ra trong bóng tối. Cô ta ra hiệu cho anh. Anh đi xuống con dốc tối om, mắt phải nhìn xuống đất để không bị trượt trên những vết dầu nhớt rải rác. Xuống được nửa đoạn dốc thì anh phân biệt được một bức tường ở bên cạnh, chắc chắn là nơi đổ rác. Kể từ lúc đi vào Paul phải đấu tranh với cảm giác là mình đang phạm sai lầm, rằng mình đã không có những biện pháp đề phòng cơ bản, nhưng dù vậy anh vẫn tiến tới phía trước. Điều xảy ra nhanh như chớp sau đó thay vì làm anh sợ thì ngược lại, chỉ khiến anh thở phào vì mình đã có lý. Nhưng đã quá muộn. Hai bóng người bật mặt nhảy bổ vào Paul. Anh cảm thấy một nòng súng gí vào gáy. Phía bên trái một kẻ bẻ quặt tay anh ra sau lưng và đẩy anh bước tới. Cô gái dưới tầng hầm đã biến mất. Role hẹn giờ đã dừng. Dưới sự cưỡng ép của hai kẻ tấn công, Paul bước về phía ánh sáng từ mù màu xanh của lối thoát hiểm, tới chỗ một chiếc xe hai cầu đang quay đầu ra ngoài đường, cốp sau mở toang. Hai kẻ kia bịt miệng Paul rồi đẩy anh vào trong cốp. Anh co người lại để tránh không bị nắp cốp xe nghiêng phải. Rồi anh nghe thấy tiếng dập cửa xe. Chiếc xe hơi khởi động. Một tấm kim loại dưới sàn xe chạm mặt đất khi nó băng qua đỉnh con dốc. Trong một thoáng Paul nhìn thấy ánh đèn vàng nơi cửa vào đang nhấp nháy. Anh còn phân biệt được những ánh sáng đèn nê-ông, rồi những quảng sáng màu vàng của những ngọn đèn đường cùng vài ánh đèn pha. Chiếc xe phóng đi trên một làn đường cao tốc.

♦ ♦ ♦

Tirol, Áo.

Sau khi rời khỏi nhà của giáo sư Fritsch, Kerry quyết định đến Innsbruck qua các thung lũng của Tirol. Cô đã phải vượt qua hàng chục khúc cua bằng cách miết lốp xe trên lớp nhựa đường ẩm ướt.

MÙI ADAM

Mặt trời hết lộ ra trên những đỉnh núi lại nhường chỗ cho những đợt mưa rào bất chợt. Các bãi cỏ thả gia súc xanh ngắt một màu lá ngải cứu và cũng khiến người ta choáng váng tương tự loại lá ấy.

Các thao tác tuần tự lặp đi lặp lại giúp Kerry có thể thành thói nghĩ ngợi. Cô nhớ đến lũ trẻ, Robin, cuộc sống trưởng giả của mình, những cô bạn học ngày xưa mà sau khi tốt nghiệp gặp lại sẽ chẳng thể tưởng tượng được những gì cô đang trải qua. Sau đó cô quay lại với sự hào hứng của chuyến săn người lần này, với sự thỏa mãn vì đã khám phá ra điều mà cô tin là tâm điểm của tất cả, là gốc rễ của vụ việc: ông giáo sư Fritsch, sự nhả nhận và những lời lẽ mang tính chất hủy diệt của ông ta. Rồi cô nghĩ đến Paul, về cuộc trùng phùng của họ tại Odessa, về tất cả chiến dịch và Providence. Cuộc sống thứ hai của cô giống như một ngọn roi quất vào ý thức đang ngủ yên của cô, biến lệ thường thành ngoại lệ, biến sự thoải mái thành hạnh phúc, những người thân thành những thực thể xa xôi mà cô khao khát tìm lại và lúc quay về cô sẽ càng thêm yêu thương, mặc dù khi rời xa họ cô không tin chuyện đó là có thể.

Đến Innsbruck, cô quyết định dừng chân tại một khách sạn cổ rất đắt tiền và sang trọng nằm tại trung tâm thành phố. Cô tự nhủ một phụ nữ Mỹ sẽ ít bị chú ý trong môi trường hào nhoáng ấy hơn là trong một nhà trọ khiêm tốn chật cứng các gia đình đi nghỉ cuối tuần. Thật sự thì cô cũng muốn tự làm cho mình sung sướng, muốn được tắm thật lâu và nằm dài trên một chiếc giường êm ái với những tấm vải trải được giặt là kỹ. Kerry làm y như đã định rồi ngủ thiếp đi.

Cái đói đánh thức cô dậy vào khoảng chín giờ tối. Cô yêu cầu món rau trộn với trứng chiên tại phòng. Món ăn đơn giản này, cùng các thứ đi kèm, chén đĩa, hũ muối, lọ tiêu, bánh mì, bơ, dao nĩa, gia vị, khăn ăn... nằm trên một chiếc bàn tròn được một cô phục vụ mồm mím đẩy vào tận giữa phòng. Sau đó, cô ta vuốt cật lực chỗ chần gối, kéo rèm cửa, đặt lên giường một thanh sôcôla nhỏ xinh bọc trong giấy bạc và biến mất không nói một lời.

Kerry xem qua vài kênh truyền hình, dừng lại một lúc trước các tin tức chính của CNN: Iraq, một vụ xả súng trong trường học ở Newark, thêm một bang nữa chấp nhận hôn nhân đồng tính. Nói tóm lại, toàn chuyện thường ngày. Cô tắt ti vi.

Do chênh lệch múi giờ, cô có thể phải nhận một cú điện thoại từ Paul vào bất cứ lúc nào. Cô bắt đầu suy nghĩ về quyết định của họ. Trước tiên cô chờ xem anh phát hiện được gì. Hoặc Paul tìm ra được cái cô nàng Juliette kia và cô tham gia vào phần tiếp theo. Đó là giả thiết lạc quan nhất, đưa họ quay lại hành động cùng nhau nhanh chóng nhất. Hoặc đó là một ngõ cụt và họ phải ưu tiên cho hướng điều tra vừa được hé mở sau cuộc gặp mặt của cô với giáo sư Fritsch.

Hướng điều tra mới này vẫn còn nhiều điểm chưa được sáng tỏ. Chắc chắn là nhóm của Harrow có liên hệ về mặt tư tưởng và có thể là trực tiếp với các ý tưởng của giáo sư Fritsch cùng với khóa thảo luận năm 67 ấy. Sự liên hệ chắc đã được thực hiện bởi một cựu học viên, vì những ý tưởng ấy chưa bao giờ được công khai. Nghi can lớn nhất đương nhiên là Rogulski. Kerry bắt đầu tự nhủ rằng Paul rõ ràng đã có lý khi thấy vụ việc Wroclaw là một trò đánh lạc hướng. Nếu như Rogulski có dính líu, thì vụ phá hoại phòng thí nghiệm của ông ta là một cách để đặt ông ta ra ngoài vòng nghi vấn và biến kẻ phạm tội thành nạn nhân.

Tuy nhiên, chỉ mình Rogulski sẽ không thể là chìa khóa mở ra tất cả. Sự hỗ trợ của ông ta có thể mang tính chất quyết định về mặt chuyên môn đối với Harrow và nhóm của hắn. Có lẽ ông ta đã cung cấp cho bọn chúng tác nhân truyền bệnh tương ứng với kế hoạch. Nhưng lý lịch của ông ta cho thấy Rogulski chỉ có những phương tiện tài chính khiêm tốn. Ở một thời điểm, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ, Rogulski đúng là vật mũi không đủ đút miệng. Ông ta không thể sắm vai nhà tài trợ cho *Những kẻ săn mồi mới*. Như vậy là trong bức hình còn thiếu vài miếng ghép.

Lần theo hướng của Rogulski sẽ khó. Họ chẳng có bất kỳ lời buộc tội nào chống lại ông ta. Quay lại Ba Lan có cơ chỉ làm mất thời gian

MÙI ADAM

và liều lĩnh vô ích. Rốt cuộc tốt nhất vẫn là tập trung vào chiến dịch hiện tại. Nếu Harrow đúng là đang sở hữu các chủng phẩy khuẩn nguy hiểm kia, thì ưu tiên hàng đầu là ngăn không cho hắn sử dụng chúng. Câu hỏi cốt lõi thật đơn giản: khi nào, và ở đâu? Bao giờ hắn sẽ hành động? Không thể nào có được câu trả lời, trừ phi Paul tìm ra được cô gái. Hắn chuẩn bị phát tán tử thần ở đâu? Kerry tin rằng lời giải đáp nằm ở chỗ giáo sư Fritsch. Cô nhớ lại tay học viên người Trung Quốc, hai khuôn mặt có nét Ấn Độ hoặc Pakistan, một nhóm người Mỹ La tinh trên tấm ảnh của khóa học năm 67. Một chìa khóa rất quan trọng của vấn đề nằm ở đó. Kerry tự trách mình vì đã không lật mặt sau tấm ảnh ngay lập tức để đọc những cái tên. Cô đã được luyện tập để ghi nhớ các từ chỉ trong vài giây quan sát. Chỉ với một cái tên, biết đâu cô có thể lần ra những người khác. Nhưng cô lại không làm. Bây giờ đành phải chờ đến khi nhận được tấm ảnh. Fritsch đã hứa sẽ gửi chuyển phát nhanh cho cô trong tuần tới theo địa chỉ cô cung cấp (địa chỉ của cô bạn Tracy làm ở phòng khám của Paul). Chỉ còn một việc cần làm. Đáng tiếc rằng nó lại là việc cô ghét nhất: chờ đợi.

Hoàn toàn vô thức, trong lúc vẫn đang ngồi trên ghế bành trước bàn ăn, Kerry bắt đầu lại chìm dần vào trong giấc ngủ. Hời chuông điện thoại đột ngột đánh thức cô dậy. Cô đang đặt ngay bên cạnh mình chiếc điện thoại di động mà Paul có thể sẽ gọi vào. Nhưng chiếc đang đổ chuông là chiếc khác: chiếc của Providence. Từ sau tuyên bố kết thúc chính thức chiến dịch, cô đã không dùng đến nó nữa. Lúc chiều cô bị bắt ngờ khi nó đổ chuông hai lần mà không hề có ai ở đầu dây bên kia.

Cô nhìn số hiển thị: giống như hồi chiều, người gọi giấu tên. Cô bắt máy, chờ đợi sự im lặng lần nữa. Nhưng lần này thì đầu bên kia có người.

- Đứng dậy và đi ra cửa sổ.

Đó là giọng nói của Archie, chất giọng Brooklyn không pha chút hòa nhã ăng-lê nào. Chắc hẳn ông ta đang nổi điên.

- Nhưng...

- Làm đi, Chúa ơi. Cô ra chưa? Thấy dưới đường chưa?

Kerry đứng dậy và vạch tấm màn đôi nặng nề ra. Qua cửa sổ, cô trông thấy bờ kè sông Inn bên dưới. Những tảng đá lát đường đắm nước sáng loáng dưới ánh đèn đường vàng vọt. Một hàng lan can sắt chạy dọc theo bờ sông, nổi lên trên nền sóng nước đen ngòm.

- Cô đang đứng ở cửa sổ, đúng hay không?

- Đúng.

- Có một gã đội mũ đứng ở bờ kè, cô có thấy chưa?

Vào cái giờ khuya khoắt này, bờ sông gần như không có ai. Một cặp đôi đang tay trong tay đi qua. Một người đàn ông nhỏ thó dắt chó đi dạo...

- Không.

- Nhìn cho kỹ vào...



Khi ngoái nhìn sang trái một chút, Kerry để ý thấy một gã to cao mặc áo mưa đội mũ phớt, y như vừa từ trong truyện *Người đàn ông thứ ba*¹ bước ra.

- Thấy rồi. - Kerry đáp.

- Anh ta sẽ ra hiệu cho cô.

Cô tin rằng mình nghe thấy một tiếng bíp ở đầu dây bên kia. Rõ ràng là người đàn ông kia cũng đang nghe điện thoại di động. Cô thấy anh ta ngẩng đầu lên, khẽ nhấc vành mũ và vẫy tay, trong khi mắt nhìn về cửa sổ nơi cô đứng.

- Cô thấy anh ta chưa?

- Rồi.

- Bây giờ thì cô ngồi xuống nghe tôi nói đây.

Kerry chậm chậm quay về giường và ngồi xuống mép nệm. Giờ thì cô đã hiểu rõ hơn về mấy cú điện hồi chiều: chúng dùng để định vị cô qua điện thoại. Cú đầu tiên là khi cô còn đang trên đường đi. Họ gọi lại lần nữa khi cô vào tới Innsbruck.

¹ *The third man*: tác phẩm của nhà văn người Anh Graham Green, lấy bối cảnh nước Áo thời kỳ hậu Thế chiến thứ hai.

MÙI ADAM

- Còn những người khác của tôi ở trong sảnh và phía sau khách sạn. Tôi khuyên cô không nên di chuyển mà không báo cho tôi biết. Cô đã đi gặp ai ở Áo?

Kerry tự hỏi liệu Tycen có cho Archie biết tin nhắn của cô về Rogulski và Fritsch không. Nhưng dù sao thì ở thời điểm hiện tại, cô chẳng mất gì khi chơi trò giả ngu.

- Trả lời đi. Cô đã gặp ai ở Áo?

- Mozart.

Ở đầu dây bên kia, cô cảm thấy cơn giận sau khi đã lấy mất thứ tiếng Anh chính thống của Archie nay đã tước luôn của ông già mớ tiếng lóng New York. Ông ta chỉ còn biết thở phì phò. Dần dà ngôn từ cũng quay trở lại với Archie.

- Kể từ bây giờ, cô không làm gì nữa hết. Hiểu chưa? Không gì sát. Những gã bên dưới đã nhận được lệnh can thiệp nếu cô manh động. Đừng có tìm cách giở trò với họ. Họ được một công ty an ninh địa phương cho tôi mượn, và bọn họ được huấn luyện để xuống tay trước khi mở miệng đấy. Cái mặt xinh xẻo của cô cũng không làm bọn họ chùn tay đâu.

- Cám ơn vì lời khen. Tôi đang ở trong một khách sạn rất tiện nghi và không hề có ý định rời đi.

- Rời cái mồm cô ấy! - Archie hậm hực. - Căn cứ vào chuyện anh bạn trai cô đã làm thì tôi sẽ rất kinh ngạc nếu cô quyết định án binh bất động.

Nghe nhắc đến Paul, Kerry run lên.

- Anh ấy đã làm gì?

- Cô tính đùa với tôi hả? "Anh ấy đã làm gì?".

Archie lặp lại câu hỏi bằng cách nhái giọng điệu của Kerry với một biệt tài khiến Kerry nổi xung.

- Đủ rồi đấy, đồ lợn già. Ông có nói cho tôi biết chuyện đã xảy ra với Paul không thì bảo?

Mặc dù bị sỉ nhục, hay có lẽ nhờ bị sỉ nhục, Archie bình tĩnh lại và ngay lập tức ngôn ngữ của ông nhuộm màu Ảng-lê.

- Hừm, thì, sau khi chia tay tôi ở sân bay, anh ta đâu có quay về Atlanta. Anh ta đi lục lọi chỗ bọn sinh thái New York. Mà không phải bọn thường, cô hình dung mà xem: hội kỳ cựu nhất, được tôn trọng nhất, có tầm ảnh hưởng lớn nhất trong số các tổ chức bảo vệ môi trường của Mỹ. Trong khi cũng như cô, Paul đã hứa với tôi sẽ từ bỏ cuộc điều tra. Anh ta đã hứa...

- Chính xác thì chuyện gì đã xảy ra?

- Tôi thậm chí còn tự hỏi ngay cả khi cậu ta không hứa, thì cần cứ vào lời lẽ...

Archie lại bắt đầu rống lên. Kerry phang ngay một câu hỏi để cắt ngang:

- Anh ấy đã gặp chuyện gì? Ông nói trắng ra đi.

- Cậu ta bị tóm rồi. *Thế đấy*, Paul bị tóm rồi.

Có thể cảm thấy Archie đưa mắt lên nhờ trời chứng giám.

- Ai tóm?

- Dịch vụ bảo an của Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên Hoa Kỳ, nơi mà cậu ta đang lén lút đột nhập lục lọi. Cô có ý thức được không? Tôi đã bắt cậu ta hứa dừng cuộc điều tra về bọn môi trường cực đoan và cậu ta đã làm gì? Cậu ta bị bắt ở chỗ đám môi trường ôn hòa, những kẻ không dám làm hại dù chỉ một con ruồi và hàng năm bán xổ số quyên góp tiền cho những người giàu nhất nước Mỹ!

- Không thể nào!

- Không thể là thế nào? Cô chối bỏ sự thật mà được chắc?

- Paul đã hẹn gặp một người nào đó. Một cuộc gặp chính thức đằng hoàng.

- Xem nào, trí nhớ của cô đã quay về rồi nhì.

- Một cô gái mà tay sinh viên ở Lyon đã nói cho chúng tôi biết.

- Có lẽ cậu ta đã dối ý khi gặp cô ta. Hoặc trước lúc đó. Và cậu ta đã lợi dụng cuộc gặp để lục lọi. Cô đi mà tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra trong đầu cậu ta ấy. Còn lâu tôi mới tin cậu ta nữa. Cậu ta đúng là không thể kiểm soát được, và cả cô cũng thế.

MÙI-ADAM

Kerry im lặng một lúc.

- Cô vẫn còn ở đó chứ? - Archie dò hỏi.

- Còn. Ai đã báo với ông về vụ bắt bớ?

- CIA, cô có hình dung nổi không? Thêm vào tất cả mọi chuyện! Và cô biết bằng cách nào không? Bởi vì họ có một nguồn tin ở trong công ty tư nhân làm nhiệm vụ bảo an cho Hội kia. Một gã cựu nhân viên ưa mách lẻo của Cục.

- Thế còn cảnh sát? FBI thì sao?

- Cho đến giờ, theo những gì chúng tôi biết, Paul vẫn chưa bị trình diện trước cảnh sát.

- Vậy là anh ấy vẫn đang bị giữ bởi nhân viên bảo vệ của Hiệp hội... Ông không thấy lạ sao?

- Cô có thể chắc chắn một điều là bộ phận truyền thông của Hiệp hội thiên nhiên đang chuẩn bị một chiến dịch báo chí kèm theo việc giao nộp Paul cho cảnh sát: bọn họ sẽ kêu gào về quyền tự do bị xâm phạm và biến mình thành nạn nhân của trò quấy phá ghê tởm, kêu gọi các ngôi sao ca nhạc và điện ảnh lên truyền hình để bảo vệ cho mình.

- Trước cái gì mới được?

- Có thể đó chính là điều mà bọn chúng đang cố tìm hiểu. Những gã bảo vệ làm vụ này chắc chắn đang cho cậu ta lên chảo. Nếu Paul không khai, chúng sẽ tố cáo cho chính quyền liên bang, những người đang muốn tóm tôi đến chết đi được. Còn nếu bọn chúng lần ra được chúng ta, thì ngành do thám tư nhân sẽ bị vạch mặt, rồi những chuyện lằng nhằng khác, tôi không muốn vẽ ra thêm cho cô... Trong cả hai trường hợp, Providence đều sẽ cáo chung.

- Vậy là vào lúc này, Paul vẫn đang bị giam giữ bởi nhóm lính gác của Hiệp hội?

- Có vẻ như thế.

- Ông không thể bí mật tiếp xúc với họ được à?

Archie bật ra một tiếng cười khinh khỉnh.

- Tôi đã tìm hiểu rồi, chứ cô tưởng tôi ngồi yên à? Hóa ra tay chủ của công ty bảo vệ tư nhân kia là một trong những người từng cộng tác với tôi. Chuyện cũng lâu rồi, nhưng tôi chắc là anh ta chưa quên...

- Tuyệt vời!

- Anh ta chưa quên... là hồi ấy tôi đã sút anh ta ra khỏi cửa vì tội biến thù.

- Vậy ông sẽ làm gì?

- Thì chờ, chứ còn gì nữa. Anh chàng Paul yêu quý của cô bị bắt từ tối hôm qua, tính đến giờ mới được có mười tiếng. Sáng ngày mai, theo tôi, bọn họ sẽ nộp cậu ta cho cảnh sát. Trừ phi chúng muốn đợi đến chiều để mở đầu cho bản tin truyền hình buổi tối. Giữa thời điểm sắp bầu cử như hiện nay, chớ quên rằng bọn môi trường là một trong những nguồn ủng hộ chính của ứng cử viên Đảng Dân chủ. Nếu giới xoay sở thì chúng có thể gây ra một vụ tai tiếng chính trị nhỏ, kiểu như Watergate xanh ấy.

Chỉ cần nói ra một từ hài hước là đã có thể làm nguôi được cơn tức giận của Archie. Ông ngừng một lúc lâu, tập trung vào khoái cảm do câu chế giễu của mình mang lại.

- Phải, - ông kết luận, để được sung sướng thốt ra cái từ đó lần nữa, - Watergate xanh.

Rồi ông lại dùng dùng nỗi giận.

- Tất cả chỉ vì cậu ta đã không làm theo mệnh lệnh của tôi.

Kerry chẳng nói gì. Chắc Archie đang muốn tìm thêm nạn nhân cho sự phẫn nộ của mình, gần gũi và tươi mới hơn, vì ông chốt lại một câu:

- Cô cứ ở yên chỗ cô đang ở. Chúng tôi sẽ báo cho cô biết sau.

Rồi ông cúp máy.

MUI ADAM

III

Innsbruck, Áo.

Kerry vật vờ trong phòng, hết nằm ở giường lại sang ngồi ghế bành. Cô vào phòng tắm, soi mình trong gương, rồi đi đến trước cửa sổ, vén rèm lên và nhận thấy người đàn ông đội mũ phớt vẫn còn đó.

Cùng với thời gian, cô đã lý tưởng hóa các hoạt động bí mật trong ký ức của mình. Cô chỉ lưu lại những khoảnh khắc hưng phấn, kích động sinh ra trong những nỗi sợ hãi và các lần thực thi nhiệm vụ của cái nghề này. Sự việc đang xảy ra lúc này đã mang cô trở lại với thực tế. Đa phần các vật cản dựng lên trước những điệp viên không phải là bởi kẻ thù và với những lý do chính đáng, mà thật ra là những xiềng xích quản lý tinh vi, những tranh cãi giữa các mạng lưới tổ chức, ân oán giữa các sếp vốn dĩ luôn cạnh tranh lẫn nhau. Gần như lần nào Kerry tham gia chiến dịch thì nó cũng kết thúc như thế, bởi những mệnh lệnh trái ngược đáng thất vọng và những vụ rút lui khó hiểu. Ngày trước, sự đối đầu Đông Tây còn cung cấp được những lý giải đơn giản. Hồi ấy người ta cần phải dẹp bỏ những tự ái chính trị, dành chỗ cho những cuộc thỏa thuận, thương thuyết, tránh tất cả mọi sự leo thang quân sự. Nhưng giờ đây khi chiến tranh lạnh đã xa, Kerry nhận ra rằng những trò đó không hợp với cô. Đó chỉ là những vận dụng đáng ghê tởm của một cái nghề trong đó bọn hèn nhát và thất bại chỉ huy những người có can đảm. Chỉ có những bậc thầy về ngoại giao và hèn hạ mới sống sót được trong môi trường này, và Archie là tinh hoa trong số đó.

Khoảng hai giờ chiều, cô gọi cho bọn trẻ ở nhà. Con bé Julia đã có một cô bạn mới, còn thằng em Dick thì bắt đầu tập đánh bóng chày. Rob đang đi San Francisco hai ngày. Cô nói chuyện với Sue, chị vú em.

Sau khi gác máy, Kerry ngồi mơ màng một lúc lâu trên giường, mắt nhìn những diềm trang trí giả đá trên trần. Cô nghĩ tới Paul, rất lo lắng cho anh, và cố tìm tất cả những biện pháp có thể giúp anh được. Đồng thời tình cảm của cô đối với tất cả những người cô yêu quý cũng trở dậy mạnh mẽ. Nó hiện diện khi cô nói chuyện với các con, nó khiến cô khao khát được nghe giọng nói của Rob. Kerry cho rằng mình có cả một hành tinh tình cảm, cũng giống như hành tinh sợ hãi, khinh thường hay căm ghét, và trên hành tinh yêu thương ấy có những lục địa khác nhau mang tên Paul, Rob, Julia và Dick, bạn bè, bố mẹ, mỗi cái đều có địa hình, ranh giới, các vũng vịnh cùng các eo đất nối chúng lại. Tuy vậy số mệnh của hành tinh ấy chỉ có một và không thể chia cắt được. Khi một lục địa rung chuyển thì tất cả những cái còn lại cũng chấn động theo.

Chắc cô đã ngủ thiếp đi, vì mãi một lúc cô mới nhận ra tiếng nhạc mình đang nghe thấy là tiếng chuông điện thoại. Chắc là Archie. Cô cứ để đó. Rồi đột nhiên cô nhận ra chiếc điện thoại đang đổ chuông là chiếc cô đã mua cùng với Paul. Thế nhưng chỉ có mình anh là biết số. Nó đang nằm trong túi quần jean vút trên ghế. Cô lôi nó ra và nhìn màn hình nhấp nháy trong khi đổ chuông. Là Paul, hay những kẻ đã bắt anh?

Hai giả thiết trái ngược vụt qua đầu Kerry trong một thoáng. Cô mở máy.

- Kerry hả?

Đó chính là giọng của Paul.

Nhưng sự cảnh giác của cô vẫn không vì thế mà suy giảm. Cô có nên lên tiếng không? Liệu Paul có đang gọi dưới sự giám sát của những kẻ đang giam giữ anh hay không?

- Kerry, em có nghe thấy không?

- Có.

- Nghe này, anh không có thời gian để giải thích, nhưng anh gặp một rắc rối nhỏ.

- Sao cơ?

MÙI ADAM

Kerry vẫn còn rất dè chừng.

- Anh đã gọi cho mỗi liên lạc của gã sinh viên Pháp. Đó là một cô gái, cô ta đã hẹn gặp anh. Khi anh đến đó, một nhóm người đã ập đến bắt cóc anh.

Kerry mỉm cười trước sự hiểu lầm này. Paul không thông báo cho cô biết rằng anh đã tự do vì anh không biết cô đã hay tin anh bị bắt.

- Anh tự do rồi hả? - Cô cắt ngang.

Đầu dây bên kia vang lên một tiếng cười.

- Bọn chúng không được chuyên nghiệp cho lắm. Vì chúng muốn tra hỏi anh trước khi nộp cho cảnh sát, nên anh đã tận dụng thời cơ để trốn thoát.

Nghe thì ngớ ngẩn, nhưng Kerry đang muốn rơi nước mắt. Tất cả các lực địa trong trái tim cô vừa sáng bừng lên, sau một cơn bão kéo dài.

- Chúng đã dẫn anh đi đâu?

- Mãi tận Bronx. Khi anh thoát ra được bên ngoài, anh đã phải vừa đi bộ vừa trốn tránh các toán cảnh sát trong suốt hai tiếng đồng hồ. Anh sẽ khó mà giải thích được cho bọn họ việc mình đang làm giữa lúc đêm tối.

- Bọn chúng đã không lấy mất di động của anh sao? - Đột nhiên Kerry trở nên nghi ngờ.

- Không, anh đã không mang theo. Anh quay lại khách sạn và lấy nó cùng với thẻ tín dụng và hai cái áo.

- Bây giờ anh ở đâu?

- Tại một bãi đỗ xe, anh đã thuê một chiếc xe hơi, anh đang ở lối ra của New York, phía New Jersey.

Paul đang có tâm trạng hưng phấn của một người vượt ngục bị kích thích bởi hiểm nguy và cuộc săn đuổi, vẫn kiểm soát được hành động của mình nhưng không biết được trong bao lâu nữa, và cảm nhận sự tự do như trong trạng thái say rượu.

- Chúng ta đang đi đúng đường, Kerry ạ. Mỗi liên lạc mà Jonathan đã đưa cho ta chính là một người trong nhóm của Harrow.

- Làm sao anh biết?

Paul kể lại cho Kerry nghe về cô gái, cuộc hẹn tại Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên Hoa Kỳ, việc đối chiếu thông tin với các tin nhắn từ Providence.

- Chúng ta chưa bao giờ ở gần đích đến thế, Kerry ạ. Bọn chúng đã cảm thấy điều đó và đã sợ. Ta làm chúng nhột rồi. Nếu không thì chúng đâu có dựng lên cái bẫy kia để loại bỏ anh.

Kerry mừng tượng ra bình minh ở New Jersey, với các ngọn cây liễu đã bắt đầu xanh trong khi phần gốc của chúng còn chìm trong bóng tối. Cô nhìn thấy Paul cúi người trên tay lái, lì lợm hơn bao giờ hết, đầu hơi hạ thấp, cùng với nụ cười thách thức mà anh vẫn có khi phải chiến đấu.

- Kế hoạch của chúng là nộp anh cho FBI, giả đồ như anh đang lục lọi trong các trụ sở của Hiệp hội. Không tồi, em nghĩ sao? Nhưng chúng muốn truy hỏi anh trước đã. Dựa trên những câu hỏi của chúng, anh hiểu chúng đã biết gần như tất cả quá trình điều tra của chúng ta: cuộc gặp gỡ của anh với giáo sư Rogulski, chuyến thăm bà mẹ của Harrow, vụ việc ở nhà Jonathan. Thậm chí có vẻ như chúng nhận ra chúng ta đã biết vụ vi khuẩn tả. Chúng đã được thông tin rất tốt. Anh nghĩ chúng đã biết đích xác ta đang ở đâu và làm việc cho ai.

- Vậy thì chúng cần tra hỏi anh làm gì?

- Anh có cảm giác bọn chúng muốn biết nhiều hơn về Providence. Chúng tìm cách bắt anh nói ra người nào đã thuyết phục chúng ta tiếp tục, bắt chấp lệnh ngừng điều tra của CIA. Chúng không nhắc tới Archie, nhưng anh tự hỏi liệu có phải chúng đang cần tìm hiểu về ông ta hay không.

- Làm thế nào mà anh thoát được?

- Anh câu giờ. Rõ ràng là bọn chúng chỉ có vài tiếng đồng hồ. Để kế hoạch được thực hiện, chúng cần phải đưa anh quay trở lại trụ sở Hội thiên nhiên trước khi các văn phòng mở cửa trở lại và báo cho cảnh sát. Anh hiểu điều đó, nên anh đã rất cứng đầu trong suốt buổi

MÙI ADAM

thăm vấn. Khoảng độ bốn giờ sáng, chúng ngừng việc hỏi han và chuẩn bị để đưa anh quay lại. Anh được ở một mình trong nửa tiếng, thế là anh chớp thời cơ tự cởi trói và thoát ra bên ngoài.

Kerry đã cố cảnh báo Paul về tình thế hiện tại của họ ngay từ đầu cuộc điện thoại, nhưng anh cứ liên thoảng làm cô không thể nói được.

- Bây giờ, sau khi anh đã trốn thoát khỏi tay chúng, chúng sẽ đẩy nhanh kế hoạch. Anh tin rằng chúng sẽ khởi động phi vụ nhanh nhất có thể. Cần phải đẩy mạnh việc điều tra hơn nữa. Anh sẽ cố gắng truy tìm cô nàng Juliette kia bằng những cách khác. Về phần em thì đến đâu rồi? Em đã biết được gì từ phía giáo sư Fritsch?

- Em chắc chắn có một chìa khóa nằm ở đó. Rất nhiều manh mối đều hội tụ về một nhóm nhỏ những người trước đây đã nghiên cứu cùng với Fritsch. Nhưng...

- Tuyệt lắm. Em có tên của bọn họ không?

- Em biết có thể tìm thấy chúng ở đâu. Nhưng, em xin anh...

- Vậy thì làm đi. Nếu em có một hướng điều tra, thì hãy theo hướng đó.

- Paul! Anh bình tĩnh một lúc nào. Để em nói cái đã.

- Anh nghe em đây.

- Em đang bị kẹt ở Innsbruck. Bị quản thúc, nếu anh muốn, trừ một điều là em đang ở trong một khách sạn. Có những gã được vũ trang bên dưới đường đang theo dõi mọi lỗi ra.

- Ai đã...

- Archie. Lão ta đã gọi điện cho em tối hôm qua. Lão biết anh sẽ bị giao cho FBI.

- Ai đã báo cho Archie biết?

- Lão nói là CIA.

- CIA, nhưng làm thế nào bọn họ biết được nhỉ?

- Bọn họ có một người nào đó ở trong ban an ninh của Hiệp hội thiên nhiên.

- Ông ấy đã nói với em như thế à? Archie đã khẳng định là bọn họ đã cài người vào trong đám bảo vệ của Hiệp hội thiên nhiên sao?

- Vâng.

Paul im bật. Đường dây không được tốt lắm, nhưng Kerry vẫn có thể nghe thấy anh đang thờ phỉ phò như một con bò chuẩn bị kéo xe.

- Paul, có chuyện không hay à?

- Chuyện không hay, đơn giản là những kẻ đã bắt cóc anh *không phải* là nhân viên đội bảo vệ của Hiệp hội thiên nhiên.

- Anh chắc chứ?

- Vào giờ đó thì Hiệp hội không có bảo vệ tại chỗ của riêng mình. Bọn họ chỉ đến khi được gọi hoặc khi có báo động. Kế hoạch là để anh đi vào khu vực văn phòng qua cửa hầm để xe. Natacha, mối liên lạc của Jonathan, đã mở cửa bằng thẻ của mình. Những kẻ đi với cô ta, theo như anh hiểu, không làm việc ở đó. Chắc cô ta đã cho bọn chúng vào từ trước và che giấu chúng. Thế nên cả bọn mới chuẩn ngay bằng xe hơi cùng với anh trong cốp. Anh đoán chắc ý định của chúng là đưa anh trở lại đó vào lúc sáu giờ rưỡi sáng. Khi đó Natacha đã kịp gọi cho bộ phận an ninh đưa ra cơ là cần đến làm việc sớm, đi cùng với một người bạn, và cả hai đã bắt gặp anh đang lục lọi. Đại loại thế. Cái chính là đám bảo vệ không có *bất cứ* cách nào để biết được chuyện đã xảy ra trong buổi thẩm vấn của anh, vì lúc đó bọn họ đã bị đánh động đầu.

- Ý anh là nếu CIA biết được về vụ bắt giữ anh, thì điều đó có nghĩa là Cục đã... thâm nhập vào nhóm của Harrow sao?

- Đó quả thật là một cách giải thích.

- Chính vì thế mà người ta đã yêu cầu Archie chấm dứt cuộc điều tra! Họ đã theo dõi Harrow rồi và không muốn bị chúng ta giẫm chân.

Paul suy nghĩ một lúc lâu.

- Đó là giả thiết tốt nhất.

MÙI-ADAM

- Anh còn cái nào khác à?

- Một giả thiết khác, - Paul trầm ngâm nói, - là... một kẻ nào đó từ trong CIA đang tìm cách bảo vệ cho Harrow.

Sức nặng từ câu nói này làm hai người im lặng trong khi nghiền ngẫm các hệ lụy của nó. Tất cả mọi mệt trong Kerry đã biến mất. Năng lượng của Paul đã truyền sang cô. Cô rảo bước trong phòng, trên người không một mảnh vải, điện thoại áp vào tai.

- Chúng ta không còn lựa chọn nào nữa. Nhất định phải tiếp tục thôi. Không thể tin tưởng vào ai khác ngoài hai chúng ta, để ngăn chặn nguy cơ sắp diễn ra.

- Cho em thời gian đến tối mai. Em sẽ moi được thêm thông tin về các học viên của giáo sư Fritsch mà em đã nói với anh. Đó là cơ hội tốt nhất của chúng ta.

- Anh tưởng em đang bị quản chế trong khách sạn?

- Anh quên ta trưởng thành từ cùng một lò đào tạo rồi à? Với lại, điểm môn kỹ thuật sống sót trong môi trường thù nghịch của em cao hơn anh mà.

- Được rồi. - Paul nói. - Tối mai anh sẽ gọi em.

- Còn anh, anh sẽ làm gì? Tìm cô gái à?

- Ừ, nhưng ngay lúc này, anh có cảm giác việc cấp bách nên làm là cố tìm hiểu xem chuyện gì đang xảy ra ở Providence.

- Người nào tìm ra được cái gì trước có quyền bảo người kia theo mình. Em muốn được ở cùng anh, Paul ạ. Rất muốn.

Tất cả những màn dạo đầu đã kết thúc tốt đẹp và sự xa cách này bỗng trở thành thừa. Cả người này lẫn người kia đều chỉ có một ham muốn: được ở bên nhau, chia sẻ với nhau mọi thứ. Sự thiếu thốn ấy khiến trong họ bùng lên một năng lượng mãnh liệt.

Khi Paul gác máy thì trời đã sáng bạch. Anh khởi động máy xe, gây ra một tiếng kít trên mặt đường và quay đầu, trực chỉ hướng nam, phía bờ biển Rhode Island.

Rhode Island, Hoa Kỳ.

Barney lập gia đình muộn. Ông đã ngoài bốn mươi khi cưới Salehwork, một cô gái Ethiopia kém ông mười lăm tuổi. Ông gặp cô tại một cuộc hội thảo của Ngân hàng thế giới. Trong năm năm sau khi rời khỏi CIA, ông đã làm việc tại Washington, trong ban an ninh của tổ chức tài chính quốc tế này. Chính ở đó Archie đã tìm đến thu nhận Barney vào thời điểm ông bắt đầu cuộc phiêu lưu mang tên Providence.

Salehwork là một nhà kinh tế học trẻ tuổi tại Ngân hàng, chuyên môn của cô là các vấn đề điều chỉnh cơ cấu. Cô sang Mỹ cùng với cha mẹ để chạy trốn khỏi cuộc khủng bố đỏ tại Ethiopia sau cách mạng năm 1974. Barney không hiểu được tại sao, nhưng ông cảm thấy an toàn hơn kể từ sau khi cưới cô. Cứ như thể cuộc hôn nhân ấy đã chấm dứt một sự chịu đựng, một sự khó ở gắn liền với việc xác định bản sắc của những người Mỹ gốc Phi. Nhờ có cô, ông không còn lập lờ giữa các nguồn gốc đối lập nhau: ông có gốc gác từ châu Phi, nhưng không hề dính dáng gì đến chế độ nô lệ hay thực dân, một châu Phi nguyên vẹn, để vương và hãnh tiến, vốn đã khắc sâu dấu ấn muôn đời.

Bản thân Salehwork lại tượng trưng cho sự độc lập kiêu kỳ của xứ Abyssinia, quê hương cô. Barney thích ngắm cô mặc áo dài trắng truyền thống. Cô mặc nó mỗi khi tham dự một buổi lễ của giáo hội chính thống Copte. Sáng hôm ấy, ông đã chở cô đến Rhode Island cùng hai con gái, tám tuổi và sáu tuổi. Bọn trẻ cũng mặc cùng kiểu áo bằng vải lanh trắng viền chỉ vàng khéo léo. Barney đã xúc động nhìn theo bóng dáng ba mẹ con đi xa dần. Rồi cả ba xoay người vẫy tay chào ông trong lúc leo lên các bậc thang của nhà thờ chính thống giáo. Do tôn trọng, hay cũng có thể do sợ cảm thấy tội lỗi nếu để lây truyền sang cho họ con virus nguy hiểm của sự hoài nghi và khó chịu, nên Barney không theo đạo. Ông không tham dự vào những buổi lễ này và tự bằng lòng với việc đưa ba mẹ con đến nơi.

MÙI ADAM

Giống như mọi lần trong hoàn cảnh tương tự, Barney vẫn còn rất xúc động khi quay lại xe. Ông đã đậu xe ở khá xa nhà thờ, vì nó nằm giữa khu vực dành cho người đi bộ. Một nhân viên bảo vệ đang uốn oải ngồi trong chót gác, hờ hững canh lối ra của bãi đỗ. Anh ta còn mãi xem một bộ phim võ thuật bằng chiếc máy quay đĩa DVD cầm tay nên cũng chẳng buồn đáp lại câu chào của Barney. Ông đi hai vòng quanh mấy chiếc xe đang đỗ trước khi tìm ra được chiếc Ford mà ông đã bắt cần đậu bữa lúc đến. Barney ngồi vào sau tay lái, vặn chìa khóa, nhưng phải lặp lại ba lần mới khởi động được chiếc xe già cỗi. Ông ra khỏi bãi đậu xe rồi đi về hướng tây. Dù đang là chủ nhật, Barney vẫn muốn tạt qua văn phòng. Những hợp đồng mới mà Archie đã mang về sau chuyến công du Viễn đông bắt đầu phát huy tác dụng. Bộ phận điều phối trở nên quá tải vì công việc.

Barney dò một kênh radio ca nhạc, mở cửa kính vì máy điều hòa trong xe không còn hiệu quả nữa. Ông thích huyết sáo nhỏ nhỏ trong lúc nhìn cảnh vật trôi qua. Sau khi đã lái xe ra khỏi Rhode Island được hai mươi dặm thì Barney cảm thấy trên băng ghế sau có người ngồi.

- Chào ông, Barney.

Khung kính chiếu hậu ôm lấy khuôn mặt bình thản và tươi cười của Paul.

- Rất tiếc phải báo với ông rằng tôi có vũ khí. - Paul nói tiếp. - Và để giải tỏa cho chúng ta vấn đề này ngay lập tức, tôi muốn ông rút khẩu 7.65 ra rồi đặt nó lên ghế hành khách.

Archie đã nhấn mạnh các nhân viên của Providence không được mang vũ khí, trừ khi đang làm nhiệm vụ. Nhưng vẫn có một ngoại lệ dành cho vị giám đốc điều hành, do các nguy cơ của công việc.

Barney làm theo. Paul tịch thu khẩu súng.

- Anh chơi trò gì vậy Paul?

- Có thể rồi ông sẽ làm tôi yên tâm. Nhưng lúc này thì tôi xin lỗi, tôi không tin ai hết.

- Anh muốn đi đâu?

- Ra khỏi quốc lộ. Chúng ta sẽ dừng lại tại quán cà phê đầu tiên nhìn thấy. Ta cần phải ngồi xuống nói chuyện nghiêm túc với nhau.

Barney tiếp tục lái xe, nhưng chậm hơn. Ông đóng cửa xe cho bớt ồn và có thể nói chuyện bình thường.

- Anh có vẻ mệt mỏi. - Ông nói, liếc mắt vào gương chiếu hậu.

- Mệt bã người. Đêm qua tôi không ngủ.

- Phòng khám thế nào rồi?

- Đã một tuần nay tôi không liên lạc gì với họ. Cái vụ việc chết tiệt này đã nuốt chửng tôi hoàn toàn.

- Anh có tin tức gì của Kerry không?

Paul nhún vai.

- Ông chắc phải biết rõ hơn tôi lúc này cô ấy đang ở đâu chứ?

- Anh nhầm rồi, Paul ạ. Tuần trước Archie đã bắt tất cả chúng tôi ra khỏi vụ điều tra của hai người và kể từ đó là sự im lặng hoàn toàn.

- Chính đó là điều tôi đang muốn nói với ông đây.

Hai người đã ra khỏi đường lớn và lúc này đang chạy trên một miền đồng quê thi thoảng điểm vài ngôi nhà sơn trắng được bao quanh bởi những bãi cỏ cắt tía cẩn thận. Ngôi làng đầu tiên họ đi qua hoàn toàn trống vắng. Tất cả các giáo dân chắc đang ở trong nhà thờ. Ở lối ra của khu dân cư, trên một bãi đỗ xe nhỏ, họ tìm thấy một quầy bán thức ăn nhanh. Nó là một thùng côngtenơ cũ, đặt trên mấy viên gạch, được khoét thủng một lỗ ở bên cạnh bằng đèn xì. Ba bốn cái bàn kèm dù che nắng đang chờ thực khách. Barney đậu xe và hai người ngồi vào chiếc bàn ở xa cái côngtenơ nồng mùi dầu chiên kia nhất. Một anh chàng Mỹ la tinh vui vẻ đến nghe họ gọi món. Anh ta tỏ ra thất vọng khi họ bỏ qua các loại bánh kẹp xúc xích và chỉ gọi Coca.

Bây giờ, khi hai người ngồi đối diện nhau, Paul cảm thấy không thoải mái. Anh xấu hổ vì đã ngờ vực Barney và đột nhập vào xe ông.

- Dừng trách tôi nhé. Lúc này tôi là người đang bị săn đuổi.

- Điều đó đâu có ngăn anh nói rằng chúng ta là bạn bè. Tôi

MÙI ADAM

không biết liệu anh có tin không, nhưng tôi đã đợi chuyển viếng thăm bất thần của anh đấy.

- Điều gì khiến ông nghĩ tôi sẽ đến?

- Cách mà mọi chuyện đã diễn ra ở Providence. Anh biết đấy, một số trong chúng tôi không thể hiểu nổi quyết định của Archie. Đừng một cái, không giải thích gì cả, ngừng điều tra. Kerry và Paul không còn cộng tác với trụ sở nữa. Buộc phải chấm dứt mọi liên lạc với họ.

Barney đưa bàn tay họ pháp lên vuốt mái tóc cắt sát, như thể vừa mới bị đánh một cú vào đầu.

- Vậy mà, hồi đầu không ít người đã hoài nghi về vụ này, trong đó tôi là người đầu tiên. Nhưng từ khi hai người đến, mọi người đã dốc hết sức lực mà ủng hộ. Chúng tôi đã vận động nhau, cùng nhau dựng lại câu chuyện về nhóm của Harrow, và tất cả đều chắc chắn rằng hắn đang chuẩn bị đánh một đòn cực mạnh, một thách thức toàn cầu.

Paul nhận ra ở đây có hiệu quả thuyết phục của Kerry, người đã thành công trong việc tập hợp cả ê kíp quanh mình trong dịp công tác ở Providence. Anh cảm thấy hơi ghen tị. Một mình anh thì chắc chắn không thể thuyết phục được họ đến mức ấy.

- Đối với tôi thì vụ việc này gần như là một vụ cá nhân, - Barney nói tiếp. - Cũng giống như anh, tôi tin chắc rằng những kẻ này sẽ tấn công vào các nước thế giới thứ ba, những nước nghèo nhất, và châu Phi sẽ hứng đòn trước tiên. Đúng là một bọn tân phát xít. Chúng không còn muốn thăm sát con người vì chủng tộc, vì quan điểm hay tín ngưỡng của họ nữa... Chúng muốn loại trừ họ chỉ đơn giản vì họ quá đông. Tư tưởng này không làm tôi bất ngờ. Tôi đã e ngại điều đó từ nhiều năm nay cho những người cùng màu da với tôi, những người châu Phi, dù cho họ ở bên ấy hay ở đây. Chịu đựng mãi rồi chúng tôi trở thành đáng ghét, chúng tôi cản trở sự tiến bộ, chúng tôi là một vết nhơ đối với xã hội của những người giàu. Để rồi một ngày, người ta đến tuyên bố rằng chúng tôi quá đông, rằng chúng tôi không đáng được sống.

Những đoàn xe tải chạy đan vào nhau trên đường, làm cho lời tâm sự của Barney trở nên gần như không nghe được. Nhưng Paul cũng đã nắm được ý chính. Từ sâu trong đáy lòng, Barney đứng về phía anh. Anh đã gõ đúng cửa khi gặp ông.

- Ông nghe này, - Paul nói. - Chúng ta cần phải biết được chuyện gì đang diễn ra với Archie. Tại sao ông ta lại đột ngột thay đổi ý định? Điều gì đã thuyết phục Archie giải tán chúng tôi? Có thật là CIA đã yêu cầu ông ta làm như thế không? Và nếu đúng vậy, thì ai nhận trách nhiệm vụ này ở trên Cục?

Barney ngẫm nghĩ trong lúc uống một ngụm Coca. Gương mặt ông trầm trọng hơn bao giờ hết, đối lập hẳn với cái ly cao và thon có in hình chú chuột Mickey tươi cười.

- Tôi đã xác minh một việc, sau quyết định của Archie, - Barney nói. - Một cách bí mật, nhờ các mối liên lạc mà tôi vẫn còn giữ với Cục, tôi đã tìm hiểu xem quả thực họ có làm tiếp vụ này hay không.

- Rồi sao?

- Theo tôi được biết, thì chẳng có ai ở Langley được giao điều tra về Harrow cả.

- Ý ông là họ đã đẩy chúng ta đi mà không đưa ai vào thế chỗ sao?

- Không một ai. Một sự chìm xuống thật sự. Hồ sơ bị đóng.

Hai người nhìn nhau chăm chú. Người này có thể thấy người kia đang suy luận rất lung.

- Chuyện này khẳng định điều tôi đã nghĩ, - Paul nói. - Có kẻ nào đó ở CIA đang bảo vệ cho Harrow.

Anh kể cho Barney nghe về sự việc xảy ra ở Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên Hoa Kỳ, và vai trò mờ ám của một kẻ tay trong của Cục đối với Archie trong việc đó.

- Ông có biết đích xác Archie liên hệ với ai ở đó không?

- Không. Ông ấy luôn kín bưng về các mối liên hệ của mình. Thói quen bưng bít ngày xưa ấy mà. Nhưng xét về cấp bậc thì Archie chắc phải quen với các nhân vật cấp cao nằm trong ban lãnh đạo của Cục.

MÙI ADAM

- Chắc chắn không phải là giám đốc điều hành. Cái ghế đó bị đổi chủ liên tục. Thêm vào đó, ông ta đóng vai trò thuần túy chính trị và không bao giờ tự mình chủ động khởi xướng các kế hoạch hành động.

- Archie thường nói với tôi về Marcus Brown, tay phó tướng... Nhưng đáng tiếc, ông ta là một bí mật. Không có ai từng trực tiếp làm việc với ông ta cả.

- Tôi cũng đã nghe về điều này. Nếu như anh muốn, tôi sẽ cố xác minh lại. Tôi cũng sẽ thăm dò về tất cả các nhân vật cộm cán trong ban lãnh đạo.

- Ông sẽ làm chuyện đó à?

- Tất nhiên rồi.

Đây chính là điều làm Paul bận tâm nhất: Barney chấp thuận giúp đỡ anh. Kết quả như thế nào mặc kệ. Dẫu sao thì anh và Kerry cũng không còn đơn độc nữa. Paul vươn tay ra dưới gầm bàn và nắm lấy khuỷu tay Barney.

- Cảm ơn ông!

Barney gật đầu nhưng không mỉm cười. Nét mặt ông tỏ rõ quyết tâm của một người hành động theo niềm tin của mình và không cần đến lời cảm ơn của ai cả.

- Thế còn nhóm của ông thì sao? Ông có nghĩ là một vài người trong số họ vẫn chấp thuận giúp chúng tôi không?

- Tất cả. Tycen, Tara, Kevin, kể cả Alexander, tất cả đều ủng hộ hai người. Tôi bảo đảm. Khi anh cần họ giúp đỡ cứ bảo tôi. Chỉ cần giữ bí mật.

- Vì Archie à?

- Nhất là vì Lawrence. Khi Archie giải tán anh và Kerry, ông ta mừng ra mặt. Đó là một điểm thắng lợi ông ta ghi được trước tôi. Anh phải nghe những lời chế giễu của ông ta về cuộc săn tìm chuột thí nghiệm và còn những cái vớ vẩn khác nữa. Nhờ có chuyện này, ông ta đã thu phục được các đồng minh mới, những người tâm thường, những kẻ ghen ghét, những tay no cơm ấm cật vốn chưa

bao giờ chịu được sự tin tưởng của Archie dành cho tôi. Nhưng cũng may là chuyện này sẽ không đi quá xa.

Ông chủ quầy đã bắt đầu lảng vảng quanh họ được một lúc. Anh ta vẫn chưa từ bỏ ý định mời họ mua bánh mì kẹp thịt. Đã đến lúc đánh bài chuẩn.

- Tôi chắc chắn là Archie hẳn phải giao cho Lawrence việc truy tìm hai người bằng mọi giá, - Barney kết luận. - Có thể chính những người của ông ta đang bắt giữ Kerry tại Áo.

- Tôi sắp sửa phải cần đến sự giúp đỡ của ông. Kerry sẽ gửi cho tôi một danh sách những người ta cần phải tìm ra và lập hồ sơ về họ. Những cái tên mà cô ấy đang chuẩn bị lấy được ở bên Áo. Việc này sẽ không đơn giản, tôi nghĩ thế: những thông tin mà cô ấy có thể thu được có xuất xứ từ thập niên sáu mươi.

- Cứ gửi cho tôi. Tôi sẽ đưa anh một đầu mối liên lạc để có thể trực tiếp liên hệ với tôi. Anh có thể gửi cho tôi những gì anh muốn mà không sợ bị đám tay chân của Lawrence bắt được.

Barney nguệch ngoạc một số điện thoại di động và một mã bưu điện lên một mẫu giấy.

- Một điều cuối cùng, - Paul nói. - Ông còn nhớ cô gái người Pháp đã dính tới vụ Wrocław không? Cô gái mà viên thanh tra của cơ quan an ninh quốc nội Pháp đã mách cho chúng ta ấy?

- Nhớ chứ.

- Tôi đã bị tóm ở New York trong lúc tìm kiếm cô ta đấy.

- Cũng lạ, khi anh bảo tay sinh viên đã cung cấp cho anh một manh mối, tôi đã nghĩ ngay tới một cái bẫy.

- Tôi cũng thế. Nhưng tôi đâu còn lựa chọn nào khác. Ta cần phải tóm cô gái đó bằng mọi giá. Liệu ông có thể tìm hiểu các thông tin về cô ta ở bên Pháp, kiểm tra danh sách hành khách trên các chuyến bay, tìm ra những số điện thoại được gọi từ máy di động của cô ta, xác định vị trí của cô ta... Bất kỳ cái gì, miễn là giúp tôi tiếp tục truy tìm cô ta.

MÙI ADAM

- Tôi sẽ xem mình có thể giúp được gì.

Họ đứng giữa quang cảnh tồi tàn của cái quán ven đường, nồng nhiệt siết chặt tay nhau trước ánh mắt cảm động của anh chàng phục vụ người Mễ. Chắc anh ta sẽ rất ngạc nhiên nếu biết lúc mới đến đây một người đã giở súng đe dọa người kia.

- Cảm ơn ông, Barney.

- Tôi cho anh quá giang về nhé?

- Lúc này, anh biết rồi đấy, chiếc xe của tôi là nhà. Tôi đã để nó lại ở cửa ngõ tây của New Port.

- Tôi sẽ chờ anh đến đó. Anh hãy đeo kính và đội tóc giả vào. Không nên để ai đó nhìn thấy chúng ta đi cùng nhau ở khu vực này.



downloadsachmienphi.com

IV

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Innsbruck, Áo.

Khách sạn Inn chủ yếu là nơi để cho khách du lịch lui tới, nhưng cũng phải là những người đặc biệt. Đa phần du khách quốc tế đổ về Viên và Salzburg. Việc đi đến tận Innsbruck thể hiện một sự quan tâm sâu sắc hơn đối với nước Áo, nhất là vào mùa hè. Vì vậy những du khách này thường là người Đức. Họ khám phá đất nước láng giềng của mình, đánh giá những biến tấu trên cùng một chủ đề quen thuộc: các nhà thờ kiểu ba-rốc, những ngôi nhà có lối trang trí bằng nhiều nẹp gỗ, các tấm biển có đề chữ kiểu gô-tích. Đại đa số khách du lịch là những cặp vợ chồng lớn tuổi, xen lẫn trong số họ cũng có vài bà góa, còn những người đàn ông đơn độc hiếm hoi thì thường đi tách ra và dành thời gian cho bia rượu.

Sự hiện diện giữa một nơi đáng kính như thế của một phụ nữ Mỹ đi một mình, đẹp lạ lùng và với vẻ sự thoải mái gần như buông

tuồng tại khách sạn đã gây ra cả một đợt sóng những lời xì xầm, lại càng được thể vì trời đã chuyển mưa. Gần như chẳng cần thiết phải dùng đến những người đàn ông có vũ trang để canh chừng Kerry: tất cả hành động và cử chỉ của cô đều bị các khách trọ trong khách sạn dò xét, bình phẩm, có khi cả ghi lại nữa.

Sau khi nhận được cú điện thoại của Paul, cô kín đáo thay đổi cách cư xử và bắt đầu quan sát. Cô xuống dùng bữa sáng ngay khi phòng ăn vừa mở cửa. Ngồi ở bên dưới ngọn đèn chùm và bộ sừng hươu, Kerry ghi nhận những chi tiết của các vị khách đang lần lượt đi qua trước dãy bếp ủ nóng các món ăn tự chọn. Những người dậy trước tiên rõ ràng là những người đi công tác hoặc dân làm ăn buôn bán. Sau đó là những bác cao niên lạnh lợi. Vào lúc tám giờ sáng, họ đã ăn vận chỉnh tề, cẩn thận kết hợp áo choàng len truyền thống với những trang phục giữ ấm bằng chất liệu Gore-Tex theo mốt mới nhất.

Sau đó Kerry ra ngoài sảnh để quan sát những người đi dã ngoại lên đường. Một số người đi bộ, chắc chắn để dạo quanh thành phố. Những người khác mang theo ba lô, rõ ràng có ý định đi sâu hơn vào vùng núi, với dự tính tiết kiệm thời gian bằng cách đi xe hơi ra khỏi thành phố. Từ hàng hiên dọc theo phòng khách có thể nhìn thấy bãi đỗ xe của khách sạn nằm trong một cái sân. Kerry nhìn thấy một cặp leo lên xe rồi ra đi trên con đường song song với bờ kè. Hai người của Archie đang chốt con đường đó. Họ đứng ở hai bên cổng.

Suốt cả ngày Kerry hết lên phòng lại xuống dưới tầng trệt. Cô mua trang phục của Áo trong một cụm cửa hiệu nhỏ ăn thông với hành lang khách sạn, sau đó viết mấy tấm bưu thiếp cho bọn trẻ. Cô nhét chúng vào trong một cái thùng thư đồ sộ bằng đồng có chạm khắc biểu tượng của dòng họ Habsburg¹. Bắt đầu từ năm giờ chiều, cô lại ngồi rình ở sảnh. Một lúc sau thì cặp du khách đã rời

¹ Gia huy của dòng họ Habsburg có hình con đại bàng hai đầu, từng là quốc huy của nước Áo cho đến năm 1918.

MÙI ADAM

khách sạn bằng xe hơi quay về. Người đàn ông da dẻ đỏ au trong tư thế của người chinh phục, đầu đội chiếc mũ kiểu Tirol hơi lật ra sau một chút.

Một tấm bản đồ khu vực to được treo ở gần thang máy. Kerry đã cẩn thận ngồi xuống cạnh đây. Vừa quay về, hai du khách dã ngoại tiến lại gần bản đồ trong khi các khách trọ khác vây quanh họ đầy tò mò. Họ nói chuyện bằng tiếng Đức, nhưng chẳng khó mấy để hiểu họ đang lên mặt với đám người kia trong lúc chỉ vào một đỉnh núi thấp nằm cách thành phố vài cây số. Kerry đứng dậy và trà trộn vào nhóm người. Người đàn ông đang kể lại chuyến dã ngoại của mình nhận ra cô trước và lập tức ưỡn ngực, dùng ngón tay vạch lại lộ trình mà họ đã đi. Cô lịch sự hỏi xem cặp đôi có nói được tiếng Anh hay không. Họ hiểu khá tốt. Kerry liền hỏi về chương trình ngày hôm sau của họ. Hai người tự hào tuyên bố là vào đúng tám rưỡi sáng, mọi người sẽ thấy họ trong xe hơi với một mục tiêu đáng kể: một núi băng nằm cách đó ba mươi cây số.

Kerry chúc hai người may mắn rồi lảng đi.

Như thường lệ, thời gian còn lại của buổi tối trôi qua trong yên lặng và chán chường. Các khách dã ngoại đi ngủ ngay sau bữa tối. Mấy người chơi bài canasta thì dốc túi vào các lần tổ bài với mỗi điểm tương đương một xu euro.

Sáng ngày hôm sau, hai nhà chinh phục đỉnh cao hôm trước xuống ăn sáng vào lúc bảy giờ rưỡi. Một giờ sau, họ đặt ba lô vào ghế sau chiếc Passat và rời khách sạn Inn theo hướng Hochgleitcher với dự tính đến nơi trước mười giờ sáng. Hai người cẩn thận đậu xe trong bóng râm ở tít cuối bãi xe, nơi lối mòn bắt đầu. Họ vác những chiếc túi da nhỏ lên lưng, cầm lấy gậy leo núi rồi vừa lên đường vừa huýt sáo khe khẽ.

Mười phút sau, khi đã cẩn thận lắng nghe xem chung quanh đã yên tĩnh thật sự hay chưa, Kerry chui ra khỏi cốp chiếc Passat. Cô đã kịp nghiên cứu bản đồ tối hôm trước. Từ bãi đậu xe, cô chỉ cần đi bộ một cây số là đến được con đường cái nối Innsbruck với

Munich. Sau đó thì đành nhờ vận may. Nhưng ở Áo hay ở đâu cũng vậy thôi, một cô gái xinh đẹp cần đi quá giang sẽ không phải đợi lâu để được một tay tài xế mời lên xe.

. ♦ .

Từ Philadelphia, Juliette trở về Salt Lake City trên chuyến bay của hãng United Airlines. Cô đã nhét cái lọ đỏ vào trong va li ký gửi nhằm tránh bị kiểm soát.

Trong chuyến bay, cô nốc hai viên thuốc an thần cùng với một lon Coca dành cho người ăn kiêng. Như cô đã lường trước, mỗi căng thẳng gắn với sự khởi động của chiến dịch đã đẩy sự kích động của cô lên cao trở lại. Một lần nữa Juliette cảm thấy hưng phấn, bạo dạn, tò mò trước mọi chuyện, cô đang ở giới hạn của sự đảo lộn thực sự. Bất cứ lúc nào cô cũng có thể mất tự chủ. Nhưng cô đã đặt cho mình nguyên tắc là dùng thuốc bất kể có chuyện gì xảy ra, ngay cả khi cô cảm thấy khỏe. Nhất là khi cô cảm thấy thoải mái.

Harrow đợi cô ở bãi đỗ xe của sân bay, trong một chiếc Nissan Patrol màu be mang biển số Utah.

Juliette cực kỳ xúc động khi gặp lại hấn, mặc dù cô chỉ mới xa hấn có hai ngày. Cô rất hạnh diện vì đã hoàn thành nhiệm vụ. Có một niềm vui gần như kiểu nhà binh trong nỗi sung sướng được làm theo mệnh lệnh. Cô thấy dịu lòng trước ý nghĩ từ nay Ted là tất cả những gì mang ý nghĩa gia đình đối với cô.

Cô lặng im ngắm nhìn hấn lái xe. Trong ngôi nhà ở Colorado, cô đã rất thành thật khi tự nhủ rằng mình hoàn toàn không cảm thấy bị hấp dẫn thể xác bởi hấn. Giờ đây, trong sự mật thiết đặc biệt nảy sinh từ một bí mật mà họ cùng chia sẻ, một ham muốn bất ngờ bùng trào dâng trong sâu thẳm tâm hồn cô. Juliette thầm nhắc mình rằng sự thiếu thỏa mãn này chỉ có thể đem lại cho cô thêm nhiều năng lượng hơn để hoàn tất những gì mà cô được yêu cầu thực hiện.

MÙI ADAM

Harrow lái xe đưa cô đến một tòa nhà tầm thường nằm ở ngoại ô Salt Lake City. Họ leo lên tầng hai bằng chiếc cầu thang sắt lộ thiên. Ở đó, họ đi theo một hành lang tầm tối với hai bên tường vẽ đầy những ký hiệu nguệch ngoạc cho đến một cánh cửa không đề tên. Harrow gõ ba tiếng. Căn hộ gần như trống rỗng, chỉ có hai cái giường sắt và một cái bàn. Một gã trai vạm vỡ tóc vàng, người đã mở cửa cho họ, thông báo thời điểm họ rời phòng đã được ấn định sẵn vào lúc mười hai rưỡi đêm nay. Gã chỉ hai cái túi bằng vải dù đi biển đặt dưới đất rồi nói với họ là tất cả đã được sắp xếp sẵn sàng ở bên trong. Trên bàn, mấy cái bánh mì kẹp thịt cùng vài chai soda đã được chuẩn bị cho họ. Harrow nói cảm ơn trước khi gã rời phòng, không quên hện gập lại vào lúc mười một giờ ở dưới chân tòa nhà.

Hai người nằm duỗi thẳng trên chiếc giường của mình đánh một giấc ngủ trưa ngon lành, để dự trù cho một đêm không ngủ. Juliette quay người làm chiếc giường sắt kêu cọt két.

- Ted này...

- Há?

- Anh không ngủ à?

- Chưa.

- Em muốn hỏi anh...

Hắn nằm im chờ đợi. Hai chiếc giường được đặt lộn đầu, nên cô nhìn thấy đế giày nhọn mũi của đôi ủng Mế tây cơ của hắn.

- Trong cái lọ có gì thế?

Hai chiếc ủng biến mất, thay vào đó là gương mặt giận dữ của Harrow.

- Cô cứ bằng lòng với nhiệm vụ của mình đi, đừng có thắc mắc.

Hắn trả lời bằng một giọng khiêu khích, và câu nói của hắn không chấp nhận bất cứ sự phản đối nào. Juliette ngậm miệng. Xét cho cùng thì cô đã chấp nhận sự cam kết ấy khi đã biết nguyên nhân và không hy vọng sẽ được đối xử khác đi. Điều khiến cô thấy không thoải mái là cảm giác hắn không tin cô. Cô muốn biết cái lọ chứa gì, với ý muốn có thêm động cơ hành động. Câu hỏi của cô

không phải là biểu hiện của một sự thiếu tin tưởng, mà đúng hơn là một cách để củng cố thêm sự sùng kính của mình.

Cô đã suy nghĩ rất lâu về sự vâng lệnh. Cuối cùng cô đi đến kết luận là Harrow có lý. Niềm tin và lý trí là hai thứ hoàn toàn khác nhau. Khi ông thánh Augustin xuất hiện, là bởi vì ngọn lửa thiêng của những tín đồ Công giáo đầu tiên đã nguội đi. Những điều vĩ đại chỉ được thực hiện trong sự tuân phục mù quáng, sau khi đã vượt qua sự khai sáng đầu tiên của việc theo đạo.

Cô thấy bất ngờ với chính mình khi nghiêng ngả trong đầu những ý nghĩ mang màu sắc tôn giáo đến vậy. Cuối cùng Juliette tự bảo mình việc nhắc đến những người theo phái Mormon chắc hẳn đã âm thầm ảnh hưởng lên tinh thần của cô. Sau đó cô thiếp đi.

Đúng mười một giờ như đã định, một chiếc xe hơi đến đón họ ở chân tòa nhà. Cầm lái là một người đàn ông im như thóc, cũng có thể ông ta bị câm. Ông ta không hề nói chuyện với họ trong suốt hai giờ đi đường. Nơi ông ta thả họ xuống chẳng có điểm gì đặc biệt. Nó chỉ là một đoạn cong của con đường, nằm rất sát hồ muối. Từ đó người ta có thể đặt chân lên bề mặt bằng phẳng của hồ chỉ bằng cách băng qua gờ dốc trái đá dăm của con đường. Chiếc xe nhanh chóng rời đi.

Đó là một đêm không trăng, cũng chẳng có mây, chỉ có những ngôi sao chi chít rải ánh sáng lạnh lẽo của chúng lên mặt đất lấp lánh như gương. Phía chân trời, hình thù uốn lượn của các đỉnh núi có thể phân biệt rõ với bầu trời vì chúng có màu đen thẫm và thiếu các ngôi sao lấp lánh. Một cơn gió nhẹ thổi đến, mang theo sự mát dịu từ những hẻm núi lạnh lẽo của dãy Rocky Mountain. Ngồi lên hai cái túi mang theo, Juliette và Harrow đợi gần một tiếng đồng hồ. Thế rồi đột nhiên, ở cách chỗ họ vài trăm mét, không hề được báo trước, hiện lên hai hàng đèn màu trắng. Tưởng như đó là những dây đèn trang trí Giáng sinh đặt trên mặt đất. Khi nhìn kỹ hơn, Juliette nhận ra những bóng đen đang hồi hả xung quanh các ngọn đèn và nghe thấy tiếng phành phạch vô thanh của động cơ.

MÙI ADAM

Chưa đầy năm phút sau, ở chân trời xuất hiện ánh đèn pha của máy bay. Khi nó tiến lại gần, Juliette nhận ra đó là một máy bay nhỏ hai cánh quạt, có ba cửa sổ tròn ở mỗi bên thân. Nó cùng loại máy bay đã chở cô từ Nam Phi đến một địa điểm không xác định. Khi nó sắp sửa hạ cánh xuống giữa hai hàng đèn sáng trên mặt đất, cô có thể đọc được những chữ cái ghi trên cánh. Nó không giống với số hiệu của chiếc máy bay ở Nam Phi mà cô bất giác nhớ ra được.

Trước cả khi máy bay ngừng hẳn, Harrow đã khoác túi lên vai. Hắn ra hiệu cho Juliette và cả hai lao bổ về phía đường băng dã chiến.

Những bóng người vừa thu xếp cho việc hạ cánh đứng ở phía xa, không thể nhận mặt được. Gió từ cánh quạt buộc Harrow và Juliette phải gập người trong lúc tiến lại gần máy bay từ phía sau. Phớt lờ các quy định an toàn, cánh cửa bên hông máy bay được mở ra trong lúc các động cơ vẫn chạy. Harrow ném hai cái túi lên trước rồi đẩy Juliette vào bên trong máy bay trước khi vào theo cô. Chiếc máy bay lập tức cất cánh.

Bên trong máy bay chẳng có ai ngoài hai phi công. Juliette thoáng tự hỏi liệu người ta có sắp sửa đánh thuốc mê cô hay không. Nhưng Harrow chẳng đưa cô món đồ uống đáng ngờ nào cả.

Duổi người trên chiếc ghế bọc da nhân tạo, hắn trông có vẻ nhẹ nhõm và sung sướng. Lần đầu tiên kể từ khi khởi động chiến dịch, Juliette thấy hắn mỉm cười. Một nụ cười mông lung, không phải dành riêng cho cô. Nhưng cô vẫn coi như là dành cho mình, như thể đó là biểu hiện của niềm hạnh phúc đang tràn dâng nơi người mà ta yêu quý.

Họ bay rất lâu trong đêm tối và Juliette ngủ thiếp đi. Khi bình minh nhuộm hồng chân trời phía bên phải, cô đi đến kết luận là họ bay về phương nam. Họ dừng hai lần. Lần đầu tiên, giữa một vùng bình địa, họ ngồi yên trên máy bay và quan sát những người không quen biết tiếp nhiên liệu từ các bồn xăng lớn. Lần nghỉ chân thứ hai là ở một sân bay nội địa nhỏ, không có tên địa điểm. Hai người xuống máy bay trong lúc người ta tiếp nhiên liệu và vượt qua

đường băng đến một tòa nhà sơn trắng lợp ngói. Có ba người đàn ông đang ngồi trong cái nhà ga bé tí ấy. Họ có gương mặt Mễ tây cơ và nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha. Cái nóng thật kinh khủng. Juliette thắc mắc không biết máy bay đã ra khỏi lãnh thổ Mỹ hay chưa, nhưng cô không hỏi câu nào. Tất cả mọi người, kể cả Harrow, đều làm ra vẻ như cô không tồn tại. Cô đã trở thành chuyên gia về im lặng, đối với cô sự im lặng này không bắt nguồn từ sự khinh miệt hay ngờ vực, mà từ tâm trạng lo lắng chung của tất cả. Chỉ có mình cô là không biết gì về sự việc đang diễn ra và cảm thấy hoàn toàn bình thản. Thuốc men đã làm chậm lại các suy nghĩ của cô, đến mức cô cảm thấy như đang say. Trạng thái ấy tạo ra nơi cô một nét mặt thờ ơ và một nụ cười nhẹ nhàng, tựa như Đức mẹ đang ban phát lòng từ tâm ra chung quanh một cách tử tế, rộng rãi và miễn phí.

Họ leo trở lên máy bay khi mà ánh mặt trời chói chang đã biến nó thành cái lò. Sau khi cất cánh, toàn bộ cảnh vật trở nên khô cằn. Cho đến lúc đó, các đám mây thấp vẫn che khuất mặt đất. Bây giờ thì họ đang bay qua một vùng không khí khô làm lộ ra những ngọn đồi đầy rãnh xói mòn và những con đường thẳng tắp. Lặn dừng chân cuối cùng vào lúc chập tối, tại một sân bay nhỏ nằm cách xa một ngôi làng lớn. Juliette nhận ra họ đã tới Mexico, vì đây là lần đầu tiên hai tay phi công quay lại tươi cười nhìn hành khách. Vốn dĩ ít khi biểu lộ cảm xúc, Harrow cũng tỏ ra nhẹ nhõm. Một chiếc xe hơi mang biển số Mexico đang đợi họ. Hai căn buồng đã được đặt sẵn tại một khách sạn có tường trát vữa sần màu trắng. Họ ăn mì trong một căn phòng sơn màu đất son phía sau quầy lễ tân. Đúng bốn giờ sáng, cũng chiếc xe hơi ấy đến đưa họ đi qua những con đường núi tới một sân bay rộng hơn một chút với một đường băng trải nhựa, nơi có một chiếc phản lực nhỏ chờ họ ở phía cuối. Tổ lái mới cũng nhiều lời hơn những người trước đó. Viên phi công chính, là một tay tóc đỏ vạm vỡ nói giọng Anh, với sự yêu đời biểu hiện trên bộ ria mép hoành tráng vĩnh ngược được cắt tỉa cẩn thận.

MÙI-ADAM

Ông ta không ngừng quay lại để bình phẩm về chuyến bay. Ông ta giải thích rằng họ đang vượt qua bán đảo Yucatan, sau đó là bay qua nhiều hòn đảo của vùng Caribbean. Tiếp theo, họ hướng thẳng đến Nam Mỹ.

Nổi tiếp với mặt biển xanh nhấp nhô sóng là một lần cát, rồi đến màu xanh trải dài của khu rừng Amazon. Chẳng có gì để phân biệt giữa Guyana và Brazil. Viên phi công chính chỉ nhún vai dùng ngón tay chỉ đường biên giới nức cười đang làm ra vẻ như chia cắt được sự liên tục của tán rừng xanh rậm rạp.

Họ tiếp nhiên liệu vào khoảng giữa trưa ở sân bay Santarém. Rõ ràng là sự lén lút lúc ra đi không còn mang tính bắt buộc nữa. Một cảnh sát mặc sắc phục thậm chí còn đến chào tổ lái và nói chuyện với họ một cách thân thiện. Sau một chặng bay cuối vượt qua khu rừng Amazon rồi vùng núi thuộc bang Minas Gerais, họ hạ cánh xuống Rio de Janeiro vào cuối buổi chiều.

Mụ cả người đi vì chuyến bay, Juliette thấy như muốn tan chảy trong cái nóng ẩm ướt và ngớ ngàng hít thở thứ mùi hương trộn lẫn giữa mùi biển và mùi đường vốn dĩ tạo ra cho bầu không khí của Brazil một đặc điểm không thể bắt chước được.

Không nghĩ ngợi gì, cô cứ thế đưa hộ chiếu cho người đàn ông đến đón họ. Anh ta đưa họ vượt qua các chốt cảnh sát bằng một lối đi đặc biệt. Khi được trả lại hộ chiếu, Juliette sực nhớ ra rằng cần phải có một thị thực nhập cảnh vào Brazil, và cô lưu ý chuyện này với Harrow.

- Thị thực á? - Người hướng dẫn của họ chen vào. - Nhưng hai người có rồi đấy thôi?

Và anh ta chìa ra trang hộ chiếu vừa được viên cảnh sát đóng dấu.

Juliette chẳng có thời gian để lo nghĩ đến ý nghĩa của mấy cái quyền ngoại lệ đó. Nó tránh cho cô các thủ tục phiền hà và cho phép cô đi ngủ sớm hơn. Với cô chẳng còn gì đáng mong muốn hơn thế nữa.

V

Hochfilzen, Áo.

Tất cả những kẻ đột nhập đến một ngày nào đó đều tự đặt cho mình câu hỏi: liệu có nên hành động ở một khu vực đông dân cư như trung tâm thành phố với những tòa nhà đầy ắp người, hay là người ta sẽ an toàn hơn giữa một nơi hoang vắng? Trong trường hợp thứ nhất, ta có nguy cơ đụng phải mấy tay hàng xóm tọc mạch, những nhân chứng phiền phức. Còn với trường hợp thứ nhì, chính sự im lặng lại là mối nguy hiểm. Chỉ một tiếng động nhỏ nhất cũng trở nên bất bình thường và tố cáo sự hiện diện của kẻ đột nhập.

Trong chiếc quần bó và áo thun dày màu đen, tay đi găng, đội mũ trùm đầu, Kerry đang trải nghiệm mối nguy hiểm ấy khi tiến đến gần ngôi nhà của giáo sư Fritsch. Cô đã đậu chiếc xe thuê ở cách đó một cây số, trong một khu rừng. Xa hơn nữa thì các bãi chẵn gia súc không thể giấu được chiếc xe. Trời đêm sáng tỏ, những cơn gió lạnh khuếch đại các tiếng động dù là nhỏ nhất với một độ nét đáng kinh hãi. Cô cứ sợ sẽ đánh động lũ chó khi đi qua chỗ chúng. Từ các ô cửa sổ không có chút ánh sáng nào hắt ra, nhưng thay vì trấn an cô, nó chỉ làm cô thêm lo ngại. Cứ như là những người bị mất ngủ đang đứng trong bóng tối của các ô cửa sổ để rình rập màn đêm.

Căn nhà của giáo sư Fritsch, cũng giống như những nhà khác trong ngôi làng bé tẹo này, đang chìm trong bóng tối. Trông nó có vẻ nhỏ bé hơn so với ban sáng, vì cùng với bóng đêm, ngọn núi mang một dáng vẻ rất đồ sộ. Sau khi đào thoát khỏi khách sạn Inn, Kerry đã bỏ thời gian ngồi nhớ lại địa điểm này. Trong một quán ăn đối diện với tiệm cho thuê xe hơi, cô vẽ lại sơ đồ ngôi nhà trên một tờ khăn ăn.

MÙI ADAM

Văn phòng của giáo sư nằm ở tầng trệt, cách cửa chính và cửa hậu một khoảng như nhau. Do vậy có thể đột nhập vào đó bằng lối phía trước và băng qua phòng khách. Dù vậy cô vẫn thích lối sau, đi qua vườn hơn. Có lẽ trong vô thức cô chọn lối đó để tránh bị phát hiện, tránh để mình lọt vào con mắt quan sát của những nhà hàng xóm nếu có trong lúc cô mở khóa cửa. Kiểu ổ khóa kim này có thể khiến cô mất một chút thời gian. Kerry không có đầy đủ dụng cụ để phá khóa. Cô đã mua các thứ cơ bản trong một siêu thị, nhưng dĩ nhiên ở đó cô không thể tìm được những thứ chuyên biệt như thuốc nổ siêu nhỏ.

Cô lách ra phía đằng sau nhà. May mắn là ngôi nhà không có những thiết bị cảm ứng khá phổ biến hiện nay, nếu không các bóng đèn bên ngoài đã được bật sáng ngay khi nó dò thấy một chuyển động nhỏ trong trường cảm ứng của mình.

Ổ khóa trên cánh cửa là một loại hàng có chất lượng của Đức. Trong những tình huống khác thì có lẽ Kerry đã thích thú khi tấn công vào một chương ngại như nó. Ở trong trường, đó là một trong những bài tập mà cô hoàn thành xuất sắc. Nhưng giữa bãi chôn thả yên lặng và tối đen này, việc đó chẳng khiến cô hào hứng. Cô không hề ý thức được một nỗi sợ nào. Thế nhưng những cú quặn bụng cho thấy cơ thể cô vẫn cảm thấy sợ hãi một cách vô thức.

Phía sau lưng Kerry, trong bóng tối của những khu chuồng, có tiếng bầy gia súc nhộn nhạo. Những cái chân có màng đi lạch bạch trên đất và những đôi cánh lo lắng đập phành phạch cho biết đàn ngỗng đang báo động. Lũ ngỗng! Kerry đã quên mất chúng. Canh gác còn giỏi hơn cả chó, chúng đã cứu thành Rome, nhưng cũng có thể sắp sửa đánh mất nó.

Nhưng dù sao thì cô cũng chẳng làm gì được. Kerry tập trung vào ổ khóa, ấn thật mạnh mũi khoan vào nòng khóa. Bằng một cú dùi gọn gàng, cô đã phá tung những cây kim nhỏ trong cấu trúc ổ khóa. Đường vào đã thông thoáng.

Kerry dừng lại nghe ngóng. Sự can thiệp ngăn gọn của cô dường

như đã gây ra một tiếng động kinh khủng, nhưng yên lặng đã nhanh chóng bao trùm trở lại. Không có tiếng động nào ở tầng trên cho thấy có người thức giấc. Cô tiến vào trong nhà.

Được bóng tối trợ giúp, Kerry lại nhận ra cái mùi gỗ đánh xi quen thuộc, mùi chất tẩy rửa và mùi bắp cải nấu đã gây ấn tượng mạnh đối với cô trong lần đầu tiên đến đây. Dựa vào ánh sáng của đèn pin để định hướng, cô bước hai bậc lên một cái chiếu nghỉ, rồi lần theo hành lang đến văn phòng của giáo sư Fritsch. Cửa phòng đã bị khóa. Khi ấn nhẹ tay nắm cửa xuống, Kerry nhận ra nó đã bị khóa một vòng chìa. Như thế này thì không thể nói rằng đây là một biện pháp an ninh kỹ lưỡng được. Ổ khóa thuộc dạng đơn giản, được trang bị cho tất cả các cửa nẻo bên trong nhà. Có lẽ nên thấy ở đây một trật tự, một sự ngăn nắp giống như việc đã đặt từng món đồ, từng tờ giấy vào đúng chỗ của chúng ở trong cái thế giới bị kiểm soát chặt chẽ bởi ông giáo sư. Kerry đột nhiên thấy vừa tức cười vừa đáng sợ, khi một trong những công trình tàn ác nhất chống lại nhân loại lại có thể được thai nghén từ trong bộ óc của một con người mềm mỏng, cam chịu, và có vẻ vô hại đến thế.

Cô phá cái ổ khóa bé tẹo chẳng chút khó khăn ngoài việc tránh không gây tiếng động. Khi mở cửa, cô trông thấy cái bàn làm việc ngăn nắp, mấy cái ghế được đặt ngay ngắn với bàn, hộp đựng bút, tấm lót tay, chiếc đồng hồ nhỏ, tất cả đã được sắp xếp theo một trật tự nghiêm ngặt và có lẽ là bất biến.

Kerry quan sát một lúc các góc trần để xem có chùm tia laser nào phát ra hay không, nhưng cô chẳng thấy gì. Thế là cô tiến lại gần cái tủ dạng cột, nơi giáo sư Fritsch sắp xếp giấy tờ. Nó cũng bị khóa, nhưng chìa khóa gắn với món đồ trang trí là một chiếc túi sơ cấp cứu nhỏ, được treo ngay trên cửa tủ. Kerry mở tủ. Những ngăn kéo có ghi năm của từng khóa thảo luận. Rõ ràng là giáo sư đã làm cho công việc của cô trở nên dễ dàng hơn. Cô lần đến năm 67 và mở nó ra. Những miếng giấy gắn trên các tấm ngăn dọc cho biết thể loại của tài liệu được lưu trữ. Cô chỉ muốn lấy hết tất cả. Một cái có ghi

MÙI ADAM

“Bài giảng”. Nó đựng những tài liệu giảng dạy đã được giáo sư Fritsch phân phát vào năm đó. Một cái khác thì ghi chữ “Bài tập”, rồi “Tư liệu”. Toàn bộ chỗ tài liệu này cũng khá dày. Kerry quyết định không làm mình vương vịu bởi tất cả số giấy tờ đó. Cô lần đến phần “Ghi chú” và chọn lấy một tờ giấy tóm tắt lại kết quả của khóa học. Trên đó chỉ có tên của các học viên. Ngay bên cạnh nó, tấm ngăn ghi chữ “Ảnh chụp khóa học”. Cô mở nó ra và sững người kinh ngạc: hồ sơ trống rỗng.

Hình như cô thấy sự im lặng đột ngột bị gián đoạn bởi những tiếng động đáng ngờ. Kerry run lên. Những trở ngại trước đó đều đã được cô tiên liệu và chuẩn bị đối phó sẵn. Nhưng cô không nghĩ tới trở ngại này. Cô đứng im một lúc, quét đèn pin quanh căn phòng trong khi đầu óc không nghĩ ra được cái gì. Không có tờ giấy nào nằm lạc chỗ trên bàn làm việc hay trên những cái bàn để đèn.

Đột nhiên Kerry nhớ ra giáo sư đã hứa sẽ rửa cho cô một tấm của bức ảnh. Chắc ông đã mang tấm ảnh xuống phòng tối mà ông đã bảo là nằm ở trong nhà để xe. Làm sao để tới được đó? Cô quay trở ra hành lang. Tất cả đã yên tĩnh trở lại, nhưng là một sự im lặng nặng nề, bất động, chẳng có gì khiến cô an tâm cả. Phía trước cô là phòng khách và cái sân hiên có những ô kính ghép hai màu vàng và trắng được dùng làm phòng ăn. Tầm hướng đó thì chỉ vô ích. Cô quay sang phải, quay trở ra cái chiếu nghỉ lúc đầu. Phía dưới bậc tam cấp là một cánh cửa chắc là dẫn ra chái nhà hoặc xuống hầm rượu. Nó đã bị khóa lại bằng cái chìa đã cắm sẵn trong ổ, một việc khác thường. Nhiều khả năng đây là nơi giáo sư ẩn mình cho công việc tráng rửa các bức ảnh. Kerry mở cánh cửa thật nhẹ nhàng: nó mở ra một cầu thang xây bằng xi măng. Không khí phả ra một hơi ẩm ẩm áp. Có thể nghe thấy tiếng sùng sục của một cái nồi hơi. Cô bước xuống đến một nhà để xe rộng rãi, chỉ có mỗi một chiếc Audi màu xám ánh kim. Trên các bức tường có treo những cái xẻng xúc tuyết, hai chiếc xe trượt tuyết, một cái thang nhôm. Kerry đi một vòng quanh nhà xe, mở nhiều cánh cửa dẫn vào các buồng chứa đồ, trước

khi đến phòng rọi ảnh. Một mùi cay nồng đặc trưng xộc ra. Nhiều thùng đựng giấy ảnh được chất đầy trên những cái kệ. Trên một chiếc bàn trắng melamine có đặt một máy phóng ảnh hiệu Zeiss. Kerry thở phào nhẹ nhõm khi trông thấy tấm ảnh chụp các học viên năm 67 đặt trên bàn. Hai bản in trắng chờ khô đang được kẹp vào một sợi dây căng ngang ở phía trên mấy cái chậu nhựa đỏ đựng hóa chất tráng rọi ảnh. Cô lục tìm tấm ảnh gốc có đề họ tên của các học viên ở mặt sau. Nó nằm trong một ngăn kéo phía bên dưới của thiết bị. Cô sắp cầm lấy nó thì ánh đèn trong nhà để xe bật sáng.

Kerry nhanh chóng quay lại và ra khỏi phòng ảnh. Có ai đó đang chậm rãi bước xuống các bậc thang. Trong tích tắc cô quay vào trong phòng tối, cầm lấy tấm ảnh, gấp nó lại, nhét vào túi sau rồi quay trở ra và núp sau chiếc xe hơi. Trong tư thế ngồi xổm, cô nhìn thấy qua kính sau chiếc xe một dáng người đứng bất động trên bậc thang cuối cùng. Cô chỉ phân biệt được một cái cẳng tay. Có vẻ như đầu mút của một cái ống màu đen đang dò xét nhà xe theo những chuyển động dài hình vòng cung. Cuối cùng, người đó bước tới trước. Mặc chiếc áo ngủ màu đỏ, món tóc bóng loáng trên đầu, Hilda cầm một khẩu súng hơi trong tay và chậm rãi bước về phía phòng tráng rọi ảnh.

Kerry đã chuẩn bị cho việc tẩu thoát, nhưng không tính đến việc đánh nhau. Món vũ khí duy nhất cô có là chiếc kim vụn năng có trang bị một lưỡi dao. Cô rút nó ra khỏi túi khi nghe thấy một tiếng nổ lớn trong nhà xe. Hilda đã bắn về phía phòng ảnh. Cái máy phóng ảnh bị vỡ toang, tất cả những chiếc hộp đựng giấy ảnh rơi xuống đất càng làm tiếng động ồn ào kéo dài thêm.

Bây giờ bà quản gia đang sục sạo ở phía cuối nhà xe. Tuy vẫn còn đang nấp, Kerry thoáng trông thấy cái nhìn của bà ta. Không có chút sợ sệt nào thể hiện trên nét mặt của Hilda. Sự lạnh lùng của bà ta, cách cầm khẩu súng và lên đạn không hề ngượng nghịu, cả cái cách xoay nghiêng người khi tiến lên nữa, tất cả cho thấy bà giúp việc này trên thực tế là một điệp viên được huấn luyện rất kỹ. Kerry tự hỏi

MÙI ADAM

bà ta được ai cài vào đây, bên cạnh giáo sư Fritsch. Bà ta bảo vệ hay giám sát ông ta? Một tiếng nổ thứ hai làm kính xe vỡ toang. Kerry cảm thấy một mảnh kính sượt qua má. Cô nhào xuống đất.

Hai tiếng tách liên tiếp cho biết Hilda đã lên đạn. Vò đạn rơi xuống chân bà ta, kêu keng một tiếng. Không còn nghi ngờ gì nữa, bà ta bắn là để kết liễu và biết thừa rằng mình có quyền tự vệ chính đáng. Theo nhận định của Kerry, tiếng súng chắc đã vang đến những nhà hàng xóm, và chẳng bao lâu nữa sẽ có thêm nhiều kẻ truy lùng kéo vào nhà xe. Cô cần phải rút đi càng nhanh càng tốt.

Dán chặt người xuống sàn, cô nhìn thấy những bước chân của bà quản gia đang tiến về chỗ chiếc xe. Kerry nhanh chóng trườn về đuôi xe, bám sát thanh chống sốc. Cô vươn tay ra, tìm đến cái nút bấm mở cốp xe, ấn vào đó vừa đủ để thắng được trở lực nhẹ của lò xo. Nắp cốp xe chậm chậm nâng lên với một tiếng xì nhẹ của hệ thống thủy lực. Hilda cảnh giác tìm kiếm nơi phát ra tiếng động. Khi trông thấy cái nắp cốp bật lên cao hơn nóc xe, bà ta bắn một phát. Một cơn mưa mảnh kính rơi rào rào vào trong cốp.

Kerry tận dụng thời điểm đó để nhảy phắt đến bức tường, chụp lấy cái xẻng xúc tuyết và đập một cú gọn gàng vào bà quản gia, đúng lúc bà ta giơ súng để lên đạn. Hilda lao đảo lùi lại, nhưng không buông vũ khí. Xoay xẻng lại, Kerry thúc cán vào bụng bà ta. Hilda va vào tường, món tóc vàng hoe bung ra để lộ một cái sọ nhẵn thín. Hóa ra mục là một tên đàn ông.

Lúc này gã đang ngồi bệt dưới đất, giữa một đồng lộn xộn các cuộn dây thép và vải bạt. Đáng lẽ Kerry phải chuẩn bị, nhưng gã vẫn đang cầm vũ khí trong tay. Cô sợ sẽ bị gã bắn gục trước khi đến được chỗ cầu thang. Kerry tung vài cú đá học được từ môn đánh bốc Pháp. Dùng chân chẹn lên bàn tay gã, cuối cùng cô cũng khiến gã buông khẩu súng. Cô liền cướp lấy nó và lao về phía cầu thang, va phải giáo sư Fritsch đang hốt hoảng đứng ở bậc trên cùng. Bầy ngỗng kêu to hết mức có thể.

- Muộn rồi, các cô em xinh đẹp ạ! - Kerry nói với chúng.

Cô chạy bổ xuống con đường, vút khẩu súng vào cái rãnh đầu tiên cô phân biệt được trong bóng tối. Tiết trời mát dịu. Cô cảm thấy mình thật dẻo dai và nhanh nhẹn.

Ánh đèn vụt sáng trên tầng của một căn nhà gỗ. Tuy nhiên vẫn chưa có người nào ra khỏi nhà. Cô đến được chỗ chiếc xe mà không bị ai bắt gặp và cũng không có cảm giác bị người ta truy đuổi. Có lẽ giáo sư Fritsch đang còn bận tìm hiểu kẻ mà bấy lâu nay ông ta cứ ngỡ là một bà quản gia trung thực. Trừ phi ông đã biết chân tướng hẳn từ lâu.

Chuyện ấy không còn quan trọng nữa. Kerry vỗ vỗ cái túi quần phồng lên vì tấm ảnh: cái chính là ở đây. Cô nổ máy và phóng đi, làm lớp xe nghiêng ken két trên những khúc cua của con đường núi, cho đến đèo Brenner. Cô vượt qua biên giới trước bình minh một chút và bắt đầu đổ dốc về phía hồ Garde. Cô đến Venice trước mười hai giờ trưa.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VI

Rio de Janeiro, Brazil.

Tại quận Laranjeiras đầy những cây xoài, cây phượng và hoa giấy, khách sạn nhỏ nơi Juliette và Harrow dừng chân nằm ngự trị trên một rừng mái nhà và sân thượng trải dài xuống tận bờ biển. Người ta đã dành cho họ hai buồng cạnh nhau trông ra cùng một cái bao lơn có hàng lan can bằng sắt. Hai người dùng bữa sáng trong khu vườn bé tẹo, nơi ken đầy cây xanh trồng trong chậu, những bông hoa đủ màu sắc và được làm dịu bởi một cái hồ phun nước nhỏ bằng đá.

Buồng của Juliette được đăng ký với tên của cô, trong khi Harrow sử dụng nhân thân giả với tên Patrick Hull, sinh tại Aberdeen,

MÙI-ADAM

Scotland. Cô cho rằng chuyện này là hệ lụy từ quá khứ rắc rối của hân. Chắc chắn hân không thể nào vượt qua biên giới với tên tuổi thật của mình được.

Ở tầng trệt của tòa biệt thự cổ kính, nhiều căn phòng có một nửa chiều cao tường ốp gạch men hoa được dùng làm các phòng tiếp khách. Một trong số chúng được dành riêng cho họ. Tại đó người ta thiết lập nên một tổng hành dinh thực sự, trưng dụng một cái bàn nhỏ để đặt máy tính xách tay, vén tấm vải đăng ten phủ trên chiếc tủ nhiều ngăn có dáng phình ra ở giữa để nhét vào trong đó các tập tài liệu. Và trên những chiếc ghế phôitoi chân sứ tử bực nhung đỏ, họ tiếp chuyện những người khách liên tiếp đến gặp.

Đầu tiên là một người đàn ông Brazil khoảng bốn mươi tuổi, mảnh dẻ và vui tính, mặc một bộ com lê đứng đắn khiến ông ta trở nên cực kỳ tầm thường. Nhưng làn da ngăm, đôi gò má hơi cao và cặp mắt lấp lánh như những cục than cháy đỏ dưới lớp tro là bộ trang phục gợi nhắc sự tồn tại kín đáo của dòng máu da đỏ dưới bề ngoài Âu châu. Ông ta nói mình tên là Ubiraci. Vai trò của ông ta là giao nhận cái lọ từ Wrocław. Ông ta cũng vòng vo cho biết sẽ cùng với nhóm của mình phụ trách quá trình chế xuất thành phẩm từ nguyên liệu ban đầu đó. Ông ta bảo đảm với Harrow chỉ cần chờ đầy một tuần để thực hiện việc này. Sau khi được hân hỏi, ông ta đáp rằng hàng sẽ được giao trong những cái bình mười lít, bốn cái cả thảy.

Juliette thấy vui mừng vì được tham gia vào những buổi trao đổi. Việc này chứng tỏ từ nay cô đã là một phần của nhóm. Dầu vậy, cô vẫn cảm thấy thỉnh thoảng Ubiraci ném những cái nhìn lo ngại về phía mình. Sự hiện diện của cô chắc chắn đã ngăn cản ông ta trao đổi mọi chủ đề. Ông ta sử dụng một số từ đã mã hóa để cho cô không hiểu hết ý nghĩa.

Sau đó, họ tiếp một vị khách khác, cũng người Brazil, nhưng cung cách khác hẳn. Trên một khung xương khỏe mạnh tự nhiên, các khối cơ bắp pha mỡ được đắp vào tạo ra một vóc dáng mập mạp

đầy nam tính. Cái bụng đồ sộ ưỡn ra khi ông ngồi xuống được dùng như cái bàn để tựa hai cánh tay bất chéo. Ông ta ra rất nhiều mồ hôi và phải liên tục dùng chiếc khăn tay trắng lau mặt và cổ. Những chữ cái đầu thêu trên một góc khăn không tương ứng với họ tên mà ông ta đã xưng với hai người. Kẻ tự nhận mình là Zé-Paulo Albuquerque sao lại dùng khăn thêu hai chữ R.B được. Rất có thể ông ta dùng nhân thân giả.

Zé-Paulo mang theo một tấm bản đồ Rio và ông ta trải nó ra trên cái bàn nhỏ. Có thể nhận ra vịnh Guanabara, những khu phố cổ Flamengo, Botafogo, Graças, rồi một loạt những khu nhà nghỉ dọc theo bờ Đại Tây Dương như Copacabana, Ipanema, Leblon, São Cristovão, cuối cùng là khu công nghiệp ở bờ kia của vịnh, cùng với chiếc cầu Niteroi dẫn vào. Tất cả các khu vực này đều được gạch nét và tô màu xanh dương.

Xung quanh chúng là một cụm các khu vực tô màu đỏ chạy lên những quả đồi và trải dài về phía ngoại ô, đặc biệt là về hướng bắc.

- Những vùng tô màu đỏ là các xóm ổ chuột, - Zé Paulo vừa nói vừa rê trên tấm bản đồ ngón tay múp míp với những chiếc móng được cắt cẩn thận. - Những khu lâu đời nhất nằm ở đây, xung quanh các phố cổ. Những xóm mới đang phình lên từng ngày, đặc biệt là trên vùng đất thấp rộng lớn mà người ta vẫn gọi là Baixada Fluminense.

Harrow cúi người trên tấm bản đồ, tỏ ra cực kỳ tập trung.

- Có cả thấy khoảng bao nhiêu người?

- Trên toàn bộ vùng Rio, người ta thống kê được gần tám triệu dân. Đối với các khu đã được kiên cố hóa thì con số là chính xác, vì người ta có được các số liệu đáng tin cậy và có thể so sánh với số liệu thuế khóa, vân vân. Có hai triệu người dân là được thống kê đầy đủ, số còn lại thì người ta không biết chính xác.

- Số còn lại...? - Juliette thắc mắc.

Zé-Paulo quay sang nhìn Juliette bằng ánh mắt lo ngại, nhưng cuối cùng cũng phải trả lời câu hỏi của cô.

- Những người sống trong các khu nhà không có giấy tờ sở hữu,

MÙI-ADAM

đó là các khu ổ chuột, nếu cô thích từ này. Những khu lâu đời nhất nằm ở trung tâm thành phố đã được kiên cố hóa. Ở đó có đường sá, vỉa hè, nhà cửa trông còn đường được, mặc dù cứ mỗi mùa mưa đến thì toàn bộ những khu vực này bị ngập trong bùn. Chứ còn ở ngoại ô, sự hình thành của các khu ổ chuột mới là một hiện tượng còn tiếp diễn. Mỗi năm lại có hàng trăm héc-ta đất bị xâm chiếm. Trên những vùng đất mới bị nhảy dù, những túp lều lụp xụp được dựng vội bằng tôn, ván gỗ đóng thùng, thỉnh thoảng cả bằng các nhánh cây nữa. Dân ngụ cư chen chúc nhau trong đó mà chẳng có ai kiểm soát hay thống kê. Ngày mai tôi sẽ chờ hai người tới đó để xem tận mắt nó là như thế nào.

Harrow vẫn đang xem xét tấm bản đồ như một tay phi công muốn tìm hiểu địa hình trước khi cất cánh.

- Thế còn các mũi tên dài màu đen ở giữa các khu vực tô màu đỏ?

Zé-Paulo lại đánh mắt về phía Juliette đầy lo ngại và ngẫm nghĩ một lát trước khi trả lời câu hỏi.

- Đó là... những chỗ tập trung nước của các khu vực được quan tâm. Như hai người thấy đây, có ba mũi tên tất cả.

- Nước thải hay nước uống? - Juliette hỏi.

- Chính xác thì người ta không thể tách bạch rõ được. Trong những khu dân cư còn hoang sơ thì cần phải hiểu rằng tất cả mọi thứ đều bị ăn cắp: trước tiên là đất, rồi đến điện và nước. Ở đó không hề có một thiết bị công cộng nào, khả dĩ cũng không. Người ta xả chất thải rắn và nước thải ra các con kênh mà từ đó những người khác lấy nước để tắm giặt, nấu ăn và thậm chí để uống. Chúng là những con kênh đào ngày xưa dùng làm nơi tiêu thoát nước thải từ các khu dân cư, hoặc là những kênh rạch tự nhiên. Ngày nay chúng đã trở thành các dòng kênh đen, không cần nói chắc hai người đã hiểu.

- Ba cái trục này liên quan đến bao nhiêu người?

- Tôi xin nhắc lại lần nữa, thưa ngài Hull, chúng tôi không biết chính xác. Chỉ có thể ước lượng thôi. Tôi nghĩ là từ ba đến bốn triệu.

Trong số tất cả giả thiết về công việc mà họ sắp thực hiện, giả thiết có nhiều khả năng nhất trong mắt Juliette là họ đang thực hiện một chiến dịch triệt sản quy mô lớn. Đã nhiều lần Harrow nhấn mạnh về mớ bong bong mà cả thế giới đang rơi vào vì muốn hạ tỉ lệ tử vong trong khi lại không muốn đụng tới tỉ lệ sinh đẻ. Những lập luận của hắn tỏ ra khá thuyết phục. Hắn biết trình bày nó một cách khá nhân đạo. Với một sức lôi cuốn thực sự, Harrow miêu tả tình trạng bản cùng mà người ta đang đẩy vào đó những đứa trẻ sinh ra trong điều kiện các nhu yếu phẩm cơ bản nhất cũng không được đảm bảo. Trong khi chờ đợi những lời giải thích thêm của Zé-Paulo, rõ ràng là nhóm của Harrow đã quyết định xử lý vấn đề này triệt để, nhờ vào thứ mà cô đã đánh cắp ở Wrocław.

Tuy nhiên, Juliette cảm thấy vô cùng căng thẳng. Sự lo lắng của cô có nguyên nhân khác với những mối lo thường đi kèm theo những giai đoạn kịch động của cô. Cô cảm nhận được một sự do dự vô thức mà cô không thể và cũng không muốn gọi tên. Vô cùng bối rối, cô có cảm tưởng rằng sự bất rút này gắn liền với điều mà họ sắp thực hiện. Cô biết mình phải đặt thêm các câu hỏi, phải cố tìm hiểu chi tiết những việc đang được thai nghén. Cô đã chuẩn bị tư thế chiến đấu, thậm chí hy sinh, thế nhưng có một điều gì đó vẫn khiến cô cảm thấy mọi chuyện không phải như thế.

Không có gì trong số những điều đang xảy ra quanh họ cho phép cô vẽ ra một đối thủ theo đúng nghĩa, tức là một kẻ nào đó có thể đáp trả các cú ra đòn. Vậy thì, họ sẽ đánh vào ai? Cô có thể biết được, thậm chí là đoán được. Nhưng cô thấy sợ điều mà mình sẽ khám phá ra. Cô không chấp nhận ý nghĩ về việc tách rời hành động với các hậu quả của chúng. Phải nỗ lực lắm cô mới có thể tự thuyết phục mình rằng tất cả những việc này là hữu ích, là cần thiết cho thiên nhiên và có tính nhân đạo đối với những con người đang tuyệt vọng.

Khi một mối hoài nghi kéo đến, cô lập tức xóa sạch nó đi và cố gắng nhớ lại đêm cắm trại giữa hoang mạc Colorado, khi cô cảm nhận về trái đất như một thực thể sống cùng với những nỗi khổ sở của nó.

MÙI ADAM

Mặc dù thuốc men tỏ ra vô hiệu cho tình trạng của cô, Juliette vẫn uống liều gấp đôi. Ít nhất thì chứng khô miệng, cảm giác cứng nhắc và buồn ngủ mà chúng gây ra cũng lái sự chú ý của cô ra khỏi sự bứt rứt trong người.

Zé-Paulo tiếp tục bài-nói chuyện dài lê thê, lưu ý Harrow về nhiều điểm tại các chỗ khác nhau trên bản đồ, nhưng không nói rõ chúng tương ứng với cái gì. Một phần do tâm trạng bứt rứt mà cô đang cảm thấy, phần do bản tính lịch sự, Juliette để tâm trí đi lang thang khỏi căn phòng trong nhiều phút. Điều duy nhất còn đọng lại trong đầu cô là sự e dè của Zé-Paulo đối với khí hậu. Ông ta đặc biệt nhấn mạnh về sự cần thiết phải đợi đến mùa mưa. "Để cho kế hoạch được phát huy đầy đủ tác dụng", ông ta đã nói như thế.

Harrow muốn biết thời điểm cụ thể, nhưng Zé-Paulo đã từ chối hẳn. Ông ta giải thích rằng khí hậu không còn dễ đoán từng ngày nữa. Theo như mọi năm thì mùa mưa có thể bắt đầu trong khoảng từ hai đến bốn tuần lễ sắp tới. Có đôi khi nó bắt đầu muộn hơn. Hy vọng duy nhất đối với Harrow là nó cũng có thể đến sớm hơn.

- Biết đâu các anh sẽ gặp thuận lợi và trong vòng tám ngày tới đây, chúng ta sẽ chứng kiến những cơn bão đầu mùa.

Vì một lý do không rõ, Juliette lần đầu tiên cảm thấy bụng quặn lại trong một cơn buồn nôn.

PHẦN NĂM



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

I

Newport, Rhode Island.

Nằm ở phía tây Newport, bên bờ một eo biển chen chúc những chiếc du thuyền neo đậu, cửa hiệu của Somerset Brown đã ghi dấu ấn qua nhiều năm như là một nhà cung ứng hàng hải tốt nhất của bờ Đông. Cửa hàng không tìm cách quyến rũ khách hàng bằng việc treo kín các bức tường những mô hình tàu biển hoặc các nút thắt thủy thủ lồng khung kính. Nếu như mấy cái tời và những chiếc la bàn nạm đồng trông có vẻ bắt mắt thì cũng tốt thôi, nhưng chỉ bởi vì chúng chắc chắn và chính xác nên Somerset mới đặt lên các quầy hàng của mình. Tầng dưới của cửa tiệm, dài hun hút, trông ra bờ kè qua một tủ kính mỏng gần như bị lấp kín bởi các loại bản đồ hàng hải. Phía sau tiệm, cánh cửa dành cho nhân viên mở ra một con hẻm nhỏ nồng mùi hải sản. Đó là nơi đặt bếp của nhiều nhà hàng trên bờ kè và những thùng rác nhựa to tướng chứa đầy xương cá, vỏ tôm cua đang chờ chuyển thu gom buổi sáng.

Barney đi vào cửa tiệm từ phía bờ kè, rất đường hoàng. Nói cho cùng thì ông đi thăm người anh họ, và chẳng ai có thể bắt bẻ gì được. Somerset là con trai bà bác của Barney, một phụ nữ người Haiti có làn da sáng, và một thủy thủ đến từ Nantucket, vốn là con của những người Thụy Điển nhập cư. Ông ta da trắng tóc vàng bao nhiêu thì Barney da sẫm tóc đen bấy nhiêu. Hai người là họ hàng mà chẳng giống nhau chút nào, nhưng luôn hợp tính nhau. Barney đã lập tức nghĩ ngay đến Somerset khi cần phải tổ chức một cuộc họp kín đáo với Paul.

MÙI ADAM

Nhà cung ứng tàu thủy sống trên tầng một của cửa tiệm. Căn hộ của ông có chiều dài bằng với cửa hàng và trông hoác chứ không chất đầy đồ đạc hàng hóa như tầng dưới. Trên những bức tường sơn trắng có treo những kỷ vật của cha ông, tất cả đều gắn liền với nghề săn cá voi. Một bức tranh to tái hiện cảnh một người phóng lao săn cá voi trên chiếc thuyền chèo bằng tay đang canh chừng lớp bọt sóng đỏ ngầu, trong lúc một con cá nhà táng đang bơi ra xa với mũi lao cắm trên lưng. Tất cả vừa bạo lực, lại vừa nên thơ, nhưng trên hết là rất cân đối: vỏ thuyền bằng gỗ ghép có màu sắc, hình dạng con thuyền với cái dáng phình y như hình dáng con cá voi, sợi dây thừng buộc vào mũi lao nối liền hai khối đồ sộ ấy với nhau, trong khi người ta không biết được vận mệnh của ai sẽ bị kịch hơn, của kẻ đi săn hay của con mồi khổng lồ. Căn phòng tiếp khách chỉ vòn vẹn có một cái bàn dài bằng gỗ gụ, xung quanh là mấy chiếc ghế đầu. Barney ngồi vào bàn lúc mười một giờ hai mươi lăm. Somerset đang phục vụ khách hàng dưới tiệm, còn những người khác thì chưa đến.

Đúng mười một giờ ba mươi, Martha nhẹ nhàng lên vào qua cửa sau đã mở khóa sẵn. Cô lên gặp Barney trên tầng.

- Không gặp vấn đề gì chứ? - Ông hỏi.

- Theo dõi đối tượng vốn là nghề của tôi mà. - Cô vừa đáp vừa cười. - Cái tay Lawrence cục mịch ấy muốn bám theo tôi thì cứ việc!

Hai phút sau, họ nghe thấy tiếng leng keng nhỏ vọng lên từ cái chuông Trung Quốc treo ở tầng dưới. Tiếng bước chân vang lên trong cầu thang, rồi họ trông thấy Paul xuất hiện, trên người mặc chiếc áo vải dầu, đầu đội mũ trùm bằng vải jersey kẻ sọc, hàm râu ba ngày không cạo phủ kín đôi má, cặp mắt giấu sau chiếc kính râm vuông vức: một khách hàng điển hình của Somerset và chẳng khiến ai chú ý.

Mười lăm phút sau thì Tara đến. Cô đã đi vào trong một cửa hiệu lớn của Newport rồi kín đáo đi ra bằng một lối khác để cắt đuôi những kẻ bám theo nếu có. Cuối cùng, trước sự ngạc nhiên quá đỗi của Paul, sau chừng mười phút đi muộn khiến cả nhóm rơi vào một

sự yên lặng nặng nề, Alexander xuất hiện. Vốn là dân ngoại giao, ngôi phân tích bàn giấy, nên ông không có được một sự đào tạo bài bản về tình báo. Ông chính là mắt xích yếu của nhóm, là người dễ bị lộ nhất trong bộ phận của Lawrence. Nhưng tối hôm trước Martha đã vào cuộc với ông. Kịch bản nhỏ mà cô đã dựng lên cho Alexander thành công tuyệt đối (một chuyến viếng thăm nhà mẹ ruột đang ốm, đi bằng xe hơi vào buổi sáng, quay xe nhiều lần và kiểm tra xem có bị theo dõi trên những con đường vắng vẻ, một lần thay trang phục tại một bãi đỗ và cuối cùng là nhập vai khách du lịch đặt chân lên bờ kè của Newport). Không có ai bám theo ông ta cả.

Khi mọi người đã có mặt đầy đủ, Barney thông báo là Tycen sẽ cùng tham gia với họ qua điện thoại. Vì chức vụ thấp nên cậu ta ít được tự do đi lại hơn so với những người khác. Giống như tất cả các chuyên gia phân tích, cậu bị bắt buộc có mặt ở Providence. Đúng mười hai giờ trưa, Tycen sẽ gọi đến từ máy di động của mình, và mọi người sẽ bật loa ngoài để cùng nghe.

Mọi người đều đã được Barney kể lại buổi nói chuyện của ông với Paul. Tất cả đều ý thức được mối nguy hiểm và tính cấp bách của hành động tàn sát trên quy mô lớn do nhóm Harrow dự tính. Và tất cả, dù rất trung thành, vẫn tin rằng Archie đã phạm một sai lầm nghiêm trọng khi chấp thuận ngừng điều tra.

- Kerry đã gọi điện cho tôi, - Paul nói. - Cô đã bay từ Thụy Sĩ đến New York lúc sáu rưỡi sáng và sẽ đến đây với chúng ta trong khoảng một hay hai giờ nữa.

- Chúng ta không cần phải đợi Kerry, - Barney quyết định. - Cô ấy sẽ cho chúng ta xem tấm ảnh gốc, nhưng tôi không nghĩ là nó sẽ thay đổi gì nhiều so với bản sao kỹ thuật số mà cô ấy đã gửi.

Barney đưa cho Paul một bản chụp của tấm ảnh. Tất cả mọi người đều lấy bản sao của mình ra và xem xét những khuôn mặt bất động của khóa thảo luận năm 67.

- Tôi tin là Kerry có lý, - Barney nói tiếp. - Kẻ chủ mưu vụ này là một người trong tấm ảnh. Trong này có những thành viên trong

MÙI ADAM

nhóm ủng hộ Harrow. Nhờ vào nhân thân của họ mà chúng tôi đã phát hiện ra người chi tiền cho chiến dịch và nhất là đất nước nơi nó nhắm đến.

- Tôi đề nghị chúng ta chuyển ngay sang việc nghiên cứu các kết quả đã tìm được. Martha, cô bắt đầu nhé?

- Sao lại không!

Cô gái đặt chiếc điện thoại thông minh mà cô đang sẫm soi xuống bàn, rồi ngồi thẳng người lại trên ghế.

- Trước tiên, tôi xin nhắc lại cho mọi người, nhất là Paul, rằng chúng ta cùng chia sẻ công việc nhận dạng. Mỗi người trong chúng ta có mặt tại đây đã điều tra về một hay nhiều nhân vật nằm trong bức ảnh chụp niên khóa 67 của giáo sư Fritsch. Các tiểu ban phân tích của Alexander đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều, nhưng không phải tất cả mọi thứ đều nằm trong tầng thư. Cần phải lùng sục ở nơi khác nữa.

Paul gật đầu ghi nhận phương pháp tiến hành.

- Tôi nhận ra hai người châu Á ở hàng đầu. - Martha nói tiếp.

Mọi người nhìn vào bức ảnh mình đang cầm trên tay.

- Để nhận dạng được họ, ngoài tám ảnh, chúng ta còn có những cái tên được ghi ở mặt sau và một bảng điểm mà Kerry đã tìm thấy. Sau khi tổng hợp các thông tin, chúng ta có được cái này.

Mọi người bất giác ngược nhìn lên tường, nhưng lần này thì họ không có được các trang bị như ở Providence. Không có Power Point, chẳng có màn hình, chỉ có con cá voi bị săn đuổi và con mắt điên dại của nó đang đảo tròn trên mặt nước nhuộm đỏ máu của chính nó.

- Người đầu tiên trong số hai gương mặt “ba Tàu” này là một người Hàn Quốc tên Kim Rae. Bây giờ ông ta là một nhà đầu tư bất động sản tại Seoul. Ông ta không có gì nguy hiểm, có chăng là việc ông ta khá gần gũi với giáo phái Moon. Dù sao thì ông ta cũng đã thực hiện nhiều công trình cho nó.

Martha không đặt nặng việc mô tả này. Cử tọa lầm rầm khe khẽ, dấu hiệu cho thấy mọi người chờ đợi một điều hay ho hơn.

- Người còn lại thì đúng là dân Trung Quốc. Ông ta tên là Teng Lui Cheng, bảy mươi tuổi. Thành viên Đảng Cộng sản từ năm 1960. Xuất thân từ miền bắc Trung Quốc, hậu duệ của dòng máu Mông Cổ bên ngoại.

- Ông ta làm cái trò gì ở bên Áo thời những năm năm mươi nhỉ?

- Đó là một nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Ông ta nói được tiếng Đức và tiếng Nga. Thời đó, ông ta sang châu Âu với tư cách là sinh viên, nhiều khả năng đây chỉ là vỏ bọc để do thám người Nga. Có vẻ như ông ta đã rơi vào lớp của giáo sư Fritsch do sai lầm. Các trường đại học từ chối nhận ông ta, trong khi ông ta rất cần được ghi danh, nên ông ta đã tìm đến giáo sư Fritsch.

Hầu hết mọi người ngồi quanh bàn đều nhăn mũi để bày tỏ sự hoang mang của mình. Nhưng Martha đã chuẩn bị sẵn câu trả lời. Cô cất cao giọng tiết lộ nó:

- Ông ta đã ngẫu nhiên đến với Fritsch, nhưng cuối cùng lại tham gia vào cuộc chơi. Khi quay về Trung Quốc, ông ta là một trong những tổng công trình sư của chương trình tiết giảm dân số. Mỗi gia đình không có quá một con, mọi người biết rồi đấy... Ông ta đã bảo vệ các ý tưởng đó một cách không mệt mỏi cho đến tận các cấp cao nhất của chính quyền, vì hiện nay ông ta là ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Và hai người con trai của ông ta...

- Hai cơ à! - Tara thốt lên. - Đáng ra ông ta phải bị đi tù vì chuyện ấy, đúng không?

- Ông ta đề chúng trước chiến dịch "Mỗi gia đình chỉ có một con". Mà dù sao đi nữa, chuyện ấy chưa bao giờ bị áp đặt lên những người lãnh đạo cả.

- Đấy thấy chưa!

Martha quyết định phớt lờ lời nhận xét cùng với những tiếng cười khúc khích kèm theo để đề cập đến những chuyện quan trọng.

- Phải nói là hai người con của ông ta đã đi theo những con đường mà tôi thấy rất đáng lưu ý. Người con cả là giám đốc sân bay

MÙI ADAM

Thượng Hải, một địa vị cho phép anh ta có thể đưa vào Trung Quốc bất cứ thứ gì, dù là một cách hợp pháp hay phi pháp.

Rõ ràng là những người tham dự chưa hoàn toàn bị thuyết phục về ích lợi của hướng điều tra này, nên Martha chờ một chút trước khi đóng cây đinh cuối cùng.

- Còn người con thứ, cậu ta là một nhà sinh học, chuyên nghiên cứu về hệ động vật hoang dã... tại Seattle. Chúng tôi có bằng chứng về việc cậu ta đã lui tới chỗ của những kẻ sinh thái cực đoan, đặc biệt là tổ chức One Earth.

- Cậu ta không có tên trong danh sách thành viên của nhóm Harrow. - Barney phản đối.

- Không, nhưng cậu ta đã rời Mỹ sáu tháng trước khi Harrow bị khai trừ khỏi One Earth, thế nên có muốn loại trừ cậu ta cũng không được.

Mọi người suy nghĩ rất kỹ. Alexander gãi tai, Paul thì mân mê cây bút chì.

- Một hướng đáng chú ý, thật đấy Martha ạ. - Barney kết luận.

Đáng chú ý và đáng ngại vì ai cũng hiểu việc tiến hành những loại điều tra này ở Trung Quốc khó đến thế nào...

- Có ai có đề nghị nào khác hơn không? Ờ, Tara?

- Tôi đã điều tra bốn người. Không hiểu ai trong số các anh đã phân chia công việc, nhưng có thể thấy rõ là các đối tượng của chúng ta đã được phân loại theo màu da: tôi phụ trách toàn bộ những người có làn da rám nắng.

- Chỉ là một cách để khiến mọi người làm việc với những đối tượng có cùng xuất xứ thôi mà, như những người châu Á chẳng hạn.

Barney đã tỏ ra hơi mau lẹ quá trong câu trả lời. Có thể nhận thấy ông không được thoải mái lắm khi nhắc đến chủ đề này.

- Đối với nhóm của tôi thì điều này không thật chính xác. - Tara nói tiếp. - Các đối tượng của tôi bao gồm người Albany, Lybia, Ấn Độ và người Kanak ở New Caledonia...

- Quả cũng khó thật. - Barney ho húng hắng, cố nặn một nụ cười.

- Tôi nói nhanh về tay người Albany. Ông ta đã chết cách đây bốn năm, không con cái. Còn về người đàn ông Kanak, ông ta trở thành một nhà hải dương học an phận, bây giờ đã nghỉ hưu và hoàn toàn vô can.

- Gã người Lybia thì sao? - Alexander chất vấn, dù không có ý nhưng vẫn bị nhiễm phải tư tưởng của tổng thống Bush, người đã liệt Lybia vào "trục xấu".

- Rất tiếc phải làm anh thất vọng, nhưng tay người Lybia này tỏ ra không đáng ngờ. Tôi biết cứ mỗi khi xảy ra một tội ác thì mọi cặp mắt của chúng ta lại quay sang đất nước này. Điều nghịch lý là chúng ta đã biết được khá nhiều về những gì đã diễn ra ở đó, nhờ ba mươi năm trời theo dõi tính cho đến bây giờ. Người Lybia mà ta đang điều tra là giáo sư trường đại học Benghazi mới về hưu hồi năm ngoái. Ông ta được mô tả như là một nhà khoa học theo thời thế thảm hại. Và, liên quan đến cuộc điều tra của chúng ta, tôi xin nhắc lại, chúng ta nghi ngờ Harrow muốn tấn công vào những nước nghèo và đông dân. Thế nhưng Lybia lại là một dân tộc giàu có và ít người...

- Vậy còn tay người Ấn?

- Tôi sắp nhắc đến hắn đây. Tay Rajiv Singh này là một kẻ kín đáo, nhưng rất có ảnh hưởng tại Ấn Độ trong lĩnh vực dân số. Ông ta vẫn luôn bị ảnh hưởng bởi các tư tưởng của giáo sư Fritsch. Ông ta nắm giữ một số vai trò chính trị trong Đảng Quốc đại. Về mặt nghề nghiệp thì ông ta được ghi nhận là một nhà sinh học và luôn trưng cái mác giáo sư ra. Nhưng trên thực tế thì ông ta xuất thân từ đại gia đình Rajasthan. Sau cái chết của người cha năm 74, ông ta đã thừa hưởng sản nghiệp gia đình và chưa bao giờ phải lao động. Tuy thế ông ta đã viết nhiều bài báo và tham luận tại các buổi hội thảo về dân số Ấn Độ. Nói chung người ta coi ông ta như một người theo thuyết hạn chế sinh đẻ chính thống.

- Nghĩa là? - Barney hỏi.

MÙI ADAM

- Theo ông ta, sự phát triển kinh tế chỉ có thể đạt được khi dân số đã ổn định và để làm được điều này thì không được làm sai lệch các cơ chế điều tiết tự nhiên. Có nghĩa là ưu tiên tuyệt đối cho việc đầu tư sản xuất, tạo thuận lợi cho những người giàu và cắt giảm tối đa những chi tiêu mang tính xã hội dành cho người nghèo. Hoàn toàn là ý tưởng của khóa 67.

Trời đã về chiều. Ánh nắng lúc này đang tràn vào phòng qua những ô cửa sổ nhìn ra bến cảng, chiếu thẳng vào bức tranh vẽ người săn cá voi. Bỗng nhiên, cử chỉ của người săn cá trở nên khá duyên dáng. Các đường nét trên khuôn mặt ông ta bừng sáng một niềm vui bất ngờ, trong khi con cá ngập trong máu của chính nó lại đánh một cú nháy mắt nham hiểm về phía người xem.

- Tôi hy vọng thuyết phục được mọi người về tính nghiêm túc của hướng điều tra này nhờ thông tin tay người Ấn đã lập gia đình với một phụ nữ Mỹ trong hai mươi năm, và bà ta đã quay về Mỹ sau khi ly dị chồng, cách đây năm năm. Thế nhưng, *bà ta* nằm trong danh sách nhóm của Harrow. Vậy chưa phải là hết. Sau khi bị khai trừ khỏi One Earth, bà ta đã quay về... Delhi. Tôi đang chờ sự xác nhận của một người làm ở Đại sứ quán Mỹ, nhưng có vẻ như từ đó, bà ta đã bị bắt gặp đi cùng với ông chồng cũ thường xuyên. Thậm chí có thể đặt dấu hỏi liệu họ có từng chia tay hay không. Như vậy, ngài Singh có liên quan với cả hai trục điều tra của vụ này là giáo sư Fritsch và Harrow.

- Cô đã nói là ông ta rất giàu, - Paul dò hỏi. - Theo cô, liệu ông ta có thể là người cung cấp tài chính bí mật của phi vụ này hay không?

- Ông ta không phải *rất* giàu. Ông ta chỉ sống thoải mái và khá giả. Tôi không nói là ông ta có đầy đủ các phương tiện để tài trợ cho một phi vụ mang tầm cỡ như thế.

Được kích thích bởi các phát hiện này, không khí sôi nổi tràn ngập cả căn phòng. Cuộc thảo luận sắp nổ ra thì Kerry đến, lại càng làm cho mọi người vui vẻ hoạt bát thêm. Hoặc cô không có thời gian thay đổi, hoặc vì cô muốn gợi nhắc lại toàn bộ chuyển khám phá tại

Áo của mình nên cô vẫn khoác bộ áo thun dày màu đen mà cô đã mặc khi đột nhập nhà giáo sư Fritsch. Cô trưng ra bộ mặt hơi tái và nhăn nhó. Bím tóc của cô được tết chặt hơn bao giờ hết. Đôi mắt cô sáng rực vì sốt sắng và khao khát hành động.

Barney tóm lược lại những báo cáo vừa qua. Trước khi để cho mọi người thảo luận, ông kiên quyết muốn được nghe nốt thông tin của những điều tra viên khác.

Gọi đến bằng điện thoại, Tycen cất tiếng từ chiếc loa đặt ở giữa bàn. Anh phụ trách việc truy lùng hai người có nét da đỏ ở hàng thứ hai trên tấm hình chụp năm 67. Đầu tiên là một người Colombia đã bị ám sát ít lâu sau khi quay về nước. Rất có thể đây là một vụ thanh toán băng đảng. Người thứ hai là một người Brazil.

- Tôi không gặp khó khăn mấy. Ở Brazil ai cũng biết tên ông ta. Oswaldo Leite là một chính trị gia trung hữu, khá biến chất, nhưng luôn biết cách thoát tội. Theo như lời đồn thì ông ta là cánh tay chính trị của phong trào vận động hành lang cho cây mía đường.

- Những gã chủ trương chế độ nô lệ ngày xưa á? - Martha hỏi.

- Dù thế nào thì cũng là bọn chủ đồn điền bảo thủ nhất. Cánh cực đoan trong đám kinh doanh và các đại diện chủ.

- Cậu gọi đó là trung hữu à? - Paul chen vào.

- Ở Brazil, tên gọi thường không chính xác, - Alexander phản đối, ra vẻ đầy hiểu biết. - Đó là lối chính trị đại gia mà.

Những tiếng khọt khẹt vang lên từ chiếc loa cho biết Tycen đang muốn lên tiếng. Barney liền dẹp yên cuộc tranh luận.

- Ủ, Tycen.

- Tôi chỉ muốn thêm một chi tiết thôi: hiện nay gã mà ta đang nói tới là Bộ trưởng Bộ Nội vụ... Ông ta phụ trách lực lượng cảnh sát, và quen biết rộng rãi trong tất cả mọi lĩnh vực. Có thể nói là, không cần ra mặt, ông ta vẫn là một trong những người quyền lực nhất ở đất nước mình trong thời điểm hiện tại.

Một sự yên lặng tập trung bao trùm lên tất cả những người tham dự. Kerry đường hoàng phá vỡ nó.

MÙI ADAM

- Tycen này, cậu có biết một người như gã làm gì ở chỗ Fritsch vào năm 67 không?

- Cậu hỏi hay đây, mặc dù tôi không rõ ai là người hỏi.

- Kerry đây.

- Chào mừng chị, Kerry. Chính là ở chỗ đó đây. Tại Brazil, những năm đầu thập niên sáu mươi, được ghi dấu ấn bởi một sự biến động lớn về chính trị. Các lực lượng cánh tả chiếm ưu thế. Người ta đã xây dựng nên Brasilia, một địa đàng trần gian của thời hiện đại. Những người bảo thủ nhất lo ngại về sự vươn lên mạnh mẽ của đám tiện dân. Oswaldo Leite lúc đó mười tám tuổi, con của một gia đình điền chủ thất thế. Mẹ ông ta bị trầm cảm trong khi bố ông ta đi tìm việc làm tại São Paulo. Ông ta được bà nuôi nấng ở Recife. Đó là một chàng trai mơ mộng - cái này tôi đọc được trong tiểu sử của ông ta - hay quan tâm đến cá tôm và cây cối. Ông ta theo học ngành sinh vật và rất chăm đọc. Một ngày nọ, ông ta đọc được một bài báo của giáo sư Fritsch. Đúng là như sét đánh. Người bà đập ống heo để cho cháu mình tham gia khóa thảo luận. Tại đó, Oswaldo đã khám phá chính trị. Các ý tưởng của Fritsch về người nghèo, về mối nguy dân số, sự tôn trọng thiên nhiên, tất cả đã được đúc kết lại trong đầu ông ta. Bước từ nghiên cứu thiên nhiên sang môi trường xã hội, để bảo vệ những gì mình yêu quý, Oswaldo hiểu ông ta cần phải dẫn thân.

- Vào năm 67, ở Brazil lúc đó đã là chế độ độc tài. - Alexander cắt ngang.

- Quả vậy. Vụ đảo chính được chúng ta khuyến khích đã thanh tẩy quốc gia này. Oswaldo lúc đó ở nước ngoài. Mặc dù gia đình có cảm tình với phe đảo chính, ông ta vẫn thận trọng ở lại châu Âu. Vốn rất ranh ma, ông ta thừa biết quân đội sẽ làm những việc bẩn thỉu: loại bỏ các lực lượng cánh tả và bảo đảm các đặc quyền của người giàu. Ông ta cứ để cho bọn họ hành động và đặt mình vào thế chống đối. Sau khi đất nước ổn định, ông ta mới quay về và tiếp tục bảo vệ các giá trị mà mình theo đuổi, nhưng một cách chính quy đường hoàng.

- Có vẻ cậu rất thích đề tài này. - Martha giễu.

- Cần phải thế, - Kerry cắt lời, hai má cô đỏ lên vì phẫn khích và vì cái nóng. - Đây là một hướng điều tra cực kỳ nghiêm túc. Nếu gã này vẫn trung thành với các ý tưởng của giáo sư Fritsch thì gã có đầy đủ phương tiện để thực thi chuyện đó ở đất nước mình...

- Cần thận đấy, - Paul chen vào, - không có manh mối nào chứng tỏ rằng ông ta có tiếp xúc với Harrow...

Barney giơ hai tay lên để vãn hồi trật tự.

- Xin mọi người chú ý! Trước khi bắt đầu thảo luận, tôi muốn chúng ta lắng nghe tất cả các điều tra viên cái đã. Nào, Alexander.

- Về phần mình, tôi được giao những gã châu Âu trong tám ảnh. Ý tôi là, những người có nét châu Âu.

- Mấy gã da trắng, nói thể cho gọn. - Barney nói với giọng chán nản.

- Ừ thì, đám da trắng. Trước hết là Rogulski. Tất cả mọi người đều biết, ông ta là khởi nguồn của vụ việc. Tuy nhiên, tôi đã phát hiện được nhiều chi tiết mới, nhờ vào các mối quan hệ mà tôi còn giữ được trong giới Liên Xô học đầy máu lửa. Hồi thập niên sáu mươi, ông ta đã từng sang Nga ba năm. Có lẽ chúng ta đã không chú ý kỹ đến việc này. Có vẻ như chuyện một người Ba Lan thường đi đi về về qua đất nước Xô Viết anh em là hoàn toàn hợp lý. Nhưng khi chú ý kỹ hơn, tôi đã phát hiện ra một chi tiết lý thú. Trong ba năm đó, Rogulski lưu trú tại bờ biển Aral. Ấy thế mà, tại nơi này, Hồng quân đã xây dựng một trung tâm nghiên cứu vũ khí không chính thống, chủ yếu là vũ khí hóa học và sinh học.

- Nào, nào...

- Phải, Paul ạ, điều đó rõ ràng đã củng cố cho giả thiết của anh. Rogulski đã ở đúng vị trí có thể biết được làm thế nào biến đổi một tác nhân gây bệnh thành vũ khí. Sự rằng loại phẩy khuẩn mà Harrow hiện đang có chính là một dạng biến đổi nguy hiểm như thế.

- Chuyện này không khiến chúng ta tiến thêm được mấy ở câu hỏi mà ta quan tâm, - Kerry phản đối. - Cái chúng ta cần tìm kiếm nhất là nơi sẽ xảy ra vụ tấn công.

MÙI ADAM

- Xin lỗi vì đã làm cô thất vọng.- Alexander bất bình dộp chất.

- Cứ nói tiếp đi, ông bạn già, ở giai đoạn này tất cả đều có ích, - Barney cắt ngang, không muốn lại chứng kiến một màn tự ái mới của Alexander.

- Cám ơn anh, Barney. Tôi vẫn còn một điều cuối cùng cần nói. Quả tình, tôi đã để dành lại sau cùng nhân vật mà tôi thấy đáng quan tâm nhất.

Ông cầm lấy tấm ảnh trước mặt và chỉ ngón tay vào một người đàn ông trẻ tuổi, đứng ở ngoài cùng bên trái của nhóm người. Anh ta mỉm cười mông lung với vẻ mặt dịu dàng, lơ đãng, nhưng vẫn rất đáng ngại, vì anh ta hoàn toàn thuộc về cái thế giới đầy mộng mị và ảo tưởng.

- Allistair McLeod, - Bennet tuyên bố. - Một số phận khác thường. Vậy nhưng lúc đầu đó chỉ là một chàng trai Scotland tầm thường. Ông ta sinh ra trong một gia đình công nhân ở Glasgow. Bố ông ta là mục sư Tân giáo. Allistair là người con thứ tám trong số mười hai anh chị em. Là một học sinh xuất sắc, ông được nhận học bổng hoàng gia và theo học nông nghiệp ở Manchester, rồi Oxford. Rồi cũng nhờ học bổng, ông được sang Đức thực tập. Không rõ làm thế nào ông ta đến với giáo sư Fritsch. McLeod nghèo đến nỗi được ngài giáo sư hào hiệp của chúng ta nhận vào miễn phí. Trên bảng điểm, tên ông ta đứng riêng, như thể ông ta chỉ là một học viên dự thính.

Lời nói đơn điệu của Alexander làm cho sự nhiệt tình của mọi người chùng xuống. Trời đã về chiều, một đám mây to khiến cả căn phòng tối lại. Bài báo cáo bỗng nhuốm màu u ám của một điều văn.

- Xin anh đẩy, Alexander, nói phứt ra đi! - Kerry thúc ép, rõ ràng muốn giải thoát cho mọi người.

- Cứ bình tĩnh nghe tôi nói hết đã. Rồi mọi người sẽ thấy đáng công. Sau khi chấm dứt khóa học với Fritsch, McLeod, trái với mọi chờ đợi, không quay về Anh. Ông ta sang Nam Phi và biến mất trong gần mười năm. Tiểu sử chính thức của ông ta khẳng định rằng

McLeod đã kiếm bộn tiền trong ngành kinh doanh phân bón. Đó là sự thực, nhưng nhiều người vẫn tin là ông ta chắc chắn phải khởi đầu với một phi vụ mờ ám. Người ta có nhắc đến một đối thủ cạnh tranh bị đầu độc... Điều chắc chắn duy nhất là kể từ sau chuyến đi sang Áo thì ông ta đã thay đổi hẳn. Cậu Allistair mơ mộng, con trai của một mục sư được lớn lên trong khuôn phép đạo đức, đã biến mất, nhường chỗ cho một người đàn ông ham muốn thành công một cách điên cuồng, kiên quyết không bao giờ để mình nghèo nữa.

Nghe đến mấy chữ này, tai Paul bắt đầu dòng lên.

- Phần tiếp theo của câu chuyện đã trở thành huyền thoại về một trong những gia sản kếch sù nhất thế giới, được Forbes xếp trong khoảng từ hạng 10 đến hạng 14, tùy năm.

- Anh nghĩ đây có thể là nguồn gốc của sự giàu có gần đây của Harrow à? - Barney hỏi.

- Tôi không nghĩ gì cả. Tôi để cho mọi người nghĩ, nếu mọi người cho phép tôi nói hết.

- Anh cứ việc.

- Việc mở rộng các hoạt động của McLeod được thực hiện một cách khá hợp lý. Trước tiên là phân bón. Tiếp đến, là vận tải: ông ta đã mua lại một công ty vận tải đường bộ để đi giao phân bón.

- Vẫn luôn ở Nam Phi à?

- Lúc đầu thôi. Vào năm 73, ông ta chuyển sang không vận với một công ty hàng không nhỏ, đến giờ vẫn là linh vật của ông ta: hãng Goose Airlines. Đó là thời kỳ cách mạng vô sản ở Angola và Mozambique. Hình như Goose Airlines đã phục vụ cho không ít chiến dịch bí mật và những phi vụ mờ ám của mật thám Nam Phi. Trong vòng bốn năm, McLeod đã kiếm nhiều tiền đến nỗi có thể tự mua cho mình một công ty tư nhân ở Mỹ. Sau đó ông ta bành trướng sang vùng Caribbean và châu Mỹ La tinh. Trong những năm tám mươi, ông ta đã thành lập một công ty vận tải biển, sau đó là hãng hàng không giá rẻ đầu tiên: hãng Fun Jet.

- A, ra là ông ta, - Tara reo lên. - Tôi đã không nối kết cuộc cách

MÙI ADAM

mạng giá vé máy bay với McLeod. Tôi đã xem được một chương trình truyền hình nói về ông ta. Có vẻ như ông ta cực kỳ giàu có.

- Chính là ông ta đấy. Ông ta luôn biết nương theo chiều gió. Đứ tính nổi bật nhất ở ông ta là năng khiếu đa dạng hóa. Ông ta không bằng lòng với việc kiếm tiền trong ngành hàng không, và ngay lập tức tham gia vào các lĩnh vực khác: năng lượng, với một công ty tiếp vận hàng không; bất động sản với các công trình khổng lồ nằm trên các bờ biển Caribbean, Rhodes và ở Mozambique từ sau khi chiến tranh kết thúc...

- Được rồi, Alexander, - Barney cắt ngang. - Tôi tin là mọi người đều đã hiểu. Ông ta đã trở thành tỉ phú. Bây giờ thì hãy cho chúng tôi biết đâu là mối liên quan giữa ông ta và vụ việc của chúng ta, ngoại trừ việc McLeod đã từng học ở chỗ Fritsch.

- Tôi đã làm việc với Tycen về hồ sơ của cô gái đã đột nhập phòng thí nghiệm của giáo sư Rogulski.

- Juliette hả?

- Phải. Tôi đã bảo Tycen tiến hành kiểm tra một số thứ. Cô nàng đã rời Pháp ngày 23 tháng ba. Thế nhưng, theo tài liệu của văn phòng nhập cư Hoa Kỳ, thì cô ta đến Mỹ vào ngày 6 tháng tư. Để biết được trong thời gian đó cô ta đã đi đâu, chúng tôi đã lấy danh sách hành khách của các hãng hàng không Mỹ. Chúng tôi phát hiện ra cô ta đã không đáp xuống New York từ châu Âu, mà từ Nam Phi, chính xác hơn là từ Johannesburg.

Nụ cười xuất hiện trên môi của tất cả mọi người. Đối với các nhân viên hiện trường, Alexander luôn là một anh cạo giấy. Thế mà ông ta vừa cho thấy tài năng điều tra của mình.

- Tại Nam Phi, khó mà biết ngay được cô ta đã đi đâu. Có vô số khả năng. Vì thế chúng tôi đành làm việc theo trực giác và xem xét các hãng hàng không tư nhân khai thác các chuyến bay từ Johannesburg. Đúng là một trò may rủi, nhưng chúng tôi đã thắng cược: ngày 24 tháng ba, vào buổi sáng, cái tên Juliette đã được đăng ký trên một chuyến bay của Goose Airlines đến Chimoio thuộc

Mozambique, và chuyến bay về vào sáng ngày 5 tháng tư. Không có hành khách nào khác trên các chuyến bay đó.

Khi Alexander nói dứt câu, ông được tán thưởng bằng một tràng hoan hô.

- Cần phải đến hỏi thăm gã McLeod này! - Kerry reo lên.

- Bây giờ gã đang ở đâu?

Alexander phải cố lắm mới kìm nén được nụ cười mãn nguyện của mình. Để lấy lại bình tĩnh và xua đi chỗ nước dâng lên trong đôi mắt, ông tháo cặp kính xuống lau vào cà vạt.

- Gượng đã nào, - ông nói, giọng hơi tắc nghẹn. - Tôi còn chưa nói hết mà.

Alexander lại đeo kính lên rồi lục lọi mớ giấy tờ của mình.

- Từ khoảng ba năm nay, McLeod rút ra khỏi các vụ kinh doanh. Ông ta đã giao việc quản lý tài sản của mình cho những cộng sự đáng tin cậy. Ông ta có độc một cô con gái và rất mực yêu quý, Carlotta. Cô ta được sinh ra từ cuộc hôn nhân chỉ kéo dài có hai năm với một nữ bá tước người Ý, sống ở Houston, Paris và Saint-Petersburg. McLeod để cô con gái mình tránh xa những phi vụ làm ăn của ông ta, nhưng chu cấp cho cô rất rộng rãi và luôn chiều theo những tính khí thất thường của cô ta. Carlotta tỏ ra khá bạc bẽo với cha mình, thậm chí không mang họ ông. Cô ta tự gọi mình là bà nam tước de Castelfranco, lấy theo tên một điền sản của bà mẹ. Nhưng McLeod vẫn tiếp tục dành cho con gái một tình yêu đau đớn.

- Thế ông ta đang ở đâu? - Kerry lặp lại.

- Gần Geneva, khép mình trong một khu biệt thự. Ông ta không có bất cứ sự tiếp xúc nào với thế giới bên ngoài.

- Từ bao lâu rồi? - Paul hỏi.

- Cuối năm 2003, ông ta bị sa sút và bắt đầu bán tháo nhiều phi vụ. Những bài báo cảnh tỉnh xuất hiện trên các tạp chí kinh tế. Sau đó, ông ta đã gượng dậy, thực hiện một số cải tổ để mọi thứ có thể vận hành mà không có mình, rồi từ đó về ẩn cư tại Thụy Sĩ.

MÙI-ADAM

- Như vậy là ông ta rời cuộc chơi đã gần hai năm rồi à? - Paul nhấn mạnh.

- Phải, gần như thế.

- Đúng vào thời điểm Harrow rời One Earth để bắt tay vào thực hiện kế hoạch của hắn.

- Tôi để cho mọi người tự rút ra kết luận. - Alexander nói với giọng khiêm nhường.

- Và từ đó, không ai còn tiếp xúc với ông ta nữa sao?

- Không thể tiếp cận, không thể xin hẹn, tuyệt đối không thể đến thăm. Những người duy nhất còn tiếp xúc được với ông ta là các cận vệ.

- Ông ta có đưa ra lý do cho việc nghỉ hưu của mình không? - Barney thắc mắc.

- Không hề. Điều duy nhất mà người ta biết được là ông ta bị một căn bệnh mãn tính, một dạng ung thư xương phát triển chậm. Nó được kìm giữ bởi hóa trị liệu và McLeod đã yếu đi rất nhiều. Nhưng đó chỉ là tin đồn thôi.

Tiết lộ này làm những người tham dự sững sờ. Ai nấy đều suy nghĩ rất lung. Trong khi lúc mới đầu ai cũng muốn đưa ra nhận xét của mình, thì bây giờ khi Barney mở ra phần tranh luận, chẳng ai buồn lên tiếng.

- Tay McLeod này, - Barney tóm lược lại, - rõ ràng là mạnh thường quân của chiến dịch, nhưng không ai có thể tiếp cận ông ta được. Tuy nhiên, để trả lời cho câu hỏi "Nó sẽ xảy ra ở đâu?" thì chúng ta không thu được mấy tiến bộ. Chúng ta có ít nhất ba hướng rõ rệt là Ấn Độ, Trung Quốc và Brazil. Thế là quá nhiều.

- Trừ phi bọn chúng đã quyết định sẽ đồng loạt đánh vào cả ba nơi. - Martha phỏng đoán.

- Nếu có những phương tiện của CIA, thì chúng ta có thể đặt tất cả những gã trên trong vòng theo dõi, - Tara lên tiếng, nhắc đến sự thất vọng chung của mọi người. - Nhưng còn lâu mới có...

- Đúng là còn lâu mới có được, - Barney tức mình cắt ngang. -

Thêm vào đó, chúng ta không biết Cục chơi trò gì trong vụ này. Do vậy, ta phải tự lực cánh sinh thôi.

Im lặng lại xâm chiếm căn phòng. Tất cả mọi người đều nghĩ tới sự bất bình của tình huống. Nhìn quanh bốn bức tường của nơi hội họp nhỏ hẹp, đột nhiên họ cảm thấy nản vô cùng. Họ không còn trực thuộc một cơ quan công quyền lớn đã dành, nay lại bị tách rời khỏi tổ chức tư nhân mà mình đã góp công tạo dựng. Họ bị thuyết phục rằng mình đang đấu tranh cho một việc làm đúng đắn, nhưng chỉ mỗi mình họ chống lại tất cả. Họ đã chạm đến giới hạn tối đa có thể đạt được trong điều kiện như thế này.

Cuối cùng, Paul phá vỡ sự im lặng.

- Chìa khóa nằm ở chỗ McLeod.

Anh đang thu mình lại hết sức, đầu rụt vào vai, hai cẳng tay đưa ra như một võ sĩ quyền Anh thủ thế.

- Cần phải hỏi thăm ông ta bằng mọi giá. Ý tôi là thăm vấn thật sự, theo cách mà ông ta không thể từ chối trả lời chúng ta. Nếu ông ta tài trợ cho vụ này và đảm trách phần hậu cần, ông ta phải biết Harrow đang ở đâu.

- Tôi xin nhắc lại, tiếp cận McLeod là một việc không thể, - Alexander nói rõ bằng một giọng bất bình. - Và tất cả biện pháp vũ lực đều sẽ chỉ chuốc lấy thảm họa. Gã này có những mối quan hệ với giới chóp bu tại Mỹ cũng như những nơi khác. Người ta nói McLeod rất thân thiết với những kẻ tân bảo thủ và đã tài trợ cho nhiều cuộc vận động của họ.

Nhưng rồi, trước sự quyết đoán của Paul, Alexander lại quay về với hình ảnh anh cạo giấy mà ông ta đã rời bỏ được một lúc. Chẳng ai đặt cược dù chỉ một xu cho những gì ông ta nói.

- Vậy là rõ rồi, - Paul lầu bầu. - Chuyện này tất nhiên sẽ khó, nhưng tôi tin là có thể làm được.

Và bằng một giọng trầm đục, hoàn toàn tự nguyện, anh kết luận:

- Hãy để tôi làm việc ấy.

MÙI ADAM

Những lời vừa rồi cùng với vẻ bức bối của Alexander đã làm những người tham dự nở nụ cười.

Paul đợi một lúc để ghi nhận sự tán đồng của cả nhóm, rồi nói thêm:

- Đáng tiếc là, Kerry ạ, em đã đi đường vòng mất rồi. Để đi từ Áo sang Thụy Sĩ, đầu cần phải ghé Rhode Island.

Anh bắt gặp ánh mắt long lanh của cô.

- Tycen này, - anh nói to về phía cái loa, - cậu vẫn đang nghe đấy chứ? Nhờ cậu đặt cho chúng tôi hai vé máy bay đi Geneva ngay khi có thể, được không?



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Rio de Janeiro, Brazil.

Chiếc xe của Zé-Paulo lăn bánh chậm rãi ngay sau khi ra khỏi đường quốc lộ. Khung cảnh thay đổi đột ngột đến nỗi cứ tưởng như nó thuộc về một đất nước khác. Đất nước Brazil của các bãi tắm, những khách sạn lớn, những con đường cao tốc đã biến đi, nhường chỗ cho một vùng đất bằng xám xịt, bao phủ cho đến hút tầm mắt bởi những cái chòi lụp xụp nằm sát mặt đất.

Baixada Fluminense không còn chút dấu tích nào của thời kỳ nó từng là mảnh đất nông nghiệp. Ánh nắng làm cho bụi bay mù mịt theo những bức tường bằng đất. Bọn trẻ con chân đất đang chơi đùa ngoài trời. Chúng cũng không đến nỗi suy dinh dưỡng quá. Có thể đoán hầu hết bọn chúng không phải là trẻ mồ côi, chỉ nghèo thôi, nghèo đến mức độ không thể tưởng tượng nổi, bởi vì sự bần hàn của chúng không phải là hậu quả của một biến động lớn hay một sự sụp đổ, mà do hoàn cảnh sâu xa và có thể là vĩnh viễn của chúng. Chúng sinh ra đã nghèo khó, cứ như những con cáo, con ngựa sinh

ra đã là cáo hoặc ngựa vây. Sự khốn cùng không còn là một tình trạng, mà đã thành bản chất của chúng. Bọn trẻ thích nghi với tình cảnh này theo cách của chúng. Vây quanh quả banh bằng giẻ rách, trong cái nắng nóng của khu ổ chuột mênh mông ấy, người ta trông thấy những đứa trẻ vui vẻ cười vang, trong lòng không biết phải nghĩ gì trước sự vô tư của chúng. Đó là hình thức tốt cùng của sự tuyệt vọng, hay là một biểu hiện nghịch lý của hạnh phúc?

Ngồi trên ghế sau của chiếc xe Ford, Juliette áp mũi vào cửa kính. Cho dù đã hít cật lực, cô vẫn chỉ ngửi thấy mùi hương gỗ của bầu không khí đã được làm mát trong xe. Và sự khốn khổ không mùi dường như càng đáng ngại hơn đối với cô. Khi chiếc xe đi qua, những gương mặt quay về phía cô. Vài đứa bé lao đến đập tay vào kính xe, nhăn nhúm những cái miệng sún răng kinh khủng. Trên ghế trước, Harrow ngồi thẳng, thu người lại, mắt nhìn ra thật xa, tựa như một người đang đi ngang qua gần một con rắn và sợ đánh thức nó dậy khiến mình bị tấn công. Zé-Paulo phải cố gắng hết sức để tránh xa những đứa bé xin tiền đang chạy bên sườn xe, nhưng cử chỉ của ông ta chỉ làm chúng bật cười.

- Bọn trẻ bất hạnh. - Ông giải thích trong lúc điều khiển chiếc xe vượt qua các ổ gà trên đường. - Bất hạnh và quái quỷ. Bởi vì tại đây nó là như thế: chúng chuyển thẳng từ những đứa bé ngây thơ thành tội phạm. Sự ngây thơ chỉ kéo dài đến năm tuổi, sau đó bọn chúng bắt đầu hút thuốc, hút hít, buôn bán ma túy. Và giết chóc.

Trong những chiếc áo thun rách rưới, và khuôn mặt cháy nắng với mái tóc rể tre đầy chảy rận, bọn trẻ tiếp tục chạy theo xe. Juliette bắt gặp trong ánh mắt của chúng tất cả những điều mà Zé-Paulo vừa nói: nét hồn nhiên đã thui chột, sự chai sạn khó chấp nhận nổi, những tia hằn thù gần như của loài thú, và rồi chỉ một khoảnh khắc sau là tiếng cười tội nghiệp.

- Những lán trại này tồn tại lâu năm nhất khu ổ chuột đấy. Hai người có thấy không, chỉ cần tưởng tượng một chút, người ta có thể thấy chúng gần giống như những ngôi nhà. Tất nhiên, trong đó đầy

MÙI ADAM

rấy những sinh vật nguy hiểm. Năm nào người ta cũng thấy có những đứa bé nằm trong nôi bị chuột cổng cắn nát mặt. Nhưng xét cho cùng thì những cái lán này cũng có cửa chính, cửa sổ. Khi một thằng đàn ông nát rượu đánh đập vợ hắn, ít ra hắn cũng có thể làm chuyện đó ở nơi khuất mắt hàng xóm.

Chiếc xe đang đi trên một mặt đường giống như đại lộ của Baixada.

- Càng đi về phía đằng kia, các ngôi nhà càng tuềnh toàng, - Zé-Paulo nói tiếp, chỉ tay về phía chân trời bụi mù, giữa những chiếc xe ngựa và những đám người vô công rồi nghề tụ tập. - Ở tận phía ngoài cùng, thậm chí còn có những kẻ cư ngụ trong những cái ổ quây bằng cành cây, túi cũ, mảnh nhựa. Đó là góc của đám người mới tới.

- Họ còn kéo tới nhiều không?

Zé-Paulo ngoái cổ ra sau để trả lời Juliette.

- Hàng ngàn người mỗi tháng. Mà có thể là hàng vạn người cũng nên. Bọn họ kéo về đây từ khắp nơi trong nội địa, nhất là từ vùng Đông Bắc.

Ông ta đánh vòng xe sang một bên để tránh một thân người nằm vắt ngang đường. Không thể biết được đó là một cái xác, hay chỉ đơn giản là một gã say xỉn nằm ngủ vạ vật.

- Các đô thị của chúng tôi đã trở thành những con quái vật. Người ta dồn đến chung quanh chúng, tin rằng cuộc sống sẽ dễ chịu hơn ở đây. Nhưng thực tế là họ không tìm được những gì họ muốn. Họ lay lắt tồn tại trong cảnh cơ cực và phi pháp.

- Biết đâu những nơi mà người ta từ đó ra đi đơn giản là không thể sống được?

Zé-Paulo ném một cái nhìn lạ lùng qua vai về phía Juliette.

- Đúng thế thật. Họ sẽ không sống sót nổi ở những nơi đó. Ở các vùng quê, vẫn còn một sự cân bằng giữa số lượng người và tài nguyên thiên nhiên. Khi tài nguyên đã bị sử dụng hết hạn mức, số lượng người sẽ bình ổn hoặc giảm đi. Đó là nguyên tắc của Malthus. Chứ còn ở đây thì chẳng còn luật lệ gì nữa hết. Chính phủ không

thể tự cho phép mình bỏ đói các đô thị. Thế nên họ được nuôi ăn. Chẳng có gì kìm hãm sự sinh sản của đám dân nghèo. Tỷ lệ sinh đẻ của bọn họ thật khủng khiếp.

Họ rẽ ra khỏi con đường lớn và bây giờ đang ngược lên một lối đi nhỏ hẹp hơn, vẫn không được tráng nhựa. Trong bóng râm, phía trước các lán trại, những người đàn bà đang giặt giũ trong những cái chậu nhựa đủ màu sắc.

- Chúng tôi trông mong vào các vị để đảo ngược xu hướng này, - Zé-Paulo vừa nói vừa nhìn sang phía Harrow. - Đó là tất cả những gì chúng tôi hy vọng ở nhiệm vụ của các vị: đảo ngược dòng chảy, phá vỡ sự hấp dẫn chết người của các đô thị. Đưa người dân về với sự cân bằng ở vùng thôn quê của họ.

Yên lặng bao trùm bên trong xe. Juliette có cảm giác như cô vô tình là nguyên nhân của nó. Đường như hai người đàn ông chờ đợi một phản ứng từ phía cô. Và quả thật, câu hỏi đang luẩn quẩn trong đầu cô suốt mấy ngày hôm nay đã gần như bật ra khỏi miệng cô: "Bằng cách nào?", "Chúng ta sẽ làm thế nào để đảo ngược dòng chảy này?", "Chúng ta phải bỏ đi hay thêm vào sự khốn khổ này để làm thay đổi tình hình?".

Nhưng cứ mỗi khi thắc mắc ấy hiện lên, Juliette lại cảm thấy đau nửa đầu và buồn nôn, khiến cô không còn chú ý đến nó nữa. Những ngày này cô hơi lạm dụng thuốc. Cô cảm thấy cứng rắn như được bọc giáp, được bảo vệ bởi một con đê chắn những đợt sóng lo lắng. Và cô đặc biệt chú trọng đến việc giữ thái độ phục tùng. Dù cho người ta muốn gì ở cô, cô cũng sẽ phục tùng, để khỏi bị chìm đắm trở lại vào những ngày tháng buồn chán sống không lý tưởng.

- Con kênh nằm ở đằng kia. - Zé-Paulo thông báo, phá vỡ sự im lặng và bối rối.

Chiếc xe xóc nảy trên những ổ gà. Bộ phận giảm xóc kém càng làm những cú dằn mạnh thêm. Qua những khuôn cửa rộng hoang hoác của các túp lều, họ nhận ra những dáng người đàn ông tiêu tụy và nhớn nhác vừa tỉnh dậy sau cơn say rượu. Zé-Paulo đi tiếp một

MÙI ADAM

đoạn, rồi dừng xe lại ngay giữa một bãi đất trống nhỏ tiếp giáp với một dốc đất cao.

- Chúng ta chỉ đi mấy bước thôi, để cho hai người nhìn rõ hệ thống nước.

Họ xuống xe và lập tức cảm nhận một luồng hơi nóng rất mặt. Không khí ẩm và nặng nề, pha trộn đủ thứ mùi từ mùi sơn chưa khô, mùi đất bẩn, đến mùi phân và mùi lòng ruột súc vật.

Harrow đứng thẳng người, tay nắm chặt lại. Đằng sau hắn, Juliette bỗng muốn ôm lấy hắn, trong lòng cô dâng lên một sự thương cảm sâu sắc và tình cảm trĩu mến bất ngờ. Cô lại trông thấy hình ảnh hắn ở giữa hoang mạc Colorado, và tự hỏi hắn có thể cảm thấy gì ở một nơi như chỗ họ đang đứng lúc này, nơi mà thiên nhiên đã hoàn toàn biến mất, chỉ còn lại con người trong bộ dạng nhóp nhúa nhất. Ở đây, loài người đồng nghĩa với sự hủy diệt và cái chết. Cô chạm nhẹ bàn tay Harrow. Hắn lùi ra, khiến sự thương cảm của Juliette lại càng tăng thêm.

Họ đi về phía dốc đất. Mặt đất lầy lội đủ thứ linh tinh: những mảnh túi nylon, các mẩu sắt vụn, những mảnh xương gà và xương cừu. Có lẽ tất cả đã bị trộn lẫn với bùn trong mùa mưa trước. Khi khô đi, đất để lộ ra những di vật đó như thể chúng tụt dưới đất chui lên do xói mòn.

Những lối mòn nhỏ, ở đó đất bị lèn chặt vạch ngang vạch dọc trên dốc đất, cho phép họ leo lên đó nhanh hơn. Những người phụ nữ trèo lên trèo xuống, mang theo những cái can đựng nước. Khi lên đến nơi, họ nhận ra đó là bờ của một con kênh băng qua toàn bộ Baixada. Zé-Paulo không xua đuổi thẳng tay một nhóm trẻ tiến lại gần họ. Ông ta đã đội một chiếc mũ rơm lên đầu và đang dùng khăn tay thấm mồ hôi trán, trong khi vùng tay chỉ về phía chân trời.

- Con kênh nối liền dòng sông với vịnh biển. Nó vừa dẫn nước vừa tiêu thoát nước.

Dưới đáy kênh, nằm sát với bờ kênh đã được trám xi măng là lớp nước tù đọng màu xanh rêu. Họ trông thấy các phụ nữ tụ tập ở mép nước, một số đang giặt đồ, số khác lấy nước.

- Họ uống thứ đó kìa! - Juliette thốt lên.

- Họ không còn lựa chọn nào khác. Khi nào có thể thì họ sẽ đun nước. Ngay cả việc ấy cũng không ích lợi gì đối với môi trường, vì nguồn năng lượng duy nhất của họ là củi, tất nhiên rồi.

Vì đang đứng trên cao vài mét so với toàn bộ Baixada, họ có thể nhìn thấy những làn khói bếp bốc lên, tụ lại thành một vầng mây hồng nằm bất động phía trên cao của vùng đất bằng.

- Vào mùa mưa, nước dâng lên trong lòng kênh. Thịnh thoảng có những đứa trẻ ngụp lặn dưới ấy. Vì độ dốc của địa hình gần như không có, nên con kênh có tác dụng như một nơi trữ nước.

- Không có dòng chảy à? - Harrow chen vào.

- Có, nhưng rất yếu.

- Cần phải đánh giá về nó. Điều này rất quan trọng đối với các tính toán của chúng ta. Trong lần thử nghiệm mô phỏng tại Cap-Vert, chúng tôi đã đo đạc mối tương quan giữa liều lượng và sự phát tán tùy theo dòng chảy.

Quay về với lĩnh vực kỹ thuật, Harrow tỏ ra thoải mái hơn. Zé-Paulo rút ra một quyển sổ nhỏ và ghi vài điều.

- Tôi sẽ tìm cho anh độ dốc trung bình của con kênh. Từ đó anh có thể thực hiện các phép tính của mình.

Trong lúc đi lại trên bờ kênh, họ bắt đầu thảo luận về nhiều vấn đề kỹ thuật, đặc biệt là về khả năng có một hay nhiều điểm phát tán. Juliette không buồn lắng nghe nữa. Cô lại cảm thấy cơn chóng mặt mà cô cho là do cái nóng và thuốc men gây ra. Cô báo với hai người kia là cô sẽ về xe đợi họ. Ở dưới chân dốc đất, đằng sau chiếc xe, một đám người gồm đàn ông, đàn bà và trẻ nhỏ đã hình thành. Rõ ràng do sự hiện diện của người lớn nên bọn trẻ không gây ồn ào nữa. Trong ánh mắt của chúng có một tia bạo lực, một biểu hiện đe dọa như thể muốn đòi được giải thích, như một sự trách cứ câm lặng.

Juliette bắt đầu nhìn nhóm người, tìm một khuôn mặt có vẻ cởi mở nhất, một sự tử tế nếu có thể. Nhưng tất cả các khuôn mặt đều có vẻ thù địch như nhau.

MÙI ADAM

- Cô đừng lo, - Zé-Paulo nói to từ trên đỉnh dốc. - Họ không dám động chân động tay đâu.

Khi dõi mắt theo một vài ánh nhìn, Juliette nhận thấy cách đây khoảng một trăm mét về bên trái có một chiếc xe tuần tra đang đậu. Năm người đàn ông vũ trang đang ngồi trên băng ghế xe, hai người khác thì đứng dựa vào capô xe.

Cô quay về phía những người dân của khu ổ chuột. Harrow và Zé-Paulo đã xuống khỏi con dốc và tiến lại gần chỗ cô. Đúng lúc đó, mắt cô bắt gặp ánh mắt của một bé gái hơi khác biệt so với những người khác. Con bé mặc một thứ giống như túi vải bố màu đỏ bị xé ra. Khuôn mặt nó bẩn thỉu, mũi thì thò lò chảy nước và đang chọc ngón tay trong đó. Thế nhưng, ở giữa khuôn mặt bẩn thỉu ấy bừng sáng một đôi mắt màu xanh trong vắt. Chúng toát lên sự thông minh diệu kỳ, nhu cầu được yêu thương và sức mạnh của mơ ước.

Juliette mỉm cười với con bé. Khuôn mặt nó sáng lên trong một thoáng, rồi con bé chạy đi.

Trong khi đó, hoàn toàn tin tưởng vào viên cảnh sát đứng canh cách đây một quãng, Zé-Paulo uốn ngực đi vòng qua chiếc xe, buộc đám người lui lại để nhường chỗ cho ông ta. Harrow trở về chỗ ngồi trong xe. Juliette cũng làm theo.

Trên đường về, Harrow và Juliette để mặc cho Zé-Paulo huyền thuyên, trong khi họ đánh một vòng quanh các khu ổ chuột chính của thành phố, nhưng lần này không rời khỏi xe nữa.

Đúng năm giờ, bóng tối đã làm nổi bật hơn sự tương phản nơi những cây xoài ở quận Laranjeiras. Juliette và Harrow lên phòng tắm rửa. Lúc họ đi xuống phòng khách thì trời đã tối hẳn. Từ quán cà phê mở ra con đường bên cạnh vang lên tiếng đàn ghi ta. Cô và hấn cùng ngồi yên lặng bên chiếc bàn đặt ngoài vườn, trước mặt là món tôm và một chai bia.

Thật lạ, chuyến thăm Baixada đã làm thay đổi cách nhìn Harrow của Juliette. Cô đã trông thấy sự yếu đuối của hấn trong khoảnh khắc. Nó như thể là cô đã đột nhập vào tận cái nơi bí mật đã điều

hiến tất cả mọi hành động của hắn, nơi cất giấu một kho báu mong manh: ý thức về sự hài hòa của thế giới, sự chịu đựng sinh ra từ chịu đựng, sự hình dung khắc nghiệt về con người chỉ có thể giải quyết bằng sự thoái hóa của họ.

Ít ra thì đó cũng là những gì cô nghĩ mình đã nhìn thấy. Bởi vì chính xác thì chẳng có gì thay đổi cả. Hắn vẫn cứ trầm ngâm và kín đáo như thế.

Về phần Juliette, những suy nghĩ vừa rồi không làm cô vui hơn là mấy. Lượng bia cộng với thuốc men làm cô run rẩy nhẹ nhẹ. Cô ngồi im lặng, người cứng đờ, trong lòng đầy lo lắng.

Họ không nói gì với nhau, chỉ ngằm chấp nhận nhau. Họ trèo lên chiếc cầu thang lộ thiên, tay nắm vào hàng lan can bằng sắt rèn, và rồi khi lên đến phòng mình, cả hai cùng vào trong phòng của Juliette, căn phòng đầu tiên. Cửa sổ mở toang đã bày sẵn mọi thứ: sự ấm áp của màn đêm, ánh trăng cùng vài nốt nhạc samba. Họ làm tình trong im lặng.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trong bóng tối, khi nhìn vào đôi mắt của Ted, Juliette tin là cô đã nhận ra màu của chúng: nó có cùng màu với đôi mắt của bé gái trong khu ổ chuột. Juliette thiếp đi trong màu xanh thuần khiết ấy, và khi thức dậy, cô lại bắt gặp nó trên bầu trời.

III

Geneva, Thụy Sĩ.

Hai mươi năm trước, khi lựa chọn định cư ở bờ sông Rhône, bác sĩ Charles Jaegli không chỉ học theo mốt. Tất nhiên đây là khu vực đất giá nhất của thành phố và tự nó đã là biểu tượng cho sự thành công trong xã hội. Jaegli không phải không bận tâm đến chuyện đó,

MÙI ADAM

nhưng bạn bè trong giới cũng bất ngờ khi biết ông lựa chọn nơi ở này trước hết là vì những lý do rất thi vị. Ông yêu thích hơn hết thấy phong cảnh ngoạn mục của hồ nước vào mùa xuân, khi nước sông Rhône mang vẻ thuần khiết của băng đá. Đối với ông bác sĩ già, không gì có thể thay thế được những bữa sáng trong phòng ăn, một mình bên chiếc bàn được kê sao cho ông có thể nhìn thấy những cột buồm đu đưa trên bến cảng. Ánh nắng lấp lánh trên những mái nhà kính phía bờ sông đối diện. Quang cảnh sống động vẽ trên nền màu xanh da trời ấy được đóng khung trong tấm vách kính cao năm mét của phòng ăn. Nó vững chắc và dày dặn đến nỗi không để lọt bất cứ tiếng ồn nào từ bờ nước, mang lại cho hồ Léman sự bình yên tương xứng với dáng vẻ yêu kiều của nó.

Không có sự bình yên này thì bác sĩ Jaegli đã không thể chống lại những cuộc tấn công của tử thần. Có thể năm năm về trước ông đã bị hút hẫng khi người vợ qua đời do một cục huyết khối trong não. Có thể ông sẽ không bao giờ khuây khỏa sau cái chết của người con gái độc nhất do một cơn đau gan kịch phát, sau khi trở về từ chuyến du lịch đến đảo Sicily, năm con bé mới mười chín tuổi. Và nhất là, có thể ông đã không có được sức mạnh để hàng ngày đối diện với cái chết của những bệnh nhân. Chết thật sự, vì nhiều người trong số họ đã gục ngã trước bệnh tật, và chết trong tâm tưởng, vì tất cả đều nghĩ đến nó không ngừng, ngay khi từ “ung thư” được dùng để nói về họ.

Vậy mà căn bệnh ung thư cùng với cái hồ lại là một niềm đam mê khác của bác sĩ Jaegli. Kể từ khi ông chứng kiến cái chết của mẹ mình do một khối u trong vú khi bà mới ba mươi lăm tuổi, ông đã toàn tâm toàn ý nghiên cứu về căn bệnh này. Ông đã nghiên cứu nó ở cấp độ cao nhất, tại những trung tâm nghiên cứu tiếng tăm ở Mỹ và Thụy Sĩ. Từng làm giáo sư tại đại học Geneva, bây giờ ông nghỉ hưu trong thư thái. Trong mắt ông, lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ đã trở nên tầm thường đến khó chịu. Từ nay ông chỉ chuyên tâm vào việc khám bệnh. Phòng mạch của bác sĩ Jaegli nằm ở đường Lớn, trong

khu phố cổ, ông chỉ việc đi bộ đến đấy. Danh tiếng đã giúp ông thu hút các khách hàng giàu có và nổi tiếng. Trừ những trường hợp cực kỳ ngoại lệ, ông không đi khám bệnh tại gia, những người vô danh thì lại càng không. Vậy tại sao tối hôm trước ông lại nhượng bộ?

Một đồng nghiệp người Mỹ đã ghé qua phòng mạch vào cuối giờ khám bệnh và đưa ông về tận cửa nhà, trên bến sông Rhône, vừa đi vừa trò chuyện không ngừng. Ông bác sĩ già đã bị chinh phục bởi sự nhiệt thành của anh chàng này, nhất là khi anh kể về những người thầy của mình ở bên Mỹ. Phần lớn trong số họ nhất định phải tự giới thiệu mình là "học trò của bác sĩ Jaegli". Những tên tuổi lớn trong ngành ung bướu ấy luôn xem ông - một bác sĩ tầm thường người Thụy Sĩ, theo như lời ông tự nhận xét về mình - là một chuyên gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này. Ông rất sung sướng khi được biết điều ấy.

Nói thật tình, với năng lượng sông tràn trề, cái mũi vẹo, mái tóc đen rối tung, ông thấy cậu đồng nghiệp quý quái này cũng dễ thương. Những người không có con trai thường hay bị chinh phục kiểu ấy. Jaegli cảm thấy không thể từ chối bất cứ điều gì với bác sĩ John Serrano. Thêm vào đó, điều mà anh chàng này muốn cũng chẳng có gì là quá đáng. Anh ta chỉ nhất quyết yêu cầu ông bác sĩ nổi tiếng khám cho vợ mình và đưa ra liệu trình tốt nhất để điều trị cho cô ấy.

- Sáng mai cứ đưa cô ấy đến phòng mạch của tôi. - Bác sĩ Jaegli nhượng bộ, dù lịch khám của ông đã kín mít trong ba tháng sắp tới.

- Xin lỗi bác sĩ, tôi thấy phiền hà quá, - Serrano đáp. - Nhưng vợ tôi không biết tí gì về bệnh tình của mình. Trên cửa phòng khám của ông thì lại ghi chữ ung thư rành rành. Giá như ông có thể đến gặp cô ấy ở khách sạn chúng tôi đang ở...

Jaegli kêu lên một tiếng. Ngoại trừ đã vào giai đoạn cuối, hoặc vì những lý do thật đặc biệt - nhất là lý do an ninh đối với một số bệnh nhân có dính líu tới những việc nhạy cảm - thì ông luôn tuân thủ nguyên tắc không đi thăm bệnh.

MÙI ADAM

- Lần này thôi nhé, - tuy vậy ông vẫn nghe thấy mình nói như thế. - Tôi sẽ tạt qua khách sạn vào bảy giờ sáng ngày mai, trước khi đi khám bệnh.

Cái cậu chàng này đã nhìn ông với ánh mắt tội nghiệp đến thế nào để ông phải xiêu lòng dễ dàng như thế nhỉ?

Nhưng dù sao thì, bây giờ cũng đã đến lúc phải đi. Bác sĩ Jaegli đặt chiếc khăn trắng hồ cứng xuống cạnh cái cốc bạc vừa đựng món trứng chần của mình. Ông uống nốt ngụm cà phê cuối cùng từ chiếc tách sứ mỏng mảnh đến độ chỉ một cái mím môi cũng đủ làm nó vỡ. Rồi ông đứng dậy, khoác áo choàng và đi khám bệnh cho phụ nhân bác sĩ Serrano.



Nội trong ba ngày, họ phải làm nên những điều kỳ diệu. Paul tự chúc mừng mình vì lại tiếp tục nhận được sự trợ giúp của Providence - mặc dù sự giúp sức này mang tính chất lén lút và qua những kênh phức tạp hơn thường lệ. Không có sự linh hoạt của cả nhóm thì anh sẽ không bao giờ dựng nên một kế hoạch tác chiến phức tạp nhường ấy một cách nhanh chóng đến thế.

Như Alexander đã nói, việc tiếp cận McLeod có vẻ như không thể thực hiện được. Tư dinh của ông ta ở Morges là một thành trì thực sự. Khu vườn trải rộng trên hai hécta đất nằm xuôi dần xuống đến hồ, mới nhìn thì có vẻ rất tôn trọng vẻ đẹp kín đáo của vùng. Các bức tường có độ cao bình thường, những thiết bị an ninh cũng không quá lộ liễu. Thế nhưng, khi dùng ống nhòm quan sát địa điểm này, người ta có thể phân biệt rõ ràng một hệ thống hàng rào điện ôm sát tường cùng với một mạng lưới camera an ninh cực kỳ tối tân. Bờ hồ được các chú chó liên tục tuần tra. Hơi thụt vào trong một chút là một dải đất trống được bao quanh bởi các cọc phản quang cảnh báo sự hiện diện của các bộ cảm biến và có thể cả mìn sát thương nữa.

Để thực hiện được việc quan sát này, Paul và Kerry đã thuê một

chiếc thuyền buồm và lái nó đi đích đích ở khoảng cách nửa dặm phía trước ngôi nhà. Chỉ nội sự xuất hiện của chiếc thuyền thôi cũng đã đủ để gây ra tình trạng báo động, minh chứng cho thấy nhân viên an ninh của McLeod theo dõi luôn cả cái hồ. Một tàu tuần tra của cảnh sát Thụy Sĩ, chắc là được thông báo bởi bộ phận an ninh của nhà tù phú, đã đến khám xét chiếc thuyền. Tuy anh chàng hạ sĩ sau khi trèo lên boong tàu đã dễ dàng tin rằng họ chỉ là một cặp tình nhân hiền lành, anh ta cũng yêu cầu họ ra xa bờ hơn mà giải trí.

Chỉ cần lượn một vòng trên con đường chạy dọc theo khu tư dinh cũng đủ để họ chắc chắn rằng tất cả những nơi ẩn náu thông thường hoàn toàn vô tác dụng. Hai chiếc xe tuần tra luôn canh gác trước cổng cả ngày lẫn đêm.

Tuy nhiên, khi nghiên cứu trên bản đồ, Paul và Kerry để ý thấy một tháp nước nằm ở phía tây bắc của khu dinh thự. Nó có thể trở thành một điểm quan sát ló vào tư dinh. Ngay trong đêm đó, hai người chuẩn bị mọi thứ để sẵn sàng đột nhập tháp nước. Họ mặc một bộ đồ ngủ trang, mang theo vài món dụng cụ cùng với một cái ba lô nhỏ đựng đầy thức ăn và nước uống. Tháp nước là một công trình cổ kính hình cây nấm. Họ dễ dàng bẻ khóa cánh cổng sắt để vào trong. Một chiếc cầu thang xoắn hẹp dẫn hai người lên đỉnh. Tiếng róc rách vang dội giữa các bức vách bằng gạch bê tông rỗng, khiến cho họ có cảm tưởng như đang thám hiểm một hang động thẳng đứng. Khi lên đến đỉnh, hai người nằm dán bụng xuống phần mái bằng ốp gạch kính của tháp nước. Hai người nhờ sử dụng ống nhòm hồng ngoại đã nhận ra đây là nơi lý tưởng để quan sát dinh thự của McLeod. Hai người lướt mắt nhìn dọc theo những con đường dẫn đến ngôi biệt thự. Họ quan sát được chiếc cầu thang lộ thiên và nhìn trực diện mặt phía tây của ngôi nhà, với gian bếp và một lối ra vào dành cho người phục vụ.

Việc quan sát đã xong, họ còn cả một đêm. Trong bộ quần áo bó sát màu đen và chiếc mũ trùm đầu, hai người trông như những sinh vật ngoài trái đất đang thám hiểm một hành tinh mới. Khu phố

MÙI ADAM

xung quanh hoàn toàn yên tĩnh. Họ cảm thấy sự hiện diện bất động và đáng ngại của cái hồ với hàng đèn chạy dọc theo bờ. Tiếng ùng ục của tháp nước như vang dội trong bụng của Paul và Kerry. Mặc dù thời gian để hoàn thành những việc vừa rồi là không ít, nhưng thật ra họ chỉ mới đến đây buổi sáng hôm trước đó. Những mệt nhọc trong chuyến bay, sự chênh lệch múi giờ, cảm giác căng thẳng do chờ đợi và các nguy cơ gây ra, tất cả làm cho tinh thần họ trở nên trống rỗng và toàn bộ cơ thể họ như rút vào trong những trung khu lạc hậu của bộ não, ở đó tồn tại những bản năng của động vật như nỗi sợ, cái đói và cái khát. Trên khoảng sân thượng ẩm áp được làm mát bởi các cơn gió hồ, suốt đêm họ gà gât và ăn mấy cái bánh mì kẹp đã mang theo trong ba lô.

Sáng sớm hôm sau, hai người lại bắt đầu quan sát. Trong nhà hoàn toàn không có gì chuyển động. Mặt tiền trống trải và những ô cửa sổ kéo rèm không cho phép đoán biết được cách bố trí của các căn phòng bên trong cũng như công năng của chúng. Chỉ có các lính gác đi qua đi lại, trong bộ thường phục. Có vẻ họ khá đông, ít nhất cũng hai mươi người.

Một lối vào dành cho các nhà cung cấp hàng dẫn tới khoảnh sân nhỏ nằm bên hông của tòa nhà chính. Khoảng tám giờ, một chiếc xe tải nhỏ đi vào theo lối đó. Hai bà phụ bếp đến giúp nhấc các sọt trái cây và rau củ, sau đó tình hình yên ắng trở lại.

Khoảng trước mười giờ một chút, Kerry lúc đó quan sát bằng ống nhòm đã nhận ra một chút xáo động tại cửa chính. Đúng mười giờ, một chiếc Volvo màu xám tro xuất hiện ở cuối đường rồi lăn bánh đến tư dinh của McLeod. Hai lính gác trong phiên trực lập tức mở cổng. Chiếc xe giữ nguyên tốc độ chạy vào trong sân, dừng lại ngay trước các bậc thang. Một người đàn ông cứng nhắc bước xuống xe. Ông ta cởi găng tay lái xe và vút lại trên chiếc ghế bọc da, mở cửa sau, lấy ra một hộp dụng cụ y tế có kiểu dáng truyền thống đã được trang trí cách tân bởi một nhà thuộc da cao cấp, rồi trịnh trọng bước lên các bậc thang.

- Ông ta đây. - Kerry thì thầm.

Đến lượt Paul đưa ông nhòm lên mắt. Từ vị trí của họ có thể trông thấy biển số của chiếc xe. Paul ghi vào điện thoại di động và lập tức gửi qua tin nhắn cho Barney. Nhờ vào đầu cầu tại Providence, hai người nhận được câu trả lời trong khi ông bác sĩ vẫn còn chưa quay ra.

Mười một giờ ba mươi phút, khi vị bác sĩ đi ra, ông ta đã không còn là một người vô danh đối với Paul và Kerry nữa. Chín mươi phút trước một người xa lạ đã đến, nhưng khi quay trở về, ông ta đã lộ diện là bác sĩ Charles Jaegli, ngụ tại tầng ba nhà số 37 bờ kè sông Rhône, và lý lịch của ông ta đã hiện lên trên màn hình di động của Paul. Chỉ cần đưa thêm nhân vật bác sĩ Paul Serrano vào màn kịch.



Khi tự giới thiệu với tiếp tân khách sạn Astrid nằm trên đường Lausanne, bác sĩ Jaegli hơi ngần ngại một chút. Một linh cảm vô thức bảo ông lánh đi. Nhưng đã từ lâu ông không còn tuân theo những kiểu linh cảm như vậy nữa, và ông lấy làm mừng vì điều đó. Lần cuối cùng ông nghe theo linh tính mách bảo là vào ba mươi năm trước: ông đã xé chiếc vé tàu hỏa đi Paris và đến Neuchâtel để hỏi cưới người vợ tương lai. Ông không hề hối tiếc về chuyện đó. Nhưng, cùng với thời gian, ông tự nhủ mình cũng hoàn toàn có thể cưới vợ khi từ Paris quay về.

Bác sĩ Serrano dứt ông ra khỏi dòng suy tưởng. Anh chàng lao bỏ đến chỗ ông với nụ cười thành thật rồi đưa ông đến chỗ thang máy. Khách sạn Astrid là một tòa nhà hiện đại bề thế nhưng mặt tiền lại tầm thường nằm dọc theo một công viên. Hành lang tầng bảy thật lộng lẫy với những cánh cửa buồng giống hệt nhau, chỉ khác là ở phía trước một vài cái có khay đồ ăn sáng, xe đẩy của các bà dọn phòng hoặc những đôi giày.

Họ vào trong phòng 739. Căn phòng có một buồng thông áp nối với phòng tắm, nhà vệ sinh và một phòng để quần áo. Bác sĩ Serrano khép cửa buồng thông áp ngay khi bác sĩ Jaegli bước vào trong

MÙI ADAM

phòng. Một phụ nữ trẻ tuyệt đẹp với mái tóc dày dợn sóng tiếp đón bác sĩ Jaegli với vẻ nhã nhặn không giấu giếm: cô hoàn toàn khỏe mạnh. Tất cả là một cái bẫy, và ông quay lại chỉ để trông thấy kẻ mạo nhận là bác sĩ Serrano đang tựa lưng vào cửa buồng thông áp, tay chìa vào ông một khẩu súng lục.

Bác sĩ Jaegli từng gặp phải một vụ đột nhập đầy bạo lực và một vụ tấn công có vũ khí tại phòng mạch trước đây mười năm. Ông biết phải hành xử như thế nào trong những trường hợp như thế: đưa tất, không có bất cứ cử chỉ manh động nào, không nhìn chằm chằm vào tên tội phạm. Nhưng lần này thì ông có cảm giác tình thế hơi khác. Hình như người ta không cần tiền hay sinh mạng ông. Vậy họ cần gì?

- Xin ông thứ lỗi vì biện pháp hơi đường đột này, thưa giáo sư, - Kerry lên tiếng. - Nhưng chúng tôi không có lựa chọn nào khác. Nếu ông cảm phiền ngồi xuống đây, chúng tôi sẽ giải thích tất cả cho ông hiểu.

Cô chỉ một chiếc ghế bành bọc vải vàng kiểu Arles. Bác sĩ Jaegli lễ độ buông người ngồi xuống đó.

- Thế này ạ, - Paul tiếp lời, dẹp bỏ giọng điệu pha chút khờ khạo của Serrano, - chúng tôi không hề có ý định làm ông đau. Chúng tôi chỉ quan tâm đến một điều thôi: ông là bác sĩ riêng của ngài Allistair McLeod.

Khuôn mặt bác sĩ Jaegli bỗng sáng lên. Ông nhìn hai kẻ bắt cóc mình bằng ánh mắt thông hiểu pha chút khinh miệt. Ra là thế: một màn kịch hiểm độc nhằm tấn công vào một tỉ phú. Chuyện cũng khá thường gặp ở bờ hồ Léman bên này. Nhìn chung, những cố gắng loại này cầm chắc thất bại. Nước Thụy Sĩ có biện pháp tổ chức phòng bị tốt hơn người ta tưởng. Những ông trùm tài phiệt hiếm khi nào giữ ở nhà một lượng tiền nhiều hơn số tiền dùng để cất tóc. Do vậy bác sĩ Jaegli chỉ bình thản ngồi nghe phần tiếp theo.

- Ông biết McLeod là ai chứ? - Kerry hỏi.

- Một bệnh nhân, thưa cô.

- Sự trung lập của ông rất đáng quý. Đúng là cung cách của đất

nước các ông. Đối với chúng tôi thì, chúng tôi không được tể nhị đến mức ấy. Cứ gọi thẳng mọi thứ bằng tên của nó đi. McLeod là một đồng rác.

Bác sĩ Jaegli há hốc mồm trước sự thẳng thừng ấy. Những tên lừa đảo tầm thường hay các bác sĩ hoặc nhân viên ngân hàng đều có một điểm chung: đối với chúng khách hàng là thượng đế. Chúng có thể bỏ công sức để xoay tiền của họ, nhưng không phí thì giờ phân xét này nọ. Hai người này muốn gì đây?

- Chúng tôi không nói về nguồn gốc tài sản của ông ta, - Paul nói tiếp. - Ông ta có nó như thế nào không quan trọng lắm đối với chúng tôi. Điều chúng tôi quan tâm là những gì ông ta đang làm hiện giờ và đang lên kế hoạch cho tương lai.

- Theo tôi thấy thì, - giáo sư nói, ông đã vững bụng hơn một chút nhờ cuộc đối thoại này, - ông ta có vẻ như không có đủ sức làm điều xấu đâu, ông già tội nghiệp.

- Nhưng ông ta đang có đủ sức để sắp đặt cái chết của hàng triệu người.

Jaegli phá lên cười, nó khiến cho thân người ông ngửa ra đằng sau và phát ra một chuỗi những âm thanh khùng khục.

- Ha! Hả! McLeod sao! Nhưng ông ta không bao giờ ra khỏi nhà, và cùng lắm mới ra khỏi phòng mình...

- Ông ta đã buộc một số lượng đủ lớn các sợi dây nên chỉ cần kéo một sợi duy nhất, - Kerry cắt ngang, bực mình vì sự hờn hĩnh này, - là tất cả sẽ nổ tung.

Ông bác sĩ già lắc đầu để chứng tỏ ông coi những ý kiến vừa rồi nhằm nhĩ đến mức nào. Vốn là một người thích các quy trình được kiểm soát chặt chẽ, ông áp dụng thêm một quy tắc khác, rút ra từ ngành tâm lý: không bao giờ phản đối bệnh nhân, dù cho ý kiến của họ có điên khùng đến đâu chăng nữa.

- Được rồi, thưa cô! Hãy nói ngắn gọn cô là ai và tôi có thể giúp gì được cho cô.

- Chúng tôi đang tiến hành điều tra về các thủ đoạn của McLeod.

- Cho CIA, chắc là thế? - Ông bác sĩ phỏng đoán.

MÙI ADAM

Đề tài gián điệp rất hay gặp trong chứng hoang tưởng. Bác sĩ Jaegli càng không ngạc nhiên khi nghe Kerry trả lời một cách nghiêm túc:

- Cho một công ty tư nhân có hợp đồng với CIA.

Giờ thì bác sĩ Jaegli không còn nghi ngờ về chẩn đoán của mình nữa: đây rõ ràng là một cặp đôi loạn óc. Ông chỉ tự hỏi liệu mình phải coi đây như tin xấu hay tin tốt.

- Vậy hai người định dành cho tôi vai trò gì trong vụ này?

- Ông đã đến nhà McLeod sáng hôm qua, phải không?

- Đúng vậy, để chăm sóc ông ta.

- Khi nào ông phải đến đó lần nữa?

- Ba lần một tuần, luôn luôn vào lúc 10 giờ, như hai người đã biết nếu theo dõi lịch sinh hoạt của tôi.

- Như vậy lần thăm bệnh tiếp theo của ông là vào ngày mai?

- Chính xác.

Paul đã rời khỏi chỗ cửa buồng thông áp để tiến đến ngồi xuống mép giường. Đầu gối của anh gần như chạm vào chân bác sĩ Jaegli.

- Chúng tôi muốn biết về toàn bộ bệnh tình của McLeod, việc điều trị của ông ta, những quy trình mà ông tuân thủ, từng khâu một. Chúng tôi muốn đích thân ông báo trước cho ông ta biết về sự vắng mặt của ông, và bảo đảm với ông ta về người sẽ thế chỗ ông ngày mai.

- Vậy tôi có thể biết ai sẽ thay thế tôi ngày mai được không?

- Tôi. - Paul đáp.

Giáo sư bĩu môi tỏ vẻ bất bình, tựa như một con lạc đà bị quấy rầy giữa giấc ngủ trưa. Rõ ràng là ông coi khinh cái trò phí công vô ích này. Tuy nhiên, giữ nguyên thái độ cư xử đã chọn, ông quyết định chơi đến cùng và nương theo lập trường sai lầm của hai kẻ đang bắt mình.

- Chuyện đó là không thể được. - Ông phản bác. - Anh không phải là bác sĩ.

- Ông nhầm rồi, tôi là bác sĩ. Tôi cho ông toàn quyền sử dụng các

văn bằng cũng như chứng chỉ hành nghề của tôi, để ông có thể chuyển chúng cho ngài McLeod.

- Ôi, bằng cấp... Ai chả biết chúng có giá trị thế nào.

- Thưa giáo sư, - Paul vừa nhẹ nhàng nói vừa đặt bàn tay lên đầu gối ông già, - dù muốn dù không, tôi *vẫn là* bác sĩ. Ông hãy nói chuyện với tôi như với một người đồng nghiệp, ông sẽ thấy điều tôi khẳng định với ông là đúng.

- Thế... nếu tôi từ chối?

- Tôi không dám tin là ông làm như vậy. - Paul vừa nói vừa buồn bã lắc đầu.

Cùng lúc đó, Kerry cầm lấy khẩu súng ở chỗ ông giảm thanh, đặt nó vào lòng bàn tay, rồi dùng tay kia lên đạn, làm nó phát ra một tiếng rắc như tiếng xương gãy.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Dịch vụ an ninh của McLeod đã làm rất tốt công việc của mình. Một cú điện thoại đến bệnh viện đại học Nancy Reagan ở Buffalo để kiểm chứng các thông tin về bằng cấp của bác sĩ Serrano. Số điện thoại nằm trên sơ yếu lý lịch của anh dẫn người ta gọi đến Providence và bộ phận của Tara đã thực hiện cú lừa rất khéo. Điện thoại cầm tay của người được cho là chủ thuê nhà của bác sĩ Serrano tại Geneva được Kerry giữ ngay tại buồng khách sạn. Vì McLeod cần được khám bệnh sáng ngày hôm sau nên các nhân viên bảo vệ của ông ta không thể nào đẩy việc kiểm tra đi xa hơn. Nhưng dù sao thì cú điện thoại của bác sĩ Jaegli cũng đã phát huy hiệu quả như dự tính. Khi thông báo việc ông cho cộng sự của mình mượn xe hơi để đến nhà McLeod, ông bác sĩ ung bướu già đã trưng ra một vật bảo đảm mang tính quyết định.

Tuy thế, vào lúc mười giờ kém ba phút, khi Paul tiến vào con đường chạy men theo dinh thự của McLeod trên chiếc Audi xám của bác sĩ Jaegli, anh vẫn được đón tiếp một cách hùng hậu khác thường.

MÙI ADAM

Lần này, các nhân viên bảo vệ đứng bên ngoài vòng tường rào và đường hoàng mang theo những khẩu tiểu liên Uzi. Một thanh chắn phía trước buộc chiếc xe hơi dừng lại. Phía sau nó, một tay bảo vệ kéo rào chắn di động ngang qua đường, cản đường lui của chiếc xe. Paul bước xuống, tỏ vẻ lóng ngóng khi để cho người ta khám xét chiếc xe, đồ đạc và sờ soạng khắp người. Anh mặc một chiếc áo khoác bằng vải tuyết, có những miếng da bọc ở khuỷu tay. Trong túi áo đầy những tờ rơi quảng cáo thuốc, trên đó có nguệch ngoạc nhiều số điện thoại. Trong lúc lấy các vật dụng trong túi ra, đám bảo vệ tìm thấy một lô các món đồ nghề: đèn pin hiệu Maglite, thước đo điện tâm đồ, hai cây bút, một ống bơm không có kim tiêm, một cái kim băng “để kiểm tra phản xạ Babinski...” như lời anh giải thích với họ.

Vượt qua cửa ải đầu tiên, Paul được phép đi bộ vào nhà. Các bậc cầu thang lên nhà dẫn vào một tiền sảnh cao vút, nối tiếp với hai đầu cầu thang đối xứng. Sàn nhà lát đá cẩm thạch đen tạo cho nơi đây một vẻ tráng lệ, mặc dù chắc chắn bao giờ người ta tiếp đón ai.

Paul cầm theo hộp đồ nghề y khoa và những dụng cụ mà bác sĩ Jaegli đã đưa. Chúng đã được kiểm tra ở bên ngoài bằng chiếc máy soi tia X đặt trong sảnh, giống như máy kiểm tra an ninh tại các sân bay. Một nhân viên bảo vệ đưa hộp đồ nghề qua máy soi cùng với ví, điện thoại di động và đôi giày của Paul. Qua khỏi bước kiểm soát này, anh theo cầu thang bên phải lên tầng một. Chiều nghỉ cũng trơn trượt và buồn thảm như dưới sảnh. Một cận vệ đang đứng gác bên dưới một bức tranh trông hoàn toàn có vẻ như là tranh thật của Klimt¹. Paul đứng đợi trong khoảng mười lăm phút. Anh tự trấn tĩnh bằng cách điểm lại trong đầu những thông tin cuối cùng trong hồ sơ của McLeod mà Barney đã chuyển cho họ đêm hôm trước.

¹ *Gustav Klimt* (1862-1918), họa sĩ người Áo thuộc trường phái Jugendstil. Ông rất nổi tiếng với các bức vẽ phụ nữ.

Cuối cùng, viên quản gia người Ấn Độ xuất hiện, ra dấu bảo anh đi theo. Ông ta đã có tuổi, mang nét mặt chán chường gần như ngủ gật, giọng nói pha trộn các âm sắc châu Phi. “Chắc là một người Madagascar gốc Ấn, Paul thầm nghĩ. McLeod có lẽ đã thuê ông ta từ những ngày đầu đến Nam Phi”.

Đi theo viên quản gia, Paul băng qua các đoạn hành lang hẹp trải thảm xanh lá cây. Họ đến một phòng chờ nhỏ, ở đó có một vệ sĩ khác đang canh gác. Paul đặt hộp đồ nghề lên một chiếc bàn, theo yêu cầu của viên quản gia, lấy ra các thứ cần dùng cho buổi điều trị. Đúng theo chỉ định của bác sĩ Jaegli, anh chọn lấy một lọ huyết thanh đường nồng độ 5%, hai ống dung dịch muối NaCl và KCl để làm dung dịch đệm, một túi truyền dịch bằng nhựa, hai ống thuốc chống phân bào, một bơm tiêm, một máy đo huyết áp, một ống nghe và một đôi găng tay cao su. Cuối cùng, bất chấp sự do dự của tay quản gia, anh vẫn nhất định lấy thêm một ống Tranxène.

- Việc thay đổi bác sĩ điều trị có thể làm cho người bệnh cảm thấy bất an. - Anh giải thích. - Có thể sẽ phải xử lý một cơn lo âu trong khi truyền thuốc.

Tay quản gia người Ấn Độ nhắc điện thoại gắn trên tường ra và trao đổi với một người nào đó trong lúc dùng tay bịt ống nghe. Sau khi gác máy, ông ta chấp thuận cho Paul mang thuốc Tranxène vào.

Tất cả thuốc và dụng cụ được bày trên một cái khay tráng men màu trắng. Viên quản gia dùng hai tay bưng nó như thể đang bê một khay trà, khuôn mặt nghiêm trang và hơi lơ đãng. Tay vệ sĩ mở cánh cửa đôi. Viên quản gia đi vào trước, rồi Paul cũng vào theo.

Trong căn phòng rộng rãi sáng sủa mà hai người bước vào, một người đàn ông đang ngồi trên chiếc ghế ngựa bằng gỗ đánh vécni, quay lưng về phía họ. Ông ta chậm chậm xoay người lại. Paul rùng mình, không tin nổi đó là người anh đang tìm. Tuy thế, không còn nghi ngờ gì nữa, người đàn ông này chính là McLeod.

MÙI ADAM

IV

Morges, Thụy Sĩ.

Chàng thanh niên mảnh khảnh tóc vàng, người học trò có phong thái đầy mơ mộng đầu tiên của giáo sư Fritsch đã trở thành một người đàn ông chín chắn đáng tin cậy. Trong các tạp chí, ông ta vẫn hay cho đăng ảnh mình chụp cùng những nữ diễn viên, các tay chính trị gia hoặc chủ nhà băng. Khi đó ông ta có làn da rám nắng, cái đầu hói được xử lý bằng việc cấy tóc vô cùng tốn kém, hàm răng chắc khỏe, có vẻ như tháng nào cũng được làm sạch bằng sóng siêu âm. Paul đã nhìn thấy rất nhiều tấm ảnh chụp ông ta vào thời điểm hoàng kim, nhưng không có tấm nào chụp gần đây. Điều đó chứng tỏ ngài tỉ phú ẩn dật, ốm yếu chẳng còn giống với những tấm hình trong quá khứ là bao.

Chính vì thế mà trong lúc nghiên cứu những hình ảnh của McLeod mà bộ phận của Alexander gửi cho, Paul đã cố tìm ra những điểm đặc trưng của ông ta: quai hàm hơi vuông, đường cong của mũi không phụ thuộc vào nét mặt hay độ sáng, một tia âu lo trong cái nhìn, cung cách hơi nghiêng đầu tới trước, khiến cho mép dưới của tròng đen lộ ra khỏi mí mắt, giống như hình ảnh của mặt trời chạm vào mặt đất lúc hoàng hôn.

Tất cả vẫn còn hiện diện nơi ông già mà Paul đang thấy ngồi trên chiếc ghế ngựa. Nhưng những thứ còn lại thật không thể nhận ra nổi. Mái tóc của ông ta đã rụng sạch, ngoại trừ một vành tóc xám xơ xác mọc quanh cái sọ, tại nơi mà các vị hoàng đế La Mã vẫn đội vòng nguyệt quế. Ông ta hơi béo lên, nhưng có thể nhận ra đây là tình trạng thừa cân do tác dụng phụ khi dùng cortisone: cái cổ trâu, sự tích mỡ ở vùng thân người trong khi tứ chi khẳng khiu. Lại một điều

là khuôn mặt tròn trịa, nhẵn nhụi giống mặt trăng lại gợi nhắc đến nét mặt của chàng trai lý tưởng chủ nghĩa trong tấm ảnh năm 67.

Tay quản gia đặt chiếc khay tráng men xuống một cái bàn nhỏ. Đúng như Jaegli đã mô tả, McLeod ra đầu bảo người quản gia ra ngoài. Ông ta luôn luôn ở một mình với bác sĩ. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phi vụ và Paul thở phào nhẹ nhõm vì điều này.

- Chào bác sĩ, xin mời anh ngồi xuống.

Một chiếc ghế đã được đặt đối diện với ghế ngựa, gần cái bàn nhỏ.

- Vậy, anh là học trò của bác sĩ Jaegli à? Đó hẳn phải là một vinh dự lớn.

McLeod nói chuyện bằng một giọng hơi khàn và rất mềm mỏng. Không có chút biểu hiện quyền lực nào trong giọng nói. Paul phải tự hỏi ông ta luôn như vậy hay đây chỉ là hậu quả của căn bệnh.

- Quả thật, tiếng tăm của giáo sư Jaegli đã lẫy lừng trên toàn thế giới. - Anh công nhận, rồi hăng giọng. - Kể cả ở Mỹ, chúng tôi cũng không có bác sĩ nào giàu kinh nghiệm như thế đâu ạ.

- Ông ấy chắc chắn phải nói với anh về bệnh tình của tôi rồi, đúng không? Anh đã xem bệnh án của tôi rồi chứ?

Paul biết từ bốn năm nay McLeod mắc bệnh Kalher, hay còn gọi là bệnh đa u tủy xương, tập trung nhiều ở cột sống. Sau nhiều đợt thăm dò, cuối cùng hóa liệu pháp đã ổn định được diễn biến của căn bệnh. Tiên lượng bệnh không rõ ràng. Trừ phi xảy ra các biến chứng, ông ta có thể sống thêm nhiều năm nữa với điều kiện được theo dõi sức khỏe đều đặn.

Họ trao đổi một chút về căn bệnh. Paul cố gắng không để lộ sự sốt ruột mặc dù mạch máu đang đập dồn dập ở thái dương. Anh bất ngờ trước sự thân thiện của cuộc trao đổi. Tình huống này thay vì làm anh yên tâm thì lại gây thêm lo lắng nơi anh. Làm sao để đột ngột đổi giọng như kế hoạch đã định? Sau một lúc, anh bắt đầu bình tĩnh lại. Xét cho cùng thì anh cần phải thích nghi với hoàn cảnh. Thế này lại hóa hay, mọi chuyện cứ lặng lẽ trôi đi như trong một ván cờ vua.

Paul bắt đầu chuẩn bị truyền dịch trong lúc trả lời những câu hỏi

MÙI ADAM

về các nghiên cứu khoa học của Mỹ. McLeod cho thấy một niềm tin không gì lay chuyển nổi ở sự tiến bộ. Theo ông ta, chẳng có vấn đề gì mà khoa học không có khả năng giải quyết, chỉ là nhanh hay chậm thôi.

Bằng những thao tác chính xác, Paul chọc kim vào tĩnh mạch chủ rồi dùng băng dính cố định ống dẫn dịch truyền vào cẳng tay. Một cái cây treo bình dịch truyền đang để không trong phòng. Paul mang nó lại gần chiếc ghế rồi treo lọ dịch truyền lên. McLeod quan sát từng cử chỉ của anh. Thời điểm nhạy cảm đã đến. Paul bình tĩnh tìm cách đổi chủ đề.

- Điều đáng sợ nhất trong sự phát triển của khoa học, - anh nói, - là nghĩ đến một ngày kia nó có thể được áp dụng cho toàn bộ nhân loại. Ông có thể tương tượng sáu tỉ người sẽ sống đến một trăm tuổi không?

McLeod cắn câu ngay lập tức.

- Nhận xét của anh rất chính xác, bác sĩ ạ. Tôi không rõ anh đã lường hết các hậu quả của điều này chưa.

- Rõ ràng là chưa. - Paul nói.

Anh đã cầm lấy bơm tiêm và rút đầy dung dịch từ một trong số các ống thuốc, cố gắng không rời mắt khỏi ánh nhìn của McLeod.

- Điều mà anh vừa nói về các mặt hạn chế của khoa học chính là một cuộc cách mạng nhỏ trong lịch sử nhân loại đấy.

Paul gật gù công nhận, đồng thời giấu vào trong lòng bàn tay lọ thuốc chống phân bào mà đáng lẽ anh đã phải rút thuốc vào trong bơm tiêm.

- Phải, - McLeod sôi nổi hẳn lên, - điều đó có nghĩa là kể từ nay, tiến bộ không thể được áp dụng cho tất cả. Có một phần nhân loại không được trèo lên con thuyền, nếu không nó sẽ bị tròng trành, lật úp.

- Đáng sợ thật, - Paul nói. - Có nghĩa là hàng tỉ người phải nhận bản án sống trong khổ sở và chịu đựng.

Anh đưa bơm tiêm lại gần mỗi nỗi cao su trên sợi dây truyền dịch, nơi cho phép tiêm thuốc vào. Sau khi nói dứt câu, anh chọc kim vào trong đó. McLeod có vẻ như đột ngột nhận ra một điều gì đó. Ông ta nhìn ống dây, bơm tiêm, rồi ngược lên nhìn vào mắt Paul. Không khí trong phòng vẫn lặng lẽ, êm ả. Sự căng thẳng chỉ thể hiện qua những dấu hiệu rất khó nhận ra trong ánh mắt của ông ta.

- Đó không phải là... - McLeod ngập ngừng.

- Không.

Paul xòe bàn tay trái ra: trong đó là ống thuốc chống phân bào còn nguyên. Ngài tỉ phú quay sang nhìn ống tiêm và nhướn mày thắc mắc.

- Muối Kali đây, - Paul nói. - Nếu tôi bơm nó vào trong ống dẫn, tim của ông sẽ lập tức bị rung thất và ông sẽ chết.

McLeod không nói gì, chỉ chuyển ánh mắt từ ống tiêm sang Paul. Ông ta rất bình tĩnh.

- Anh có thật là bác sĩ không?

- Có.

- Và anh không hổ thẹn khi dùng đến cách này sao? Anh đã lợi dụng sự yếu ớt của một người bệnh. Có vẻ như điều đó đi ngược lại lời thề Hippocrates thì phải?

- Ông hoàn toàn có lý. Nhưng vẫn có những trường hợp ta không thể tuân thủ nó được. Khi cần cứu mạng sống của một số đồng con người chẳng hạn. Các ông có cho chúng tôi được lựa chọn nào khác đâu.

Hai người hạ giọng đối đáp như thể đang đương đầu với nhau trong một trò chơi mà mỗi nước đi đều đáng phải nhấn mạnh.

- Hãy coi như chiếc xilanh này là một khẩu súng đang chĩa nòng vào ông.

McLeod hơi chồm người về phía trước trên chiếc ghế ngựa, rồi đột nhiên ông ta thả lỏng người, dựa vào lưng ghế, đầu ngả ra phía sau và nói:

MÙI ADAM

- Tôi nghe đây.

- Tôi làm việc cho một tổ chức đã theo dõi các ông từ lâu. Chúng tôi chắc chắn rằng ông đang ở tâm điểm của chương trình tiêu diệt một phần nhân loại.

McLeod nở một nụ cười tươi, định nói gì đó nhưng lại thôi, chỉ chờ đợi phần tiếp theo.

- Chúng tôi cho rằng lệnh phát động cho đại họa này, cho dù trực tiếp hay gián tiếp, nằm trong tay ông. Chúng tôi chờ nghe ông thú nhận mọi chuyện. Hãy nói cho chúng tôi biết phi vụ sẽ xảy ra khi nào và ở đâu.

- Điều anh vừa nói là rất nghiêm trọng, - McLeod lẩm bẩm, vẫn chưa thôi mỉm cười. - Tôi mong là anh có đủ bằng chứng để làm căn cứ cho lời buộc tội này.

- Có lẽ không đủ đối với FBI, nhất là dựa trên các mối quan hệ mà ông có được.

McLeod chậm rãi nhắm mắt lại với vẻ mặt hối tiếc của một ông già Trung Quốc hiền lành.

- Tiếc thật.

- Dù sao đi nữa, tôi tin rằng chúng tôi có đầy đủ chứng cứ để thuyết phục nữ nam tước de Castelfranco.

Đây chính là cú đòn quyết định mà Barney và Alexander đã khuyên anh sử dụng để buộc McLeod mở miệng. Tuy nhiên, cơ may này dựa trên một giả thiết mong manh là con gái của McLeod không biết gì về những kế hoạch của cha mình và ông ta phải thật sự muốn giữ cho cô ta tránh xa phi vụ. Paul vẫn ngần ngại không muốn sử dụng chiêu này. Nói chung, anh không ưa nói ra những lời đe dọa, nhất là các dọa dẫm về mặt tình cảm. Barney, người mà anh tin tưởng, cuối cùng đã thuyết phục được anh là không có giải pháp nào khác. Vậy nhưng, khi nói ra câu vừa rồi, Paul vẫn có cảm giác là nó không những dễ tiện mà còn vô duyên nữa.

McLeod yên lặng một hồi lâu. Ông ta quét mắt nhìn quanh căn

phòng, đặc biệt là bức tranh lớn vẽ hình ông vào thời đỉnh cao sự nghiệp, đang đứng hờ hững tựa tay vào bức tượng bán thân của Socrates, một chiếc khăn lụa xanh thò ra trên ngực áo vết may bằng vải tuyết.

- Sự xuất hiện của anh, - cuối cùng ông nói, - khá là bất ngờ. Mặc dù trong những vụ như thế này thì tất cả mọi chuyện đều có thể xảy ra cho đến thời điểm cuối cùng... Tôi hiểu rằng anh đã rất cẩn trọng. - Ông hất hàm về phía chiếc xilanh. - Nhưng sự đe dọa của anh là vô ích. Như anh đã tự nói, các anh không có đủ bằng chứng để tố cáo tôi trước công lý, và tôi biết quan hệ của các anh với các cơ quan liên bang khá là... nói thế nào nhỉ... mong manh. Còn về con gái tôi thì tôi chả việc gì phải sợ. Nó biết những quan điểm của tôi, và tôi có thể khẳng định là nó cũng chia sẻ với tôi những ý kiến đó.

Paul đã thắc mắc về điều này trong buổi đêm hôm trước. Anh biết trong trường hợp bị McLeod bác bỏ, anh chẳng còn nhiều cách thuyết phục ông ta mở miệng. Anh đi đến quyết định rằng nếu ông già từ chối hợp tác, lợi ích duy nhất của chuyến đột nhập này có lẽ là loại ông ta ra khỏi tư thế có khả năng phát động chiến dịch. Nhưng điều này đồng nghĩa với việc lạnh lùng kết liễu một người chỉ mới trong tầm nghi vấn, và Paul biết anh sẽ không thể làm được.

Chắc McLeod đã đọc được suy nghĩ đó của Paul, vì ông đã lên tiếng trước về việc khai màn chiến dịch của Harrow:

- Điều tra được đến tôi, cho thấy các anh đã làm ăn rất tốt. - Ông già gật gù. - Nhưng đáng tiếc là anh đến quá trễ. Chiến dịch đã bắt đầu. Các giai đoạn của nó hiện giờ đang tuần tự diễn ra mà không cần tôi phải can thiệp vào. Dù tôi có chết hay còn sống thì điều gì phải đến cũng sẽ đến thôi.

Không còn hy vọng gì nữa. Paul bắt giác cảm lấy ống tiêm trong tình thế của một kẻ đột nhập vào một ngân hàng trống trơn đang đóng cửa sửa chữa, không có gì để mất. Nhưng nghịch lý nằm ở chỗ, chính sự bình thản cứng rắn trước kế hoạch mà anh đã sắp đặt ấy lại là điều khiến McLeod mở miệng.

MÙI-ADAM

- Những điều còn phụ thuộc vào tôi, tôi không thể nói với anh được. Nhưng vào giai đoạn này, tôi cũng khá vui sướng khi cuối cùng đã có thể thổ lộ với một người nào đó. Sự cô độc đã đè nặng lên tôi từ hai năm nay. Anh hãy hiểu cho, không phải thế giới con người đang khiến tôi thấy nhớ. Chẳng còn mấy thứ khiến tôi quan tâm nữa đâu. Nhưng, điều mà tôi phải chịu đựng, đó là việc không thể nói ra kế hoạch lớn mà cho đến ngày hôm nay đã là toàn bộ cuộc đời của tôi. Tôi càng có thể nói ra với anh khi mà anh đã gần như tự mình tìm ra gần hết. Còn ai hơn được anh trong việc thương thức câu chuyện một cách trọn vẹn, phải không nào?

Trong một thoáng, Paul thắc mắc vì sao McLeod có thể chắc chắn là anh không thể sử dụng những thông tin mà ông ta sắp nói ra. Anh tự hỏi liệu có phải ông già đang kéo dài thời gian bằng cách bịa ra một câu chuyện dông dài. Tuy nhiên, không hiểu vì sao Paul lại quả quyết rằng ý định thổ lộ của McLeod là thật. Dù sao thì, mặc dù không nói ra, anh vẫn bị mê hoặc bởi uy lực của người đàn ông đang hấp hối và gặp nguy hiểm nhưng vẫn có đủ sức bảo vệ cho một kế hoạch quá lớn so với mình.

- Các anh đã làm tốt, tại nhà giáo sư Fritsch, - McLeod nói với giọng trầm đục. - Người được chúng tôi cài vào để chăm sóc thầy đã phải chịu thúc thủ.

Hai người vẫn đối diện với nhau, nhưng McLeod đẩy cổ ra sau nhiều hơn nữa trên cái tựa đầu của chiếc ghế, mắt nhìn mờ mịt. Paul hiểu ông sắp kể lại câu chuyện ở khóa thảo luận năm 67 của mình, và anh không nên cắt ngang.

♦ ♦ ♦

"Khi đến với khóa học của thầy Fritsch, tôi nghèo lắm, anh biết không. Nghèo ghê gớm ấy. Có những buổi sáng, khi thò tay vào túi quần, chạm vào mấy đồng tiền còn nằm sâu dưới đáy, tôi phải tính toán xem mình có thể mua một nửa hay một phần tư ổ bánh mì. Thầy không bắt tôi đóng tiền học, nhưng ông ấy không nuôi tôi đâu.

Buổi tối, tôi đi nhờ xe về một ngôi làng nhỏ ở cách nhà thầy hai mươi cây số và làm việc đến khuya. Những công việc vất vả trong nhà hàng, quán bar, như chân gác đêm chẳng hạn, tôi làm tất. Sáng sáng khi tôi đến nhà thầy, tôi có cảm tưởng như mình bước chân vào một thế giới khác: thế giới của những người được ăn uống đầy đủ và vô lo, những người có thể dành toàn bộ năng lượng cho việc tư duy.

Có lẽ tôi khiến anh ngạc nhiên khi nói rằng, hồi đó tôi chẳng hiểu gì về vấn đề thảo luận trong lớp cả. Lẽ tất nhiên, tôi cũng đã cảm thấy có một điều gì đó rất quan trọng đang diễn ra. Thầy Fritsch lúc đó hãy còn trẻ, cực kỳ thông thái và có học thức. Những học viên khác tìm cách phản ứng lại với các ý tưởng của thầy, bắt bí thầy và tranh luận lẫn nhau. Từ tất cả những điều đó tôi chỉ nhớ được có mỗi một thứ: lòng căm thù cái nghèo. Dĩ nhiên đó là một sự hiểu lầm. Những học viên khác nhắc tới sự đói nghèo trên quy mô toàn cầu, đề cập đến sự cân bằng của dân số và của thiên nhiên. Còn tôi chỉ bận tâm tới sự túng thiếu của mình. Cái nghèo với họ là một chủ đề trừu tượng, còn đối với tôi, nó chính là hoàn cảnh sống của tôi.

Kết thúc khóa học, tôi đã có được văn bằng mà tôi tìm kiếm, nhưng trên hết, tôi đã được giải phóng khỏi ảo tưởng của việc học. Tôi chỉ còn mỗi một mục tiêu: thoát khỏi cái nghèo và tránh được nó càng xa càng tốt.

Tôi đã sang Nam Phi vì họ cần dân nhập cư da trắng ở đây, và được miễn mọi chi phí. Người ta đã phân tôi về vùng Transvaal, chỗ của một thương gia Hy Lạp can đảm buôn bán phân bón, tên là Costa. Thời kỳ đó nhu cầu về các sản phẩm nông nghiệp lớn khủng khiếp. Tôi lập tức nhìn thấy những gì chúng tôi có thể làm được với một doanh nghiệp như thế. Nhưng ông già Costa coi thường chuyện đó. Ông ta chẳng hề có tham vọng gì và suốt ngày chỉ biết uống rượu Ouzo. Chính tôi là người đã nhanh chóng nắm quyền trong nhà. Sau đó đã xảy ra biến cố đau lòng ấy... Đó là chuyện không tránh khỏi. Tôi biết anh đang nghĩ gì. Nhưng không, tôi đã không hại lão ta. Nhưng chắc chắn một điều là tôi cũng đã chẳng

MÙI ADAM

làm gì để cứu mạng lão hết. Các bác sĩ đã cấm lão uống rượu. Bằng việc ngày nào cũng đem món ấy đến cho lão, tôi đã góp phần làm cho lão sung sướng để rồi suy sụp. Dù gì thì tôi cũng đã kịp bắt lão ký vào bản hiến tặng di sản trước khi chết. Đó là những kỷ niệm xa xưa mà tôi luôn muốn quên đi.

Tiếp theo, mọi thứ đến thật nhanh chóng và tốt đẹp. Còn có điều mà tôi luôn thiếu: một cái bàn đạp để lên ngựa, một tấm ván bật để nhảy cao hơn. Thế là đủ. Để nắm rõ những giai đoạn thành công trong sự nghiệp kinh doanh của tôi, chỉ cần anh đọc trong tiểu sử của tôi, điều mà chắc chắn anh đã làm rồi. Nó chẳng có ích lợi gì hết.

Chỉ có một điều thế này: là con của một mục sư cũng có một ý nghĩa nhất định. Càng lên cao, ta lại càng gần với Người cai quản vạn vật. Càng cảm thấy cái nhìn của Chúa, ta càng nghĩ tới phán xét của Người. Tôi không còn nghèo nữa. Tôi thậm chí đã không còn thấy thiếu bất cứ thứ gì. Tôi có dinh thự, lâm viên, xe hơi, du thuyền. Tôi đã trở thành công dân Mỹ, và tôi tự hỏi mình có thể phục vụ cho Tổ quốc như thế nào. Tất nhiên tôi là một người bảo vệ cứng rắn cho tự do kinh doanh, tôi tin vào chủ nghĩa tư bản. Nước Mỹ đối với tôi là thánh đường và cũng là động lực. Vì vậy, tôi gia nhập vào quỹ đạo chính trị của những người cộng hòa. Tôi đã tài trợ cho các chiến dịch tranh cử, tham gia vào các viện chính sách. Đó là thời kỳ phục hưng bảo thủ với những nhân vật kiệt xuất như Norman Podhoretz, Richard Perle, Alan Bloom. Cùng với họ, tôi đã bắt đầu suy nghĩ một cách không gò bó về tất cả những gì đe dọa tới tự do và tiến bộ.

Chủ đề khiến tôi quan tâm nhất là môi trường. Đúng là lạ, nhưng ở đây tôi lại nhận ra ảnh hưởng của cha tôi, một mục sư. Trong Kinh thánh có một sự hoài niệm rõ rệt về một thời kỳ đã khép lại, khi mà con người và thiên nhiên hòa đồng với nhau. Thiên đường đã mất chính là một trong những động lực mạnh mẽ nhất của Cơ Đốc giáo. Các tín đồ luôn tìm cách đến đó nhờ sự siêu thoát sau khi đã sang thế giới bên kia. Còn đối với những người mà, giống như tôi, đã

đánh mất đức tin, thiên đường hạ giới là một lý tưởng chung và cụ thể, là phương tiện để khôi phục lại sự hòa hợp đã mất.

Tôi còn nhớ một câu mà cha tôi thường nhắc đến. Tôi thuộc nó nằm lòng từ hồi còn bé. Đoạn đầu không quan trọng lắm, nhưng tôi vẫn đọc trọn vẹn để anh nghe cho vui:

"Người khiêm nhường tiến về phía bầy ác thú.

Ngay khi nhìn thấy người, sự hung hãn của thú bỗng dịu lại.

Vì thú nghĩ thấy ở người thứ mùi mà Adam từng có trước khi sa ngã, khi thú đến bên Adam và được Adam đặt cho những cái tên: ở trên Thiên đường".

Vậy đây, chính xác là ta phải làm thế nào trả lại cho Adam, như con người đạo hạnh phương Đông ấy đã nói, "thứ mùi mà ông từng có trước khi sa ngã" và thu hút những con thú đến gần ông một cách hiền hòa, ngay cả những con hung dữ nhất? Làm thế nào giải hòa con người và thiên nhiên?

Khi tôi đề nghị để cho tôi phụ trách các vấn đề sinh thái, những người ở tạp chí *Commentary* và cả nhóm tân báo thủ đã nhảy cẫng lên mừng rỡ. Đó là vào những năm chín mươi, trước nghị định thư Kyoto ít lâu. Nước Mỹ là hình ảnh của bị cáo, và bạn bè tôi, kể cả tôi, đều tin rằng các quốc gia thuộc thế giới thứ ba đang giờ thủ đoạn tống tiền bản thủ bằng các vấn đề môi trường.

Những đất nước kiệt quệ này chính là những kẻ chịu trách nhiệm chính trong sự tàn lụi của Trái Đất. Họ chẳng làm gì để ngăn chặn đà tăng dân số không kiểm soát nổi đang biến các đô thị lớn thành những con quái vật, và các miền quê thành hoang mạc. Họ tàn phá các khu rừng, làm ô nhiễm các dòng sông và bờ biển. Thế mà họ lại đòi hỏi chúng ta, những quốc gia siêng năng và làm ăn hiệu quả, phải giảm bớt các hoạt động công nghiệp lại. Nhờ một nỗ lực nghiên cứu chưa từng có trong lịch sử nhân loại, chúng ta đã khám phá ra các giải pháp cho mọi vấn đề, bao gồm cả những rắc rối do chính chúng ta gây ra. Chúng ta đã không ngừng giảm bớt sự ô nhiễm do xe hơi và các nhà máy, hoàn thiện các vật liệu thay thế cho những vật liệu thiên nhiên. Chúng ta đã khám phá ra

MÙI ADAM

những phương thuốc cho tất cả những dịch bệnh lớn. Chúng ta đã phát minh ra động cơ, đã giải phóng thế giới khỏi chế độ nô lệ. Chúng ta đã chế tạo ra các vũ khí hoàn hảo đến mức chúng đã làm cho chiến tranh biến mất trong hơn nửa thế kỷ. Chúng ta đã xây dựng được hệ thống phúc lợi xã hội và làm giảm khoảng cách giàu nghèo ở mức chưa từng thấy trong lịch sử. Thế mà chúng ta vẫn luôn là những kẻ bị ngồi trên băng ghế bị cáo. Và trong lúc đó, ai là ngư ông đắc lợi? Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, những quốc gia đang phát triển nhờ vào những công nghệ bản và đang duy trì ở đất nước họ sự bất công khủng khiếp, đang sống trên lao động trẻ em và sự nô dịch của hai phần ba dân số. Những quốc gia giờ đây đang muốn đưa hàng tỉ con người vào thói quen tiêu thụ và đe dọa phá hủy tất cả...

Nói thì có vẻ buồn cười, nhưng tôi vẫn nhớ như in cái ngày mà, đối với tôi, tất cả mọi thứ đã đảo lộn. Đó là vào tháng mười, cuối một mùa hè kéo dài ở New England. Tôi đã tham gia vào một cuộc họp với các nhà kinh tế thuộc nhóm mà ngày nay chúng ta hay gọi là Tân bảo thủ. Tôi đã được nghe một tham luận xuất sắc, dù có hơi nhàm chán ở một đôi chỗ, về đề tài: "Có cần phải khuyến khích sự phát triển của thế giới thứ ba không?". Đó là một câu hỏi nhạy cảm đối với những người ủng hộ chủ nghĩa tư bản. Trả lời không tức là thừa nhận thất bại của toàn cầu hóa, điều mà chúng ta luôn tin tưởng. Nhưng đồng thời, chúng ta thấy rõ là về mặt kỹ thuật mà nói, không thể nào bảo đảm cho sáu tỉ người một mức sống ngang bằng với mức sống của chúng ta được. Và không thể chấp nhận việc ngăn trở sự phát triển của đất nước chúng ta với lý do là những gì thu được từ sự phát triển đó sẽ không thể phổ biến rộng rãi cho toàn thế giới.

Người thuyết trình đã tránh né vấn đề, tự bằng lòng với việc liệt kê ra một danh sách các ưu điểm và các mặt hạn chế của những phương án khác nhau.

Chính lúc đó tôi đã chen vào. Tôi không chuẩn bị sẵn câu hỏi mà tự nó bật ra. Tôi đã hỏi rằng: "Anh không tin vấn đề cốt lõi là dân

số hay sao? Những nước nghèo sẽ chỉ có thể tiếp cận được sự phát triển sau khi đã tích cực giảm dân số”.

Chẳng cần phải nói anh cũng biết là không khí im ắng hẳn đi. Các nhà kinh tế không thích lắm khi người ta nhắc đến thang đo nhân sinh trong sự lựa chọn của họ. Vì tôi là người đã trả tiền cho toàn bộ cuộc thảo luận nên người ta không phàn nàn gì cả. Nhưng tôi cảm thấy rõ ràng là không nên theo đuổi chủ đề đó. Chưa kể ở đó có không ít tin đồn Cơ Đốc giáo bảo thủ, những người xem câu hỏi của tôi như một sự cổ xúy cho việc phá thai và ngừa thai.

Tôi không nói thêm gì nữa, chỉ quan sát những tán cây đã chuyển sang sắc thu bên ngoài cửa sổ. Tôi nghĩ đến nước Áo, thầy Fritsch, và mọi chuyện đột ngột quay trở lại với tôi. Một cách vô thức, những tranh luận của niên khóa 67 vẫn còn in sâu trong đầu tôi. Hồi đó tôi chưa hiểu được, nhưng ba mươi năm sau tôi chợt nhận ra giai đoạn ấy đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tôi. Câu hỏi mà tôi đặt ra ngày hôm đó rõ ràng bắt nguồn từ những ảnh hưởng đã bị bỏ quên ấy.

Lúc quay về nhà, tôi lục lọi khắp nơi để tìm lại tập hồ sơ mà tôi đã cất toàn bộ ghi chép năm nào. Mặc dù rất ngăn nắp, tôi vẫn mất gần như cả một đêm để tìm ra nó. Anh có thể hình dung ra cảnh tôi bò lổm ngổm trong một căn buồng lưu trữ tài liệu, cầm cúi xem tấm ảnh chụp cả lớp, giống như tấm mà các anh đã đánh cắp từ nhà giáo sư Fritsch. Trọn một ngày hôm sau tôi đi tìm lại tên và địa chỉ các bạn học. Người mà tôi thân nhất trong lớp là Rogulski. Cũng dễ hiểu thôi, hồi xưa hai chúng tôi đều nhẵn túi như nhau. Thời gian sau này tôi đã hoàn toàn mất liên lạc với ông ấy, vì công việc không cho phép tôi tìm hiểu kỹ về các nước Đông Âu... Nhưng chúng ta đang nói đến năm 99. Bức tường Berlin đã sụp đổ. Tôi đã phái một nhân viên lên đường. Không quá khó để tìm ra ông bạn già Rog. Tôi đã đưa ông ấy tới New York, nơi tôi sống vào thời điểm đó. Tội nghiệp, ông bạn già đã bị bần cùng hóa. Từng sống nhiều năm ở Liên Xô, khi quay về Ba Lan ông ấy được phân vào một phòng thí nghiệm hạng nhì ở gần Gdansk. Viễn cảnh duy nhất của ông ấy là chế độ hưu trí

MÙI ADAM

còn côi ba năm sau đó. Tôi đã đề nghị ông ấy ở lại Mỹ, nhưng Rogulski từ chối. Anh phải biết ông bạn khờ khạo ấy yêu Ba Lan đến mức nào! Rogulski không muốn sống ở nơi nào khác. Thế là tôi đành phải sắp xếp để bí mật đóng góp cho một quỹ nghiên cứu gen mà tôi là ủy viên quản trị. Và chúng tôi đã lập nên một trung tâm nghiên cứu cực kỳ hiện đại tại Wrocław, và chiếc ghế giám đốc thuộc về ông ấy. Anh không biết chuyện này, đúng không?

Trong chuyến thăm New York, Rogulski đã giúp tôi tìm lại những học viên khác của niên khóa 67. Từ đó chúng tôi mới biết một vài người trong số họ vẫn tiếp tục gặp nhau, thậm chí còn tổ chức những cuộc họp lớp nhỏ. Tuy nhiên, nhiều người đã qua đời vào những năm trước đó. Nhờ tấm ảnh, chắc các anh có thể lên lại danh sách, tôi không cần phải nói chi tiết nữa. Anh cũng biết là nhiều người trong số họ đã trở thành những nhân vật quan trọng ở nước mình. Tuy thế, tôi có thể khẳng định là không có người nào quên tuổi trẻ oanh liệt của mình, hay chối bỏ thời gian học tại nhà giáo sư Fritsch. Một số người thậm chí còn thử tìm cách hiện thực hóa những ý tưởng đó, nhờ địa vị mà họ nắm giữ và những phương tiện mà họ có trong tay.

Chúng tôi đã tổ chức một cuộc họp lớp đông đủ ở gần Ulan-Bator, thủ đô Mông Cổ. Mỗi người đều tìm lý do riêng để đến dự. Một số đi với tư cách khách du lịch, số khác đi để làm ăn hoặc sang thăm nước bạn, như mấy người Trung Quốc. Chúng tôi đã tranh luận về việc có nên mời giáo sư Fritsch hay không. Nhưng cuối cùng chúng tôi đi đến quyết định là không cần phải làm phiền người thầy vĩ đại ấy. Chúng tôi muốn giữ nguyên vẹn những kỷ niệm về một người thầy trẻ trung, táo bạo và canh tân ngày nào.

Khi những người tham dự đã đến Ulan-Bator đầy đủ, tôi đáp máy bay riêng đến và đưa tất cả mọi người tới một địa điểm kín đáo hơn. Chúng tôi đã tổ chức một buổi thảo luận theo cách của chúng tôi, trong một cái lều của dân du mục, tại Bayan-Olgi, thuộc tây bắc Mông Cổ. Thật buồn cười khi nhớ lại hình ảnh những gương mặt

đầy nếp nhăn ngồi thành vòng tròn quanh tấm thảm Tuốc-mê-nix-tan. Phải có óc tưởng tượng khá khá mới có thể nhìn thấy ở họ những chàng trai đầy nhiệt huyết của năm 67. Nhưng ngay khi bắt đầu thảo luận, chúng tôi đã lập tức quay về với chính mình của ngày xưa.

Tôi không nhớ rõ ai là người khởi xướng, nhưng dù sao thì, kế hoạch đã được ra đời vào lúc đó. Một người - không phải tôi - đã nêu ý kiến: "Thế nếu chúng ta thực hiện những ý tưởng thời trai trẻ thì sao nhỉ?". Một người khác, hình như là ông bạn Trung Quốc, bổì thêm: "Chúng ta còn dành cuộc đời và sự thành công của nhiều người trong chúng ta vào việc gì hơn là việc cụ thể hóa ước mơ thời ta mới bước chân ra đời?".

Anh không thể tưởng tượng nổi động lực để những lão già tìm lại sự sung sướng với lý tưởng thời trai trẻ của họ đâu. Đây là cơ hội dành cho chúng tôi... Ý tưởng cùng nhau thực hiện những gì mà từng người đã thử làm một cách đơn lẻ đã khiến chúng tôi sôi nổi hẳn lên. Chúng tôi đã bàn thảo về phương tiện cần thiết để đạt được mục đích, và nhận ra rằng dù quy mô của kế hoạch rất đồ sộ, nó vẫn trong tầm với của mọi người.

Mặc dù vậy, vẫn còn một khó khăn duy nhất cần giải quyết. Chúng tôi không còn như hồi học với thầy Fritsch nữa. Giờ đây, ai cũng có những thứ cần phải giữ gìn. Do vậy, điều cốt yếu là kế hoạch của chúng tôi cần được giữ bí mật. Bằng mọi giá không được để cho bất kỳ người nào trong chúng tôi bị nghi ngờ.

Với một sự đồng thuận hoàn toàn, tôi đã được giao việc triển khai chi tiết kế hoạch. Sự tin tưởng của mọi người làm tôi rất xúc động. Chúng tôi đã thống nhất những kênh liên lạc bí mật sẽ sử dụng. Cuộc họp khép lại trong những cái ôm hôn nồng hậu.

Gần như cùng lúc ấy tôi ngã bệnh. Với tôi nó như là một dấu hiệu của định mệnh. Tôi từ bỏ mọi công việc làm ăn và lánh mình nơi đây, dành toàn bộ thời gian cho kế hoạch của chúng tôi.

Chúng tôi bắt tay vào làm việc cùng với Rogulski. Chúng tôi linh cảm rằng nếu không muốn lộ diện, chúng tôi cần phải có người giúp

MÙI ADAM

sức. Chúng tôi đã đi tìm những kẻ cuồng tín và bạo lực công khai để họ làm thay chúng tôi, trong khi chúng tôi đứng sau cung cấp phương tiện. Nói thật với các anh, tìm được họ cũng không dễ. Chúng tôi bắt đầu bằng việc tìm kiếm những lời thuyết giảng của các phong trào cực đoan trên mạng, và những gì đọc được khiến chúng tôi nản vô cùng.

Lẽ đương nhiên, trước hết chúng tôi hướng tới những nhà sinh thái cực đoan. Nhưng chúng tôi nhanh chóng nhận ra không thể liên minh với họ được. Hễ có một tiền bộ mới là họ chống lại ngay lập tức. Họ phản đối năng lượng nguyên tử, sinh vật biến đổi gen, công nghệ nano. Chúng tôi không thể chia sẻ bất cứ quan điểm nào của bọn họ. Bọn họ hoàn toàn đấu tranh nhằm chỗ, khi tập trung vào những xã hội công nghiệp, năng lượng hạt nhân, dầu mỏ, các nghiên cứu dược phẩm. Đường như không ai bận tâm đến thảm họa dân số tại thế giới thứ ba, nếu có chẳng cũng rất hời hợt và luôn đi đến chỗ kết tội phương Tây như thường lệ.

Sau đó, chúng tôi đã để ý đến những nhóm hoạt động xã hội đủ loại, từ những nhóm cực tả, những kẻ vô chính phủ, những tên ly khai, cho đến những người ủng hộ thế giới thứ ba. Tất cả đều được, miễn là chúng tôi phát hiện ra những người sẵn sàng thực hiện hành động cực đoan như chúng tôi đã dự tính. Đáng tiếc là chúng tôi không lường được mức độ khác biệt giữa các nhóm này với chúng tôi ở một điểm cốt yếu: tất cả bọn họ đều chọn mục tiêu là các nước tiên tiến, không ai chống lại số đông còn lại. Họ đã hoàn toàn chọn nhầm. Họ chống lại giải pháp, thay vì giải quyết vấn đề. Nói tóm lại, tất cả mọi người đều tiếp tục phạm cùng một sai lầm như thời thập niên sáu mươi, khi thầy Fritsch đã thua trong trận chiến sinh thái công khai. Chúng tôi đã bắt đầu nản chí.

Thế rồi một ngày nọ, điều kỳ diệu đã xảy ra. Chúng tôi bắt gặp diễn đàn của một nhóm ly khai từ One Earth, quy mô rất nhỏ thôi, gần như bí mật. Những chủ nhân của nó tự gọi mình là *Những kẻ săn môi mới*. Mỗi bận tâm của họ, rất rõ ràng, chính là tác động hủy diệt của khối dân cư nghèo, sự nghi ngờ về nạn bùng nổ dân số.

Chúng tôi nhận thấy những tuyên bố của họ cứ như là tiếng vang của niên khóa 67 vậy. Theo các thông tin mà chúng tôi có được thì họ hoàn toàn không có bất cứ mối liên hệ nào với thầy Fritsch, cũng như các học trò của ông.

Tôi đã tiếp cận tác giả của những bài đăng trên mạng. Tôi dùng tên giả và câu chuyện về một quỹ tài trợ nghiên cứu, có lẽ chẳng đánh lừa được ai. Nhưng dù sao thì anh ta đã chấp thuận bí mật gặp tôi. Chúng tôi đã gặp nhau tại hồ Erie. Đó là chuyến đi cuối cùng của tôi trước khi lui về sống ở đây. Hồi đó tôi có một chiếc thuyền buồm đậu tại một bến cảng nằm gần Chicago. Nó khá lớn, nhưng thiết kế rất hiện đại của nó cho phép tôi lái một mình. Tôi đã đi bằng động cơ về phía bắc, rồi giương buồm chạy dọc theo bờ hồ để không đi quá nhanh. Lúc đó là mùa xuân, và ở khu vực hồ luôn luôn có những đám sương mù lớn vờn. May mắn là tại nơi đã định, tôi trông thấy một chiếc xương máy do một người cao gầy cầm lái. Tôi ném dây để anh ta trèo lên thuyền. Đó là Ted Harrow. Tôi thiết nghĩ không cần phải giới thiệu về anh ta với anh nữa.

Tôi đã yêu cầu anh ta trình bày kế hoạch của mình. Anh ta lặp lại những điều đã ghi trên trang nhật ký mạng. Nhưng trong lúc nghe anh ta trình bày, tôi nhận ra ý tưởng của anh ta bắt nguồn từ đâu. Anh ta đã rút ra cùng một kết luận như của chúng tôi, nhưng nhờ một con đường khác: những kinh nghiệm thần bí của thổ dân da đỏ. Hay đúng hơn là của nền văn hóa Anh-điêng mới, đã được xem xét và sửa chữa bởi những nhóm người muốn tìm về cội nguồn đã mất ở Mỹ hiện nay. Anh ta tự giới thiệu mình là người da đỏ, nhưng lại có đôi mắt xanh tiết lộ gốc gác Scotland của mình. Những ý tưởng của anh ta vẫn chỉ mới ở giai đoạn phôi thai. Anh ta trình bày chúng theo cách của những nhà tiên tri hay của các thi nhân, có những ý tưởng chớp nhoáng, có tầm nhìn, nhưng tôi không nghĩ anh ta đã có một kế hoạch hành động.

Có một sự bất tương xứng rõ rệt giữa tầm nhìn rộng lớn của anh ta và sự hạn chế trong tham vọng thực hiện. Điều khá cụ thể duy

MÙI ADAM

nhất là vi khuẩn tả. Khi tôi muốn tìm hiểu kỹ hơn, tôi nhận ra Harrow cũng hơi yếu cả trong lĩnh vực đó nữa. Theo anh ta, vi khuẩn tả là khắc tinh của người nghèo và nhờ đó nó sẽ có ích. Nhưng anh ta không biết gì hơn. Anh ta chưa nghiên cứu khả năng sử dụng loại vi khuẩn ấy. Đối với Harrow, nó chỉ là một phép ẩn dụ để thông qua đó có thể thay đổi định hướng của One Earth.

Vậy đó, tôi cảm thấy có thể liên minh được với Harrow. Chúng tôi đã thỏa thuận với nhau ở giữa hồ nước, ngay trong cabin chiếc *Chim cánh cụt* già nua của tôi. Trước hết, tôi cam kết cung cấp cho Harrow mọi sự trợ giúp tài chính anh ta cần. Tôi bảo anh ta tự tìm văn phòng, thực hiện những chuyến đi cần thiết để tìm địa điểm triển khai chiến dịch. Tôi khuyến khích anh ta thành lập một êkip thực sự. Anh ta quả quyết với tôi rằng nếu One Earth không nghe theo, anh ta vẫn có trong tay một nhóm khoảng mười lăm người trung thành. Chúng tôi đã tính nhanh khoản tiền anh ta cần để trả công những người này.

Tiếp đến, tôi nói với Harrow là tôi có thể nâng hoạt động của anh ta lên tầm quốc tế thật sự, nhờ mạng lưới bạn bè toàn các nhân vật có địa vị của tôi và cùng chia sẻ quan điểm với chúng tôi. Đương nhiên, tôi không tiết lộ danh tính nhóm học trò của thầy Fritsch. Dựa vào mạng lưới này, tôi đã đề nghị Harrow xây dựng lập luận của mình sao cho tốt hơn. Những linh cảm của thổ dân da đỏ đúng là rất có tính gợi mở, nhưng cần phải tạo cho chúng một nền tảng khoa học và triết học để khiến chúng đáng tin hơn. Cuối cùng, tôi cam kết thực hiện nghiên cứu về bệnh tả theo hướng tìm hiểu xem có khả năng sử dụng tác nhân truyền bệnh này được không.

Về điểm này thì tôi đã biết nhiều hơn những gì mình nói, nhờ có Rogulski. Ông ấy đã không giấu giếm rằng vi khuẩn tả không phải là một loại vũ khí sinh học tốt đến thế. Nhưng ông ấy đã từng nghiên cứu về nó ở Nga, và tin rằng có thể cải tiến được nó. Chỉ cần biến đổi nó theo hai cách: một mặt tạo ra một loại phẩy khuẩn gây bệnh khác với những chủng gây bệnh thông thường về mặt miễn dịch, để cho

không ai được bảo vệ tại những vùng nhiễm dịch. Mặt khác, tăng sức đề kháng của vi khuẩn để cho sự lây lan được dễ dàng hơn. Ông ấy đã tạo ra một loại vi khuẩn tả kiểu như thế tại phòng thí nghiệm, và nó đã bị lây đi trong tình huống mà các anh đã biết. Một khi đã được làm ẩm trở lại và ủ ấm, chủng phẩy khuẩn mới này sẽ vừa cực kỳ dễ lây, vừa cực độc, và hiện tại chưa có người nào được miễn dịch với con này. Còn lại thì nó vẫn là căn bệnh tả thường quy, vẫn bảo tồn những đặc tính căn bản của nó: là căn bệnh của người nghèo, gắn liền với sự thiếu vệ sinh và điều kiện sống chung đụng.

Chỉ cần khơi mào dịch bệnh tại một nơi mà nó tìm thấy những điều kiện thuận lợi để phát triển, sau đó, cùng với con đường vận chuyển hàng không, nó sẽ phát tán trên toàn thế giới. Tất cả những nơi nào mà các cựu học viên của niên khóa 67 có khả năng trợ giúp sự lây truyền, nó sẽ phát huy tác dụng: tất cả những người tham dự cuộc gặp gỡ Ulan-Bator đều sẵn sàng vào cuộc. Và những người bạn trong ngành truyền thông của chúng tôi sẽ phụ trách tuyên truyền các phân tích của chúng tôi về trách nhiệm của cái nghèo trong thảm họa. Vấn đề tăng dân số quá mức sẽ không thể tránh khéo được nữa. Hệ tư tưởng toàn cầu sẽ đón nhận một ý tưởng mới. Đó sẽ là hành động cụ thể đầu tiên trong việc vận dụng lý thuyết của thầy Fritsch.

Rogulski cho rằng khi đại dịch bùng phát, trận dịch tả thứ bảy trong lịch sử sẽ gây bệnh cho hai tỉ người và tiêu diệt năm mươi phần trăm trong số đó. Làm được như thế, tôi xin lưu ý anh là chúng tôi cũng chỉ mới bắt kịp sự chậm trễ của mình thôi, bởi vì một tỉ người ấy đã xuất hiện trên trái đất trong ba mươi năm qua, đồng nghĩa với việc họ chưa hề tồn tại vào năm 67...

♦ ♦ ♦

Lọ dịch glucose đã chảy gần hết. McLeod có vẻ rất mệt mỏi sau khi kể xong. Ông ta đưa nhẹ đầu ra phía trước và mỉm cười.

- Thế đấy, anh bạn của tôi ạ. Anh đã biết hết rồi đấy. Hay gần như thế. Tôi có thể kể hàng giờ cho anh nghe. Những niềm hy vọng, nỗi

MÙI ADAM

lo sợ, các kết quả của chúng tôi. Suốt cả đời tôi chưa từng sống qua những khoảnh khắc sôi nổi như vậy. Thế rồi, bỗng dưng lại có cuộc điều tra của các anh và tôi phải thú thực là nó càng khiến cho phi vụ của chúng tôi thêm phần hấp dẫn. Các anh đã buộc chúng tôi phải làm thật nhanh. Theo một cách nhất định, các anh đã giúp chúng tôi rất nhiều.

- Trận dịch sẽ nổ ra ở đâu? - Paul lạnh lùng hỏi, vì anh biết thời gian không còn nhiều, và McLeod đã đưa anh đi xa khỏi điểm chính yếu.

- A! Đó là vấn đề đã khiến chúng tôi tranh luận khá lâu. Lúc đầu, chúng tôi nghĩ rằng cần phải để cho trận đại dịch diễn ra một cách càng tự nhiên càng tốt. Chúng tôi có thể xóa sạch mọi dấu vết, và làm như thể là loài phẩy khuẩn tả mới này chỉ là kết quả của một sự đột biến tự nhiên. Nhưng rồi, chúng tôi sợ rằng người ta có thể lần ngược theo dấu con vi khuẩn mới này tới tận phòng thí nghiệm của Rogulski. Chúng tôi đã cho rằng nên thực hiện một vụ dàn dựng nhỏ để đặt ông ấy ra ngoài vòng nghi vấn, nếu như có một ngày ông ấy bị nghi ngờ. Harrow đã ra lệnh cho một đầu mối liên lạc của anh ta tại châu Âu, một sinh viên trẻ thì phải, và anh ta đã dùng cô gái đó để đánh cắp vi khuẩn tả.

- Không ai dự tính là cô ta sẽ tham gia vào toàn bộ chiến dịch à?

- Không. Vai trò của cô ta chỉ giới hạn trong giai đoạn đầu tiên thôi. Cô ta đã thuyết phục chúng tôi mong muốn tiếp tục của mình. Chúng tôi đã có thể xử lý vấn đề... một cách triệt để. Nhưng khi biết các anh đang chĩa mũi vào thì chúng tôi tự nhủ cuối cùng cô gái cũng có thể trở nên có ích nếu đi đến cùng.

- Có ích như thế nào?

- Chuyện đó không quan trọng.

- Cô ta đang ở đâu?

- Có thể tôi đang bắt cần, nhưng dù sao tôi cũng sẽ nói cho anh biết. Hay đúng hơn là tôi sẽ cho anh một manh mối và tiễn anh lên đường. Đường nào, anh định hỏi thế phải không? Câu hỏi hay đấy. Con đường định mệnh của anh, vậy đấy.

McLeod mỉm cười. Paul sống sờ khi thấy sự mệt mỏi và sự sung sướng gần phát điên có thể nhìn thấy trong đôi mắt ông già, đã tạo cho ông ta cái nét lơ đãng và lo âu như trong tấm ảnh chụp hồi năm 67.

- Harrow và cô gái đang ở Brazil, anh bạn của tôi ạ. Tất nhiên Brazil là một đất nước khá rộng lớn. Nhưng chắc anh cũng đã biết phương châm của Scotland Yard: khi ta tìm, ta sẽ thấy.

Paul bỗng cảm thấy cần phải khẩn trương. Thời gian truyền dịch đã kéo dài quá lâu. Có lẽ đây là sự tính toán của McLeod. Nếu tay quản gia ở ngoài cửa đang theo dõi thời gian thăm bệnh thì ông ta sắp sửa vào phòng đến nơi. Anh cup mắt xuống nhìn ống xilanh vẫn đang cầm trên tay từ này đến giờ. McLeod cũng nhìn vào nó. Ông ta kinh ngạc nhận ra piston của ống bơm đang chuyển động và chất lỏng đang được bơm vào trong ống truyền dịch. Ông ta nhìn Paul lần cuối với ánh mắt nửa hoài nghi nửa thích thú, trong khi bằng một động tác dứt khoát, anh bơm hết số chất lỏng có trong ống tiêm.

McLeod run rẩy, mắt nhắm lại, đầu ngã ra lưng ghế. Paul tháo bộ phận truyền dịch, đặt toàn bộ các dụng cụ lên cái khay, ngoại trừ ống xi-lanh được anh nhét vào túi, sau khi đã đẩy nắp kim tiêm lại.

Rồi anh đi ra mở cửa. Hai người lính gác đang ở trong phòng chờ.

- Ông ấy đang nghỉ. - Anh nói với họ. - Việc truyền thuốc luôn làm ông ấy mệt mỏi.

Hai tên lính gác nhìn về phía ông chủ đang thở nhẹ nhàng trên ghế.

Lượng thuốc Tranxène mà Paul đã đưa vào trong ống tiêm thay vì dung dịch kali như anh đã nói đang phát huy tác dụng và sẽ khiến người bệnh ngủ thiếp đi trong vòng ít nhất một giờ nữa.

Anh rời ngôi nhà dưới sự hộ tống của các nhân viên bảo vệ, vào trong xe và khởi động máy.

Hàng đồng câu hỏi quay cuồng trong đầu Paul khi anh lái xe quay về Geneva để gặp lại Kerry và thả tự do cho bác sĩ Jaegli. Có một điều gì đó không ăn khớp lắm trong những lời kể của McLeod.

MUI ADAM

Làm sao ông ta biết được vụ điều tra của Providence? Và tại sao ông ta chắc hẳn là họ không thể ngăn chặn vụ việc? Brazil liệu có phải là một cái bẫy? Điều đó gần như là chắc chắn. Paul nhớ lại giọng điệu mỉa mai đều cằng của McLeod khi ông ta mở miệng thú nhận.

Thế nhưng ở vào thời điểm hiện tại, anh chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài việc lần theo manh mối này.

V



Rio de Janeiro, Brazil.

Những cơn dông đầu tiên kéo đến trên những mỏm đồi. Viên đường¹ nay đội thêm một vành sương mù. Trời chưa mưa, nhưng thời tiết không còn nắng đẹp nữa. Bãi tắm Copacabana vắng vẻ và lạnh lẽo, mặt biển nhuộm màu xám chì dưới bầu trời lốm đốm mây đen.

Tại khách sạn nhỏ nằm trong khu Laranjeiras, Juliette nằm sấp hàng giờ trên giường ngắm những đám mây trôi ngang qua ô cửa sổ đóng kín. Không gì lạnh lẽo cho bằng một đất nước ẩm áp vào lúc mặt trời biến mất và hơi ẩm luồn lách vào trong những ngôi nhà không có hệ thống sưởi.

Juliette cảm thấy như mình là một võ sĩ giác đấu sẽ đánh chính trong màn biểu diễn sắp tới mà chẳng chuẩn bị gì. Cô quan sát Harrow hồi hả làm việc. Các cú điện thoại liên tục quấy rầy khiến hắn phải ra khỏi phòng để nghe máy. Khách khứa cứ nối đuôi nhau đến phòng khách ở dưới nhà, ở đó người chủ đã đốt một lò sưởi bằng củi khuynh diệp. Zé-Paulo là người thường xuyên dự họp

¹ *Pão de Açúcar*: Tên của một núi đá cao 395m, một trong những hình ảnh đặc trưng của Rio de Janeiro.

nhất. Ông ta hay lái xe chở Harrow đi và đến tối muộn mới đưa về. Lúc đó nhà hàng của khách sạn không còn phục vụ nữa, nhưng vẫn còn một phòng ăn mở cửa. Thức ăn được một bà già từ quán nướng bên cạnh mang đến.

Khi Harrow quay về, Juliette ôm choàng lấy hắn. Dường như hắn chấp nhận việc đó một cách miễn cưỡng. Sau cái ôm đầu tiên, hắn vẫn chẳng tỏ ra dịu dàng hơn. Hai người lại làm tình với nhau, lần này cô là người khởi xướng. Mọi chuyện có vẻ máy móc hơn và lạnh lùng hơn lần đầu, có lẽ là do những gì cô mong đợi nay đã khác. Sau sự ngỡ ngàng của lần khám phá đầu tiên, niềm say sưa do cái mới lạ, vũ điệu gây hoang mang của những cử động và cảm xúc, cô chờ đợi những lời yêu thương, sự quan tâm và đồng cảm. Harrow dường như không sẵn sàng cho cô những thứ đó.

Cô cho rằng sự lạnh nhạt ấy là do căng thẳng thần kinh. Sự mơ tưởng của cô đã thay đổi: cô ít nghĩ đến điều mà họ sắp thực hiện và quan tâm hơn đến người tình mới của mình.

Những cơn mưa đầu mùa ập đến trong đêm. Juliette không ngủ. Cô ra ngoài ban công để vui đùa với những dòng nước chảy tràn trề như thác trên những tán lá cọ và chảy thành vòng tròn quanh thân cây phượng tím. Cô nghe thấy tiếng những dòng nước mưa chảy róc rách trên con hẻm nhỏ bên cạnh. Toàn bộ không gian đắm chìm trong làn nước ngọt ẩm áp đượm mùi biển. Cô đi nằm khi bình minh bắt đầu nhuộm xám bầu trời và ngủ thiếp đi trong tiếng mưa rơi lộp độp trên tấm mái tôn ban công.

Sự mở đầu của mùa mưa đã đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị. Điện thoại di động của Harrow không ngừng đổ chuông. Juliette không cố tình tìm cách nghe lén, nhưng vẫn loáng thoáng nghe được những mẩu đối thoại: những chiếc bình chứa đã đến từ Amazon, mấy cái nồi ủ, những phép tính về mật độ. Có điều gì đó mà cô không nắm bắt được. Những chữ ấy nghe chẳng có ý nghĩa gì với cô cả. Cô không buồn tìm hiểu xem chuyện gì sắp xảy ra hay đoán già đoán non về vai trò của mình. Cô trôi trong một trạng thái lạ

MÙI ADAM

lòng, một tình trạng không trọng lượng trong đầu nằm cách đều giữa sáng khoái và buồn bã, như một vận động viên nhảy cầu sau khi đã lao vào không khí nhờ tấm ván bật, bắt đầu cảm thấy lực đẩy giảm đi và chẳng mấy chốc sẽ bị trọng lực kéo xuống dưới.

Cô mơ màng nghĩ về Harrow, về đường nét của cặp môi hần, sự thô ráp của đôi tay hần. Cô tự hỏi liệu mình có yêu hần không, rồi tự trả lời là không, trước khi liệt kê dài dòng những lý do ngăn cản cô yêu hần, để cuối cùng đi đến kết luận là chẳng có lý do nào đủ vững chắc và có tính quyết định cả.

Sau hai ngày mưa và kín tiếng, Harrow cuối cùng cũng dành thời gian nói chuyện với cô. Hần đưa cô tới phòng khách, gần lò sưởi. Đó là cách để mở đầu cho một cuộc trao đổi mặt đối mặt không hề riêng tư, vì trong khách sạn mọi người đi qua đi lại liên tục.

- Chúng ta đã bước vào giai đoạn cuối cùng. - Harrow thông báo. Cô cười với hần.

- Sản phẩm mà chúng tôi đã nói với cô sẽ được giao trong những bình chứa cao áp nhỏ, với kích thước của một cái nồi áp suất cỡ lớn. Có bốn bình cả thảy.

Juliette dõi theo ánh mắt của Harrow trong khi chúng lẩn tránh cô. Thế nhưng cô nào có muốn tìm kiếm sự thật hay dối trá trong đó. Điều cô muốn là được chìm đắm trong làn mắt xanh ấy, uống thứ nước nguồn ấy.

- Cô sẽ đi taxi đến Baixada. Chỗ mà chúng ta đã đến cùng với Zé-Paulo ấy. Cô còn nhớ không?

- Con kênh.

Cô đáp một cách máy móc và cứng nhắc, như để bảo đảm với Harrow về sự phục tùng của mình và ép hần phải nhìn mình.

- Lái xe sẽ đưa cô thẳng đến đó, chờ cho cô đổ thứ chứa trong thùng xuống kênh rồi đưa cô quay về. Lúc đó là tám giờ rưỡi và trời đã tối hần. Dù sao cũng có bốn chiếc xe cảnh sát sẽ đi tuần trong khu vực, nên sẽ không có nguy cơ gì đâu.

Juliette đưa tay về phía ngọn lửa để cảm nhận sự ấm áp mà Harrow không cho cô.

- Thế anh sẽ ở đâu? - Cô hỏi, mắt dò xét ánh xanh trong cái nhìn của Harrow.

- Vì những lý do an ninh, tôi không được đi cùng với cô.

Trong một thoáng, Juliette câm lặng. Cô nhìn Harrow như một người vừa bị đánh vào tứ chi nhưng vẫn chưa cảm nhận cơn đau.

- Một khi đã xong việc, - Harrow nói tiếp, mắt nhìn đi chỗ khác, - người lái xe sẽ chở cô về đây. Cô ngủ qua đêm ở đây và sáng hôm sau...

- Anh không về cùng em sao? - Cô gắng hỏi.

- Để tôi nói hết đã. Sáng hôm sau, cô sẽ quay về trên chuyến bay từ Varig đến Denver.

Juliette vẫn mở to mắt nhìn hẩn. Tận trong đáy lòng cô, một miếng ván vừa bị rút mất. Cô cảm thấy như đang lao xuống khoảng không chóng mặt trong đầu mình.

- Anh không về cùng em?

Harrow với vẻ khó chịu, bắt đầu làm một bài giảng giải dài dòng về sự an toàn, về đơn vị hoạt động, về sự cần thiết phải tách rời việc thực hiện và khâu tổ chức hỗ trợ. Ánh mắt hẩn lẩn trốn cô, và trái ngược với bình thường, hẩn khoát tay làm những động tác rất mạnh.

Juliette cảm thấy như bị tụt lại sau Harrow hàng mấy năm ánh sáng. Cô có cảm tưởng đã nhìn rõ mọi chuyện. Diễn biến của những tuần lễ vừa rồi hiện lên trong óc cô và rốt cuộc cô cũng đã nhận ra được những điều ẩn chứa đằng sau vẻ bề ngoài. Dường như cô đã nắm bắt được hình thù thực sự của các nhân vật và câu chuyện. Chẳng có tình yêu, tình bạn, tình đồng đội, hay tình đồng chí gì hết. Harrow và những người kia chỉ làm những việc cần làm để khiến cô tin vào những điều cô muốn tin.

Lý do duy nhất khiến Harrow và đồng bọn của hẩn làm ra vẻ nhượng bộ trước màn gây sức ép của cô và chấp thuận để cô tham gia hành động là để sử dụng cô một cách đều đặn. Xét cho cùng cô

MÙI ADAM

chỉ là một con bé mất cân bằng tâm lý bị đưa vào nhà thương điên, bị loại trừ khỏi Greenworld vì những trò quá khích, một kẻ đột nhập vào phòng thí nghiệm ở Wrocław. Một bị cáo lý tưởng, kẻ sẽ phải chịu tất cả trách nhiệm để gìn giữ hình ảnh cho mọi người. Và càng đỡ gây rắc rối hơn, khi mà rõ ràng người ta sẽ chẳng cho nó cơ may tự bào chữa.

Harlow vẫn tiếp tục lái nhai về vấn đề an toàn. Juliette không nghe nữa. Cô thu người lại như ngày còn bé, những khi phải hứng chịu đòn roi và các mệnh lệnh. Cô lại cảm thấy bị gặm nhấm bởi khoảng trống cô đơn sâu sắc không thể san lấp, đồng thời bị tước mất tình yêu, tình bằng hữu và lý tưởng. Chỉ còn lại một sự ghê tởm, một sự phản kháng câm lặng làm người cô bất giác đông cứng lại.

Sự bất động của cô làm Harlow hiểu lầm. Hẳn tưởng đó là biểu hiện của sự phục tùng và ưng thuận. Hẳn tin những lý lẽ của mình cuối cùng đã thuyết phục được cô và yên tâm bỏ ra ngoài để nghe một cú điện thoại.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Juliette về buồng mình, nằm vật ra giường. Cô nghe thấy tiếng ồn ào của khách sạn và cảm thấy như mình đang ở trên một con tàu nứt vỡ vì dây buộc bị kéo quá căng. Ánh đèn tù mù làm cho lớp ván sàn bằng gỗ đỏ trở nên bóng loáng. Cơn mưa sau khi đã tạnh từ chiều giờ lại bắt đầu lác rác rơi, dâng đầy các máng xối và khiến cho miệng ống thoát nước ở góc của căn nhà bên cạnh bắt đầu kêu óc ách. Juliette không cảm thấy gì ngoài sự trống rỗng, chỉ hơi đau đớn một chút. Cơn mưa đang thu hút cô. Cô cần được cảm nhận sự ve vuốt ấm áp của nó. Cô nhòe dậy và chẳng buồn mặc áo khoác, cứ thế rời phòng, nhẹ nhàng xuống cầu thang, băng qua tiền sảnh lát gạch vuông và ra vườn.

Cô bước đến dưới mái hiên, nơi nước mưa tạo thành một tấm màn run rẩy và đứng ngay ở đó, tại ranh giới của bóng tối và cơn mưa, như thể ngập ngừng không muốn băng qua lần ranh giữa hai môi trường. Những giọt nước to lăn trên tán lá nhiệt đới trơn láng. Một con cóc ẩn mình đâu đó bỗng kêu oạp một tiếng.

Đột nhiên Juliette giật nảy người. Có một cái gì đó vừa lướt nhẹ qua cô. Cô lui lại. Tia sáng hắt ra từ chiếc đèn lồng treo trên cửa vẽ nên một dáng người. Cô nhận ra Joachim, người gác cổng khách sạn. Con người tàn tật cao lớn sống co quắp trên một chiếc xe lăn được chế tạo để ôm trọn thân thể khác thường của anh. Cái đầu to tướng vẫn bị ngoẹo đi dù đã có một vòng nẹp kim loại đỡ lấy gáy anh. Vẫn đã quen với sự ghê sợ mà mình gây ra, anh ngoác miệng cười, khoe hàm răng sáng bóng, bộ phận duy nhất còn bình thường, thậm chí đáng yêu của anh. Nhưng nụ cười vô tư ấy chẳng nói lên điều gì. Nó chỉ là tấm hộ chiếu mà anh chìa ra trước những người xa lạ để được họ nhìn nhận như một con người. Đằng sau nụ cười giả là ấy, Joachim che giấu các nét mặt cho phép anh biểu lộ các cảm xúc trái ngược và mạnh mẽ mà những người anh gặp gây ra cho anh. Anh căm thù một đại bộ phận đồng loại của mình và tôn thờ số còn lại. Anh yêu quý những con người đơn giản và thuần khiết, những đứa trẻ, các con vật. Bất động trên chiếc xe lăn, anh đón nhận sự viếng thăm của những chú chim bay đến đậu trên vai mình. Nhưng một năng khiếu ngoại hạng giúp anh cảm nhận được sự tồn tại của cái ác. Không có màn đạo đức giả nào có thể qua được mắt anh.

Juliette chưa bao giờ nói chuyện với Joachim, nhưng từ khi cô đến trọ ở khách sạn này, đã nhiều lần anh đưa cho cô một bó hoa nhỏ khi cô đi ngang qua chỗ anh. Cho nên trong đêm mưa này, với con tim trống rỗng, cô đón nhận việc gặp gỡ Joachim như một ân huệ của định mệnh.

- Cô chưa ngủ à, thưa cô. - Anh nói.

Juliette bỗng cảm thấy một sự tiếp xúc nham nhám nơi bàn tay. Joachim đã nắm lấy bàn tay cô trong tay mình, như thể đang cầm một chú chim bị thương.

- Hẳn làm cô đau lòng, phải không?

- Anh bảo ai cơ?

Joachim ngược mắt từ dưới lên nhìn cô. Đôi mắt ấy tạo cho anh cái vẻ của một vị thánh tử vì đạo.

MÙI ADAM

- Bạn cô ấy. - Anh thờ dài.

Đôi mắt anh hần lên những tia độc ác. Rõ ràng đối với anh, Harrow thuộc về phần bên kia của thế giới: phần xấu xa và nguy hiểm.

Juliette mỉm cười và đưa tay vuốt trán anh chàng gác cổng. Cô khéo léo ngồi lên tay vịn của chiếc xe lăn.

- Anh biết những gì, hờ Joachim?

- Có gì đâu. - Anh đáp, chậm rãi chớp mắt. - Tôi đã nghe thấy hẳn nói chuyện về cô. Tôi biết, nghe lén chuyện của người khác là không tốt. Nhưng cô cũng thấy đấy, có ai buồn bận tâm khi ở trước mặt tôi đâu. Tôi cũng chỉ như một đồ vật vô tri giác, một cái cây thôi. Họ quên bằng mắt tôi.

- Thế anh ta đã nói gì?

Cơn mưa đã nhẹ hạt đi. Những giọt nước to rơi xuống đất là từ chỗ nước đọng trên lá cây.

- Thưa cô Juliette. - Joachim nói tiếp bằng một giọng khó nghe hơn. - Bọn họ nhắc đến cô như nhắc đến kẻ thù vậy.

- Ai kia?

- Gã bạn cô và tất cả những người khách của gã. Cái tay Zé-Paulo chẳng hạn.

Lại là một kẻ tội đồ khác đối với Joachim. Anh rít lên khi gọi tên ông ta tựa như một con rắn.

- Tôi không thể nói chính xác được. Tôi cần phải lắng nghe kỹ hơn. Nếu cô muốn thì tôi sẽ lại nghe lén. Tất cả những gì tôi biết, đó là bọn họ coi thường cô. Họ ngầm thỏa thuận với nhau để hạn chế lượng thông tin mà cô nắm được. "Nhất là không được để cho cô ta biết chuyện này". "Về chuyện ấy thì anh cần phải nói với cô ấy như thế". Rồi cũng có những câu mà tôi không hiểu, nhưng có vẻ đáng lo ngại.

- Những câu nào, hờ Joachim?

Một đôi vệt giữ lông giữ cánh trên cây mộc lan, làm vài cọng lông ướt rơi xuống đất.

- Tôi không nhớ từng chữ được. Nhưng bọn họ nói về cô như thể vai trò của cô sắp kết thúc. Như thể chẳng mấy nữa cô sẽ không còn là mối nguy hiểm...

Anh chàng gác cổng mở to tôi mắt tròn bị sụp mí.

- ... như thể cô sẽ chết.

Juliette bật dậy, dịch ra xa một chút, mắt nhìn về những ánh đèn đô thị ở phía dưới, trong bóng đêm. Tất cả những điều Joachim vừa nói càng củng cố thêm cảm giác bị phản bội và đe dọa mà cô nhận thấy đối với Harrow. Những gì đã được dỡ bỏ trong cô nhờ có anh chàng gác cổng tàn tật chính là cảm giác đơn độc. Cô quay lại, cầm lấy một bình hoa bằng đá cẩm những khóm tú cầu màu xanh và nhìn thẳng vào mặt Joachim.

- Anh có cho rằng tôi có thể rời khỏi đây được không? - Cô hỏi.

Joachim thở dài một tiếng. Lồng ngực nhỏ của anh phồng lên, lệch đi.

- Trong khách sạn này, chẳng ai canh chừng cô ngoại trừ Harrow, tôi nghĩ thế. Nhưng ở ngoài đường, phía dưới kia, có một nhóm cảnh sát tuần tra. Bọn họ có hai người, luân phiên canh gác cả ngày lẫn đêm. Tôi tin chắc rằng bọn họ đã nhận lệnh không được để cô đi mất.

- Còn phía trên kia thì sao?

- Ngõ cụt. Con đường chấm dứt sau ba ngôi nhà nữa. Không thể chuẩn đi bằng xe hơi được.

- Vậy thì đi bộ?

- Có một đường. Đó là lối mà mấy bà phục vụ buồng vẫn thường đi để tới đây làm việc mỗi sáng.

- Nó có bị canh chừng không?

- Không. Nhưng rất tiếc, bởi vì ở phía đó thì ngược lại, vài gã có súng cũng chẳng ích gì. Lối đi băng qua một khu ổ chuột lâu đời rất nguy hiểm. Ở đây có những băng nhóm nhóc con được vũ trang đến tận răng, có thể làm gỏi cô dễ dàng.

MÙI ADAM

Hai người im lặng. Joachim lần lượt kéo hai đầu gối nhắc lên, vặn vẹo người trên chiếc xe lăn. Juliette hiểu anh đang muốn ngồi thẳng lại. Cô luồn tay vào dưới nách anh, trong khi anh bấu vào cẳng tay cô.

- Cám ơn cô. - Joachim nói.

Cả hai lại im lặng, lần này chỉ có vài tiếng sủa quấy nhiễu của mấy con chó lạc.

Bỗng nhiên ở phía trên một ô cửa sổ mở ra. Phòng của Harrow. Đôi mắt Joachim đảo tròn. Sự cấp bách buộc anh phải động não. Anh lại túm lấy tay của Juliette, và vì cô vẫn còn đang cúi xuống, anh thì thào:

- Cô muốn đi khi nào?

- Đêm nay.

- Vào lúc bốn giờ rưỡi, sẽ có một chiếc xe tải đi lên đây để giao thịt cho nhà hàng phía đối diện. Người tài xế là anh họ của tôi.

Hình như anh đã nghe thấy tiếng chân trên cầu thang dẫn xuống tầng trệt.

- Cô hãy có mặt ở đây lúc bốn giờ mười lăm.

Juliette đứng lên, bước vài bước trên sân và dựa lưng vào một cái cột kim loại. Khi Harrow băng qua ngưỡng cửa dẫn ra vườn, hắn thấy cô đang chiêm ngưỡng những ánh đèn của Rio.

- Cô không ngủ à?

- Đẹp quá, - Cô đáp. - Anh không thấy thế sao?

Hắn đưa mắt nhìn về phía vịnh biển. Một lần nữa cô để ý thấy ánh mắt khinh bỉ và ghê tởm trong cái nhìn của Harrow khi hắn ngấm ngấm mọi thứ. Cô nhớ đến hắn lúc ở Baixada, lúc họ cùng nhau bước đi trên những con đường đông người trong trung tâm thành phố. Chỉ một chút va chạm nhỏ nhất cũng đủ làm hắn dựng tóc gáy. Tất cả dường như đều tấn công hắn.

Hắn không yêu thiên nhiên, cô nghĩ bụng. Hắn ghét con người, trong đó có cả mình.

Có những nhận thức khiến bạn yên lòng, mặc dù chúng giúp bạn

phát hiện ra nỗi kinh hoàng vừa sượt qua mình. Nhìn thấy Harrow như thế này khiến cô càng có sức lực để quyết định. Trước bốn rưỡi, cô sẽ có mặt dưới sân. Trong khi chờ đợi điều đó, cô ngoan ngoãn nắm lấy bàn tay Harrow đang chìa ra và theo hắn về phòng.

VI

Newport, Rhode Island.

Từ sau vụ bỏ trốn của Paul và Kerry, Archie đã giao cho ban an ninh và bảo vệ toàn quyền hành động để tìm ra hai người. Lawrence làm việc ở đó cả ngày lẫn đêm, ngủ luôn tại văn phòng, không cả về gặp vợ con nữa.

Suy đi tính lại, ông tin chắc rằng Barney và bộ sậu của ông ta vẫn còn liên lạc với hai kẻ đào tẩu. Chỉ có hai con người đang trên đường lẩn trốn thì không thể nào điều tra do thám gì được. Họ phải có một sự trợ giúp nào đó.

Trên vách tường phía trước bàn làm việc, Lawrence đã vẽ lại một sơ đồ tổ chức của nhóm mà theo ông đang bí mật giúp đỡ Paul và Kerry. Hạt nhân cứng mới bao gồm những người thân cận của Barney, thằng cha bịp bợm. Lawrence đã theo dõi chặt chẽ bọn họ. Nhưng phần lớn các đặc vụ đều hiểu quá rõ việc nghe lén và theo đuôi. Họ biết cách dùng mọi hoạt động lại để thoát khỏi những sự chú ý lộ liễu, và cho đến lúc này thì chưa ghi nhận được điều gì bất thường từ họ.

Ở chung quanh hạt nhân là những người mà Lawrence nghi ngờ, nhưng dễ bị lật tẩy hơn. Một trong những người khó khoanh vùng nhất là Alexander. Thoạt trông thì đó là con người có đầu óc khó hiểu, một tay trí thức chưa hề được đào tạo về tình báo. Barney

MÙI-ADAM

chẳng có gì phải dè chừng ông ta. Tuy nhiên, các báo cáo của cấp dưới khiến ông phải nhanh chóng xem xét lại đánh giá của mình. Có vẻ như trên thực tế Alexander gần đây đã thay đổi thói quen và cung cách của mình. Ông ta giật nảy người khi có ai vào trong văn phòng. Vốn là một người bừa bãi, bây giờ ông ta sắp xếp gọn gàng từng tờ tài liệu của mình trước khi ra về buổi tối, và cất nhiều tập hồ sơ vào chiếc cặp táp mà ông ta mang theo.

Những đồng nghiệp của Alexander lý giải sự thay đổi này là do những mối lo cá nhân. Một người đã nghe thấy ông ta thì thầm điều gì đó về Matteo, cậu con cả sáu tuổi của mình vào hôm ông ta ra về sớm hơn thường lệ. Cậu bé đã bị gãy xương nghiêm trọng khi nhảy xuống từ một cái máng trượt trên cao.

Lawrence quyết định kiểm tra chuyện này. Ông gọi cho Cathy, vợ cũ của Alexander. Bà đang sống ở New Jersey. Qua một cuộc trao đổi bình thường giống như những lần nói chuyện năm thì mười họa trước đây với tư cách là bạn cũ của hai vợ chồng, Lawrence đã có bằng chứng rằng không đứa nào trong số hai đứa con của Alexander bị gãy cái gì sất. Ngay hôm đó, ông đặt tay giám đốc bộ phận phân tích thông tin dưới sự giám sát cả ngày lẫn đêm. Những trò vặt của Alexander sẽ không kháng cự được lâu trước một sự theo dõi chuyên nghiệp.

Ba người đàn ông đã luân phiên bám theo Alexander vào buổi tối khi mà ông ta đi vào trong một nhà hàng Afghanistan nằm ở khu ngoại ô phía bắc Newport để tham gia một buổi họp bí mật do Barney tổ chức. Ngôi nhà được chia thành nhiều lỗ tổ ong nhỏ bằng các vách ngăn và những tấm thảm treo. Ở tít trong cùng có bốn bậc thang dẫn lên một căn buồng phụ, bốn phía kê những băng ghế thấp bên trên có phủ thảm và bày nhiều gối tựa.

- Tôi nói lại, - Barney lên tiếng sau khi đã chào người mới đến, - Kerry và Paul sẽ đến Rio sáng mai. Chúng ta cần phải sẵn sàng để hỗ trợ họ trong giai đoạn cuối cùng này. Chính vì vậy mà tôi nhất định phải tổ chức họp tối nay.

Không ai nhúc nhích gì khi tấm màn lại được vén lên. Họ đã quen với những người phục vụ luôn đi ra đi vào. Đến khi Lawrence đã chấp tay sau lưng dựa người vào tường một lúc lâu thì Tara mới nhận ra sự có mặt của ông ta và bật ra một tiếng kêu.

- Các người cũng khéo chọn nhỉ, - Lawrence lên tiếng trong sự im lặng tuyệt đối. - Mặc dù là nhà hàng thuần chất Afghanistan, ở đây bọn họ có một trong những hầm rượu xịn nhất cả nước...

Tất cả mọi người kinh hoàng nhìn ông ta. Barney nhắm mắt lại.

- Các người sắp nói là đang tổ chức sinh nhật cho Martha chứ gì, - Lawrence nói tiếp. - Cũng được đi. Xét cho cùng bây giờ mới tháng ba, mà cô thì sinh ngày 12 tháng sáu, đúng không nào?

Martha tức tối cúi gầm mặt.

- Mà nếu thế thì mọi người đáng lẽ phải mời tôi chứ. Trừ phi ở đây đang bàn những chuyện mà tôi không được phép nghe.

Ai chứ Lawrence thì không bao giờ làm người chiến thắng khiêm tốn. Mọi người đều chờ đợi một bài diễn thuyết lễ thể, sỉ nhục họ thể thâm và trả đũa nặng nề sự khinh thường mà họ dành cho ông ta.

Vì thế họ nhẹ nhõm hẳn khi thấy Archie xuất hiện. Nhưng ông già đang giận đến mất trí. Trong lúc vạch màn chui vào, chân ông bị vướng và ông rửa xả một tràng nghe rất kinh tởm. Bây giờ thì Archie đã đứng trước mặt những kẻ tiệc tùng, bận tìm một câu gì đấy còn ghê hơn cái câu dành cho tấm màn vô tội kia để chửi thẳng vào mặt họ.

Barney lợi dụng lúc này để đứng lên.

- Archie này. - Ông nói với giọng cứng rắn. - Tôi có thể gặp riêng ông được không?

Đó không phải là một câu hỏi mà là một lời trần tình, và Archie cũng bất ngờ với chính mình khi không tìm đâu được lý lẽ để bác bỏ việc đó.

Hai người ra khỏi phòng, để lại những người khác cho một Lawrence đang lúng túng. Mọi người cũng vội vàng ra ngoài.

MÙI ADAM

- Ông đến bằng xe hơi à? - Barney hỏi.
- Nó ở ngay ngoài cửa.
- Có thể ở ngoài xe sẽ tiện hơn cho chúng ta.

Cả hai ra khỏi nhà hàng. Chiếc Jaguar của Archie đậu ở đằng trước quán. Anh tài xế đang ôm vô lăng thiu thiu ngủ. Barney gõ vào kính xe và ra hiệu cho anh ta ra ngoài:

- Lawrence sẽ chờ anh về. - Ông nói, rồi quay sang bảo với Archie. - Để tôi lái.

Hai người vào trong và nổ máy xe.

Archie luôn bị ấn tượng một chút với Barney. Thường thì Barney sẽ gặp mình trước những trò nắng mưa của Archie và làm ra vẻ chấp nhận quyền hành của ông, kể cả những câu rửa xả. Nhưng cả hai đều biết là sự cam chịu ấy rõ ràng là do cố tình. Nếu Barney mà muốn chống đối lại thì Archie sẽ không thể áp đặt bất cứ chuyện gì với ông được. Đó chính là điều đang diễn ra tối nay. Archie đến tận nơi để thị uy, vậy mà bây giờ ông lại đang ngồi ngao ngao bên cạnh Barney, chờ nghe những điều mà người đàn ông này muốn nói với mình.

- Tất cả vụ này là một trò dàn xếp, Archie ạ.

Hai người nhìn nhau.

- Một trò dàn xếp mà chúng ta đã để cho mình bị qua mặt từ đầu đến cuối.

Archie bụm miệng ho húng hắng. Ông những muốn thốt lên một câu phẫn nộ, bật cười một cách ác độc. Nhưng với Barney thì ông biết tốt hơn nên nhìn nhận mọi việc nghiêm túc.

- Một sự dàn xếp à! Anh giải thích xem nào.
- Chúng ta hãy nói một chút về Marcus Brown.

Sự chất vấn này bản thân nó đã mang tính khiêu khích. Những mối quan hệ của ban chỉ huy Providence là đặc quyền của Archie. Thậm chí ông vẫn muốn không ai được biết tên của họ. Trong trường hợp của Marcus Brown, điều đó là không thể, vì phần lớn đặc vụ được Archie tuyển lựa đến từ CIA.

- Thế có chuyện gì với Marcus Brown nào?

- Một gã cũng được, phải không? Có lẽ hơi bí ẩn. Nhưng trong cái nghề này thì tốt hơn là nên như thế, chẳng phải vậy sao?

Barney hơi hạ thấp đầu xuống khi lái xe, tay luôn đặt trên cái chuôi của cần sang số làm bằng rễ thạch thảo.

- Tôi biết ông ta ở Liban hồi năm 69, - Barney nói tiếp. - Ông ta là trưởng chi nhánh. Cuộc chiến tranh đã chấm dứt. Chúng tôi đã nhẹ nhàng rút đi. Tôi lúc đó trẻ hơn ông ta rất nhiều. Ông ta đã kể cho tôi nghe hết những gì muốn kể.

- Thì sao?

- Thì, tôi cứ tưởng mình biết rõ ông ta. Tất cả những buổi tối nhậu nhẹt cùng nhau ấy.

Archie chợt dạ. Ông đang để cho người ta dắt đi. Ông cảm thấy điều đó.

- Nghe này, Barney, đừng có phỉnh phờ với tôi nhá. Anh đã làm một chuyện rất ngu ngốc và...

- Để tôi nói hết đã.

Khi làm bộ mặt nghiêm trọng, ở Barney toát ra một uy quyền khiến mọi người đối diện phải nể trọng, kể cả Archie.

- Tôi đã nhờ các ê kíp của mình xem qua lý lịch công tác của Marcus Brown.

- "Các" ê kíp của anh.

- Của chúng ta, nếu ông thích thế. Dù sao thì ta cũng đang nói về Providence.

- Kết quả ra sao?

- Một cái lỗ đen. Không có gì đặc sắc. Ngoài ra cũng chẳng có gì bí mật. Chỉ có mỗi một giai đoạn ba năm mà ông ta chưa bao giờ kể với tôi hay với bất kỳ ai khác.

Một ngọn đèn đỏ lạch lạch giữa đồng không mông quạnh buộc chiếc Jaguar ngừng lại. Rồi họ lại đi tiếp.

- Nam Phi. Từ năm 75 đến năm 78. Khi mà Mozambique trở

MÙI ADAM

thành một nước cộng sản và bắt đầu quấy rầy người láng giềng Nam Phi. Cần phải loại bỏ sự nổi loạn này. Những cơ quan tình báo của Nam Phi kết thân với đám thực dân Bồ Đào Nha cũ và một nhóm đổi lập người Mozambique bất mãn trước cuộc cách mạng. Bọn họ tạo ra Renamo, một phong trào không phổ biến lắm. Toàn bọn bất lực. Cần phải chỉ dạy toàn bộ cho bọn họ. Hoa Kỳ không chống lại việc này, nhưng cần phải làm trong bí mật. Cần phải tìm ra những tổ chức trợ thủ tư nhân có thể làm trung gian liên lạc với đám phiến quân, nhưng không gây nguy hiểm cho ai hết.

Những trò bóp méo chính trị của phương Tây ở châu Phi đối với Barney là một đề tài đáng căm ghét gần như có tính thực thể. Khuôn mặt của ông nhăn nhó lại khi nhắc đến nó.

- Thế là ông ta đã làm quen McLeod, - ông nói thêm. - Người đàn ông này lúc ấy vẫn còn là một doanh nghiệp vận tải nhỏ nhưng sẵn sàng bán trời không vận tải. Ông ta đã bắt đầu khiến người khác bàn tán. Marcus đến tìm ông ta. Hai người có một khoảng cách tuổi tác đáng kể. Brown nhỏ hơn những mười tuổi. Nhưng cả hai rất hiểu nhau. CIA cần một nhà vận chuyển. McLeod chuyên vận tải đường bộ và để tiêu khiển ông ta vừa mua lại một hãng hàng không nhỏ. Nhờ có các hợp đồng với Cục, ông ta giàu to sau đó.

Archie nhìn khuôn mặt nghiêm trọng của Barney đang chăm chú quan sát đường đi.

- Sao anh biết tất cả những chuyện đó?

- Tôi đã nói với ông rồi, chẳng có gì là bí mật cả. Chỉ là không nói ra thôi. Với một vài đổi chiều là ta có thể phát hiện được tất.

- Rồi sau đó?

- Sau đó, McLeod gây dựng sự nghiệp trong ngành kinh doanh và Marcus trong ngành tình báo. Hai người vẫn giữ quan hệ bạn bè với nhau. McLeod không làm cho Cục nữa, nhưng hai người vẫn tiếp tục gặp nhau và vẫn duy trì thói quen giữ bí mật. Họ luôn gặp riêng nhau. Thịnh thoảng họ chạm mặt nhau trong những nhóm chính trị. Anh biết Brown được như hôm nay là nhờ những người

Cộng hòa mà. McLeod thì gần gũi với phái Tân bảo thủ. Cùng ý tưởng, cùng quan hệ, cùng mạng lưới.

- Anh rút ra điều gì từ chuyện đó?

- Chẳng có gì cả, tất nhiên rồi. Không ai biết quan hệ giữa hai người này thuộc loại nào. Xét cho cùng thì nó cũng có thể chỉ là một tình bạn đơn thuần.

Barney luôn có một thói quen khiến Archie rất bức mình là đẩy đi xa một quan điểm mà ông ta chuẩn bị bác bỏ.

- Anh không tin vào điều này à?

Con đường bắt đầu quanh co khiến Barney phải căng tay ra mà lái, như một tay đua xe.

- Trong vòng hai năm trở lại đây, Marcus nghỉ phép nhiều hơn cả trong hai thập niên vừa qua cộng dồn lại. Chúng tôi cho kiểm tra khoảng một chục chuyến đi gần đây của ông ta. Lần nào cũng có McLeod xuất hiện không xa thì gần.

- Trong hai năm qua... - Archie gật gù lặp lại.

- Bây giờ thì ông nghe tôi cho kỹ đây, và đừng đòi tôi thêm bằng chứng nữa nhé. Điều tôi sắp nói chỉ thuần túy là suy luận, là lập ra giả thiết mà không ai bị buộc phải chấp nhận cả.

- Anh cứ nói đi.

- Tất cả cái kế hoạch thổ tả kia đã được McLeod bày ra, với sự trợ giúp của Harrow. Paul đã kịp xác nhận điều đó với tôi qua điện thoại, sau khi gặp McLeod.

Archie gầm gừ khi nghe nhắc tới sự phản bội ấy.

- Khi ông ta dựng lên kế hoạch thâm sát, - Barney nói tiếp, - McLeod cần những lời khuyên vì sự an toàn của bản thân ông ta và những thành viên khác trong khóa 67, mà Rogulski là ưu tiên số một. Ông ta đã hỏi Marcus Brown. McLeod biết mình có thể tin tưởng Brown. Rốt cuộc thì bọn họ cùng chung tư tưởng mà. Cũng có thể là McLeod nắm gáy Brown. Tôi tin là Brown cũng chăm mót trong các hợp đồng mà ông ta môi giới cho McLeod.

MÙI ADAM

- Trời! Thật đáng xấu hổ khi anh ám chỉ một chuyện tương tự.

- Thôi đừng có giờ thói lịch sự Ăng-lê của ông ra nữa, Archie ạ. Ông biết rõ hơn tôi làm ăn là phải như thế nào mà. Dù sao thì chuyện đó cũng không quan trọng. Việc Brown tư vấn cho McLeod ấy mà. Dám cá với ông là ý tưởng dàn dựng vụ đột nhập ở Wroclaw là của Brown.

Archie bĩu môi, như thể phải miễn cưỡng chấp nhận và không mấy tin chuyện đó.

- Đáng tiếc là, Harrow đã làm hơi quá tay. Hắn không thể tìm mình không giáng một cái tát vào đám giải phóng động vật đối thủ. Từ đó mới có những câu khẩu hiệu viết trên tường phòng thí nghiệm nhằm đổ trách nhiệm cho FLA. Đúng lý ra chuyện đó chẳng có gì là to tát, thể nhưng chính nó lại là chi tiết làm hỏng mọi thứ. Phía Ba Lan đã thắc mắc chuyện này và hỏi ý kiến của nước Anh. Ngài Bentham bạn ông nhận ra đây chính là một cơ hội để làm ông hài lòng. Và MI5 thật ngẫu nhiên đã hướng chúng ta vào một cuộc điều tra trên đất Mỹ...

Barney bắt đầu mỉm cười và liếc mắt nhìn sang Archie đang thu người trên ghế.

- Và ông thì tươi như hoa khi đề nghị vụ này với Marcus Brown.

- Cụm từ "tươi như hoa" là thừa thãi. Thậm chí sai bét.

- Nói gì thì nói, đó chính là điều mà ông đã làm.

Những giọt mưa to tướng bắt đầu rơi xuống kính chắn gió mặc dù trời vẫn còn sáng. Barney nghiêng đầu quan sát xem đám mây ở đâu.

- Thế là anh không hiểu tôi rồi.

- Dù sao thì Brown cũng đã mua vụ này. Ông ta ký hợp đồng với ông để theo vụ việc. Như thế ông ta có thể tiếp cận hồ sơ và biết được những gì chúng ta biết. Ông ta để cho chúng ta tìm ra những điểm yếu trong chính kế hoạch của ông ta... Đáng tiếc là, Paul và Kerry đã làm rất tốt, thậm chí quá tốt, nên đã lần ngược lên những người trung gian. Harrow, tay sinh viên Pháp, vai trò của Rogulski,

kế hoạch dùng vi khuẩn tả: hai người đó đã biết quá nhiều. Brown giơ thẻ đỏ. Chúng ta ngừng toàn bộ lại! Ông đến gặp Paul và Kerry ở Ý và ra lệnh cho họ trở về cũi chó.

- Cũi chó á! - Archie nhún vai lặp lại.

Tuy nhiên có thể thấy ông ta đã có vẻ xuôi theo sự thuyết phục của Barney.

- Vấn đề là họ không vâng lời. - Brown nhắc lại mệnh lệnh với ông. Cùng lúc đó, bọn họ giúp một tay để loại trừ Paul và Kerry. Những đầu mối liên lạc của ông ta tại Áo đã cấp người cho ông để giam lỏng Kerry. Tôi có nhầm không nhỉ?

- Không.

- Và ở New York, ông ta đã giúp nhóm Harrow giăng bẫy tóm Paul tại tầng hầm của Hiệp hội thiên nhiên. Điều đó giải thích việc Brown là người đầu tiên biết về vụ bắt người.

Archie hết phùng má lên lại xẹp má xuống, như thể đang chơi kèn cornet. Đó là một cách để kìm nén cảm xúc. Từ khi trở thành người có quyền, ông gần như đã mất thói quen nói thẳng cho người khác nghe ý kiến của mình. Rõ ràng ông đang tìm kiếm một phản ứng thích hợp trong số những sắc thái cá tính khác nhau của mình : một tròng chữi rửa kiểu Brooklyn hay một nét nhăn nhó đầy mỉa mai kiểu Ăng-lê. Cuối cùng, ông quyết định nói thẳng.

- Một điểm cho anh, Barney ạ. Phải thú thực là có nhiều điều nghe hợp lý trong những gì mà anh vừa nói với tôi. Nhưng giả sử như anh đúng, thì anh rút ra kết luận gì từ việc đó? Chúng ta làm gì đây?

- Chúng ta chấm dứt làm việc theo kiểu chỉ đầu đánh đấy. Cần phải hỗ trợ Kerry và Paul. Chính đó là điều mà tôi đã định sẽ trình bày với ông sáng ngày mai. Cuộc họp tối nay đáng lẽ đã cho phép tôi tổng kết lại những thông tin gần đây nhất để có thể thuyết phục được ông.

Barney mơ hồ chờ đợi một sự phản kháng, những lý lẽ chống đối. Ông cũng đã hình dung ra một kiểu cò kè tình cảm như là "sau tất

MÙI ADAM

cả những gì tôi đã làm cho các anh” hay “anh muốn biến tôi thành thằng vút đi à”. Nhưng ông tự hỏi liệu Archie đã nghỉ ngơi ở mức độ nào trong thời gian vừa rồi, vì ông chấp nhận thua cuộc một cách dễ dàng.

- Theo anh họ đã đến Rio chưa? - Archie hỏi.

Barney giật nảy mình, làm chiếc xe chao đi. May mắn là phía trước mặt không có ai.

- Ai nói với ông là họ đi Rio?

- Brown.

- Làm sao ông ta biết chuyện đó?

- Tôi nghĩ là nhờ quân của ông ta. Xét cho cùng thì ông ta có rất nhiều đặc vụ đang truy lùng Paul và Kerry.

- Ông ta nói chuyện đó với ông khi nào?

- Sáng nay.

- Sáng nay thì họ vẫn chưa lên máy bay, và dù thế nào thì họ cũng dùng tên giả cơ mà. Không ai biết được việc sáng nay họ sẽ phải đi Brazil. Không ai ngoại trừ McLeod.

- Sao lại McLeod?

- Chính ông ta đã bảo họ tới đó. Chính xác Brown đã nói với ông chuyện gì?

- Ông ta bảo tôi tìm hiểu xem họ còn nhận được trợ giúp nào từ Providence.

- Ông ta không yêu cầu ông đuổi theo họ sang Brazil sao?

- Không.

- Vậy là ông ta chắc chắn có thể tự mình lo việc đó. Tôi đã hiểu rồi: trong số tất cả những nước có liên quan đến kế hoạch thổ tả, Brazil là nước duy nhất có một cựu thành viên của niên khóa 67 năm được cảnh sát trong tay.

Bẻ ngoặt tay lái, Barney đánh chiếc Jaguar quay một vòng gắt gao trên một bãi đỗ xe. Hai người đi ngược trở về hướng từ đó họ đã đến.

- Và cảnh sát ở đó thì không nói nhiều đâu. Chỉ thủ tiêu thôi.

VII

Rio de Janeiro, Brazil.

Bốn giờ sáng. Màn đêm ở Brazil chậm chậm trôi qua và lắng đọng dần. Sắc xanh thẫm trên bầu trời vẫn chưa nhạt, nhưng làn gió luồn qua những ô cửa sổ mở rộng đã khiến cho cái nóng bức ngọt ngọt phải nhường chỗ cho sự mát mẻ bất ngờ, và đột ngột nhắc người ta nhớ đến sự tồn tại của những kiểu khí hậu khác.

Juliette thấy yên tâm với ý tưởng mời Harrow uống một ly rượu cuối khi hẳn đến tìm cô. Những viên thuốc an thần mà cô đã kịp cho vào cốc rum pha Coca làm cho hẳn há miệng thở khò khò, báo trước một giấc ngủ sâu và kéo dài hơn bình thường. Cô thì ngược lại, đầy kích động.

Tại tầng trệt, cô gặp lại Joachim lúc này đã di dời chiếc xe lăn của mình đến cửa phụ ở cuối vườn. Anh chỉ cho cô cách mở cửa. Đoạn đường dốc vẫn còn vắng vẻ. Những ngọn đèn đường tỏa ra quang sáng màu cam. Rác rưởi tràn ra từ một cái thùng rác bị đổ hòa vào chỗ nước mà mấy con chó hoang ướt sũng gầy nhom đang tợp. Những hạt mưa nhỏ lại lắt rắc rơi.

- Cô ở đây với tôi, - Joachim nói. - Không cần thiết phải để lộ mình. Dù sao thì anh ấy cũng sắp đến rồi.

Anh run rẩy chìa tay ra. Chưa đầy năm phút sau, một chiếc xe tải cũ đầu tròn bắt đầu ịch lên dốc. Cặp đèn pha tròn của nó chiếu sáng những mặt tiền nhà hai bên đường. Người tài xế phải sang số xe nhiều lần và cho máy rú ga chạy số một mới lên đến khách sạn. Anh ta dừng lại trước cửa phụ rồi chui xuống xe từ phía bên phải. Đó là một người đàn ông không tuổi tác. Sự giống nhau giữa hai anh

MÙI ADAM

em càng kỳ lạ hơn, vì trong khi anh ta có một cơ thể cường tráng và khỏe mạnh bao nhiêu thì Joachim lại ốm yếu và dặt dẹo bấy nhiêu. Có lẽ chính bộ quần áo của anh ta tạo ra mối liên hệ đầy tính biểu tượng giữa hai người. Carlos - ông anh họ - khoác chiếc áo blouse trắng của dân đồ tể với phần thân trước và vai áo lấm đầy máu, mỡ động vật. Hai anh em dường như thuộc về hai giới của bệnh tật, của cơ thể, của những thể dịch khác nhau và những sự chịu đựng của nó: một người bởi sự dị dạng khuyết tật bẩm sinh, người kia bởi trang phục nhang nhác với một bác sĩ, nhưng là một bác sĩ không ngần ngại thâm nhập vào trong thân thể và khám phá khía cạnh kinh hoàng của việc đó.

Joachim kéo ống tay áo bên trái của người anh họ rồi nói với anh ta vài từ tiếng Bồ Đào Nha. Anh ngược mắt lên nhìn Carlos, đầu ngoẹo sang một bên, mắt lờ ra như thể đang bị một cơn co giật. Anh chàng giao thiệp nhiệt liệt đồng tình. Brazil là một đất nước nơi mà người ta vẫn tin sái cổ vào những lời phán ra từ mồm miệng của những người mù và tàn tật. Trong cái yếu nhược của mình, Joachim có một sức mạnh bất tương xứng với cơ thể dị dạng, do người ta nhìn thấy ở anh hình thù gần giống với những thể lực hắc ám và các thần linh dưới âm ty. Đôi mắt anh hàng loạt liên tục đảo từ người em họ sang phía Juliette. Thịnh thoảng anh ta đáp lại bằng những từ cụt ngủn. Cuối cùng, Joachim chốt lại:

- Tốt rồi, thưa cô Juliette. Chiếc xe không bị lục soát ở đầu đường. Cô chỉ cần trốn vào giữa những tầng thịt trong đó. Mặc dù không thoải mái, nhưng việc này chỉ kéo dài chừng mười phút thôi. Sau đó, anh ấy sẽ gọi cho cô một chiếc taxi.

Trong khi Joachim giảng giải, người anh họ quay ra xe, vác xuống một nửa con lợn, trông như một súc gỗ mềm oặt.

- Mà này, cô có tiền mặt không?

Juliette không có một đồng tiền Brazil nào kể từ khi đặt chân tới đây. Đó là một trong những biện pháp mà Harrow sử dụng để giam chân cô trong khách sạn. Joachim luồn tay vào túi áo vá trên ngực

trái, rút ra một tập giấy bạc mỏng và một cây bút bi. Trên mép một tờ tiền, anh viết vội một số điện thoại.

- Để gọi cho tôi, - anh nói.

Sau đó anh nhẹ nhàng dùng tay ấy cô ra bên ngoài. Những viên đá lát đường trơn nhẩy nước mưa khiến cô loạng choạng suýt ngã trên mép vỉa hè.

Anh hàng thịt túm lấy Juliette và giúp cô trèo lên xe. Bên trong xe chỉ có một ngọn đèn tù mù gắn trên trần. Trong ánh sáng lờ mờ có thể nhìn thấy những tảng thịt có màu tái tái treo lủng lẳng trên mấy cái móc sắt, vằn vện những máu cùng xương. Một thứ mùi thịt đông lạnh thoang thoảng bay trong không gian tù túng. Anh bán thịt ra hiệu cho Juliette trốn vào sâu bên trong. Ở đó cô tìm thấy một cái góc trống và thu người ngồi xuống. Anh đèn tắt phụt. Cô nghe thấy tiếng máy nổ. Chiếc xe bắt đầu chạy và cô cảm thấy nó đang đi xuống dốc, những cái cây động vật đông đưa theo nhịp lắc của bốn bánh xe trên mặt đường lát đá học. Đến cuối con dốc, chiếc xe chạy chậm dần rồi dừng lại. Juliette nghe thấy những tiếng hò hét: anh hàng thịt vừa chào mấy chú cảnh sát đứng ở chốt gác. Sau đó chiếc xe lại lên đường.

Lắc lư trong bóng tối bên cạnh những cái xác động vật, Juliette cứ tưởng mình sẽ bị ám ảnh bởi ý nghĩ về cái chết. Nhưng ngược lại, niềm vui tràn dâng trong lòng cô, một niềm vui sôi sục, say sưa. Cô vượt qua thử thách đáng sợ này mà trong đầu đã chuẩn bị sẵn cho một sự tái sinh. Cô những muốn cười to và hét toáng lên. Cô nghĩ tới Harrow, kẻ mà cô đang từ bỏ. Chính hắn, chứ không phải cô, mới là kẻ đáng bị vút vào giữa đám thịt sống này, vì hắn là một cái cây ma biết đi. Tất cả những tuyên bố về cuộc sống, về thiên nhiên, về sự thuần khiết nguyên bản chỉ là lớp áo hào nhoáng che đậy sự hằn thù bên trong.

"Hắn không yêu cái gì cả, cũng chẳng yêu ai hết. Kể cả mình, hay những người khác. Không phải vì sáu tí người mà hắn cứu thế giới. Ngay cả khi chỉ còn lại một con người duy nhất thì hắn cũng sẽ tìm ra lý do để căm thù và loại bỏ người ta".

MÙI-ADAM

Và cô thấy sung sướng khi nghĩ đến điều này. Sự gần gũi về mặt thể xác với sự chết chóc và thứ mùi tỏi lợm của nó đã cho cô thấy rõ mình muốn đứng về phía nào. Khi cửa xe mở ra, Juliette sẽ được giải thoát và có lẽ đây là lần đầu tiên cô thật sự biết rõ điều mình phải làm.

Nhưng Juliette phải đợi một lúc lâu trước khi anh hàng tụi dừng xe lại, mở cửa và giải phóng cô. Cô nhận ra đại lộ chạy dọc theo bãi tắm Copacabana phía đằng sau những tòa nhà nằm ngay mặt biển. Trời lại đổ mưa. Đại lộ vắng tanh và dường như dài vô tận. Juliette nhận ra người anh họ của Joachim đã phải chạy khá lâu để tìm được một chiếc taxi. Chiếc xe nhỏ màu vàng đang đậu phía trước xe tải chở thịt, người tài xế taxi chờ đợi trong khi tay gõ nhịp theo điệu samba trên cửa xe.

Juliette tiến lại gần. Cô mặc một cái quần nhẹ và một chiếc áo thun trắng. Cô chẳng mang theo gì, vì quần áo của cô nằm trong một cái tủ kêu cọt kẹt, và cô sợ sẽ đánh thức Harrow. Khi trông thấy cô đi về phía taxi, anh đồ tể chạy đuổi theo và vụng về đưa cô quay lại chiếc xe tải. Anh lôi từ trong buồng lái ra một chiếc khăn bông, thấm ướt nó bằng nước đựng trong một cái can rồi đưa cho cô. Lúc đó Juliette mới nhận ra người cô đầy máu me. Cô cố gắng lau sạch chúng rồi đưa lại khăn cho Carlos. Trong lúc trả khăn, cô nắm cổ tay anh chàng để xem giờ. Đã bốn giờ năm mươi lăm phút.

Người lái taxi mở cửa xe. Cô chui vào trong chiếc Ford rộng rãi muôn thuở, với những cái ghế bọc giả da màu đỏ bóng bẩy. Anh hàng thịt đứng trên vỉa hè then thùng giơ tay chào từ biệt và cô gửi cho anh chàng một nụ hôn gió. Sau đó cô thả người, dựa lưng vào băng ghế. Nhưng người tài xế vẫn đang nhìn chằm chằm qua kính chiếu hậu, chờ nghe cô thông báo điểm đến.

Đi đâu bây giờ? Khoản tiền mà Joachim đưa cho cô chỉ vừa đủ trả một cuộc xe. Juliette chẳng biết ai trong thành phố này, và nếu như cô có thể thuyết phục được một khách sạn nào đó cho mình ở chịu, thì cô sẽ nhanh chóng bị Harrow tìm thấy, nhờ những mối quan hệ của hắn với đám cảnh sát...

Bỗng trong đầu cô nảy ra một ý. Cô chưa lường hết được hậu quả của nó, nhưng ít ra nó cũng cho phép cô ra khỏi trạng thái lưỡng lự.

- Đến Baixada Fluminense. - Cô nói với người tài xế.

Người đàn ông ném một cái nhìn lo ngại qua kính chiếu hậu và xem xét kỹ càng cô gái trẻ lạ hoắc không có hành lý với vẻ mặt buồn bã. Anh ta ra giá để biết liệu cô có chút gì trong người hay không. Không buồn nhìn, Juliette lục trong túi quần jean lôi ra hai tờ giấy bạc mà Joachim đã gửi cho cô, rồi đưa cho người lái xe. Anh ta nổ máy.

Trong bóng đêm, dưới màn mưa, Rio giống như một thành phố phương Bắc điêu tàn, với những đường hầm cũ nát, những con đường thiếu ánh sáng, vỉa hè mấp mô và những ngọn đèn đường bị tháo tung. Tất cả những nét quyến rũ nhờ ánh nắng làm cho lung linh đã biến mất. Chỉ còn lại những chỗ rỉ máu của một đô thị tổn thương, một thủ đô thất sủng, một thời hoàng kim đã suy tàn. Sau khi qua khỏi những đường phố đẹp đẽ, chiếc taxi đi vào trong các khu vực ít được chiếu sáng, ở đó tồn tại những ngôi nhà lụp xụp. Juliette quay kính xe xuống và nhận ra trong làn không khí ẩm ướt mùi rác rưởi lẫn với mùi đất của Baixada.

Người tài xế hỏi cô muốn xuống ở đâu. Anh ta nói một thứ tiếng Anh bồi, còn cô thì phải cố gắng sử dụng những chữ đơn giản. Cô chỉ con kênh. Họ chậm chậm lần ngược con đường chính đầy những làn bánh xe trơn trượt. Đến một chỗ sáng sủa hơn, cô bảo "đây", rồi xuống xe.

Mưa đã ngừng rơi. Ánh trăng nhợt nhạt vẽ nên những đường viền trúc trắc của một khối mây lớn, lẫn lộn vào đó có thể là những hình thù thẫm hơn của một ngọn núi. Trên địa hình bằng phẳng trải dài của Baixada, một vài bóng điện trắng được treo trên những chiếc cột làm các vũng nước và các làn bánh xe trong lớp bùn ướt sáng lóng lánh. Chiếc taxi đã đi khuất, con đường vắng vẻ trở lại: không một bóng người, không một sinh vật nào, chẳng có gì cả. Những căn chòi lụp xụp bằng gỗ và bìa cứng đã hút vào trong tất cả mọi sinh

MÙI-ADAM

vật sống, tựa như một con thuyền khổng lồ của ông Noah đang bơi giữa những dòng nước đen ngòm trong cơn dông.

Juliette đi lang thang trên đường. Đó là một đêm cũng yên tĩnh như cái đêm ở hoang mạc Colorado. Bầu trời cũng phủ lên đó sự thần nhiên y hệt. Thế nhưng dường như hai nơi không thuộc về cùng một quả đất. Ở đây thiên nhiên đã hoàn toàn biến mất. Chẳng còn cây cối, cuộc sống hoang dã, cũng như địa hình. Thậm chí cũng không còn tồn tại sự chung sống giữa con người và thiên nhiên như những cánh đồng, bầy gia súc, hay những ngôi nhà có vườn tược bao quanh. Chỉ còn lại một khối người vô định hình hỗn độn trải dài trên mặt đất trong tàn tích của tất cả mọi sự phá hủy do con người gây nên.

Vậy mà đêm hôm nay và đêm hôm ấy không khác nhau nhiều đến thế. Thế giới loài người có lẽ không nguy hiểm hơn so với thế giới hoang dã. Cả hai thế giới ấy đều có một sức hút giống nhau đối với Juliette, và trong khi cô tiến sâu vào Baixada, cô lại cảm thấy niềm thích thú kỳ lạ như lúc cưới ngựa đi qua những hẻm núi miền Tây Hoa Kỳ. Thậm chí có lẽ cô còn cảm thấy vững dạ và bị mê hoặc nhiều hơn ở giữa khu ổ chuột này, bởi vì cuộc sống hoang dã mà cô có thể khám phá được ở nơi đây sẽ có tính chất của con người. Ngay cả cái chết, nếu cô phải đương đầu với nó, cũng sẽ giống như cô.

Những đám mây nhanh chóng bị cuốn đi theo những luồng gió trên cao, chốc chốc lại làm lộ ra một mặt trăng gần như tròn soi sáng những mái nhà tồi tàn. Trong bóng tối, những đôi mắt chắc hẳn đang dò xét con đường, vì Juliette cảm thấy người ta gọi cô đã được một lúc.

Cô dừng bước, mắt không phân biệt được gì, nhưng tai có thể nghe rõ những tiếng thì thầm và huyết sáo khê. Đột nhiên một thằng bé đi chân đất lao ra từ trong bóng đêm làm nước bắn tung tóe. Nó đứng lại trước mặt Juliette, tay chống nạnh. Thằng bé khoảng độ mười tuổi, có lẽ thế, nước da rất đen, mái tóc ngắn xoắn tít lỗ chỗ những mảng trụi. Nó bị thiếu mất hai chiếc răng cửa, và có vẻ như chúng sẽ không còn mọc lại nữa. Trên hai cánh tay nó là

những vết sẹo bóng và đứt da. Có thể thấy trên mu bàn tay nó những vết gãi và các nốt ghẻ. Nó nói một câu tiếng Bồ Đào Nha với Juliette nhưng cô không hiểu. Cô nhận thấy có cái gì đó bạo lực trong đôi mắt thẳng bé, nhưng không rõ là do nó sợ hay do nó muốn gây sự. Bỗng nhiên, thẳng bé túm lấy tay Juliette và kéo sang bên đường, vào trong bóng tối của những căn nhà ổ chuột. Một cánh cửa mở ra. Juliette trông thấy ánh sáng, nhưng nó từ mù đến nổi chỉ vừa đủ làm cho bóng tối nhạt đi đôi chút.

Cô chui vào trong lán sau thẳng bé.

Bên trong lán có một thứ mùi nồng pha trộn giữa mùi mồ hôi và mùi đất. Ánh sáng phát ra từ một sợi bắc đèn cắm trong một cái lon đựng dầu hỏa. Juliette nhìn thấy những bóng người xung quanh mình, những tia sáng long lanh phản chiếu trong những cặp mắt. Cô không thể xác định rõ các khuôn mặt, nhưng cô không thấy sợ. Cô cảm thấy mình đã được đưa vào một nơi trú ẩn, và dường như để khẳng định cho cảm giác đó, một tiếng sấm rền vang bên ngoài. Những hạt mưa lớn lại bắt đầu rơi xuống.

Cơn mưa khiến cho bên trong căn nhà nhỏ chộn rộn hẳn lên. Những tiếng kêu khe khẽ vang lên. Mắt Juliette đã quen với bóng tối, cô bắt đầu nhìn ra được hình thù những thứ ở xung quanh mình. Căn nhà tồi tàn chỉ có một buồng độc nhất, với những miếng ván dùng làm giường chất chồng lên nhau trên quá nửa diện tích của nó. Sự lộn xộn vọng xuống từ tầng trên cùng, ở ngay sát mái nhà. Những chỗ dột lớn làm cho nước mưa chảy xuống mấy cái giường. Một loạt xô nhựa cùng nỗi xoong được huy động để tát đi lượng nước tràn trề như thác đổ. Những ai đã tránh ra khỏi những miếng ván tầng trên bị ướt đành ngồi vào những cái tầng dưới. Khoảng một chục cái đầu trẻ con ló ra từ dưới những tầng giường, một số ngược mắt lên trên xem xét những chỗ dột, số còn lại nhìn chăm chăm vào Juliette, lúc này vẫn đang đứng ở giữa nhà.

Đối diện với cô là một phụ nữ da đen mặc bộ đồ tối màu. Bà thu mình trong bóng đêm, như thể muốn bằng thái độ ấy thể hiện rõ rệt

MÙI ADAM

hơn quyền uy của mình trong cái thế giới nhỏ bé này. Bà ra hiệu cho Juliette ngồi xuống. Theo mệnh lệnh của bà, một đứa bé đưa ra chiếc ghế đẩu bằng ván đóng thùng. Cô ngồi lên đó trong lúc người phụ nữ ngồi xuống đối diện với cô.

Người ta không thể gọi đó là im lặng, vì sự nhộn nhịp của mấy cái xô và những đứa trẻ đi tới đi lui gây ồn ào đình tai trong căn lán nhỏ. Tuy nhiên, với Juliette nó lại là một khoảng thời gian dài bất động, lặng thinh và bối rối. Người phụ nữ quan sát cô thật kỹ. Bà ta có cái nhìn vừa tối lại vừa lấp lánh như khoáng thạch núi lửa. Dưới ánh sáng leo lét, khuôn mặt của bà dần dần lộ ra, đầy những nếp nhăn, nhưng vẫn còn giữ được nét trẻ con. Juliette ngạc nhiên khi thấy mình dành đặc tính ngây thơ hồn nhiên ấy cho một người phụ nữ tàn tạ, lại có thể chính là người đã đẻ ra tất cả những đứa bé đang nhộn nhạo chung quanh bà.

Rồi đến một lúc, có lẽ do cái nhìn của mình đã xuyên đủ sâu, người phụ nữ ngả người ra sau, mỉm cười. Bà đưa bàn tay thô ráp và lạnh giá nắm lấy đôi tay của Juliette. Trong góc nhà, khói bốc lên từ cái lò than nhỏ, nơi một con bé đang quỳ gối đun nước. Nghe tiếng người phụ nữ gọi, nó mang đến hai cái cốc nhựa đựng một thứ chất lỏng nóng rẫy và sóng sánh, chắc là trà. Juliette khum đôi bàn tay mình quanh cốc trà để sưởi ấm chúng. Người phụ nữ giơ cốc trà lên để chào mừng cô và nói tên mình bằng một giọng khàn khàn: Carmen. Juliette cũng xưng tên và cả hai cùng cười. Tiếp đến, sau một tràng giải thích bằng tiếng Bồ Đào Nha mà Juliette chẳng hiểu gì, Carmen yêu cầu từng đứa trẻ tự giới thiệu. Bọn trẻ vừa cười vừa làm theo. Chúng nhảy xuống đất chào Juliette rồi lại trèo lên nằm trên giường. Cả bọn ăn mặc rất tuềnh toàng, mớ giẻ rách trên người chúng bắn kinh lên được. Thế nhưng từ chúng vẫn toát lên sự tươi tắn và niềm vui chứ không hề gợi ra sự khổ sở bản cùng.

Juliette không tưởng tượng nổi là bọn trẻ lại đông đến thế, đến mức cô tự hỏi liệu có đứa nào tự giới thiệu mình hai lượt hay không. Sau khi quan sát kỹ hơn, cô biết không có chuyện đó. Trong nhà có

ít nhất một tá trẻ con. Rõ ràng không phải tất cả lũ trẻ đều là anh chị em với nhau, có thể chúng chỉ là anh em họ hoặc bạn bè, hay là những đứa bé mồ côi. Juliette chẳng thể hiểu nổi những lời giải thích của bọn trẻ.

Cô cũng ngạc nhiên khi thấy cả những đứa ở tuổi thiếu niên và người lớn. Tất cả bước ra từ trong bóng tối của những cái giường tầng để đến chào cô. Cô thậm chí còn nhận được một cái nắm tay xương xẩu của một ông lão ốm yếu không thể ra khỏi giường được.

Đây là gia đình của Carmen. Sau màn chào hỏi, người phụ nữ hài lòng lui lại một chút và ném một cái nhìn tự hào lên thế giới nhỏ bé của mình.

Yên lặng trở lại, càng tĩnh lặng hơn vì cơn mưa đã dứt và cùng với nó những dòng nước đột từ trên mái xuống cũng ngưng lại. Một số đứa trẻ đã ngủ thiếp đi. Tiếng thì thầm tắt dần. Trà đã uống hết. Carmen nhìn mông lung. Juliette đã trấn tĩnh lại một chút và bắt đầu nghĩ về tình cảnh của mình, về Harrow, kẻ có lẽ đang điên cuồng tìm kiếm cô. Bỗng nhiên có tiếng đàn ghi ta khe khẽ vang lên. Đó là Chico, thằng bé đã được Carmen ôm vào lòng khi nó ra chào, thằng con trai cứng tuổi chừng hai mươi với đôi vai cơ bắp cùng chiếc mũi da đỏ. Nó cúi người hát không ngừng với cây ghi ta, một món đồ cũ kỹ chắc hẳn cũng đã từng chịu đựng nhiều như Carmen. Chico chỉ lướt khê trên những sợi dây đàn để làm vang lên các giai điệu với một sự tinh tế lạ thường. Một bản nhạc châu Âu ngắn chen lẫn với những nhịp điệu châu Phi và nhún nhảy trên tiếng đàn bập bùng của một loại nhạc cụ bốn dây của thổ dân da đỏ.

Juliette sống người. Những suy nghĩ vừa kéo đến đã tan đi. Cô chỉ cảm thấy trong lòng mình một vết cắt nhỏ xíu như của một lưỡi dao cạo. Âm nhạc đã làm tan chảy những vách ngăn chật hẹp đã từng được dựng nên và giải phóng phần cốt lõi trong con người cô, cái phần mỏng manh nhất, dịu dàng nhất, phần cảm kỵ nhất. Cô buồn vô cùng, như thể đột nhiên cô ý thức được tất cả những bất công và sự cô độc đã từng là một phần của cô bé Juliette ngày xưa.

MÙI ADAM

Nhưng cùng lúc ấy một liều thuốc đã được đưa đến cho cô, thứ thuốc mà cô chưa bao giờ cảm nhận được công hiệu của nó. Trong cái lán ẩm ướt hôi hám ấy của Carmen, Juliette cảm thấy mình được thuộc về một gia đình, gia đình này, và rộng lớn hơn, gia đình nhân loại.

Cô ngã vào vòng tay của Carmen và nức nở khóc.

• • •

Chuyến bay đến Rio từ Geneva mang theo Paul và Kerry quá cảnh tại Lisbon trước khi đến Brazil ngay giữa buổi chiều. Trên máy bay, cả hai đều không ngủ, nhưng vì mỗi người đều chìm trong những suy nghĩ của mình nên họ hầu như không nói chuyện với nhau.

Paul hiểu rất rõ giai đoạn này trong những điệp vụ của họ. Khi mọi chuyện trở nên vừa cực kỳ nguy hiểm lại vừa gần tới điểm kết thúc thì sự say mê sút giảm hẳn một cách lạ lùng. Họ hành động như một con ngựa cảm thấy cái chết đang đến gần và cương quyết không nghe theo ngọn roi quát nứa. Sự háo hức không còn kích thích họ được nữa. Ý nghĩ rằng mọi chuyện sắp sửa chấm dứt trở nên mạnh hơn tất thảy.

Anh bắt gặp Kerry đang xem ảnh các con trong lúc vờ như sắp xếp lại cái bóp của mình. Còn anh thì nghĩ về phòng khám, về tất cả những gì anh sẽ làm sau thời gian vắng mặt. Cuộc sống bình thường đang quay lại trước thời hạn, tựa như khi thời tiết chuyển mùa quá sớm.

Vậy mà đã có việc gì được giải quyết đâu. Khi buộc phải nghĩ đến nó, thậm chí họ còn phải tự thừa nhận rằng giai đoạn cuối tại Rio này có khả năng sẽ lại là một cơ hội bị bỏ lỡ. Họ đang chạm đến đích, có lẽ thế. Nhưng khoảng cách nhỏ bé giữa họ và các đối tượng có khả năng sẽ trở thành rất lớn, và dù sao thì nó cũng đã rất xa nếu suy xét với tính chất khẩn cấp của vụ việc. Thật tình mà nói, đó là điều duy nhất giải thích được cho lời thú nhận của McLeod. Hai người cho rằng ông ta đưa họ đến đây chỉ để thỏa mãn một khao khát bệnh hoạn: ông ta biết thừa giờ kích hoạt chiến dịch đang cận

kề, nên ông ta thích thú với cái ý nghĩ rằng hai người sẽ là chứng nhân ở vị trí thuận lợi nhất và bất lực nhìn thảm họa không thể tránh khỏi kia. Một giả thiết khác còn thê thảm hơn nữa là McLeod chỉ đơn giản muốn đưa họ vào một hướng điều tra sai lạc, hoặc vào một ổ mại phục.

Chuyến bay hạ cánh lúc bốn giờ chiều. Hai người chỉ mang theo hành lý xách tay nên chưa đầy nửa tiếng sau đã ra khỏi sân bay. Một gã mặc đồng phục quét tháo om sòm để điều taxi phục vụ hành khách đang sắp hàng. Paul và Kerry lên một chiếc Monza màu vàng nồng mùi bụi và mùi dầu nhớt. Tay lái xe chẳng buồn quay xuống nên Paul đành nói chuyện với tượng Đức mẹ treo lủng lẳng trên chiếc gương chiếu hậu. Anh yêu cầu gã tài xế đưa họ đến một khách sạn bình dân nhưng thoải mái, nằm không xa khu vực trung tâm quá. Chiếc taxi chở hai người đến Copacabana và thả họ xuống trước cửa khách sạn Oceania.

Đó là một tòa nhà được xây dựng từ thập niên ba mươi, chắc hẳn rất phù hợp với thời kỳ mà Copacabana còn là khu hạng sang của Rio. Theo thời gian nó đã cũ dần đi. Gió luồn qua các kẽ hở trên lớp kính nẹp khung thép. Chỉ có đại dương là vẫn như ngày xưa. Những ngọn sóng kỳ vĩ đến từ xa khơi cuốn theo lớp bọt trắng để rồi biến thành một làn nước mỏng manh tan đi trên bờ cát.

Những đám mây đen lớn đứng canh chừng trên bầu trời với những tia sáng ở dưới chân. Chúng đang đợi thêm viện binh để tung ra trận mưa tấn công, chắc chắn là vào buổi tối nay.

Cả hai người đều đã có thời gian nghĩ tới những mối quan hệ có thể nhờ tới tại Brazil để hỗ trợ cho cuộc điều tra. Cũng chẳng nhiều nhận gì. Kerry nhớ ra Deborah, một thực tập sinh người Brazil mà cô đã làm quen hồi viết luận văn tâm lý ở Pasadena, trong một trung tâm dành cho trẻ câm điếc. Cô biết Deborah sống ở Rio nhưng đã từ lâu không gặp lại, và cũng chẳng biết địa chỉ của cô gái. Về phần Paul, anh còn giữ mối liên lạc với một cựu sĩ quan đã rời quân ngũ để tham gia thương trường. Ông này là chuyên gia tư vấn của nhiều

MÙI ADAM

công ty có liên quan với ngành quốc phòng và làm việc nhiều với phía Brazil. Hiện nay ông đang sống tại Houston. Anh đã cố dùng điện thoại khách sạn để liên lạc, nhưng tín hiệu không kết nối được với Hoa Kỳ. Còn mấy cái điện thoại di động dùng thẻ đã mua bên châu Âu cũng chẳng hòa mạng được với mạng viễn thông Brazil.

Họ mất khá nhiều thời gian cho việc vật lộn với dịch vụ cung cấp thông tin tại chỗ. Kerry cuối cùng cũng xác định được một trung tâm điều trị tâm lý mang tên cô bạn, nhưng chỉ có thể tìm ra số điện thoại. Cô gọi đến thì nghe thấy máy trả lời tự động. Họ đành phải tiếp tục tìm kiếm vào sáng hôm sau.

Mới sáu giờ chiều mà màn đêm đã buông xuống Rio, đều đặn như thế bất kể mùa nào trong năm. Chỉ vài phút sau là trời đã tối om. Paul mở cửa sổ. Không khí vẫn luôn ẩm áp và thơm mùi mật tỏa ra từ những động cơ chạy bằng cồn. Anh cảm thấy chán nản, lại đói nữa. Anh đề nghị cùng Kerry ra ngoài ăn tối rồi về đi ngủ sớm. Họ bấm những cái nút đỏ to tướng của chiếc thang máy cổ lỗ sĩ để đi xuống quầy lễ tân. Nhân viên thường trực khinh khỉnh đưa cho họ địa chỉ một nhà hàng bán các món cá gần đây mà họ có thể đi bộ đến. Hai người xuống đường rồi đi theo hướng đã được chỉ.

Khi băng qua sảnh, cả hai đều không chú ý đến hai người đàn ông ngồi ở bộ salon bọc si giả da màu xanh lá. Hai người đàn ông đứng dậy ngay sau khi họ ra ngoài. Người cao to hơn lôi điện thoại di động ra bấm số.

- Chúng ra ngoài ăn tối, - hắn nói bằng một giọng Texas đặc sệt. - Vâng, Mauro sẽ theo dõi.

Rồi hắn nhăn nhó bực tức và cúp máy.

- Có những lúc phải tự hỏi ta được dùng vào việc gì. - Gã càu nhàu trước sự quan tâm của tên kia.

- Họ đã biết rồi à?

- Đương nhiên, họ theo dõi bọn chúng trực tiếp trên máy GPS. Vào lúc này thì họ đã biết đích xác hai đứa kia đang ở chỗ nào trên đại lộ.

Tên thứ hai nhún vai.

- Giờ ta làm gì?

- Ta đợi chúng quay về rồi báo cho họ biết.

- Để làm gì chứ, họ đã biết rồi mà...

- Thì thế, nhưng lệnh là lệnh.

Gã kia cúi xuống uống cạn cốc caipirinha.

- Mà mày biết không, điều tệ nhất là ta chẳng bao giờ biết phải làm gì. Mệnh lệnh của Marcus đã rõ rồi đây: ta theo dõi, nhưng để cho đám Brazil tự làm phần việc của tụi nó.

- Hiểu rồi.

- Ê, đừng có làm cái mặt đó. Mày cứ nghĩ mà xem, mọi chuyện lẽ ra đã tệ hơn thế. Ngay lúc này, đáng lẽ tụi mình đang ở Bagdad và bị bọn khốn Al-Qaeda xiên que nướng chả rồi...

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

VIII

Rio de Janeiro, Brazil.

Chiếc xe điện cổ lỗ chạy qua Santa Teresa được trang bị những cái bánh cố định cứ nghiêng ken két trên đường ray mỗi khi vào cua rẽ làm bắn ra tung tóe những tia lửa điện trên mặt đất. Tại các trạm dừng của nó, luôn luôn có một đám đông chen lấn, đặc biệt là ở trạm cuối, quảng trường Sé, nơi tuyến xe vạch một đường vòng và quay đầu để phục vụ chiều ngược lại. Vào lúc tám giờ sáng, việc điều khiển xe lăn ra khỏi chiếc xe điện giữa đám đông chen lấn là một trò liều mạng thật sự. May mắn là mọi người đều biết Joachim. Tiếng tăm bói toán của anh chàng được thần linh che chở này khiến nhiều người nể trọng. Trong khi hai người đàn ông nắm lấy chiếc xe lăn, các hành khách chỉ

MÙI ADAM

im lặng dịch ra xa. Mấy bà cô làm dầu thánh giá, còn những người khác thì nghiêng đầu. Ngự trên chiếc ngai móp méo của mình, Joachim lim dim mắt đầy trịnh trọng, thỉnh thoảng lại giơ một ngón tay lên để làm dấu ban phúc lành, cứ như anh là một vị giáo chủ vậy. Như thông lệ, những người khiêng ngai đặt anh xuống ngay lối vào của một cái ngõ nhỏ chạy xuôi về phía tây, trong khi hai cậu thiếu niên tiếp tục công việc hộ giá, đưa chiếc xe về đến khu ổ chuột ở dưới chân dốc. Cuối cùng, Joachim về đến nhà mình, mệt mỏi vì phải bám vào tay vịn của xe lăn, khuôn mặt nhăn nhó đau đớn vì bị dằn xóc trên cái ghế cứng như sắt. Chính vì thế mà một tuần anh mới về nhà một lần, thường là vào thứ năm. Tuy nhiên hôm nay anh về sớm hơn một hôm. Juliette đã rời khách sạn tối hôm trước và anh đã lên lịch hẹn rồi. Không gì có thể làm anh lỡ nó được.

Căn nhà nhỏ của Joachim chỉ có hai phòng và rất ít đồ đạc để không làm phiền đến sự di chuyển của chiếc xe lăn. Một bà hàng xóm sang dọn dẹp trong lúc anh đi vắng và nấu ăn khi anh có ở nhà. Anh sốt sắng yêu cầu bà chuẩn bị xirô, một chiếc ghế có kê gối và bảo bà chạy ra tiệm tạp hóa mua bánh bông lan cuộn hương vani. Khi tất cả đã sẵn sàng, anh chỉ còn việc chờ đợi.

Juliette đến vào tầm giữa trưa, được dẫn đường bởi những đứa trẻ đã khiêng xe cho Joachim. Anh bảo cô ngồi xuống và hét lạc giọng gọi bà hàng xóm để bà dọn xirô và bánh.

- Em đã ngủ ở đâu vậy?

Juliette kể lại chuyến đi tới Baixada của mình. Joachim gật đầu lia lịa. Anh hài lòng khi biết Juliette đã tìm ra giải pháp để thoát khỏi đám cảnh sát và tay chân của Harrow. Nhưng anh thấy ghen nổ đom đóm mắt khi biết những người khác, còn nghèo khó hơn cả anh, lại có được vinh hạnh cho cô tạm trú. Đã quen với việc không thể hy vọng gì ở cuộc đời, anh chỉ biết mơ đến cô trong những giấc mơ. Tình cảm mà anh dành cho Juliette là hoàn toàn vô vọng, nhưng cũng chính vì nguyên nhân này mà anh có toàn quyền để mộng mơ về nó.

- Chuyện ở khách sạn diễn ra như thế nào ạ? - Juliette hỏi.

Joachim hấp háy mắt. Anh đã đợi giây phút này để được phồng mũi. Khi mơ, anh luôn thấy mình là một ca sĩ giọng nam cao. Anh đứng ở phía sau trên sân khấu, dang rộng đôi tay, và giọng hát khỏe khoắn của anh khiến cho bụng của các bà các cô rung lên, từ những nhạc công trong dàn nhạc cho đến tận các khán giả ở tít ban công trên cùng.

- Đúng là một quả bom! - Anh thốt lên, nhắm mắt khi nghe thấy giọng nói thật sự vừa rề vừa khó nghe của mình. - Bọn họ chạy nháo nhào lên cả. Tay Zé-Paulo học tốc lao đến, mồ hôi nhễ nhại, đi cùng với ba gã cớm. Bọn chúng điện thoại ra lệnh lùng sục tất cả các khách sạn và nhà trọ trong thành phố. Harrow thậm chí còn gọi cho lãnh sự quán Pháp, giả vờ là một du khách Mỹ có cô vợ người Pháp. Dĩ nhiên hẳn không tiết lộ tên thật của mình. May mắn là em đã ngủ ở chỗ của những người thật đặc biệt.

Chỉ mà Joachim dùng cho thấy thật ra cô đã có thể chọn những người đang hoang hơn là mấy người ở Baixada.

- Bọn họ có tiến hành phi vụ mà không có em hay không?

- Không. Tất cả đều đã bị trì hoãn. Có vẻ như chúng tin tưởng rằng em sẽ lại xuất hiện, hoặc chúng sẽ tìm ra em.

Joachim run rẩy đưa ly nước màu cam lên môi. Đó là cách để kéo dài sự im lặng, để đá quả bóng sang phía Juliette, nhưng cũng là, và có lẽ nhất là, để làm tăng thêm phần long trọng.

- Em định sẽ làm gì? - Anh nhấn mạnh trong lúc đưa mu bàn tay lau miệng.

Juliette thật ra chưa suy nghĩ gì về điều này. Những cảm xúc của một đêm trong khu ổ chuột vẫn còn quá mạnh, và cô bất giác dựa vào Joachim như vào một người có quyền quyết định.

- Em không biết. Có lẽ em phải quay về đó.

- Về khách sạn ư! Nhưng để làm gì?

- Để chơi trò chơi của bọn họ, vì bọn họ cần em mà. Và lật nhào tất cả vào giây phút cuối cùng.

MÙI ADAM

- Như thế nào?

- Chẳng hạn như, em sẽ từ chối đổ mấy cái bình của nợ ấy, hoặc báo cảnh sát, em chẳng biết nữa.

Joachim nhún vai khiến chúng gần như chạm vào hai tai, làm như thể anh vừa bị dính một đòn đau vào đầu.

- Cảnh sát về phe bọn chúng mà. - Anh nói. - Hoàn toàn theo phe bọn chúng.

- Dẫu có thể thì bọn họ cũng không thể bắt em thực hiện việc đó nếu như em chống lại.

Juliette nói với giọng yếu ớt, tương xứng với giọng nói của anh chàng tàn tật, nhưng trên hết nó tỉ lệ với mức năng lượng ít ỏi còn sót lại trong cô.

- Em không hiểu rồi. - Joachim nói. - Theo anh, vai trò mà bọn chúng dành cho em không phải là vai trò chủ động.

- Vậy là vai trò gì?

- Vai thủ phạm.

Cô nhìn trần trời đôi mắt Joachim trong lúc anh chớp mắt, thuần túy vì xúc động chứ không hề có ý gì khác.

- Chúng đâu có cần em để đổ cái thứ thôi tha đó. Nhưng chúng cần hướng sự chú ý vào một người khác, để bảo vệ tổ chức của chúng. Cái người khác ấy, là em đây, Juliette ạ.

Mấy con chó cắn nhau ngoài đường ngay trước ô cửa sổ không kính và Joachim buộc phải ngừng nói để không bị tiếng ồn át mất giọng.

- Đám cảnh sát tuần tra cạnh con kênh sẽ được lệnh thộp cổ em ngay khi hành động kết thúc. Và thông cáo báo chí đã sẵn sàng nói rõ: "Một cô gái mất cân bằng tâm lý, người đã bị khai trừ khỏi các phong trào sinh thái, đã đột nhập một phòng thí nghiệm châu Âu và tìm cách đầu độc khu tạm cư lớn nhất châu Mỹ La tinh".

- Anh moi cái đó ở đâu ra vậy?

- Cái tay Ubiraci ấy đúng là vô tích sự, - Joachim khinh khỉnh thốt lên. - Nếu anh là ông chủ thì anh đã tống hấn ra cửa từ lâu rồi. Hấn

không những nói quá nhiều, mà còn vút lẫn lóc mấy tính xách tay của mình. Tối qua nó nằm trơ trọi trên bàn trong phòng khách lúc bọn chúng đi ăn.

Joachim khá hài lòng với hiệu ứng nho nhỏ mà mình gây ra. Từ tối hôm trước, anh đã chỉ nghĩ tới phút giây chiến thắng này. Phần thưởng cho anh là sự kinh ngạc của Juliette, và nhất là nụ cười của cô tiếp sau đó.

- Anh giỏi lắm, Joachim à.

Anh nghiêng đầu, phong cách giống với một ca sĩ giọng nam cao hơn bao giờ hết. Rốt cuộc anh đâu cần đến nhà hát. Tình cảm của một phụ nữ duy nhất là đủ rồi.

Nhưng đó mới chỉ là đoạn dạo đầu. Sắp đến phần cao trào rồi. Anh để yên cho cô sầm mặt suy nghĩ một lúc lâu, rồi sau đó là câu hỏi mà anh đang chờ đợi.

- Vậy, em phải làm gì đây?

Joachim ho một tràng, cố kéo dài ra để nhắc khéo bà hàng xóm là không cần phải rót thêm đồ uống nữa. Bằng một cử chỉ kín đáo, anh ra hiệu cho bà ra khỏi phòng.

- Có lẽ... - Anh mở lời, rồi im bặt.

Anh muốn nhìn thấy Juliette ngược đôi mắt to lên và nhìn sâu vào trong mắt anh. Sự tò mò trong cô đã gần như chuyển thành sự ham muốn, và dù là thế nào thì bấy nhiêu cũng đã đủ cho anh.

- Có lẽ sao?

Joachim đan hai bàn tay vào nhau.

- Phải, có lẽ có một giải pháp. Khá mong manh, anh thừa nhận là thế. Nhưng em có còn lựa chọn nào khác đâu?

Anh cảm thấy Juliette đang sốt ruột. Làm cô hy vọng là một chuyện, nhưng nếu nó khiến cô phải chịu đựng thì anh hoàn toàn không muốn.

- Hai điều tra viên người Mỹ đã tới Rio. Theo những gì anh hiểu thì họ đã theo dõi em từ lâu. Họ đã tìm ra một trong những người bạn của em ở bên Pháp, một cậu sinh viên.

MÙI ADAM

Trong suốt những tuần vừa qua Juliette đã quên hẳn Jonathan. Nghe chính miệng Joachim nhắc tới anh ta gần như là một điều không thể và hoàn toàn phi thực tế.

- Làm thế nào họ đến được tận đây?

- Anh không biết gì về chuyện đó, - Joachim thừa nhận, hơi khó chịu khi phải để lộ là mình không biết. - Một điều chắc chắn là Harrow và băng đảng của chúng có ý định thủ tiêu hai người đó. Chuyện không liên quan đến em, theo như những gì anh hiểu. Đó là mệnh lệnh mà bọn chúng đã nhận được. Chúng đang giảng một cái bẫy dành cho bọn họ, với sự trợ giúp của các nhóm cảnh sát khác.

Joachim thận trọng nói một cách từ tốn để Juliette dù đang rất bối rối vẫn có thể ghi nhớ những điều anh nói, và cân nhắc các hệ quả của chúng. Anh nhận ra cô đã có cùng một kết luận với anh, và anh trù mến nhìn cô như một ông thầy nhìn cô học trò giỏi giang khi nghe cô hỏi:

- Thế... hai người đó đang ở đâu?

- Ở khách sạn Oceania, khu Copacabana.

Sau một thoáng im lặng, hai người bắt đầu cười. Juliette đặt một nụ hôn lên trán Joachim.

Có những hạnh phúc quá quý giá, đến mức độ nó đương nhiên sẽ rất hiếm hoi trong cuộc đời, và biết đâu là duy nhất, Joachim thầm nghĩ.

♦ ♦ ♦

Paul nhìn cô phục vụ phòng dọn dẹp. Trong căn buồng khách sạn được biến thành phòng làm việc, mấy chiếc vali đang mở toang dưới đất, giấy tờ vương vãi trên giường, còn trên chiếc bàn nhỏ cạnh máy điện thoại, Kerry bày đầy những món đồ cất trong ví tay. Vì không thể liên lạc được với người bạn cũ, cô đã quyết định đến nơi làm việc của Deborah để thử tìm hiểu xem có thể tìm ra cô ấy ở nơi nào. Khi cô lên đường, Paul đã khuyên cô mang theo càng ít đồ càng tốt, và

không đeo đồng hồ cũng như đồ trang sức. Trong lúc anh gọi điện để cố bắt liên lạc với người bạn tại Houston, anh nghịch chiếc vòng cổ bằng vàng mà cô vẫn thường đeo. Vẫn chưa bắt được tín hiệu liên lạc với nước Mỹ.

Người phục vụ phòng tắm ngần ngại trước mớ lộn xộn ấy. Cô lúng túng vỗ vỗ mấy cái gối, rồi lọ mọ làm vệ sinh trong phòng tắm. Paul đã để cho cô vào phòng dọn dẹp vì anh không biết mình còn ở trong phòng bao lâu nữa, mà còn phải để cho cô phục vụ tội nghiệp làm cho xong việc trong buổi sáng chứ.

Anh hoàn toàn quên bẵng cô ta khi anh gọi được cho thư ký người bạn ở Houston ở lần thứ thứ năm. Đáng tiếc là trong thời điểm hiện tại ông ta đang bay sang Nhật và phải đến sáng hôm sau mới gọi điện thoại được. Sau khi gác máy, Paul vui đầu vào hai bàn tay một lúc. Thời gian đang trôi qua. Anh tin rằng mình sẽ không làm được gì nữa rồi. Kế hoạch tàn bạo của Harrow có lẽ đã được thực hiện ở đâu đó trong thành phố, rất gần thôi. Cảm giác bỏ lỡ mục tiêu trong khi đã ở sát lắm rồi khiến anh nặng trĩu đau buồn.

Đột nhiên, sự yên lặng làm anh lo ngại. Nhanh như chớp, anh nhận ra một vài sự việc khiến anh phát hoảng. Cánh cửa buồng bị đóng lại. Đây không phải là điều thường thấy, vì những bà dọn phòng luôn để chiếc xe đẩy của mình ở ngoài hành lang rồi cứ thế đi ra đi vào qua cánh cửa mở toang. Tuy vẫn đang ngồi quay lưng về phía giữa phòng, nhưng Paul đã có thể cảm thấy sự hiện diện của một ai đó, bất động. Anh xoay người lại.

Cô gái đứng chôn chân bên cạnh giường, mắt nhìn anh đắm đắm. Trong bàn tay phải của cô ta có một vật gì đó. Anh trông thấy vật đó, nhưng sự bất ngờ khiến anh chưa thể nhận ra ngay lập tức nó là cái gì. Điều anh nhận thấy trước tiên là cô gái đã cởi chiếc mũ nilông bọc tóc lúc đi vào. Mái tóc đen dài của cô xoa xuống chiếc áo khoác đồng phục màu xanh dương.

Một chút run rẩy nơi tay cô khiến Paul chú ý. Chỉ đến lúc đó anh mới nhận ra cô đang chìa một khẩu súng ngắn vào anh.

MÙI ADAM

- Anh đứng dậy, bước tới trước. - Cô nói tiếng Anh bằng một giọng Mỹ chuẩn, nhưng pha một chút âm sắc khác với những người Brazil.

Paul đứng dậy. Trên người anh là một chiếc áo thun hơi bó và chiếc quần cộc dài đến phân nửa đùi. Cô bắt anh quay lại. Paul cứ tưởng cô gái sẽ lục soát người anh để tìm vũ khí. Nhưng cô ta không làm vậy. Anh nghĩ cô sợ anh có thể tước vũ khí của cô. Có vẻ cô hài lòng khi thấy anh chẳng giấu được gì trong bộ đồ như thế. Cô gái ra hiệu cho anh tiến đến chiếc ghế bành. Cái ghế bọc vải giả da khá thấp chắc đã có từ thời xây khách sạn, nên khi anh ngồi xuống thì chiều cao của cô gái áp đảo anh hoàn toàn. Cô lùi lại, tựa lưng vào vách buồng tắm, rõ ràng là để cho đỡ run.

Cô gái quan sát anh hồi lâu. Đó là một cái nhìn trống rỗng và chăm chú, khiến Paul nhớ tới một vài bệnh nhân mà anh đã điều trị trong thời gian làm nội trú tại một bệnh viện tâm thần. Cái nhìn vừa lơ đãng lại vừa sắc bén lạ lùng, như thể muốn tạo ra một sự trao đổi ngấm ngấm giữa người quan sát và kẻ bị quan sát. Anh cảm thấy như đang bị lột trần. Anh nhìn lại, không chớp mắt, với cảm giác không thể nào lừa gạt được cô, tất cả những sự che giấu đều sẽ lập tức bị phát hiện và có thể chống lại anh. Sau một lúc lâu, cô gái đang không chế anh có vẻ chùng xuống, tuồng như những gì anh thể hiện qua cuộc kiểm tra này đã khiến cô yên tâm.

- Anh là কর্ম há? - Cuối cùng cô hỏi.

- Không hoàn toàn như thế.

- FBI?

Chuyện cô không biết anh là ai đã làm anh an tâm. Nếu cô là người của Harrow hoặc là tay chân của McLeod thì đâu cần phải thắc mắc về nhân thân của anh như thế. Nhưng nếu vậy thì cô là ai?

- Tôi làm việc cho một tổ chức tư nhân. - Anh đáp. - Mà, trên thực tế thì lúc này tôi hoạt động độc lập.

- Anh tìm Arrow à?

Paul rùng mình. Cô không phát âm cái tên này theo kiểu Mỹ mà lại nuốt chữ H. Harrow trở thành Arrow, như thể cô đang nhắc tới

một cái mũi tên. Bỗng nhiên anh hiểu ra. Cái lỗi phát âm chữ S trong hòng và ngữ điệu của các nguyên âm cho thấy cô gái là người Pháp. Anh biết chắc chắn cô là ai.

- Juliette!

Cô chớp mắt, hạ khẩu súng xuống trong một tích tắc, như thể cái tên vừa rồi đã làm cho cô nhẹ lòng.

Mặc dù cô vẫn tiếp tục chia súng vào anh, Paul không còn cảm thấy sợ chút nào nữa, anh chỉ tò mò vô cùng. Anh đã luôn phải tưởng tượng ra Juliette, và bây giờ thì được thấy tận mắt. Anh thấy ở cô tất cả những điều mà anh đã biết, những điều được khuếch đại bởi câu chuyện khó tin, đầy bí ẩn và tuyệt vọng của cô, nhưng đồng thời cũng có những thứ được bộc lộ bởi khoảng cách gần và được đẩy thẳng vào nhận thức của anh do tính chất đột ngột không báo trước của việc cô xuất hiện. Cô gầy đi, đôi mắt thâm quầng mệt mỏi, làn da xanh tái in dấu ấn của sự thiếu ngủ và thiếu chăm sóc. Thế nhưng trong thâm tâm, anh vẫn nhận ra cô và cảm thấy khá yên tâm. Vì cái nhìn trực diện của cô, sự thiếu vắng nét u ám do tính cay nghiệt hoặc ích kỷ, sự mỏng manh lộ rõ, biểu hiện cuồng nhiệt và bất chấp của một sự thành thật tuyệt đối cho phép anh khẳng định rằng, dù không hề biết cô, đây vẫn đúng là Juliette. Và mặc cho khẩu súng đang chia thẳng, mặc cho sự yếu thế của anh trước những điều mà cô sẽ bắt anh phải chịu, anh vẫn thấy tin tưởng và nhẹ nhõm.

- Tại sao anh tìm chúng tôi? - Cô hỏi với một sự mạnh bạo khá gương ép.

Chối bỏ hay nói vòng vo cũng vô ích. Paul hiểu với Juliette đây không phải là câu hỏi để tìm thông tin - vì cô đã biết tất cả - mà là để hiểu, và mục đích cũng như kết cục của cuộc nói chuyện này tùy thuộc vào một điều khác, sâu xa và thành thật hơn.

- Để ngăn cản các người thực hiện một hành động man rợ.

- Lòng nhân từ, phải thế không?

Paul cúp mắt xuống. Kể từ đầu vụ điều tra, anh đã hành động một cách máy móc, để bị lôi vào cuộc rượt đuổi chú thỏ mà Archie

MÙI ADAM

đã yêu cầu anh chạy theo. Nhưng, sau khi phát hiện ra các khía cạnh thực sự của vụ việc, anh bắt đầu tự truy vấn mình về những động cơ sâu xa của anh, dù không nói ra điều này với bất kỳ ai. Juliette, chỉ trong thoáng chốc, đã len được vào trung tâm những hoài nghi của anh. Anh cảm thấy bối rối chen lẫn nhẹ nhõm khi có thể làm sáng tỏ những suy nghĩ của bản thân với cô.

- Tôi là bác sĩ. - Anh nói.

- Bác sĩ hay mật vụ?

- Cả hai. Người ta đã giao cho tôi điều tra vụ này vì nó khởi đầu từ một phòng thí nghiệm.

Juliette chớp chớp mắt. Hình ảnh Wrocław chợt hiện về. Tất cả tưởng như đã quá xa vời rồi.

- Các bác sĩ thì bảo vệ cuộc sống, có phải anh muốn nói vậy không?

- Phải.

- Và các anh nghĩ rằng tất cả mọi người đều đáng được sống.

- Dù sao thì, chúng ta không phải là những người quyết định chuyện đó.

- Anh nói sao với những người muốn tự kết liễu mạng sống của mình?

- Họ đang phạm sai lầm.

- Đây, chính anh tỏ ra là người quyết định đấy thôi.

Paul nhớ lại kỳ thực tập đầu tiên trong môn tâm thần. Anh đã vào phòng của một người đàn ông cao lớn bị rối loạn hưng-trầm cảm trong giai đoạn ảo não, và anh còn nhớ bài thuyết giảng lê thê qua đó người đàn ông ấy đã chứng tỏ một cách lạnh lùng, hợp lý, đầy thuyết phục, nếu không nói là rất khó phản bác, rằng ông ta phải chết. Đúng buổi chiều hôm ấy, ông ta đã bắt đầu đợt điều trị trầm cảm, và mười lăm ngày sau đó thì ông cảm ơn các bác sĩ đã cứu sống mình.

Khi anh kể lại câu chuyện này, Juliette im lặng một hồi lâu. Cô cũng như anh đã quên đi tình huống của buổi nói chuyện, khẩu súng, những tiếng xe cộ ở Copacabana. Hai người chui sâu vào

trung tâm của lòng tin và sự hoài nghi bên trong họ, nơi duy nhất có thể mang đến sự giải thoát.

- Vậy nếu như người bệnh không thể điều trị được? - Cô cắt ngang. - Nếu như anh lại đưa người đó quay về với sự cùng quẫn, tuyệt vọng, nghèo đói, bạo lực và bầy chuột cống? Nếu như căn bệnh của người đó không phải là do sống, mà đúng hơn là do không được sống?

- Không có lý do nào biện minh được cho việc giết chóc.

Paul đã lập luận hơi vội. Khi nghe thấy những lời của mình, anh tự thấy nó phi lý. Trong một thoáng, Juliette nhìn đi chỗ khác, như để tránh cho anh khỏi xấu hổ, rồi bằng một giọng thật trầm, cô nói hộ anh những điều mà anh đã có thể tự nói:

- Các anh cũng sẽ không giết bọn phát xít à? Các anh sẽ không giết chóc để bảo vệ những gì anh thấy quý giá hơn sao?

- Tôi sẽ không giết người vì những ý tưởng, những thứ mơ hồ.

- Có mơ hồ không, những vùng đất hoang hóa, những khu xóm nghèo, các cánh rừng bị chặt phá, những cuộc chiến tranh đang làm trẻ em bị bỏ đói, do những con người cùng quẫn gây ra? Anh tin là những con người đó có thể hy vọng một điều gì khác ngoài một cái chết chậm rãi và kinh hoàng, ngoài sự khốn khổ cùng cực và kèm theo chúng là sự phá hủy những gì còn sống sót được trên trái đất này hay sao?

- Tôi cảm thấy, - Paul nói, - rằng đó không hoàn toàn là những ý tưởng của Harrow và những kẻ núp sau lưng hắn.

- Ý anh là sao?

- Bọn họ coi con người là một loài động vật, như những giống loài khác. Nguy hiểm hơn, tàn bạo hơn. Và họ cho rằng giải pháp nằm ở chỗ phải hành động theo phương cách đó, phải trở thành những kẻ săn mồi, tiêu diệt con người, tựa như việc loại bỏ số lượng dư thừa của một giống loài gây hại.

- Điều đó là sai à?

- Phải. Tôi tin rằng phần "con" ở trong chúng ta sẽ không thể cứu chúng ta được, mà chính là phần "người". Là ý thức mà chúng ta có

MÙI ADAM

về bản thân và môi trường xung quanh, là tình đoàn kết, công lý và tình yêu.

Nhận thấy sự ngơ ngàng trên gương mặt của Juliette, anh biết mình đã đánh trúng đích.

- Cô bận tâm tới nỗi thống khổ của nhân loại, - anh nhấn mạnh, - Harrow thì chỉ thấy mỗi lợi mơ hồ của trái đất. Còn những kẻ tạo điều kiện cho hần hành động, thứ bọn chúng bảo vệ trước tiên là mỗi lợi cụ thể của khối tài sản cá nhân.

- Anh đang nói về ai vậy?

Đối với Paul, tất cả thế là đã rõ. Juliette không hề biết về động cơ thực sự của chiến dịch này. Cô không phải là kẻ đồng lõa của Harrow, mà là công cụ của hần thì đúng hơn. Và trong thâm tâm cô cũng đã biết điều đó.

Thế là anh kể cho cô những chi tiết chính xác của âm mưu: khóa thảo luận năm 67, McLeod và Rogulski, cuộc gặp gỡ với Harrow, và để kết thúc, vi khuẩn tả.

Khi dứt lời, anh thấy Juliette đang run rẩy toàn thân. Hai dòng nước mắt lăn dài trên khuôn mặt vô hồn của cô.

Thật chậm rãi, Paul cúi người tới trước rồi đứng dậy. Mắt không rời cô gái, anh lại gần bên cô, cầm lấy khẩu súng mà cô đặt trong lòng bàn tay như một cái gậy tiếp sức mà người ta sẽ trao cho đồng đội để họ tiếp tục cuộc chạy đua. Anh vút nó lên giường. Lúc này, anh đang đứng ngay sát bên cạnh Juliette, và anh cảm thấy cô bất giác ngả đầu về phía mình. Anh giơ hòm vai mình ra đỡ, trong lúc những giọt nước mắt cam lặng chuyển thành tiếng khóc nức nở, đau đớn, thốn thức, vừa khổ đau lại vừa nhẹ nhõm trong cùng một lúc. Anh vuốt ve mái tóc Juliette như người ta vẫn làm với một đứa trẻ để xoa dịu nỗi đau và trấn an nó. Cô thì bầu chặt lấy anh như một người chết đuối vẫn tưởng mình sắp chìm trong khi đang được người khác cứu sống. Anh không hề cảm thấy chút ham muốn nào, mà chỉ thấy thương vô cùng một con người đang đặt niềm tin vào mình với tất cả năng lượng của sự thất vọng, bất hạnh và hy vọng vừa tìm lại.

Gần cô, anh thấy cô gầy gò và run rẩy, đuối sức vì những gì có thể là biểu hiện của niềm hạnh phúc và sự chùng xuống bất ngờ của một mối căng thẳng ghê gớm. Anh đợi cho cô dịu lại. Khi anh biết chắc sự xúc động đã lui đi và cô hơi bình tĩnh lại, đã giải tỏa được gánh nặng cô vừa chuyển sang cho anh như một cái ách mà cô không thể vác đi xa hơn nữa, anh mới bảo cô ngồi lên mép giường trước khi anh cũng ngồi xuống cạnh cô, bàn tay vẫn nắm lấy tay cô.

Bống Juliette giật nảy người như một người vừa tỉnh giấc giữa một cơn ác mộng. Cô siết tay Paul thật chặt.

- Nhanh lên. - Cô thốt lên, tưởng như ý thức được một mối nguy hiểm cận kề. - Anh phải ngăn hấn lại. Hấn ta sắp sửa hành động rồi. Có khi ngay ngày hôm nay đây.

Khi nói những chữ vừa rồi, cô là người đi, như một vận động viên thể dục kiệt sức không thể giữ vững tư thế uốn dẻo quá khó. Rồi cô yên lặng và trầm ngâm trở lại.

- Cô nói đến Harrow đây à? - Paul nhẹ nhàng hỏi.

- Harrow ư? Phải. Harrow.

- Hấn đang ở đâu?

- Ở khách sạn Laranjeiras, trên vùng đồi của Botafogo.

Paul bị kích động mạnh. Đùng một cái, trong khi anh đang tuyệt vọng cố phát hiện bất cứ điều gì thì lại may mắn được đặt vào dấu vết của kẻ mà anh đang đi tìm, và cứ tưởng như sẽ không bao giờ kịp tìm thấy.

- Thế thì, - anh nói, - ta đi tới đó thôi. - Nói rồi anh vớ lấy khẩu súng lục đang nằm trên giường.

Cô rút tay lại và phác một cử chỉ băng quơ như thể muốn diễn đạt một số lượng đông đảo.

- Không thể được! Bọn họ ở khắp mọi nơi. Bọn họ đông lắm. Harrow có cảnh sát, quân đội, tất cả đám người đã ghé qua khách sạn. Tất cả những người gửi thư điện tử cho anh ta từ mọi nơi trên thế giới.

Cô lùi lại, nhìn Paul chăm chú. Có vẻ như cô chỉ vừa mới nhận ra mình đang nói với ai.

MÙI ADAM

- Anh không thể ra khỏi đây. Bọn họ đang theo dõi anh ở bên dưới, nghe trộm điện thoại của anh. Bọn họ đã quyết định khử anh.

- Làm thế nào cô vào đây được?

- Nhờ có Joachim. - Cô đáp, mỉm cười khi nhắc đến anh chàng khuyết tật.

Khi nhận ra Paul không biết đến sự hiện diện của Joachim, cô nhanh chóng giải thích với anh.

- Trong các khách sạn, họ quen biết nhau cả. Joachim đã nói chuyện với một trong các bà dọn phòng và bà ấy đã đồng ý để tôi thế chỗ buổi sáng nay.

Trong lúc suy nghĩ, Paul nhìn vào khẩu súng trong tay mình. Đó là một khẩu Taurus đời cũ dính đầy dầu mỡ như một cái đầu máy xe lửa cổ. Anh mở ổ đạn, quay nó một chút. Súng không có đạn.

- Joachim đã tìm thấy nó trong xóm của anh ấy.

- Sao anh ta không nạp đạn?

- Có nạp đấy. Nhưng tôi đã lấy đạn ra.

Juliette liếc mắt nhìn Paul, và lần đầu tiên anh thấy cô cười.

- Cô đã làm gì với số đạn?

Cô luồn tay qua chiếc áo blouse, lôi từ trong túi quần ra một nắm đạn bằng đồng đưa cho Paul. Đến lượt anh mỉm cười, lắp các viên đạn vào đúng chỗ rồi đóng ổ đạn lại với một tiếng động khô khốc. Hành động của Juliette giống như một sự thông đồng gắn kết họ lại. Từ nay, rõ ràng họ ở cùng một phe và sẽ cùng có những nguy cơ như nhau. Thêm vào đó, hành động đó khiến họ cảm thấy không còn phải tay không chiến đấu với kẻ thù chung nữa. Nhưng nghịch lý là khi nó làm Paul bớt nản chí thì lại khiến anh thêm bối rối. Anh đã có thể hành động, nhưng làm thế nào và bắt đầu từ đâu? Trong khi đang suy ngẫm, một ý nghĩ bỗng xẹt qua đầu Paul. Anh quay phắt sang phía Juliette.

- Cô nói là chúng nghe lén các cuộc điện thoại của bọn tôi à?

- Joachim đã nói với tôi như thế.

Paul nghĩ tới Kerry. Cô đã gọi tìm người bạn từ điện thoại khách sạn.

Anh đứng dậy, tiến lại gần khung cửa kính. Nhiều chiếc taxi đang chờ khách ở phía trước sảnh khách sạn. Cách đó một quãng, ở một làn đậu xe khác, có một chiếc xe hơi nằm tách biệt. Người tài xế đang đứng gần cổng xe ra, trong tay là một chiếc bộ đàm. Paul cảm thấy đã nhận ra chiếc xe: đó là chiếc đã chở họ từ sân bay về khách sạn. Anh tự hỏi liệu có phải cũng là nó đã đưa Kerry đi hay không. Cô đã ghi lại địa chỉ và số điện thoại của người bạn ở đâu đó. Anh đảo mắt tìm xem tập giấy vàng dùng để ghi chú có còn nằm trên bàn làm việc nữa không, nhưng không thấy. Chắc là cô đã mang nó theo cùng.

Về phần mình, Juliette theo đuổi một suy nghĩ khác. Cô quay lại với Harrow và kế hoạch của hắn, nhắc cho Paul nhớ là họ không chỉ có một, mà có những hai vấn đề cần phải giải quyết, với cùng tính chất cấp bách và mức độ khó khăn như nhau.

- Tôi không biết liệu Harrow có bắt đầu hành động mà không có tôi hay không. Bọn chúng tìm kiếm tôi khắp nơi. Nhưng nếu không bắt lại được tôi, thì chúng cũng sẽ tìm ra một giải pháp khác. Khâu chuẩn bị của bọn chúng đã tiến rất sâu rồi, nên không thể chờ đợi thêm nữa.

Giữa sự lo lắng vì để Kerry gặp nguy hiểm lớn và trách nhiệm ngăn chặn Harrow gây ra thảm họa, Paul cảm thấy động lực thúc đẩy anh hành động quá mãnh liệt đến mức anh gần như bị tê liệt vì nó. Đi theo dòng suy nghĩ của mình, Juliette rớt cuộc cũng kéo sự ưu tiên của anh về phía cô.

- Nếu tôi không còn đơn độc nữa, - cô nói, - thì tôi có thể dừng hành động đó lại...

- Như thế nào?

Juliette nhắm mắt lại tựa như đang cố đọc trong đầu mình một ý tưởng mà rõ ràng cô đã nghĩ ra được một lúc nhưng chưa có hình dung rõ ràng về nó.

- Bằng cách quay trở lại đó. - Juliette nói.

- Quay về đâu?

MÙI ADAM

- Về với Harrow.

Cô đứng dậy, đi vài bước trong phòng, tay vung vẩy, rồi cô hát mái tóc qua vai và mỉm cười trình bày kế hoạch của mình, mắt ngời sáng.

- Khi bọn chúng nhìn thấy tôi quay về, tôi sẽ giải thích là tôi hơi bị khủng hoảng một chút nên đã đi dạo trong thành phố, rằng hoàn cảnh sống khổ cực của những người dân tại đây đã làm tôi nóng đầu lên, rằng tôi đứng về phe bọn chúng. Chúng sẽ tái kích hoạt chiến dịch với tôi. Như vậy tôi sẽ biết khi nào và ở đâu mọi chuyện sẽ diễn ra, và báo cho anh biết trước.

- Bằng cách nào?

- Nhờ Joachim, - Juliette bác bỏ câu chất vấn bằng một cử chỉ nôn nóng. - Việc đó sẽ giúp cho anh và trụ sở có thời gian tổ chức điều gì đó.

- Trụ sở của tôi! - Paul rên rỉ.

Dĩ nhiên Paul chưa hề giải thích với Juliette là anh đang ở trong tình trạng mới quay lại Providence sau lệnh cấm và chỉ nhận được sự trợ giúp lén lút, nhờ có Barney. Hơn nữa, từ sau khi đến Rio, anh nghĩ mình đã quên gửi cho Barney một tin nhắn để báo cho ông biết anh đang ở khách sạn nào. Lúc sắp chia sẻ thông tin này với Juliette, nét mặt của cô khiến anh phải nghĩ lại. Anh đọc thấy trong đó sự quyết tâm và dũng cảm đến mức anh thấy hổ thẹn vì sự nhụt chí của mình. Xét cho cùng, anh đã có toàn bộ các lá bài trong tay. McLeod, khi đưa anh và Kerry vào cửa tử ở Brazil, đầu thế nào tưởng tượng nổi hai hạt cát này đang len lỏi vào trong cỗ máy hoàn hảo của nhóm ông ta. Anh đã có đủ đạn dược để chiến đấu và chiến thắng. Anh thậm chí cũng có thể hy vọng làm Archie đổi ý.

- Ok. - Anh nói. - Chúng ta không còn cách nào khác.

Sự nghi ngại mà anh để lộ trong giọng điệu, dù không muốn, rõ ràng cho thấy Juliette không thể kỳ vọng một sự thành công trăm phần trăm. Điều này đồng nghĩa với việc cô đang cực kỳ mạo hiểm và có thể mất mạng. Cô hoàn toàn hiểu điều đó, nhưng trên khuôn mặt cô vẫn rạng lên một nụ cười. Đó là một nụ cười mỉm, tuy nhiên

khi dân ra, nó bộc lộ một biểu hiện khác, tựa như những cảnh trí sân khấu vậy, lúc thay đổi nhẹ nhàng tiền cảnh ta sẽ làm lộ ra các bối cảnh phía xa hơn, với một độ sâu không cần phải bàn cãi. Nếu có thời gian để suy ngẫm trong đầu, Paul đã có thể khẳng định đó là biểu hiện của một sự khiêm nhường tuyệt đối. Chữ “khiêm nhường”, dù chưa thực sự thành hình, đã khiến anh nhớ lại một câu mà McLeod đã nói với anh:

“Người khiêm nhường tiến về phía bầy ác thú”. Đó là đoạn đầu của câu trích dẫn mà lão già ti phú đã nói. Paul nhớ còn một đoạn tiếp theo, đề cập đến mùi hương của Adam, nhưng không thể nào nhớ ra những chữ nằm giữa hai đoạn đó. “Con người khiêm nhường tiến về phía bầy ác thú”, anh nhắm lại trong lúc nhìn Juliette. Cô sắp sửa tự nguyện tiến lại gần Harrow và đồng bọn của hắn, một hành động khiến anh ngưỡng mộ.

- Thôi được. - Anh nói.

Cô đưa tay nắm lấy tay anh. Paul đứng dậy, ôm lấy vai Juliette và siết cô vào lòng. Anh cảm thấy ngực cô ép vào anh qua lần vải áo. Ham muốn mạnh mẽ của anh trong khoảnh khắc này là không thể che giấu được, nhưng anh không ép cô kéo dài cái ôm ghì ấy. Dường như cô thu lấy sức mạnh đàn ông đó để nạp đầy cho mình, đồng thời tích trữ lại để củng cố sự can đảm của cô. Rồi cô rời anh ra và tiến về phía cửa phòng.

- Để rời khách sạn, - cô nói, - anh phải đi theo hành lang của nhân viên. Tôi đã vẽ lại sơ đồ đường ra cho anh. Khi ra đến ngoài đường, anh hãy mua một cái điện thoại Brazil và gọi cho Joachim để báo cho anh ấy biết anh đang ở đâu. Số điện thoại của anh ấy có ghi trên sơ đồ.

Juliette đưa cho Paul một mảnh giấy gấp tư. Anh nhét nó vào trong túi quần đùi.

- Anh sẽ được thông báo ngay khi tôi biết được thời điểm chiến dịch bắt đầu.

Juliette mỉm cười với anh một lần cuối, lần này máy móc hơn,

MÙI ADAM

như thể đầu óc cô đã bắt đầu bận tâm vào điều sắp làm. Rồi cô biến mất trong hành lang, khách sạn.

Paul đứng yên một lúc lâu, lòng đầy xúc động và rối bời vì sự xuất hiện rồi biến đi đột ngột ấy.

IX

Rio de Janeiro, Brazil.

Chẳng có ai dễ đánh lừa hơn một gã cớm. Juliette biết đủ rõ những con đường nhỏ của các khu phố nghèo để đến được khách sạn Laranjeiras mà không bị phát hiện. Nhưng để làm cho sự quay về của mình đáng tin hơn, cô quyết định để cho mình bị bắt. Thế là cô vào một nhà trọ ở khu Botafogo, hỏi thuê một buồng với tên họ thật. Qua cái nhìn của nhân viên tiếp tân, Juliette hiểu anh ta đã được gửi một thông báo tìm kiếm, giống như mọi khách sạn khác. Cô thấy anh chàng biến đi một lúc, chắc là để bí mật gọi điện. Mười lăm phút sau, trong khi cô đang nằm dài trên chiếc giường ọp ẹp ở phòng số 6, cánh cửa phòng bỗng bị đá tung. Một tốp cảnh sát vũ khí lăm lăm trên tay ủa vào phòng, đi đầu là một người đàn ông nhỏ thó đầy đà với mái tóc đen cắt ngắn xoắn tít. Juliette để cho họ bắt mình mà không hề kháng cự, nhưng cố tỏ ra sợ hãi và ngạc nhiên. Toán cảnh sát đẩy cô lên phía sau một chiếc xe hòm có cửa lắp chấn song. Chiếc xe hú còi chở cô băng qua thành phố đến một tòa nhà nằm cách vịnh không xa. Cô đi qua các hành lang, nơi những gã thanh niên bị còng tay đang hồ hững đứng chờ cùng với vài cô gái điếm. Sau khi leo lên một cầu thang nhỏ và băng qua một vài hành lang khác, họ đến một cánh cửa có ghi hàng chữ "Divisão criminal". Người đàn ông nhỏ thó gõ cửa. Cửa mở ra ngay, cho thấy một văn

phòng rộng rãi, tường trét xi măng trần trụi, có độc một chiếc bàn chất đồng giấy tờ và vài chiếc ghế nằm lộn xộn. Juliette nhìn thấy ba người đàn ông, một trong số họ mặc đồng phục cảnh sát. Hai người kia là Harrow và Zé-Paulo.

Bọn họ tra hỏi Juliette trong hơn một tiếng đồng hồ. Harrow không đặt bất kỳ câu hỏi nào. Hắn chỉ chiếu tướng cô bằng ánh mắt xanh, trong đó không thể đọc được điều gì khác ngoài sự thù hận.

Cô bám chắc vào kịch bản đã chuẩn bị sẵn. Nỗi sợ hãi là nguyên nhân duy nhất thúc đẩy cô trốn chạy. Cô đã cố gắng mà đi thẳng, bị lôi kéo bởi một nỗi kinh hoàng không lý giải nổi. Có lẽ đó là do ngày quyết định đang đến quá gần, cộng với sự chờ đợi mòn mỏi và những hoảng loạn trong tình cảm (Cô liếc sang phía Harrow nhưng không nói thêm). Các cảnh sát đứng gác dưới đường mãi buôn chuyện nên không để ý thấy cô, khi cô đi qua chỗ họ. Đêm đó cô đã ngủ dưới một hiên nhà, nằm luôn trên mặt đất, các khách bộ hành hiếm hoi đi ngang qua đã tưởng lầm cô là một con ăn mày. Không, cô đã không trò chuyện với một ai. Không, chẳng có ai tiếp cận cô cả. Cô không có kế hoạch nào hết. Tại sao lại chọn khách sạn nhỏ ở Botafogo nơi người ta đã tìm thấy cô ư? Do ngẫu nhiên thôi, vì cô đã quá mệt. Cô hy vọng họ vẫn tiếp tục tin tưởng ở cô. Cô đang mong muốn hành động hơn lúc nào hết. Chỉ cần chuyện đó xảy ra nhanh hơn, bởi vì cô không thể chịu đựng nổi sự chờ đợi và tình trạng mập mờ này nữa.

Sau một giờ đồng hồ, viên sĩ quan cảnh sát đưa vào phòng hai nhân viên cảnh sát đã đứng ngoài hành lang, giao Juliette cho họ trong khi ông ta rút sang một căn phòng bên cạnh. Zé-Paulo đi theo, với thái độ hơi buồn cười của một công tố viên đang đòi án tử hình, cùng với Harrow, vẻ mặt hắn không thể diễn giải được.

Vài phút sau đó, bọn họ quay trở lại. Zé-Paulo có vẻ bức tức và phật ý. Rõ ràng là ông ta đã không thuyết phục được hai người kia sau cuộc trao đổi. Lần này người lên tiếng là Harrow. Hắn xích một chiếc ghế lại gần chỗ Juliette, rồi cầm lấy tay cô, cúi đầu.

MÙI ADAM

- Tốt rồi, - Hấn nói. - Chúng ta sẽ quay về khách sạn. Cô không cần phải chờ đợi nữa. Chúng ta sẽ khởi động chiến dịch ngay tối nay, khi màn đêm xuống.

♦ ♦ ♦

Sau khi Juliette đi khỏi, Paul dành nửa tiếng để chứng tỏ sự hiện diện của mình với những kẻ theo dõi. Anh gọi phục vụ phòng đem lên một chai Coca-Cola, tì tay lên cửa sổ ngay trước mắt những gã lái xe giả danh đang quan sát anh từ bên dưới với máy bộ đàm lộ liễu trong tay. Anh gọi nhiều cuộc từ máy cò định tới một nha sĩ, một công chứng viên, một ông thầy bói bài. Lần nào anh cũng kiên nhẫn giảng giải với người đối thoại nói tiếng Anh bập bẹ rằng anh vừa mới đến Rio, rằng hôm nay anh dành để nghỉ ngơi và hẹn gặp những người kia vào các ngày tiếp theo. Các chi tiết này chắc chắn sẽ được truyền qua những kênh thông tin truyền thống vừa nhanh nhậy vừa năng nổ của trò theo dõi đối tượng. Các thiên thần hộ mệnh của anh chắc chắn sẽ có việc để làm trong một ít lâu. Anh có thể hành động được rồi.

Juliette đã cho Paul biết là không có ai theo dõi anh trên tầng. Anh ra khỏi phòng hoàn toàn thuận lợi, đi theo hành lang nhưng thay vì dừng lại ở thang máy, anh đi tiếp đến cánh cửa có đề chữ "Dành cho nhân viên". Đúng như lời dặn, Paul ôm theo một bó hoa to. Juliette nói với anh là luôn có hoa trên một cái bàn nằm ở cuối hành lang, và hoa được thay mới thường xuyên. Cô đã giải thích với Paul là để đi lại trong những đường hầm của một tòa nhà giống như Oceania, anh luôn phải tỏ ra có công có việc. Giấu mình sau bó hoa to tướng, anh nhập vai một cách hoàn hảo. Tập thể các bà dọn phòng, nhân viên giao hàng và các cậu buồng bàn khuất mặt sau bó hoa đi lại trong những đường ống tối mò và những cầu thang bẩn thỉu, nơi mà lớp nhung lụa đẹp đẽ trong những hành lang dành cho khách biến mất, nhường chỗ cho các món trang trí đơn sơ bao gồm còi báo cháy, xe dọn phòng và những thùng sơn.

Paul làm theo những chỉ dẫn của Juliette. Không ai thắc mắc gì với anh, và anh đi trót lọt qua cánh cửa bật ra chỗ mấy cái thùng rác của khách sạn. Anh đi theo một con hẻm nhỏ ra đại lộ buôn bán sầm uất chạy suốt dọc Copacabana, phía sau các tòa nhà nằm sát mặt biển. Anh vẫy một chiếc taxi và bảo tài xế chở mình vào trung tâm thành phố. Tại đại lộ Rio Branco, anh mua một chiếc điện thoại di động có con chip dùng được trên toàn thế giới. Ngồi trên ghế băng, anh gọi cho Barney ở Providence.

Tycen nhắc điện thoại. Anh chàng hét lên khi nghe thấy giọng nói của anh.

- Chúng tôi tìm anh khắp nơi! Sao anh không liên lạc từ lúc đến Brazil?

Paul tóm tắt cho cậu ta nghe qua tình hình.

- Barney ngờ rằng đây là một cái bẫy, - Tycen nói. - Cả Archie cũng thế.

- Archie! Ông ấy biết chúng tôi đang ở đây à?

Tycen nhận ra Paul chưa biết những diễn biến sau cùng ở Providence. Anh chàng liền kể lại cho Paul nghe sự xuất hiện của Lawrence, cuộc nói chuyện giữa Barney với Archie và sự đối ý của ông sếp lớn.

- Bây giờ họ đang ở đâu?

- Trên máy bay tới Rio.

- Cả hai người à?

- Vâng.

- Họ đến lúc mấy giờ?

Tycen múa ngón tay trên bàn phím:

- Mười một giờ rưỡi, giờ địa phương, tại sân bay Galião.

Liếc nhìn đồng hồ đeo tay, Paul nhận ra đã mười một giờ kém mười.

- Tôi sẽ ra đón họ. - Anh nói.

Rồi anh cúp máy và nhảy lên một chiếc taxi.

MÙI ADAM

♦ ♦ ♦

Kerry băng qua Rio bằng taxi đúng vào thời điểm tồi tệ nhất: buổi sáng, khi trời còn mát và tất cả dân chúng từ các khu vực ngoại ô chen chúc nhau trên các con đường cao tốc để đến văn phòng làm việc. Phòng khám của cô bạn Deborah nằm ở phía bên kia cầu Niteroi, trong một khu toàn biệt thự. Những cây cối được mưa tưới mát và tấm nắng nhiệt đới làm vĩa hè thật rực rỡ. Đằng sau cánh cổng sắt có thể trông thấy những mảnh vườn trồng xoài và chanh. Sau mười hồi chuông, một phụ nữ da đen khoác áo blouse may bằng vải chéo có vẻ giống đồng phục của nhân viên y tế ra mở cửa, nhưng không cho cô vào. “Độc tử” không khám bệnh ngày thứ năm. Có chờ cũng vô ích. Bà ta không có số điện thoại di động của Deborah. Người phụ nữ cung cấp cho cô các thông tin rất qua loa trong lúc nhìn Kerry với con mắt nghi ngờ pha lẫn khinh thường. Rõ ràng bà ta cho rằng tình trạng tâm thần bất ổn của những kẻ lui tới phòng khám này không nằm ở những vấn đề họ thường phàn nàn, mà chính là ở việc chấp nhận chi trả những khoản tiền kêch sù cho một người nào đó chỉ để được người ta lắng nghe mình. Sau khi thuyết phục một hồi, Kerry cuối cùng cũng tìm được một lý lẽ tỏ ra đủ hợp lý đối với bà nhân viên để bà ta miễn cưỡng trả lời. Cô hỏi bà ta xem Deborah (bà “độc-tử”) có làm việc ở bệnh viện không. Thông tin này không có gì sai lạc, mà chỉ càng làm tăng thêm sự kính trọng mà cô chủ nhà đã tạo ra nơi bà già giúp việc. Bà giúp việc đáp rằng quả thực “độc-tử” có khám tại bệnh viện của các nữ tu ở Graças. Bà không biết lúc nào, cũng như trong khoa nào, nhưng ít ra thì Kerry cũng có được một manh mối.

Chiếc taxi đang đậu ở cách đó hơi xa. Cô quay lại xe và hỏi người tài xế xem anh ta có biết cái bệnh viện kia không. Anh ta bảo không, nhưng khi đến khu Graças anh ta sẽ có thể dễ dàng tìm thấy người nào đó để hỏi đường.

Họ lại mất thêm một tiếng đồng hồ đi xe, len lỏi qua các điểm unction để sang bên kia bờ vịnh. Thời gian trôi qua vừa quá nhanh lại vừa

quá chậm. Chậm vì Kerry đang rất sốt ruột khi đi theo hướng này. Cô biết họ đang bước vào một cuộc chạy nước rút và thảm họa có thể nổ ra vào bất cứ lúc nào. Quá nhanh bởi vì những giờ phút cuối cùng của nhiệm vụ, sự nôn nóng, căng thẳng và lo lắng này đặt cô vào một tình trạng sợ hãi mà đã lâu cô không gặp, và có thể sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Kerry cảm thấy mình như một người đang sống những giờ phút cuối cùng trên một đất nước, thăm nhuần nó, cảm thấy hoàn toàn thoải mái với nó, nhưng biết rằng ngày hôm sau sẽ phải rời xa nó. Ở Graças, tài xế dừng xe trên một quảng trường nhỏ, nơi có các cặp sinh viên đang ngồi, uể oải ve vãn nhau. Người lái xe đi tìm một ai đó có thể chỉ đường đến bệnh viện. Kerry ngả đầu trên lưng ghế và nhắm mắt, không cưỡng lại được cơn buồn ngủ do sự thay đổi múi giờ liên tục trong những ngày vừa qua, cùng với các đêm thiếu ngủ và nỗi lo lắng trong lòng.

Sự mới mẻ đã khiến cho Kerry trở nên sốt ruột, nhạy cảm hơn với màu sắc, bối cảnh, không khí sinh hoạt mà ít cảnh giác hơn. Cũng như Paul, cô không để ý thấy chiếc xe chở mình từ khách sạn đậu tách biệt với đoàn xe taxi. Và cô cũng không lo lắng mấy vì sự vắng mặt hơi lâu của người tài xế. Cô đâu có hình dung nổi là anh ta đang giấu mình sau một góc phố để nói chuyện qua bộ đàm với những kẻ giấu mặt đã giao cho anh ta nhiệm vụ canh chừng Kerry.

Khi quay lại, người lái taxi cho biết anh ta đã tìm ra địa chỉ của bệnh viện. Kerry chỉ nghĩ rằng anh ta đã làm điều mà cô yêu cầu.

Họ lại mất một khoảng thời gian khá dài để đến được bệnh viện, nhưng vì không biết rõ thành phố này nên Kerry chỉ nghĩ đó là do hệ thống đường sá rối rắm kém tiện dụng cùng với dòng xe cộ chạy như rùa bò. Rốt cuộc họ cũng đến được một tòa nhà xây bằng gạch đỏ, không có biển hiệu gì cả. Chỉ có một hàng dài những người nghèo đứng chờ trước một cái cửa mới khiến người ta nghĩ đây là nơi chăm sóc y tế miễn phí. Kerry mất một lúc để đi tìm người có thể nói được tiếng Anh. Cô tìm thấy một nữ tu bệ vệ trong bộ đồ trắng, trên đầu là cái mũ vải gấp nếp, dấu hiệu của cấp bậc, hoặc của

MÙI ADAM

công việc y tá. Bà nhìn Kerry khinh bỉ, vẻ không hài lòng thể hiện ra mặt, đặc biệt chú ý vào mái tóc xõa tung của cô.

Bà tu sĩ chỉ cho Kerry khoa tâm lý nằm ở tầng ba. Kerry theo cầu thang trải vải nhựa lên đến một chiều nghỉ vắng lặng. Một hành lang dài có những cánh cửa phòng giống nhau, không có bảng tên, chạy suốt tòa nhà cho đến tận ô cửa sổ hơi khuất sau một chậu cây cọ. Cô có thể chờ đợi một người nào đó đi ra hoặc tự mình mở cửa đi vào, với nguy cơ làm gián đoạn việc khám bệnh. Cô nhìn đồng hồ: đã hai giờ rưỡi chiều. Không còn nhiều thời gian nữa. Cô mở cánh cửa đầu tiên và đi vào một căn phòng không người, chỉ có một cái bàn cùng hai chiếc ghế. Cô tiếp tục mở cánh cửa thứ hai, rồi thứ ba, và cuối cùng đến cánh cửa thứ tư thì gặp một bác sĩ đang chú ý lắng nghe một bệnh nhân rất già. Ông già vẫn tiếp tục nói mà không nhận ra đã có người khác vào phòng. Vị bác sĩ không tỏ ra bất bình, chỉ tạm ngừng việc khám bệnh. Anh đứng dậy, đến chỗ Kerry rồi ra ngoài hành lang cùng với cô.

- Xin lỗi anh, tôi tìm một trong những người đồng nghiệp của anh. Đây là một việc rất quan trọng.

Tay bác sĩ hỏi tên người mà Kerry đang tìm kiếm rồi suy nghĩ một lúc.

- Đó không phải là một bác sĩ, - Anh đính chính, tỏ vẻ hơi khó chịu một chút. - Deborah chỉ là một nhà tâm lý học thôi. Cô ấy đến đây vào mỗi sáng thứ tư, nếu tôi không nhầm.

Hôm nay là thứ năm.

- Anh cho biết, liệu tôi có thể tìm cô ấy ở đâu không?

- Cô chờ tôi một lát.

Anh trở vào trong phòng khám, cầm lấy một cuốn danh bạ photo nằm bên dưới điện thoại rồi vừa lật giờ vừa quay ra.

- Đây rồi. - Anh hớn hờ tuyên bố.

Tay bác sĩ đọc một địa chỉ rồi chia trang danh bạ cho Kerry xem để cô có thể nhìn được mặt chữ. Đó là con đường của phòng khám tư mà cô đã đến hồi sáng, cùng với số điện thoại mà cô đã gọi nhưng không được.

- Anh không có địa chỉ nhà riêng à.
- Tôi rất tiếc, tôi không chơi thân với cô ấy. Đây là tất cả những gì tôi có thể giúp cô được.
- Thế ở đây có ai khác...? - Cô nói, khoát tay chỉ những cánh cửa còn lại.

- Cũng chẳng ai biết nhiều hơn đâu, tôi e là thế. Chúng tôi là những bác sĩ hành nghề tự do và có rất ít liên hệ với nhau.

Kerry cảm ơn tay bác sĩ rồi đi xuống. Lại một con đường chẳng dẫn tới đâu. Cô thấy nổi chán nản trong mình đang lên cao.

Tại tầng trệt, bà tu sĩ đã biến mất. Nhưng trong sảnh có một người đàn ông đang đi tới đi lui, điện thoại kề tai. Đó là một người Brazil có làn da xám xịt, ăn mặc bánh chọi với bộ comlê trắng và chiếc áo sơ mi cắt khéo phanh ngực.

- Cô tìm gì sao, thưa quý cô? - Anh chàng gấp điện thoại lại, mở lời.

Kerry không hiểu câu đó là gì vì anh ta nói tiếng Bồ Đào Nha. Nhưng nhờ cái giọng điệu ga-lăng hơi tức cười của anh ta, cô có thể đoán ra nghĩa thật và cả nghĩa ngầm của nó. Tuy vậy, cô không thể bỏ qua bất kỳ sự giúp đỡ nào.

- Tôi tìm một nhà tâm lý làm việc ở đây các ngày thứ tư. - Cô đáp bằng tiếng Anh.

- Cô ấy tên gì?

Chắc anh ta đã học tiếng Anh ở Florida hoặc Texas, vì cách phát âm kiểu Mỹ của anh ta được pha lẫn với âm sắc Carioca bản xứ.

- Deborah! - Anh ta thốt lên khi cô nói với anh ta tên của người mà cô đang tìm kiếm. - Nhưng cô ấy là một người bạn rất tốt.

Nhận thấy sự ngạc nhiên và một chút nghi ngờ trong nét mặt của Kerry, anh chàng vội vàng giải thích là mình cũng khám bệnh ở đây, nhưng trong một khoa khác.

- Tôi là bác sĩ thần kinh. Deborah và tôi cùng làm việc nhiều năm ở đại học. Cho phép tôi tự giới thiệu. Tên tôi là Mauro Mota.

- Anh có biết... địa chỉ nhà riêng của cô ấy không?

- Dĩ nhiên rồi. Chúng tôi cùng ăn tối với nhau hồi tuần trước.

MÙI ADAM

Thật là một cuộc gặp gỡ may mắn. Kerry dù có hơi nghi ngại cũng không dám tỏ ra nghi ngờ và đòi các bảo đảm hay bằng cứ.

- Anh có thể cho tôi địa chỉ được không? Tôi cần gặp cô ấy rất gấp.
- Chắc chắn rồi. Nhưng chúng ta nên gọi cho cô ấy trước cái đã. Tôi không chắc cô ấy có nhà vào giờ này.

Anh ta bấm một số điện thoại. Khi có một người trả lời, anh hỏi nhiều câu bằng tiếng Bồ Đào Nha, rồi cúp máy.

- Cô ấy sẽ có nhà vào lúc năm giờ chiều.
- Nhà Deborah ở đâu?
- Cô có xe hơi không?
- Có một chiếc taxi đang đợi tôi ngoài cửa.

Tay bác sĩ bấu môi.

- Taxi thì không tìm ra được đâu. Cô ấy ở trong một căn biệt thự nằm trên đồi Corcovado, một nơi rất quyến rũ. Nhưng ở đó địa chỉ lung tung lắm. Phải biết đường mới được.

Anh ta nhìn đồng hồ.

- Đã gần ba giờ rồi. Tôi ở cũng không xa chỗ đó. Vì tôi đã khám bệnh xong, nên tôi có thể cho cô đi quá giang, nếu cô muốn.

Xét cho cùng thì cô mất gì kia chứ? Anh chàng là một tay sát gái, nhưng cô đâu còn ai khác mà nhờ, và lại anh ta cũng có vẻ không mấy nguy hiểm.

- Thế thì tốt quá. Tôi sẽ đi với anh, nếu anh không phiền.

Họ ra khỏi khu khám bệnh. Kerry lại gần chiếc taxi. Mauro Mota vượt lên trước, chìa một tờ giấy bạc ra cho người lái taxi và lạnh lùng xua anh ta đi.

- Xe tôi đậu dưới kia một chút.

Anh ta đưa cô đến một nhà để xe nhiều tầng nằm giữa hai tòa nhà. Người gác cổng vừa nhìn thấy anh ta liền chạy đi tìm chiếc Lexus đen và lái nó đến ngay trước mặt ông chủ xe, vắn đề máy xe chạy.

- Chúng ta còn một tiếng đồng hồ trước khi Deborah về nhà. Tôi mời cô một cốc nhé?

Kerry không ngạc nhiên khi gã tay chơi này đề nghị cô tiêu thời gian kiểu đó. Xét theo con người anh ta thì điều này là hợp lý và cô chẳng có lý do gì để từ chối cả. Anh ta đưa cô đến cái hồ nằm cạnh chân đồi Corcovado nơi có bức tượng Chúa Cứu thế trên đỉnh. Họ vào một quán cà phê hợp thời và có vẻ đứng đắn, hơi mang phong cách New York với các anh chàng bồi bàn mặc sơ mi đen.

- Tôi xin lỗi, - Kerry nói trong khi ngồi xuống. - Bạn tôi đang ở khách sạn. Tôi sẽ gọi cho anh ấy để xem liệu anh ấy có đến ngồi với chúng ta được hay không.

Cô thấy thích thú trước phản ứng của anh chàng ga lăng. Anh ta cư xử cực kỳ khéo, không hề tỏ ra bức mình mà đưa ngay điện thoại cho cô gọi. Kerry bấm số khách sạn, yêu cầu nối máy vào phòng của Paul nhưng không có trả lời.

- Anh ấy không có ở đó, - cô nói sau khi cúp máy. - Thôi kệ, không cần anh ấy cũng được.

Lạ một điều là tay bác sĩ tỏ ra bối rối trước thông tin này hơn là khi nghe nhắc tới sự tồn tại của Paul. Nhưng sự ngạc nhiên của anh ta nhanh chóng biến mất, và anh ta lại tiếp tục cuộc đối thoại một cách tự nhiên. Họ gọi cocktail và trò chuyện bằng quơ. Kerry giải thích rằng cô đang đi du lịch ở Brazil, và cố tỏ ra quan tâm đến những thông tin hấp dẫn của Rio, những địa danh, các buổi biểu diễn nghệ thuật và lễ hội carnival của nó.

Sau khoảng mười lăm phút, Mauro Mota xin phép cô rời đi về phía cuối quán cà phê. Cô chờ đợi anh ta trong lúc suy nghĩ đến những điều cô sẽ hỏi Deborah. Việc tìm ra cô bạn cho đến giờ vẫn là mối bận tâm duy nhất của cô. Lúc này, khi cô đã tiến rất gần đến điều đó cô mới nhận ra vẫn còn nhiều việc quan trọng hơn cần phải làm. Làm thế nào để lần ra Harrow với sự giúp đỡ của Deborah đây? Ý định của cô là tiếp cận Oswaldo Leite, người có vẻ như là đầu mối hành động của phi vụ tại Brazil. Deborah xuất thân trong một gia đình có gốc gác, trong nhà có nhiều người làm chính trị và nhiều nhà tài phiệt lớn. Nhưng giả sử như cùng với sự giúp đỡ của cô ấy,

MÙI ADAM

Kerry có thể tiếp cận được Oswaldo, thì cô sẽ phải làm thế nào để dọa nạt ông ta, hay ít ra là gây áp lực với ông ta?

Trong khi cô đang chìm trong suy nghĩ thì Mota gọi điện thoại ở trong căn phòng phía sau quán, che bằng một tấm màn.

- Ông có biết hắn đã đi rồi không?

- Chúng tao vừa biết, - đầu dây bên kia trả lời. - Hắn đã đường hoàng đi ra mà chẳng ai phát hiện. Nhưng chúng tao sẽ lo liệu hắn. Hắn không thể đi xa được đâu.

- Thế tôi làm gì đây?

Đầu dây bên kia im lặng.

- Chúng tao sẽ dựng lên một thứ gì đó cho hắn sau khi tìm thấy. Trong lúc chờ đợi, mày cứ tiếp tục mọi việc như đã định, mặc dù chỉ có một mình cô ta thôi.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

X

Rio de Janeiro, Brazil.

- Cô thấy thế nào?

Hơi thở của Zé-Paulo có mùi bạc hà. Chắc được ai đó nhắc khéo, nên ông ta cứ tưởng là sẽ đỡ hơn nếu thêm cái mùi kẹo kinh tởm kia vào thứ mùi mà ông ta phả ra. Juliette quay mặt đi.

- Tôi ổn.

Đúng vậy thật. Cô chưa bao giờ có cảm giác này. Cô cần nhắc sự mong manh của nó. Rõ ràng nó rất phù du. Nhưng dù sao thì nó vẫn đang còn đó và cần phải tận dụng.

Chiếc xe hơi đến: khách sạn Laranjeiras đón Juliette vào lúc năm giờ chiều. Cô vào xe cùng với Harrow và Zé-Paulo. Cô hiểu rằng

mình đã làm cho họ sợ. Họ đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng để cô trở thành một nữ chiến binh cảm tử. Và trong vai trò đó, cô cảm thấy mình gây ra sự kinh tởm nơi những người xung quanh. Giờ đây cô đã thuộc về thế giới của những người chết.

Khi rời khách sạn, Juliette mỉm cười với Joachim, anh vờ như đang ngủ gà ngủ gật cạnh lối vào, người ngoẹo đi trên chiếc xe lăn. Anh đáp lại bằng một cái chớp mắt kín đáo.

Harrow có vẻ im lặng và trầm ngâm như thường lệ, có thể nhiều hơn một chút. Juliette thậm chí còn tin rằng cô đã thấy hấn hơi run. Nó khiến cô mỉm cười. Từ khi cô quay về, hấn đã đối xử với cô rất dịu dàng. Hấn không tìm cách chạm vào cô, và cô cũng không cố tình khiêu khích chuyện đó. Hấn chỉ tìm cách dùng những câu hỏi cụ thể để tự trấn an mình rằng cô không thay đổi lập trường, rằng cô đã quyết tâm hành động như dự kiến. Khi hiểu ra điều đó, hấn có vẻ nhẹ nhõm.

Trên xe, Juliette ngồi ở phía sau, cạnh Harrow. Zé-Paulo ngồi đằng trước chỉ dẫn cho người lái xe, một người đàn ông nhỏ thó có bộ mặt vuông, đang ôm vô lăng bằng những ngón tay chuối mẩn.

Có trời mới biết vì sao cô lại nhớ tới một trong những bà hàng xóm mà mẹ cô thường dắt cô sang chơi hồi bé. Đó là một người to béo, đi đứng rất khó khăn. Một ngày nọ, cô thấy bà ta thay đổi hấn. Bà tung tẩy trong chiếc váy, đi khắp nơi thông báo rằng mình đã giảm được hai mươi lăm cân nhờ một chế độ ăn kiêng mới. Ba tháng sau, vừa kịp may lại toàn bộ quần áo thì bà qua đời. Chế độ ăn kiêng mới lại chính là căn bệnh ung thư gan. Nó vừa làm bà hạnh phúc vì giảm được cân, lại vừa tước đi mạng sống của bà.

Đầu tiên chiếc xe xuống tận Botafogo, chạy dọc theo bờ vịnh rồi đi vào đường hầm lớn. Đây không phải là con đường ngắn nhất để tới Baixada. Juliette có vẻ lơ đãng và bàng quan, nhưng đồng thời tâm trí cô ghi lại tất cả với sự minh mẫn khiến bản thân cô bất ngờ. Sau đó, họ rẽ phải đi về phía Lagoa, lần theo con đường dốc ngược để lên đến một cánh cổng sắt đồ sộ mở ra ngay khi họ tới gần. Chắc

MÙI ADAM

chấn đó là nhờ cú điện thoại mà Zé-Paulo đã gọi trong khi họ đang chạy trên đường. Cánh cổng mở vào một cái sân lát bê tông, bao quanh bởi các chậu cây. Cuối sân là một tòa biệt thự hiện đại, với tầng hầm có thể chứa đến ba chiếc xe hơi. Hai chỗ còn trống. Họ tiến vào đó. Ngoài sân không có ai, nhưng trong chiếc xe đang đậu có một tài xế ngồi chờ sẵn. Đó là một chiếc xe con bộ Volkswagen. Nước sơn xám của nó đã mất độ bóng loáng và phần dưới của thân xe bị lốm đốm. Zé-Paulo xuống xe đầu tiên, mở cửa chiếc con bộ rồi ra hiệu cho Juliette trèo lên. Ông ta sắp đóng cửa xe thì Juliette chặn lại:

- Ted đi với tôi.

Zé-Paulo nhìn Harrow. Hắn tiến lại chỗ chiếc xe.

- Thôi được, - hắn nói. - Tôi sẽ đi cùng cô ấy. Tôi đã hứa rồi.

Zé-Paulo tỏ vẻ nghi ngờ và phật ý. Nhưng Harrow đã đặt bàn tay lên cánh tay gã người Brazil để trấn an.

- Việc này cũng chẳng làm thay đổi gì đâu. - Hắn hạ giọng nói.

- Nhưng đâu còn chỗ nữa. - Zé-Paulo cau mày.

- Bảo gã lái xe xuống đi. Tôi sẽ lái.

Sau một chút lộn xộn, cuối cùng gã tài xế xuống xe để Harrow ngồi vào chỗ của hắn.

Juliette đã đặt ra điều kiện này vào buổi chiều hôm nay, sau khi cô quay về. Harrow đã chấp thuận một cách dễ dàng vì giải pháp này cho phép hắn theo dõi cô cho đến khi kết thúc, một việc khiến hắn càng thêm yên tâm. Xét cho cùng thì hắn chẳng có gì phải sợ. Tất cả đám cảnh sát trong khu vực đã bị mua chuộc. Không người qua đường nào dám liều mạng lật tẩy hắn, và nếu có thì việc làm chứng của anh ta cũng sẽ bị trôi vào lãng quên. Cuộc điều tra sẽ kết luận rằng Juliette là người duy nhất cầm lái chiếc xe con bộ và không gì có thể bác bỏ được kịch bản đó. Ngược lại, điều cốt yếu là tất cả diễn ra theo đúng kế hoạch đã định và đi đến cùng. Harrow sẽ giám sát nó tốt hơn khi mà hắn ở bên cạnh Juliette, sẵn sàng ngăn chặn mọi sự lạc hướng, ngăn ngại, mọi toan tính phản bội.

Họ lên đường gần như ngay lập tức.

Zé-Paulo đã mở nắp xe đằng trước để chắc chắn là bốn bình chứa đều nằm ở đúng chỗ. Trời tối hẳn khi họ đánh xe ra ngoài và đi theo đại lộ chạy dọc bờ hồ. Tượng Chúa cứu thế được chiếu sáng đang dang đôi tay vĩ đại trên nền trời tối đen để đón nhận tất cả những con người lầm lạc. Lần này thì Harrow đi theo hướng bắc về phía Baixada.

Juliette quan sát khuôn mặt nhìn nghiêng của Harrow đang nổi lên trên nền của những ánh đèn nằm rải đều từ trên các ngọn đồi xuống. Các khu ổ chuột, cô nghĩ bụng, được nhận ra trong bóng đêm nhờ vào những ngọn đèn lác đác không theo trật tự nào, trong khi tại những khu phố giàu có, các tòa nhà được gắn đèn theo hàng lối rất đều đặn.

- Cô có nhớ mình sẽ phải làm gì hay không?
- Ted, em đã lặp đi lặp lại suốt cả tiếng đồng hồ chiều nay rồi mà.

Với một cái bình chứa giống hệt như những cái nằm trong thùng xe, Juliette đã làm đi làm lại những thao tác mà cô sẽ phải thực hiện bên dòng kênh: mở niêm phong an toàn, nhúng bình chứa xuống nước, lật nghiêng nó để dốc mọi thứ bên trong ra dòng nước, rồi đóng nắp và vứt nó vào thùng rác, vùn vùn.

Trời đã đổ mưa mấy đêm vừa rồi. Những đám mây đầy đe dọa dự báo sẽ còn mưa trong những giờ sắp tới. Không khí tĩnh lặng, sự oi bức ngột ngạt không rõ đến từ mặt đất ẩm ướt hay từ bầu trời đông bão. Với tiếng máy nổ như súng tiểu liên, chiếc xe con bỏ hùng dũng tiến đến chỗ những vết bánh xe đầu tiên đánh dấu lối vào của Baixada.

Thời điểm đã được lựa chọn cẩn thận. Chiến dịch hành động sẽ diễn ra trong khi trời nhá nhem tối. Sự cảnh giác của mọi người vào giờ này là lỏng lẻo nhất. Hơn nữa, vào những giờ đầu tiên của buổi tối, nhiều người sẽ xuống kênh để tắm cho kín đáo, rồi lấy nước về nấu nướng. Sự lây nhiễm sẽ diễn ra ngay lập tức. Màn đêm chỉ càng giúp cho việc loại bỏ Juliette trở nên dễ dàng và kín đáo hơn.

Lúc này, mặt trời đang nằm sát chân trời chẳng chịt dây điện và các cột gỗ, làm lớp bùn nhuộm màu đỏ ối và hắt những tia sáng cuối

MÙI ADAM

cùng lên các mái tôn của khu ổ chuột. Harrow cứng người lại, giống như mọi lần, khi hấn tiến vào một vùng hoang mạc. Còn Juliette thì ngược lại, cô có cảm giác như được về nhà.

♦ ♦ ♦

Kerry và anh chàng ga lăng nán lại quán cà phê lâu hơn thời gian dự tính một chút. Mota gọi đến nhà Deborah nhiều lần, nhưng cô vẫn chưa về nên cứ sau mỗi lần thì anh chàng lại đề nghị đợi thêm một chút trước khi lên đường. Kerry rất sốt ruột nhưng cô không có cách nào đẩy nhanh sự việc cả. Mota làm cô bức mình, và cái trò cưa cẩm bằng những câu chọc cười và bóng gió của anh ta chỉ thất bại thảm hại. Cuối cùng, cô giải quyết nó bằng cách lái anh ta sang chuyện chính trị. Cô hỏi thăm về Oswaldo Leite, cô nghe nói đó là người có khả năng kế nhiệm cương vị tổng thống sau cuộc bầu cử sắp tới.

Mota nói về ông ta với một sự ngưỡng mộ và hăng say, nhưng không tiết lộ gì thêm ngoài những điều Kerry đã biết. Cuối cùng, khoảng năm giờ chiều, anh ta gọi một cú điện thoại cuối cùng. Mota vui mừng thông báo Deborah đã gọi về nhà cho biết cô vừa mới rời tiệm cắt tóc và sắp về trong vòng một tiếng nữa. Không vội vàng, Mota gọi hóa đơn tính tiền, móc tiền ra trả, gọi thêm một cuộc điện thoại dài “về một ca bệnh khó”. Lúc năm giờ mười lăm, họ rút cuộc cũng rời quán bar và đi ra con hẻm nơi có hai người coi xe đang đứng đợi. Một trong hai người đánh chiếc xe hơi của Mota lại, rồi Kerry và anh ta lên đường.

Mật độ xe trên đường rất đông. Đây là giờ tan sở. Kerry tự hỏi liệu cô có chọn sai thời điểm di chuyển, hay Rio là một thành phố lúc nào cũng bị kẹt xe. Cô đã mất gần như cả một ngày giữa biển xe hơi lưu thông với tốc độ rùa bò. Mota bật một CD nhạc Brazil lên và lại bắt đầu huyền thuyên về các nhạc cụ của vùng Đông Bắc quê anh ta. Kerry lúc này đang ít quan tâm hơn bao giờ hết tới sự so sánh âm sắc giữa đàn cavaquinho và đàn violin Sertão.

Cô nhìn mặt hồ đỏ ối với những ngọn đèn đường chung quanh.

Các quả đồi nhuốm một màu xanh thẫm trong khi đỉnh các con dốc đất đỏ sáng rực lên dưới ánh chiều tà gần như chiếu theo phương ngang.

Mota vẫn tiếp tục nói nhiều, nhưng đến cuối hồ, khi họ bắt đầu đi lên con đường vắt vẻo trên sườn đồi Corcovado, anh ta thay đổi thái độ và im bật. Con đường nhựa chật hẹp và tăm tối mà chiếc xe đang đi gần như liên tục bị bao quanh bởi những bức tường cao bảo vệ cho các tư dinh. Đám cây cối nhiệt đới mọc vượt quá tường rào được soi sáng từ bên trong bởi các luồng đèn chiếu. Kerry chỉ còn thấy khuôn mặt nhìn nghiêng của người lái xe, được chiếu sáng từng hồi bởi những luồng sáng gián đoạn ấy. Không còn vẻ lịch lãm, khuôn mặt của Mota bất ngờ mang một sắc thái khác, cứng rắn và đáng lo ngại.

Thình thoảng, tại những khúc cua, con đường chạy ngang qua những lỗ hổng nơi phát ra ánh sáng từ các bóng đèn không chụp và đèn neon trắng, dấu hiệu của những khu ổ chuột.

Lần này người lên tiếng là Kerry. Cô hỏi xem liệu đường có còn xa không, dân ở trong khu này là ai, và Deborah có sợ khi phải đi xe một mình trên con đường này vào buổi tối hay không. Giờ thì Mota chỉ đáp lại bằng những câu trả lời nhát gừng. Anh ta đã thay đổi thái độ, những cái nhìn mặt lịch lãm rơi đi đâu mất, thay vào đó là những nụ cười bí hiểm và có phần đáng sợ.

Càng lên cao, nhà dân càng thưa thớt và họ băng qua những khoảng không gian tối om kéo dài, tương ứng với các khu rừng.

- Không, - Mota gần giọng, không buồn nhìn Kerry, - khu này không được an ninh lắm đâu.

Kerry không nhìn thấy anh ta nhưng có cảm tưởng như Mota đang cười giễu.

- Cô có nghe nhắc tới tay nhà báo người Mỹ đi điều tra về buôn lậu ma túy...

- Hình như có. Anh ta bị làm sao?

- Người ta đã tìm thấy anh ta, bị cắt thành nhiều mảnh nhỏ. Trong một cái thùng.

MÙI ADAM

- Thế rồi sao?

- Ở dưới đó, trong khu ổ chuột dưới kia.

Kerry cảm thấy ruột gan thắt lại. Đó không phải là sự sợ hãi, chỉ là điều cảnh báo cô nên đặt mình vào tình trạng báo động và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với một thử thách bất ngờ, một cuộc chiến đấu.

- Còn trên đường, - Mota nói tiếp, - cũng thường xuyên xảy ra các vụ tấn công và phục kích...

Cô đưa mắt nhìn. Dưới ánh đèn xe, con đường hoàn toàn hoang vắng. Họ đang đi mỗi lúc một chậm.

- Về nguyên tắc, bọn trộm không chỉ muốn tiền bạc của nạn nhân.

Bóng tối không để lọt qua bất kỳ ánh sáng nào nữa.

- Tuy nhiên, - Mota vừa nói vừa cười, lần này là nụ cười thật sự, nhưng theo một cung cách đáng ngại, - người ta không bao giờ thoát được.

Bỗng nhiên, Kerry nhìn thấy ánh đèn pha từ phía xa chiếu ngược lại.

- Nhất là những kẻ quá tò mò... Doc Sách Online

Trước khi Mota kịp nói dứt câu thì Kerry đã hiểu ra. Ánh đèn xe mà cô trông thấy không tiến lại gần và chiếu theo hướng xiên chứ không trực diện. Nó là của những chiếc xe đang đậu chắn ngang đường, xung quanh có nhiều bóng người. Kerry thử mở cửa xe nhưng nó đã bị khóa. Khi cô quay sang Mota, cô trông thấy gã đang lái xe bằng một tay, tay kia giơ lên sẵn sàng đánh cô.

- Ngoan nào, - gã ra lệnh. - Câu này nói bằng tiếng Anh thế nào nhỉ: "Cô tự chui đầu vào miệng cọp rồi".

Còn lâu cô mới sợ. Những từ vừa rồi đã gỡ bỏ cho Kerry mọi ức chế. Cô đã hiểu ra tất cả: ổ mai phục, sự tráo trở của Mota, kết cuộc nguy hiểm không tránh khỏi. Cô Kerry ở Fort Bragg lập tức thay thế cho cô Kerry ngoan hiền và khờ khạo đang ngồi im cho người ta đưa mình vào bẫy.

Nút chặn vẫn còn cách đó khoảng một trăm mét và những tên giết người chưa thể đánh liều nhắm bắn vào chiếc xe trước khi nó ngừng hẳn, vì gã tài xế là người của bọn chúng. Bằng một sự mau

lệ và chính xác khiến Mota không kịp trở tay, Kerry hạ gục hẳn và lao vào giữ tay lái. Chiếc Lexus chao đi trên con đường hẹp. Nó lao qua mái ta-luy mỏng và rơi vào khoảng không. Ở chỗ này độ dốc quá lớn nên mặt đất không có cây to trong phạm vi khoảng hai chục mét. Chiếc xe hơi xé toang các bụi cây nhỏ rồi rơi xuống, bật qua hai thân cây như một quả bóng. Sau đó động cơ xe đập phải một thân cây thứ ba và chiếc xe ngừng lại trong tư thế gần như dựng đứng. Kerry sau khi đã co tròn người lại trong cú rơi thì không việc gì, còn Mota lại không cài dây an toàn. Đầu đập vào kính chắn gió, hắn nằm dài bất tỉnh trên tay lái. Các cánh cửa xe vẫn đang bị chốt chặt. Kerry chồm sang phía Mota và phát hiện thấy một khẩu súng lục treo dưới cánh tay hắn. Cô dùng báng súng đập vỡ cửa kính bên chỗ mình ngồi, rồi trèo ra ngoài qua cái lỗ kính vỡ. Cô cảm thấy cánh tay trái bị mảnh thủy tinh đâm vào.

Phía bên trên, những chiếc đèn pin quét loang loáng trên con đường. Kerry nghe thấy tiếng bước chân chạy trên lớp nhựa đường cùng với những tiếng la hét. Đất rừng giữ lại nước từ những trận mưa vừa nhảy nhua lại vừa trơn trượt. Bấu víu vào hết thân cây này đến thân cây khác, Kerry bắt đầu leo xuống dốc trong màn đêm đen kịt, bất chấp đau đớn.

XI

Rio de Janeiro, Brazil.

Chiếc xe con bọ tử thần chậm chậm lần ngược con đường cái dài dang dặc của Baixada. Harrow và Juliette ngồi im lặng, chú ý đến từng dấu hiệu bất thường dù là nhỏ nhất. Nhưng chẳng có gì khác thường cả. Một sự tĩnh lặng tuyệt đối bao trùm lên những con đường, tất cả các cánh cửa của những căn nhà lụp xụp đều đóng kín,

MÙI ADAM

không có ông bà già nào ngồi trên các băng ghế xiêu vẹo ở phía trước những căn chòi. Họ cho rằng sự vắng lặng này là do độ ẩm dai dẳng còn lưu lại sau cơn mưa. Người Brazil thường phàn nàn về cái lạnh ngay khi sức nóng hầm hập thường ngày suy giảm đi chút đỉnh.

Nhưng, trong khi chiếc xe hơi đi ngược con đường gập ghềnh, sự bình lặng ấy lại có một tính chất khác hẳn. Nó quá tĩnh lặng nên không thể chỉ bị gây ra do ngẫu nhiên hoặc do tâm trạng của cư dân. Trên những con đường, hoàn toàn không có lấy một bóng người. Ngay cả những ngôi nhà, với những lỗ cửa sổ mà bình thường người ta vẫn thấy vài cái đầu con nít ló lên ngó nghiêng, cũng có vẻ trống vắng. Họ chưa đi đến cuối con đường nhưng Juliette và Harrow đã cảm thấy một sự hiển nhiên đáng lo ngại: khu ổ chuột hoàn toàn vắng bóng người.

Đã quá muộn để rút lui, mà dù sao thì tình hình này cũng có nhiều cách lý giải. Có thể mọi người đang tập trung tiệc tùng đầu đó, trừ phi một vụ thanh toán đẫm máu vào đêm hôm trước không buộc họ phải lẩn trốn.

Cuối cùng chiếc xe cũng bò gần tới bờ kênh. Harrow chạy chậm hơn nữa, mắt quan sát chung quanh. Hoàn toàn không có một bóng người trên những con đường nhỏ đổ ra bãi đất trống. Hắn đang suy nghĩ về tình thế này thì một sự việc hiển nhiên nữa làm hắn giật mình. Chiếc xe tuần tra cũng không có ở đó luôn, và tuyệt không có bóng dáng cảnh sát nào trong tầm mắt.

Harrow phanh gấp giữa một ngã tư đường. Hắn quay sang Juliette, khuôn mặt hắn nhăn nhúm vì tức giận và sợ hãi.

Hắn không kịp nhận ra cô đang cười, một nụ cười lạ lùng, gần như lên đồng, như thể cô đã buông xuôi theo một sức mạnh không rõ của định mệnh sắp được hoàn thành. Một tốp lính đã lao ra từ những căn lán nằm ở phía đối diện chiếc xe, trong khi những tốp lính khác vào vị trí bên hông xe. Tất cả đều lăm lăm vũ khí trong tay. Tiếng máy bay trực thăng vang lên và chẳng bao lâu sau cổ máy chiến đấu đồ sộ xuất hiện, treo lơ lửng trên đầu chiếc xe hơi.

Tất cả diễn ra rất nhanh, nhưng cũng giống như trong mọi khoảnh khắc căng thẳng tốt độ, mỗi nhân vật của thảm kịch, và trước tiên là Harrow, đều nhìn nhận sự việc một cách nhạy bén, khiến cho khoảnh khắc đó dường như kéo dài hơn đối với anh ta. Đầu tiên hắn ngẩn ngại rút khẩu súng trong người. Hắn mang súng theo chủ yếu là để đề phòng sự phản kháng của Juliette hoặc một sự việc khách quan chẳng hạn như sự can thiệp của dân cư khu ổ chuột. Nhưng, trước lực lượng quân lính được huy động bao vây chiếc xe như thế này, thì việc sử dụng một món vũ khí cầm tay chỉ là trò hề.

Sau đó, hắn nhìn vào trong kính chiếu hậu để xem liệu con đường rút lui có khả thi hay không. Nhưng một hàng lính đã chắn ngang con đường ở cách chiếc xe khoảng năm chục mét. Vậy là Harrow đành đầu hàng. Hắn buông thông tay, vờ như ngồi yên. Nhưng trong lúc đó, thật chậm rãi để không làm ai chú ý, hắn cài số một và đạp mạnh chân ga khiến chiếc xe lao vọt tới trước. Mấy phát súng vang lên. Những viên đạn nảy trên mặt đất ở cách chiếc xe có vài xăngtimét, vài viên trúng vào bánh xe làm nổ lốp. Juliette không nhúc nhích. Cô vẫn tiếp tục cười. Hàng giàu bằng tôn của một căn nhà ổ chuột bị xé toang khi chiếc xe lao vào. Gần như ngay lập tức chiếc xe con bị xuyên thủng một bức tường đất. Nắp thùng xe phía trước cày vào tấm vách mỏng trong khi chiếc xe lật nghiêng, bắt động giữa một mớ hỗn độn những mảnh gỗ và các cục đất khô. Harrow lao phắt ra khỏi xe, chạy vòng qua căn nhà toang hoác và biến mất.

Tiếp theo là sự im lặng. Cánh cửa xe phía tài xế mở toang. Juliette nằm chúi người trên bảng điều khiển, bất tỉnh nhân sự, nửa mặt bên phải sưng to do cú va chạm. Cô không trông thấy người lính đầu tiên đang thận trọng tiến lại gần chiếc xe gặp nạn, cũng như toán người can thiệp mặc bộ trang phục bảo hộ bằng cao su được thiết kế cho trường hợp chiến tranh sinh học đang bao vây khu vực ngay khi việc Harrow trốn thoát được ghi nhận. Cô không tham dự vào việc mở nắp thùng xe cũng như việc tháo gỡ chậm rãi và thận trọng những cái bình chứa độc hại mà cú đâm xe đã may mắn không làm hư

MÙI ADAM

hông. Cô chỉ hơi lơ mơ ý thức được những nhân viên cứu hộ đã đưa cô vào trong một chiếc xe cứu thương và ánh đèn chớp vụt sáng liên hồi xung quanh cô. Hồi ức duy nhất mà cô còn lưu lại được, trước khi hai cánh cửa xe cứu thương sập lại, là một ông già mặc bộ complê bằng vải tuyết đứng nhìn cô.

- Đúng là một cô gái dễ thương. - Ông cất lời bằng chất giọng Anh hơi gượng gạo. - May mắn là cô ấy đã thoát được.

Ông nói câu vừa rồi với một người da đen cao to có vẻ mệt mỏi đang đứng hơi lùi ra sau một chút.

- Ông lùi lại đi, Archie, - Barney nói. - Để người ta còn đóng cửa. Cần phải khẩn trương đưa cô ấy tới bệnh viện.



Khu rừng chỉ mon men đến gần Rio tại những chỗ mà người ta thực sự không thể xây cất gì được. Rừng cây bao phủ trên những triền dốc, các khe đất trũng và chân những ngọn đồi. Trong khi mò mẫm trốn chạy giữa bóng tối mịt mù, Kerry có thể ghi nhận các thử thách về mặt thể lực đó. Khi thì cô được rừng bao phủ, nhưng mặt đất lại cực kỳ dốc, trơn trượt, đầy dây leo và cây bụi chằng chịt; khi thì mặt đất bớt dốc hơn, nhưng những dấu vết của con người cũng xuất hiện: phen giậu, chuồng gà, bãi đổ rác trộm. Cô cảm thấy như mình bị mắc bẫy. Bóng đêm bao phủ toàn bộ khoảng rừng thưa này. Xuyên qua những thân cây, cô chỉ phân biệt được những ánh đèn đô thị bên dưới vẽ thành một vòng cung quanh vịnh Guanabara, và ở phía trên là các luồng đèn pin mà những kẻ săn đuổi đang quét qua quét lại để truy tìm cô.

Chưa bao giờ Kerry cảm thấy bị đe dọa đến thế. Nói thật ra, tình cảnh của cô tuyệt vọng đến mức người ta có thể dự kiến kết cục của nó mà không phải nghi ngờ gì. Khi nó đến gần một cách bình thản, trong khoảng im lặng của một cú rơi, hay trong sự đột ngột của một tai nạn, cái chết thường khơi mào cho một hình thức co giật của trí nhớ, khiến nó tua lại toàn bộ cuộc đời trước mắt, khơi lên hình ảnh cuối của

những người thân, những khoảnh khắc yêu đương, những nơi chốn nặng tình. Nhưng trong tình cảnh của cô lúc này, Kerry chẳng hề cảm thấy điều gì như thế. Đầu óc cô hoàn toàn quên sạch mọi kỷ niệm, mọi thứ tình người. Chỉ còn lại bản năng sinh tồn, tiếng kêu đầy thú tính của kẻ đang dồn mọi sức lực cuối cùng, của ham muốn xa xưa được độ sức với cái chết và chinh phục nó. Trạng thái này có một sự liên hệ lạ lùng với khoái cảm tình dục. Đó là một cú trỗi dậy của thể xác nhiều hơn là của tâm hồn, hoặc đúng hơn là sự hòa trộn của cả hai, nhưng là ở bề nguyên thủy nhất của con người.

Khi chạy băng qua đám cây rừng, va phải gai góc và các cành nhánh, khuôn mặt và hai cánh tay Kerry bị trọt da nhiều chỗ. Một thứ chất lỏng nhờn nhớt chảy trên da cô, và mặc dù không thể nhìn thấy trong bóng tối để khẳng định chắc chắn, Kerry cũng nghi rằng đó là máu. Thế nhưng cô không hề cảm thấy đau. Chợt Kerry bị rơi vào một hố đất đầy lá cây mục và bùn ẩm. Cô có thể giấu mình dưới đó. Kerry đào bới dưới đáy hố, cố gắng dùng lớp đất bùn thối hoắc che phủ cơ thể. Ánh đèn pin vẫn còn ở khá xa. Những kẻ săn đuổi cô gọi nhau bằng những tiếng la hét. Vọng âm mờ đục của chúng cho thấy bọn chúng vẫn còn cách cô một quãng xa.

Kerry đã bôn lên khắp người để nguy trang, nhưng cái hố không đủ sâu để tạo thành một chỗ trốn lý tưởng, và cô sẽ nhanh chóng bị phát hiện. Kerry vội trèo ra khỏi hố và lại lao xuống dốc. Sau đó vài mét, cô nhìn thấy con đường bên dưới. Nhưng những ánh đèn khác cho thấy cứ tầm năm chục mét lại có kẻ phục sẵn. Như vậy có thể lối thoát không nằm ở đó. Cô lại men theo sườn đồi, hy vọng phát hiện lối thoát về phía khu ổ chuột mà cô đã từng nhìn thấy ánh đèn. Cô đi như chạy, vừa khom người vừa bám cào các cành cây. Bỗng cô cảm thấy như một cái răng vừa cắm vào trán mình. Bằng hai bàn tay, Kerry cố gắng xác định vật cản. Đó là một sợi dây thép gai. Ba vòng rào thép gai cuộn tròn ngăn chặn mọi ý định vượt qua.

Kerry dừng bước, thở hồng hộc, một mắt không nhìn thấy gì vì máu trên trán chảy xuống. Cô máy móc ngoái nhìn ra sau lưng, về

MÙI ADAM

phía những ánh đèn pin, để ước lượng khoảng cách giữa mình và bọn săn người.

Thế rồi bỗng nhiên cô cảm nhận được bóng tối và sự yên lặng. Những ánh đèn pin không thấy đâu nữa, tiếng la hét đã chấm dứt. Chẳng còn gì ngoài màn đêm thuần khiết trong cánh rừng thưa và những tiếng ồn xa xôi từ thành phố vắng đến.

Cô đứng bất động và chờ đợi. Sự tĩnh lặng bất ngờ này có thể đồng nghĩa với việc những kẻ săn đuổi đã định vị được cô, chúng đang ở rất gần và có lẽ sắp nhảy xổ vào cô bất cứ lúc nào, hoặc đơn giản là bắn hạ cô. Nhưng im lặng càng kéo dài, giả thiết này càng tỏ ra khó được chấp nhận. Không lẽ bọn chúng đã từ bỏ việc săn đuổi? Liệu chúng có đang giăng ra một cái bẫy khác ở hướng mà cô đang đi đến hay không?

Cô đang cân nhắc các giả thiết này trong óc thì những tiếng động mới, xa hơn, đến từ trên không làm tại cô phải chú ý. Hình như cô nghe thấy tiếng của những cánh cửa xe bị sập lại. Rồi một hồi còi vang lên, theo sau là những tiếng la hét. Kerry vẫn không nhúc nhích. Không thể hoàn toàn tự thuyết phục bản thân, rốt cuộc cô đành hy vọng đã thực sự thoát khỏi tay những kẻ muốn loại bỏ mình.

Ba phút đằng đằng trôi qua trong khi hy vọng lớn dần trong cô. Sự sáng khoái mà rồi nguy hiểm mang lại dần nhường chỗ cho niềm hoan của sự thoát nạn.

Nhưng thất vọng chỉ càng thêm lớn khi Kerry đột ngột nhận ra những đốm sáng di động phía bên trên cô, xuyên qua những thân cây. Màn giải lao vừa rồi chắc chỉ là thời gian chờ đợi viện binh tới, để một toán săn người mới, vũ trang tốt hơn đến thay thế cho toán cũ. Nếu những kẻ săn đuổi cô được trang bị kính ngắm hồng ngoại thì tình cảnh của cô sẽ trở nên cực kỳ hiểm nghèo. Nhưng nếu đó là sự thật thì tại sao chúng vẫn dùng đèn pin?

Kerry quyết định thôi không thắc mắc nữa và tiếp tục lần theo hàng rào thép gai, mong phát hiện được một điểm yếu hoặc một lối ra. Nhưng không hề có.

Từ một khoảng cách rất gần, cô có thể nghe thấy tiếng cành cây gãy theo đà tiến của những kẻ săn đuổi. Thậm chí khi căng tai ra cô có thể nghe được tiếng lá cây bị bàn chân chúng đạp lên.

Thế rồi, ở rất gần, rõ đến mức kinh hoàng, vang lên một giọng đàn ông. Kerry bắt giác co rúm người lại, một mưu toan giấu mình sau cuối và vô nghĩa. Cô mất một lúc để nhận ra giọng nói ấy. Khi đã nhận ra rồi, cô cảm thấy thật không thể tin nổi, thậm chí nó nực cười đến nỗi cô tưởng mình đang bị ảo thanh.

- Kerry!

Liệu cô có đang mơ không? Giọng nói đang gọi tên cô. Sau ba tiếng gọi, rốt cuộc cô cũng tin là mình không mơ. Giọng nói càng gần lại, cô càng nhận ra âm sắc của nó.

- Paul. - Kerry hét lên.

Ánh sáng của một chiếc đèn pin lia tới hàng rào rồi soi sáng khuôn mặt cô. Kerry từ từ đứng dậy.

Máu, bùn lẫn với nước mắt đang chảy xuống chắc đã làm khuôn mặt của cô khó nhận ra, vì tiếp sau đó là một khoảnh khắc im lặng và ngập ngừng.

Cuối cùng, Kerry cảm thấy Paul đến gần, ôm lấy cô, và cô gục vào ngực anh, nức nở khóc hồi lâu.

♦ ♦ ♦

Chiếc xe hú còi băng qua Rio. Đoàn xe quân đội đi theo hộ tống với các tốp lính trên thùng xe, vũ khí lăm lăm, nét mặt đầy đe dọa.

Kerry là người đi trên băng ghế sau, không buồn bận tâm đến những vết bẩn cô gây ra trên lớp da bọc màu vàng. Paul vẫn đang ôm lấy đôi vai Kerry, nhưng cô thôi không rúc vào người anh nữa. Sau cơn xúc động của cuộc giải cứu, cô đã run lấy bấy hồi lâu, tựa như tất cả nỗi sợ hãi đã biến thành mồ hôi lạnh như băng chảy ra khỏi cô. Giờ đây thì Kerry cảm thấy ổn, và hoàn toàn minh mẫn. Cô chỉ có trong đầu một ý nghĩ: tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra, cuộc điều tra đang đi đến đâu và liệu thảm họa có còn đó hay không.

MÙI ADAM

- Làm sao anh tìm thấy em? - Cô hỏi Paul.

- Anh đã lần theo đường em đi, kể từ lúc đầu: phòng khám của Deborah, bệnh viện của các nữ tu...

- Nhưng quán cà phê Lagoa, ai chỉ anh tới đó?

- Bọn anh khám phá ra nó khá muộn. Chiếc taxi chở em đi đã quay lại khách sạn Oceania sau khi em không dùng đến nó nữa. Anh thấy nó lúc quay về khách sạn, trong khi đang tuyệt vọng tìm kiếm manh mối dù là nhỏ nhất. Với một khẩu súng gi vào gáy thì tên tài xế lập tức trở nên nhiều chuyện. Hắn đã khai ra Mota và quán cà phê. Dĩ nhiên hắn chỉ biết được tới đó.

- Tức là anh không biết sau đó em đã đi đâu.

- Không, anh phải nhờ đến một điều tình cờ khác. Em còn nhớ mấy người trông xe trước quán không?

- Lờ mờ thôi.

- Có hai người cả thấy. Một cao lớn tóc vàng và một thấp đậm tóc đen quăn.

- Hình như thế.

- Anh chàng tóc vàng là dân Ái Nhĩ Lan, đang làm luận văn về nhân loại học ở Brazil. Ban ngày anh ta đi làm thêm kiếm ít tiền. Trong khi bọn em chờ người kia đánh xe lại, anh ta đã nghe thấy em nói chuyện với Mota. Hắn đã nhìn lên đồi Corcovado và chỉ ngón tay về phía có ngôi nhà của Deborah. Đó là manh mối duy nhất. Anh đã lần theo đó, và sau đó thì em biết rồi đấy.

Kerry quay sang Paul, dấu môi ra để không làm anh bị dính máu đang chảy trên khuôn mặt cô rồi hôn lên má anh.

- Cảm ơn anh. - Cô nói.

Anh bóp vai cô và hai người im lặng một lúc.

Nhưng, khi nhìn ra phía trước, Kerry thấy chiếc xe quân đội hộ tống cùng với những người lính đầy căng thẳng. Sự hiện diện của họ, mà cho đến lúc ấy cô mới để ý, làm cô có những câu hỏi mới.

- Thế còn tất cả những người kia, họ ở đâu ra vậy?

- Về họ thì em phải cảm ơn Archie.

- Archie á!

Lúc này, đoàn xe đã đến một bức tường dài, bí kín. Một cánh cổng bằng kim loại có hai lính canh đội mũ đứng gác mở ra khi họ đến gần. Đoàn xe chui vào trong, hất lên tường những luồng sáng xoay vòng màu cam phát ra từ những chiếc đèn hiệu ưu tiên. Sau đó, họ băng qua một khoảng sân rộng mênh mông, đầy những xe Jeep và xe tải quân sự, trước khi dừng lại ở một tòa nhà đèn đuốc sáng rực. Một đám sĩ quan quân đội đủ các cấp mặc đồng phục và những người thường dân mồ hôi nhễ nhại chạy lăng xăng khắp nơi. Kerry và Paul xuống xe rồi leo lên bậc tam cấp. Tại bậc trên cùng, Barney đang đứng đợi họ. Ông cầm lấy đôi bàn tay của Kerry và xúc động siết chặt. Rồi ông dẫn hai người vào trong.

Trên lầu, một sở chỉ huy thực thụ đã được thiết lập. Barney bảo hai người ngồi vào một góc của chiếc bàn họp la liệt máy tính xách tay, điện thoại di động và bộ đàm.

- Archie vừa mới gọi cho tôi, - ông thông báo. - Ông ấy vẫn đang họp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Thế còn ở Baixada?

- Các đợt tẩy trùng đang được thực hiện. Tất cả sẽ hoàn tất trong một giờ tới.

- Harrow thì sao?

- Vẫn chưa được tìm thấy.

- Nhưng rốt cuộc thì, làm thế nào hắn thoát được? - Paul thốt lên.

- Là do lỗi của chúng tôi, - Barney thú thật, chùng người xuống trên chiếc ghế và tỏ ra khá mệt mỏi, một điều đương nhiên. - Chúng tôi đã ra lệnh cho các chiến sĩ không được bắn vô tội vạ như họ vẫn thường làm.

Paul chợt nhớ là trong lúc họp triển khai kế hoạch, anh đã nhấn mạnh dù thế nào cũng phải chứa Juliette ra.

- Họ bị bắt ngờ. Harrow đã lao xe hơi vào một căn chòi. Mảnh tôn và ván gỗ văng tứ tung, trời lại tối. Hắn đã đào thoát thành công.

- Anh có phiền nếu kể lại cho tôi nghe không? - Kerry sốt ruột lên

MÙI ADAM

tiếng. - Tôi có cảm giác đã bỏ sót khá nhiều sự kiện... Tôi vẫn còn đang ở một chương xa lắc, khi mà Archie làm dữ buộc chúng ta chấm dứt tất cả.

- Vâng, tất nhiên rồi. - Barney nói, đưa tay lên mắt.

Rồi, với chất giọng trầm mệt mỏi, ông chậm rãi tóm tắt lại màn can thiệp của Lawrence, cuộc thảo luận giữa ông và Archie, trong đó ông đã thuyết phục ông già thành công.

- Vậy ông ấy không chống lại cuộc điều tra nữa à?

- Archie không bao giờ bỏ lửng cái gì hết. Kể từ khi tôi khiến ông ấy nghe theo lý lẽ của chúng ta, ông ấy đã làm hết sức mình. Và tôi phải nói là ông ấy tỏ ra rất hiệu quả.

- Trong việc gì?

- Tốt hơn là để ông ấy tự kể. Tôi đoán đó là việc mà ông ấy rất thích làm và chắc chắn sẽ cho chúng ta nhiều chi tiết...

- Tóm lại.

- Tóm lại, Archie đã phát huy tối đa cuốn sổ địa chỉ của mình. Do ông ấy cứ luôn miệng kể lể về các mối quan hệ, rốt cuộc chúng ta đã quên mất là ông ấy thực sự biết rất nhiều người.

- Kể cả ở Brazil à? Để chặn đứng một âm mưu do đích thân tay Bộ trưởng Bộ Nội vụ thực hiện sao?

- Không. Tôi không tin là ông ấy biết nhiều người ở Brazil. Mảnh đất ưa thích của ông ấy là Washington DC.

Những chiếc điện thoại réo vang khắp phòng. Cả một đám thư ký và trợ lý nhắc máy lên nghe và hò hét tiếng Bò Đào Nha vào đó. Một người trong số họ kính cẩn trình lên Barney một tờ giấy.

- Việc tẩy trùng đã hoàn tất. - Ông thông báo sau khi đọc lướt qua.

- Còn Juliette? - Paul hỏi.

- Cô ấy đã được đưa đến bệnh viện.

- Cô ấy bị thương à?

Paul biểu lộ nỗi lo lắng trong câu hỏi đó. Kerry quay sang anh.

- Anh đã gặp cô ta sao?

- Ừ. Anh sẽ giải thích sau. Trước tiên ta hãy nói hết chuyện Archie cái đã.

Barney gật đầu đồng tình.

- Ông ấy đã gọi từ điện thoại di động của mình tới một trong những người tham vấn thân cận nhất của Tổng thống tại Nhà Trắng. Đó là một cựu đối tác làm ăn của Archie. Trừ phi họ làm quen với nhau trên sân golf.

- Sao cũng được.

- Đúng vậy. Quan trọng là, Archie đã thuyết phục thành công ông ta về tính cấp bách của tình hình. Ông ấy đã nhắc tới vai trò của CIA, đặc biệt là của Marcus Brown. Việc người ta có thể quy trách nhiệm vụ việc cho chính phủ Mỹ chính là lý lẽ quyết định... Tổng thống đang ở trại David. Ngài đã được báo cáo tình hình, và ngay lập tức ra lệnh cho giám đốc CIA chặn đứng vụ việc này lại.

- Nhưng CIA không bao giờ trực tiếp hành động. Chính người Brazil đang...

- Chính xác. Và khi tổng thống hiểu ra chuyện đó, ngài đã đích thân gọi điện cho người đồng sự ở Brazil để thông báo cho ông ấy về những mưu toan của tay Bộ trưởng Bộ Nội vụ của ông.

- Và ông ấy đã tin?

- Càng sẵn sàng tin hơn khi mà Oswaldo Leite là một đối thủ chính trị trong cuộc bầu cử sắp tới của ông ta.

- Chính trị chưa bao giờ hết gây ảnh hưởng. - Paul nhận xét.

- Nhưng nó lại giúp chúng ta rất nhiều. Tổng thống Brazil đã triệu tập Leite ngay lập tức, tạm thời bãi nhiệm chức vụ ông này. Nhưng vì biết phe cánh sát trung thành với Leite, nên ông đã giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nhiệm vụ hợp tác với chúng ta để ngăn chặn vụ việc.

- Lúc anh đi đón Barney và Archie, - Paul tiếp lời, - thật ấn tượng. Cứ tưởng như đang có chiến sự vậy.

- Với Archie trong vai trò tổng chỉ huy, - Barney nói thêm, với một nụ cười mỉm.

MÙI ADAM

- Thế làm sao anh biết được là họ đến đây? - Kerry hỏi - Khách sạn đã bị theo dõi, nếu em hiểu không lầm, còn thông tin liên lạc quốc tế thì không kết nối được.

- Có một người đã báo cho anh. Và hỗ trợ anh.

- Ai vậy?

- Juliette.

- Thế anh đã gặp cô ấy như thế nào?

- Cô ấy đã bắt chấp nguy hiểm đến tìm chúng ta.

- Tại khách sạn?

- Ừ, lúc em vừa đi khỏi.

- Sao cô ấy lại làm thế?

Paul cúi đầu, nhớ lại dáng người mảnh khảnh của cô gái trẻ vào lúc cô rời khỏi phòng khách sạn để về với Harrow.

- Vì cô ấy là người tốt.

Cảm xúc mà anh đặt vào trong câu nói vừa rồi khiến mọi người im lặng một lúc. Nhưng nó lại nhanh chóng bị cắt đứt khi từ dưới tầng trệt vang lên những tiếng ồn ào, nổi tiếp bằng tiếng chân rầm rập trên cầu thang. Ngay sau đó, Archie xuất hiện, đi đầu nhóm người. Ông đã mở nút áo sơ mi đến tận giữa bộ ngực đầy lông trắng của mình. Người ông đỏ au và ướt đầm mồ hôi, nhưng ánh mắt long lanh cho thấy ông đang vui mừng hơn hờ.

- Thắng lợi hoàn toàn! - Ông hét lên. - Hoan hô.

Mặc dù mắt ông đang quét vòng quanh căn phòng, thật dễ hiểu là những lời khen ngợi ấy trước hết là dành cho chính ông. Archie ngồi thịch xuống một cái ghế, khiến nó giật lùi ra sau và đập mạnh vào tường.

- Chúng ta đã tìm ra Harrow. - Archie loan báo.

Ông nhìn khắp lượt xung quanh mình để tận hưởng hiệu quả mà câu nói của mình gây ra.

- Hấn ở đâu? - Barney hỏi.

- Anh phải hỏi chúng ở đâu kìa.

- Chúng có nhiều tên à?

Archie nhăn môi trên lại khiêu khích theo kiểu Ăng-lê, nhưng ông đang quá xúc động nên không thể kìm mình được nữa, và thực tình cười vang đúng điệu Brooklyn ngày xưa mà đã lâu ông không cười.

- Đúng rồi, nhiều. Nhiều mảnh ấy.

Và trước cái nhìn kinh ngạc của mọi người, ông vừa tiếp tục cười vừa nói thêm:

- Mấy anh lính ngổ kia không thể tìm ra được hần. Vậy nên những người dân sống trong khu ổ chuột đã vào cuộc. Họ đã lùng sục và thanh toán hần theo cách... của họ. Người ta đã mang về cho chúng tôi phần còn lại. Không được để nhìn cho lắm. Mười bốn mảnh thịt bị cắt bằng cửa máy.

Ông quệt mắt, cố gắng bình tĩnh lại.

- Mà mọi người biết không, một người phụ nữ đã nộp chúng cho bọn tôi đây. Một bà Carmen nào đó. Carmen! Bà mẹ tội nghiệp. Mấy tay lính đã định ộp bà lại. Nhưng tôi bảo họ thả bà ấy ra vì bà ấy còn phải lo cho tám đứa con. Đáng ra bà ấy nên được thưởng huân chương mới phải.

Thế rồi, sau khi nhìn sang hai phía để thăm dò những sĩ quan Brazil đang vây quanh mình, ông hỏi:

- Huân chương bậc đầu bội tinh ở đây được gọi là gì nhỉ? Phải rồi, Chữ thập phương Nam. Này nhé: Thưa bà Carmen, nhân danh loài người, tôi xin trao tặng bà Huân chương Chữ thập phương Nam.

Archie cầm lấy một chai bia nằm trên bàn, giơ lên chúc mừng rồi tu một hơi dài.

PHẦN KẾT

Atlanta, Georgia.

Mặc dù tưởng là gấp gáp, nhịp điệu trong y khoa lại khá chậm. Ngoài giai đoạn bệnh cấp tính, các bệnh nhân chỉ gặp bác sĩ của mình mỗi tháng một lần, đôi khi còn thưa hơn.

Chính vì thế mà phần lớn bệnh nhân của bác sĩ Paul Matisse thậm chí không biết đến sự vắng mặt trong năm tuần lễ vừa qua của anh. Một số người thấy anh gầy đi và trêu mền thăm hỏi. Những người khác thì thấy nét mệt mỏi trên khuôn mặt anh. Còn đa phần thì chẳng nhận ra điều gì.

Như vậy cũng tốt. Nó cho Paul thấy rằng dấu vết của thế giới mật vụ, dù có khốc liệt, cũng không đến nỗi sâu sắc như anh đã sợ. Ngược lại, anh cảm thấy thích thú khi được khoác chiếc áo blouse trắng trở lại. Vụ Harrow kết thúc vào ngày thứ bảy thì sáng thứ hai là anh đã lại khám bệnh ở Atlanta, râu ria nhẵn nhụi, mệt mỏi như vừa trải qua một kỳ thi đấu, nhưng hạnh phúc.

Khi leo lên cầu thang, anh nhận thấy tầng lầu mà anh thêm muốn đã được giải phóng và công việc tu sửa đang được tiến hành. Quý Hobson và Ridge cho phép phòng khám thực hiện mở rộng quy mô. Đó chính là hiệu quả rõ ràng của điệp vụ anh đã làm, và anh muốn giữ lấy kỷ niệm ấy.

Mười lăm bệnh nhân chờ đợi anh trong buổi sáng đầu tiên này, mỗi người có những đòi hỏi, những đau đớn và lo lắng riêng. Chẳng giống với việc từ từ bắt nhịp trở lại gì cả. Không có sự thúc ép này thì anh chẳng có cách nào để đưa đầu óc mình nghĩ tới việc

khác. Buổi tối Paul ngủ vì kiệt sức trong gần mười hai tiếng đồng hồ. Những ngày sau đó, anh lại mời bạn bè đi ăn tối. Trong số các cô bạn gái, anh tìm được ít nhất hai cô vẫn còn nặng lòng, không trách cứ sự im lặng kéo dài của anh. Sau một tuần, anh đã gần như quên hẳn chuyện công tác ngắn ngủi của anh tại Providence.

Thế nhưng, người ta không thể ngăn chặn được một vụ việc tương tự thỉnh thoảng lại khơi dậy các kỷ niệm đẹp. Paul đã quay lại khám bệnh được hai tuần thì Archie đến thăm anh.

Anh không thể từ chối gặp mặt ông già vì họ vẫn còn một số việc cần thu xếp với nhau, đặc biệt là những lời hứa tài trợ cho phòng khám.

Paul chỉ mong rằng sau lần gặp này hai người sẽ còn lâu mới tái ngộ. Trong lúc anh đi taxi đến gặp Archie, - lần này khách sạn của ông già nằm ở quá xa nên anh không thể đạp xe đến - Paul tự tạo cho mình một khuôn mặt hầm hầm. Anh nung nấu sự khó chịu của mình tựa như một món ăn bị trở đống sau khi để qua ngày hôm sau.

Đương nhiên, Archie không buồn để ý đến điều đó. Thành công đã giúp ông lấy lại toàn bộ phong thái Ăng-lê của mình. Trong lối nói Oxford của ông chẳng còn chút dấu vết nào của âm sắc Brooklyn nữa.

- Cuộc điều tra về McLeod, Harrow và đồng bọn vừa kết thúc, cậu có biết không? - Ông khoái trá nói. - Vừa mới xong thôi. Một vụ việc tầm cỡ như thế này, với hậu quả toàn cầu. Trong vòng bí mật, tất nhiên rồi.

Ông cười điệu dàng, lấy lại vẻ bình tĩnh bằng cách đưa tách trà lên miệng. Paul hy vọng cuộc nói chuyện sẽ không kéo dài. Nhưng đồng thời, sự tò mò khiến anh không thể cắt ngang Archie. Dĩ nhiên ông già biết điều đó.

- Phản ứng trước một vụ việc như vụ này đòi hỏi rất nhiều mảnh lời ngoại giao của ngài tổng thống. Tôi đã tư vấn cho ông ấy hết sức có thể.

Câu lưu ý nhỏ ấy, cùng với nét mặt khiêm tốn, đã được Archie dùng đi dùng lại hàng ngàn lần trong những tuần lễ vừa rồi. Nhưng ông không để cho Paul kịp nhắc tới những cuộc thảo luận bí mật giữa ông và tổng thống Hoa Kỳ.

- Với mấy tay người Tàu, tất cả được xử lý như đúng mong đợi:

MÙI ADAM

trong vòng bí mật. Cái chết của đồng chí Teng Lui Cheng được thông báo trên tờ nhật báo của Đảng với những lời chia buồn khá thành thật. Phải đọc thật kỹ mới hiểu ra được ông ta đã bị xử lý. Gã Ân Độ bị tổng vào tù do một vụ gian lận thuế mà chính phủ đã để dành sẵn phòng khi cần dùng. Đó là bằng chứng cho thấy bọn họ đã rất chín chắn. Tại Brazil, sự việc có hơi tế nhị một chút. Xét cho cùng thì ngài Bộ trưởng Bộ Nội vụ đâu có làm gì xấu. Không thể công khai vụ vi khuẩn tả: do không có bằng chứng để kết tội, nó sẽ chỉ làm trò cười và sẽ quay lại đập lên chính những người đã trưng nó ra.

- Thế chẳng phải đã có Juliette làm chứng đấy thôi?

- Một bệnh nhân rối loạn hưng-trầm cảm từng bị điều trị trong viện tâm thần ư?

Nhìn Archie với cái bữu môi quen thuộc đầy chế nhạo, Paul chỉ muốn vả cho ông ta một cái.

- Không, họ sử dụng vụ hành hình của Harrow, vờ như thi thể của hắn đã được tìm thấy tại con kênh của Baixada Fluminense, nơi hắn đang điều tra về mức độ ô nhiễm của nước. Hắn đã bị cắt thành từng mảnh. Nước Mỹ lên tiếng chỉ trích vụ sát hại của nhà hoạt động môi trường dũng cảm và các bang hội sinh thái cũng đồng loạt lên tiếng phản đối. Rất khéo, cậu thấy không?

- Vậy còn những tên đồng bọn của Harrow?

- *De minimis non curat praetor!*

Ngôn ngữ La tinh đã quay về với Archie một cách thành công. Paul tự hỏi liệu anh có còn giữ nổi bình tĩnh cho đến cuối cùng hay không. Anh siết chặt chai bia đến đau cả các đốt ngón tay.

- Nghĩa là?

- Một đám tép riu. Đối với bọn Brazil, mọi chuyện đã được giải quyết trong êm thấm. Một gã Zé-Paulo nào đó đã bị bắn hạ ở ngoại ô Rio sau khi chống đối lại cảnh sát công lộ. Ai buồn xác mình nào? Một gã khác có tên là Ubiraci đã bị tổng vào tù vì tội buôn lậu chất cấm, hay hiểu theo cách khác thì người ta đã ném gã vào hồ cá sấu. Trảm trước xử sau. Láu cá chưa? Chúng ta nên học theo bọn họ.

- Thế còn nhóm của Harrow tại Mỹ?

- Cậu muốn chúng làm gì khi thiếu thủ lĩnh đây? Chẳng có ai được tiếp cận toàn bộ kế hoạch. FBI sẽ để mắt tới bọn chúng, nhưng tôi dám cá là chúng sẽ nằm im. Điều cốt yếu là trừ khử thằng đầu têu. Cậu có biết điều gì đã xảy ra với McLeod không?

Paul mừng rỡ tượng ra ngôi nhà trên đồi ở Morges và lập tức nhớ lại cái đêm trên tháp nước với Kerry. Chính vì những khoảnh khắc như thế mà hai người đã phải liều mạng bao phen.

- Ông ta đã cho vời bác sĩ riêng, người thật, chứ không phải cậu. Khi cái ông bác sĩ Jaegli đáng kính tới cái pháo đài ấy, McLeod đã để cho ông ta lắp đặt hệ thống truyền dịch trong lúc huyền thuyên như thường lệ. Tiếp sau đó, McLeod ra lệnh cho bọn vệ sĩ. Hai gã đã rút súng ra chia thẳng vào bác sĩ Jaegli.

- Nhưng ông ấy hoàn toàn vô can trong vụ đột nhập của tôi!

- Ồ, chuyện không phải như thế. Con cáo già thừa biết Jaegli đã bị ép buộc.

- Vậy lão muốn gì ở ông ấy?

- Muốn ông ta giết lão, thế thôi.

Nói đến đây, Archie bắt đầu nhăm nháp món đậu phộng rang muối để làm cho thêm phần căng thẳng.

- Cậu chắc sẽ hài lòng khi biết mình đã vẽ đường cho McLeod. Lão đã bắt Jaegli tiêm cả một ống muối kali lớn vào trong chai dịch truyền... Lão tí phú già tội nghiệp không còn hứng thú với cuộc sống nữa rồi, cậu biết đấy. Kế hoạch vĩ đại của lão đã đổ bể. Lão đã đi trước cái án tử hình bằng chính cách mà cậu đã gợi ý. Hay thật đấy. Rất đường hoàng. Xét cho cùng thì, phong cách hơn nhiều so với cái tay Rogulski quê mùa kia.

- Ông ta đã làm gì?

Archie nuốt ực chỗ đậu phộng xuống cổ.

- Treo cổ ngay giữa phòng thí nghiệm của mình. - Ông nói, lắc đầu tỏ vẻ không tán thành trước một hành động kém văn minh như thế.

MÙI ADAM

Rồi đột nhiên ông vỗ hai tay vào nhau và ngồi thẳng dậy một cách vui vẻ.

- Nói gì thì nói, tôi phụ trách việc trao cho anh tình cảm thân thiết của cả đội. Providence chưa bao giờ được như thế. Không khí làm việc rất tuyệt vời. Các bản hợp đồng rơi xuống như mưa. Tôi có lương trước sự mất hút của Marcus Brown - cậu biết đấy, ông ta đã bị cho về hưu. Nhưng sự ủng hộ của ngài Tổng thống mới là điều quan trọng nhất đối với chúng tôi. Nếu không có gì trở ngại thì trong năm tới đây ngân sách của chúng tôi sẽ được nhân ba.

Paul rung mình. Anh linh cảm điều sắp xảy ra và chuẩn bị sẵn tư thế. Archie đẩy cái đĩa còn vài hạt đậu phộng lẻ loi ra xa và chống cùi chỏ lên bàn.

- Chiến dịch mà cậu lãnh đạo một cách tài tình cùng với Kerry đã khẳng định trực giác của tôi. Chúng tôi cần có một bộ phận y tế tại Providence.

Chính là điều Paul đang ngờ vực. Anh rút người lại.

- Khủng bố sinh học, sức khỏe của các vị nguyên thủ quốc gia, việc bảo vệ bản quyền thuốc của các tập đoàn dược phẩm, thủ đoạn của các cơ quan nhân quyền, ngành tình báo và y học ngày nay có phần nào liên quan đến nhau đấy. Chắc chắn tôi sẽ có nhiều vụ dành cho cậu trong những năm sắp tới đây.

Paul lắc đầu.

- Đừng có ép tôi, Archie. Ông biết câu trả lời của tôi mà.

- Paul à, cậu đang đứng trước cơ hội viết nên lịch sử đấy, hay đại loại như thế!

- Tôi đã nói là "đừng có ép" mà. Lần vừa rồi là một ngoại lệ, nhưng nó chấm dứt rồi. Cuộc đời của tôi là ở đây. Tôi không có ý định thay đổi nó.

Archie, ngoài phong thái lịch lãm, cũng đã lấy lại được sự sòng phẳng. Ông nghiêng đầu về phía Paul như thể anh vừa ghi được một bàn thắng và tự dành cho mình cái quyền được chúc mừng anh.

- Rất hay! Cậu nói có lý, và tôi hiểu cậu. Cái gì cần nói thì cứ nói ra, phải không nào?

Trước sự ngạc nhiên của Paul, Archie không tiếp tục theo đuổi chủ đề đó. Ông chuyển sang các vấn đề tài chính, làm một cuộc kết toán cho phi vụ Harrow. Rồi Archie cáo từ trong xúc động.

- Cậu biết đấy, ở cái tuổi của tôi, người ta không bao giờ biết chắc được sẽ còn gặp lại những người mà họ đã nói "hẹn gặp lại"...

Kể từ khi ông già sử dụng kiểu nói như thế thì nó đã trở nên quá quen thuộc rồi. Thế nhưng, đúng là nếu căng tai ra nghe thì... Paul ngạc nhiên với chính mình khi anh siết tay Archie hồi lâu và cảm thấy xúc động thực sự.

- Tôi còn nợ cậu mấy lời xin lỗi, Archie nói, mắt ươn ướt. - Cậu đã làm một việc phi thường, cùng với Kerry. Còn tôi, đã có lúc tôi nghi ngờ hai người.

- Không ai trách ông đâu, tin tôi đi...

Dù vậy, cả hai người đều không khóc. Paul bình tâm trở lại, buông tay Archie ra, rồi tiến ông đến tận thang máy trong sảnh khách sạn, trước khi ra về.

Cuộc nói chuyện này dù sao cũng đã làm anh cảm động. Từ khi trở lại với công việc thường ngày của phòng khám, nỗi vui sướng vì được về nhà đã khiến anh không nghĩ tới điều gì khác. Nhưng Archie đã khơi lại trong anh những suy nghĩ vẩn vơ.

Paul cảm thấy không thể tiếp tục làm việc ngày hôm ấy. Anh quay về nhà. Bầu trời Atlanta về chiều tràn ngập nắng. Anh lôi cây kèn trumpet ra, ngồi xuống ngắm thăm phía trước khung cửa kính và bắt đầu lau chùi món nhạc cụ. Trong khi tiến hành các thao tác một cách máy móc, anh thả hồn mình đi lang thang. Những giờ phút ở cùng Kerry hiện về trong đầu Paul.

Ngày hôm trước khi anh đi, cô đã nói chuyện điện thoại rất lâu với các con, với Robin và bạn bè. Cô điều chỉnh các chi tiết trong chuyến trở về Manhattan của mình. Một chuyến bay của hãng United Airlines cất cánh từ Rio lúc 18 giờ. Máy bay đã hết chỗ, nhưng Kerry quyết đi

MÙI ADAM

bằng được. Bằng cách gọi điện thoại cho một anh bạn phi công trong hãng, rốt cuộc cô cũng chiếm được chỗ đầu tiên trong danh sách chờ, tức là khả năng lên đường đã gần như chắc chắn.

Paul đã cố hết sức để không gây trở ngại cho tiến trình ấy. Thế nhưng, vào cuối giờ chiều, khi cả hai người đều đang ở khách sạn, và anh nhìn cô soạn va li, Paul đã lại gần Kerry. Anh chẳng có ý định cụ thể nào, chỉ muốn trò chuyện một chút thôi. Nhưng cô rụt người lại như thể bị chạm phải một con thú có nọc độc, nên anh để cô yên.

Đối với Paul, phép màu thế là đã hết. Thay cho những khoảnh khắc kỳ diệu mà họ đã trải qua là sự hoài nghi, nồn nóng, gần như chán ghét. Họ không được kéo dài thêm thời gian ở cùng nhau nữa, nếu không thì như mọi lần, họ sẽ cắn xé và hờn trách nhau. Trong thâm tâm, Paul biết Kerry có lý khi ra đi sớm hơn.

Họ chỉ nói với nhau những chuyện vặt vãnh cho đến giờ ra sân bay. Paul cố nài để đi ra cùng Kerry, mặc dù sáng hôm sau anh mới lên đường. Cô chấp nhận cho xong. Sảnh của ga hàng không chật cứng một đám đông ồn ào, cười nói xôn xao. Sau khi Kerry đăng ký được chỗ, hai người đi đến cửa kiểm tra an ninh dẫn vào phòng chờ. Paul cảm thấy càng lúc càng lóng ngóng khi sắp đến thời điểm nói lời chia tay, thật tình anh rất sợ phải nói ra câu đó. Nhưng tất cả đã diễn ra một cách tự nhiên đến không ngờ. Kerry kéo anh lại gần cô như thể họ đang ở chỗ không người, rồi cô ôm lấy anh hồi lâu ngay giữa đám đông.

- Mọi chuyện thế là ổn rồi. - Cuối cùng cô lên tiếng. - Em cảm ơn anh.

Câu nói mộc mạc không phản ánh chút cảm xúc hay tình cảm nào trên khuôn mặt của Kerry. Paul nhìn sâu vào đôi mắt xanh ve của cô, cảm thấy một cơn xúc động khiến anh không nói nên lời. Cô nắm lấy những chân tóc đen phủ qua tai anh, trùi mền kéo nhẹ nó rồi vừa cười vừa nói:

- Hẹn anh lần tới! Nếu như các điều kiện được hội đủ...

Ngay lập tức cô biến vào đám đông đang nhích từng bước đến cửa ra máy bay.

Paul nhớ lại tất cả những điều đó trong lúc lau chùi chiếc kèn. Lúc này món nhạc cụ đã trở nên sạch sẽ và bóng loáng, như mời gọi người ta thổi sức sống vào nó. Paul thổi vài nốt, lên cao rồi xuống thấp.

Hôm nay là thứ ba. Anh nghĩ đến Maggie, người anh đã hẹn vào buổi tối nay. Một cô gái tốt bụng, vui vẻ, đầy sức sống, nhưng anh chẳng biết gì hơn. Chắc họ sẽ có một buổi tối vui vẻ.

Paul đứng dậy, tựa vào cửa sổ. Vừa nhìn ra toàn cảnh thành phố, anh vừa nhẹ nhàng chơi một bản nhạc của Miles Davis. Thế rồi, bỗng anh nhìn thấy trên chiếc bàn thấp chỗ thư chưa mở mà bà giúp việc đã để lại, một chiếc phong bì đập vào mắt Paul. Nó to hơn khuôn khổ bình thường, làm bằng một loại giấy dày có điểm những quầng màu xanh dương nhạt. Tên anh được viết chữ in hoa, địa chỉ là của Providence. Có người nào đấy ở đó đã chuyển thư cho anh.

Anh mở phong bì. Bên trong là năm tờ giấy không gạch xóa, viết kín hai mặt một kiểu chữ tròn, đều đặn, thì thoảng có hơi run rẩy ở một đôi chỗ.

Rio de Janeiro, ngày 12 tháng 8

Thưa ông,

Chúng ta đã không gặp lại nhau kể từ sau buổi chạm mặt ngắn ngủi ở khách sạn Oceania. Tôi xin được cảm ơn ông vì những điều ông đã làm. Có một điều gì đó trong thâm tâm mách bảo tôi rằng tôi có thể tin tưởng ở ông. Nhưng tôi vẫn ngần ngại chưa muốn phó thác một điều mà đối với tôi chính là cơ may cuối cùng. Tôi tìm thấy ở ông còn hơn là một sự trợ giúp: một tinh thần nhân đạo mà từ lâu tôi vẫn thiếu. Ông có mọi lý do để căm ghét tôi. Tôi đã tự biến mình thành kẻ tòng phạm của những âm mưu mà ngày hôm nay tôi thấy nó còn quý quyết hơn là tôi từng e sợ.

Sau sự can thiệp tại khu ổ chuột, những người lính đã đưa tôi tới một bệnh viện, ở đó tôi được chăm sóc tận tình trong mười lăm ngày. Các bác sĩ rất dễ mến và giỏi nữa, tôi tin thế. Họ đã giúp tôi nhận ra cái mà họ gọi là những rối loạn tâm trạng theo chu kỳ, thuật ngữ khiến họ an tâm và tránh cho họ ngã về những nguyên nhân sâu xa hơn trong những hành động của

MÙI ADAM

tôi. Nhưng xét cho cùng thì đó không phải là vấn đề của họ. Họ đã giúp tôi ổn định lại với một liệu pháp mà mỗi ngày tôi đều tuân thủ. Như thường gặp trong loại bệnh này, hình như thế, việc chữa khỏi đã tạo ra một cảm giác trống trải lạ lùng. Tôi không còn cảm thấy lo sợ và buồn bã mà trước đây đã đẩy tôi đến chỗ muốn kết thúc đời mình. Nhưng tôi cũng mất luôn cảm giác thăng hoa mà vào những khoảnh khắc khác đã phủ lên thực tế một tấm màn lấp lánh và khiến tôi tiếp nhận mọi xúc cảm với một sự mãnh liệt không thể nào tả nổi. Niềm vui vô cớ ấy, nó dâng lên từ nơi sâu thẳm nhất trong tôi, và lan tràn ra xung quanh với một mức độ khiến nó có thể hòa tan mọi gai góc của cuộc sống, biến cuộc đời thành ra trơn tru và nhẹ nhõm tuyệt vời. Ngày hôm nay, tôi thấy mọi thứ, cả tốt lẫn xấu, với một sự rõ nét hơi đáng sợ. Tôi thấy chúng sắc sảo, bén nhọn, tôi xác định được hình thù và khối lượng của chúng. Việc này khá là khó chịu và gần như đau đớn, nhưng ít nhất nó ngăn cản tôi gây ra những hành động nguy hiểm hoặc lao mình vào những ý đồ tai hại. Nói tóm lại, tôi đã trở thành một người có lý trí hơn. Điều này làm tôi ngạc nhiên nhiều hơn và khi thì khiến tôi yên tâm, lúc lại khơi lên trong tôi một chút hoài niệm.

Vì thế, tôi đã nghĩ nhiều về quá khứ, về những gì tôi đã trải qua trong những tháng vừa rồi. Mục đích những hành động của tôi quả là bi kịch, sự thiếu mạch lạc của chúng rõ mồn một. Thế nhưng, tôi không hề cảm thấy hối tiếc. Tôi đã sống mãnh liệt, tôi đã lao vào đời với một sự táo bạo mà con người "bình thường" của tôi sẽ không bao giờ cho tôi đủ dũng khí để làm được. Và sau cùng, tôi đã đến đây, đến Brazil, nơi mà chẳng có gì, chắc chắn là thế, sẽ chẳng gì có thể đưa tôi vào những tình huống khác thường ấy được.

Sau khi quá trình điều trị của tôi chấm dứt, tôi đã phải chịu đựng nhiều buổi thẩm tra của cảnh sát địa phương, cũng như của mật vụ Pháp và Mỹ. Bọn họ đã khiến tôi hiểu rằng toàn bộ vụ việc này phải được giữ bí mật. Báo chí đã tường thuật lại sự việc theo một lăng kính khá an toàn. Các nhà báo chẳng biết tí gì về diễn biến thực tế cả. Họ chỉ ghi nhận một vụ nổ súng tại một khu ổ chuột. Họ coi Harrow như một chiến sĩ sinh thái bất hạnh đã bị ám sát và tôi là bạn gái của anh ta. Việc cam kết không tiết lộ gì về quy mô thực sự của vụ việc đối với tôi càng dễ dàng hơn vì tôi vẫn chưa biết tường tận nó. Mà tôi cũng chẳng muốn biết.

Chính quyền Pháp đã sắp xếp mọi thứ để đưa tôi hồi hương trong bí mật. Chỉ đến hôm trước ngày bay về Paris tôi mới quyết định không đi nữa.

Sau những buổi thăm vấn và quá trình điều trị tại bệnh viện, tôi đã nghĩ nhiều về quá khứ mà chưa thực sự bỏ thời gian để quan sát chung quanh mình. Thế rồi đột nhiên, vào thời điểm sắp rời Brazil, tôi bắt đầu nhìn thấy nó, cảm nhận nó. Ông có thể cho rằng đây lại là một trong những ý tưởng điên rồ của tôi, nhưng tôi là thế mà. Thực tế thường đến với tôi bằng con đường của giấc mơ. Chính khi tôi mơ về Joachim, về cái đêm ở Baixada, hay thậm chí về khoảng sân của khách sạn Laranjeiras nơi tôi đã đứng nhìn những hạt mưa ẩm áp rơi, tôi chợt nhận ra tất cả những điều đó vẫn còn đang ở quanh tôi và tôi không hề có ý định rời khỏi đất nước này.

Các nhân viên ngoại giao tất nhiên rất phật lòng, nhưng họ đã quen với việc chiều theo ý muốn của những người mà họ không hiểu được. Họ đã chấp thuận hủy bỏ việc hồi hương của tôi và còn lấy cho tôi thị thực Brazil trước khi trả lại tôi quyển hộ chiếu nữa. Nhờ một đặc ân, tôi lại còn được nhận một khoản tiền nhỏ, từ ngân sách mà họ kén đáo duy trì để giúp đỡ cho những du khách bị trộm cướp. Vậy là tôi được ở lại đây. Tôi đã đi gặp Joachim và anh ấy đã tìm được cho tôi một căn hộ nhỏ tại tòa nhà gần chỗ anh ấy ở. Lẽ ra tôi có thể ở lại trong khu ổ chuột, nhưng anh ấy cương quyết phản đối. Ông chưa biết anh ấy, nhưng tôi tin là tôi đã nhắc đến anh ấy với ông rồi. Đó là một người khuyết tật, làm chân gác cổng tại khách sạn Laranjeiras. Anh ấy rất quyết đoán về những gì phù hợp hay không với phẩm giá của người mà anh ấy gọi là một quý cô, nhất là một quý cô người nước ngoài.

Tôi cứ nghĩ mình sẽ nhanh chóng đi tìm việc làm, nhưng ngay khi tôi thấy mình đã ổn định đôi chút, tôi cảm thấy mình cần tạm nghỉ. Tôi đã đi dạo rất lâu trong thành phố, nâng cao vốn tiếng Bồ Đào Nha của mình (tôi đã bắt đầu học tiếng tại bệnh viện). Lộ trình ưa thích của tôi là trèo lên những con hẻm nhỏ dốc ngược đến vùng phụ cận sân bay Santos-Dumont. Ở đó ta sẽ nhìn thấy vịnh Rio theo cách đặc biệt, nó làm tôi thích thú vô cùng. Tại nơi đó, không hề có bãi tắm, và cũng chẳng có gì gọi là nghỉ ngơi du lịch. Đó là một bãi đất trống, một khu công nghiệp bỏ hoang. Nó vừa hoang tàn lại vừa nguyên sơ, do sự bố trí của những ngọn đồi, sự hài hòa của bờ biển đã tạo ra một ấn tượng lạ lùng là ta đang thâm nhập vào

MÙI ADAM

thế giới này lần đầu tiên, giống như những nhà thám hiểm Bồ Đào Nha trước đây.

Tôi đã lang thang ở đó hàng ngày trời cạnh pháo đài cổ của Hà Lan, nơi ngày nay là một trường hải quân. Tôi hay ngồi trên những tảng đá và nhìn mặt nước thay đổi màu sắc theo giờ. Chẳng ai thắc mắc về tôi nữa, ngoại trừ chính tôi. Cuối cùng, tôi đã có thể cân nhắc mọi suy nghĩ, mọi ham muốn, đồng thời bình thần đánh giá tính thích đáng và giá trị của chúng đối với tôi. Có lẽ ông sẽ bị bất ngờ khi nghe tôi nói rằng tôi đã suy nghĩ rất nhiều về những cuộc đàm luận giữa tôi với Harrow, và nhìn thấy những giá trị mới mẻ trong các ý kiến, các hình ảnh của anh ta. Hôm nay tôi mới có cái nhìn khá rõ ràng về con người đó. Điều mà anh ta căm thù hiện lên trước mắt tôi không chút mù mờ và theo cách nào đó, kỷ niệm về Harrow chỉ làm dấy lên nỗi ghê tởm trong tôi. Mặc dù không mong muốn, nhưng cái chết của con người ấy đã làm tôi nhẹ nhõm.

Nhưng điều đó không ngăn cản việc tôi vẫn còn lưu giữ một chút kỷ ức về Harrow. Tôi chưa quên một đêm mà chúng tôi đã cùng nhau trải qua nơi hoang mạc Colorado.

Chưa có ai từng khiến tôi nhận thức rõ rệt đến thế về trái đất, về sự mong manh của nó, về sự hủy diệt đang đe dọa nó. Trong khi tôi ngồi trên những tảng đá gần như sát mép nước, quan sát vịnh biển và những con mòng đang chao liệng, tôi đã gặp lại ấn tượng ấy, cũng mạnh mẽ sâu sắc và đầy sự phản kháng như thế. Điều đó, tôi không hề chối bỏ.

Thế nhưng Harrow đã sai lầm. Giải pháp mà anh ta đề nghị thực thi thật ghê rợn. Lý lẽ của anh ta, lúc mới thành hình, cũng có sức thuyết phục lắm: loài người đang giết chết trái đất, cần phải bảo vệ trái đất trước họ. Vậy thì sai lầm nằm ở đâu?

Tôi không phải là một nhà tư tưởng. Các suy nghĩ đối với tôi không có ấn tượng gì mấy nếu không được hỗ trợ bởi sự xúc động, tình cảm, tình yêu. Vậy nên xin hãy khoan dung với những điều mà tôi sắp trình bày. Tôi chỉ nói lên những linh cảm của mình, và một sự lập luận chặt chẽ của bất kỳ ai cũng có thể dễ dàng bác bỏ chúng. Tôi sẽ tóm gọn chúng trong vài chữ, theo thứ tự hỗn độn mà chúng đã đến trong đầu tôi.

Trong cái đêm ở Colorado và nhiều đêm thường xuyên sau đó, Harrow

đã nói với tôi về đức tin của những người thổ dân da đỏ, theo đó trái đất là một thực thể sống. Đối với họ, không thể chấp nhận tham vọng chiếm hữu nó, xà xẻo nó. Trong con mắt của thổ dân da đỏ thì lũ người da trắng đã gây ra một sự phạm thượng ghê gớm khi đóng cọc và rào đất bằng dây thép gai. Điều này nghe thì có vẻ ngây ngô, nhưng tôi tin rằng nó rất quan trọng, nó là tội lỗi căn bản của nền văn minh chúng ta: đó là việc dựng lên các hàng rào ngăn cách. Khi tôi quan sát vịnh Rio từ doi đá nhỏ bé, dường như có những ngày nhất định tôi thấy mọi thứ như trong đoạn phim chiếu nhanh. Tôi tưởng tượng ra những con tàu đầu tiên cập vào những khu rừng toàn thổ dân ăn thịt người. Rồi tôi thấy bọn thực dân đổ bộ lên bờ biển, xây dựng nên các đô thị, chặt phá rừng, càng lúc càng lấn sâu vào trong đất liền. Từ thế hệ này sang thế hệ khác, có thể cảm thấy rất rõ trên khu vực Santos-Dumont, những người mới đến đã hoạt động rất tích cực. Những ngôi nhà mọc lên cao dần, cho đến khi trở thành những tòa nhà chọc trời, xe hơi thế chỗ cho ngựa. Máy bay xuất hiện, càng lúc càng khổng lồ. Tất cả điều đó tỏ ra rất bình thường. Đó là thế giới của chúng ta, thứ đã cho chúng ta tất cả. Chúng ta nhìn thấy nó từ bên trong, giống như nó muốn thế: một cỗ máy khổng lồ sản xuất ra ngày một nhiều sự giàu có, sung túc, đổi chác, tiện nghi. Và chúng ta quên mất điều mà các thổ dân đã nói: nền văn minh này cũng đồng thời dựng nên các rào chắn. Phía bên ngoài của vòng rào là những thứ mà nó vứt đi, những thứ nó đã khai thác hết, những gì mà nó đã làm ô uế. Bởi vì, và có lẽ trước hết, nó cũng là một cỗ máy khổng lồ sản xuất ra sự nghèo đói, bất hạnh và hủy diệt.

Trên mô đá tại bờ vịnh, tôi nhìn thấy những chiếc máy bay đẹp đẽ trên bầu trời, những chuyến tàu vận tải chậm chậm đi qua, dòng xe hơi nối đuôi trên cầu Niteroi, và đồng thời cũng thấy cả những chỗ nhót đen đập dềnh cạch những tảng đá, những đứa trẻ rách rưới đang bới móc các đồng rác lớn nằm khuất trong một góc của pháo đài cổ, bờ biển bị dày xéo cho đến tận đảo Thống đốc, ở đó đầy các bể chứa nhiên liệu và những chiếc cần cầu han gỉ. Tôi, theo một cách nào đó, đang đứng ở biên giới giữa bên ngoài và bên trong. Nó càng mạnh hơn khi tôi đi dạo qua phía ngoài những trung tâm thương mại lớn của Ipanema. Một bên, có thể thấy những chiếc xe đẩy mua hàng đầy ắp, những chiếc xe hơi sang trọng, và bên kia là đám trẻ thô lỗ mũi

MÙI ADAM

dãi, ốm nhách, người đầy chấy rận. Dải phân cách hai bên là một hàng rào cao tám mét...

Tại Rio, khi ta quan sát những người nghèo, ta sẽ hiểu họ từ đâu đến. Những khuôn mặt thổ dân này thuộc về các xã hội nguyên thủy đã bị phá hủy, những làn da đen kia là của các nô lệ ngày xưa bị đưa từ châu Phi sang để làm lụng trong các đồn điền. Và thỉnh thoảng trong số đó cũng xuất hiện những khuôn mặt trắng trẻo, những đôi mắt xanh, cho thấy sự sa sút của đám người da trắng nghèo khó, sự lai tạp diễn ra sau bếp lửa ông chủ và con hầu. Tại Brazil, người ta hiểu rằng người nghèo không phải là một thứ khác thường, một thứ quái gở đến từ nơi mà ta đã biết: họ chính là sản phẩm của xã hội chúng ta. Nó đã sinh ra họ, vớt họ ra khỏi vòng rào. Bước cuối cùng là kết án họ vì chính sự bần cùng của họ, và nhân danh trái đất, cái không gian chung mà chúng ta đã biến thành của riêng mình, tiêu diệt họ. Đó chính là kế hoạch của Harrow.

Anh ta tự cho rằng mình là kẻ thù của nền văn minh công nghiệp và luôn miệng lặp lại điều đó. Trên thực tế, anh ta là kẻ tội lỗi hoàn hảo nhất của nó. Cuộc chiến với người nghèo là bước sau cùng của cuộc phiêu lưu kỳ diệu của con người hiện đại, những kẻ đã sản xuất ra nhiều sự sung túc chừng nào thì cũng phá hoại chừng ấy, rồi sau khi đã tạo ra sự khổ cực và chối bỏ nó, giờ đây họ đang chuẩn bị tuyên chiến với nó, tôi tin là thế.

Tôi không biết liệu Harrow có thành thật hay không. Tôi không rõ cuộc đấu tranh của anh ta có phải là cuộc chơi của những kẻ quyền lực mà anh ta không nhận ra, hay anh ta đồng lõa với các thế lực kia, những kẻ mà anh ta đã liên minh và hoàn toàn ý thức về điều đó. Nhưng thật tình mà nói, tôi chẳng cần quan tâm. Điều quan trọng đối với tôi là hiểu được những gì mà tôi đã làm và sẽ phải làm kể từ đây.

Theo quan điểm của tôi, giải pháp duy nhất là đập bỏ các rào chắn kia đi, và đó là điều mà tôi dự định sẽ làm. Ông cứ yên tâm, tôi không phải là Harrow, và tôi không có ý định sẽ lên kế hoạch khủng bố đâu. Sự lựa chọn của tôi tương xứng với tầm vóc cuộc sống của tôi: nhỏ bé thôi. Tôi chỉ quyết định dùng thời gian và sức lực của mình để đi từ phía bên này sang phía bên kia làn ranh. Rất dè dặt thôi. Tôi đã nhận làm cô giáo trong một tổ chức việc làm tại các khu ổ chuột. Tôi quan tâm trước hết đến các em nhỏ. Tôi

dạy chúng viết, các khái niệm tính toán cơ bản. Và tôi dạy lịch sử cho chúng, để chúng biết thêm đôi chút về thế giới mà chúng đang nhìn từ phía bên kia vòng rào. Tôi không tìm cách biến chúng thành những người tranh đấu, mà chỉ thành những người mà một ngày kia đến lượt mình sẽ thử băng qua các lần ranh.

Tôi cũng thường nhớ lại điều mà ông đã nói trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi của chúng ta ở khách sạn Oceania. "Cứu lấy con người bằng cách củng cố phần người của họ". Lúc ấy phải thú thực với ông là tôi chưa nắm bắt được điều mà ông muốn nói. Bây giờ cũng thế, có lẽ tôi chưa thật sự thấu hiểu ý nghĩa của những lời nói đó đối với ông. Nhưng chúng có một ý nghĩa nhất định đối với tôi, hàng ngày soi sáng cuộc đời tôi và làm tôi cho hạnh phúc.

Một lần nữa xin cảm ơn ông. Và chúc ông thật nhiều hạnh phúc.

Xin ông nhận lấy, thưa ông, những tình cảm...".

Paul ngồi im lặng hồi lâu sau khi đọc xong bức thư. Anh nhìn ra phía những mái nhà đằng xa đỏ rực trong rừng chiều.

Rồi anh đột ngột đưa chiếc kèn lên môi và dùng hết sức lực chơi lại bài nhạc vừa nãy với một tiết tấu nhanh hơn. Âm thanh vang dội đến tai anh. Nó như là một tiếng gọi gửi vào rừng thẳm và băng qua hết ngọn đồi này tới ngọn đồi khác.

Đến tận chỗ cô, biết đâu đây.

LỜI BẠT

Về các nguồn tư liệu

Các sự kiện cấu thành nên cuốn tiểu thuyết này, nếu không muốn nói là xác thực, thì tiếc rằng, đối với tôi, chúng cũng không phải là không thể xảy ra. Dù sao đi nữa, chúng cảnh báo một nguy cơ có thật, mà mỗi cuộc hội thảo quốc tế về tương lai của trái đất đều chứng kiến sự nổi cộm của chúng: việc kết tội những người nghèo, coi đó như là một mối đe dọa, thay vì là một vấn đề về công bằng và tình đoàn kết. Từ cuộc đấu tranh chống lại đói nghèo, chúng ta đang bước sang cuộc chiến tranh chống lại người nghèo.

Không thể làm việc hai mươi năm trong lĩnh vực nhân đạo, như tôi đã làm, mà không thường xuyên nghe thấy những lời bình luận nguy hiểm và đáng lo ngại. Châu Phi đã bị càn quét bởi dịch bệnh, nạn đói và chiến tranh ư? Thế anh muốn cái gì đây, chuyện ấy là bình thường mà: *bọn họ* quá đông đúc. Hơn nữa, liệu anh có chắc là anh đang giúp đỡ họ khi tìm cách cứu họ bằng mọi giá hay không? Bản thân cuộc thám sát ở Rwanda đã tạo ra những lý giải thường xuyên được nghe thấy mà hiếm khi được xuất bản như thế này: đó là một đất nước quá đông dân, số trời đã định rằng một bộ phận của dân số phải tìm cách loại bỏ bộ phận kia. Các ví dụ như thế thì nhiều lắm.

Cái nhìn mà phương Tây dành cho thế giới thứ ba in đậm dấu ấn của sự thương hại, tất nhiên, nhưng tình cảm nhân văn ấy mọc lên từ đồng đố nát của hy vọng. Sự thất bại của các mô hình phát triển, sự nổi lên của các vấn đề an ninh đã đặt ra một câu hỏi căn bản nhất và thống thiết nhất: chúng ta có thể làm được gì cho số lượng khổng lồ những người nghèo khổ? Đó có phải là điều không tránh khỏi của thảm kịch? Những thảm họa phải chăng là câu trả lời duy nhất cho một hiện tượng

hiếm khi được gọi tên nhưng vẫn luôn ám ảnh chúng ta: sự tăng dân số quá mức của hành tinh và đặc biệt là tại những khu vực yếu kém nhất.

Malthus - người đã nhìn thấy ở sự thiếu thốn và các dịch bệnh cơ chế "tự nhiên" điều tiết dân số, giúp cho nó thích ứng với "nguồn cung", tức là các nguồn tài nguyên hiện có, bằng cách làm giảm dân số - vẫn chưa chết.

Ảnh hưởng của tư tưởng này không chỉ gói gọn trong lĩnh vực nhân đạo. Nó tiêm nhiễm vào những hệ tư tưởng đương đại khác, nhất là một số nhà sinh thái học hiện đại. Những trích dẫn trong quyển sách này là hoàn toàn chính xác, kể cả những đoạn gây hoang mang nhất, chẳng hạn như của William Aiken: "Tỉ lệ tử vong cao của con người là một điều tốt. Bổ phận của chúng ta là tạo ra nó. Trách nhiệm của giống loài chúng ta, đối với môi trường, là loại trừ bớt 90% dân số hiện có" (*Đất bề mặt: Các tiểu luận về đạo đức môi trường*¹).

Đối với bạn đọc Pháp, lời tuyên bố kiểu này chỉ có thể là các ý tưởng của những kẻ cực đoan thiếu sót và vô trách nhiệm. Sinh thái học ở nước Pháp thu hút sự đồng cảm chân thành của nhiều người vốn không chia sẻ các ý kiến như thế. Ở Pháp, sinh thái học đương đại mang bộ mặt nhu nhược của những phong trào chính trị ít được biết đến, thông qua những màn đấu tranh ngoan hiền, và ngay khi họ có một chút xíu quyền lực, lập tức họ bận tâm đến việc cải thiện sự lưu thông bằng xe đạp và tái chế rác thải. Ngay cả các chiến dịch ngoạn mục của tổ chức Hòa bình xanh hay của những người nhổ bỏ cây trồng biến đổi gen cũng được nhìn nhận như là những vụ dàn cảnh vô hại. Vì thế nên chúng ta đã quên mất bộ mặt của sinh thái học tại các quốc gia khác, như ở Mỹ và Anh chẳng hạn. Khủng bố sinh thái được các ban an ninh của những đất nước ấy xem là vấn đề nghiêm túc. FBI đã đi đến chỗ coi khủng bố sinh thái là một mối nguy hiểm thứ hai tại Hoa Kỳ, sau chủ nghĩa Hồi giáo chính thống².

¹ *Earthbound: Essays in Environmental Ethics*, Random House, 1984.

² Sự kết án với tội danh rõ ràng là khủng bố sinh thái đã diễn ra mới đây tại Hoa Kỳ, trên khoảng mười lăm người vận động vì quyền lợi động vật và bảo vệ môi trường. Xem *Libération*, 30-1-2006.

MÙI ADAM

Quan điểm này vấp phải nhiều ý kiến trái ngược. Một số người coi đó như một sự bóp méo và tranh luận vẫn đang tiếp diễn. Chỉ có điều, sự tồn tại của sinh thái học bạo lực là điều không thể phủ nhận.

Nó bắt nguồn từ một ý tưởng mang tính lý thuyết ít được biết đến tại Pháp. Tác phẩm của Luc Ferry, *Trật tự sinh thái mới*¹, đã lần đầu tiên lôi kéo sự chú ý trên những công trình quy mô dành cho cái mà người ta gọi là sinh thái học bề sâu (*deep ecology*). Sự chỉ trích triệt để con người là một trong những khía cạnh của sự tiếp nối tư tưởng Malthus đương đại. Đối với sinh thái học bề sâu thì: “Con người không nằm trên đỉnh của trật tự các loài, mà ngược lại, ghi tên mình vào sinh quyển như một bộ phận của tổng thể”. Hậu quả thực tiễn của cách tiếp cận này quay lại với những mối bận tâm “mang tính nhân đạo” về dân số. Trong số *Tám luận đề về sinh thái sâu* của nhà triết học Na Uy Arne Naess có câu: “Sự nở rộ của văn hóa và của đời sống con người có tính tương xứng với sự giảm đáng kể dân số loài người”.

Tại Pháp, chúng ta chỉ nhận được những tiếng vang xa xôi và đã được mềm hóa của các định đề đó. Những nhà tư tưởng “đại chúng”, từ Michel Serres³ đến Albert Jacquard⁴, đã công bố các ý tưởng có liên hệ với dòng chảy tư tưởng này. Tuy nhiên, khi phả vào đó hơi thở cũ kỹ và bộ mặt đầy nhân từ, họ càng khiến ta khó mà hiểu được tại sao từ những quan niệm như thế lại có thể sinh ra bạo lực tột cùng và những hành động khủng bố.

Tôi cảm thấy tiểu thuyết hư cấu rõ ràng là phương tiện hay nhất để giúp chúng ta khám phá một cách đơn giản tính chất phức tạp của chủ đề này, và tầm quan trọng đặc biệt của các vấn đề gắn với nó. Gần đây nhiều nhà văn Bắc Mỹ đã trình làng các tác phẩm về

¹ *Le Nouvel Ordre écologique*, Grasset, 1992; *Livre de poche*, 1994.

² Xem hồ sơ của Radio Canada về Hội nghị thượng đỉnh Johannesburg.

³ *Tim đọc: Le contrat naturel (Hợp đồng thiên nhiên)*, NXB François Bourin, 1990; Collection Champs, Flammarion, 1992.

⁴ *Cinq milliards d'hommes dans un vaisseau (Năm tỉ người trên một con tàu)*, Seuil, Points-virgule, 1987.

đề tài này¹. Ý đồ của tác phẩm này khác biệt ở nhiều điểm. Bằng cách lần theo hành trình của một cô gái Pháp được huấn luyện trong môi trường sinh thái cực đoan, tôi muốn giúp bạn đọc khám phá những phong trào này và hệ tư tưởng của chúng, mà không nhất thiết là phải biết về chúng trước đó. Đây là một câu chuyện phiêu lưu chứ không phải là một bài giảng.

Ngoài ra, trung thành với các chủ đề trong toàn bộ những tiểu thuyết khác của tôi, việc đi vào chi tiết các tư tưởng sinh thái đối với tôi không quan trọng bằng việc suy ngẫm về quan niệm của chúng ta đối với thế giới thứ ba và tình trạng đói nghèo. Về phương diện này, chúng ta đang ở một bước ngoặt.

Một tập hợp các ý tưởng rải rác góp phần làm thay đổi sâu sắc hình ảnh mà chúng ta tạo ra cho các nước nghèo, đồng thời mở đường cho một thái độ mới đối với họ. Những tư tưởng này đi từ sinh thái học bề sâu với các công trình của những nhà tân bảo thủ Mỹ, sự từ bỏ những mẫu hình phát triển lý tưởng, cho đến chiến thắng ngoạn mục nhưng vẫn chưa đáng kể của viện trợ nhân đạo khẩn cấp. Tranh chấp gay gắt giữa các lợi ích kinh tế hiện đang diễn ra tại các nước thế giới thứ ba chỉ càng làm trầm trọng thêm tình hình. Sự tham gia của các nhân tố mới chưa chú trọng đến công bằng xã hội và nhân quyền, chẳng hạn như Trung Quốc, đã khiến cho cuộc chiến trở nên tàn bạo hơn và thủ tiêu mọi sự cân nhắc về mặt đạo đức trong mối quan hệ mà các nước giàu có đang duy trì với những quốc gia kém phát triển, đặc biệt là với các tầng lớp dân chúng yếu thế, thậm chí là bị bỏ rơi tại những nơi này.

¹ Brian Brette, *Coyote (Chó rừng)*, Thistledown Pr. Ltd; David Homel, *L'Évangile selon Sabbitha (Kính phúc âm theo Sabbitha)*, Lémeac, 2000; Actes sud, 2000. T.C. Boyle, *Un ami de la terre (Một người bạn của trái đất)*, Grasset, 2001; Livre de Poche, 2003; Nicholas Evans, *La Ligne de partage (Đường phân ranh)*, Albin Michel, 2006. Những tiểu thuyết này, dù phong cách và tham vọng khác nhau, đều có điểm chung là ưu tiên dành cho đối tượng độc giả Bắc Mỹ vốn đã được cảnh báo về thực tế, những cuộc đấu tranh và hệ lụy của sinh thái cực đoan. Chúng tôi cứ g xin nêu ra để nhắc lại rằng tác phẩm của Michael Crichton, *Etat d'urgence (Tình trạng khẩn cấp)*, Nhà xuất bản Robert Laffont năm 2006), với mục đích của nó (bác bỏ những người bảo vệ học thuyết về sự nóng lên của trái đất), lại mang màu sắc bút chiến, thậm chí tuyên truyền.

MÙI ADAM

Để làm cơ sở cho câu chuyện này, tôi đã dùng đến một lượng tài liệu đồ sộ, không thể liệt kê hết ở đây. Tôi dành bằng lòng với việc kể ra vài tác phẩm tiêu biểu mà từ đó bạn đọc có thể đi sâu nghiên cứu thêm bằng nhiều cách, nhất là tham khảo những trang web thuộc chủ đề này.

Về vấn đề giải phóng động vật, tác phẩm căn bản rõ ràng là cuốn *Sự giải phóng động vật*¹, của tác giả Peter Singer, và một tác phẩm mang tính pháp lý nhiều hơn của Tom Regan, *Biện luận cho quyền lợi của động vật*².

Về sinh thái chuyên sâu, sẽ rất hữu ích nếu ta tham khảo những cuốn kinh điển như *Mùa xuân im lặng*³ của Rachel Carson, cũng như câu chuyện rất nổi tiếng và rất hay của Aldo Leopold, *Niên giám của một lãnh địa cát*⁴.

Sự đúc kết về mặt lý thuyết của *deep ecology* xảy ra muộn hơn, nhờ những nhà tư tưởng như Arne Naess⁵, cũng như các cộng sự của ông và những người kế nghiệp như George Sessions và Bill Devall⁶. Sự chỉ trích đối với nền công nghệ hiện đại và những tác hại của nó đã được đúc kết bởi Hans Jonas trong tác phẩm nổi tiếng *Nguyên tắc chịu trách nhiệm*. Về mặt phản nhân văn của dòng tư tưởng này, chúng ta có thể tham khảo cuốn *Sự ngạo mạn của chủ nghĩa nhân đạo*⁷ của David

¹ *La libération animale*, Grasset, 1993.

² *The Case for Animal Rights*, University of California Press, 1983. Tái bản: 2004.

³ *Silent Spring*, Houghton Mifflin, 1962. Theo một đường lối “bảo thù” hơn (nghĩa là ít triệt để hơn và hướng đến việc khuyến cáo các biện pháp bảo vệ môi trường hơn là một sự luận tội toàn bộ các hoạt động của con người), chúng ta có thể nêu ra ở đây quyển *The Quiet crisis* (*Cuộc khủng hoảng trầm lặng*; Gibbs Smith, 1963) của Stewart Udall, người từng nắm giữ một số quyền hành chính trị trong các chính phủ của Kennedy và Johnson.

⁴ *A Sand County Almanac*, xuất bản năm 1949 sau khi tác giả qua đời; bản tiếng Pháp *Almanach d'un comté de sable*, Aubier, 1995; Garnier-Flammarion, 2000.

⁵ Toàn tập các tác phẩm của ông đã được xuất bản bởi Kluwer Academic publ (2005). Bản rút gọn được George Sessions viết dưới tựa đề *Sinh thái học bề sâu cho thế kỷ 21* (*Deep ecology for the 21st century*, Shambhala, Boston, 1995).

⁶ Hiện tư vấn cho Quỹ sinh thái học bề sâu tại San Francisco, Bill Devall là tác giả của *Sinh thái học bề sâu; Cuộc sống như thể thiên nhiên là đáng kể* (*Deep ecology; Living as if Nature Mattered*, NXB Gibbs Smith, 2001).

⁷ *The Arrogance of Humanism*, Oxford University Press, 1978.

Ehrenfeld. John Lovelock đã tổng kết lại những ý tưởng này và thu được thành công vang dội với cuốn *Gaia: cái nhìn mới về cuộc sống trên trái đất*¹. Văn học Pháp viết về chủ đề này tương đối hiếm, dù từng có nhiều (quá nhiều) xuất bản phẩm của tác giả Serge Latouche².

Trong một cách tiếp cận mang tính chất pháp lý nhiều hơn, Roderick Nash đã xuất bản cuốn *Quyền của tự nhiên: lịch sử của đạo đức môi trường*³, và Stan Rowe là người đã phát triển khái niệm "tội ác chống lại sinh quyển".

Việc chuyển từ suy luận triết học sang một dạng kết tội loài người ấy là điểm chủ yếu để hiểu được nguyên nhân xuất hiện của bạo lực sinh thái. Quả thực, hành động trực tiếp và cực đoan được biện minh khi nó được dùng để chống lại những tội ác còn khủng khiếp hơn: tội ác đối với các chủng loài khác và thậm chí chống lại cả thiên nhiên mà con người tự buộc tội mình. Ngoài ra, trên nhiều trang web thuộc chủ đề này, ta thường đọc thấy chủ nghĩa khủng bố sinh thái trong đó một số phong trào cực đoan bị quy kết chỉ là câu trả lời dành cho chủ nghĩa khủng bố "thực sự" mà nền văn minh công nghiệp, nói rộng hơn là nhân loại, đang gây ra hàng ngày và trên quy mô lớn.

Một trong số những người gọi cảm hứng cho sự biến đổi này là Edward Abbey. Ngay cả khi người ta không đồng tình với các suy nghĩ của ông, thì tiểu thuyết gia này vẫn khá vui mừng vì một trong những tác phẩm của ông, tiểu thuyết *Hội mở lết*⁴, đã gây được ảnh

¹ *Gaia: a new look at life on earth*, Oxford University Press, 1979.

² Trong số các tác phẩm của ông có thể kể đến *Sống sót trong phát triển: sinh thái học bề sâu: từ sự giải phóng của ảo tưởng kinh tế đến việc xây dựng một xã hội thay thế* (*Survivre au développement: de la décolonisation de l'imaginaire économique à la construction d'une société alternative*, Mille et une nuits, 2004). Serge Latouche là người đưa ra khái niệm thoái triển, trong đó đảo ngược các mục tiêu kinh tế vĩ mô tại những xã hội phát triển.

³ *The Rights of Nature: a history of environmental ethics*, University of Wisconsin Press, 1989.

⁴ *The Monkey Wrench Gang*, Lipincott, 1975. Bản tiếng Pháp: *Le Gang de la clef à molette*, Gallmeister, 2006.

MÙI ADAM

hường có tính chất quyết định như thế lên thực tế. Thiên tiểu thuyết khá điên rồ kể về một băng nhóm chuyên phá hoại các công trường đã được Abbey viết bằng giọng điệu không thể bắt chước, và nó đã được sử dụng như một cuốn kinh thánh của cả một thế hệ những kẻ hoạt động tích cực bám sát theo từng chữ trong đó.

Dave Foreman, người sáng lập tổ chức Earth First thì công khai tự coi mình như là một Edward Abbey, ngay tựa đề cuốn sách của ông ta cũng đã khẳng định điều này: *Bảo vệ thiên nhiên. Hướng dẫn dùng mỏ lết trên thực địa*¹. Các nhà sáng lập của một dòng chảy đấu tranh tích cực khác, mà thoạt đầu chỉ tập trung vào các vấn đề hạt nhân và đại dương, cũng không hề kém cạnh. Một trong những cuốn sách thú vị nhất về chủ đề đó là của tác giả Robert Hunter, miêu tả chi tiết sự khởi đầu của tổ chức Hòa bình xanh (Greenpeace), có tựa đề *Những chiến binh của tàu cầu vòng*². Paul Watson, về phần mình, đã rời khỏi Hòa bình xanh vì cho rằng cần phải chuyển sang những cách thức hành động bạo dạn hơn, và đã trở nên nổi tiếng sau khi đâm chìm một tàu săn cá voi của Bồ Đào Nha. Cuốn sách của Watson, *Chiến binh đại dương, cuộc chiến của tôi nhằm chấm dứt sự tàn sát bất hợp pháp trên biển*³, đã biến ông thành ví dụ tiêu biểu cho khái niệm chiến tranh và chiến trận, ngôn từ đặc trưng cho các tổ chức sinh ra vào đầu thập niên tám mươi. Tổ chức *Những kẻ săn mồi mới*, mà chúng ta đã tưởng tượng ra trong tác phẩm này, chỉ là một hình thức tốt cùng của hướng phát triển ấy. Kể từ thời điểm loài người bị coi như thủ phạm và bị nhắm vào, thì tất cả đều có thể xảy ra, chỉ có quy mô của hành động là thay đổi thôi.

Khi sử dụng vi khuẩn tả như là một phương tiện của mối đe dọa, tôi đã đặt mình vào vị trí đối lập với các tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, bởi dịch tả là một dịch bệnh đã lỗi thời. Tuy nhiên những người đã dành cả đời cho nó vẫn tiếp tục nói về bệnh tả một cách

¹ Ecodefense. A field guide to monkeywrenching, Abbzug Press, 1993.

² Ocean Warriors of the Rainbow, Holt, Rinehart and Winston, 1979.

³ Ocean Warrior, my iattle to end the illegal slaughter on the high seas, Key Porter, 1994.

say sưa. Ở đây tôi xin được vinh danh giáo sư Dodin, đồng thời tôi đặc biệt cảm ơn sự giúp đỡ của giáo sư Jean-Michel Fournier, trưởng bộ môn Tả và phẫu khuẩn tại viện Pasteur Paris. Nhờ có ông, tôi mới có thể thâm nhập vào thánh đường của ngành nghiên cứu bệnh tả và đưa ra những mô tả chân xác nhất về các phòng thí nghiệm.

Cuối cùng, vì tiểu thuyết này mượn hình hài của tiểu thuyết tình báo, tôi xin cảm ơn tất cả những người đã, trong những chiến dịch khác nhau mà tôi từng dẫn thân, dẫn dắt tôi vào thế giới ngầm chuyển biến không ngừng của nghề điệp viên. Trong số họ, tôi đặc biệt biết ơn một người bạn, ngài Ronald G., cựu giám đốc SAS¹, một nhân vật xuất chúng, có tính cách còn hay hơn, hào phóng hơn và phức tạp hơn cả nhân vật Archibald trong tác phẩm này, mặc dù ông đã cho Archie mượn một vài đường nét của mình. Rất nhiều đặc vụ mà tôi đã gặp trong quá trình phụ trách các chiến dịch gìn giữ hòa bình ở Bộ Quốc phòng Pháp ngày nay đã rời lĩnh vực công. Ở Pháp cũng như các nước khác, khuynh hướng hiện nay là tư nhân hóa ngành tình báo. Tôi đặc biệt muốn ghi nhận sự chuyển biến này bằng việc tạo ra một tổ chức tư nhân: trụ sở tình báo rất hình tượng và rất thật mang tên Providence.

Các chuyên ngành y khoa và sinh học ngày nay có một chỗ đứng vững chắc trong thế giới mới mẻ ấy. Điều đó, tự bản thân nó không nhất thiết khiến chúng ta cảm thấy an tâm về tương lai.

HẾT

¹ Special Air Service, đội đặc nhiệm của quân đội Anh.